

AMY TAN

NHỮNG
LINH CẢM
BÍ ẨN

The Hundred
Secret Senses

ĐẠI VIỆT  **vh** NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC



Mục Lục

PHẦN I - 1. CÔ GÁI CÓ THỊ GIÁC CỦA NGƯỜI ÂM

2. NHÀ TRUYỀN GIÁO

3. CON CHÓ VÀ CÁI KHĂN QUÀNG LÔNG

4. NGÔI NHÀ CỦA MA THƯƠNG NHÂN

5. NGÀY GIẶT GIŨ

PHẦN II - 6. NHỮNG CON ĐOM ĐÓM

7. NHỮNG LINH CẢM BÍ ẨN

8. NGƯỜI BẮT MA

9. TUỔI NĂM MƯƠI CỦA QUAN

PHẦN III - 10. BẾP CỦA QUAN

11. ĐỔI TÊN

12. LÚC TỐT NHẤT ĐỂ ĂN TRỨNG VỊT

13. ƯỚC MƠ THIẾU NỮ

14. HELLO GOOD-BYE

15. NGÀY THỨ BẢY

16. CHÂN DUNG MẸ LỚN

17. NĂM KHÔNG LỤT

18. GÀ XUÂN SÁU CUỘN

19. MÁI VÒM

20. THUNG LŨNG TƯỢNG

21. KHI BẦU TRỜI RỰC CHÁY

22. KHI SÁNG, TỐI NHƯ NHAU

PHẦN IV - 23. TANG LỄ

24. BÀI CA KHÔNG DỨT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Bìa 4: Trong *Những linh cảm bí ẩn*, Amy Tan đã tạo nên một cuốn tiểu thuyết đậm đà, vui tươi về Trung Quốc và Mỹ, về tình yêu và lòng trung thành, những nhận dạng do chúng ta tạo nên và đồng thời phát hiện ra cái tôi thực sự. Olivia Laguni là một cô gái mang nửa dòng máu Trung Quốc nhưng đặc Mỹ, luôn trong trạng thái bứt rứt vì cái gia đình chấp vá của cô. Người làm cô lúng túng nhất trong gia đình là Lý Quan, người chị cùng cha khác mẹ. Quan nói tiếng Anh thật tệ, chị vui vẻ làm ngơ trước những lời mỉa mai của Olivia, và nhìn thấy người chết bằng thị giác “người âm” của chị.

Trong khi Olivia kể tỉ mỉ những chi tiết của sự hận thù kéo dài hàng thập kỷ với người chị gái (trong đó, chị cô là nguồn những lời chỉ bảo làm cô tức phát điên), thì Lý Quan kể câu chuyện của riêng chị, cuốn chúng ta vào sự huy hoàng, nghèo khổ và bạo lực của Trung Quốc thời Mãn Châu. Ngoài những va chạm giữa hai chị em, Amy Tan sáng tạo nên một tác phẩm soi rọi cả quá khứ lẫn hiện tại một cách duyên dáng, lúc buồn bã, lúc vui tươi và là một tác phẩm văn xuôi sinh động đến mức bạn có thể cảm thấy hấp dẫn ở từng trang.

Tác giả: Amy Tan sinh tại Oakland, California (Mỹ) và lớn lên ở vùng vịnh San Francisco. Chị là Thạc sĩ ngôn ngữ của trường đại học bang San Jose. Tan là tác giả của bốn cuốn tiểu thuyết và hai cuốn sách dành cho thiếu nhi. Tác phẩm của chị đã được dịch ra 25 thứ tiếng. Chị hiện sống tại San Francisco cùng chồng là Lou DeMattei.

Nhận xét:

Amy Tan đã viết nên cuốn tiểu thuyết thông minh nhất và quyến rũ nhất. - *Boston Globe*

Cuốn tiểu thuyết này đầy ma lực, đáng nhớ, ý nghĩa “lung linh”. - *San Diego Tribune*

Những linh cảm bí ẩn không chỉ là sự rọi chiếu cuộc đời, mà còn đào sâu hơn nữa, phát hiện ra nhiều điều tươi mới. - *Newsweek*.

PHẦN I

1. CÔ GÁI CÓ THỊ GIÁC CỦA NGƯỜI ÂM

Chị Quan của tôi tin rằng chị có thị giác của người âm. Chị nhìn thấy những người đã khuất và hiện trú ngụ tại cõi âm, nhiều hồn ma rời chốn sương mù đến thăm căn bếp của chị trên phố Balboa ở San Francisco.

- Libby-ah, - chị bảo tôi, - em đoán xem hôm qua chị nhìn thấy ai, đoán đi.

Tôi không sao đoán ra chị nói về người chết nào.

Quan là chị cùng cha khác mẹ với tôi, nhưng tôi chẳng thấy có điểm nào chung với chị. Nói thể là sĩ nhục, như thể chị chỉ đáng được hưởng một nửa tình yêu của gia đình chúng tôi vậy. Căn cứ theo di truyền thì Quan và tôi có cùng một người cha, và chỉ thế mà thôi. Chị sinh ở Trung Quốc. Các anh em trai Kevin và Tommy, cả tôi nữa đều sinh tại San Francisco, sau khi cha tôi, Jack Diệp di tản đến đây và cưới mẹ tôi, Louise Kenfield.

Mẹ tôi tự nhận mình là “một món chả Mỹ pha trộn, vừa trắng vừa béo và rán kỹ”. Bà ra đời tại Moscow, bang Idaho, từng là vô địch chạy tiếp sức và đã có lần đoạt giải tại hội chợ tỉnh vì trồng loại khoai tây biến dị, có nét mặt nhìn nghiêng phảng phất Jimmy Durante¹. Bà kể với tôi rằng bà mơ khi lớn lên sẽ khác đi - mảnh dẻ, xinh đẹp và quý phái như Luise Rainer², người đã giành giải Oscar trong vai O-Lan phim *The Good Earth*. Khi mẹ tôi chuyển đến San Francisco, thay vì trở thành một Kelly³, bà làm cái việc tốt nhất: Bà lấy cha tôi. Mẹ tôi vẫn cho cuộc hôn nhân ngoài dòng dõi Anglo đã biến bà thành người tự do. “Hồi Jack và tôi gặp nhau”, - bà vẫn kể với mọi người, - “có nhiều luật chống lại các cuộc hôn nhân pha trộn. Chúng tôi đã phá luật vì tình yêu”. Bà phớt lờ không nói rằng các luật ấy không áp dụng ở California.

Không người nào trong chúng tôi, kể cả mẹ tôi, gặp Quan, cho đến khi chị mười tám tuổi. Thực ra, mẹ tôi còn không biết Quan *tồn tại*, mãi cho đến khi cha tôi sắp mất vì suy thận. Khi cha tôi qua đời, tôi chưa tròn bốn tuổi. Nhưng tôi vẫn còn nhớ nhiều khoảnh khắc với ông. Ngã từ đường trượt xoáy vào vòng tay ông. Lội vào vũng tìm đồng xu ông tung xuống. Ngày cuối cùng tôi nhìn thấy ông là trong bệnh viện, những điều ông nói làm tôi hoang mang trong nhiều năm.

Kevin lên năm cũng ở đó. Tommy còn quá bé nên ở ngoài phòng đợi với Betty Dupree, em họ của mẹ tôi - chúng tôi phải gọi là dì Betty - cũng chuyển từ Idaho đến. Tôi ngồi trong cái ghế bọc nylon nhóp nhép, ăn bát dâu tây Jell-O⁴ trong suất ăn trưa của cha cho tôi. Ông ngóc đầu dậy trên giường, thở nặng nhọc. Mẹ tôi khóc một chút, rồi cố làm ra vẻ vui. Tôi cố nghĩ xem có chuyện gì. Việc tiếp theo tôi nhớ là cha tôi nói thì thào, còn mẹ tôi cúi gằm ông, lắng nghe. Miệng bà cứ há to, to mãi. Rồi bà quay ngoắt đầu sang tôi, mặt bà méo đi kinh hoàng. Tôi cũng phát hoảng. Sao cha tôi lại biết? Sao cha phát hiện ra sáng hôm ấy tôi đã xua mấy con rùa của tôi - Slowpoke và Fastpoke - vào toilet? Tôi muốn xem trông chúng như thế nào khi không có mai, rồi cuối cùng kéo bật đầu chúng.

- Con gái anh? - Tôi nghe thấy mẹ nói. - Mang nó về?

Tôi chắc ông bảo mẹ tôi đưa tôi đến khu nhốt gia súc, y như ông đã làm với con chó Buttons của chúng tôi sau khi nó gặm chiếc sofa. Những việc tôi còn nhớ sau đó rất lộn xộn: bát Jell-O đổ xuống sàn; mẹ tôi nhìn trừng trừng vào một tấm ảnh; Kevin vỗ lấy nó và cười, rồi tôi thấy tấm ảnh đen trắng ấy chụp một cô bé gầy gò xương, tóc lởm chởm. Đúng lúc đó, tôi nghe thấy mẹ tôi quát:

- Olivia, đừng cãi nhau nữa, các con phải về ngay.

Tôi khóc:

- Nhưng con sẽ ngoan mà.

Ngay sau đó, mẹ tôi tuyên bố:

- Cha sắp bỏ chúng ta.

Bà cũng bảo chúng tôi là sắp đưa một đứa con gái khác của cha từ Trung Quốc đến sống ở nhà chúng tôi. Mẹ không bảo mang tôi đi nốt nhưng tôi vẫn khóc, tin rằng mọi thứ có liên quan mơ hồ - những con rùa không đầu xoáy tít rồi rơi xuống toilet, cha tôi sắp bỏ chúng tôi, một đứa con gái khác sắp thế chỗ tôi. Tôi đâm sợ Quan trước khi gặp chị.

Năm lên mười, tôi được biết những quả thận của cha tôi đã giết ông. Mẹ kể cha tôi bẩm sinh có bốn quả thận thay cho thông thường chỉ có hai, và tất cả đều có tật. Dì Betty có ý kiến về chuyện này. Dì *luôn luôn* có ý kiến, thường lấy từ nguồn như *Weekly World News*. Dì nói có khi cha tôi là cặp song sinh người Xiêm. Nhưng trong dạ con, cha tôi khỏe hơn người anh em sinh đôi nên đã ăn nghiền người yếu hơn và nuốt cả hai quả thận thừa. “Nhờ ông ấy có hai quả tim, hai dạ dày, ai mà biết được”. Dì Betty luôn bắt kịp các hiện tượng đương thời mà tạp chí *Life* đưa tin kèm ảnh cặp song sinh ở Nga. Tôi đã xem bài này: Hai cô bé, Tasha và Sasha, dính nhau ở hông, quá xinh đẹp đến mức thương tâm, không thể coi là quái vật được. Chuyện này xảy ra vào giữa những năm sáu mươi, khi tôi đã học phân số. Tôi còn nhớ đã ước giá chúng tôi có thể đổi Quan lấy hai cô bé song sinh kia. Như thế tôi sẽ có hai chị em cùng cha khác mẹ tương đương với một trọn vẹn, và tôi hình dung tất cả bọn trẻ con trong khu nhà sẽ ra sức thành bạn chúng tôi, mong được xem chúng tôi nhảy dây hoặc nhảy lò cò.

Dì Betty cũng được biết về việc sinh ra Quan, chẳng có gì thương tâm mà chỉ bối rối. Dì nói, trong chiến tranh, cha tôi là một sinh viên đại học ở Quế Lâm. Ông hay mua năm con ếch để nấu bữa tối cho một cô gái tên là Lý Trân, bán hàng ngoài chợ. Sau này ông lấy Lý Trân, và năm 1944 họ sinh hạ một cô con gái, chính là Quan, cô bé gầy nhom trong ảnh.

Dì Betty cũng có ý kiến về cuộc hôn nhân này:

- So với đàn ông Trung Hoa, cha cháu là người điển trai. Cha cháu là người có học. Ông nói tiếng Anh như dì và mẹ cháu vậy. Tại sao cha cháu lại cưới một cô gái quê tầm thường? Vì ông *phải cưới*, vậy thôi. - Khi đó tôi đã đủ lớn để hiểu *phải cưới* nghĩa là gì.

Năm 1948, người vợ đầu của cha tôi mất vì bệnh phổi, có lẽ là lao. Cha tôi đến Hồng Kông tìm việc làm. Ông để Quan lại cho cô em vợ Lý Bân Bân chăm sóc, bà sống ở một ngôi làng nhỏ miền núi tên là Xương Miên. Lẽ tất nhiên, cha tôi gửi tiền đỡ đàn họ, ông không làm thế sao được? Nhưng năm 1949, Đảng Cộng sản tiếp quản toàn cõi Trung Hoa và cha tôi không thể trở về đón đứa con gái mới lên năm. Cha tôi còn có thể làm gì hơn? Lòng nặng trĩu, cha tôi bỏ đi Mỹ, bắt đầu một cuộc đời mới và quên nỗi buồn ông để lại đằng sau. Mười một năm sau, lúc hấp hối trên giường bệnh, hồn ma của người vợ đầu hiện lên ở cuối giường.

- Anh hãy nhận lại con gái của anh đi! - Bà ta đe, - Nếu không, anh phải gánh chịu hậu quả sau khi chết!

Đây là câu chuyện cha tôi nói trước khi nhắm mắt, nhiều năm sau dì Betty kể vậy.

Nghĩ lại, tôi có thể hình dung mẹ tôi cảm thấy ra sao khi nghe lần đầu. Một người vợ khác? Một đứa con gái ở Trung Quốc? Chúng tôi là một gia đình kiểu Mỹ hiện đại. Chúng tôi nói tiếng Anh. Chúng tôi ăn món Tàu nhưng là đồ bán sẵn, y như những người khác. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà theo kiểu nông trại ở thành phố Daly. Cha tôi làm việc trong Cục Kiểm toán Nhà nước. Mẹ tôi đến dự các cuộc họp của Hội Phụ huynh. Trước kia, bà chưa bao giờ nghe cha tôi nói đến chuyện mê tín của người Trung Quốc. Thay vào đó, cha mẹ tôi đi lễ nhà thờ và mua bảo hiểm nhân thọ.

Sau khi cha tôi mất, mẹ tôi kể với mọi người ông đối xử với bà “hệt như một bà hoàng Trung Hoa”. Trước năm mồ cha tôi, kiệt sức vì mệt mỏi, bà đã hứa với Thần thánh đủ điều. Theo lời dì Betty, tại tang lễ, mẹ tôi đã thề không bao giờ tái hôn. Bà thề sẽ dạy dỗ chúng tôi, những đứa con của bà để rạng danh dòng họ Diệp. Bà thề sẽ tìm ra Quan, đứa con đầu lòng của cha tôi và đưa nó sang Mỹ.

Song, bà chỉ giữ được lời hứa cuối cùng.

Mẹ tôi hay khổ sở vì lòng tốt, và càng tệ thêm vì những hành động tự nguyện thiếu suy nghĩ, thay đổi theo mùa. Một mùa hè, bà là mẹ đỡ đầu cho Hội Giải cứu của Yorshire; làm ngôi nhà nông nặc mùi nước đái chó. Hai mùa Giáng sinh, bà nấu ăn cho những người vô gia cư ở phòng ăn nhà thờ St. Anthony; hiện giờ bà đi Hawaii với bạn trai hiện tại của bà. Bà truyền bá những lá đơn thỉnh cầu, quyền góp quỹ, phục vụ trên tàu cho nhiều nhóm y tế khác. Trong lúc nhiệt tình của bà là thành thật, rất cuộc - mà thường là thể - nó cạn kiệt và bà lại bắt tay vào việc mới. Tôi ngờ rằng bà nghĩ đến Quan như một nhà nghiên cứu thị trường chứng khoán nước ngoài, bà sẽ tiếp đón cô Lọ Lem Trung Quốc một năm rồi cô ta sẽ phải tự túc, tiếp tục cuộc sống tuyệt vời kiểu Mỹ.

Thời gian trước khi Quan đến, mẹ tôi là người cổ vũ, tập hợp các anh em trai của tôi và tôi để đón mừng người chị lớn sắp bước vào đời chúng tôi. Tommy còn quá bé, nó chẳng làm gì ngoài việc gật đầu mỗi khi mẹ nói:

- Con có vui vì có một người chị nữa không?

Kevin chỉ nhún vai và có vẻ chán ngán. Tôi là người duy nhất nhảy cẫng lên như một tân binh hăng hái, một phần vì tôi sượng mê khi biết Quan chỉ là người thêm vào chứ không phải là thay thế tôi.

Dù là một đứa trẻ cô độc, tôi vẫn thích có một con rùa hoặc một con búp bê mới hơn là một người sẽ tranh giành sự ân cần đã chia sẵn của mẹ tôi, bắt tôi san sẻ những món quà xoàng xĩnh của bà. Khi nhớ lại việc này, tôi biết mẹ yêu tôi, nhưng không trọn vẹn. So với khoảng thời gian bà dành cho người khác - kể cả những người hoàn toàn xa lạ - tôi thấy mình như đang trượt xa xuống các bậc thang yêu thương, bị va mạnh và bầm dập. Bà luôn dành nhiều chỗ trong đời cho các cuộc hẹn hò với đàn ông hoặc ăn trưa với những người được gọi là cùng hội. Với tôi, bà là người không đáng tin cậy. Những lời hứa dẫn tôi đi xem phim hay đến bể bơi công cộng dễ dàng bị xoá bỏ, nại có hay quên và tệ hơn, là các biến thể thầm của lời nói có nghĩa là: "Tao ghét khi mày hờn dỗi, Olivia". Có lần bà bảo tôi:

- Mẹ không hứa chắc chắn sẽ đến câu lạc bộ bơi với con. Mẹ chỉ nói là mẹ *thích* thể.

Tôi cãi sao được khi nhu cầu của tôi ngược với ý định của bà?

Tôi hiểu rằng muốn cho mọi việc không tồi tệ, tôi phải gói ghém kỹ những hy vọng của mình và đặt chúng lên một cái giá thật cao, ngoài tầm với. Rồi tự nhủ là bên trong đó chẳng có gì hết, tôi tránh xa những vết thương thất vọng sâu sắc. Nỗi đau không tệ bằng một lời chỉ trích day dứt tâm can. Mỗi lần nghĩ đến việc này, tôi lại đau đớn. Khi còn là một đứa trẻ, làm sao tôi đã biết lẽ ra tôi đáng được yêu thương hơn? Rằng mọi người sinh ra đều có nguồn cảm xúc vô tận?

Lẽ tất nhiên, tôi chẳng muốn Quan là chị tôi. Chỉ là kẻ đối lập. Chính vì thế trước mặt mẹ, tôi cố hết sức tỏ ra sốt sắng. Nó là một dạng méo mó của lý luận nghịch đảo: Nếu hy vọng không bao giờ thành sự thực, hãy mong đó là thứ bạn không muốn.

Mẹ tôi bảo người chị ấy là bản sao lớn hơn của tôi, dịu dàng và xinh đẹp, chỉ Trung Quốc hơn mà thôi, và có thể giúp tôi làm mọi trò ngộ nghĩnh. Thế là tôi hình dung không phải một người chị mà là tôi khác, lớn hơn tôi, nhảy múa và mặc quần áo bó sát người, có một cuộc sống buồn nhưng lôi cuốn, nhìn nghiêng giống Natalie Wood⁵ trong phim *Câu chuyện phương Tây*⁶ tôi xem hồi lên năm. Chỉ đến bây giờ, tôi mới hiểu ra cả mẹ và tôi đều bắt những hy vọng của mình khuôn theo các nữ diễn viên, nói những lời chẳng phải của họ.

Một đêm, trước khi ấn tôi vào giường, mẹ hỏi tôi có muốn cầu nguyện không. Tôi biết cầu nguyện là nói những lời hay ho mà người khác muốn nghe, như mẹ tôi vẫn làm. Vì thế tôi cầu Trời và Chúa Jesus phù hộ cho tôi trở thành người tốt. Rồi nói thêm tôi mong chị tôi sớm đến, vì mẹ tôi đã bảo vậy. Khi tôi nói "Amen", tôi thấy mẹ khóc và mỉm cười hạnh diện. Dưới sự

giám sát của mẹ, tôi bắt đầu thu thập quà mừng Quan. Khăn quàng dì Betty cho tôi nhân dịp sinh nhật, nước hoa mùi cam tôi được cho dịp Giáng sinh, kẹo Halloween nhóp nháp - tôi trù mẩn xếp các thứ linh tinh, cũ kỹ vào một cái hộp mẹ tôi đề "Tặng chị lớn của Olivia". Tôi tin mình đã thành người tốt đến mức mẹ tôi sớm nhận ra chúng tôi không cần người chị nào khác nữa.

Sau này, mẹ tôi kể với mấy anh em tôi bà đã khó nhọc ra sao mới tìm được Quan.

- Hồi ấy, - bà nói, - các con chưa thể viết nổi một bức thư, dán nổi một con tem gửi đến Xương Miên. Mẹ đã phải trải qua *hàng đồng* tệ nạn quan liêu và điền vào hàng chục thứ đơn từ. Chẳng mấy ai bỏ công giúp một người rời đất nước cộng sản. Dì Betty cho mẹ là đồ điên! Dì bảo: "Sao chị có thể nhận một đứa con gái sắp trưởng thành, chẳng nói được một từ tiếng Anh? Nó sẽ chẳng biết trái, phải hoặc tốt, xấu gì hết."

Giấy tờ không phải là trở ngại duy nhất Quan phải vượt qua một cách vô ý thức. Hai năm sau khi cha tôi mất, mẹ tôi lấy Bob Laguni, người mà Kevin gọi là "cơ may trong lịch sử hẹn hò người nước ngoài nhập cư của mẹ chúng ta, vì mẹ tưởng Laguni là người Mexico chứ không phải người Ý". Mẹ đổi theo họ của Bob, vì thế mấy anh em tôi có họ là Laguni, sau này khi lấy Simon, tôi sung sướng đổi thành họ Bishop. Vấn đề là Bob chẳng bao giờ muốn Quan đến. Còn mẹ tôi luôn đặt mong muốn của ông ta lên trên của mọi người. Sau khi họ ly dị - hồi đó tôi đang ở trường đại học - mẹ kể với tôi rằng ngay từ trước khi cưới, Bob đã ép mẹ hủy việc làm giấy tờ cho Quan. Tôi thì cho là bà có ý định ấy rồi quên. Nhưng đây là lời mẹ bảo tôi:

- Mẹ đã quan sát con cầu nguyện. Trông con dịu dàng và buồn bã lúc cầu Chúa: "Xin Người mang chị con từ Trung Quốc đến cho con".

Khi Quan đến nước này, tôi sắp lên sáu. Chúng tôi đợi chị ở khu vực hải quan của sân bay San Francisco. Dì Betty cũng ở đó. Mẹ tôi bồn chồn và kích động, bà nói không ngừng:

- Này các con, nghe nào, chắc là chị sẽ bẽn lễn, vì thế các con đừng có nhảy bổ vào chị... Chắc chị nó gầy guộc như cái cốc giàn, thế nên mẹ không muốn bắt cứ đứa nào chế nhạo chị...

Cuối cùng, khi nhân viên hải quan dẫn Quan vào hành lang nơi chúng tôi đang đợi, dì Betty chỉ tay và nói:

- Nó kia kìa. Tôi bảo đấy chính là nó.

Mẹ tôi lắc đầu. Người này trông như một bà già quái đản, thấp và mập mạp, chẳng giống đứa trẻ bơ vơ đói khát như mẹ hình dung hoặc như người chị đang tuổi thanh xuân, đẹp quyến rũ trong đầu tôi. Chị mặc đồ bộ màu nâu xám, bộ mặt to, rậm nắng đóng khung bằng hai bím tóc dày.

Quan chẳng có vẻ gì bẽn lễn. Chị buông cái túi, vẫy vẫy hai cánh tay, gào to:

- Hall-oo! Hall-oo! - Vừa hét toáng lên vừa cười, chị nhảy nhót và kêu ré lên y như con cún mới mua của chúng tôi thường làm, mỗi khi chúng tôi thả nó ra ngoài garage. Con người hoàn toàn xa lạ này lao vào vòng tay mẹ, rồi vào vòng tay dương Bob. Lúc nhìn thấy tôi, chị nín lặng, ngồi xổm trên sàn hành lang và chìa tay ra. Tôi nắm lấy tà váy mẹ.

- *Đấy là chị con à?*

Mẹ nói:

- Con nhìn này, chị có mái tóc đen, dày y như cha các con.

Tôi vẫn còn bức ảnh dì Betty chụp: Mẹ tôi tóc quăn, mặc đồ nỉ, thoáng một nụ cười mưu mô; Bob, bố dương người Ý-Mỹ của chúng tôi có vẻ sững sờ; Kevin và Tommy đội mũ cao bồi trông ngây ngô; Quan cười toe toét, đặt tay lên vai tôi; còn tôi mặc bộ da hội phù phiếm, một ngón tay dút vào miệng đang gào khóc.

Tôi khóc vì ngay trước khi chụp ảnh, Quan đã cho tôi một món quà. Đó là một cái lồng nhỏ bện bằng rơm, chị rút từ trong tay áo khoác rộng thùng thình và đưa cho tôi, vẻ tự hào. Lúc giờ

nó lên ngang tầm mắt và nhìn qua các nan lồng, tôi thấy một con quái vật sáu chân, màu xanh như cỏ tươi, hàm như lưỡi cưa, mắt lồi và lông mày như những ngọn roi. Tôi hét lên và quăng cái lồng ra xa.

Ở nhà, trong căn phòng từ nay ở chung với tôi, Quan treo cái lồng nhốt con châu chấu đã bị rụng một chân. Màn đêm vừa buông, con châu chấu bắt đầu kêu rình rích, to như chuông xe đạp báo người khác tránh đường.

Sau ngày hôm đó, cuộc sống của tôi chẳng còn như cũ. Với mẹ, Quan là một người trông trẻ khéo léo, tự nguyện, lành nghề và miễn phí. Trước khi mẹ tôi dành cả buổi chiều đến cửa hiệu làm đẹp hoặc đi mua bán với các bạn cùng hội, mẹ bảo tôi bám lấy Quan.

- Con hãy ngoan và giải thích cho chị con những gì chị ấy chưa hiểu. Con hứa chứ?

Thế là hàng ngày sau giờ học, Quan cứ bám lấy tôi và leo đèo theo tôi khắp mọi nơi. Ngay từ hồi lớp một, tôi chuyên bị bế mặt và xấu hổ giữa đám đông. Quan hỏi tôi nhiều câu ngớ ngẩn làm bọn trẻ hàng xóm ngớ ngẩn chị rơi từ sao Hỏa xuống. Chị nói: “M&M là gì?” - “Kẹo cao su là gì?” “Thủy thủ Popeye là ai? Tại sao mất một mắt? Ông ta là kẻ cướp à?”. Ngay cả Kevin và Tommy cũng cười phá.

Có Quan, mẹ tôi có thể liên miên tuần trăng mật với Bob mà không hề áy náy. Khi thầy giáo gọi điện cho mẹ báo tin tôi bị sốt, chính Quan xuất hiện ở phòng y tế đưa tôi về nhà. Khi tôi bị ngã trong lúc trượt patanh, Quan băng bó khuỷu tay cho tôi. Chị tết tóc cho tôi. Chị gói bữa trưa cho Kevin, Tommy và tôi. Chị cố dạy tôi những bài hát ru của Trung Quốc. Chị dỗ dành tôi khi tôi rụng một cái răng. Chị lấy khăn kỳ cổ cho tôi trong lúc tôi tắm.

Lẽ ra tôi phải biết ơn Quan. Lúc nào tôi cũng phụ thuộc vào chị. Chị không thích gì hơn là ở bên tôi. Nhưng thay vào đó, phần lớn thời gian tôi bức bối với chị vì chị thể chỗ mẹ tôi.

Tôi còn nhớ ngày đầu tiên tôi đuổi Quan. Hồi đó là mùa hè, vài tháng sau khi chị tới. Quan, Kevin, Tommy và tôi đang ngồi trên bãi cỏ trước nhà, đợi xem chuyện xảy ra. Hai đứa bạn Kevin lên vào vườn nhà chúng tôi và vặn máy tưới. Vừa nghe thấy tiếng phì phì và tiếng nước chảy ồ ồ vào ống, mấy anh em tôi chạy biến trước khi hàng chục vòi phun bắn nước tung toé. Song Quan chỉ đứng đó, người ướt đầm, sừng sốt thấy nhiều dòng suối phun từ dưới đất lên cùng một lúc. Kevin và các bạn rú lên cười. Tôi quát:

- Chẳng hay hóm gì.

Một trong các bạn của Kevin, một cậu lớp hai bánh bao vốn được tất cả bọn con gái mê, bảo tôi:

- Đấy có phải là bà chị người Tàu ngu ngốc của mày không? Này Olivia, thế có nghĩa mày cũng là một ả Tàu ngớ ngẩn?

Tôi đỏ bừng mặt và hét:

- Đấy không phải chị tôi! Tôi ghét chị ta! Tôi mong chị ấy cuốn xéo về Trung Quốc!

Sau đó Tommy mách dượng Bob, dượng nói:

- Louise, em bảo con gái em thì hay hơn.

Mẹ tôi lắc đầu, vẻ buồn bã:

- Olivia, - mẹ nói, - chúng ta chưa từng ghét ai. Ghét là một từ *kinh khủng*. Nó làm con cũng như người khác bị tổn thương.

Cố nhiên, câu này chỉ làm tôi càng ghét Quan hơn.

Tệ nhất là tôi phải ngủ chung phòng với Quan. Ban đêm, chị thích mở toang rèm để ánh sáng của ngọn đèn đường tràn vào phòng chúng tôi, nơi có hai chiếc giường đơn giống hệt đặt sát bên nhau. Dưới “ánh trăng Mỹ đẹp đẽ” như chị gọi, Quan nói tiếng Trung huyền thuyên. Chị cứ

nói trong lúc tôi giả vờ ngủ. Chị vẫn còn ba hoa khi tôi thức giấc. Chính vì thế tôi là người duy nhất trong nhà biết tiếng Trung. Quan đã nhiem thứ tiếng đó vào tôi. Tôi hấp thu thứ ngôn ngữ của chị qua các lỗ chân lông trong lúc ngủ. Chị đã đẩy bao điều huyền bí của Trung Quốc vào đầu tôi và làm suy nghĩ về thế giới của tôi biến đổi biết chừng nào. Tôi còn có cả những cơn ác mộng bằng tiếng Trung nữa kia.

Đổi lại, Quan học tôi tiếng Anh, giờ nghĩ lại, có lẽ đấy là lý do chị chưa bao giờ nói năng cho ra hồn. Tôi không phải là một giáo viên nhiệt tình. Một lần, hồi tôi lên bảy, tôi chơi xỏ chị. Chúng tôi đang nằm trên giường, trong bóng tối.

- Libby-ah, - Quan nói. Rồi chị hỏi bằng tiếng Trung, - quả lê ngon lành chúng mình ăn tối nay, tiếng Mỹ gọi là gì?

- Nôn, - tôi nói rồi vội bịt miệng để chị không nghe thấy tiếng tôi cười khúc khích.

Chị lấp bắp cái từ mới này “nô-ô-ô-ôn”, rồi nói:

- Chà! Cái từ này nghe quá chán cho một vị ngon lành. Chị chưa bao giờ ăn một thứ quả ngon đến thế. Libby-ah, em là một cô gái may mắn. Giá như mẹ chị không chết. - Chị có thể lan man từ đề tài này sang những bí kịch trong cuộc sống trước kia của chị, chị truyền tất cả cho tôi bằng thứ tiếng Trung bí mật của chúng tôi.

Lần khác, chị quan sát tôi lựa các tấm thiệp mừng ngày Valentine chất đống trên giường. Chị đến và nhặt một tấm.

- Hình này là gì?

- Đây là trái tim. Nó có nghĩa là tình yêu. Thấy không, thiệp nào cũng có nó. Em phải tặng mỗi đứa bạn trai trong lớp một tấm. Nhưng thế không có nghĩa là em yêu hết bọn chúng nó.

Chị trở về giường và nằm xuống.

- Libby-ah, - chị nói. - Giá mẹ chị không chết vì bệnh tim.

Tôi thở dài, nhưng không nhìn chị. Lại cái chuyện này. Chị im một lát, rồi tiếp:

- Em có biết bệnh tim là gì không?

- Là gì?

- Nó hâm nóng thân thể rồi đến gia đình ta, sau đó mái nhà tranh bị thổi bay và cuốn ta đi.

- Ồ.

- Em biết không, bà không chết vì bệnh phổi, không vì các loại bệnh như thế.

Rồi Quan kể cha chúng tôi mắc loại bệnh có quá nhiều giấc mơ đẹp. Ông không ngừng nghĩ đến sự giàu sang và một cuộc sống sung túc hơn, vì thế ông biến mất, trôi giạt khỏi đời họ và giữ sạch hồi ức về người vợ và đứa con ông đã bỏ lại.

- Chị không nói cha là người xấu, - Quan thì thầm, khàn khàn. - Không phải như thế. Nhưng lòng trung thành của cha không mạnh. Libby-ah, em có hiểu trung thành là gì không?

- Là gì?

- Như thế này. Nếu em đề nghị một người chặt bàn tay để cứu em khỏi bay mất cùng mái nhà, anh ta sẽ chặt đứt cả hai bàn tay để chứng tỏ sẵn lòng làm việc đó.

- Ồi.

- Nhưng cha chúng ta không làm thế. Ông đã bỏ mẹ con chị khi mẹ chị sắp có đứa con nữa. Chị không nói dối em đâu, Libby-ah, thực đấy. Khi chuyện này xảy ra, chị mới lên bốn theo tuổi Trung Quốc. Không bao giờ chị quên lúc nằm áp vào mẹ chị, xoa xoa cái bụng lùm lùm của bà. Giống như quả dưa hấu vậy, bụng bà to tướng.

Chị đang rộng cánh tay ra.

- Hồi đó, tất cả nước trong bụng bà tràn ra thành những giọt nước mắt, bà rất buồn bã. - Cánh tay Quan bỗng rơi thõng xuống cạnh sườn. - Đứa bé tội nghiệp trong bụng bà đói quá đã ăn thủng một lỗ quả tim bà, vì thế cả hai đều chết.

Tôi chắc Quan muốn ví von. Nhưng là một đứa trẻ, tôi nhìn thấy mọi chuyện chị kể rõ ràng: những bàn tay bị chặt đứt bay khỏi ngôi nhà tốc mái, đứa trẻ mút quả tim người mẹ. Những hình ảnh trở thành ảo giác. Tôi giống đứa bé đang xem một bộ phim kinh dị, bàn tay bị chặt lấy mắt và sợ hãi ngó qua các kẽ ngón tay. Tôi là tù nhân tự nguyện của Quan, và chị là người che chở tôi.

Cuối các câu chuyện, Quan hay nói:

- Em là người duy nhất biết đấy. Đừng kể với ai. Không bao giờ nhé. Em hứa chứ, Libby-ah?

Tôi thường lắc rồi lại gật, buộc phải trung thành vì cả đặc ân lẫn sợ hãi.

Một đêm kia, mí mắt tôi đã trĩu xuống vì buồn ngủ, chị bắt đầu kể đều đều bằng tiếng Trung:

- Libby-ah, chị phải kể em nghe chuyện này, một bí mật bị cấm. Mà giữ trong lòng lâu hơn nữa chị thấy quá nặng nề.

Tôi ngáp, mong chị hiểu ý.

- Chị có con mắt của người âm đấy.

- Mắt gì?

- Thực đấy. Chị có con mắt của người âm. Chị có thể nhìn thấy người âm.

- Chị định nói gì?

- Thế này, chị sẽ kể cho em. Nhưng trước hết, em phải hứa không bao giờ được kể với ai. Không bao giờ. Hứa nhé?

- Được. Em hứa.

- Người âm là những người đã chết.

Tôi trở mắt.

- Cái gì? Chị nhìn thấy người đã chết?... Ý chị là... *những con ma*?

- Đừng nói với ai nhé. Không bao giờ. Hứa đi, Libby-ah?

Tôi ghen thờ.

- Lúc này có con ma nào ở đây không? - Tôi thì thào.

- Có chứ, nhiều lắm. Nhiều, nhiều người bạn tốt.

Tôi kéo chăn trùm kín đầu.

- Bảo họ đi đi, - tôi năn nỉ.

- Đừng sợ. Libby-ah, chui ra đi. Họ cũng là bạn em. Nhìn kìa, họ đang cười em vì em sợ quá đấy.

Tôi bắt đầu khóc. lát sau, Quan thở dài và nói, giọng thất vọng:

- Thôi thôi, đừng khóc nữa. Họ đi rồi.

Chuyện về các bóng ma bắt đầu như thế đấy. Cuối cùng, lúc tôi thò mặt khỏi chăn, tôi thấy Quan đang ngồi rất thẳng, được ánh lấp lánh không tự nhiên của mặt trăng nước Mỹ chiếu sáng, chị nhìn chăm chăm qua cửa sổ như đang theo dõi các vị khách của chị rút vào bóng đêm.

Sáng hôm sau, tôi đến chỗ mẹ và làm việc đã hứa là không bao giờ làm: Tôi kể với bà về cặp mắt người âm của Quan.

Giờ đây khi đã trưởng thành, tôi nhận ra rằng không phải vì lỗi của tôi mà Quan phải đến bệnh viện tâm thần. Về mặt nào đấy, chính chị đã đưa mình đến đó. Hơn nữa, hồi đó tôi chỉ là một đứa trẻ lên bảy. Tôi sợ đến mất trí. Tôi phải kể với mẹ tôi những điều Quan nói. Tôi tưởng mẹ chỉ bảo chị dừng lại. Nhưng lúc đó dường như Bob phát hiện ra những bóng ma của Quan và bắt tay vào việc. Mẹ gợi ý đưa chị đến Old St. Mary xưng tội với cha cố, nhưng dường như Bob bảo không, xưng tội chưa đủ. Thay vào đó, ông tống chị vào phòng bệnh tâm thần ở Mary's Help.

Tuần sau, khi tôi đến thăm chị, Quan thì thầm với tôi:

- Libby-ah, nghe này, chị có một bí mật. Đừng kể với ai nhé? - Rồi chị chuyển sang tiếng Trung, - Mỗi khi các bác sĩ và y tá hỏi chị nhiều câu hỏi, chị coi họ như những con ma Mỹ, chị không nhìn thấy họ, không nghe thấy họ, không nói với họ. Rồi họ sẽ biết không thể thay đổi được chị, thế là nhất định phải thả chị ra.

Tôi nhớ lại vẻ mặt chị, bất động như một con chó đá canh lâu đài.

Thật không may, cách xử thế lằng lẽ kiểu Tàu của chị dẫn tới kết quả ngược lại. Các bác sĩ tưởng Quan bị rối loạn tâm lý. Hồi đó là đầu thập niên 1960, các bác sĩ chẩn đoán chuyện ma quỷ của Quan là chứng rối loạn tinh thần nghiêm trọng. Họ cho chị sốc điện một lần, chị nói, rồi hai lần, chị khóc, thế là thỉnh thoảng lại sốc điện. Cho đến ngày nay, mỗi khi nhớ tới chuyện đó tôi lại ê buốt răng.

Lần sau đến thăm chị ở bệnh viện, chị lại giải bày tâm sự với tôi:

- Cái chuyện sốc điện ấy làm chị ăn nói ba hoa đến mức không thể cầm như hến được nữa. Chị thành một con vịt, kêu *cac-cac-cac*! khoác lác về Cõi Âm. Có bốn con ma xấu quất: "Sao mày lại kể những bí mật của chúng tao?". Chúng cho chị một quả *âm-dương*, ép chị rút đi một nửa số tóc. Thế là các y tá phải cạo nốt tóc còn lại. Chị không thể ngừng nhổ tóc, cho đến khi một bên đầu chị trọc lóc như quả dưa, bên kia tóc rậm như đầu người. Bốn ma đóng dấu chị có hai bộ mặt: một trung thành, một phản bội. Nhưng chị không phải là kẻ phản bội! Nhìn chị này, Libby-ah. Mặt chị có trung thành không? Em nhìn thấy gì?

Thứ nhìn thấy làm tôi dờ người vì sợ. Tóc chị húi cua như đàn ông, nom như cắt bằng máy cắt cỏ đẩy tay vậy. Tệ hại như nhìn thấy một con vật chạy qua đường, làm ta tự hỏi trước kia có loại sinh vật này không. Ấy là chưa nói đến việc tôi biết Quan quen để tóc kiểu gì. Trước kia, tóc chị thả quá eo. Trước kia, ngón tay tôi bơi qua những sóng tóc đen, mềm mượt như sa tanh của chị. Trước kia, tôi đã vồ lấy bờm tóc của chị mà giật như giật cương con lừa và hét:

- Hí hí, Quan, kêu hí hí đi!

Chị nắm bàn tay tôi và cọ nó khắp da đầu nham nháp của chị, thì thầm kể về các bạn bè và kẻ thù ở Trung Quốc. Chị nói và nói mãi, dường như những cú sốc điện đã thổi bay bản lề của khớp hàm và chị không thể ngừng lại. Tôi sợ bị lây cái bệnh nói như điên của chị.

Cho đến tận hôm nay, tôi vẫn không biết vì sao Quan chưa bao giờ trách tôi chuyện xảy ra. Tôi chắc chị thừa biết tôi là kẻ gây chuyện không hay cho chị. Sau khi từ Mary's Help về, chị cho tôi cái vòng nhận dạng bằng nhựa của chị như một thứ quà lưu niệm. Chị nói về bọn trẻ của trường Chủ nhật đến bệnh viện hát *Đêm yên tĩnh*, chúng đã kêu ré lên khi một ông già quất: "Câm mồm!". Chị kể có một số bệnh nhân bị ma ám, những con ma ấy chẳng giống những người âm dễ thương mà chị biết, và thật đáng tiếc. Chưa bao giờ chị bảo:

- Libby-ah, sao em lại nói ra điều bí mật của chị?

Tôi luôn cảm thấy mình đã phản bội chị và đẩy chị đến mất trí. Tôi cũng tin những cú trị liệu bằng sốc điện cũng là lỗi của tôi. Chúng đã giải thoát mọi bóng ma của chị.

Chuyện đó xảy ra đã hơn ba chục năm, vậy mà Quan vẫn tiếc.

- Tóc tôi đẹ-e-ep, bóng mượt-ướt như thác đổ, trơn mát như con lươn đang bơi. Giờ nhìn xem. Những cú sốc điện ấy, giống như tống tôi vào một ngôi nhà xấu xí vĩnh cửu, dựng đồ rẻ tiền quá lâu. Tất cả màu sắc lông lẩy đã cháy hết rồi. Sự mềm mại bị gãy khúc. Tóc tôi giờ cứng như thép, đâm nhói tận óc, chẳng còn nói chuyện với cõi âm được nữa! Họ làm thế với tôi, chà chà, mà tôi vẫn không thay đổi. Thấy chưa? Tôi vẫn khoẻ mạnh.

Quan nói đúng. Khi mọc lại, tóc chị lởm chởm và cứng như lông chó sục⁸. Lúc chị chải đầu, các sợi tóc kêu lách tách và dựng đứng, tua tủa như dây tóc bóng đèn bị cháy. Quan giải thích:

- Các thứ điện bác sĩ phóng vào não tôi, nay chạy khắp người như ngựa chạy quanh đường đua.

Chị khẳng định đây là lý do bây giờ chị không thể đứng cách ti-vi khoảng một mét. Chị không dùng chiếc Walkman chồng chị tặng; chị phải tiếp đất cho radio bằng cách đặt nó dựa vào đùi chị, nếu không thì không sao chỉnh được sóng, chị chỉ nghe thấy “tiếng nhạc khủng khiếp, bùm-pa-pa, bùm-pa-pa”. Chị không thể đeo bất cứ loại đồng hồ nào. Chị nhận giải thưởng trò chơi một chiếc đồng hồ kỹ thuật số, sau khi chị đeo, các con số bắt đầu biến đổi như các quả trong máy giật xèng ở sòng bạc. Hai giờ sau, đồng hồ chết. - Tôi vớ bở, - chị thuật lại, - Tám - tám - tám - tám - tám. Những con số may mắn, cái đồng hồ chết tiệt.

Mặc dù Quan không được đào tạo về kỹ thuật, chị vẫn có thể xác định rất nhanh và chính xác chỗ hỏng trong mạch, không chỉ ở ổ cắm trên tường mà còn ở ánh nhấp nháy lúc chụp ảnh. Chị đã làm thế với vài thiết bị của tôi. Tôi đây, một nhà nhiếp ảnh quảng cáo chuyên nghiệp, còn chị chỉ biết đặt tay lên nút và bấm. Vậy mà chị có thể tìm ra bộ phận chuyên dụng của máy ảnh, cáp hoặc bộ pin bị trục trặc, và sau đó, khi tôi gửi máy đến Cal Precision ở Sacramento để sửa, tôi thấy chị đoán trúng phóc. Tôi cũng đã thấy chị tạm thời kích hoạt một máy điện thoại không dây bị tắt chỉ bằng cách ấn ngón tay vào nút sạc ở đằng sau. Chị không thể cắt nghĩa bất cứ điều gì, cả tôi cũng vậy. Tôi chỉ có thể nói rằng, tôi đã nhìn thấy chị làm những việc này.

Khả năng kỳ lạ nhất của chị là chẩn đoán các loại bệnh tật. Bắt tay người lạ, chị có thể nói ngay họ từng bị gãy xương dù đã được chữa lành từ nhiều năm trước. Chị nhận biết ngay tức thì người bị viêm khớp, gân, viêm búi, đau thần kinh tọa - chị rất giỏi mọi loại bệnh về cơ xương - mà chị gọi là “xương đang cháy”, “cánh tay bị sốt”, “khớp tồi”, “cẳng chân cong queo”, chị bảo mọi thứ bệnh đó đều do ăn đồ nóng và lạnh với nhau, chị đếm được những điều bất ung trên ngón tay bạn, đầu bạn lắc lư quá nhiều vì ân hận, hoặc những mối lo âu ẩn chứa giữa quai hàm và nắm tay của bạn. Chị không thể chữa cho bất kỳ ai ngay lập tức; chị không đến Động Lourdes⁹. Nhưng nhiều người nói chị chỉ cần chạm vào cũng chữa khỏi. Giống các khách hàng của chị ở Spencer, chị làm việc tại cửa hàng dược phẩm gần Castro. Đa số những người đến lấy đơn tại đây là dân đồng tính nam, chị gọi họ là “những chàng độc thân”. Vì chị làm ở đó đã hơn hai chục năm, chị chứng kiến một số khách hàng lâu dài của chị bị nhiễm AIDS. Lúc họ vào, chị xoa bóp vai cho họ và khuyên:

- Các cậu vẫn uống bia, ăn đồ cay? *Cùng một lúc?* Chà! Tôi biết nói gì bây giờ? Làm thế sao khỏe được? Hả?

Chị làm như họ là những cậu bé hư, quấy nhiễu. Một số khách của chị ngày nào cũng ghé đến, dù họ có thể được chữa miễn phí tại nhà. Tôi hiểu vì sao. Khi chị đặt bàn tay lên chỗ đau của bạn, bạn có cảm giác râm ran, một ngàn nàng tiên đang nhảy múa lên xuống, rồi sau đó giống như luồng nước ấm chảy khắp các huyết quản. Bạn không khỏi nhưng cảm thấy giải toả được lo âu, người dịu đi, như đang bập bênh trên biển lặng.

Có lần Quan bảo tôi:

- Sau khi chết, những anh chàng người âm này vẫn đến thăm chị. Họ gọi chị là *lượng y* Quan. Tất nhiên là đùa thôi. - Rồi chị bẽn lẽn nói thêm bằng tiếng Anh, - Cũng có thể vì kính trọng. Em nghĩ sao, Libby-ah?

Chị thường hỏi tôi câu đó:

- Em nghĩ sao?

Trong gia đình tôi, không ai nói đến những khả năng khác thường của Quan. Sự chăm chút của Quan đến mọi thứ bị coi là dở người, theo chuẩn mực của Trung Quốc lẫn San Francisco. Nhiều điều chị nói và làm đã tăng thêm tính cả tin của những người phần lớn không dùng thuốc tâm thần hoặc sinh sống tại các nông trại có thờ cúng.

Nhưng tôi không cho chị tôi là điên. Hoặc nếu có thể, chị cũng thực sự vô hại, nếu người ta không lợi dụng chị quá mức. Chị không cầu kinh trên vỉa hè như gã nọ ở phố Market, gào lên rằng California bị kết tội, sẽ trượt vào lòng đại dương như một đĩa trai sò. Chị không đầu cơ trục lợi về *Thời đại Mới*, bạn không phải trả chị trăm rưởi một giờ để nghe chị tiết lộ những điều sai trái của bạn trong quá khứ. Chị sẽ nói với bạn miễn phí dù bạn không yêu cầu.

Phần lớn thời gian, Quan giống như mọi người khác, đứng xếp hàng mua hàng giảm giá, tính đếm từng thắng lợi nho nhỏ.

- Libby-ah, - chị nói trong cuộc điện đàm sáng nay, - hôm qua chị mua giày giảm giá, mua một tặng một ở Emporium Capwell. Thử đoán xem chị đỡ phải trả bao nhiêu tiền. Đoán đi.

Nhưng Quan rất kỳ cục, chị không khai thác doanh nghiệp. Thỉnh thoảng tính ấy làm tôi thích thú. Đôi khi nó làm tôi bực mình. Thông thường hơn, tôi bối rối hoặc tức tối, không phải với Quan mà vì có nhiều việc không bao giờ như ta mong. Sao tôi lại có Quan làm chị? Sao chị lại có tôi?

Thỉnh thoảng, tôi tự hỏi nếu chị bình thường hơn, mọi sự giữa Quan và tôi sẽ ra sao. Rồi tôi lại nghĩ, ai mà biết thế nào là bình thường? Có khi ở nước khác, Quan được coi là bình thường. Biết đâu ở nơi nào đó tại Trung Quốc, Hồng Kông hoặc Đài Loan, chị được kính trọng cũng nên. Biết đâu trên thế giới này có một nơi mà ai cũng có một người chị có thị giác của người âm.

Hiện giờ Quan đã xấp xỉ năm mươi, còn tôi trẻ hơn mười hai tuổi, một điểm mà chị hãnh diện nhắc tới mỗi khi có người lịch sự hỏi trong chúng tôi, ai nhiều tuổi hơn. Trước mặt người khác, chị thích bẹo má tôi và nhắc nhở da tôi đang “nhăn” vì tôi hút thuốc lá, uống quá nhiều rượu vang và cà phê - những thói quen xấu mà chị không có. “Không nghiện thì không cần ngăn chặn”, chị thích câu châm ngôn ấy. Quan không sâu sắc cũng chẳng tinh tế; mọi việc cứ hiển hiện ngay trên bề mặt, ai cũng nhận thấy. Có điều là, chưa từng có ai đoán chúng tôi là chị em.

Có lần Kevin đùa, có lẽ những người Cộng sản đã gửi nhầm cho chúng tôi một đứa trẻ, họ tưởng người Mỹ chúng tôi thấy người Trung Quốc ai ai cũng giống nhau. Nghe thấy thế, tôi mơ có ngày chúng tôi nhận được một bức thư từ Trung Quốc viết: “Xin lỗi các vị. Chúng tôi đã nhầm”. Về nhiều mặt, Quan chẳng bao giờ ăn nhập với gia đình tôi. Bức ảnh Giáng sinh hàng năm trông cứ như câu đố trẻ con: “Ảnh này có gì sai?”. Năm nào, Quan cũng đứng hàng trước và ở giữa, mặc quần áo mùa hè màu sắc rực rỡ, cài nơ con bướm bằng nhựa ở hai bên đầu, cười ngớ ngẩn rộng đến mang tai. Cuối cùng, mẹ tôi tìm cho Quan việc phụ hầu bàn trong một nhà hàng Trung-Mỹ. Mất một tháng Quan mới nhận ra món ăn họ dọn là đồ ăn Tàu. Thời gian chẳng có tác dụng gì đến việc Mỹ hóa chị hoặc làm chị giống cha chúng tôi.

Trong khi đó, người ta bảo tôi giống ông nhất, cả về nhân dạng lẫn tính cách.

- Xem kìa, Olivia ăn bao nhiêu cũng chẳng lên được một gam, - dì Betty nói mãi. - Y hệt Jack.

Có lần mẹ tôi bảo: “Olivia cứ phân tích từng chi tiết cho đến chết. Nó có khả năng kế toán y như bố nó. Chẳng có gì lạ khi nó thành nhà nhiếp ảnh”. Những lời nhận xét ấy làm tôi tự hỏi gien nào của cha đã truyền sang tôi. Tôi đã thừa hưởng của ông tính kín đáo, thích ăn quả chấm muối, hay sợ vi trùng?

Ngược lại, Quan là một máy phát điện bé xíu, chỉ cao mét rưỡi, vụng về. Mọi thứ về chị đều ảm ỉ và loảng xoảng. Chị mặc áo khoác kẻ ô đỏ tía ra ngoài quần chần màu lam. Chị thì thảo rất

to bằng giọng khàn khàn như thể bị viêm thanh quản kinh niên, trong khi chị chẳng bao giờ ốm đau. Chị ban phát những lời khuyên cáo về sức khỏe, giới thiệu các loại thảo dược và phát biểu ý kiến về cách sửa chữa mọi thứ, từ cái tách đến cuộc hôn nhân tan vỡ. Chị nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác, khuyên đến những nơi mua được giá hời. Có lần Tommy nói Quan tin vào tự do ngôn luận, tự do giao thiệp, khu vực rửa xe miễn phí. Hơn ba chục năm, sự thay đổi duy nhất trong tiếng Anh của Quan là tốc độ nói. Song chị tưởng tiếng Anh của chị cừ lắm. Chị hay sửa cho chồng.

- Không phải là *stealed*, - chị bảo George, - mà là *stolen* 9.

Dẫu mọi sự khác biệt rành rành giữa chúng tôi, Quan tưởng chị và tôi giống nhau lắm lắm. Theo chị, chúng tôi gần bó bằng sợi dây rốn Trung Quốc khổng lồ, nó đã cho chúng tôi có cùng những đặc điểm bẩm sinh, động cơ cá nhân, số phận và sự may rủi như nhau.

- Tôi và Libby-ah, - chị nói với những người mới quen, - chúng tôi giống nhau ở đây này. - Rồi chị vỗ vào một bên đầu tôi, - Cả hai cùng tuổi Thân. Ai nhiều tuổi hơn? Các vị đoán xem. Ai nào? - Rồi chị áp má chị vào má tôi.

Quan chưa bao giờ phát âm đúng tên tôi, Olivia. Với chị, tôi luôn là Libby-ah, không phải Libby đơn giản như tên loại nước ép cà chua, mà là Libby-ah, giống tên đất nước của Muammar Qaddafi¹⁰. Rốt cuộc chồng chị, George Lôi, hai con riêng của anh trong cuộc hôn nhân đầu tiên, cả họ nhà anh đều gọi tôi là Libby-ah. Chữ “ah” làm tôi hết sức bức mình. Nó tương đương với chữ “này” trong tiếng Trung, kiểu như “Này, Libby, lại đây”. Một hôm tôi hỏi Quan liệu chị có thích tôi giới thiệu với mọi người chị là “Này, Quan” không. Chị đập vào cánh tay tôi, cười ngặt nghẽo rồi nói khàn khàn:

- Chị thích, chị thích chứ.

Như vô số thứ tương tự về mặt văn hoá, đã là Libby-ah thì cứ là Libby-ah mãi mãi.

Tôi không nói tôi không yêu quý Quan. Làm sao lại không yêu chị gái của mình kia chứ? Về nhiều khía cạnh, chị đối với tôi như một người mẹ, còn hơn cả mẹ đẻ của tôi. Tôi thường cảm thấy rất tệ vì không muốn gần gũi với chị. Ý tôi là, chúng tôi gần gũi trong cách nói năng. Chúng tôi biết nhiều điều về nhau, phần lớn qua các câu chuyện, ở chung phòng, dùng chung kem đánh răng, sáng sáng cùng uống thứ bột ngũ cốc trong suốt mười hai năm, theo mọi thói quen và thông lệ hàng ngày của cùng một gia đình. Tôi thực lòng coi Quan là người dịu dàng, trung thành, quá trung thành. Chị sẽ rút đứt tai bất kỳ ai nếu nói một lời không hay về tôi. Những việc như thế rất nhiều. Tôi chỉ không muốn gần gũi hơn với chị, không như kiểu một số chị em gái coi nhau như bạn thân. Tôi không chia sẻ mọi điều với chị như chị chia sẻ với tôi, chị kể với tôi những điều riêng tư nhất trong đời chị, ví như tuần trước chị vừa kể về chồng:

- Libby-ah, - chị nói, - chị tìm thấy cái nốt ruồi to bằng lỗ mũi chị, tròn xoe và nhẵn như quả óc chó trên... em gọi cái thứ giữa đôi chân đàn ông là gì, tiếng Trung là *yinnang*?

- Bìu.

- Phải phải, tìm thấy một nốt ruồi to tướng trên bìu! Bây giờ ngày nào, ngày nào cũng phải kiểm tra Georgie-ah, bìu của anh ấy, để biết chắc cái nốt ruồi không to thêm.

Với Quan, không có giới hạn giữa người nhà với nhau. Mọi sự được cởi mở công khai và mổ xẻ thấu đáo: đi nghỉ tốn bao nhiêu, nước da sao lại xấu thế, vì sao trông như một con cá trong bể nhà hàng? Rồi chị băn khoăn vì sao tôi không biến chị thành một phần trong sinh hoạt xã hội của tôi. Tuy vậy, tuần nào chị cũng mời tôi ăn tối một lần, cũng như mời dự mọi cuộc họp mặt gia đình nhạt nhẽo. Tuần trước là tiệc mừng bà cô của George được nhận quốc tịch Mỹ sau năm mươi năm, đại loại thế. Quan nghĩ chỉ có một thảm họa nghiêm trọng mới tách tôi ra. Chị nói oang oang điều lo lắng:

- Sao tối qua em không đến? Có chuyện gì thế?

- Không có gì.

- Em ốm à?

- Không.

- Em có muốn chị mang cam đến cho em không? Chị có nhiều lắm, giá lại rẻ, một đôla sáu ký.

- Em *khỏe*, thật mà.

Chị giống một con mèo mỗ côi, hết lòng quần quýt tôi. Suốt đời tôi chị luôn là thế, bóc cam cho tôi, mua kẹo cho tôi, thán phục các phiếu thành tích học tập của tôi và khen tôi sao thông minh thế, thông minh hơn chị nhiều. Tôi chẳng phải làm gì vẫn được chị quý chuộng. Hồi còn bé, tôi thường không chịu chơi với chị. Nhiều năm sau tôi vẫn hay quát chị, bảo chị làm tôi bực mình. Tôi không thể nhớ bao nhiêu lần tôi đã nói dối để thoát khỏi sự chăm chú của chị.

Trong khi đó, chị *luôn luôn* hiểu những lời buột miệng của tôi là lời khuyên có ích, những lý do mơ hồ của tôi như những ý định tốt đẹp, những cử chỉ triu mến hiếm hoi của tôi là tình chị em trung hậu. Khi không thể chịu được nữa, tôi mắng chị té tát và bảo chị là đồ điên. Tôi chưa kịp rút lại những lời gay gắt, chị đã vỗ vào cánh tay tôi, cười mỉm rồi cười vang. Vết thương chị mang tự lành ngay tức thì. Ngược lại, tôi cảm thấy mình đáng trách vĩnh viễn.

Mấy tháng gần đây, Quan ngày càng bứt rứt hơn. Thường sau lần thứ ba tôi không nói gì, là chị thôi. Hình như ký ức của chị đang tự động lên giây cót. Lúc không phát câu vì chị, tôi lo nhớ chị sắp có trận suy sụp thần kinh lần nữa. Kevin nói chắc là chị đang trong giai đoạn tiền mãn kinh. Nhưng tôi có thể nói còn hơn thế nhiều. Chị bị ám ảnh nhiều hơn thường lệ. Các hồn ma ngày càng hay trò chuyện hơn. Chị nhắc đến Trung Quốc hầu như trong từng câu chuyện với tôi, làm thế nào để chị trở về trước khi mọi thứ thay đổi và đã quá muộn. Quá muộn cho việc gì? Chị không biết.

Rồi đến cuộc hôn nhân của tôi. Chị không chịu chấp nhận thực tế là Simon và tôi phải chia tay. Thực ra, chị cố ý ngầm phá cuộc ly hôn. Tuần trước, tôi mở tiệc mừng sinh nhật Kevin và mời Ben Apfelbaum, người tôi đang tìm hiểu. Khi anh kể với Quan rằng anh là phát ngôn viên tài ba cho nhiều chương trình phát thanh thương mại, chị nói:

- Chà, Libby-ah và tôi cũng thế, cả hai chúng tôi đều có tài thoát khỏi tình thế tế nhị, và cũng rất tài trong lĩnh vực riêng của mình. Thật thế, Libby-ah nhỉ? - Lông mày chị nhú lại. - Chị nghĩ là Simon chồng em sẽ đồng ý với chị.

- Sắp-là-chồng-cũ của em, - tôi phải giải thích với Ben, - kể từ bây giờ, còn năm tháng nữa, ngày mười lăm tháng mười hai, cuộc ly hôn của chúng tôi sẽ xong.

- Có khi không, có khi không, - Quan nói rồi cười và bấu cánh tay tôi. Chị quay sang Ben, - anh gặp Simon chưa?

Ben lắc đầu và mở lời:

- Olivia và tôi gặp nhau ở...

- Ôi chao, rất đẹp trai, - Quan líu lo. Chị khum bàn tay che miệng và thổ lộ, - Simon giống Olivia như anh em sinh đôi. Một nửa là người Trung Quốc.

- Một nửa là người Hawaii, - tôi nói. - Và chúng tôi không giống nhau tí nào.

- Cha mẹ anh làm gì? - Quan chăm chú nhìn chiếc áo khoác bằng hàng casomia của Ben.

- Cả hai đã nghỉ hưu và sống tại Missouri, - Ben nói.

- Nghèo khổ¹¹! Xì! Xì! - Chị nhìn tôi, - thế thì buồn quá.

Mỗi lần Quan nhắc tới Simon, tôi tưởng đầu tôi sắp nổ tung, tôi cố kìm để không hét lên vì giận. Chị nghĩ tôi là người đề xướng chuyện ly hôn thì cũng có thể rút lại.

- Tại sao không tha thứ? - Sau bữa tiệc, chị nói. Chị đang tỉa những bông hoa tàn của giỏ phong lan. - Bướng bỉnh và giận dữ cùng đi với nhau, rất hại cho em đấy. - Thấy tôi không nói

gì, chị thử tấn công kiểu khác, - chị nghĩ là em vẫn còn tình cảm với Simon lắm! Hừ-ừ-ừ! Rất, rất mạnh nữa kia. Mà này, nhìn mặt em xem. Đỏ lựng! Cảm giác yêu đương đang ào lên từ tim em đấy. Chị đúng? Trả lời đi. Chị đúng?

Tôi vẫn lướt qua thư từ, nguệch ngoạc ĐÃ CHUYỂN ĐI trên bất cứ phong bì nào đề tên Simon Bishop. Tôi chưa bao giờ thảo luận với Quan về việc Simon và tôi tan vỡ. Chị sẽ không hiểu. Nó quá phức tạp. Tôi không viện ra bất cứ sự kiện hoặc cuộc tranh cãi nào để nói: “Đây là lý do”. Sự tan vỡ của chúng tôi là kết quả của nhiều thứ: khởi đầu sai lầm, không đúng thời điểm, nhiều năm quen thói suy ngẫm, lúc im lặng cũng như lúc gần gũi. Sau mười bảy năm chung sống, cuối cùng tôi nhận ra tôi càng cần anh nhiều hơn trong đời bao nhiêu, hình như Simon lại càng muốn ít hơn bấy nhiêu. Chắc vì tôi yêu anh quá nhiều. Anh cũng yêu tôi, chỉ chưa đủ mà thôi. Tôi ao ước có người coi tôi là số một trong đời. Tôi không muốn nhận những đầu thừa đuôi theo cảm xúc nữa.

Nhưng Quan không hiểu điều đó. Chị không hiểu có người có thể làm ta đau mà không sao hồi phục nổi. Chị tin vào lời xin lỗi. Chị ngây thơ, cả tin, tin đủ thứ trên ti vi là thật. Nhìn vào nhà chị: đầy những đồ đạc - nào dao Ginsu, nào dao thái lát, dao xắt hạt lựu, máy ép, chảo rán kiểu Pháp, cứ nhắc đến tên loại gì chị mua thứ đó, vì “chỉ mất mười chín đô chín năm xu, đặt bây giờ là được mời chào đến tận nửa đêm”.

- Libby-ah, - hôm nay chị gọi điện cho tôi, - chị có điều này phải kể với em, những tin rất quan trọng. Sáng nay chị nói chuyện với Lão Lục. Chúng ta đã quyết định: Em và Simon không nên ly hôn.

- Hay thật, - tôi nói. - Chị đã quyết định. - Tôi đang cân đối quyền séc, cộng trừ trong lúc giả vờ nghe.

- Chị và Lão Lục. Em nhớ ông ta chứ?

- Anh họ của George, - chồng Quan hình như có họ với mọi người gốc Hoa ở San Francisco.

- Không, không! Lão Lục không phải anh họ. Sao em quên được nhỉ? Chị đã kể với em nhiều lần. Một ông già, đầu trọc lóc. Cánh tay khỏe, chân khỏe, tính nết khỏe. Có hời lỏng cả tính, lỏng cả đầu! Chặt cụt. Lão Lục nói...

- Gượng đã. Người không đầu giờ lại bảo em phải làm gì với cuộc hôn nhân?

- Xì! Chặt cụt đầu từ hơn một trăm năm trước rồi. Giờ trông ổn lắm, không sao. Lão Lục cho rằng chị, em và Simon, cả ba về Trung Quốc, là mọi sự OK. OK, Libby-ah?

Tôi thở dài:

- Quan, bây giờ em không có thời gian nói chuyện này. Em đang dở việc.

- Lão Lục bảo không thể cân bằng sổ séc, xem còn lại bao nhiêu. Phải cân bằng cuộc đời.

Làm sao Quan biết tôi đang cân bằng sổ séc?

Quan với tôi cứ như thế đấy. Đúng lúc tôi coi thường chị, chị bèn tung ra một nhận xét sắc sảo làm tôi sợ, làm tôi lại thành thính giả bất đắc dĩ của chị. Có chị ở gần, tôi sẽ không bao giờ có cuộc sống riêng. Chị sẽ luôn luôn khẳng định tầm quan trọng của chị.

Vì sao tôi cứ là đứa em gái bé bỏng quý báu của chị mãi? Vì sao chị cứ coi tôi là người quan trọng nhất trong đời chị? - người quan trọng nhất! Vì sao thỉnh thoảng chị lại bảo dẫu chúng tôi không là chị em, chị vẫn cảm thấy như thế?

- Libby-ah, - chị bảo tôi, - chị không bao giờ bỏ em.

Không! Tôi những muốn hét lên, song tôi không làm gì hết, không nói gì hết. Vì mỗi lần nói thế, chị đã biến mọi sự phản bội của tôi thành tình yêu thương cần được đền đáp. Chúng tôi sẽ biết, vĩnh viễn: Chị là người trung thành, một ngày nào đó tôi sẽ là người như thế.

Nhưng dẫu cho tôi có chặt cả hai bàn tay cũng vô ích. Như Quan nói, chị sẽ không bao giờ bỏ

tôi. Đến ngày giông gió rít lên, chị sẽ túm lấy một nắm mái rạ, chuẩn bị bay vào Cõi Âm:

- Chúng ta đi nào! Nhanh lên! - Chị sẽ thì thào át cả giông bão, - Nhưng đừng nói với ai nhé. Hứa với chị đi, Libby-ah.

2. NHÀ TRUYỀN GIÁO

Chưa đến bảy giờ sáng, chuông điện thoại reo. Quan là người duy nhất hay gọi vào cái giờ bất tiện này. Tôi cầm máy trả lời lên.

- Libby-ah? - Chị thì chào, - Libby-ah, em có đây không? Chị đây...Quan đây. Chị có điều quan trọng kể với em... Em muốn nghe không?... Đêm qua chị mơ thấy em và Simon. Giấc mơ kỳ lạ. Em đến nhà băng, kiểm tra tiền tiết kiệm. Bỗng nhiên, một tên cướp nhà băng lao vụt qua cửa. Nhanh lắm! Em giấu được ví. Vì thế tên cướp lấy được tiền của mọi người, trừ em. Sau này, em về nhà, thọc tay vào ví thì... nó mất rồi! Không còn tiền, kể cả trái tim em. Bị mất cắp! Giờ em không có tim, làm sao sống được? Không còn sức sống, má nhợt nhạt, xanh xao, buồn rầu, mệt mỏi. Giám đốc nhà băng nơi em đến rút tiền, bảo: "Tôi cho cô vay tim tôi. Đừng lo. Bất cứ khi nào cô trả lại cũng được". Em ngược nhìn và thấy mặt anh ta - em biết là ai không, Libby-ah? Em đoán xem... là Simon! Phải, cho em trái tim cậu ta. Em thấy chưa! Vẫn yêu em. Libby-ah, em có tin không? Không chỉ là mơ... Libby-ah, em có nghe chị không?

Nhờ Quan, tôi có tài nhớ các giấc mơ. Ngay cả hiện giờ, tôi có thể nhớ lại tám, mười, thậm chí hàng chục giấc mơ. Tôi biết khi Quan rời Mary's Help về nhà sẽ ra sao. Tôi vừa giật mình thức dậy, chị sẽ hỏi:

- Libby-ah, đêm qua em gặp ai? Em nhìn thấy gì?

Trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, tôi vồ lấy những mảnh của cõi nhân gian nhoè nhoẹt và rút vào trong đó. Từ nơi ấy, tôi tả cho chị những chi tiết của cuộc sống tôi vừa rời bỏ - những vết xước trên giày tôi, hòn đá tôi đá văng đi, bộ mặt của mẹ để gọi tôi từ dưới lòng đất. Khi tôi ngừng kể, Quan hỏi:

- Trước lúc đó em đi đâu?

Kích động, tôi sẽ trở lại giấc mơ trước, rồi giấc mơ trước nữa, hàng chục người sống, thỉnh thoảng cả những người chết nữa. Những người này tôi chẳng bao giờ quên, ngay cả trước khi chết.

Suốt nhiều năm mộng tưởng, tôi đã nếm mùi tro lạnh rơi trong một đêm ẩm thấp. Tôi đã nhìn thấy hàng ngàn ngọn giáo lóe sáng như những ngọn lửa trên đỉnh đồi. Tôi đã chạm vào những hạt nhỏ xíu trên bức tường đá trong lúc đợi hành hình. Tôi đã ngửi thấy mùi nổi sợ thơm như xạ khi sợi dây thừng xiết chặt quanh cổ. Tôi đã cảm thấy sức nặng khi bay qua không khí phi trọng lượng. Tôi đã nghe thấy tiếng cọt két non nớt của tiếng tôi trước khi cuộc sống bất ngờ chấm dứt.

- Em nhìn thấy gì sau khi chết? - Quan lại hỏi.

Tôi lắc đầu.

- Em không biết. Mắt em nhắm nghiền.

- Lần sau, mở mắt ra.

Trong phần lớn thời thơ ấu, tôi cho rằng ai cũng nhớ các giấc mơ như những vật sống, như những cái tôi khác. Quan là như thế. Sau khi từ bệnh viện tâm thần về nhà, trước khi đi ngủ chị kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện về họ, những người âm; một người phụ nữ tên là Banner, một người đàn ông tên là Cape, một nữ tướng cướp chột mắt, một người lai nửa nọ nửa kia. Chị làm như những con ma ấy là bạn chúng tôi. Tôi không kể với mẹ hoặc với dượng Bob những điều Quan nói. Tôi làm thế vì nhớ chuyện xảy ra lần trước.

Khi tôi học đại học và có thể thoát khỏi thế giới của Quan thì đã quá muộn. Chị đã gieo những điều tưởng tượng của chị vào đầu tôi. Những bóng ma của chị không chịu rời các giấc mơ của tôi.

- Libby-ah, - tôi vẫn như nghe thấy Quan nói bằng tiếng Trung, - chị đã kể cho em cô Banner hứa gì trước khi chết chưa?

Tôi giả vờ ngủ.

Còn chị vẫn tiếp tục:

- Tất nhiên là chị không thể nhớ chính xác chuyện này xảy ra cách đây bao lâu. Thời gian giữa sống và chết không giống nhau. Nhưng chị nghĩ là vào khoảng năm 1864. Chị không biết chắc là năm âm lịch hay dương lịch...

Cuối cùng tôi ngủ thật, và tôi hay quên thời điểm đó trong câu chuyện của chị. Thế nên phần nào là giấc mơ của chị, phần nào là của tôi? Chúng đan xen nhau từ chỗ nào? Đêm đêm, chị kể cho tôi nghe những câu chuyện ấy. Còn tôi nằm đó, im thin thít, bơ vơ, mong chị im lặng.

Vâng, tôi chắc đó là năm 1864. Giờ thì tôi nhớ ra, vì cái năm đó nghe rất lạ lùng. Libby-ah, nghe nhé: *Yi-ba-liu-si*. Cô Banner bảo nghe như một câu tục ngữ: Tất hy vọng là trượt vào cõi chết. Tôi bảo, Không, nó có nghĩa là: Năm lấy hy vọng, thần chết sẽ ở lại chỗ cũ. Tiếng Trung vừa tốt vừa xấu, có nhiều nghĩa, tùy thuộc suy nghĩ trong lòng mỗi người.

Đằng nào thì đấy cũng là năm tôi cho cô Banner trà. Còn cô cho tôi cái hộp âm nhạc, thứ có lần tôi đã lấy trộm của cô rồi sau đó trả lại. Tôi nhớ lại đêm chúng tôi giữ cái hộp giữa chúng tôi, bên trong có mọi thứ mà chúng tôi không muốn quên. Chỉ có hai chúng tôi trong ngôi nhà của Ma Thương nhân, nơi chúng tôi sống với những người Thờ phụng Jesus sáu năm liền. Chúng tôi đứng cạnh bụi cây thiêng, chính là bụi cây có những cái lá đặc biệt tôi dùng pha trà. Lúc này bụi cây vừa bị đốt, cô Banner nói cô rất tiếc đã để Tướng Cape chặt bụi cây này. Đêm ấy nóng nực và buồn bã, nước chảy xuống mặt chúng tôi, mồ hôi và nước mắt, những con ve sầu kêu to hơn, to hơn rồi lặng ngắt. Sau đó, chúng tôi đứng trong cái cổng tò vò này, sợ đến chết. Nhưng chúng tôi cũng vui. Chúng tôi vui vì biết rằng chúng tôi bất hạnh vì cùng một lý do. Đó là năm thiên đường của cả hai chúng tôi bị thiêu rụi.

Sáu năm trước, khi gặp cô lần đầu, tôi mười bốn tuổi còn cô hai sáu, có lẽ trẻ hơn hoặc già hơn một chút. Tôi ở một nơi nhỏ bé trên Kế Sơn, phía nam làng Xương Miên. Chúng tôi không phải người bản địa - những người Trung Hoa khẳng định dòng máu Hán chảy trong huyết quản họ, vì thế mọi thứ phải thuộc về họ. Chúng tôi cũng không phải là một trong các bộ tộc Choang hay đánh nhau, làng này đánh làng kia, phe này đánh phe nọ. Chúng tôi là Khách Gia¹, dân tộc Khách - hừ! - có nghĩa là vị khách không mời mà ở lại quá lâu ở bất cứ nơi nào tốt lành. Chúng tôi sống tại một trong những ngôi nhà tam của dân Khách Gia trong một khu vực miền núi nghèo khổ, phải trồng trọt trên các vách đá, đứng như một con dê và đào hai xe cút kít đá mới gieo được một nắm thóc.

Đàn bà làm việc quần quật như đàn ông, khuôn đá đốt than, ban đêm canh giữ mùa màng khỏi bọn cướp bóc. Phụ nữ Khách Gia đều khỏe khoắn. Chúng tôi không bó chân như các cô gái người Hán, họ nhẩy lò cò bằng phần chân còn lại, đen sì và thối rửa như quả chuối nẫu. Chúng tôi phải trèo đèo lội suối để làm việc, không vải bó, không giày dép. Bàn chân trần của chúng tôi dẫm lên những cây kế sắc nhọn, chính là thứ cây nổi tiếng dùng đặt tên cho quả núi của chúng tôi.

Ở vùng núi chúng tôi, một cô dâu phù hợp phải có những u chai dày trên bàn chân và bộ mặt xinh, gò má cao. Nhiều gia đình Khách Gia khác sống gần các thành phố lớn là Đông Hoàn trên núi và Kim Điền ở ven sông. Các bà mẹ trong những gia đình nghèo hơn thích tìm vợ cho con trai mình trong các cô gái xinh xắn, chăm làm ở Kế Sơn. Trong các lễ hội tìm bạn đời, các chàng trai này trèo lên những ngôi làng cao chót vót của chúng tôi, các cô gái hát những bài dân ca cổ lưu truyền từ phương Bắc hơn một ngàn năm nay. Chàng trai phải hát đối với cô gái anh ta định lấy làm vợ, phải tìm được lời thích hợp với bài ca của cô gái. Nếu giọng anh ta quá yếu, lời lẽ vụng về, không hay, cuộc hôn nhân sẽ không thành. Chính vì thế dân Khách Gia không chỉ khỏe mạnh mà còn có giọng hay, trí tuệ minh mẫn để giành được bất cứ thứ gì họ muốn.

Chúng tôi có câu ngạn ngữ: Khi cưới một cô gái Kế Sơn, bạn đã được ba con bò: một để đẻ

con, một đế cày ruộng và một đế cõng mẹ già của bạn. Câu đó chứng tỏ con gái Kế Sơn dẻo dai biết chừng nào. Cô gái không bao giờ phàn nàn, dù bị hòn đá bên sườn núi rơi xuống, đâm vào mắt.

Chuyện đó đã xảy ra với tôi năm tôi lên bảy. Tôi rất hạnh diện vì vết thương và chỉ khóc tí chút. Khi bà tôi khâu kín cái lỗ trước kia là mắt tôi, tôi nói hòn đá chắc là một con ngựa ma bị lỏng dây cương. Con ngựa do hồn ma trình nữ nổi tiếng Nunumu cười - chữ *nu* nghĩa là *cô gái*, *numu* nghĩa là *nhìn chồng chọc, sắc như dao*. Nunumu là Cô gái có cái nhìn Sắc như dao. Cô cũng bị mất một mắt từ hồi trẻ. Cô chứng kiến một gã bản địa ăn cắp muối của người khác, và cô chưa kịp bỏ chạy, hắn đã đâm dao găm vào mắt cô. Sau đó, cô kéo góc khăn trùm che bên mắt chặt. Còn mắt kia trở nên to hơn, đen thắm hơn, tinh như mắt cú mèo. Cô chỉ cướp đoạt của người bản địa, và khi nhìn thấy con mắt sắc như dao của cô, họ run như cầy sấy.

Toàn dân Khách Gia ở Kế Sơn ngưỡng mộ cô, không chỉ vì cô cướp bóc dân bản địa. Cô là kẻ cướp Khách Gia đầu tiên tham gia cuộc chiến giành Thái bình vĩnh cửu khi Thiên Hoàng trở lại cứu giúp chúng tôi. Mùa xuân, cô dẫn đội nữ binh Khách Gia đến Quế Lâm và bị quân Mãn Châu bắt. Sau khi chúng chặt đầu cô, môi cô vẫn cử động, nguyên rằng cô sẽ trở lại, hủy hoại một trăm thế hệ gia đình bọn chúng. Mùa hè năm ấy tôi mất một mắt. Khi tôi kể với mọi người về Nunumu phi trên con ngựa ma, họ nói đây là dấu hiệu Nunumu chọn tôi làm tín sứ như Thiên Chúa đã chọn một người đàn ông Khách Gia làm Thiên Hoàng. Họ bắt đầu gọi tôi là Nunumu. Thỉnh thoảng lúc đêm khuya, tôi tưởng như có thể nhìn thấy nàng Trinh nữ Đạo tặc, tất nhiên là không quá rõ ràng, vì hồi đó tôi chỉ có một mắt của người âm.

Sau đó ít lâu, tôi gặp người nước ngoài đầu tiên. Bất cứ khi nào người nước ngoài đến tỉnh chúng tôi, dân nông thôn - từ Nam Ninh đến Quế Lâm - đều bàn tán về họ. Nhiều người phương Tây đến buôn bán thứ bòn ngoai, thuốc phiện làm cho người nước ngoài có những giấc mơ rồ dại về Trung Hoa. Một số đến bán vũ khí - đại bác, thuốc súng, súng trường, không phải loại mới và nhanh mà là loại cũ, chậm, phải khai hỏa bằng cách châm ngòi, là những thứ còn lại của các trận chiến đã qua. Nhiều nhà truyền giáo đến tỉnh chúng tôi vì nghe đồn dân Khách Gia là những người thờ phụng Thượng đế. Họ muốn giúp chúng tôi lên thiên đường của họ nhiều hơn. Họ không hiểu rằng người thờ phụng Thượng đế không có nghĩa là người thờ phụng Jesus. Sau này tất cả chúng tôi nhận ra rằng thiên đường của chúng tôi không giống nhau.

Nhưng người nước ngoài tôi gặp không phải là nhà truyền giáo. Ông là một viên tướng người Mỹ. Dân Khách Gia gọi ông là Cape vì lúc nào ông cũng mặc áo choàng rộng không tay đã sờn, đi găng đen, ủng đen, không mũ, một chiếc áo ngoài ngắn màu xám có nhiều khuy - giống những đồng xu sáng loáng! - chạy suốt từ eo đến cằm. Trong tay ông ta bao giờ cũng có chiếc can dài bằng song, đầu bịt bạc, tay cầm bằng ngà khắc hình một phụ nữ khoả thân.

Khi ông ta đến Kế Sơn, dân từ các làng đổ xuống sườn núi và tụ tập trong một bãi đánh ki màu xanh, rộng rãi. Ông ta nghênh ngang cưỡi một con ngựa, dẫn năm chục binh lính Quảng Đông nguyên là dân chài và hành khất, nay cưỡi ngựa, mặc quân phục nhiều màu sắc, chúng tôi nghe đồn họ không phải là người Trung Hoa hoặc Mãn Châu mà là tàn binh của các cuộc chiến ở châu Phi thuộc Pháp. Binh lính hô to:

- Hỡi những người thờ phụng Thượng đế! Chúng tôi cũng là đạo hữu đây!

Một số người trong chúng tôi ngỡ Cape là Jesus hoặc giống như một người em trai khác của Thiên Hoàng. Ông ta rất cao, có bộ ria mép lớn, râu ngắn, tóc đen gọn sóng xõa xuống vai. Nam giới Khách Gia cũng để tóc dài kiểu này, không còn tết đuôi sam vì Thiên Hoàng đã cho phép dân tộc chúng tôi không phải tuân theo luật Mãn Châu. Trước kia tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người nước ngoài và không hề biết tuổi thật của ông ta. Nhưng tôi thấy ông ta già. Ông ta có nước da như củ cải đỏ, cặp mắt âm u như vũng nước nông. Mặt ông ta chỗ hóp chỗ nhọn, giống như người bị bệnh tàn phá sức khỏe. Thỉnh thoảng ông ta mỉm cười nhưng thường hay cười to. Ông ta nói những từ khó nghe bằng giọng be be như lừa kêu. Một người đàn ông luôn đứng cạnh ông ta, làm người trung gian, dịch lời Cape nói bằng giọng tao nhã.

Lần đầu tiên nhìn thấy người trung gian, tôi nghĩ anh ta giống người Trung Hoa. Lát sau thấy

giống người nước ngoài, rồi lại không phải. Anh ta như một con kỳ giông, biến màu theo lá hoặc cành cây. Sau này tôi mới biết anh ta có mẹ là người Hoa, cha là một thương nhân Mỹ. Tướng Cape gọi anh ta là *Dị Ban ren*, người lai nửa nọ nửa kia.

Dị Ban nói với chúng tôi rằng Cape vừa từ Quảng Châu tới, ở đó ông ta đã kết bạn với Thiên Hoàng của cuộc Cách mạng Thái bình vĩ đại. Tất cả chúng tôi ngẩn người. Thiên Hoàng là người nhà Trời, xuất thân là dân Khách Gia, được Trời chọn làm thiên tử trẻ, quý báu của Người, anh em với Chúa Jesus. Chúng tôi chăm chú lắng nghe.

Dị Ban nói, Cape là một lãnh tụ quân sự Mỹ, một nguyên soái, cấp bậc cao nhất. Dân chúng xì xào. Ông ta đã vượt biển đến Trung Hoa để giúp những người thờ phụng Thượng đế, những người theo phong trào Thái bình vĩ đại. Dân chúng hô to: "Tốt! Tốt!". Bản thân ông ta là người thờ phụng Thượng đế, ông ta khen ngợi chúng tôi, tán thành các luật lệ của chúng tôi chống thuốc phiện, trộm cắp, chống tìm khoái lạc ở những nơi kín trên thân thể đàn bà. Dân chúng gật gù, còn tôi nhìn chăm chăm bằng một mắt vào người đàn bà khoả thân trên tay cầm chiếc cán của Cape. Ông ta nói đến để giúp chúng tôi chiến thắng quân Mãn Châu, đó là một kế hoạch của Chúa Trời, được viết ra từ hơn một ngàn năm trước trong cuốn Kinh Thánh ông ta đang cầm. Dân chúng xô tới để nhìn. Chúng tôi đã biết về một kế hoạch tương tự. Thiên Hoàng đã phán bảo chúng tôi rằng, dân Khách Gia sẽ được thừa hưởng trái đất và trị vì đất nước Trung Hoa của Trời. Cape nói binh lính Thái bình vĩ đại đã chiếm nhiều thành phố, tập hợp được nhiều tiền của và đất đai. Giờ đây, cuộc chiến đã sẵn sàng chuyển lên phương Bắc, những người thờ phụng Thượng đế còn lại ở Kế Sơn nên xung vào lính của ông ta. Ông ta nói thêm rằng những người đi chiến đấu sẽ được ban thưởng hậu hĩ - quần áo ấm, ăn uống no đủ, vũ khí, sau này còn được ban phát đất đai, địa vị và phẩm trật mới, trường học và nhà cửa, đàn ông và đàn bà khác nhau. Thiên Hoàng sẽ cấp lương thực cho gia đình của họ. Lúc này, ai cũng hô lớn: "Thái bình vĩ đại! Thái bình vĩ đại!"

Rồi Tướng Cape gõ can lên mặt đất. Mọi người lại im lặng. Ông ta bảo Dị Ban cho chúng tôi thấy những món quà Thiên Hoàng phái ông ta mang đến. Những thùng thuốc súng! Nhiều bó súng trường! Những giỏ đựng quần phục châu Phi thuộc Pháp, một số bộ đã rách và dây máu. Nhưng mọi người đồng tình rằng vẫn còn tốt chán. Ai cũng bảo:

- Này, xem những cái khuy kia, sờ vào vải này.

Hôm đó, nhiều người, cả nam lẫn nữ, gia nhập quân đội của Thiên Hoàng. Tôi thì không. Tôi quá trẻ, mới lên bảy, nên trong lòng tôi rất không vui. Nhưng khi binh lính Quảng Đông phát đồng phục, chỉ phát cho nam chứ không cho nữ, tôi không còn ấm ức như lúc trước nữa.

Đàn ông vận quần áo mới. Đàn bà kiểm tra súng trường mới và diêm để khai hỏa. Rồi Tướng Cape lại gõ can và bảo Dị Ban phát quà cho chúng tôi. Tất cả chúng tôi nhao về phía trước, háo hức muốn thấy sự bất ngờ nữa. Dị Ban mang đến một cái lồng bằng liễu, bên trong là một đôi chim bồ câu trắng. Tướng Cape tuyên bố với những người Trung Hoa hiếu kỳ rằng ông ta đã xin đức Chúa Trời ban cho tín hiệu chúng tôi sẽ là một đội quân luôn luôn chiến thắng. Chúa Trời gửi xuống đôi chim câu này. Tướng Cape nói, chim câu có ý nghĩa là chúng tôi, những người Khách Gia nghèo khổ, đói khát hơn một ngàn năm qua sẽ được Thái bình vĩ đại đền đáp. Ông ta tung chúng vào không khí và dân chúng hò reo. Họ chạy, xô đẩy nhau để bắt những con vật trước khi chúng bay xa. Một người ngã, đập vào một tảng đá. Đầu ông ta vỡ toang, óc phọt ra. Nhưng dân chúng xéo lên người ông ta và vẫn đuổi theo những con chim quý hiếm này. Một con chim bị bắt, con kia bay mất. Thế là tối hôm đó, có người được một bữa ăn.

Cha mẹ tôi đều tham gia cuộc chiến. Các chú bác, cô dì, các anh lớn của tôi, hầu như tất cả những người trên mười ba tuổi ở Kế Sơn và các thành phố bên dưới. Năm mươi hoặc sáu mươi ngàn người. Nông dân và địa chủ, người bán cháo và giáo viên, kẻ cướp và ăn mày, không chỉ người Khách Gia, cả người Dao, người Miêu, các bộ tộc Choang và cả những người bản địa nghèo. Đó là thời khắc vĩ đại cho dân Trung Hoa, tất cả chúng tôi đoàn kết lại.

Tôi ở lại Kế Sơn với bà tôi. Làng tôi là một ngôi làng đầu thừa đuôi theo, đầy những trẻ sơ sinh và trẻ con, người già và què quặt, người hèn và người ngu. Song chúng tôi vẫn vui vì như

lời Cape đã hứa, Thiên Hoàng sẽ cho lính mang lương thực đến cho chúng tôi, nhiều loại hơn những thứ chúng tôi hình dung trong một trăm năm nay. Binh lính cũng kể cho chúng tôi nghe nhiều chiến công lớn: nào Thiên Hoàng đã thành lập vương quốc mới của Người ở Nam Kinh ra sao. Những câu chuyện về tiền bạc ê hề, nhiều hơn cả thóc gạo. Mọi người sống trong những ngôi nhà đẹp ra sao, nam ở một khu, nữ ở khu khác. Cuộc sống hòa bình là Chủ nhật đi nhà thờ, không làm việc, chỉ nghỉ ngơi và vui chơi. Chúng tôi vui sướng nghe rằng hiện giờ chúng tôi sống trong thời đại Thái bình vĩnh cửu.

Năm sau, binh lính đến cùng gạo và cá ướp muối. Năm sau nữa chỉ còn gạo. Nhiều năm trôi qua. Một hôm, một người đàn ông từng sống ở làng tôi từ Nam Kinh trở về. Ông ta nói chán chết cái Thái bình vĩnh cửu. Ông ta nói khi chiến đấu, ai cũng chịu đựng gian khổ như nhau. Nhưng khi hòa bình, những mong muốn chẳng giống nhau. Người giàu không chịu san sẻ. Người không giàu thì thêm muốn và trộm cắp. Ông ta bảo ở Nam Kinh, ai cũng tìm kiếm xa hoa, hưởng lạc, tìm chỗ kín của đàn bà. Ông ta nói hiện giờ Thiên Hoàng sống trong một cung điện lộng lẫy và có nhiều thê thiếp. Thiên Hoàng cho một người bị Chúa Thánh thần ám ảnh trị vì vương quốc. Còn tướng Cape, người đã tập hợp dân Khách Gia để đánh nhau đã theo quân Mãn Châu và hiện là kẻ phản bội, bị vàng của một chủ nhà băng Trung Hoa và cuộc hôn nhân với con gái ông ta ràng buộc. Người đàn ông trở về ấy nói rằng, luôn có quá nhiều nước mắt tuôn rơi vì đau khổ.

Chúng tôi cảm thấy thấm thía tận tâm can thực tế người ấy nói. Chúng tôi đói. Thiên Hoàng đã quên chúng tôi. Những người bạn phương Tây đã phản bội chúng tôi. Chúng tôi không còn nhận được lương thực cũng như các câu chuyện về chiến công nữa. Chúng tôi nghèo khổ. Chúng tôi không có mẹ, không có cha, không còn các trinh nữ và các chàng trai ca hát nữa. Mùa đông, chúng tôi rét thấu xương.

Sáng hôm sau, tôi rời làng và xuống núi. Tôi đã mười bốn tuổi, đủ lớn để vạch đường cho mình trong đời. Bà tôi đã mất năm ngoái, nhưng hồn ma của bà không ngăn tôi lại. Tôi nhớ hôm đó, ngày mừng chín tháng chín, ngày mà người Trung Hoa coi là cực tốt, ngày tôn vinh tổ tiên, song những người thờ phụng Thượng đế đã phớt lờ để chứng tỏ họ theo lịch Tây có năm mươi hai Chủ nhật, chứ không theo các ngày thiêng liêng trong niên giám Trung Hoa. Thế là tôi xuống núi, xuyên qua các thung lũng giữa các quả núi. Tôi không còn biết tin vào cái gì, vào ai nữa. Tôi quyết đợi một tín hiệu, xem có chuyện gì xảy ra.

Tôi đến một thành phố ven sông tên là Kim Điền. Tôi nói với những người Khách Gia tôi gặp, tôi là Nunumu. Nhưng họ không biết cô Trinh nữ đạo tặc kia là ai. Cô không có tiếng tăm gì ở Kim Điền. Dân Khách Gia ở đó chẳng quan tâm gì con mắt của tôi là do con ngựa ma đá phải. Họ thương hại tôi. Họ để nắm cơm nguội vào tay tôi và làm như tôi là một mù ăn mày chột. Nhưng tôi không chịu thành người họ nghĩ.

Thế là tôi lại lang thang khắp thành phố, nghĩ cách kiếm sống. Tôi đã nhìn thấy dân Quảng Châu cắt phẳng đầu ngón chân, người Dao nhổ răng, người bản địa chọc kim vào các kẽ chân sưng vù. Tôi không biết gì về cách kiếm tiền từ những phần cơ thể thối rữa của con người. Tôi tiếp tục đi, đến tận bờ thấp của một con sông rộng. Tôi thấy những người dân chài Khách Gia trên các con thuyền nhỏ, quăng những cái lưới rộng xuống nước. Nhưng tôi không có lưới, không có thuyền. Tôi chưa hề biết suy nghĩ, như một con cá nhỏ tung tăng bơi lội.

Chưa kịp biết phải làm gì, chợt tôi nghe thấy nhiều người la hét dọc bờ sông. Người nước ngoài đã tới! Tôi chạy đến bến tàu và thấy hai người *cu li* thuyền, một người trẻ, một người già, đi trên một tấm ván hẹp, vác hòm xiềng, thùng thừa từ một con thuyền lớn xuống. Rồi tôi tận mắt nhìn thấy những người nước ngoài đứng trên boong, ba, bốn, năm người, tất cả đều vận quần áo đen sì trừ người nhỏ nhắn nhất, quần áo và tóc màu nâu bóng như con bọ dừa. Đó là cô Banner, nhưng lẽ tất nhiên lúc đó tôi chưa biết. Tôi ngắm tất cả bọn họ. Năm cặp mắt xa lạ chú mục vào những người phu thuyền trẻ và già đang cố giữ thăng bằng trên ván cầu dài, mỏng. Trên vai họ là hai chiếc đòn gánh, ở giữa cong oằn xuống dưới sức nặng của một cái rương to, treo bằng những sợi thừng bện xoắn. Bỗng, người nước ngoài mặc áo nâu bóng kia chạy xuống ván cầu - ai mà biết vì sao? - dạn dỏ những người phu thuyền, bảo họ cẩn thận hơn. Bất thình

lình, tấm ván cầu nảy lên, cái rương lắc lư, những người phu đung đưa, còn năm người nước ngoài trên tàu bắt đầu la hét. Tới và lui, lên rồi xuống, cái nhìn của chúng tôi bám theo những người phu thuyền căng hết các cơ, còn người nước ngoài bóng loáng kia vẫy vẫy cánh tay như một con chim non. Tiếp đó, người phu già hơn ở đầu ván hét lên một tiếng chói tai - tôi nghe thấy tiếng rắc, xương vai ông ta bị gãy. Hai người cu li, cái rương và người nước ngoài kia rơi tùm xuống làn nước bên dưới.

Tôi chạy đến mép sông. Người cu li trẻ hơn đã bơi đến bờ, hai người dân chài trên con thuyền nhỏ đuổi theo vớt các thứ tràn ra khỏi rương, quần áo sặc sỡ cuộn cuộn như những cánh bướm, những cái mũ cắm lông chim lênh bênh như đàn vịt, những đôi găng dài chìa ra trong nước như những ngón tay ma. Nhưng chẳng có ai thử giúp người phu thuyền bị thương hoặc người nước ngoài sáng bóng. Những người nước ngoài kia thì không rồi, họ sợ bước xuống ván cầu. Dân bản địa trên bờ cũng không nổi, nếu họ cưỡng lại số phận, họ sẽ phải chịu trách nhiệm để hai người kia không bị chìm. Nhưng tôi không nghĩ thế. Tôi là một người Khách Gia. Dân Khách Gia là người thờ phụng Thượng đế. Những người thờ phụng Thượng đế là các nhà truyền giáo. Vì thế tôi vớ một trong những cái đòn gánh bằng tre rơi xuống nước. Tôi chạy dọc bờ sông và giơ cái đòn ra, để dây rợ lòng thòng xuống nước. Người cu li và người nước ngoài vồ lấy những sợi dây bằng những bàn tay nôn nóng. Tôi cố hết sức kéo họ vào.

Ngay sau đó, những người dân bản địa gạt tôi sang một bên. Họ để người phu thuyền bị thương trên đất, thở hỗn hển và nguyên rửa. Người đó là Lão Lục, sau này làm người gác cổng, từ khi bị gãy xương vai lão không làm cu li được nữa. Còn cô Banner, dân Bản địa kéo cô lên chỗ bờ cao hơn, cô hết nôn mửa lại kêu gào. Cuối cùng, khi những người nước ngoài rời thuyền, dân bản địa chen chúc quanh họ, kêu to:

- Cho chúng tôi tiền.

Một trong những người nước ngoài ném những đồng xu nhỏ lên mặt đất, nhiều người bản địa bu lại như đàn chim chộp lấy tiền rồi tản đi.

Những người nước ngoài khiêng cô Banner lên một chiếc xe ngựa, người phu thuyền gãy xương lên chiếc khác. Họ chất hòm xiểng, rương, thùng lên ba cái xe nữa. Họ lên đường đến Hội Truyền giáo ở Xương Miên, tôi chạy theo sau. Vì thế ba người chúng tôi đến sống trong cùng một ngôi nhà. Ba số phận khác nhau cùng trôi đến dòng sông này, bện xoắn lại với nhau và rồi beng như tóc một người đàn bà chết trôi.

Chuyện là thế này: nếu cô Banner không nhảy vọt lên ván cầu, Lão Lục sẽ không bao giờ bị gãy xương vai. Nếu vai lão không gãy, cô Banner không bao giờ suýt chết đuối. Nếu tôi không cứu cô Banner khỏi chết đuối, cô sẽ không bao giờ thương xót cho cái vai vỡ của Lão Lục. Nếu tôi không cứu Lão Lục, lão sẽ không bao giờ nói với cô Banner việc tôi làm. Nếu cô Banner không biết, cô sẽ chẳng bao giờ kết bạn với tôi. Nếu tôi không trở thành bạn cô, cô sẽ không mất người đàn ông cô yêu.

Ngôi nhà của Ma thương nhân ở Xương Miên, còn Xương Miên cũng ở Kế Sơn, về phía bắc làng tôi. Từ Kim Điền đến đây mất nửa ngày đường. Nhưng với cả đồng hòm xiểng và nhiều người rên la trên xe như thế, chúng tôi đi lâu gấp đôi. Sau này tôi biết rằng *Xương Miên* có nghĩa là "bài ca không dứt". Sau làng, trong những quả núi cao hơn có hàng trăm hang động. Khi gió thổi qua, miệng các hang réo *ú!u!u!* - giống tiếng các bà mẹ rên rỉ thảm thiết khi mất con trai.

Tôi ở nơi đó, trong ngôi nhà đó sáu năm liền. Tôi sống với cô Banner, Lão Lục và các nhà truyền giáo - hai nữ, hai nam, những người thờ phụng Jesus từ nước Anh. Hồi đó tôi chưa hiểu điều này. Nhiều tháng sau, khi chúng tôi đã có thể chuyện trò với nhau bằng thứ ngôn ngữ chung, cô Banner kể với tôi thế. Cô kể các nhà truyền giáo đã vượt biển đến Ma Cao, giảng đạo ở đó một thời gian rồi đến Quảng Châu, giảng một thời gian nữa. Đây chính là nơi chúng tôi gặp cô Banner. Khoảng thời gian này, có một hiệp ước cho phép người nước ngoài được sinh sống tại bất cứ nơi nào họ thích trên đất Trung Hoa. Vì thế các nhà truyền giáo vào sâu trong đất liền, theo dòng Tây Giang đến Kim Điền. Cô Banner đi cùng họ.

Hội Truyền giáo là một biệt khu lớn, ở giữa có một sân rộng và bốn sân nhỏ hơn, ngôi nhà chính to, đẹp mắt, với ba ngôi nhà nhỏ hơn. Nhiều hành lang có mái nối mọi chỗ với nhau. Xung quanh có tường cao, tách biệt hẳn bên trong với bên ngoài. Từ hơn một trăm năm nay nơi đó chưa có ai ở. Chỉ có những người nước ngoài mới dám ở lại ngôi nhà bị nguyền rủa đó. Họ bảo họ không tin có các hồn ma Trung Hoa.

Dân địa phương bảo Lão Lục:

- Đừng sống ở đây. Nhà ấy bị các linh hồn cáo săn đuổi.

Nhưng Lão Lục nói lão không sợ gì hết. Lão là một cu li Quảng Đông, đã mười đời làm cu li! Lão đủ sức làm việc đến lúc chết, đủ khôn ngoan để tìm ra câu trả lời cho những gì lão muốn biết. Ví dụ, nếu bạn hỏi lão phụ nữ nước ngoài mặc quần áo gồm bao nhiêu cái, lão sẽ không đoán ra và nói khoảng hàng chục. Lúc các bà đi ăn, lão sẽ vào phòng họ và đếm từng chiếc, lẽ tất nhiên không lấy trộm cái nào. Lão kể cô Banner có hai đôi giày, sáu đôi găng, năm cái mũ, ba bộ váy dài, hai đôi tất đen, hai đôi tất trắng, hai đôi quần lót, một cái ô, bảy thứ khác trong trang phục nhưng lão không rõ nó che bộ phận nào trên người.

Qua Lão Lục, tôi nhanh chóng biết nhiều thứ về người nước ngoài. Mãi sau này lão mới kể với tôi vì sao dân địa phương cho là ngôi nhà bị nguyền rủa. Nhiều năm trước, nó là biệt thự mùa hè của một thương nhân đã chết rất bí ẩn và kinh hoàng. Sau đó, bốn bà vợ của ông ta chết hết, lần lượt từng người một, người trẻ nhất chết đầu tiên, người già nhất sau cùng, tất cả đều chết vào lúc trăng tròn từ tháng này tiếp tháng kia.

Giống như Lão Lục, tôi không dễ sợ hãi. Nhưng phải nói với Libby-ah rằng, những chuyện xảy ra ở đó năm năm sau làm chị tin hồn ma của vị thương nhân ấy đã trở về.

3.CON CHÓ VÀ CÁI KHĂN QUÀNG LÔNG

Từ khi ly thân, Simon và tôi cãi nhau vì việc chăm sóc Bubba, con chó của tôi. Simon muốn có quyền đến thăm nó, đưa nó đi dạo cuối tuần. Tôi không muốn phủ nhận đặc quyền của anh với Bubba. Nhưng tôi ghét cái lối phóng túng của anh với các loại chó. Simon thích tháo xích cho Bubba khi đi dạo. Anh cho nó nhảy nhót trên các con đường mòn ở Presidio, đường rải cát dành cho chó dọc theo Crissy Field, nơi có đủ thứ hàm của các loại chó dữ, chó sục, thậm chí có cả một con chó spanish¹ rất dữ, sẵn sàng cắn con chihuahua² Yorkie nặng chưa đầy một ký ra làm đôi.

Tối nay, chúng tôi ở căn hộ của Simon, lựa các hoá đơn cho việc làm thêm trong năm mà chúng tôi chưa chia. Muốn được giảm thuế, chúng tôi quyết định vẫn áp dụng hình thức “khai báo chung thu nhập của vợ chồng”.

- Bubba là một con chó, - Simon nói. - Nó có quyền chạy thoải mái một lúc chứ.

- Vâng, và sẽ bị giết chết. Anh nhớ chuyện gì với con Sarge chứ?

Simon tròn mắt, ra ý “Sẽ không có chuyện đó nữa”. Sarge là con chó của Quan, một con chó Bắc Kinh lai Manto hung hãn, thích gây sự với bất kỳ con chó đực nào trên phố. Khoảng năm năm trước, Simon tháo xích dẫn nó đi dạo và Sarge cắn toạc mũi một con bôcxơ³. Chủ nhân con bôcxơ đưa cho Quan hóa đơn thú y tám trăm đôla. Tôi một mực bắt Simon phải trả. Simon nói chủ con bôcxơ nên trả vì chó của ông ta gây sự trước. Quan cũng cãi ầm ĩ với bệnh viện thú y về từng khoản chi phí.

- Nhớ con Bubba đung phải một con như Sarge? - Tôi nói.

- Con bôcxơ bắt đầu trước! - Simon nói thẳng thừng.

- Sarge là con chó hung dữ! Anh là người thả nó, vậy mà Quan lại phải thanh toán hóa đơn thú y!

- Ý em là gì? Chủ con bôcxơ phải trả chứ.

- Ồ không, ông ta không trả. Quan chỉ bảo lẽ ra anh không nên có ý thích tệ thế. Em đã kể với anh rồi, nhớ chưa?

Simon méo miệng về một bên, vẻ nhăn nhó luôn báo trước một lời tuyên bố đáng ngờ.

- Anh không nhớ việc đó, - anh ta nói.

- Tất nhiên là anh không nhớ! Anh chỉ nhớ những gì anh muốn nhớ!

Simon cười nhạo.

- Ồ, anh tưởng là em mới không chứ? - Tôi chưa kịp phản ứng, anh ta đã giơ hai tay lên, lòng bàn tay hướng ra ngoài, ngăn tôi lại, - Anh biết, anh biết. Em có một trí nhớ kinh khủng! Em không bao giờ quên thứ gì! Thôi được, để anh nói cho mà nghe, bộ sưu tập từng chi tiết của em rồi sẽ chẳng ích gì cho hồi ức. Như thế gọi là giữ mãi sự thù hận chết tiệt.

Lời Simon nói làm tôi thao thức suốt đêm. Liệu tôi có phải là loại người cứ khư khư giữ mãi sự oán giận không? Không, Simon mới là người bảo thủ, thích quăng ra những lời chua cay. Biết làm thế nào nếu sinh ra tôi đã có sở trường nhớ đủ mọi thứ?

Dì Betty là người đầu tiên bảo tôi có trí nhớ như chụp ảnh; nhận xét của dì làm tôi tin mình sẽ trở thành một nhà nhiếp ảnh. Sở dĩ dì nói thế vì có lần tôi đã sửa lại cho dì khi kể trước một đám người về bộ phim chúng tôi cùng xem. Giờ đây, kiếm sống bằng nghề chụp ảnh đã mười lăm năm, tôi không biết người ta muốn gì nhờ trí nhớ như chụp ảnh. Tôi nhớ lại quá khứ không như lướt qua một đồng ảnh chụp vội. Phải lựa chọn cẩn thận hơn thế.

Nếu có người hỏi địa chỉ của tôi hồi lên bảy, những con số sẽ không lóe lên trước mắt tôi. Tôi

phải nhớ lại một khoảnh khắc đặc biệt: hơi nóng ban ngày, mùi cỏ mới cắt, tiếng sàn sạt của dây dép da xát vào gót chân tôi. Một lần nữa, tôi như đang leo lên hai bậc hiên bê tông, thò tay vào hòm thư màu đen, tìm đập thành thích, ngón tay nắm lấy - Nó đâu nhỉ? Bức thư ngó ngẩn từ Art Linkletter⁴ mời tôi tham dự chương trình của ông đâu rồi? Nhưng tôi không từ bỏ hy vọng. Tôi tự nhủ, nhớ tôi đề nhằm địa chỉ. Nhưng không, đúng ở đấy, những con số bằng đồng thau ở bên trên, 3-6-2-4, xỉn và han gỉ quanh đỉnh vít.

Thứ tôi nhớ nhất không phải là địa chỉ mà là nỗi đau - sự kết tội cũ kỹ cứ nghẹn-trong-cổ rằng cuộc đời này đã chạm vào tôi để rồi lãng mạ và phớt lờ tôi. Nó có giống sự hận thù không? Tôi thêm được là khách mời của chương trình *Kids Say the Darndest Things*. Đó là cách rất trẻ con để đạt danh tiếng, một lần nữa tôi muốn chứng tỏ với mẹ tôi rằng tôi là người đặc biệt, chẳng cứ là Quan. Tôi muốn vênh mặt với bọn trẻ con hàng xóm, làm chúng phát tức vì tôi có nhiều trò vui hơn chúng từng có. Trong lúc cưỡi xe đạp phóng quanh khu nhà, tôi sắp xếp lời sẽ nói nếu rốt cuộc tôi được mời đến buổi trình diễn. Tôi đã kể với ông Linkletter về Quan, chỉ kể những chuyện vui - như lần chị nói chị thích bộ phim *Southern Pacific*. Ông Linkletter nhếch lông mày và tròn miệng.

- Olivia, - ông nói, - chị cháu định nói là South Pacific? - Lúc đó một số người trong đám khán giả sẽ vỗ đầu gối và cười rộ, còn tôi đỏ mặt vì ngạc nhiên, ngây thơ và đáng yêu.

Ông già Art luôn quan niệm trẻ con là đáng yêu và ngây thơ, chúng không biết chúng đang nói những điều dễ làm mọi người lúng túng. Nhưng tất cả những đứa trẻ trong chương trình đều biết chính xác chúng đang làm gì. Vì sao chúng chưa từng nói đến những điều thực sự bí mật - đêm đêm chúng chơi trò giả vờ là y tá và bác sĩ, chúng ăn trộm kẹo, thuốc súng, tạp chí ở cửa hàng góc phố của người Mexico ra sao. Tôi biết bọn trẻ con đã làm những việc ấy. Chúng là những đứa đã ghì chặt cánh tay tôi, ngó tôi, cười phá và hò reo:

- Chị của Olivia là mụ điên. - Chúng cười lên tôi cho đến lúc tôi phát khóc, vừa ghét Quan vừa ghét mình.

Để dỗ tôi, Quan dẫn tôi đến Sweet Dreams Shoppe. Chúng tôi ngồi bên ngoài, liếm kem ốc quế. Captain, con chó lai cuối cùng mẹ tôi cứu khỏi chỗ nhốt chó mèo lạc và Quan đặt tên cho, nằm dưới chân chúng tôi, cảnh giác đợi những giọt kem.

- Libby-ah, - Quan nói, - *lee-tard* nghĩa là gì?

- *Reee-tard*, - tôi sửa lại, kéo dài âm e. Tôi vẫn còn tức Quan và bọn ranh con hàng xóm. Tôi liếm một cái nữa, nghĩ đến những việc ngó ngẩn Quan đã làm. - *Retard* nghĩa là *đần độn*, - tôi nói. - Là người ngó ngẩn không hiểu gì hết, - chị gật đầu. - Giống như nói những lời không đúng lúc, đúng chỗ, - tôi nói thêm. Chị lại gật đầu, - Như lúc chúng nó cười chị, còn chị chẳng hiểu gì cả.

Quan nín lặng một lúc lâu, trong ngực tôi thấy bút rút và khó chịu. Cuối cùng, chị nói bằng tiếng Trung:

- Libby-ah, em nghĩ chị có *retard* không? Nói thật đi.

Tôi liếm những giọt kem chảy xuống, tránh cái nhìn chăm chú của chị. Tôi thấy con Captain cũng đang chăm chú quan sát tôi. Sự bút rút càng tăng, cho đến lúc tôi thở dài thật to và lảm bầm:

- Không hẳn.

Quan cười và vỗ cánh tay tôi, làm tôi suýt phát rồ.

- Captain, - tôi quát, - Đồ hư! Đừng ăn xin! - Con chó co rúm lại.

-Ồ, nó không ăn xin đâu, - Quan nói, giọng vui vẻ. - Nó chỉ mong thôi, - chị vỗ vào hông nó, rồi giơ cái ốc quế lên trên đầu con vật. - Nói tiếng Anh! - Captain ngửi ngửi vài lần rồi buột ra một tiếng gừ khe khẽ. Chị cho nó liếm cái nữa. - *Jang Zhongwen!* Nói tiếng Trung! - Hai tiếng ăng ăng cao vút đáp lại. Chị cho nó liếm cái nữa, rồi cái nữa, dịu dàng nói chuyện với nó bằng

tiếng Trung. Nhìn cảnh đó tôi bực mình, sao bất cứ việc vớ vẩn nào cũng có thể làm chị và con cún vui ngay lập tức.

Khuya đêm ấy, Quan hỏi tôi lần nữa về những lời bọn trẻ nói. Chị quấy quả tôi nhiều đến nỗi tôi nghĩ chị dần thực sự.

- Libby-ah, em ngủ rồi à? Chị xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi, em ngủ lại đi, không có gì quan trọng đâu... Chị chỉ muốn hỏi lại em về chữ *retard*. Chà, nhưng bây giờ em ngủ rồi, hay để đến mai vậy, sau khi em đi học về...

Ngộ thật, trước kia chị nghĩ cô Banner cũng retard kiểu này. Cô ấy chẳng hiểu gì... Libby-ah, em có biết chị đã dạy cô Banner nói chuyện không? Libby-ah? Xin lỗi, xin lỗi, em ngủ lại đi.

Tuy nhiên, đó là sự thực. Tôi đã là cô giáo của cô Banner. Khi gặp cô lần đầu, cô nói năng như một đứa trẻ! Thỉnh thoảng tôi cười, tránh đi. Nhưng cô không để tâm. Hai chúng tôi đã có thời thoải mái nói sai suốt ngày. Giống như các diễn viên tại cuộc lễ ở đền, chúng tôi dùng bàn tay, lông mày, uốn nhanh bàn chân để diễn tả với nhau những điều muốn nói. Chính bằng cách đó, cô kể với tôi về cuộc sống của cô trước khi đến Trung Hoa. Tôi hình dung câu chuyện của cô như thế này:

Cô sinh ra trong một gia đình sống tại một ngôi làng cách Kế Sơn xa, xa lắm về phía Tây, qua biển cả cuộn cuộn. Trong quá khứ, làng đó là nơi người da đen ở, xa hơn miền đất bình lính người Anh và các thủy thủ Bồ Đào Nha. Quê hương cô rộng hơn các vùng đất kia hợp lại. Cha cô có nhiều tàu bè vượt biển đến các miền đất khác. Ông kiếm tiền ở các nơi ấy nhanh như những bông hoa, và mùi tiền này làm nhiều người say sưa.

Khi cô Banner lên năm, hai em trai cô đuổi theo một con gà, rơi xuống một hố sâu. Chúng rơi sang tận bên kia thế giới. Tất nhiên mẹ cô muốn tìm thấy chúng. Trước khi mặt trời mọc và sau khi mặt trời lặn, bà hết hơi gọi các con trai đã mất. Sau nhiều năm, bà mẹ tìm ra cái hố ấy trong đất, bà bò vào rồi cũng rơi sang tận bên kia thế giới.

Cha Banner bảo cô, chúng ta phải tìm gia đình đã mất của chúng ta. Thế nên họ đã vượt biển cuộn cuộn. Trước hết họ dừng ở một hòn đảo huyền ảo. Cha cô gửi cô vào một lâu đài lớn, do những người bé nhỏ trông giống Chúa Jesus điều hành. Trong khi cha cô hoạt động ở nhiều lĩnh vực kiếm được nhiều tiền hơn, những Jesus bé nhỏ ấy sỉ nhục cô và cắt phăng móng tóc dài của cô. Hai năm sau cha cô trở về, ông và cô Banner bơi đến một hòn đảo khác, do những con chó điên cai quản. Ông lại để cô Banner ở một lâu đài lớn và lại ra đi kiếm tiền. Lúc ông đi vắng, đàn chó đuổi theo cô Banner và cắn rách áo cô. Cô chạy quanh đảo tìm cha. Thay vào đó cô gặp một ông bác. Cô và ông bác này đến một nơi ở Trung Hoa, có nhiều người nước ngoài sinh sống. Cô không tìm thấy gia đình ở đây. Một hôm, cô và bác đang nằm trên giường, người ông ta bỗng vừa nóng vừa lạnh, ông ta chồm vào không khí rồi rơi xuống biển. May cho Banner, cô lại gặp một ông bác khác, một người đàn ông có nhiều súng. Ông ta đưa cô đến Quảng Châu, nơi cũng có nhiều người nước ngoài. Đêm nào, ông bác cũng để súng lên giường và bảo cô lau súng trước khi ngủ. Một hôm, người đàn ông này cắt một phần đất Trung Hoa có nhiều đền đài đẹp. Ông ta bơi về nhà trên hòn đảo trôi nổi này, tặng các đền đài cho vợ và tặng hòn đảo cho thủ lĩnh của ông ta. Cô Banner gặp ông bác thứ ba, một người Mỹ cũng có nhiều súng. Nhưng người này chải tóc cho cô. Ông cho cô ăn đào. Cô rất yêu quý ông bác này. Một đêm kia, nhiều người đàn ông Khách Gia xông vào phòng họ và bắt ông bác đi. Cô Banner chạy đến xin những người Thờ phụng Jesus giúp đỡ. Họ bảo, quỳ xuống. Thế là cô quỳ. Họ bảo, cầu nguyện đi. Thế là cô cầu nguyện. Rồi họ đưa cô vào đất liền đến Kim Điền, nơi cô bị ngã xuống nước và cầu nguyện để được cứu. Đó là lúc tôi cứu cô.

Sau này, khi cô Banner học được nhiều tiếng Trung hơn, cô lại kể về cuộc sống của cô, và những điều tôi nghe hiện giờ khác hẳn, những thứ tôi thấy trong tâm trí cũng khác đi. Cô sinh ra ở Mỹ, một đất nước xa hơn châu Phi, xa hơn nước Anh và Bồ Đào Nha. Gia đình cô sống trong làng gần một thành phố lớn tên là Nu Ye, nghe giống như Trăng Bò. Có lẽ là New York. Một công ty tên là Russia hay Russo sở hữu những con tàu này chứ không phải cha cô. Ông là một nhân viên. Công ty vận chuyển bằng tàu thủy mua thuốc phiện ở Ấn Độ - là những bông

hoa - rồi bán sang Trung Hoa, truyền bá căn bệnh mơ màng cho dân Trung Hoa.

Khi cô Banner lên năm, các em trai cô không phải đuổi theo con gà rơi vào cái hố, mà là chết vì bệnh thủy đậu và được chôn cất ở sân sau nhà họ. Mẹ cô cũng không phải gân cổ gọi con như một con gà trống. Cổ bà phồng to và bà chết vì bệnh bثور giáp, được chôn cạnh các con trai. Sau thảm họa đó, cha cô đưa cô đến Ấn Độ, chứ không phải bị các Jesus bé nhỏ điều hành. Cô đến trường dành cho trẻ em Thiên chúa giáo người Anh, chúng không sùng đạo mà hỗn xược và hung dữ. Sau đó, cha cô đưa cô đến Malacca, cũng không phải có các con chó cai quản. Cô nội về một ngôi trường khác, ở đó trẻ em cũng là người Anh nhưng còn bất phục tùng hơn là ở Ấn Độ. Cha cô ra khơi đến Ấn Độ mua thuốc phiện rồi không bao giờ trở về, vì sao thì cô không biết, vì thế trong thâm tâm cô ngày càng buồn. Giờ đây cô không cha, không tiền bạc, không nhà cửa. Lúc đó cô là một trinh nữ rất trẻ, cô gặp một người đàn ông đưa cô đến Macao. Ở Macao rất nhiều muỗi; ông ta chết vì sốt rét và được táng xuống biển. Rồi cô sống với người đàn ông khác, một đại uý người Anh. Ông ta giúp quân Mãn Châu chống lại những người thờ phụng Thượng đế, kiếm được rất nhiều tiền ở các thành phố ông ta xâm chiếm. Sau đó ông ta về quê, mang theo nhiều kho báu cướp bóc được về cho nước Anh và cho vợ. Rồi cô Banner sống với một người đàn ông khác, một lính Mỹ. Cậu kể người này giúp những người Thờ phụng Thượng đế chống Mãn Châu, và cũng kiếm tiền bằng cách cướp bóc, thiêu rụi các thành phố. Cô Banner kể với tôi, cả ba người đàn ông đều không phải là bác cô.

Tôi bảo cô:

- Cô Banner-ah, đây là tin tốt. Ngủ cùng giường với bác trai sẽ là không tốt với bác gái. - Cô cười.

Em thấy chưa, hồi này chúng tôi có thể cười với nhau vì hiểu nhau khá rõ. Hồi này, những cục chai trên bàn chân tôi đã thay thế bằng đôi giày da cũ mà cô Banner đi chật. Nhưng trước khi đó, tôi phải dạy cô cách nói chuyện.

Bắt đầu, tôi kể với cô tên tôi là Nunumu. Cô gọi tôi là cô Moo. Chúng tôi hay ngồi trong sân sau, tôi dạy cô tên các đồ vật, như thế cô là một trẻ nhỏ. Cũng như trẻ nhỏ, cô học nhanh và háo hức. Đầu óc cô không bị hạn gí, khép kín với những ý niệm mới. Cô không như những người Thờ phụng Jesus, ngôn ngữ của họ cốt kết như những bánh xe cũ lăn trên đường mòn. Cô có trí nhớ khác thường, chính xác tuyệt vời. Tôi nói bất cứ từ gì, nó lọt vào tai cô và ra đằng miệng.

Tôi dạy cô chỉ và gọi tên năm thứ cấu thành thế giới tự nhiên: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Tôi dạy cô những thứ làm cho thế giới thành nơi sống động: mặt trời mọc và lặn, nóng và lạnh, bụi và nóng, bụi và gió, bụi và mưa.

Tôi dạy cô những gì đáng lắng nghe trên cõi đời này: tiếng gió, sấm, tiếng ngựa phi trên đất, sỏi rơi xuống nước. Tôi dạy cô những thứ nghe thấy mà sợ: tiếng bước chân dồn dập trong đêm, tiếng vải mềm xé toạc từ từ, tiếng chó sủa, sự im lìm của những con dế.

Tôi dạy cô trộn hai thứ với nhau thành một sản phẩm khác: nước và đất tạo thành bùn, nhiệt và nước để pha trà, người nước ngoài và thuốc phiện gây nhiều phiền toái.

Tôi dạy cô năm vị cho chúng ta nhớ đến cuộc đời: ngọt, chua, cay, mặn, chát.

Một hôm, cô Banner chạm lòng bàn tay vào đấng trước người cô và hỏi tôi tiếng Trung gọi là gì. Sau khi tôi bảo cô, cô nói với tôi bằng tiếng Trung:

- Cô Moo, ước gì tôi biết nhiều từ để nói về bộ ngực tôi nhỉ!

Lúc đó, tôi hiểu cô muốn nói đến những cảm xúc trong lòng cô. Ngày hôm sau, tôi dẫn cô lang thang trong thành phố. Chúng tôi nhìn thấy người ta đang cãi nhau. Sự tức giận, tôi nói. Chúng tôi thấy một tên ăn cắp, đầu cúi trong gông. Nhục nhã, tôi nói. Chúng tôi thấy một thiếu nữ ngồi bên dòng sông, quăng cái lưới cũ xuống chỗ nước nông. Hy vọng, tôi nói.

Sau đó, cô Banner chỉ vào một người đàn ông đang cố ấn cái thùng quá to qua một ngưỡng cửa quá nhỏ.

- Hy vọng, - cô Banner nói.

Nhưng tôi thấy như thế không phải là hy vọng mà là ngu ngốc, loại óc đặc như bí. Tôi tự hỏi cô Banner nhìn thấy gì khi tôi gọi tên các cảm xúc khác nhau cho cô nghe. Tôi băn khoăn hay người nước ngoài có những cảm xúc khác hẳn dân Trung Hoa. Hay họ nghĩ rằng mọi hy vọng của chúng tôi là ngớ ngẩn?

Tuy nhiên, cuối cùng thì tôi đã dạy cô Banner nhìn nhận thế giới gần giống như một người Trung Quốc. Cô tả con ve sầu trông giống cái lá khô rung rung, sờ vào như tờ giấy sào sào, âm thanh như tiếng súng nổ, mùi như bụi đang bốc lên, vị như thịt tẩm tiêu rán trong dầu. Cô ghét ve sầu, bảo chúng là đồ vô tích sự trên đời này. Em thấy chưa, cô ấy cảm nhận thế giới giống người Trung Quốc theo năm cách. Nhưng còn cách thứ sáu, cảm giác Mỹ của cô về sự quan trọng sau này gây nhiều bất hoà giữa chúng tôi. Vì cảm giác của cô dẫn đến quan điểm, quan điểm dẫn đến kết luận, đôi khi chúng rất khác với của tôi.

Phần lớn tuổi thơ, tôi cố gắng để không nhìn nhận thế giới theo cách Quan miêu tả. Như các câu chuyện ma của chị chẳng hạn. Sau khi bị sốc điện, tôi bảo chị phải giả vờ không nhìn thấy ma, nếu không các bác sĩ sẽ không cho chị ra viện.

- À, giữ bí mật, chị nói và gật đầu. - Chỉ em với chị biết thôi.

Khi trở về nhà, tôi làm ra vẻ các bóng ma vẫn ở đó, giả vờ như không có chúng là một phần bí mật của chúng tôi. Tôi vất vả cố giữ hai quan điểm trái ngược nhau và sớm thấy không thể làm thế được. Vì sao không thể? Đa số trẻ em, không có chị như Quan, tưởng tượng ma nấp dưới giường, sẵn sàng chộp lấy chân chúng. Trong khi đó, các con ma của Quan ngồi trên giường, tựa vào tấm ván đầu giường chị. Tôi nhìn thấy chúng.

Tôi không nói đến các tấm khăn trắng, mờ mờ hú lên “Ú u u u u u”. Những bóng ma của chị không vô hình như những con ma niêm nở trong *Topper* trên ti vi, di chuyển những cái bút và tách trong không khí. Ma của chị trông sinh động. Chúng chuyện phiếm về những ngày xưa tươi đẹp. Chúng lo âu và than thở. Thậm chí tôi còn nhìn thấy chúng gãi cổ con chó của chúng tôi, còn con Captain khua chân và vẫy đuôi. Khác với Quan, tôi không bao giờ kể với ai những gì nhìn thấy. Tôi sợ sẽ bị tổng đến bệnh viện chịu sốc điện. Thứ tôi nhìn thấy dường như rất thật, không giống như trong mơ. Dường như là những cảm giác của ai đó thoát ra, cái nhìn của tôi như một máy chiếu chúng ra như thật.

Tôi còn nhớ một ngày đặc biệt - khi đó tôi lên tám -, tôi đang ngồi một mình trên giường, mặc bộ quần áo đẹp nhất cho búp bê Barbie. Tôi nghe thấy tiếng một cô gái: “*Gei wo kan*”. Tôi ngược nhìn, trên giường Quan có một cô bé Trung Quốc đen đũi trạc tuổi tôi, đòi xem con búp bê. Tôi không thấy sợ. Đây là một việc khác về các bóng ma nhìn thấy: ôi luôn cảm thấy bình tĩnh, như thể toàn thân tôi ngâm trong loại thuốc an thần nhẹ. Tôi lịch sự hỏi cô bé Trung Quốc kia là ai. Cô bé nói: “*Lili-lili, lili-lili*”, bằng giọng the thé.

Lúc tôi ném con Barbie của tôi lên giường Quan, cô bé lili-lili kia nhặt ngay. Nó rút chiếc khăn quàng lông màu hồng của Barbie, ngó vào dưới bộ váy chen bằng sa tanh của con búp bê. Nó hung hãn vặn xoắn chân, tay con búp bê.

- Đừng bẻ gãy nó, - tôi đe. Trong suốt thời gian này tôi có thể cảm thấy sự tò mò, ngạc nhiên và nỗi sợ của cô bé thấy con búp bê đã chết. Tôi chưa bao giờ thắc mắc vì sao chúng tôi lại có sự cộng sinh về mặt xúc cảm như thế này. Tôi rất lo cô bé mang con Barbie về nhà. Tôi bảo, - thế đủ rồi. Trả lại tớ nào. - Cô bé giả vờ không nghe thấy. Thế là tôi xông đến, giằng con búp bê khỏi tay cô bé rồi trở về giường mình.

Ngay tức thì, tôi nhận ra cái khăn quàng lông đã mất. Tôi gào to:

- Trả đây! - Tôi hét lên.

Nhưng cô bé đã đi mất rồi, còn tôi sợ chết khiếp vì đến lúc đó mọi cảm giác bình thường của tôi mới trở lại và tôi biết cô là một bóng ma. Tôi tìm cái khăn quàng lông dưới lớp khăn phủ, giữa các tấm nệm và tường, dưới gầm hai chiếc giường. Tôi không tin ma có thể lấy đi một thứ

có thật và làm nó biến mất. Tôi lùng sục suốt một tuần tìm cái khăn lông, lục lọi từng ngăn kéo, trong các túi quần, áo và mọi xó xỉnh. Tôi không bao giờ tìm ra. Tôi nghĩ chắc cô ma kia đã lấy nó thật rồi.

Giờ đây tôi có những giải thích hợp lý hơn. Có khi con Captain ngoạm cái khăn đi rồi vùi ở sân sau. Hoặc mẹ tôi đã cho nó vào thùng máy giặt. Hay đại loại thế. Nhưng khi còn là một đứa bé, tôi không phân biệt rõ ràng giữa tưởng tượng và thực tế. Quan nhìn thấy thứ chị tin. Tôi nhìn thấy thứ tôi không muốn tin.

Khi tôi lớn hơn một chút, những con ma của Quan đến theo kiểu mà các trẻ em khác tin, như Ông già Nôen, Nàng tiên Răng⁵, Easter Bunny⁶. Tôi không kể với Quan điều này. Nhỡ chị lại nổi cáu lần nữa? Tôi ngấm ngấm thay thế các ý niệm về ma và Cõi Âm của chị bằng các vị thánh của Vatican và từ nay trở đi xoay theo một hệ thống ưu việt. Tôi vui vẻ tán thành ý kiến thu thập các điểm tốt, giống như các con tem S&H màu xanh có thể dán vào các quyển tem, rồi đem đổi lấy lò nướng bánh và cân. Chỉ cần thay thế công cụ, bạn có thể nhận được vé một chiều đến thiên đường, địa ngục hoặc nơi ăn năn hối lỗi, tùy thuộc bạn có bao nhiêu hành động tốt hoặc xấu và người khác nhận xét về bạn ra sao. Tuy nhiên, khi đã lên thiên đường, bạn sẽ không trở về trái đất như một bóng ma, trừ khi bạn hiển thánh. Đây chắc chắn không phải trường hợp của tôi.

Có lần tôi hỏi mẹ tôi thiên đường là gì, bà nói đấy là nơi nghỉ ngơi vĩnh viễn, nơi mọi người đều bình đẳng - vua, hoàng hậu, thợ rong, giáo viên, trẻ nhỏ. "Còn các ngôi sao điện ảnh?" - tôi hỏi. Mẹ bảo tôi có thể gặp mọi loại người, miễn là họ đủ tốt để được lên thiên đường. Ban đêm, khi Quan thì thào trò chuyện với các bóng ma Trung Quốc của chị, tôi đếm đầu ngón tay những người tôi sẽ gặp, cố xếp họ theo thứ tự ưu tiên, nhỡ tôi bị hạn chế các cuộc gặp, chỉ năm người một tuần chẳng hạn. Có Chúa Trời, Jesus và Maria - tôi biết sẽ được ủng hộ nếu tôi đặt họ lên đầu tiên. Sau đó là cha tôi và bất cứ thành viên thân thiết nào trong gia đình tôi có thể lên đấy, song không có dương Bob. Tôi sẽ đợi một trăm năm rồi mới đưa ông vào danh sách của tôi. Phải thận trọng tuần đầu tiên, tuy tẻ nhạt nhưng cần thiết. Tuần tiếp theo bắt đầu những người tốt. Tôi sẽ gặp những người nổi tiếng nếu họ đã chết - the Beatles⁷, Hayley Mills⁸, Shirley Temple⁹, Dwayne Hickman¹⁰, có khi cả Art Linkletter¹¹, kinh thật, cuối cùng ông ta sẽ hiểu ra vì sao ông nên có tôi trong chương trình ngớ ngẩn của ông.

Vào trung học, tưởng tượng về thế giới bên kia của tôi có phần u ám hơn. Tôi hình dung đấy là nơi kiến thức vô tận, nơi mọi điều lộ ra như thư viện của thành phố chúng tôi, chỉ lớn hơn, nơi có hàng hà sa số các giọng nói đạo đức giả liệt kê người sẽ là gì và không là gì, vang vang qua các loa phóng thanh. Nếu bạn chỉ hơi tệ nhưng không đến nỗi nào, bạn sẽ không sa xuống địa ngục, mà chỉ phải trả một khoản tiền phạt lớn. Hoặc nếu bạn làm điều gì tồi tệ hơn, bạn sẽ phải đến một nơi giống như nhà trường mở rộng, tập trung những đứa trẻ hư, những kẻ nghiện hút, bỏ nhà, ăn cắp vặt ở cửa hàng, hoặc để hoang. Nhưng nếu bạn tuân theo các quy định, không là gánh nặng cho xã hội, bạn có thể lên thẳng thiên đường. Bạn sẽ phải học các câu trả lời mà các giáo viên dạy giáo lý vẫn hỏi, kiểu như:

Chúng ta học làm người để làm gì?

Vì sao chúng ta phải giúp những người không được may mắn như chúng ta?

Làm thế nào ngăn chặn được chiến tranh?

Tôi cũng hình dung tôi sẽ biết được việc xảy ra với một số vật nào đó đã mất, như cái khăn quàng lông của Barbie, và gần đây nhất là chiếc vòng cổ bằng thạch anh của tôi, tôi ngờ là thằng em Tommy chôm mất dù nó nói:

- Em không lấy, thề có Chúa.

Ngoài ra, tôi muốn tìm kiếm lời giải cho một số điều bí ẩn chưa được giải đáp như: Lizzie Borden¹²; có giết cha mẹ cô ta không? Ai là người mang Mặt nạ Sắt¹³? Chuyện gì đã thực sự xảy ra với Amelia Earhart¹⁴? Trong những người chịu án tử hình, ai là kẻ thực sự có tội và ai vô tội?

Bị xử tử kiểu gì là tệ nhất, treo cổ, phun khí độc hay sử dụng dòng điện? Bộn bề giữa các câu hỏi này, tôi tìm thấy chứng cứ là cha tôi, chứ không phải Quan, đã kể sự thực về cái chết của mẹ Quan.

Khi học đại học, tôi không còn tin vào thiên đường và địa ngục tí nào nữa, không một sự thưởng, phạt nào của những nơi đó dựa trên điều thiện và ác. Đúng hồi đó tôi gặp Simon. Anh và tôi hào hứng kết bạn và say sưa trò chuyện về thế giới bên kia:

- Là người thật vô nghĩa, ý tôi là sống chưa đến một trăm năm, mọi thứ chỉ thế, rồi bùm, sau đó có tiếp tục sống thêm hàng tỷ năm nữa, hoặc nằm trên bãi biển ai cũng biết hoặc bị quay trên cái xiên như xúc xích.

Chúng tôi không thể chịu được ý niệm Jesus là duy nhất. Nếu thế có nghĩa là các tín đồ Phật giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái giáo và dân châu Phi chẳng bao giờ nghe nói đến Chúa Cứu Thế sẽ bị đầy hết xuống địa ngục, trong khi các thành viên Ku Klux Klan¹⁵ thì không. Giữa các món ăn, chúng tôi nói trong lúc cổ không nổi giận:

- Chao ôi, nghĩa lý gì trong cái công lý ấy? Nếu thế thì, sau đó nhân loại học được gì?

Phần lớn các bạn tôi tin rằng chẳng còn gì sau khi chết - như ngọn đèn phụt tắt, không đau đớn, không thưởng, không phạt. Chỉ có một anh chàng Dave nói sự bất tử sẽ kéo dài trong chừng mực người ta còn nghĩ đến. Plato¹⁶, Khổng Tử¹⁷, Đức Phật¹⁸, Chúa Jesus là những người bất tử. Cậu ta nói câu này sau khi Simon và tôi dự đám ma của anh bạn Eric, người bị bắt quân dịch và chết ở Việt Nam.

- Dẫu hiện giờ họ không còn được tưởng nhớ đúng như là họ? - Simon hỏi.

Dave ngừng rồi nói:

- Ừ.

- Còn Eric? - Tôi hỏi. - Nếu người ta nhớ đến Hitler¹⁹ lâu hơn Eric, có nghĩa là Hitler bất tử còn Eric thì không ư?

Dave lại ngừng. Nhưng cậu ta chưa kịp trả lời, Simon đã nói kiên quyết:

- Eric là người vĩ đại. Sẽ không ai quên Eric. Nếu như có thiên đường thật, thì bây giờ cậu ấy đã ở trên đó rồi. - Tôi nhớ tôi đã yêu Simon vì anh nói thế. Vì đấy chính là điều tôi cảm nhận.

Vì sao những tình cảm ấy lại biến mất? Chúng mất tích y như cái khăn quàng lông, biến mất khi tôi không ngờ? Tôi có nên cố gắng khó nhọc hơn để tìm lại chúng lần nữa?

Đây không chỉ vì tôi cứ bám riết lấy sự hận thù. Tôi nhớ lại cô bé trên giường tôi. Tôi nhớ Eric. Tôi nhớ đến sức mạnh của tình yêu bất khả xâm phạm. Trong ký ức của tôi, vẫn còn chỗ tôi dành cho mọi bóng ma ấy.

4. NGÔI NHÀ CỦA MA THƯƠNG NHÂN

Mẹ tôi có người bạn trai mới là Jaime Jofré. Tôi không cần gặp cũng biết ông có sức quyến rũ, tóc đen, quốc tịch Mỹ. Ông ta nói bằng một giọng mà sau này mẹ hỏi tôi:

- Ông ấy chẳng say đắm lắm sao?

Với bà, lời lẽ càng nồng nàn hơn khi người đàn ông phải vất vả mới tìm ra, nếu ông ta nói *amor* bằng giọng láy rền sẽ thấm thiết hơn là từ *tình yêu* thông thường.

Mặc dù lãng mạn, song mẹ tôi cũng là người thực tế. Mẹ muốn có những bằng chứng của tình yêu: cho và nhận. Một bó hoa, những bài học khiêu vũ, lời hứa trung thành mãi mãi - ắt phải do người đàn ông quyết định. Cũng có thứ tình yêu đầy hy sinh của Louise: bỏ hút thuốc vì ông ta và nhận mỗi tuần một lần đi spa chăm sóc sức khỏe. Bà thích tắm bồn Calistoga hoặc quán ăn Sonoma Mission hơn. Bà cho rằng đàn ông hiểu kiểu trao đổi này từ khi các quốc gia xuất hiện - bà không bao giờ nói “thế giới thứ ba”. Một thuộc địa dưới chế độ độc tài ngoại quốc là điều tuyệt vời. Khi một quốc gia nổi lên là điều không thể, bà sẽ chiếm Ireland, Ấn Độ, Iran. Bà tin tưởng vững chắc rằng đàn ông rất khổ sở vì bị áp bức và nền kinh tế chợ đen biết dễ lâm nguy hơn. Họ càng cố gắng hơn để thắng bạn. Họ sẵn sàng giải quyết. Thông qua các ý nghĩ chủ đạo này, mẹ tôi đã tìm thấy tình yêu đích thực như nhiều lần bà tình nguyện cai thuốc.

Trời ạ, tôi đâm giận mẹ tôi. Sáng hôm nay, bà hỏi liệu bà có thể ghé qua chỗ tôi cho tôi vui lên không. Rồi suốt hai giờ liền, bà so sánh cuộc hôn nhân thất bại của tôi với của bà và Bob. Bà nhận thấy sự thiếu tận tâm, không sẵn sàng hy sinh, không cho mà chỉ nhận mọi thứ là những khiếm khuyết chung của Simon và Bob. Còn bà và tôi cứ “cho, cho cho mãi với cả tấm lòng”. Bà xin tôi điều thuốc, rồi que diêm.

- Mẹ đã nhìn thấy việc ấy sẽ đến, - bà nói và thở ra thật sâu, - từ mười năm trước kia. Con có nhớ hồi Simon đến Hawaii và bỏ mặc con ở nhà trong lúc con bị cúm không?

- Con bảo anh ấy đi đấy. Chúng con có vé máy bay không được hoàn trả tiền và anh ấy chỉ có thể bán được một vé. - Sao tôi lại bảo vệ anh ta nhỉ?

- Con đang ốm. Lẽ ra nó nên nấu cho con bát súp gà hơn là nhảy nhót trên bãi biển.

- Anh ấy nhảy nhót với bà nội. Bà cụ bị đột quỵ, - tôi bắt đầu rền rĩ như một đứa trẻ.

Mẹ tôi mỉm cười thông cảm.

- Con yêu à, con không phải phủ nhận nữa. Mẹ biết con nghĩ gì mà. Mẹ là mẹ của con, nhớ chưa? - Bà dúi tắt điều thuốc trước khi khoác vế thực tế của một người làm công tác xã hội, - Simon yêu con chưa đủ, vì nó thiếu tình yêu, chứ không phải con. Con là người hết sức đáng yêu. Con không có gì sai trái hết.

Tôi gật đầu kiên quyết:

- Mẹ à, bây giờ con có việc phải làm đây.

- Con cứ đi đi. Mẹ uống thêm tách cà phê nữa. - Bà nhìn đồng hồ rồi nói, - nhân viên vệ sinh phun thuốc diệt côn trùng ở căn hộ của mẹ lúc mười giờ. Mẹ muốn đợi thêm một giờ nữa mới về cho an toàn.

Lúc này tôi ngồi bên bàn, không thể làm việc được và hoàn toàn kiệt quệ. Làm thế quái nào mà mẹ biết dung lượng tình yêu của tôi kia chứ? Mẹ than thở quãng thời gian chung sống với Bob là lãng phí kinh khủng. Thế còn thời gian bà không dành cho tôi thì sao? Không phải là lãng phí ư? Sao hiện giờ tôi lại dành hết sức lực để nghĩ đến chuyện này làm gì? Tôi lại thành một đứa trẻ sụt sùi tủi thân lần nữa. Hồi mười hai tuổi thì tôi thế thật, úp mặt xuống giường, một góc chiếc gối nhét vào miệng để Quan không nghe thấy những tiếng thút thít của tôi.

- Libby-ah, - Quan thì thảo, - sao thế? Em ốm à? Hay ăn quá nhiều bánh quy Giáng sinh? Lần

sau chị sẽ không làm ngọt thế nữa... Libby-ah, em có thích món quà của chị không? Không thích thì cứ nói cho chị biết nhé? Chị sẽ đan cho em cái áo khác. Cho chị biết em thích màu gì. Chị đan một áo mất một tuần. Đan xong, chị gói lại, giống như mọi thứ bất ngờ ấy mà...Libby-ah? Chị nghĩ cha mẹ từ Yosemite về sẽ mang cho em món quà thật đẹp, cả tranh ảnh nữa. Tuyết này, đỉnh núi này... Đừng khóc nữa! Nín đi! Nào! Em đừng nghĩ thế nữa. Sao em có thể ghét mẹ mình được?... Cả dượng Bob nữa? Chà chà, zemma zaogao...

Libby-ah, Libby-ah? Chị bật đèn nhé? Chị muốn cho em xem cái này...

Thôi, thôi! Đừng cáu! Chị xin lỗi. Chị tắt đèn đây. Thấy chưa? Lại tối rồi nhé. Ngủ lại đi...Chị định cho em xem cái bút rơi từ túi quần dượng Bob... Lật nghiêng nó đi, em sẽ thấy một bà mặc váy áo xanh. Lật kiểu khác, chao ôi! váy áo tụt hết xuống. Chị không nói dối đâu. Em tự nhìn mà xem. Chị bật đèn lên nhé. Em muốn xem không?... Chà Libby-ah, mắt em sung như quả mận! Ép khăn mắt ướt lên mắt đi. Ngày mai sẽ đỡ ngứa mắt đấy... Cái bút à? Chị nhìn thấy nó rơi từ túi dượng lúc chúng ta đang chịu lễ misa ngày Chủ nhật. Dượng không chú ý vì đang giả vờ cầu nguyện. Chị biết là chỉ giả vờ thôi, hừmmm, vì đầu ông ta nghèo thế này này, *bùm!* và ông ta ngáy. *Khòòòòò!* Thật đấy! Chị đẩy khế ông ta một cái. Ông ta không tỉnh dậy, nhưng mũi không thở phì phò nữa. Ài chà, em thấy buồn cười không? Em có cười không đấy?

Thế là sau một lát nhìn những bông hoa Giáng sinh, nến và kính màu, chị quan sát linh mục đang dùng đĩa cái đèn lồng tỏa khói. Bỗng chị thấy Chúa Jesus bước qua đám khói! Đúng là Jesus! Chị nghĩ Người bước ra để thổi tắt những ngọn nến sinh nhật của Người. Chị tự nhủ, cuối cùng thì chị đã nhìn thấy Chúa, lúc này chị đã là một tín đồ Thiên Chúa! Ôi, chị phấn khởi quá. Chính thể dượng Bob thức dậy và dúm chị một cái.

Chị vẫn mỉm cười với Jesus, nhưng chị bỗng nhận ra người đàn ông đó không phải Jesus mà là Lão Lục, người bạn cũ của chị! Ông ta đang chỉ vào chị mà cười.

- Ngốc ạ, - lão nói. - Tôi không phải Jesus! Đây, cô tưởng đầu Chúa cũng trọc lóc như tôi sao? - Lão Lục tiến đến chỗ chị. Lão vẩy vẩy bàn tay trước mặt dượng Bob. Chẳng xảy ra chuyện gì. Lão chạm khế ngón tay út, nhẹ như một con ruồi lên trán dượng Bob. Dượng Bob vỗ. Lão Lục từ từ rút cái bút bắn thiu ra khỏi túi quần dượng Bob và lặn nó vào nếp tà váy của chị.

- Đây, - Lão Lục nói, - sao cô lại đến nhà thờ của người nước ngoài? Cô tưởng ngồi đến thành chai ở mông sẽ nhìn thấy Jesus sao?

Em đừng cười, Libby-ah. Lão Lục nói năng không lịch sự. Chị cho là lão đang nghĩ đến hồi bọn chị sống cùng, Chủ nhật nào lão và chị cũng phải ngồi trên cái ghế dài cứng nhắc kia hai giờ liền. Chủ nhật nào cũng thế! Cô Banner cũng vậy. Cả bọn đến nhà thờ nhiều năm mà chẳng bao giờ nhìn thấy Thần thánh hoặc Chúa Jesus cũng như Đức Mẹ Mary, dù nhìn thấy bà cũng chẳng ý nghĩa gì lắm. Giờ thì mọi thứ toàn Mary thế này, thế khác! - *Old St. Mary's, Mary's Help, Mary Mẹ của các Thánh, xin hãy tha thứ cho mọi tội lỗi của con.* Tôi mừng vì bà được quảng bá. Nhưng như tôi đã nói, hồi đó những người Thờ phụng Jesus không nói nhiều đến bà lắm. Thế nên tôi chỉ băn khoăn về việc nhìn thấy Thánh và Jesus. Chủ nhật nào, những người Thờ phụng Jesus cũng hỏi tôi:

- Cô có tin không?

Tôi nói là vẫn chưa. Tôi muốn nói có cho lịch sự. Nhưng như thế tôi phải nói dối, và lúc chết có thể họ sẽ đi theo tôi, làm tôi phải chịu hai loại hình phạt với con quỷ nước ngoài, một vì không tin, một vì giả vờ tin. Tôi nghĩ tôi không thể nhìn thấy Jesus vì tôi có cặp mắt của người Trung Quốc. Sau này, tôi mới vỡ lẽ rằng cô Banner cũng chưa bao giờ nhìn thấy Thánh hoặc Jesus. Cô kể với tôi rằng cô không phải là người ngoan đạo.

Tôi nói:

- Vì sao lại thế, cô Banner?

Cô đáp:

- Tôi đã cầu nguyện Chúa xin cứu các anh em trai tôi. Tôi đã cầu nguyện xin tha cho mẹ tôi. Tôi đã cầu nguyện để cha tôi về với tôi. Tôn giáo dạy ta phải toàn tâm toàn ý nuôi dưỡng hy vọng. Mọi hy vọng của tôi đã mất rồi, vì thế tôi còn trung thành làm gì nữa?

- Ái chà! - Tôi nói. - Thế thì buồn quá! Cô không còn hy vọng?

- Ít lắm, - cô trả lời, - chẳng có hy vọng nào đáng một lời cầu nguyện.

- Còn người yêu của cô thì sao?

Cô thở dài:

- Tôi cho rằng anh ta cũng chẳng đáng một lời cầu nguyện. Anh ta đã bỏ tôi. Tôi đã viết nhiều thư gửi một sĩ quan Hải quân Mỹ ở Thượng Hải. Người yêu của tôi đã ở đó. Anh ta đang ở Quảng Châu. Anh ta đã từng ở Quế Lâm. Anh ta biết tôi đang ở đâu. Sao anh ta không trở về?

Nghe thấy thế tôi buồn quá. Lúc đó tôi chưa biết người yêu cô chính là Tướng Cape.

- Tôi vẫn còn nhiều hy vọng tìm thấy gia đình tôi, - tôi nói. - Biết đâu tôi sẽ thành một người thờ phụng Jesus.

- Muốn thành một tín đồ thực sự, - cô nói. - cô phải hiến trọn vẹn thân mình cho Jesus.

- Còn cô đã hiến bao nhiêu?

Cô giơ ngón tay cái lên. Tôi sửng sốt, vì Chủ nhật nào cô cũng thuyết giảng. Tôi tưởng ít nhất thì cũng đáng là hai chân chứ. Lẽ tất nhiên, cô không được lựa chọn bài giảng. Chẳng ai hiểu những người nước ngoài, và họ cũng chẳng hiểu chúng tôi. Họ nói tiếng Trung nghe cứ như nói tiếng Anh. Cô Banner làm người trung gian của mục sư Amen. Mục sư Amen không đòi hỏi. Ông nói cô phải làm việc này, nếu không thì không có chỗ cho cô trong ngôi nhà của Ma Thương nhân.

Vì thế sáng Chủ nhật nào, cô và mục sư cũng đứng trên con đường dẫn đến nhà thờ. Ông ta nói to bằng tiếng Anh:

- Chào mừng! Chào mừng!

Cô Banner dịch sang tiếng Trung:

- Hãy mau mau đến Nhà Nguyện! Sau cuộc họp sẽ được mời cơm!

Nhà Nguyện thực ra là điện thờ của gia đình Ma Thương nhân. Ngôi điện thuộc về tổ tiên đã khuất và các thánh thần của họ. Lão Lục cho rằng người nước ngoài chọn nơi này làm Nhà Nguyện là rất dở.

- Giống như tát vào mặt, - Lão Lục nói. - Cuộc chiến của Chúa sẽ rơi cút ngựa từ trên Trời xuống, cô cứ đợi mà xem. - Lão Lục là thế, chọc tức lão, lão sẽ trả miếng ngay.

Các nhà truyền giáo thường đi đầu, cô Banner thứ hai, rồi đến Lão Lục và tôi cùng những người làm trong ngôi nhà của Ma Thương nhân - người nấu bếp, hai cô hầu, người dọn chuồng ngựa, thợ mộc, còn ai nữa tôi quên mất. Các vị khách là những người cuối cùng vào Nhà Nguyện. Phần lớn là hành khất, vài người Khách Gia thờ phụng Thượng đế, một bà lão chấp tay và khấu đầu ba lần trước ban thờ, dù bà vẫn được nhắc đừng làm như thế nữa. Những người mới đến ngồi trên các ghế dài đằng sau - tôi đoán để phòng nhỡ Ma Thương nhân trở lại, họ dễ rút chạy. Lão Lục và tôi phải ngồi đằng trước với các nhà truyền giáo, chúng tôi nói to: "Amen!" mỗi khi mục sư nhếch lông mày. Chính vì thế chúng tôi gọi ông ta là mục sư Amen, và cũng vì tên ông là Hammond hoặc Halliman, đại loại thế, nghe nhang nhác từ "Amen".

Sau khi chúng tôi nện mông lên các ghế dài, chúng tôi không được nhúc nhích. Bà Amen hay đứng phắt dậy, nhưng chỉ vẫy vẫy ngón tay với những người quá ồn ào. Chúng tôi biết đó là việc cấm kỵ. Không được gãi đầu vì ngứa. Không được xỉ mũi vào lòng bàn tay. Không được nói "Cút" lúc cả đàn muỗi vo ve bên tai - Lão Lục hay nói thế bất cứ khi nào bị quấy rầy giấc ngủ.

Còn một quy định nữa: không được ngủ trừ khi mục sư Amen đọc những lời cầu nguyện dài lê thê, tẻ ngắt làm Lão Lục rất mừng. Vì khi những người Thờ phụng Chúa nhắm mắt lại, lão có thể đánh một giấc. Tôi vẫn mở mắt. Tôi nhìn mục sư chăm chú, xem Thánh thần hoặc Jesus có từ thiên đường hạ xuống không. Tôi đã thấy việc này xảy ra với một tín đồ ở một cuộc lễ đền. Thánh nhập vào thân xác một người bình thường và quảng ông ta ngã xoài trên đất. Lúc đứng dậy, ông ta có sức mạnh phi thường. Gươm, kiếm đâm vào bụng ông ta cong gập làm đôi. Nhưng chẳng có chuyện gì tương tự với mục sư Amen. Dù có lúc mục sư đang cầu nguyện, tôi nhìn thấy một người hành khất đứng bên cửa. Tôi nhớ rằng các vị thần Trung Hoa hay làm thế, họ có thể giả làm ăn mày xem diễn biến ra sao, ai là người trung thành sẽ được đền bù. Tôi tự hỏi người hành khất kia có phải là một vị thần không, lúc này ông ta đang giận dữ nhìn những người ngoại quốc đứng bên ban thờ là nơi quen thuộc của ông. Vài phút sau khi nhìn lại, người ăn mày đã biến mất. Ai mà biết có phải ông ta chính là nguyên nhân cho những thảm họa xảy ra dăm năm sau đó không.

Hết thời gian cầu nguyện là bắt đầu bài thuyết giảng. Ngày Chủ nhật đầu tiên, mục sư Amen nói độ dăm phút - ông ta nói, nói, nói mãi! - nhiều tiếng ồn đến nỗi chỉ các nhà truyền giáo kia mới hiểu nổi. Rồi cô Banner dịch khoảng năm phút nữa. Những lời cảnh báo về ác quỷ. Amen! Những phép tắc lên thiên đường. Amen! Hãy đưa bạn bè đi cùng bạn. Amen! Họ đi tới đi lui, dường như đang cãi nhau. Chán thế! Suốt hai giờ, chúng tôi phải ngồi yên, làm cho mông và não tê dại.

Cuối bài thuyết giảng, có một buổi diễn nho nhỏ, dùng hộp âm nhạc của cô Banner. Mọi người thích phần này nhất. Tiếng hát không hay lắm, nhưng khi tiếng nhạc cất lên, chúng tôi biết sự chịu đựng sắp kết thúc. Mục sư Amen giơ hai bàn tay bảo chúng tôi đứng dậy. Bà Amen tiến ra đằng trước căn phòng. Một nhà truyền giáo hay bốc đọc, tên là Lasher - giống giống laoshu, "con chuột", nên chúng tôi đều gọi là cô Chuột - cũng làm như thế. Còn một bác sĩ ngoại quốc tên là Swan nghe như suan-le, "quá muộn", - những người ốm đều sợ gặp ông cũng chẳng có gì lạ. Bác sĩ Quá muộn chịu trách nhiệm mở hộp âm nhạc của cô Banner và xoay chìa khoá. Khi tiếng nhạc nổi lên, cả ba người cất tiếng hát. Những giọt nước trào ra khỏi mắt bà Amen. Một số ông bà già nhà quê hỏi to cái hộp kia có đựng những người nước ngoài bé tí không.

Có lần cô Banner kể cái hộp là quà tặng của cha cô, kỷ niệm duy nhất còn lại của gia đình cô. Cô cất cuốn sổ nhỏ ghi những suy nghĩ của cô trong hộp. Cô nói, bài hát gốc là một bài hát Đức về việc uống bia, khiêu vũ và hôn các cô gái xinh đẹp. Nhưng bà Amen đã ghi lại lời mới, tôi đã nghe hàng trăm lần chỉ thấy: "Chúng ta đi cùng Jesus trên hai bàn chân tình nguyện, khi Thần Chết rẽ vào góc phố, chúng ta sẽ gặp Chúa của chúng ta". Hay đại loại là thế. Thấy chưa, tôi nhớ đó là một bài hát cổ, nhưng lần này lời lại có ý nghĩa mới. Dù sao thì tuần nào chúng tôi cũng nghe bài hát đó, mời mọi người ra ngoài ăn một bát cơm, như món quà của Chúa. Nhiều người ăn mày ngỡ Jesus là một địa chủ có những cánh đồng lúa rộng mênh mông.

Vào Chủ nhật lần thứ hai, mục sư Amen nói năm phút, cô Banner nói ba phút. Rồi mục sư Amen nói năm phút nữa, cô Banner nói một phút. Những câu tiếng Trung ngày càng ngắn hơn, những con ruồi uống cạn mồ hôi của chúng tôi vì một giờ rưỡi hôm Chủ nhật đó. Tuần tiếp theo chỉ còn một giờ. Rồi sau đó, mục sư Amen nói chuyện khá lâu với cô Banner. Tuần sau, mục sư Amen chỉ nói khoảng dăm phút, cô Banner cũng nói chừng ấy. Mục sư Amen lại nói năm phút nữa, cô Banner lại nói chừng ấy. Nhưng cô không nói về các quy định để lên thiên đường nữa. Cô nói:

- Ngày xưa ngày xưa, tại một vương quốc rất xa, có một người khổng lồ và một cô con gái hiếu thảo của người thợ mộc nghèo, nhưng thực ra là một ông vua... - Hết năm phút, cô dừng lại ở chỗ hấp dẫn nhất và nói, - bây giờ chúng ta hãy để mục sư nói khoảng dăm phút. Nhưng trong lúc đợi, các vị hãy tự hỏi mình, nàng công chúa xinh xắn kia chết hay cứu được mạng người khổng lồ? - Sau bài thuyết giảng và câu chuyện kết thúc, cô bảo mọi người hô to "Amen" nếu muốn ăn bát cơm miễn phí. Chao ôi, những tiếng hô mới to làm sao!

Những bài giảng ngày Chủ nhật được nhiều người ưa thích. Người ăn mày đến nghe những câu chuyện cổ tích của cô Banner. Những người Thờ phụng Jesus vui. Cô Banner vui. Chỉ có tôi

là người duy nhất bán khoản. Nếu mục sư Amen biết việc cô đang làm? Ông ta sẽ đánh cô? Liệu những người Thờ phụng Thượng đế có đổ than lên người tôi vì đã dạy một người nước ngoài biết thứ ngôn ngữ Trung Hoa bất phục tùng? Liệu mục sư Amen có mất mặt và treo cổ tự tử không? Liệu những con người đến vì miếng cơm và những câu chuyện chứ không phải vì Jesus có bị sa xuống địa ngục của người nước ngoài không?

Khi tôi kể với cô Banner những mối lo của tôi, cô cười vang và nói sẽ chẳng xảy ra sự gì đâu. Tôi hỏi làm sao cô biết. Cô nói:

- Nếu ai cũng vui, thì sau đó làm gì có chuyện thiệt hại?

Tôi nhớ lại người đàn ông trở về từ Kế Sơn đã nói: “Quá nhiều niềm vui luôn luôn chan chứa nước mắt đau buồn”.

Chúng tôi vui vẻ được dăm năm. Cô Banner với tôi thành những người bạn thân thiết và trung thành. Các nhà truyền giáo khác vẫn là người lạ với tôi. Nhưng nhìn thấy những điều thay đổi nhỏ nhất hàng ngày, tôi biết rất rõ những bí mật của họ. Lão Lục kể cho tôi nghe nhiều điều đáng hổ thẹn lão nhìn thấy từ bên ngoài cửa sổ phòng họ, cũng như những điều kỳ dị khi lão ở trong phòng họ. Cô Chuột khóc lóc trước một trái tim lồng mồn tóc của một người đã chết. Bác sĩ Quá muộn nuốt thuốc phiện vì đau bụng. Bà Amen giấu những miếng bánh thánh vào ngăn kéo, không bao giờ ăn mà chỉ để dành cho ngày tận thế. Mục sư Amen báo cáo với nước Mỹ rằng ông đã làm cho một trăm người cải đạo, trong khi thực tế chỉ có một.

Đổi lại, tôi kể với Lão Lục một số chuyện bí mật chính tôi nhìn thấy. Rằng cô Chuột có tình cảm với bác sĩ Quá muộn nhưng ông ta không để ý. Rằng bác sĩ Quá muộn rất mê cô Banner, và cô ta giả vờ không biết. Nhưng tôi không kể với lão rằng cô Banner vẫn rất thấm thiết với người tình thứ ba của cô, một người tên là Wa-ren. Chỉ mình tôi biết chuyện này.

Trong suốt dăm năm, mọi việc cứ như thế, ngoại trừ một vài thay đổi nho nhỏ. Đó là cuộc sống của chúng tôi hồi ấy, một chút hy vọng, một chút thay đổi, một chút bí mật.

À vâng, tôi cũng có những bí mật của mình chứ. Bí mật thứ nhất của tôi là thế này. Một đêm kia, tôi mơ nhìn thấy Chúa Jesus, một người nước ngoài tóc dài, râu dài, với nhiều bông hoa. Tôi kể với cô Banner, trừ việc quên nhắc đến một phần trong mơ. Thế là cô kể với mục sư Amen, ông ta bèn ghi tôi là người cải đạo thứ một trăm, chính vì thế tôi biết chỉ có một người. Tôi không nói với cô Banner sửa cho ông ta. Lúc đó ông ta sẽ xấu hổ vì một trăm người cải đạo của ông ta té ra chỉ có mỗi một.

Bí mật thứ hai của tôi còn tệ hơn.

Nó xảy ra ngay sau khi cô Banner nói với tôi rằng cô đã mất cả gia đình lẫn hy vọng. Tôi nói tôi có quá nhiều hy vọng, tôi có thể dùng phần dư thừa của mình cầu cho người yêu của cô hồi tâm và trở về. Câu này làm cô rất hài lòng. Thế là tôi cầu nguyện, ít nhất cũng một trăm ngày.

Một buổi tối, tôi đang ngồi trên ghế trong phòng cô Banner. Chúng tôi nói chuyện, nói mãi. Khi đã cạn những lời than phiền thông thường, tôi hỏi có thể chơi cái hộp âm nhạc của cô không. Được, được chứ, cô nói. Tôi mở hộp. Không có chìa khoá. Ở trong ngăn kéo ấy, cô bảo. Ài chà! Cái gì thế này? Tôi nhặt một pho tượng bằng ngà lên và giơ ra trước mắt. Nó có hình một người phụ nữ khoả thân. Rất khác thường. Tôi nhớ đã nhìn thấy thứ này một lần. Tôi hỏi pho tượng này ở đâu ra.

- Của người yêu tôi đấy, - cô nói. - Cán của cây can. Khi cây can g ã y, anh ấy tặng tôi làm kỷ niệm.

Trời đất ơi! Lúc đó tôi biết người yêu của cô Banner chính là tên phản bội, Tướng Cape. Vây mà suốt một thời gian, tôi đã cầu nguyện cho hắn trở về. Chỉ nghĩ đến điều đó, da đầu tôi đã nhần lại.

Điều bí mật thứ hai của tôi là thế đấy: Tôi đã biết hắn là ai. Còn điều thứ ba là: Tôi bắt đầu cầu nguyện cho hắn cứ ở xa mãi mãi.

Để chị nói với em, Libby-ah, chị không biết cô ấy thèm khát tình yêu đến chừng nào, bất cứ loại gì. Tình yêu ngọt ngào không kéo dài, và quá khó khăn để tìm thấy. Nhưng tình yêu đòi hỏi lại có quá nhiều, đủ lấp đầy lỗ hổng! Đây là thứ cô ta đã quen, đây là thứ cô ta sẽ chấp lấy ngay khi nó trở lại.

5. NGÀY GIẶT GIỮ

Giống như chiếc đồng hồ, đến tám giờ chuông điện thoại reo. Ba sáng liền, cứ đúng vào giờ đó Quan gọi, đúng lúc tôi đang phết bơ lên bánh mì nướng. Tôi chưa kịp chào, chị đã nói một thôi:

- Libby-ah, hỏi Simon tên cái hiệu sửa máy stereo là gì?
- Máy stereo của chị hỏng gì đấy?
- Hỏng à? Chà... nó ồn quá. À ừ, chị bật radio, nó cứ *cắc cắc cắc hờ hờ hờ sì sì sì*.
- Chị thử chỉnh tần số chưa?
- Rồi-rồi! Chị chỉnh luôn.

- Chị cứ lùi xa khỏi chiếc stereo xem nào? Biết đâu hôm nay chị nhiễm nhiều điện tĩnh. Vì mưa chẳng hạn.

- Ờ ờ, được, có khi thử thế trước. Nhưng để đề phòng, em cứ gọi Simon hỏi tên cửa hiệu nhé. Tôi đang vui. Tôi muốn xem chị tiến hành mưu mẹo của chị đến đâu.

- Em biết cửa hiệu đó, - tôi nói và tìm một cái tên nghe na ná. - Vâng, là Bogus Boomboxes. Trên phố Market. - Gần như tôi nghe thấy đầu óc Quan kêu vo vo và đập cách một cái.

Cuối cùng, chị cười và nói:

- Này, cô gái xấu bụng! Nói dối nhé! Không có tên ấy.
- Và stereo cũng không trục trặc, - tôi bổ sung.
- Thôi thôi. Em gọi Simon, bảo chị Quan chúc mừng sinh nhật nhé.
- Thực ra, em định gọi anh ấy vì lý do đó đây.

- Chà, em tệ thật! Sao cứ hành hạ chị, làm chị bối rối kiểu này! - Chị buột một tiếng cười khò khè, rồi thở hổn hển và nói, - Libby-ah, gọi Simon xong, em gọi cho mẹ nhé.

- Vì sao? Stereo của mẹ cũng hỏng?
- Đừng đùa. Tim mẹ không ổn.

Tôi lo lắng.

- Trục trặc phải không? Có nặng không?
- Ừm hừm ừm. Buồn thế. Em có nhớ bạn trai mới của mẹ không? I May Hopfree?
- *High-may ho-fray*, - tôi phát âm chậm rãi, - Jaimé Jofré.

- Chị cứ nhớ là I May Hopfree. Ông ta gây ra đấy. Hóa ra ông ta đã có vợ. Một bà người Chile. Bà ta xuất hiện, véo tai ông ta và lôi về nhà.

- Không! - Một tiếng reo vui róc rách trong má tôi và tôi thăm vổ đùi.

- Phải phải, mẹ tức phát điên! Tuần trước mẹ đã mua hai vé trên du thuyền tình yêu. Hopfree bảo cứ dùng thẻ tín dụng của em đi, anh sẽ hoàn lại. Giờ thì không thanh toán, không đi chơi biển, không hoàn lại. Chà! Tội nghiệp mẹ, luôn tìm người chẳng ra gì... Này, hay là chị làm mối cho mẹ nhé. Chị chọn tốt hơn mẹ chọn lấy. Chị sẽ tạo một đôi thật xứng, nó sẽ mang lại cho chị may mắn.

- Nhỡ nó không tốt đẹp thì sao?
- Thì chị sẽ sửa, làm nó tốt hơn. Bỏ phận của chị mà.

Sau khi chúng tôi gác máy, tôi nghĩ đến bốn phận của Quan. Lễ tất nhiên chị coi cuộc ly hôn treo lơ lửng của tôi là một thất bại cá nhân và chướng mắt. Chị vẫn tin chị là mei-po tâm linh của chúng tôi, là người mai mối hoàn hảo của chúng tôi. Hầu như tôi không ở vào vị trí để nói là chị không phải như thế. Tôi là người phải nhờ chị thuyết phục Simon chúng tôi dành để chung sống với nhau, gắn bó vì sự tất yếu của số phận.

Simon Bishop và tôi gặp nhau từ hơn mười bảy năm trước. Hồi đó, chúng tôi sẵn sàng đặt mọi hy vọng trong đời vào những thứ lơ lửng - sức mạnh của kim tự tháp, bùa ngải của figa Brazilia, kể cả những lời khuyên của Quan và các hồn ma của chị. Cả hai chúng tôi yêu say đắm, tôi yêu Simon, anh ấy yêu người khác. Người khác đó bất ngờ chết trước khi tôi gặp Simon, đầu ba tháng sau tôi mới biết.

Tôi phát hiện ra Simon trong lớp ngôn ngữ ở BC Berkeley, học kỳ mùa xuân 1976. Tôi chú ý đến anh ngay, vì cũng như tôi, tên anh chẳng hề phù hợp với nét mặt châu Á của anh. Hồi đó các sinh viên lai Âu-Á không phổ biến như hiện nay, lúc nhìn chăm chăm vào anh, tôi có cảm giác nhìn thấy con ma người đàn ông của tôi. Tôi tự hỏi những gien gì đã tác động đến nhau, vì sao nó đặt những đặc điểm chủng tộc lên người này mà không lên người khác có cùng nguồn gốc như nhau. Tôi đã gặp một cô gái có họ là Xương. Tóc cô vàng hoe, mắt xanh, và cô giải thích một cách chán nản rằng không, cô không phải là con nuôi. Cha cô là người Trung Quốc. Tôi đoán rằng tổ tiên bên nội cô dính dáng đến chuyện yêu đương lãng nhãng với người Anh hoặc Bồ Đào Nha ở Hồng Kông. Tôi giống cô gái đó, hoặc nếu phải cắt nghĩa họ của tôi, vì sao trông tôi không giống Laguni. Các anh em trai của tôi hầu như giống người Ý, y như họ của chúng. Mặt họ góc cạnh hơn mặt tôi. Tóc họ quăn hơn và có màu nâu sáng hơn.

Trông Simon chẳng giống bất kỳ chủng tộc nào cụ thể. Anh là sự hòa trộn rất cân bằng, một nửa là Trung Hoa-Hawaii, một nửa là Anglo, một sự hỗn hợp hoàn hảo nhiều gien của các chủng tộc khác biệt và không pha loãng. Khi lớp tôi lập các nhóm nghiên cứu, Simon và tôi vào cùng một nhóm. Chúng tôi không nhắc đến những thứ chúng tôi mặc nhiên chia sẻ.

Tôi nhớ lần đầu tiên anh nói đến bạn gái, vì tôi mong anh chưa có. Năm đó chúng tôi đang mài miết ôn thi giữa học kỳ. Tôi đang liệt kê các thuộc tính của Etruscan¹: một ngôn ngữ chết, hoàn toàn tách biệt, không liên quan gì đến các ngôn ngữ khác... Giữa chừng bản tóm tắt của tôi, Simon buột miệng:

- Bạn gái của tôi, Elza, đã làm một tua nghiên cứu ở Italy và nhìn thấy các ngôi mộ khác thường này của người Etruscan.

Chúng tôi nhìn anh - kiểu như: Sao lại thế? Thử nghĩ mà xem, Simon không nói: “À, bạn gái tôi cũng chết như thứ ngôn ngữ này”. Anh nói đến cô ta một cách ngẫu nhiên, như cô vẫn còn sống, đang đi du lịch trên tàu hỏa xuyên châu Âu và gửi bưu thiếp từ Tuscany về. Sau vài giây im lặng lúng túng, trông anh ngượng ngập và lăm băm y như những người bị bắt gặp đang cãi nhau với chính mình trong lúc đi trên vỉa hè. Tội nghiệp anh chàng, tôi nghĩ, và lúc đó những tình cảm sâu xa nhất rung động trong lòng tôi.

Tan lớp, Simon và tôi lần lượt mua cà phê cho nhau ở Bear's Lair. Chúng tôi thêm vào hàng trăm câu chuyện khác về đời đời và lễ hiến thánh. Chúng tôi thảo luận về trường phái nguyên sơ như một quan niệm thiên về phương Tây. Tạp giao là giải pháp lâu dài duy nhất cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trớ trêu, hài hước và châm biếm là những dạng sâu sắc nhất của sự thật. Anh bảo muốn tạo nên một triết lý sống riêng dẫn dắt công việc của đời anh, cho phép anh làm nên những thay đổi *lớn lao* trên thế giới. Đêm hôm ấy, tôi trả từ *lớn lao* trong từ điển và nhận ra tôi cũng muốn có một cuộc sống lớn lao. Khi chung sống cùng anh, tôi cảm thấy như thể điều bí mật và phần tốt đẹp nhất trong tôi được giải phóng. Tôi từng hẹn hò với những anh chàng tôi thích, nhưng những mối quan hệ ấy hãn hữu mới vượt ra ngoài khuôn khổ thoải mái thông thường của các bữa tiệc thân đêm, những cuộc trò chuyện say sưa, đôi khi là làm tình, tất cả những thứ đó nhanh chóng trở nên thiêu mốc như hơi thở buổi sáng. Với Simon, tôi cười ròn hơn, suy nghĩ sâu hơn, cảm thấy cuộc đời bên ngoài phạm vi nhỏ bé của tôi đáng yêu hơn.

Chúng tôi có thể trao đổi nhiều ý tưởng với nhau. Chúng tôi đấu tranh với nhau. Chúng tôi phát hiện quá khứ của nhau với sự khoái trá của nhà phân tâm học.

Tôi thấy kỳ quái biết chừng nào khi chúng tôi có điểm chung. Cả hai chúng tôi đều mất cha mẹ trước tuổi lên năm, anh mất mẹ còn tôi mất cha. Cả hai đều có những con rùa cưng; con của anh chết sau khi anh nhỡ tay đánh rơi chúng vào bể bơi khử trùng bằng clo. Cả hai chúng tôi đều là đứa trẻ thui thủi một mình, bị bỏ mặc cho người khác trông nom, anh thì giao cho hai bà bác không lấy chồng, tôi thì giao cho Quan.

- Mẹ mình trao mình vào tay bất cứ ai kể chuyện ma! - Có lần tôi kể với anh.

- Trời đất! Tớ lấy làm lạ là cậu không điên rồ hơn bây giờ! - Chúng tôi cùng cười, tôi cảm thấy thật phù phiếm vì những điều có thời làm chúng tôi vui vẻ giờ lại làm tôi đau đớn đến thế.

- Mẹ tớ ấy mà, - tôi nói thêm, - bà là một nhân viên xã hội mẩu mực, lúc nào cũng bị ám ảnh phải giúp người lạ và phớt lờ người thân. Bà đúng hẹn với thợ sửa móng tay cho bà hơn là nhắc một ngón tay giúp các con. Không phải là giả mạo đâu! Bà không thuộc loại bệnh hoạn như thế, nhưng...

Simon xen vào:

- Cho dù là sự sao nhãng nhẹ cũng có thể làm tổn thương suốt đời, - tôi cảm thấy đúng như thế, nhưng không thể nói ra lời. Anh làm tôi đau thêm, - Có khi bà ít quan tâm lại làm cậu mạnh mẽ như ngày nay. - Tôi sốt sắng gật đầu lúc anh nói tiếp. - Mình muốn nói đến bạn gái của mình, Elza ấy mà, mất cả cha lẫn mẹ từ khi còn bé. Nói đến tính kiên quyết của cô ấy thì, chà!

Chúng tôi đối với nhau như thế, gần gũi về mọi mặt. Tôi cảm thấy chúng tôi bị hút đến nhau. Còn sự kết thúc, về phía tôi là đòi hỏi tình dục mạnh mẽ. Về phía anh là cứ bám lấy sự tĩnh tại, anh dễ dàng dứt bỏ:

- Nay, Laguni, - anh nói và kiên quyết đặt tay lên vai tôi, - Mình mệt nhoài mất rồi, phải chạy thôi. Nhưng nếu cậu muốn ôn lại những ghi chép cuối tuần này thì gọi cho mình nhé.

Cái kiểu chia tay nhẹ nhõm như thế làm tôi lê bước về nhà, không làm được gì suốt tối thứ Sáu vì tôi đã gạt bỏ một cuộc hẹn, mong Simon mời tôi đi chơi. Hồi ấy, tôi say Simon đến ngớ ngẩn, mắt nhìn tình tứ, nói cười khúc khích, đầu óc mông lung, mê mẩn theo kiểu ngu nhất. Nhiều lần tôi nằm trên giường, tự nguyện rửa, co giật vì nỗi khát khao không được thỏa mãn. Tôi tự hỏi: Mình có điên không? Mình có phải là người duy nhất thế này không? Chắc là anh ta có bạn gái. Thế thì sao? Ai cũng biết rằng hồi ở trường đại học, bạn có thể thay đổi ý định hàng triệu thứ, cô bạn gái hiện thời trong chốc lát có thể thành thuở xưa rồi.

Nhưng hình như Simon không biết tôi đang ve vãn anh.

- Cậu có biết tớ thích cậu không? - Anh hỏi tôi. - Cậu đối với tớ như một thằng bạn thân. Chúng mình có thể nói với nhau đủ thứ mà không để thứ khác xen vào.

- Thứ khác gì?

- Thực tế thì chúng mình là... Ờ, là khác giới ấy mà.

- Thật ư? - Tôi nói, vờ sững sốt. - Cậu định nói mình là con gái còn cậu là... mình chẳng nghĩ gì đâu! - Lúc đó, cả hai chúng tôi cùng phá lên cười ha hả, thân tình.

Ban đêm tôi khóc, tức tối, tự rửa mình là đồ ngốc. Nhiều lần tôi đã thề sẽ từ bỏ mọi ý nghĩ lãng mạn với Simon - dường như có thể tự buộc mình không yêu! Nhưng ít ra tôi cũng biết cách đeo một cái mặt nạ hợp lý. Tôi tiếp tục đóng vai một người bạn trai vui tính, lắng nghe với nụ cười trên môi và đau quặn trong tim. Tôi nghĩ đến điều xấu nhất. Vì sớm hay muộn, Simon cũng nhắc đến Elza, cứ như anh biết cô ta đang trong ý nghĩ của tôi vậy.

Suốt ba tháng lắng nghe khổ sở, tôi biết nhiều chi tiết vụn vặt về đời Elza: Cô sống ở thành phố Salt Lake, cô và Simon đã lớn lên ở đây, tranh nhau đứng thứ năm. Rằng cô có một cái sẹo dài năm centimét ở phía dưới đầu gối bên trái, có hình và màu sắc như một con giun đất, một

di sản bí ẩn từ lúc còn ẵm ngửa. Rằng cô là một vận động viên, cô chèo xuồng, đeo ba lô trên vai, cô là một chuyên gia trượt tuyết xuyên vùng. Rằng cô có khiếu âm nhạc, là một nhà soạn nhạc bắt đầu nảy nở, đã nghiên cứu Artur Balsam trong một trại hè âm nhạc nổi tiếng ở Blue Hill, Maine. Cô đã viết các biến tấu riêng dựa trên các biến tấu Goldberg.

- Thực ư? - Tôi nói với từng câu anh tán dương cô. - Thế thì đáng ngạc nhiên thật.

Có cái lạ là Simon nói về cô bằng thời hiện tại. Đương nhiên tôi nghĩ cô vẫn sống trong thời hiện tại. Có lần Simon chỉ ra rằng tôi bị dây son môi lên răng, và lúc tôi chùi vội đi, anh nói thêm:

- Elza không trang điểm, kể cả tô son. Cô ấy không tin vào việc đó.

Tôi muốn hét lên, thế thì tin cái gì? Hoặc trang điểm hoặc không! Lúc đó tôi muốn tát vào mặt cô ta, một cô gái đoan trang đến thế ắt phải là loại người tửm nhất bước đi trên Trái đất này, đi giày da không phải của loài vật! Dù Elza có ngọt ngào hay tẻ ngắt cũng chẳng cần, tôi vẫn coi thường cô ta! Với tôi, Elza không xứng với Simon. Tại sao cô ta có anh như một thứ đặc quyền trong đời? Cô đáng được huy chương vàng Olympic môn ném đĩa. Cô đáng được giải Nobel Hoà bình vì cứu những con cá voi non chậm phát triển. Cô xứng đáng được chơi organ trong dàn hợp xướng Mormon Tabernance².

Mặt khác, Simon hợp với tôi, người luôn giúp anh phát hiện ra lối thoát cho tâm hồn, những ngách đường bí hiểm mà Elza chặn ngang vì sự chỉ trích và bất ưng không ngừng. Nếu tôi khen Simon - ví dụ, bảo rằng anh nói thật sâu sắc -, anh ta sẽ đáp:

- Cậu nghĩ thế à? Elza lại bảo một trong những sai lầm lớn nhất của mình là thấy cái gì cũng dễ chịu và thoải mái, rằng mình không suy nghĩ về mọi sự đủ nghiêm túc.

- Cậu không thể tin hết mọi điều Elza nói.

- Ờ, Elza cũng nói thế. Cô ấy ghét khi thấy nói gì mình cũng tin là thật. Cô ấy tin vào trực giác riêng, cái kiểu giống như người viết Walden, tên ông ta là gì nhỉ, à, Thoreau³. Như thế cô ấy nghĩ chúng tớ tranh cãi là quan trọng, thế mới đạt đến cốt lõi những điều chúng tớ tin và vì sao lại tin.

- Mình chúa ghét tranh cãi.

- Tớ không định nói tranh cãi là chống đối. Thảo luận thì đúng hơn, như cậu với tớ đang làm.

Tôi ghét tranh luận và thôi ngay. Tôi cố tỏ ra bông đùa.

- Thế à? Thế hai người thường tranh cãi những gì?

- Như người nổi tiếng nào được coi là biểu tượng chứ không là quần chúng. Cậu có nhớ Muhammad Ali⁴ đã từ chối quân dịch không?

- Nhớ chứ, - tôi nói dối.

- Elza và tớ, cả hai đều cho ông ta là con người vĩ đại, có vị trí cá nhân như thế để phản chiến. Nhưng khi ông ta giành được danh hiệu võ sĩ hạng nặng rồi được Tổng thống Ford mời đến Nhà Trắng, Elza nói: "Anh có tin không?". Tớ đáp: "Trời ạ, nếu anh được mời, anh cũng sẽ đến Nhà Trắng". Cô ấy bảo: "Vì một Tổng thống của *Đảng cộng hoà* à? Trông năm bầu cử?". Cô ấy bèn viết gửi ông ta một bức thư.

- Gửi Tổng thống?

- Không, gửi Muhammad Ali.

- Ồ, phải rồi. Lẽ tất nhiên.

- Elza bảo anh không thể nói chuyện chính trị hoặc quan sát những chuyện diễn ra trên tivi. Anh phải làm gì đó, nói cách khác là anh phải là một phần trong đó.

- Một phần của cái gì?

- Của hành động đạo đức giả. Cũng na ná như tham nhũng.

Tôi hình dung Elza trông giống như Patty Hearst⁵, đội mũ nôi và mặc quần áo dã chiến, khẩu súng tự động đeo trễ bên hông.

- Cô ấy tin rằng ai cũng nên giữ một vị trí đạo đức tích cực trong đời. Nếu không thì chỉ chưa đầy ba chục năm nữa, thế giới sẽ tuyệt diệt. Nhiều người bạn của bọn mình cho Elza là người bi quan. Nhưng cô ấy cho mình là người lạc quan đích thực, vì luôn muốn làm gì đó để thay đổi thế giới theo cách tích cực. Nếu cậu suy nghĩ sẽ thấy cô ấy đúng.

Trong lúc Simon cứ phát triển tư tưởng của Elza một cách lố bịch, tôi mơ màng phân tích nét mặt anh ta, sao nó luôn luôn biến sắc như thế. Bộ mặt anh thay đổi, từ người Hawaii sang Aztec⁶, từ Ba Tư thành Sioux⁷, từ người Bengal⁸ sang người Bali⁹.

- Sao cậu lại mang họ Bishop¹⁰? - Một hôm, tôi hỏi anh.

- Về đẳng nội mình có nhiều nhà truyền giáo kỳ dị. Mình là hậu duệ của các Giám mục, cậu hiểu không? Một gia tộc ở đảo Oahu¹¹ danh tiếng. Họ đến Hawaii năm 1800 để cải đạo cho những người hủ và ngoại đạo, cuối cùng họ kết hôn với những người trong hoàng tộc và sở hữu nửa hòn đảo.

- Cậu nói đùa?

- Không may, mình thuộc một chi họ không được thừa hưởng sự giàu sang, chẳng được một vườn dừa hoặc sân golf nào. Bên ngoài mình là người lai Hawaii-Trung Hoa, với một cặp là vợ chồng công chúa ngụp lặn trong ao hồ gien di truyền. Nhưng một lần nữa, không tiếp cận được với khối tài sản khổng lồ. - Simon cười phá. - Có lần Elza bảo mình thừa hưởng bên nội sự lười biếng của niềm tin mù quáng, và từ hoàng tộc Hawaii khuyến khích dùng người khác chăm lo cho những nhu cầu của mình hơn là làm việc để tự giành lấy.

- Mình nghĩ là không đúng, cái thứ là bản tính thừa kế ấy mà, như thế chúng ta phải phát triển thành một loại người nhất định chứ không được chọn lựa. Ý mình là Elza chưa từng nghe nói đến *thuyết tiền định*?

Trông Simon bối rối:

- Hừmừmừm, - anh ta nói, vẻ nghĩ ngợi. Tôi thoả mãn được một lúc vì đánh bại được đối phương bằng một nước cờ tinh vi và khéo léo.

Nhưng Simon nhận xét:

- Nhưng thuyết tiền định nói rằng mọi sự kiện, kể cả những lựa chọn của con người đều tuân theo những quy luật tự nhiên, nghĩa là nó rất khớp với lời Elza?

- Ý mình là, - tôi bắt đầu lắp bắp, cố nhớ lại những điều vót vát được trong giờ triết học, - mình định nói là, làm thế nào chúng ta xác định được thiên tính? Ai bảo cái đó là thiên tính, cái kia là không? - Tôi đáp lại, cố giữ cho cái tôi thẩm hại không bị chìm ngấm. - Với lại, cô ấy dựa trên cơ sở nào?

- Người thân của cô ấy là dân tộc Mormon, nhưng người ta nhận cô ấy làm con nuôi từ lúc mới lên một và đặt tên là Elsie, Elsie Marie Vandervort. Cô ấy không hề biết cha mẹ đẻ của mình là ai. Nhưng từ khi lên sáu, trước khi biết đọc nhạc, cô ấy đã có thể chỉ nghe bài hát một lần rồi chơi theo rất đúng từng nốt một. Elza đặc biệt mê nhạc Chopin¹², Paderewski¹³, Mendelssohn¹⁴, Gershwin¹⁵, Copland¹⁶, mình quên tên những người khác rồi. Sau này, cô ấy phát hiện ra từng người trong sổ họ hoặc là người Ba Lan hoặc Do Thái. Thế có kỳ không? Thế là cô ấy nghĩ chắc cô ấy là người Do Thái Ba Lan. Cô ấy bắt đầu xưng tên là Elza thay cho Elsie.

- Mình thích Bach¹⁷, Beethoven¹⁸ và Schumann¹⁹, - tôi khôn ngoan nói, - nhưng không có nghĩa mình là người Đức.

- Không hẳn thế đâu. Năm Elza lên mười, đã xảy ra một chuyện có vẻ hết sức lạ lùng, nhưng mình thề là có thật vì đã tận mắt nhìn thấy một phần. Cô ấy đang trong thư viện nhà trường, lật giở quyển bách khoa toàn thư, thì nhìn thấy bức ảnh một đứa trẻ đang khóc và nhiều tên lính vây quanh gia đình nó. Theo chú thích, họ là người Do Thái bị đưa đến trại tập trung Auschwitz²⁰. Cô ấy không biết Auschwitz ở đâu, thậm chí còn không biết đây là trại tập trung. Nhưng cô ấy nghĩ thấy - theo nghĩa đen - mùi khủng khiếp làm cô ấy run rẩy và nôn ọe. Sau đó cô ấy quỳ xuống và tụng đều đều: "Osh-vee-en-shim, Osh-vee-en-shim," hay đại loại thế. Người thủ thư lay cô, nhưng Elza không ngừng lại, không thể ngừng. Thế là người thủ thư kéo cô ấy đến y tá của trường, bà Schneebaum. Bà Schneebaum là người Ba Lan, nghe Elza tụng đều đều "Osh-vee-en-shim", bà rất sửng sốt. Bà tưởng Elza nói gì đó trên chộc bà. Hóa ra là thế này: *Oświęcim* là cách gọi *Auschwitz* bằng tiếng Ba Lan. Sau khi Elza thoát khỏi trạng thái xuất thần, cô biết cha mẹ cô là người Do Thái Ba Lan đã trải qua Auschwitz.

- Anh nói gì, cô ấy biết?

- Cô ấy chỉ biết thôi, như kiểu điều hâu lượn trong không khí, như thổ cứng người lại vì sợ. Đây là thứ kiến thức không thể truyền dạy. Cô ấy nói những hồi ức của mẹ truyền từ tim sang dạ con, và bây giờ in lên thành não cô không thể gột rửa được.

- Cậu nói tiếp đi! - Tôi bất giác nói, - cô ấy có vẻ giống chị Quan của mình.

- Sao lại thế?

- Ồ, chị ấy bịa ra bất cứ lý thuyết nào hợp với niềm tin của chị ấy. Dù sao thì bản năng sinh học và những hồi ức tình cảm không thể như nhau. Có lẽ trước kia Elza đã đọc hoặc nghe về Auschwitz mà không nhớ. Có nhiều người nhìn thấy những bức ảnh cũ hoặc xem phim rồi sau đó cứ tưởng chúng là những hồi ức riêng. Hoặc họ có một trải nghiệm ngờ ngợ, đó chỉ là một khớp thần kinh yếu cung cấp cảm giác tức thì, hồi nhớ một kỷ niệm đã lâu. Ý mình là cô ấy đã nhìn thấy người Ba Lan hoặc Do Thái bao giờ chưa? - Ngay sau khi tôi nói, tôi có một ý nghĩ nguy hiểm. - Cậu có bức ảnh nào của cô ấy không? - Tôi hỏi, ra vẻ hết sức tình cờ.

Trong lúc Simon lục ví, tôi thấy tim tôi tăng tốc như một chiếc xe đua, tôi sắp đối mặt với đối thủ của tôi. Tôi sợ cô ấy xinh đẹp, gây ấn tượng sâu sắc, một dấu gạch nối giữa Ingrid Bergman²¹ được ánh đèn của đường băng sân bay chiếu sáng và Lauren Bacall²² hờn dỗi trong một quán rượu mịt mù khói thuốc.

Bức ảnh cho thấy một cô gái thích sống ngoài trời, đằng sau là ánh sáng lúc chạng vạng, mái tóc uốn quăn bao quanh bộ mặt sừng sĩa. Mũi cô ta dài, cảm nhỏ như trẻ con, môi dưới cong lên như đang nói, vì thế trông cô giống một con chó bun²³. Cô đứng cạnh lều trại, tay chống nạnh, bàn tay đặt trên hông bè bè. Chiếc quần jeans quá chật, hằn rõ nơi đũng. Cô mặc chiếc áo phông lỗ lẳng, in dòng chữ *Question Authority*, những chữ cái lổn nhổn trải khắp bộ ngực béo ú của cô.

Tôi thầm nhủ, cô ta chẳng đẹp tí nào. Thậm chí không có nét đáng yêu của một cô gái mũi hếch. Trông cô xấu và thô như một con chó Ba Lan, chẳng có gì hấp dẫn. Tôi cố nén nụ cười, nhưng có thể nháy ngay một điệu polka vì vui. Tôi biết so sánh mình với cô kiểu này là hơi hợm và chẳng hay ho gì. Nhưng tôi không thể không cảm thấy mình mạnh hơn, tin rằng mình xinh hơn, cao hơn, mảnh dẻ hơn, có phong cách hơn. Không cần phải thích Chopin hoặc Paderewski mới nhận ra rằng Elza có tố tiên là nông dân Slave. Càng nhìn kỹ, tôi càng hân hoan. Đến lúc cuối cùng, tôi thấy những điều không chắc chắn của tôi không còn đe dọa hơn bộ mặt như trẻ con kia nữa.

Simon nhìn thấy cái quái gì ở cô ta kia chứ? Tôi cố khách quan, nhìn cô theo quan điểm của người đàn ông. Cô là một người khỏe khoắn, quả có thể thật. Chắc chắn cô gây ấn tượng là người khéo léo, nhưng theo kiểu đáng sợ và khó chịu. Bộ ngực cô to hơn của tôi nhiều; có lẽ chúng là đặc ân của cô, nếu Simon đủ ngu ngốc thích cái bị da thịt một ngày nào đó sẽ chảy xệ xuống tận rốn của cô. Có thể nói mắt cô ta thú vị, hiêng hiếng và giống mắt mèo. Dù nhìn kỹ thấy chúng làm ta bối rối, nhòe nhoẹt vì có nhiều chỗ hõm ảm ậm. Cô nhìn chăm chăm vào

máy ảnh, cái nhìn của cô vừa sắc vừa mờ dần. Về mặt cô gọi cho ta nghĩ, cô biết nhiều điều bí mật của quá khứ và tương lai, tất thấy đều buồn.

Tôi kết luận rằng Simon nhằm lẫn lòng trung nghĩa với tình yêu. Hơn nữa, anh biết cô từ hồi thơ ấu. Về mặt này, bạn phải khâm phục anh ta. Tôi trả Simon tám ảnh, cố không lộ vẻ tự mãn.

- Cô ấy có vẻ hết sức nghiêm túc. Đây có phải là thứ anh thừa hưởng của một người Do Thái Ba Lan không?

Simon ngắm nghía bức ảnh.

- Cô ấy có thể vui đùa nếu muốn. Cô ấy có thể đóng vai bất cứ người nào, từ cử chỉ, cách nói, giọng ngoại quốc. Cô ấy rất nhộn. Cô ấy có thể làm thế. Nhưng thỉnh thoảng thôi. - Anh ta ngừng lại, đắn đo, - Nhưng cậu nói đúng. Elza hay suy ngẫm làm thế nào cho mọi sự tốt đẹp hơn, vì sao nên như thế, cho đến khi cô ấy đâm sợ. Cô ấy luôn là thế, buồn rầu, nghiêm trang, mình chắc cậu sẽ bảo là suy nhược. Mình không hiểu vì sao nữa. Đôi khi cô ấy còn thái quá, - giọng anh nhỏ đi, vẻ phiền muộn, như thể lúc này anh đang xem xét cô dưới ánh sáng mới, những nét đặc trưng của cô rành rành là không hấp dẫn.

Tôi tích lũy những quan sát nhỏ nhỏ nhưng lý thú này lại như một thứ vũ khí sẽ dùng trong tương lai. Không như Elza, tôi là một người lạc quan thực sự. Tôi sẽ hành động. Trái ngược với tính sâu thẳm của cô, tôi là người vui vẻ. Thay cho là người hay chỉ trích, tôi sẽ tán phục hiểu biết của Simon. Tôi cũng tỏ rõ lập trường chính trị của mình. Nhưng tôi sẽ cười vui và chỉ cho Simon thấy cuộc sống có người bạn đời tâm đầu ý hợp không cần lúc nào cũng phải phán quyết và rầu rĩ. Tôi quyết làm mọi thứ cần thiết để hất cô ta khỏi trái tim Simon.

Sau khi xem ảnh Elza, tôi tưởng sẽ dễ dàng thay thế cô. Tôi thật ngu, tôi không biết rằng tôi sẽ phải giằng Simon khỏi nanh vuốt của một bóng ma. Nhưng hôm ấy, tôi hạnh phúc đến mức nhận lời mời của Quan đến ăn tối. Tôi mang theo đồ định giặt của tôi và rất miễn nguyện, tôi giả vờ lắng nghe lời khuyên của chị.

Libby-ah, để chị làm cho. Em không biết sử dụng máy giặt của chị đâu. Không cho quá nhiều xà phòng, không để nước quá nóng, phải lộn trái hết các túi quần, áo ra...

Libby-ah, chà chà, sao em có nhiều quần áo đen thế? Em nên mặc những màu vui mắt! Áo nịt điểm họa xinh xinh, điểm những chấm tròn, màu đỏ thắm là hợp với em nhất. Chị không thích màu trắng. Không phải vì mê tín đâu. Một số người nghĩ màu trắng là màu tang. Không phải như thế. Trong Cõi Âm, có nhiều màu sắc em chưa từng biết, vì em không thể nhìn thấy bằng con mắt của em. Em phải sử dụng những khả năng phán đoán bí ẩn, tưởng tượng ra chúng mỗi khi em đầy ắp các cảm nghĩ thật, cả vui lẫn buồn. Vui, buồn đôi khi từ cùng một việc, em biết thế không?

Đằng nào thì tôi cũng ghét màu trắng vì rất dễ bẩn, khó giữ cho sạch sẽ. Nó không thiết thực. Tôi biết, vì suốt quãng đời gần đây của tôi, tôi đã phải giặt quá nhiều đồ trắng, nhiều, nhiều lắm. Đây là một trong những cách tôi kiếm sống trong Ngôi nhà của Ma Thương nhân.

Ngày đầu tiên trong tuần tôi phải giặt rũ. Ngày thứ hai, tôi là phẳng đồ đã giặt. Ngày thứ ba, đánh giày và mạng, vá quần áo. Ngày thứ tư, quét sân và các lối đi, ngày thứ năm cọ sàn và lau đồ đạc trong Nhà Nguyễn. Ngày thứ sáu dành cho công việc quan trọng.

Tôi thích ngày thứ sáu nhất. Tôi đi quanh làng cùng cô Banner, phát những cuốn sách mỏng tên là *The Good News*. Dầu tờ giấy viết tiếng Anh đã dịch sang tiếng Trung, tôi vẫn không đọc được. Vì tôi không biết đọc nên không thể dạy cô Banner đọc. Trong cái làng nghèo khổ này, chẳng ai biết đọc. Nhưng người ta vẫn vui mừng nhận các cuốn sách mỏng. Họ dùng để nhét vào bên trong quần áo mùa đông. Họ đập lên bát cơm chống ruồi. Họ dán kín các kẽ nứt trên tường. Cứ vài tháng, một con tàu từ Quảng Châu chở đến những hòm sách này. Mỗi tuần, vào ngày thứ sáu, chúng tôi phát đi rất nhiều. Chúng tôi không biết rằng thực ra, chúng tôi đã gieo rắc cho dân chúng nhiều nỗi phiền muộn trong tương lai.

Lúc chúng tôi về Ngôi nhà của Ma Thương nhân, vui vẻ và tay không, Lão Lục sẽ có một buổi

biểu diễn nho nhỏ cho chúng tôi xem. Lão trèo lên cột, rồi nhanh chóng đi men theo gờ mái nhà trong lúc chúng tôi há hốc miệng và kêu:

- Đứng ngã! - Lão đi loanh quanh và cầm một viên gạch, đặt lên đầu, rồi xếp lên trên một tách trà, rồi một cái bát, một cái đĩa, mọi thứ khác kích cỡ và trọng lượng. Lão lại đi trên gờ mái rất hẹp, trong lúc chúng tôi vừa la hét vừa cười. Tôi cho là lão cố gỡ lại thể diện lần ngã xuống nước cùng cô Banner và cái rương của cô.

Ngày thứ bảy, cố nhiên chúng tôi đến Nhà Nguyễn, ở đó suốt buổi chiều, trò chuyện trong sân, ngắm hoàng hôn, những vì sao hoặc cơn đông chớp nhoáng. Thỉnh thoảng tôi hái những cái lá ở bụi cây mọc trong sân. Lão Lục hay mắng tôi:

- Đấy không phải là một bụi cây thường. Là cây thiêng. Nhìn này.

Lão đứng, dang thẳng hai cánh tay như một bóng ma đi trong đêm, quả quyết rằng lúc này sức mạnh tự nhiên đang chảy từ cành cây vào chân tay lão.

- Cô ăn lá đi, - lão bảo, - cô sẽ thấy yên ổn, thăng bằng trong lòng, thấy người khác chỉ là trò cười.

Thế là Chủ nhật nào tôi cũng lấy lá cây ấy pha trà, như một món quà cảm ơn buổi diễn của Lão Lục. Cô Banner thường uống cùng. Tuần nào tôi cũng nói:

- Nay Lão Lục, lão nói đúng, thứ trà pha bằng lá cây ấy làm con người cảm thấy bình yên.

Lão nói:

- Đấy không phải là bụi cây chó ỉa mà là cây thiêng. Thấy chưa, lá cây ấy chẳng chữa cho lão được bệnh vãng tục, thật quá tệ.

Sau ngày thứ bảy, lại là ngày đầu tiên trong tuần, ngày lúc này tôi đang kể. Như đã nói, tôi đang giặt một đồng quần áo bẩn.

Tôi giặt giũ trong một ngõ rộng sát tường, ngay bên ngoài bếp. Ngõ lát đá và lộ thiên nhưng được một cây to rợp bóng. Suốt buổi sáng, tôi giữ cho các nồi to nước sôi, hai nồi riêng vì các nhà truyền giáo không cho phép tôi ngâm chung quần áo đàn ông và đàn bà trong cùng một thứ nước nóng. Một nồi tôi pha long nhãn, nồi kia ngâm vỏ cây lý có mùi thơm như quế. Cả hai thứ đều phòng nhậy rất tốt. Tôi đun sôi áo sơ mi trắng và những đồ lót kín đáo của mục sư Amen và bác sĩ Quá Muộn trong nước long nhãn. Tôi luộc các khăn giường, những mảnh vải họ dùng lau mũi và trán. Trong nồi ngâm vỏ cây lý, tôi đun các áo choàng, đồ lót của phụ nữ, khăn giường, khăn lau mũi của họ.

Tôi xếp quần áo ướt lên bánh xe một cối xay cũ bằng đá rồi quay để vắt nước. Tôi cho quần áo đã vắt vào hai cái giỏ, nam nữ để riêng. Tôi rót phần nước pha cây lý còn thừa lên mặt đường. Rồi xách các giỏ này qua cổng, vào phía sau nhà, nơi có hai cái chuồng, một dành cho lợn, một dành cho trâu bò. Giữa hai chuồng này có một sợi dây căng rất chắc. Đây là chỗ tôi phơi quần áo cho khô.

Bên trái tôi là một bức tường khác, có cửa dẫn vào khu vườn rộng, cuối các tường đá cao bao quanh. Nơi này rất đẹp, trước kia được những bàn tay làm vườn thành thạo chăm sóc, nay bị bỏ hoang. Những cây cầu đá và nhiều hòn non bộ vẫn còn đó, nhưng cái ao bên dưới đã cạn khô, không còn cá, chỉ toàn cỏ dại. Mọi thứ đều lộn xộn, những bụi hoa, cành cây, cỏ dại, dây leo. Những con đường dày đặc lá cây và hoa của hai chục mùa, mềm và mát dưới bàn chân tôi. Nhiều đường mòn quanh co lên xuống theo kiểu kỳ lạ, làm tôi tưởng như đang trèo lên Kế Sơn. Đỉnh của một trong những quả đồi này rộng đủ dựng một cái lều nhỏ. Trong lều có những ghế dài bằng đá phủ đầy rêu. Giữa nền đá có vết cháy. Từ lều này, tôi có thể nhìn qua tường, nhìn thấy ngôi làng, các đỉnh núi đá vôi, mái vòm đi vào thung lũng của quả núi tiếp theo. Tuần nào sau khi giặt giũ xong, tôi cũng nhúng trứng vịt vào nước sôi thừa rồi vùi trong vườn để bảo quản. Làm xong, tôi đứng trong lều, vờ như cối trần gian tôi nhìn thấy bên ngoài bức tường là của tôi. Tôi cứ làm thế trong vài năm, cho đến một hôm Lão Lục thấy tôi đứng đó. Lão bảo:

- Nay, Nunumu, đừng leo lên đây nữa, trong lều chính là nơi người lái buôn bản địa chết đấy.

Lão Lục kể một buổi chiều, người thương nhân đã đứng đó, bốn người vợ ở bên dưới. Ông ta nhìn chăm chăm lên trời và thấy một đàn chim đen kịt. Người lái buôn nguyên rửa chúng, rồi bùng cháy. Chao ôi! Ngọn lửa réo vù vù, mờ ông ta xèo xèo và bắn tung toé. Những người vợ kinh hãi rú lên lúc ngửi thấy mùi hăng xè của ớt và tỏi nướng. Ngọn lửa tắt ngay lập tức, khói thành hình người lái buôn dâng lên và bay mất. Khi những người vợ trèo đến lều, họ không thấy tro, chỉ còn lại bàn chân và giày của ông ta. Cùng với cái mùi vừa kinh khủng vừa thơm tho.

Sau khi nghe Lão Lục kể, mỗi lần phơi đồ đã giặt, mỗi lần vào vườn vùi trứng là tôi lại sợ thấy mùi đó. Song tôi chỉ ngửi thấy mùi long não, mùi cây lý, mùi lá chết và những bụi cây rộ hoa. Nhưng cái ngày mà tôi nói đến lúc này, tôi nghĩ đã ngửi thấy mùi của Ma Thương nhân, nỗi sợ chết của ông ta, mùi ớt, tỏi rất nồng đượm, có lẽ cả mùi dấm nữa. Đó là một ngày nóng gay gắt, tháng ve sầu lột xác sau khi nằm bốn tháng trong đất. Chúng ca hát, con đực réo gọi con cái, con nào cũng cố kêu to nhất. Tôi để một mắt nhìn ra cổng, phòng khi Ma Thương nhân đang ở đó tìm bàn chân của mình. Tôi nghe thấy tiếng sột soạt, tiếng lá khô lạo xạo, tiếng cành cây gãy, những con chim màu đen vụt ra khỏi bụi và bay tán loạn trên trời. Lũ ve sầu im bặt.

Người tôi run bắn. Tôi muốn bỏ chạy. Nhưng tôi nghe thấy ma Trinh nữ Đạo tặc ở trong tôi nói:

- Mi sợ ư? Vì sao mi sợ con ma Thương nhân bản địa không bàn chân đó? Hãy đi vào trong và nhìn xem hắn ta ở đâu.

Lúc này tôi vừa sợ vừa xấu hổ vì đã sợ. Tôi thận trọng đến cổng, liếc vào. Khi những con ve sầu bắt đầu kêu ran, tôi chạy vào vườn, bàn chân tôi nghiêng trên lớp lá khô. Tôi lao lên cây cầu đá, qua cái ao khô cạn, leo lên những quả đồi lúp xúp lên xuống. Khi tiếng ve ve biến thành lách cách, tôi dừng lại, biết rằng lũ ve sắp mệt lử và im lặng. Theo tiếng kêu của chúng, tôi chạy rồi dừng, chạy rồi dừng, cho đến lúc đứng ở chân quả đồi có túp lều nhỏ. Tôi lượn vòng dưới chân đồi, cho đến khi tiếng lách cách ngừng, và nhìn trùng trùng vào người đàn ông đang ngồi trên chiếc ghế dài bằng đá, đang ăn quả chuối bé xíu. Tôi chưa bao giờ nghe đồn bóng ma ăn chuối. Tất nhiên từ đấy trở đi, những con ma khác kể với tôi rằng đôi khi chúng giả vờ ăn chuối, dù chưa bao giờ ăn chuối trứng cuốc như quả chuối người này đang ăn.

Khi người đó nhìn thấy tôi, anh ta vùng đứng dậy. Anh ta có bộ mặt khác thường nhưng thanh tú, không phải người Hoa cũng không hằn người nước ngoài. Anh ta ăn vận lịch sự. Trước kia tôi đã nhìn thấy người này, tôi tin chắc thế. Lúc đó tôi nghe thấy nhiều âm thanh vọng từ sườn đồi bên kia, tiếng suối đập ào ào vào các tảng đá, tiếng một người đàn ông thở dài, chân dẫm lạo xạo trên lá khô từ hai chục mùa. Tôi nhìn thấy ánh sáng lóe ở đầu chiếc can nạm bạc, bộ mặt giả dối của người sở hữu nó. Bàn tay ông ta bận bịu cài khuy quần. Đây là Tướng Cape, còn người đàn ông lịch sự ăn chuối là người lai tên là Dị Ban.

Chao ôi! Đây là người đàn ông tôi đã cầu nguyện trở về với cô Banner. Sau này tôi lại cầu cho hắn ta cứ ở xa mãi, nhưng lẽ ra tôi phải xin Chúa nhiều lần nữa mới phải.

Cape quát Dị Ban, rồi sau đó Dị Ban nói với tôi:

- Nay cô bé, quý ông đây là một vị tướng nổi tiếng người Mỹ. Có phải kia là ngôi nhà những người nước ngoài Thờ phụng Chúa ở không?

Tôi không trả lời. Tôi nhớ lại điều người đàn ông từ Kế Sơn về nói: Tướng Cape đã thành kẻ phản bội, chống lại tộc người Khách Gia. Tôi thấy Tướng Cape nhìn vào giày tôi. Ông ta lại nói, và Dị Ban dịch:

- Người cho cô đôi giày da này là bạn thân của Tướng Cape. Cô ấy đang nóng lòng gặp ông ta.

Thế là đôi giày cùng bàn chân tôi đã đưa hai người đàn ông đến với cô Banner. Dị Ban nói đúng. Cô đang khắc khoải mong gặp Tướng Cape. Cô vòng tay ôm ông ta và để ông ta nhắc bổng cô lên không trung. Cô làm việc này ngay trước mặt mục sư Amen và bà Amen, tuy họ là

vợ chồng nhưng chưa bao giờ chạm vào nhau, ngay trong phòng riêng của họ - Lão Lục kể với tôi thế. Đêm khuya hôm ấy, tưởng mọi người đã ngủ nhưng thực ra là chưa, cô Banner mở cửa phòng riêng và Tướng Cape nhanh chóng từ phòng ông ta lọt vào phòng cô. Mọi người đều nghe thấy; chúng tôi không có cửa sổ, chỉ có những tấm ngăn bằng gỗ.

Tôi biết cô Banner sẽ gọi viên tướng vào phòng cô. Lúc chập tối, tôi kể với cô Tướng Cape đã phản bội dân Khách Gia và cũng phản bội cô. Cô rất giận tôi, cứ như tôi nói những điều này để rửa cô. Cô nói Tướng Cape là một anh hùng, ông ta để cô ở lại Quảng Châu chỉ để giúp những người Thờ phụng Chúa. Lúc đó, tôi bèn kể những lời người đàn ông từ Kế Sơn nói: Tướng Cape đã lấy con gái của một chủ nhà băng Trung Hoa vì tham vàng. Cô Banner bảo trái tim tôi là mẩu thịt thối, lời của tôi là những con giòi sống bằng chuyện ngồi lê đôi mách. Cô nói nếu tôi tin những điều này về Tướng Cape, tôi sẽ không còn là người bạn trung thành của cô nữa.

Tôi bảo cô:

- Khi cô tin một điều gì đó, làm sao cô có thể đột ngột không tin? Khi cô là người bạn trung thành, làm sao lại không còn là thế nữa?

Cô không trả lời.

Lúc đêm khuya, tôi nghe thấy tiếng hộp nổi nhạc, cái hộp cha cô cho khi cô còn là một cô gái trẻ măng. Tôi nghe thấy tiếng nhạc đã làm nước mắt bà Amen rơi, nhưng lúc này tiếng nhạc làm một người đàn ông hôn một cô gái. Tôi nghe thấy cô Banner thở dài, lần nữa rồi lần nữa. Niềm hạnh phúc của cô lớn đến mức tràn ra, rỉ vào phòng tôi và biến thành những giọt nước mắt tiếc nuối.

Tôi bắt đầu làm công việc giặt rũ ở nhà Quan. Simon hay làm việc này, đó là một trong những điều hay nhất khi lấy anh. Anh thích dọn dẹp nhà cửa, trải những tấm vải sạch lên giường và vuốt phẳng phiu. Từ khi anh đi, tôi phải giặt lấy quần áo của mình. Chiếc máy giặt bỏ tiền vào là chạy ở tầng hầm nhà tôi, song mùi mốc và ánh đèn lờ mờ làm tôi hãi. Nó kích thích trí tưởng tượng của tôi. Ngay sau đó, Quan nhận việc giặt giũ.

Tôi hay đợi đến lúc hết nhả đồ lót sạch. Lúc đó tôi ném ba cái túi căng phồng lên xe và phóng đến phố Balboa. Ngay cả lúc này, khi cho quần áo của tôi vào máy sấy của Quan, tôi vẫn nghĩ đến câu chuyện chị kể cái ngày tôi đầy hy vọng vào tình yêu. Đến đoạn niềm vui biến thành nỗi buồn, tôi nói:

- Quan, em không muốn nghe nữa đâu.

- Thế à? Sao vậy?

- Nó làm em đau đầu. Lúc này em muốn giữ tâm trạng vui vẻ.

- Hay để chị kể tiếp, em sẽ không thấy đau đầu nữa. Em sẽ thấy cô Banner đã làm...

- Quan, - tôi nói, - em không muốn nghe về cô Banner nữa. Bất kỳ lúc nào.

Thật mạnh mẽ! Thật dứt khoát! Tôi sững sốt thấy Simon làm tôi cảm thấy mạnh mẽ biết chừng nào. Tôi có thể quyết liệt với Quan. Tôi có thể quyết định nên nghe ai và vì sao lại nghe. Tôi có thể chung sống với một người như Simon, thực tế, hợp lý và đúng mực.

Chưa bao giờ tôi nghĩ rằng anh cũng nhồi nhét những bóng ma đầy cuộc sống của tôi.

PHẦN II

6. NHỮNG CON ĐOM ĐÓM

Đêm Simon hôn tôi lần đầu tiên là khi tôi biết sự thực về Elza. Học kỳ mùa xuân đã hết, chúng tôi đi dạo trên những quả đồi phía sau khu trường Berkeley, hút một điếu cần sa. Đêm tháng Sáu ấm áp, chúng tôi đi vào khu vực có những đóm nắng bé xíu lấp lánh trên những cây sồi như dịp Giáng sinh.

- Em bị ảo giác phải không? - Tôi hỏi.

- Đom đóm đấy, - Simon trả lời. - Chúng không đáng ngạc nhiên sao?

- Anh chắc không? Em không ngờ ở California có đom đóm. Trước kia em chưa bao giờ nhìn thấy.

- Có lẽ sinh viên nào đấy nuôi chúng làm thí nghiệm đã để xổng.

Chúng tôi ngồi trên một thân cây đổ, nham nhở. Hai con đom đóm nhấp nháy bay theo đường chữ chỉ đến với nhau, sự hấp dẫn của chúng nom rắc rối và tiền định. Chúng lóe sáng rồi tắt giống những chiếc máy bay tìm đường băng, gần hơn và gần hơn nữa, cho đến khi chạm làm một, chúng mờ đi rồi tắt hẳn và nhẹ nhàng bay vụt đi, mơ hồ.

- Anh lãng mạn quá, - tôi nói.

Simon mỉm cười và nhìn thẳng vào tôi. Anh ngượng ngập vòng cánh tay quanh eo tôi. Mười giây trôi qua, rồi hai mươi giây, chúng tôi không nhúc nhích. Mặt tôi nóng bừng, tim tôi đập nhanh, tôi nhận ra chúng tôi đã vượt quá giới hạn tình bạn, đang nhảy qua rào và chạy vào miền hoang vu. Mỗi chúng tôi giống những con đom đóm kia, bay phấp phới và len lỏi đến với nhau. Tôi nhắm mắt lúc mỗi anh gặp mỗi tôi, cả hai chúng tôi run rẩy và ngập ngừng. Lúc tôi ép sát vào anh hơn để anh ôm tôi say đắm hơn, anh buông tôi, gần như đẩy tôi ra. Anh nói bằng giọng hối tiếc:

- Ôi lạ Chúa, anh xin lỗi. Anh thích em, Olivia. Rất thích. Song chuyện này thật phức tạp, vì... ờ, em biết đấy.

Tôi búng một con đom đóm khỏi thân cây, chờ đợi nhìn nó chăm chú lúc nó xoay tròn trên lưng.

- Em biết không, lần cuối cùng anh gặp Elza, bọn anh đã cãi nhau một trận ra trò. Cô ấy rất giận anh, còn anh từ đó không gặp cô ấy nữa. Chuyện ấy từ sáu tháng trước. Có điều là anh vẫn yêu cô ấy. Nhưng...

- Simon, anh không phải giải thích gì hết, - tôi đứng lên, chân run run. - Chúng ta quên chuyện này đi nhé?

- Olivia, ngồi xuống nào. Anh phải nói với em. Anh muốn em hiểu. Chuyện này rất quan trọng.

- Để em đi. Hãy quên đi. Mà, trời ạ! Cứ coi như nó chưa bao giờ xảy ra.

- Gượng đã. Hãy ở lại. Em ngồi xuống đi. Olivia, anh phải nói với em việc này.

- Còn cái quái gì nữa đây?

- Vì anh nghĩ anh cũng yêu cả em.

Tôi nín thở. Lẽ tất nhiên, tôi sẽ bắt anh ta phải nói rõ lời tuyên bố “anh nghĩ” và “cũng”, cứ như tôi là một phần trong hậu cung tình cảm của anh ta vậy. Nhưng tôi đang mê đắm, một từ “yêu” là đủ, vừa là niềm an ủi vừa là mồi cám dỗ. Tôi ngồi xuống.

- Nếu em nghe chuyện xảy ra, - Simon nói, - em sẽ hiểu vì sao anh để lâu thế mới thổ lộ với

em.

Tim tôi vẫn đập điên cuồng, vừa giận dữ vừa hy vọng. Chúng tôi ngồi im lặng, căng thẳng mấy phút liền. Lúc đã trấn tĩnh, tôi nói bằng giọng bình tĩnh:

- Anh kể đi.

Anh hăng giọng:

- Hồi tháng Mười hai, trong dịp nghỉ học kỳ, Elza và anh đã cãi nhau. Anh trở về Utah. Bọn anh đã dự định trượt tuyết bằng qua cánh đồng ở hẻm núi Little Cottonwood. Tuần trước đó, bọn anh đã cầu nguyện có tuyết rơi, cuối cùng phải rúc vào trong xe chở hàng vì tuyết dày tới gần một mét.

- Cô ấy không muốn đi, - tôi đoán, cố đẩy nhanh câu chuyện.

- Không, bọn này vẫn đi. Anh nhớ lúc xe đang lên hẻm núi, bọn anh nói chuyện về SLA¹, liệu việc cung cấp lương thực cho người nghèo có làm cho nạn bóp nặn và cướp nhà bằng đỡ đi không. Chán nản, Elza hỏi: "Anh nghĩ gì về việc nạo phá thai?". Anh tưởng mình nghe nhầm. "Sự bóp nặn ư?" - anh nói. Cô ấy bảo: "Không, nạo phá thai". Anh nói: "Như anh đã nói trước kia về vụ *Roe versus Wade*², rằng quyết định đó sẽ không đủ tầm xa". Cô ấy cắt lời anh: "Nhưng anh thực sự cảm thấy như thế nào về nạo phá thai?". "Em muốn nói *thực sự cảm thấy là có ý gì?*". "Đấy chính là điều em muốn hỏi. - Elza nói chậm rãi, nhấn vào từng âm tiết, - Ý em là anh nghĩ gì, về mặt cảm xúc?". "Về mặt cảm xúc, anh nghĩ là tốt". Cô ấy phát khùng: "Anh không nghĩ gì về câu hỏi hết! Em không hỏi anh về thời tiết! Em đang hỏi anh về mạng sống của con người! Em đang nói về cuộc sống thật của một người phụ nữ chống lại mạng sống tiềm năng trong dạ con cô ta!"

- Cô ấy quá kích động, - tôi hăm hờ nhấn mạnh tính thất thường và thái quá của Elza.

Simon gật đầu.

- Đến đầu đường mòn, cô ấy nhảy khỏi xe, cúi thực sự và lao đi trên bàn trượt. Trước khi khuất dạng, cô ấy hét: "Tôi đang có thai, đồ ngốc ạ. Chẳng có lý gì tôi giữ đứa con này và huỷ hoại đời tôi. Nó xé rách người tôi lúc huỷ nó, còn anh thì ngồi đấy mà cười và nói là tốt".

- Trời đất ơi. Simon. Nếu anh biết thì sao? - Vậy đấy, tôi nghĩ: Elza muốn cưới và phải đương đầu với tương lai, còn Simon thì từ chối. May cho anh ta.

- Anh sững người, - Simon kể tiếp. - Anh chẳng hay biết gì. Bọn anh lúc nào cũng giữ gìn thận trọng.

- Anh có nghĩ là cô ấy cố tình không?

Simon cau mày:

- Elza không phải loại người đó, - anh ta gần như thề thốt.

- Rồi anh làm gì?

- Anh vội đeo bàn trượt, lao theo Elza. Anh gọi to bảo cô ấy đợi, nhưng cô ấy lao qua đỉnh và anh không nhìn thấy đâu nữa. Lạy Chúa, anh nhớ ngày hôm ấy rất đẹp, trời nắng và thanh bình. Em chưa bao giờ nghĩ những sự việc kinh khủng lại có thể xảy ra khi thời tiết tốt như thế. - Simon cười cay đắng.

Tôi nghĩ thời gian Simon đã trải qua - từ ngày anh ta và Elza không nhìn thấy nhau nữa, kết cục của câu chuyện, thời gian cho mỗi tình tiếp theo là tôi.

- Thế đấy, - tôi nói, cố tỏ ra thông cảm, - ít nhất thì Elza đã cho anh cơ hội để bàn bạc tình hình trước khi đổ ụp mọi sự lên đầu anh.

Simon nhào ra phía trước và vùi mặt vào bàn tay.

- Lạy Chúa! - Anh nói bằng giọng thảm thiết.

- Simon, em hiểu, nhưng đây không phải lỗi của anh, và giờ nó đã chấm dứt rồi.

- Không, đợi đã, - anh ta nói khàn khàn, - để anh nói nốt. - Anh ta nhìn chăm chăm vào đầu gối, hít mấy hơi thật sâu. - Anh đến con đường dốc đứng, có biển hiệu ở ngoài biên. Elza ngồi ngay ở đó, trên rìa đường, ôm chặt lấy người và khóc. Anh gọi và cô ấy ngẩng lên, cau giận thực sự. Cô ấy bật dậy và lao xuống con đường hình bán nguyệt dựng đứng này. Anh vẫn nhìn thấy cô ấy: tuyết thật khác thường, tinh khôi và sâu thăm thẳm. Cô ấy trượt xuống, đến chỗ đường vòng. Nhưng xuống đến nửa chừng, cô ấy đâm vào một đồng tuyết nặng hơn, bàn trượt của cô ấy lún và cô ấy lệch hẳn vào một cột chắn.

Tôi nhìn vào mắt Simon. Chúng đắm đắm xoáy vào một cái gì đó xa xăm và mất mát, làm tôi đâm sợ.

- Anh hét gọi tên Elza thật to. Cô ấy đang chống cái gậy vào tuyết, cố nhấc đầu bàn trượt lên. Anh lại hét lần nữa: "Trời đất ơi, Elza!" và nghe thấy tiếng hét này như tiếng súng bị nghẹt, rồi sau đó hoàn toàn im lặng. Cô ấy ngoái nhìn. Cô ấy nheo mắt, ắt hẳn bị chói nắng. Anh không nghĩ cô ấy nhìn thấy nó - con đường dốc dựng đứng tới hai trăm mét ở bên trên. Nó từ từ tách rời, không một tiếng động, giống một cái khóa kéo đang mở ra. Đường nổi trở thành một vết nứt màu xanh lơ lạnh giá. Rồi nó uốn khúc sang thẳng bên kia. Vết nứt hơi trườn xuống dưới, đồ sộ, trong vắt như một sân băng. Mọi thứ bắt đầu réo ầm ầm, mặt đất, bàn chân anh, ngực anh, đầu anh. Có thể Elza cũng biết. Cô ấy cố vật lộn rút chân ra khỏi bàn trượt.

Cũng như Elza, tôi biết sự gì sắp đến.

- Simon, em không muốn nghe tiếp chuyện này nữa đâu...

- Cô ấy ném bàn trượt và ba lô đi. Cô ấy đang vươn lên qua tuyết thì bị lún đến tận hông. Anh hét: "Tránh sang bên!". Lúc đó tuyết lở và anh chỉ còn nghe thấy một chuỗi tiếng ầm ầm, cây gãy, các gốc cây nhô lên như những que tăm.

- Lạy Chúa, - tôi thì thảo.

- Cô ấy rập rình trên những thứ hỗn độn ấy, chỉ có thể làm như thế, quay tít, boi, trườn. Rồi... cô ấy bị nuốt chửng và...mất hút. Tất cả kêu ken két rồi dừng lại, sau đó là im lìm tuyệt đối. Anh ngửi thấy mùi gỗ thông từ các cây gãy. Trong giây phút, tâm trí anh ở xa hàng triệu dặm. Đùng hoảng hốt, anh tự nhủ, bây giờ hoảng là hỏng hết. Anh trượt xuống sườn núi, giữa các cây nơi tuyết còn nguyên vẹn. Anh tự nhủ, hãy cố nhớ nơi Elza bị lấp. Tìm cái bàn trượt chống lên. Dùng một trong hai cái bàn trượt của mi mà đánh dấu. Dùng gậy trượt tuyết mà đào. Mở rộng phạm vi ra.

Nhưng khi xuống đến đáy, không nhìn thấy gì như từ trên đỉnh nữa. Điểm anh đánh dấu trong đầu, trời ạ, không còn nữa, tất cả chỉ là một cánh đồng mênh mông lổn nhổn những tuyết, chắc bì bì như xi măng ướt. Anh đi loạn choạng, cảm thấy như trong cơn ác mộng, chân như tê liệt.

- Simon, - tôi nói, - anh không phải...

Nhưng anh vẫn kể:

- Anh đột ngột vấp phải sự tĩnh lặng như mặt bão. Trong tâm tưởng, anh có thể nhìn thấy chỗ Elza. Bọn anh vẫn liên hệ với nhau. Cô ấy vẫn dẫn dắt anh bằng suy nghĩ của mình. Anh đào một đường qua nơi nghĩ là có cô ấy. Anh bắt đầu dùng bàn trượt của mình vừa đào vừa bảo anh sẽ tìm ra ngay thôi. Lúc đó anh nghe thấy tiếng máy bay lên thẳng. Ơn Chúa! Anh vẫy rồi rít như điên, rồi hai nhân viên tuần tra đeo bàn trượt tuyết nhảy ra cùng chó cứu hộ và những cái que dò tuyết. Anh cứ lăm bằm như điên nào cô ấy là vận động viên aerobic, nhịp tim cô ấy ra sao, mỗi tuần cô ấy chạy bao nhiêu dặm, họ nên đào ở đâu. Các nhân viên tuần tra và chó bắt đầu trượt xuống theo lối chữ chi. Anh vẫn đào ở khu vực tin chắc là có cô ấy. Ngay sau đó, anh nghe tiếng chó sủa, họ gọi to ở bên dưới là đã tìm ra cô ấy. Anh ngạc nhiên vì cô ấy không ở nơi

mình nghĩ. Lúc xuống đến chỗ những người tuần tra, anh thấy họ đã bó lộ nửa phần trên của cô ấy. Anh lao đến, dầm dìa mồ hôi và thở không ra hơi, vừa cảm ơn họ vừa nói họ thật vĩ đại vì nhìn thấy cô ấy vẫn ổn. Cô ấy ở đó, ngay chỗ đó, toàn thân vùi dưới bề mặt tuyết độ nửa mét. Anh vô cùng vui sướng thấy cô ấy còn sống.

- Tạ ơn Chúa, - tôi thì thảo, - Simon, lúc anh nói những câu ấy, anh có hiểu gì không? Em nghĩ chắc là...

- Mắt Elza vẫn mở. Nhưng cô ấy bị kẹt, cong về một bên, hai bàn tay khum lại trước miệng, đúng như anh đã dạy cô ấy làm để đẩy một túi không khí nhằm thở được lâu hơn. Anh cười và nói: "Chúa ơi, Elza, anh không thể tin là em đủ bình tĩnh để nhớ ra cái túi không khí". Những người cứu hộ đẩy anh lùi lại và nói: "Chúng tôi rất tiếc, anh bạn, nhưng cô ấy chết rồi". Anh nói: "Các anh nói cái quái quỷ gì thế? Cô ấy vẫn còn kia, tôi nhìn thấy rồi, tôi sẽ lôi cô ấy ra". Một người đặt tay lên vai anh rồi nói: "Này anh bạn, chúng tôi đào suốt một giờ và máy dò đã báo từ một giờ trước đó. Cô ấy chỉ có thể sống nhiều nhất là hai mươi, hai mươi phút thôi".

Anh quát trả: "Nhưng mới khoảng mười phút!". Anh rồ dại thế đấy, em có biết anh nghĩ gì không? Rằng Elza đã bảo họ nói thế vì cô ấy vẫn giận anh. Anh lao qua họ. Anh định bảo cô ấy rằng, anh hiểu, hiểu thấu tận ruột gan rằng sinh mạng thật đặc biệt và khó mà từ bỏ, của em hay của ai cũng vậy.

Tôi đặt tay lên vai Simon. Anh hút không khí như người bị hen.

- Lúc anh đến chỗ Elza, - anh nói, - anh moi tuyết trong miệng cô ấy ra. Và, và lúc đó anh nhận ra cô ấy không còn thở nữa, cô ấy không thể thở trong khoảng không nhỏ bé anh đã dạy cô ấy làm. Anh thấy mặt cô ấy tím bầm, những giọt nước đông cứng trong cặp mắt mở, anh nói: "Elza, anh xin em, đừng làm thế này, đừng làm anh sợ". Anh chộp lấy tay cô ấy như thế này này - ôi Chúa ơi, chúng lạnh giá - nhưng cô ấy sẽ không ngừng, cô ấy sẽ không... Cô ấy đã...

- Em hiểu, - tôi nhẹ nhàng nói.

Simon lắc đầu.

- Cô ấy đang cầu nguyện, bàn tay chắp lại như thế này này, đúng kiểu anh đã dạy. Dầu anh biết, ôi Chúa, ôi Jesus, dầu anh biết cô ấy không nói gì, anh vẫn nghe thấy cô ấy kêu: "Lạy Chúa, con xin Người, xin Người đừng để con chết".

Tôi ngoảnh đi. Họng tôi nghẹn ngào lúc tôi cố nén khóc. Tôi không biết nói gì để an ủi anh. Tôi biết lẽ ra tôi nên buồn ghê gớm, thông cảm sâu sắc với Simon. Nhưng nói thật lòng, hầu như tôi chỉ cảm thấy sợ, sợ đến quặn ruột gan. Tôi đã căm ghét Elza, mong cô chết, và lúc này dường như tôi đã giết cô. Tôi sẽ phải trả giá cho chuyện này. Mọi sự sẽ trở lại với tôi, vòng luân hồi tròn trặn, như Quan và bệnh viện tâm thần. Tôi nhìn Simon. Cặp mắt trong sáng của anh dầm dầm nhìn hình bóng các cây sồi, những con đom đóm lập lờ.

- Em biết không, phần lớn thời gian anh biết cô ấy đã mất rồi, - anh nói với vẻ bình tĩnh đến kỳ quái. - Nhưng thỉnh thoảng, khi anh đang nghĩ đến cô ấy, thì bài hát ưa thích của chúng tôi vang trên radio, hoặc một người bạn của cô ấy từ Utah gọi điện đến đúng vào lúc đó. Anh không cho đấy là sự trùng hợp. Anh cảm thấy cô ấy. Cô ấy ở đấy. Chúng tôi vẫn kết nối với nhau, thực sự kết nối theo mọi kiểu. Không chỉ về thể chất, cái đó ít lắm. Nó giống như... anh có thể đọc cho em nghe một thứ cô ấy viết không?

Tôi gật đầu dứt khoát. Simon rút ví và mở một tờ giấy may vào đường khâu.

- Elza gửi cái này cho anh một tháng trước khi xảy ra tai nạn, như một món quà sinh nhật.

Tôi lắng nghe, trong lòng nôn nao.

- "Tình yêu đòi hỏi sự tinh tế, - anh đọc bằng giọng run rẩy. - Nó không bao giờ là trần tục hoặc là việc hàng ngày. Có thể anh chưa bao giờ quen với ý nghĩ này. Anh phải quen với nó, và để nó quen với anh. Anh không bao giờ được lẩn tránh. Nó lôi kéo anh như con nước thủy triều. Nó đưa anh ra ngoài biển, rồi lại đẩy anh lên bãi biển. Nỗi đau tranh đấu ngày hôm nay sẽ là

nền tảng cho một bước tiến nhất định tới khoảng trời. Anh có thể chạy trốn nó nhưng không bao giờ được nói không. Nó thấu tóm mọi người". - Simon gấp bức thư lại. - Anh vẫn tin điều ấy.

Tôi ra sức hình dung những lời ấy có nghĩa gì. Nhưng tâm trí tôi rối bời nên chỉ nghe thấy những lời lấp bắp vô nghĩa. Simon đọc bức thư để cho tôi biết anh muốn gì ở tôi ư?

- Rất hay, - tôi xấu hổ vì không thể nghĩ ra điều gì để nói.

- Trời ạ! Anh muốn nói là em không biết anh nhẹ lòng biết chừng nào khi được nói chuyện về Elza với em. - Mắt anh sáng lên, long lanh, lời lẽ tuôn trào thoải mái, - Giống như cô ấy là người duy nhất hiểu anh, thực sự hiểu anh. Nó đeo đuổi anh mọi lúc mọi nơi, và anh hiểu phải để cô ấy ra đi. Nhưng anh cứ đi loay quanh trong trường và nghĩ, không, cô ấy không thể chết được. Rồi anh nhìn thấy Elza, cũng mái tóc uốn quăn ấy, chỉ đến khi cô gái quay lại té ra là người khác. Nhưng nhằm bao nhiêu lần cũng chẳng sao, anh không thể ngừng tìm kiếm cô ấy. Cứ như một kẻ nghiện đang trải qua lúc khó khăn nhất khi cai vậ. Anh thấy cô ấy trong mọi vật, mọi người. - Cái nhìn của Simon điên dại khóa chặt lấy cái nhìn của tôi. - Như giọng nói của em chẳng hạn. Lần đầu tiên gặp em, anh tưởng như rất giống giọng cô ấy.

Ắt là tôi giật nảy lên vài phen vì Simon vội nói thêm:

- Em phải hiểu là khi gặp em, anh gần như người vừa bị một trận đòn như tử. Cô ấy bị nạn mới ba tháng. Anh muốn tin là cô ấy vẫn còn sống, sống ở Utah, rằng cô ấy đang giận lắm, vì thế anh không thể gặp cô ấy trong một thời gian... Thực ra, bây giờ nghĩ lại, anh mới thấy hai người không thực giống nhau lắm. - Anh lần ngón tay quanh khuỷu tay tôi. - Anh chẳng bao giờ muốn yêu người khác nữa. Anh nghĩ những thứ Elza và anh đã có là đủ. Anh định nói là anh hình dung hầu như người ta không bao giờ có một tình yêu suốt đời, em hiểu ý anh không?

- Anh gặp may đấy.

Simon vẫn vuốt ve khuỷu tay tôi.

- Lúc đó anh nhớ lại cô ấy đã viết về việc chạy trốn tình yêu, đừng nói không. Em không thể như thế. - Anh ngược nhìn tôi, - chính vì thế anh phải kể hết mọi chuyện với em, để từ nay anh có thể cởi mở nội lòng. Để em hiểu anh cũng có những tình cảm khác ngoài tình cảm anh dành cho em, và nếu như anh không luôn luôn ở đó thì... em hiểu cho.

Tôi thở hơi hóp. Tôi thì thầm bằng giọng dịu dàng nhất:

- Em hiểu. Em hiểu mà. Em hiểu thực đấy, - sau đó hai chúng tôi đứng dậy, không nói thêm lời nào, chúng tôi xuống đồi và về phòng tôi.

Cái đêm lẽ ra phải là đêm lãng mạn nhất trong đời tôi hóa ra là một cơn ác mộng. Suốt thời gian chúng tôi làm tình, tôi có cảm giác Elza dõi theo chúng tôi. Tôi có cảm giác như chúng tôi đang làm tình trong một tang lễ. Tôi sợ gây nên tiếng động. Còn Simon không hành động như người góa vợ hoặc có lỗi tí nào. Anh không biết rằng anh vừa kể cho tôi nghe một câu chuyện buồn chưa từng. Giống những người tình khác trong đêm đầu tiên, anh háo hức chứng tỏ cho tôi thấy anh nồng nhiệt và có kinh nghiệm như thế nào, chỉ lo không làm tôi thoải mái và nhanh chóng sẵn sàng cho đợt hai.

Sau đó, tôi nằm trên giường, thao thức, nghĩ đến âm nhạc của Chopin và Gershwin, về những thứ họ có thể có chung. Tôi hình dung những nét trên bộ mặt trẻ thơ của Elza, một trong những điểm ấy là nụ cười sung sướng, và tự hỏi vì sao một cô gái bé nhỏ lại có cái sẹo hình dáng và màu sắc như một con giun đất. Tôi nhớ đến cặp mắt cô, cô đã thừa hưởng những hời ớc hy vọng, đau đớn và bạo lực gì? Tình yêu lôi kéo anh như con nước thủy triều, cô ấy đã nói. Tôi nhìn thấy cô ấy trôi trong trận tuyết lở.

Đến bình minh, tôi có thể nhìn thấy Elza hệt như Simon đã thấy. Một vòng hào quang bao quanh đầu cô, da cô mềm như cánh một tiểu thiên sứ. Cặp mắt xanh băng giá của cô có thể nhìn thấy hết mọi sự, từ quá khứ đến tương lai. Cô luôn xinh đẹp đến mức nguy hiểm, tình khôi

và cảm dỗ như độ dốc của tuyết mới rơi, thăm thẳm khôn cùng.

Ngoảnh nhìn lại, có thể thấy tôi như một kẻ ngốc cứ tiếp tục với Simon. Nhưng tôi trẻ trung, tôi yêu đến mê muội. Tôi nhầm lẫn sự thống thiết với lẳng mạn, sự cảm thông với nhiệm vụ cứu Simon khỏi buồn bã. Tôi luôn bị lôi cuốn đến những điều sai trái. Cha tôi, rồi Quan, bây giờ là Elza. Tôi cảm thấy có lỗi vì những ý nghĩ xấu xa về Elza. Muốn ăn năn, tôi mong cô tán thành. Tôi trở thành người âm mưu của cô. Tôi giúp làm cô rõ nét thêm.

Tôi nhớ lần tôi gợi ý Simon, chúng tôi đeo ba lô đi Yosemite.

- Anh kể với em Elza rất yêu thiên nhiên, - tôi nói. - Em nghĩ là nếu chúng ta đi, cô ấy cũng đến đó.

Trông Simon rất cảm kích vì tôi đã hiểu, với tôi thế là đủ lắm rồi, và tình yêu của chúng tôi cứ phát triển theo kiểu ấy. Tôi chỉ phải đợi một chút. Đây là điều tôi tự nhắc mình sau này, khi chúng tôi hạ trại ở một nơi có tên là Thác Rancheria. Trên đầu chúng tôi là một vòm kỳ diệu đầy những vì sao. Nó mênh mông, sống động, và hy vọng của tôi cũng y như thế. Tôi nghĩ mãi, rồi nói với Simon, nhưng lời lẽ buột ra có vẻ sáo mòn:

- Simon, nhìn kia, - tôi nói. - Anh có nghĩ chúng chính là những ngôi sao mà những người tình đầu tiên trên trái đất nhìn thấy không?

Simon hít vào, thở ra thật sâu. Tôi có thể nói anh làm thế không phải vì ngạc nhiên mà vì nỗi buồn đầy am hiểu. Thế là tôi nín lặng, tôi hiểu nên nói gì. Tôi biết anh lại nghĩ đến Elza. Có khi anh đang nghĩ cô đã từng nhìn thấy những vì sao này. Hoặc cô đã bộc lộ một suy nghĩ tương tự, chỉ tinh tế hơn mà thôi. Hay trong bóng tối, giọng tôi là giọng cô, với cùng một sắc thái sôi nổi quá mức, cái giọng tôi quen thể hiện những suy nghĩ thông thường, cái giọng cô hay dùng khi muốn cứu cả thế giới.

Rồi sau đó, tôi cảm thấy mình trở nên bé nhỏ hơn và dần dộn hơn, bị chính sức nặng tình cảm của mình nghiền nát, dường như quy luật về trọng lực và cân bằng đã thay đổi và lúc này tôi đang vi phạm chúng. Tôi nhìn đăm đăm lên các ngôi sao bé xíu lấp lánh lần nữa, chúng nhấp nháy như những con đom đóm. Chỉ đến lúc này chúng mới mờ nhòe và tan chảy, bầu trời đêm trông tránh và quay đảo, quá bao la nên không thể duy trì được lâu hơn nữa.

7. NHỮNG LINH CẢM BÍ ẨN

Theo kiểu tôi khôn theo cách sống trước kia của Elza, bạn sẽ nghĩ cô ấy hẳn là người bạn thân nhất, yêu quý nhất của tôi. Khi Simon và tôi chọn thực đơn cho bữa tiệc lễ Tạ ơn, chúng tôi chọn món sò và hạt dẻ nhồi cùng món xôi và lap xường Tàu của tôi. Chúng tôi uống cả phê bằng những cái ca hai quai bằng gốm Elza đã làm ở trại hè dành cho thiếu nhi có năng khiếu âm nhạc. Trong những buổi tối cuối tuần, chúng tôi nghe những băng yêu thích của Elza: những bài hát của Blues Project¹, Randy Newman², Carol King³ cũng như một bản giao hưởng khá xoàng do chính Elza sáng tác, dàn nhạc của trường cô vừa biểu diễn và ghi âm để tưởng nhớ cô. Tôi nói với Simon âm nhạc là chứng cứ sống đức tin của Elza. Nhưng trong thâm tâm, tôi nghĩ nghe như một đàn mèo kêu trong đêm thâu, với chương cuối loảng xoảng như một chiếc giày ném trúng kính cửa sổ.

Tháng Mười hai, Simon hỏi tôi muốn có quà gì đặc biệt trong dịp Giáng sinh. Radio đang phát những bài hát ngày lễ và tôi cố nghĩ xem Simon muốn tặng gì cho Elza - một món quyền tặng Sierra Club⁴ mang tên cô chẳng hạn? Một bộ sưu tập các băng nhạc của Gershwin? Đây là lúc tôi đang nghe Yogi Yorgesson hát *Yingle Bells*.

Tôi nghe bài hát này lần cuối năm tôi mười hai tuổi, hồi đó tôi cho chiêm biếm là đỉnh cao của sự bình tĩnh. Năm ấy, tôi cho Quan một tấm bảng Ouija⁵ làm quà Giáng sinh. Trong lúc chị nhìn chăm chú vào những chữ cái và con số kiểu cổ, tôi bảo chị có thể dùng Ouija để hỏi các hồn ma Mỹ cách đánh vần các từ tiếng Anh. Chị vỗ vào tấm bảng và nói:

- Tiệt⁶ quá, có ích quá.

Bố dựng tôi nổi cơn tam bành:

- Sao con cứ lòi nó ra làm trò cười? - Dượng Bob lạnh lùng nói với tôi. Quan xem xét tấm bảng Ouija kỹ càng, chị bối rối hơn lúc trước.

- Đây là một trò đùa phải không?

- Đây là một trò đùa tầm thường và mày phải có một tấm lòng tệ hại mới làm việc này, - ông nắm lấy tay tôi và kéo giật tôi lên, - Thừa tiểu thư, hết Giáng sinh với cô rồi đó.

Một mình trong phòng, tôi bật radio. Đây là lúc tôi nghe *Yingle Bells*. Bài hát như một “cái ách”, giống như sự có mặt của Quan. Tôi khóc cay đắng: Sao tôi lại là người tệ hại với Quan, nếu chị không biết cái đó? Hơn nữa, tôi lập luận, dẫu tôi có là người tệ hại thì chị cũng đáng thế lắm, chị vốn là kẻ chấp mạch. Chị như mời người ta giẫm cọt chị. Là người tầm thường lại cứ thích dạy đời. Đã thế, nếu ai cũng cho tôi là xấu bụng, tôi sẽ cho họ biết xấu bụng là như thế nào. Tôi bật radio thật to. Tôi hình dung nùm chính âm lượng là cái mũi Ý to tướng của dượng Bob, và tôi vịn mạnh đến nỗi nó gãy rời, lúc này Yogi Yorgesson đang hát cực lớn *Cười mọi kiểu ha-ha-ha!*, còn dượng Bob quát: “Olivia, tắt ngay cái đài của nợ ấy đi!”, chẳng giống một người Công giáo tí nào, nhất là trong dịp Giáng sinh. Tôi hăm hực giật cái phích cắm. Sau đó, Quan vào phòng ngủ và bảo là chị thích cái món quà đánh vần “rất, rất nhiều”.

- Thôi cái trò chậm phát triển ấy đi, - tôi càu nhàu. Rồi tôi giữ bộ mặt hết sức ti tiện, nhưng lại sợ xúc phạm chị quá nhiều.

Giờ đây Simon hỏi tôi muốn có quà gì trong dịp Giáng sinh. Một lần nữa, tôi đang nghe bài *Yingle Bells* trên radio. Tôi những muốn bật khóc khi chẳng ai hiểu tôi. Đồng thời, tôi biết mình rất muốn có quà Giáng sinh. Tôi muốn giật mạnh ổ cắm. Tôi muốn Elza chết hẳn.

Nhưng sau sáu tháng cam phận đứng thứ nhì trong cuộc đua, làm sao tôi có thể nói với Simon rằng tôi muốn hất bóng ma của Elza ra khỏi giường chúng tôi? Tôi tưởng tượng đang gói ghém các bức ảnh, các băng ghi âm, những vật hào nhoáng phát tức của cô vào một cái hộp.

- Để giữ cho an toàn, - tôi sẽ bảo Simon, - trong lúc em dọn dẹp nhà cửa vào mùa xuân. - Sau

đó, tôi sẽ xếp cái hộp lên thùng xe rồi đến đêm khuya, tôi lái đến hồ Temescal. Tôi sẽ ném tôm cái hộp cùng nhiều chai đựng đầy cát vào làn nước không trăng sao đen ngòm, ngắm bong bóng nổi lên mặt nước lúc nữ thần báo ứng của tôi chìm vào chất lỏng lãng quên.

Rồi tôi sẽ nói với Simon, sẽ giải thích với anh ra sao?

- Chúa ơi, thật kinh khủng quá, cái hộp đựng các thứ của Elza ấy ư? Bị mất trộm rồi. Em không thể tin nổi. Chắc bọn trộm tưởng nó đựng đồ có giá trị lắm. Em cũng nghĩ thế, nhưng nó chỉ có giá với anh và em thôi. Lạy Chúa, anh nói đúng, em không hiểu vì sao chúng không lấy cái máy stereo.

Anh sẽ chú ý đến cái nhìn lảng tránh của tôi, khóe miệng tôi cong lên thành nụ cười không thể kìm được. Tôi sẽ phải thú nhận việc tôi làm, tôi thực sự cảm thấy những gì về Elza và những cái cà phê hai quai của cô. Anh sẽ nổi cơn thịnh nộ, và thế là hết mọi sự giữa Simon và tôi. Nếu thế thì, mặc kệ anh ta. Nhưng sau khi trí tưởng tượng của tôi rời rã với bao nhiêu biến thể của chiến thắng phải trả giá đắt ấy, tôi đành chịu thua. Tôi không thể buông Simon như anh đã làm với Elza.

Trong những suy nghĩ đáng ghét và tệ hại ấy, tôi tìm ra một tông phạm để thực hiện hành động bản thủ. Tôi gọi cho Quan.

Tôi thận trọng nói sơ sơ tình hình với chị tôi. Tôi không kể tôi yêu Simon. Kể với Quan? Để chịu đựng những tiếng cười khúc khích, những lời trêu chọc vô tận và lời khuyên lập dị, kể cả của chị ư? Tôi nói Simon là một người bạn.

- À! Bạn trai, - chị đoán, rất háo hức.

- Không. Chỉ là một người bạn thôi.

- Bạn thân.

- Chỉ là bạn.

- Được, được, giờ chị hiểu ý em rồi.

Tôi kể với chị một trong những người bạn của Simon chết vì tai nạn. Tôi nói Simon rất buồn, không thể tin rằng người bạn ấy đã chết. Anh bị ám ảnh, rất hại cho sức khỏe. Tôi nói có thể giúp Simon nếu anh ta nghe được gọi hồn người bạn này. Biết Quan là người dễ bị ám thị và cũng sốt sắng giúp tôi bằng mọi cách, tôi vạch ra các diễn tiến thật rõ ràng.

- Có khi, - tôi gợi ý, - người bạn đã chết của Simon bảo với anh ta rằng cả hai phải bắt đầu một cuộc đời mới. Simon phải quên cô ấy đi, đừng bao giờ nhắc đến tên cô ấy nữa.

- Chà! Cô ta là bạn gái.

- Không, chỉ là một người bạn.

- Chỉ là bạn cũng như em chứ gì? - Chị mỉm cười rồi hỏi. - Cô ta cũng là người Trung Quốc?

- Người Ba Lan, em nghĩ thế. Cũng có thể là người Do Thái.

- Sì! Sì! - Quan lắc đầu, - người Do Thái Ba Lan, rất khó tìm, nhiều người Do Thái Ba Lan chết lắm. Cũng có nhiều người Trung Quốc chết, nhưng chị có liên hệ với người Trung Quốc, người âm này biết người âm kia nên là người Trung Quốc chị tìm dễ hơn. Nhưng người Do Thái Ba Lan thì, chà chà, nhớ cô ta không xuống Cõi Âm mà đến nơi nào khác.

- Thế giới bên kia *cũng phân biệt chủng tộc* ư? Chị có thể đến Cõi Âm chỉ vì chị là người Trung Quốc?

- Không, không! Cô Banner không phải người Trung Quốc nhưng vẫn đến được Cõi Âm. Tất cả tùy thuộc vào tình yêu và lòng tin của ta. Ta yêu Jesus, ta sẽ đến Ngôi nhà của Chúa. Ta yêu đức Allah, ta sẽ đến mảnh đất của Allah. Ta thích ngủ thì đi ngủ.

- Nếu trước khi chết mình không tin gì thì sao?

- Thì ta sẽ đến một nơi rộng mênh mông như Disneyland, có nhiều nơi để thử, thích đâu tùy ý. Lẽ tất nhiên là không thu phí.

Lúc Quan tiếp tục nói huyền thuyên, tôi hình dung một công viên giải trí đầy những kẻ nguyên là đại lý bảo hiểm, mặc quần áo thiên thần rẻ tiền may sẵn, vung vẩy lưới tầm sét rơm, kêu gọi những người đi qua đến thăm Bến Lú, Nơi Ăn năn, Tiểu Thế giới của những trẻ sơ sinh chưa được rửa tội. Trong khi đó, từng đám người Moony cũ và những người hầu đăng ký các chuyến đến Địa ngục, nơi của Lửa và Lưu huỳnh, của những cái trần tra tấn vĩnh viễn.

- Vậy những ai đến Cõi Âm?

- Nhiều người. Không chỉ người Trung Quốc, cả những người rất ân hận. Hoặc những người cho là đã mất cơ may lớn, mất vợ, mất chồng, mất con, mất chị em, - Quan ngừng lại và cười với tôi. - Cả những người bỏ lỡ món ăn Tàu, họ cũng đến Cõi Âm để đợi. Sau này có khi được sinh ra thành người khác.

- Ồ, chị nói là người âm cũng tin vào sự đầu thai?

- Đúc lại nghĩa là gì?

- Sự đầu thai. Nghĩa là sau khi chết, tinh thần, thể xác hoặc bất cứ thứ gì của bạn có thể sinh ra lần nữa dưới dạng một người khác.

- À, thì cũng như nhau, đại loại là thế. Nếu bạn không quá kỹ tính, bạn có thể trở lại trần thế rất nhanh, trong vòng bốn chín ngày. Bạn muốn có những thứ đặc biệt - sinh ra là người này, lấy người kia - thì phải chờ lâu. Giống như một cái sân bay lớn. Có rất nhiều chỗ. Nhưng bạn cứ muốn ghế hạng nhất, ghế cạnh cửa sổ, bay thẳng hoặc giảm giá, thì có khi phải hoãn lại lâu. Ít ra cũng hàng trăm năm. Giờ chị kể với em cái này, bí mật nhé, đừng nói với ai. Nhiều người âm đoán được họ muốn trở thành ai trong kiếp sau. Em thử đoán xem.

- Tổng thống Mỹ.

- Không phải.

- Là ai?

- Ai kia?

- Không sao. Họ muốn thành ai?

- Người Trung Quốc! Chị nói thật đấy! Không phải là người Pháp, người Nhật Bản, người Thụy Điển. Vì sao vậy? Chị đoán vì món ăn Trung Quốc ngon nhất, vừa tươi vừa rẻ, nhiều hương vị, mỗi ngày một vị khác nhau. Thêm nữa, gia đình Trung Quốc rất gần gũi, bạn bè rất trung thành. Bạn có một người bạn hoặc gia đình Trung Quốc suốt đời, ở cùng bạn đến mười ngàn đời, nhiều lắm. Chính vì thế hiện nay có nhiều người Trung Quốc sinh sống trên thế giới. Cũng như người Ấn Độ. Rất đông. Người Ấn Độ cũng tin có nhiều kiếp. Chị cũng nghe đồn thức ăn Ấn Độ không đến nổi tệ, nhiều món nêm gia vị, cả cà ri nữa. Tất nhiên, cà ri Trung Quốc vẫn ngon nhất. Em nghĩ sao, Libby-ah? Em thích món cà ri của chị không? Nếu em thích, tối nay chị làm cho em nhé?

Tôi lái Quan trở lại chuyện Elza.

- Thế cách tốt nhất tìm thấy bạn của Simon là gì? Người Do Thái Ba Lan thường đến đâu?

Quan bắt đầu lẩm bẩm:

- Do Thái Ba Lan, Do Thái Ba Lan. Có thể đến nhiều nơi. Một số tin sau khi chết chẳng có gì. Một số nói đến nơi lưng chừng, giống như phòng đợi của bác sĩ. Một số khác đến Zion, như khu nghỉ mát sang trọng, không người nào phân năn, không phải chi tiền diêm thuốc, phục vụ lại tốt. - Chị lắc đầu rồi hỏi, - người này chết như thế nào?

- Một tai nạn trượt tuyết ở Utah. Tuyết lở. Giống như chết đuối.

- Chà! Ăn trưa sau khi lướt ván! Bụng quá đầy, chết đuối cũng chẳng lạ.

- Em không nói sau bữa trưa. Em nói là...

- Không ăn trưa? Thế thì sao lại chìm? Không biết bơi?

- Cô ấy không bị chìm! Cô ấy bị vùi trong tuyết.

- Tuyết! - Quan cau mày. - Thế sao em lại nói cô ta chết đuối?

Tôi thở dài, sắp phát điên.

- Cô ấy rất trẻ?

- Hai mốt tuổi.

- Sì! Chuyện này buồn quá. Xảy ra bao giờ?

- Khoảng một năm trước.

Quan vỗ tay.

- Sao chị lại quên chứ! Anh bạn độc thân của chị! Toby Lipski. Lipski, nghe giống “trượt tuyết”. Cũng là người Do Thái. Chào ôi, một người âm rất nhộn. Anh ta chết năm ngoái, ung thư gan. Anh ta bảo chị: “Quan, chị nói đúng, uống rượu quá nhiều ở câu lạc bộ disco xấu cho tôi, rất, rất xấu. Bao giờ trở lại, *không uống rượu nữa*. Rồi tôi sẽ sống dài, yêu dài, *chim dài*. Câu cuối, tất nhiên anh ta đùa... - Quan nhìn tôi để biết chắc là chị có quan niệm về những con quỷ rượu chè. - Toby Lipski cũng bảo chị: “Quan, chị cần ân huệ của cõi âm, cứ nhờ Toby Lipski”. Hay quá. Hay chị nhờ Toby Lipski tìm cô gái này. Tên cô ta là gì?

- Elza.

- Phải phải, Elza. Trước hết chị gửi tin nhắn cho Toby, giống như viết thư thăm ấy mà. - Chị nhắm nghiền mắt, gõ gõ vào một bên đầu. Mắt chị mở bừng. - Gửi đến Cõi Âm. Mọi thứ với đầu óc và trái tim cùng với nhau, dùng những linh cảm bí ẩn.

- Linh cảm bí ẩn nghĩa là gì?

- Chà! Chị đã kể với em nhiều lần rồi! Em không nghe à? Linh cảm bí ẩn không thực sự là bí ẩn. Chúng ta gọi là bí ẩn vì ai cũng có, chỉ quên mất thôi. Giống loại giác quan như chân kiến, thân voi, mũi chó, ria mèo, tai cá voi, cánh dơi, vỏ trai, lưỡi rắn, lông nhỏ trên bông hoa. Nhiều thứ nhưng trộn lẫn vào nhau.

- Chị định nói là bản năng?

- Mùi thối? Đôi khi có mùi khó chịu...[10](#)

- Không phải *stink*, mà là *instinct*. Đây là loại hiểu biết sinh ra đã có. Giống như... à, như con Bubba, cách nó bới đất.

- Phải! Sao em lại để con chó làm thế! Cái này không phải là giác quan mà là vô lý, làm hỏng cả chậu hoa!

- Em chỉ... mà thôi, quên đi. Linh cảm bí ẩn là gì?

- Chị có thể nói thế nào nhỉ? Trí nhớ, nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy, tất cả cùng với nhau, thế là em biết được một thứ thực sự trong tim. Giống như cảm giác, chị chẳng biết nói thế nào, như ngứa chẳng hạn. Nhức xương có nghĩa là trời sắp mưa, đầu óc tỉnh táo lại. Ngứa da trên cánh tay là đang liến sạo, đang khép miệng. Da đỉnh đầu ngứa ran, ô hô hô, giờ thì em biết sự thật đang rỉ vào trái tim em, dù em không muốn tin. Em cũng có thể ngứa ngáy trong mũi. Ngứa da dưới cánh tay. Ngứa đằng sau gáy, ở chỗ em không nhìn thấy, là em sắp gặp họa lớn, hừm-ừm. Dùng những linh cảm bí ẩn, đôi khi em có thể gửi rất nhanh thông điệp tới lui giữa hai người, người sống, người chết cũng thế thôi.

- Chị cần gì cứ làm, - tôi nói, - nhưng nhanh nhanh lên.

- Chà! - Quan khịt mũi. - Em làm như chị là bưu điện không bằng - bưu phẩm đêm trước Giáng sinh, phát ngày Giáng sinh, cái gì cũng gấp-gấp-gấp! Ở đây không thể, không có gì giống thế! Ở Cõi Âm không cần tiết kiệm thời gian. Mọi việc đã quá muộn! Em muốn đạt cái gì đó, phải cảm thấy người ta đang cảm nhận, rồi păng! khi hai người đụng phải nhau giống như một sự ngẫu nhiên vui vẻ.

- Chị làm gì thì tùy. Miễn là bảo với anh chàng Toby kia rằng tên người phụ nữ là Elza Vandervort. Đây là tên cha mẹ nuôi đặt cho cô ấy. Cô ấy không biết tên thật cha mẹ đẻ đặt là gì. Cô ấy nghĩ họ là người Do Thái Ba Lan đã bị đưa đến Auschwitz. Có khi cô ấy đang nghĩ về Chopin, về âm nhạc.

- Chao ôi! Em nói nhanh quá.

- Em sẽ ghi lại cho chị.

Chỉ sau khi làm xong, tôi mới cân nhắc sự hài hước của toàn bộ sự việc: Tôi đang dùng Quan cùng những ảo giác của chị để giúp Simon thoát khỏi con người anh.

Hai tuần sau, Quan bảo tôi rằng Toby đã thành công lớn. Anh ta đã hẹn gặp Elza vào đêm trăng tròn tháng sau. Quan nói người âm rất khó hẹn hò vì không người nào dùng lịch hoặc đồng hồ. Biện pháp tốt nhất là xem trăng. Chính vì thế khi mặt trăng tròn đầy nhất, có nhiều sự lạ xảy ra, Quan nói:

- Như ánh đuốc nói với các vị khách xin chào mừng, mời vào trong.

Tôi vẫn cảm thấy có lỗi vì dễ dàng biến Simon thành kẻ ngố. Chuyện như thế này.

Tôi nói với anh chúng tôi được Quan mời đến ăn tối. Anh nhận lời. Lúc chúng tôi đến nhà chị, Quan nói:

- Ô hô hô, nom điển trai quá.

Như bị khích, Simon nói với Quan.

- Chị đùa tôi. Trông chị không lớn hơn Olivia mười hai tuổi chút nào.

Quan rạng rỡ và nói:

- Ô, khéo xử nữa.

Món cà ri không tồi, câu chuyện không quá chán. Chồng Quan và đứa con riêng sôi nổi kể về cuộc đánh nhau tay bo họ đã chứng kiến ở bãi đỗ xe Safeway. Suốt bữa ăn, Quan không tỏ ra kỳ quặc dù chị hỏi Simon nhiều câu quá tò mò về cha mẹ anh.

- Ai là người Trung Quốc? Bên ngoại à? Nhưng không phải là người Trung Quốc?... À, người Hawaii, tôi hiểu, người Trung Quốc đã lai từ trước. Bà ấy có múa hula-hula¹¹ không?... À. Chết rồi? Trẻ thế? Ái chà, buồn thật. Tôi đã xem hula-hula trên ti vi một lần, hông họ xoay tròn như máy giặt, bàn tay vẩy như chim đang bay...

Lúc Simon vào phòng vệ sinh, chị nháy mắt với tôi và thì thào song khá to:

- Này! Sao em bảo anh ta chỉ là bạn? Nhìn mặt em, nhìn mặt anh ta kìa, không chỉ là bạn! Chị đúng không? - Rồi chị phá lên cười rõ to.

Sau bữa ăn, được ra hiệu, George và mấy cậu con trai vào phòng của gia đình xem *Star Trek*. Quan bảo Simon và tôi vào phòng khách, chị có điều quan trọng muốn nói. Chúng tôi ngồi trên đi văng, Quan ngồi trên chiếc ghế bành thoải mái của chị. Chị chỉ lò sưởi giả, lồng vào ngọn lửa gas.

- Lạnh quá không?

Chúng tôi lắc đầu.

Quan khoanh tay trên lòng.

- Simon, - chị nói và mỉm cười như một thần linh, - hãy cho tôi biết, cậu yêu em gái tôi phải không?

- Quan, - tôi đe, nhưng Simon trả lời chị:

- Rất yêu.

- Hừmừmừm. - Nom chị thoả mãn như một con mèo sau khi tắm tấp bằng cách liếm láp. - Cậu có không nói, tôi cũng nhìn thấy. Hừmmmm... Cậu biết vì sao không?

- Tôi cho vì nó rõ ràng rành, - Simon nói với nụ cười ngượng ngập.

- Không, không phải, cha mẹ cậu không cho tôi biết. Tôi biết, ở đây này, - chị vỗ vào trán, - tôi có thị giác của người âm, cái nhìn của người âm.

Simon nhìn tôi suốt, như muốn bảo: “Giúp anh với, Olivia, có chuyện gì thế này?”. Tôi nhún vai.

- Nhìn kìa, - Quan chỉ vào lò sưởi. - Simon, cậu nhìn thấy gì?

Simon nhô về phía trước, rồi cố gắng nghĩ, chắc anh tưởng là một trò chơi Trung Quốc.

- Chị định nói những ngọn nến đỏ kia?

- Không, không, cậu nhìn thấy lò sưởi. Tôi nói đúng không?

- Ồ vâng. Một cái lò sưởi, ở đằng kia.

- Cậu nhìn thấy lò sưởi. Tôi còn nhìn thấy thứ khác nữa. Một người âm đang đứng đó, đã chết. Simon cười.

- Đã chết? Chị định nói một hồn ma?

- Ừm ừm. Cô ấy nói tên là Elsie. - May cho Quan, chị tình cờ nói sai tên Elza hóa ra lại rất đúng tên thật. - Simon-ah, có lẽ cậu biết cô Elsie này? Cô ấy nói là biết cậu.

Nụ cười vụt tắt, lúc này Simon ngồi thẳng dậy.

- Elza?

- Ồ, giờ cô ấy rất hạnh phúc vì cậu nhớ ra cô ấy, - Quan nghiêng tai về phía cô Elza tưởng tượng, chăm chú lắng nghe. - Hả?... À. Được, được rồi. - Chị quay lại chúng tôi. - Cô ấy nói các vị không tin đâu, cô ấy đã gặp nhiều người âm nhạc nổi tiếng, tất cả cũng đã chết. - Chị hỏi lò sưởi. - Ồ?... Ôi... Ôi!... À, à. Không, không, dừng lại, Elsie, nhiều tên quá! Cô nói tên nhiều người nổi tiếng đến nỗi tôi không thể nhắc lại! Được, một người... Showman? Không à? Tôi phát âm không đúng?

- Chopin? - Tôi gợi ý.

- À, phải, phải. Chopin. Nhưng cô ấy nói người này là Showman... À, giờ thì hiểu rồi - Schumann!

Simon sững sờ. Tôi rất cảm kích. Tôi không biết trước kia Quan có biết tí gì về nhạc cổ điển không. Những bài hát ưa thích của chị đều là các giai điệu đồng quê phương Tây về những người phụ nữ đau khổ.

- Cô ấy nói hiện giờ rất vui vì đã gặp cha mẹ và anh trai. Cô ấy muốn nói một gia đình khác, chứ không phải gia đình nuôi cô ấy. Cô ấy nói tên thật nghe như Wawaski, Wakowski, tôi nghĩ là tên Nhật Bản... Ồ? Không phải người Nhật Bản à?... Ừm. Cô ấy nói là Ba Lan. Do Thái Ba Lan. Cái gì?... Ồ, được. Cô ấy nói gia đình cô ấy chết từ lâu, vì ô tô lao xuống rãnh.

- Auschwitz, - tôi nhắc.

- Không, không. Ô tô lao xuống rãnh. Đúng, đúng, tôi đúng, ô tô lao xuống rãnh, lật, đồ sầm! - Quan khum tay vào tai phải. - Nhiều thời gian, bắt đầu rất khó hiểu người âm đang nói. Quá kích động, quá nhanh. Hả?... - Chị hơi nghiêng đầu. - Giờ cô ấy nói, ông bà cô ấy chết ở chỗ này, Auschwitz, Ba Lan trong thời chiến. - Quan nháy tôi, rồi nhanh chóng quay lại lò sưởi với vẻ ngạc nhiên và lo âu. - Ái chà! Xì! Xì! Elsie, cô đã chịu đựng quá nhiều. Buồn thật.Ồ. - Quan sờ vào đầu gối. - Cô ấy nói vì tai nạn ô tô nên cô ấy mới có cái sẹo trên chân từ hồi còn bé.

Tôi không nghĩ là đã ghi lại chi tiết cái sẹo của Elza. Nhưng chắc là có, và tôi lấy làm mừng. Nó thêm vào một chi tiết đáng tin cậy.

Simon nói buột ra:

- Elza, còn đứa con. Đứa con chúng ta sắp có ấy. Nó có ở đấy với em không?

Quan nhìn lò sưởi, bối rối và tôi nín thở. Khỉ thật! Tôi đã quên bằng đứa bé. Quan tập trung nhìn lò sưởi.

- Được, được, - chị quay lại chúng tôi và quét không khí bằng bàn tay hờ hững. - Elsie bảo không có vấn đề gì, đừng lo. Cô ấy đã gặp người này, một người rất dễ thương được coi là con cô ấy. Cậu bé chưa được sinh ra, vì thể không chết. Nó chỉ phải chờ một thời gian ngắn, giờ đã đầu thai làm người.

Tôi thở phào. Nhưng lúc đó, tôi thấy Quan vẫn dăm dăm nhìn vào lò sưởi, vẻ mặt lo âu. Chị cau mày, lắc đầu. Khi đã xong, đỉnh đầu tôi ngứa ran và tôi thấy nhiều tàn lửa bay khắp lò sưởi.

- Á, - Quan nói khẽ, ngập ngừng hơn, - Giờ Elsie nói cậu, Simon, cậu đừng nghĩ đến cô ấy nữa... Hả? Ừm ừm. Đây là sai lầm, phải, phải, lãng phí cuộc sống quá nhiều nghĩ về cô ấy...Á? Hừm. Cậu phải quên cô ấy đi, cô ấy bảo thế, phải, quên đi! Đừng bao giờ nhắc tên cô ấy nữa. Hiện giờ cô ấy đã có cuộc sống mới. Chopin, Schumann, cha mẹ cô ấy. Cậu cũng phải có cuộc sống mới...

Sau đó Quan bảo Simon rằng anh ta nên túm lấy tôi trước khi quá muộn, rằng tôi mới là cô gái của tình yêu đích thực, rằng anh ta sẽ tiếc mãi mãi nếu để lỡ cơ hội tốt đẹp này của nhiều đời. Chị cứ nói, nói mãi nào tôi là người thật thà và chân thành, tốt bụng, trung thành và thông minh biết bao.

- Chà, có lẽ cô ấy nấu ăn không khéo lắm, nhưng không sao, cậu là người kiên nhẫn, cứ đợi mà xem. Nếu không, tôi sẽ dạy cô ấy.

Simon gật gù, nhận tất, trông anh vừa buồn vừa cảm kích. Lẽ ra lúc đó tôi phải sung sướng ngây ngất, nhưng tôi thấy kinh tởm. Vì tôi cũng đã gặp Elza. Tôi đã lắng nghe cô ấy.

Elza không giống các bóng ma tôi đã thấy hồi thơ ấu. Cô ấy là hàng tỷ đốm sáng chứa đựng mọi suy nghĩ và xúc cảm cô ấy từng có. Cô ấy là luồng xoáy không thay đổi, nhảy múa khắp phòng, nắn nỉ Simon nghe cô ấy. Tôi biết điều này bằng hàng trăm linh cảm bí ẩn. Với miệng lưỡi độc địa, tôi cảm thấy trạng thái bùng bùng khao khát của cô ấy như hiển hiện. Bằng đôi cánh dơi, tôi biết cô ấy đang xao xuyến, lảng vảng gần Simon, gần ngửa tôi. Với làn da ngứa ngáy, tôi cảm thấy từng giọt nước mắt cô ấy nhỏ ra như sét đánh trúng tim tôi. Với từng sợi lông của bông hoa, tôi cảm thấy cô ấy run rẩy lúc đợi Simon nghe thấy cô. Ngoài ra, tôi là người nghe thấy cô - không phải bằng tai mà bằng từng chỗ ngứa ngáy trên đỉnh đầu, nơi bạn biết đây là sự thực nhưng không muốn tin. Cảm xúc của cô không phải là những điều thốt ra từ khuôn miệng thiện chí của Quan. Cô đang nắn nỉ, khóc lóc, thỉnh thoảng lại gào lên: "Simon, đừng quên em. Hãy đợi em. Em sắp trở lại".

Tôi không bao giờ kể với Quan những gì tôi nhìn thấy và nghe thấy. Có điều, tôi không muốn tin đó chỉ là ảo giác. Hơn mười bảy năm qua, tôi đã hiểu trái tim có lý trí riêng của nó dù bạn muốn gì, bạn có nhổ bật mọi gốc rễ sợ hãi tồi tệ nhất cũng chẳng được. Giống như cây thường xuân, chúng sẽ bò trở lại, bám vào từng ngấn trong tim bạn, hút hết sự an toàn ra khỏi tâm hồn bạn rồi trườn theo mạch máu và rỉ qua các lỗ chân lông. Rất nhiều đêm, tôi thao thức trong bóng tối, luôn bồn chồn, tâm trí quay cuồng, sợ hãi sự thực. Quan có nghe thấy những điều tôi

nghe thấy không? Chị ấy nói dối vì lợi ích của tôi? Nếu Simon khám phá ra chúng tôi lừa gạt, anh sẽ làm gì? Liệu anh có nhận ra anh không yêu tôi?

Nhiều câu hỏi cứ đến, tôi để chúng chồng chất cho đến khi biết chắc cuộc hôn nhân của chúng tôi là sự chịu đựng, rằng Elza sẽ làm cho nó tan tác. Nó là trận tuyết lở đang chờ xảy ra, cân xứng với những câu hỏi nguy hiểm và nan giải: Tại sao chúng tôi lại chung sống?

Mặt trời sắp chiếu qua ngưỡng cửa. Nắng sớm sẽ làm tôi nheo mắt. Tôi không nhìn đồng hồ. Tôi dậy và chạm vào vòi tắm. Tôi điều chỉnh nóng, lạnh, rồi đánh thức tâm trí bằng những tia nước đập mạnh vào da. Tôi khoan khoái trở lại với thực tế và thói quen hàng ngày, giới hạn những cảm giác thông thường tôi có thể tin cậy.

8. NGƯỜI BẮT MA

Cơ quan Thuế vụ (IRS) chịu trách nhiệm đưa chúng tôi đến hôn nhân. Chúng tôi chung sống đã ba năm, hai năm trong đó là sau khi tốt nghiệp đại học. Hòa hợp với ước mơ chung “tạo sự khác biệt thực sự”, chúng tôi làm việc trong lĩnh vực phục vụ con người. Simon là cố vấn cho Clean Break, tổ chức giúp đỡ thanh thiếu niên có tiền án tiền sự. Tôi là nhân viên dự bị cho Another Chance, một chương trình dành cho phụ nữ có thai nghiện ma túy. Chúng tôi không kiếm được nhiều tiền, nhưng sau khi xem IRS trừ thuế hàng tháng, chúng tôi tính toán sẽ tiết kiệm được bao nhiêu nếu chúng tôi khai thuế chung: mỗi năm cả thảy ba trăm bốn mươi sáu đôla!

Số tiền này dùng đưa trước con mắt kiệt quệ của chúng tôi, chúng tôi tranh cãi đây có phải là ân huệ chính phủ dành cho các cặp vợ chồng mới cưới không. Cả hai chúng tôi nhất trí rằng thuế má là một dạng ép buộc xảo quyệt của chính phủ. Tại sao chúng tôi phải nộp cho chính phủ ba trăm bốn mươi sáu đôla để mua thêm vũ khí? Chúng tôi có thể dùng số tiền đó mua bộ loa stereo mới. Tôi nhớ Simon đã đề nghị tôi kết hôn một cách dứt khoát.

- Em nghĩ sao? - Anh nói. - Sao chúng mình không hợp tác và cùng khai?

Lễ cưới cử hành gần khu vườn Rhododendron thuộc công viên Golden Gate, nơi chúng tôi thấy vừa thoải mái vừa lãng mạn. Nhưng ngày tháng Sáu ấy, sương mù cuộn cuộn trong gió rét quất vào quần áo và tóc tai, vì thế chúng tôi và các vị khách trong ảnh cưới nôm rất lộn xộn. Trong lúc mục sư của nhà thờ Universal Life đang ngân nga chúc phúc cho hôn lễ, một người của công viên đồng dục tuyên bố:

- Xin lỗi các vị, nhưng các vị cần có giấy phép mới được tổ chức cuộc tụ họp như thế này.

Thế là chúng tôi thề nguyện ào ào cho xong, hoãn bữa tiệc cưới ngoài trời và tặng quà, kéo mọi người về căn hộ chật chội của chúng tôi trên phố Stanyan.

Giống lớp kem trên bánh cưới bị hỏng, các món quà cưới không thứ gì thiết thực để thay thế những vật dụng chúng tôi rất cần thay như khăn trải giường, khăn mặt, đồ làm bếp. Phần lớn bạn bè tặng những món quà vui vui, loại trợ giúp hôn nhân. Dượng Bob cho chúng tôi một lọ hoa pha lê. Cha mẹ Simon tặng chúng tôi một cái khay chạm giá trị.

Những người khác trong gia đình tôi đua nhau tìm “thứ đặc biệt” để các cháu tương lai của chúng tôi thừa hưởng như một thứ gia truyền. Mẹ tôi tặng pho tượng nam nữ ôm nhau bằng kim loại, độc đáo, một tác phẩm nghệ thuật mà Bharat Singh, bạn trai của bà hồi ấy làm. Em trai Tommy tặng chúng tôi một máy bắn đạn đồ chơi kiểu cổ mà nó thường chơi mỗi lần đến thăm. Kevin cho chúng tôi một thùng vang đỏ, chúng tôi đồ rằng khoảng năm chục năm tuổi. Sau vài bữa tiệc cuối tuần tùy hứng với bạn bè, chúng tôi có một bộ sưu tập vỏ chai rất đẹp.

Quà của Quan rất đẹp, thật đáng ngạc nhiên. Một cái hộp bằng gỗ hồng sắc của Tàu, nắp chạm. Lúc tôi mở nắp, tiếng nhạc bài *The way we were* vang lên, giai điệu mạnh mẽ và giản dị. Trong ngăn đựng đồ trang điểm là một gói trà. “Tạo tình cảm tốt đẹp dài lâu”, Quan giải thích và nhìn tôi, ranh mãnh.

Trong bảy năm chung sống đầu tiên, Simon và tôi hầu như thống nhất trong mọi việc. Bảy năm tiếp theo, hình như chúng tôi làm ngược lại. Chúng tôi không tranh cãi như anh với Elza về các vấn đề quan trọng đại loại như phương pháp thích hợp, chính sách tuyển dụng tích cực và cải cách phúc lợi. Chúng tôi cãi vã vì những việc lặt vặt: Món ăn có ngon hơn nếu để chảo nóng rồi mới cho dầu ôliu vào? Simon nói có, tôi bảo không. Chúng tôi không có những biến cố lớn. Nhưng chúng tôi hay cãi nhau vặt, như thế vì thói quen. Nó làm chúng tôi trở nên xấu tính, ít yêu thương nhau hơn.

Chúng tôi không thể nói chuyện về những hy vọng, ước mơ, những khát khao thầm kín của mình nữa. Chúng quá mơ hồ, quá đáng sợ, quá ý nghĩa. Vì thế chúng cứ nằm im bên trong, phát

triển như bệnh ung thư, cơ thể tự tàn tạ dần.

Nhìn lại, tôi ngạc nhiên thấy cuộc hôn nhân của chúng tôi kéo dài lâu đến thế. Tôi tự hỏi các cuộc hôn nhân của người khác, của các bạn tôi, liệu họ có tiếp tục vì thói quen hoặc vì thờ ơ, hay là sự kết hợp lạ lùng biến nỗi sợ thành hy vọng rồi lại hy vọng tháo gỡ nỗi sợ. Tôi chưa bao giờ nghĩ cuộc hôn nhân của chúng tôi xấu hơn của người khác. Về một số mặt, tôi cảm thấy còn tốt hơn phần lớn các cuộc khác. Tại các buổi dạ tiệc, chúng tôi là một cặp đẹp đôi. Chúng tôi giữ được hình dáng đẹp, có cuộc sống tình dục vừa phải. Chúng tôi có chung một thứ rất quan trọng là công việc làm ăn riêng của chúng tôi, nhiều mối quan hệ công cộng, phần lớn là phi lợi nhuận và các nhóm y tế.

Suốt nhiều năm, chúng tôi phát triển một bảng danh sách các khách hàng thường xuyên - quý Thận Quốc gia, quỹ Nghiên cứu u não, vài bệnh viện, một tài khoản sinh lời, một bệnh viện tư nhộp nhúa cứ khẳng khẳng đòi dùng ảnh trước và sau khi hút mỡ giảm béo ở mông phụ nữ để in quảng cáo. Simon và tôi làm việc trong một phòng riêng ở căn hộ của chúng tôi. Tôi là người chụp ảnh, thiết kế, in máy và làm ma-két. Simon là người viết quảng cáo, quản lý khách hàng, mua tranh ảnh, báo thu các tài khoản. Chúng tôi rất tôn trọng nhau trong các vấn đề thẩm mỹ. Chúng tôi thống nhất cách bố trí sách, kích cỡ chữ và tiêu đề. Chúng tôi làm việc rất chuyên nghiệp.

Bạn bè thường bảo:

- Hai cậu may thật.

Trong nhiều năm, tôi muốn tin rằng chúng tôi may mắn đúng như họ nghĩ một cách thêm muốn. Tôi lý sự rằng những cuộc cãi vã của chúng tôi chỉ là những tức giận nho nhỏ, giống như mảnh đạn dưới da, những chỗ bẹp trên ô tô, dễ xóa bỏ khi chúng tôi chú ý.

Gần ba năm trước, cha đỡ đầu của tôi là Dudley, một kế toán nghỉ hưu tôi không gặp từ khi còn bé, qua đời và để lại cho tôi nhiều cổ phần trong một công ty ghép gien nhỏ. Khi ông mất, chúng không đáng giá nhiều. Nhưng khi người thực hiện di chúc chuyển chúng cho tôi, công ty đã đưa ra chào bán công khai, các cổ phiếu được tách ra vài lần, và nhờ những phép màu về mặt thương mại của DNA, Simon và tôi có đủ tiền mua một ngôi nhà thơm tất tại một vùng lân cận tuyệt vời, ngay cả khi giá cả ở San Francisco tăng vù vù. Chúng tôi đã làm thế, cho đến khi mẹ tôi gợi ý tôi nên chia sẻ vận may cho các anh em trai của tôi và Quan. Mẹ tôi vạch ra rằng, nghĩ cho cùng, Dudley là bạn của cha và tôi chẳng phải là người đặc biệt gần gũi với ông. Bà nói đúng, nhưng tôi mong Kevin, Tommy và Quan sẽ nói:

- Cứ giữ lấy, cảm ơn vì đã nghĩ thế.

Hy vọng thật là nhiều. Người làm tôi ngạc nhiên nhất là Quan. Chị kêu ré lên và nhảy nhót như người tránh giải Bánh xe may rủi. Sau khi chúng tôi chia chiếc bánh thừa kế và đóng nhiều khoản thuế lớn, Simon và tôi chỉ còn đủ tiền mua một căn nhà giản dị thuộc vùng lân cận xoàng xĩnh.

Chúng tôi mất hơn một năm tìm nhà. Simon gợi ý mua một căn từ cuối những năm 1950 ở quận Sunset đầy sương mù, anh cho rằng sau vài năm có thể bán gấp đôi, coi như một khoản đầu tư của chúng tôi. Còn tôi nghĩ nhiều hơn đến một ngôi nhà cũ nát thời Victoria ở Vernal Heights nhiều triển vọng, một nơi chúng tôi có thể tân trang thành một ngôi nhà đẹp đẽ và không đầu tư.

- Em định biến cái nhà tiêu tụy này thành nhà ở? - Simon nói sau khi ngắm nghía cơ ngơi.

Chúng tôi không nhất trí với thứ gọi là “tiềm năng trong tương lai”. Lẽ tất nhiên tiềm năng là phải làm nhiều hơn. Cả hai đều hiểu rằng sống trong một nơi chật chội, bừa bộn đòi hỏi một tình yêu tươi mới và chứa chan, không gì hơn ngoài việc sung sướng rúc vào nhau tìm hơi ấm trên chiếc giường đôi chật hẹp. Từ lâu Simon và tôi đã dùng chiếc giường kích cỡ của vua và đắp chăn điện có điều khiển kép.

Một Chủ nhật mùa hè đầy sương mù, chúng tôi phát hiện ra tấm biển BÁN NHÀ của quần thể

nhà sáu đơn nguyên ven Pacific Heights. Tôi muốn nói ven có nghĩa là bám lấy vùng lân cận thanh lịch đó bằng một sợi dây tả tơi. Đằng sau ngôi nhà thuộc Western Addition, các cửa sổ và cửa ra vào đều có chấn song chống trộm bằng thép. Đây là ba khối nhà trọn vẹn và hai người đóng thuế chung sẽ hay hơn các phố ở Pacific Heights, nơi nhiều gia đình có khả năng thuê người giúp việc, và hai ngôi nhà loại hai.

Trong hành lang chung, Simon cầm một tờ rơi rao bán, xem xét tỉ mỉ những lời có dấu nổi ở giữa.

- Một quần thể nhà ở Pacific Heights, khá-sang trọng, hai-tầng, - anh đọc to, - tọa lạc trong một lâu đài thời Victoria, có thời-nguy nga, bề thế, do kiến trúc sư rất-nổi tiếng Archibald Meyhew xây dựng năm 1893". Thật không ngờ, tờ rơi cũng khoe khoang mười căn phòng và chỗ đỗ xe, tất cả đều bán với bán chỉ nhỉnh hơi khoản tiền chúng tôi có một chút. Chúng tôi đã xem xét kỹ cả năm căn hộ, còn cái thứ sáu không có garage.

Tôi bấm chuông đơn nguyên năm.

- Giá hời so với vùng này, - tôi nhận xét.

- Chế độ quản lý không tốt đâu, - Simon nói. - Với các quần thể nhà kiểu này, nghe nói phải tuân theo nhiều quy định điên rồ, kể cả việc muốn thay đổi công suất các bóng đèn.

- Anh nhìn cái lan can xem. Có phải là gỗ không? Trông đẹp nhỉ?

- Giả đấy. Em có thể dùng bật lửa mà thử. Chúng quá thông thường.

Vì Simon có vẻ bối bác mọi thứ thú vị ở nơi này, tôi gợi ý ra về. Nhưng đúng lúc đó, chúng tôi nghe thấy những tiếng bước chân vội vã trên cầu thang và một người đàn ông gọi:

- Tôi đến chỗ các vị ngay đây.

Simon bắt giắc vòng tay quanh người tôi. Tôi không thể nhớ lần cuối cùng anh làm thế là bao giờ. Dù chệch sai, chắc anh thích triển vọng của ngôi nhà, đằng nào cũng tạo cho chúng tôi vẻ ngoài của một cặp vợ chồng hạnh phúc, vững vàng, đủ ổn định để kéo dài hết thời gian giao kèo.

Hóa ra là người đại lý bất động sản, một thanh niên hói, ăn mặc đĩnh đạc tên là Lester Roland hoặc Roland Lester, và là người sáng tạo ra tờ rơi kia. Anh ta có thói quen khó chịu là hay hăng giọng, gây cho người ta ấn tượng là nói dối hoặc sắp lúng túng thú tội.

Anh ta đưa một tấm danh thiếp.

- Trước kia các vị đã mua nhà ở vùng này, thưa ông bà...?

- Bishop. Simon và Olivia, - Simon trả lời. - Chúng tôi hiện sống ở quận Marina.

- Chắc các vị biết đây là một trong các khu vực dân cư tốt nhất của thành phố.

Simon ra vẻ chán ngán.

- Ý anh định nói Pacific Heights chứ không phải Western Addition.

- Đúng thế! Chắc hẳn các vị thừa biết điều này. Tôi đoán các vị muốn xem tầng hầm trước.

- Vâng. Hãy cho chúng tôi đi xem.

Lester cẩn thận chỉ cho chúng tôi xem các đồng hồ đo tách rời, từng bể nước nóng, bình đun chung và các ống dẫn bằng đồng, trong lúc xem chúng tôi không hề bình luận.

- Như các vị thấy, - Lester hăng giọng, - nền bằng gạch nguyên.

- Đẹp, - Simon gật đầu tán thành.

Lester cau mày và ban cho chúng tôi khoảng lặng im đầy ý nghĩa.

- Tôi nói điều này bởi vì, - anh ta ho. - Vì có khi các vị đã biết, hầu hết các nhà băng không cấp tiền cho các ngôi nhà có nền gạch. Họ sợ động đất. Nhưng ông chủ sẵn sàng thế chấp thêm, và lẽ tất nhiên là các vị có thể so sánh với giá thị trường.

Ra thế, tôi nghĩ, đây là lý do vì sao nơi này bán rẻ thế.

- Ngôi nhà có bị ảnh hưởng gì không?

-Ồ không, hoàn toàn không. Tất nhiên là nó vẫn giữ nguyên cách xếp đặt, trang trí và những thứ khác. Các ngôi nhà cổ đều có vài vết nứt, một thứ đặc quyền của năm tháng. Trời ạ, chúng ta nên nhìn nó đã trăm tuổi! Các vị cũng nên ghi nhớ ngôi nhà cũ kỹ sơn phết này đã sống sót qua trận động đất năm 89, chưa kể đến một trận rất lớn năm 86. Giờ thì các vị có thể nói thế với các ngôi nhà mới hơn không?

Lester có vẻ quá sốt sắng, còn tôi bắt đầu ngửi thấy mùi mốc khó chịu của rác rưởi. Trong các góc nhà tắm tối, tôi nhìn thấy hàng đồng va li vỡ, lớp nhựa vinyl xám bụi nứt nẻ và hoác miệng. Trong một khu vực kho khác là các đồ nặng han gỉ - các phụ tùng ô tô, thanh tạ, một thùng đựng dụng cụ bằng kim loại, - một đài kỷ niệm sự quá dư thừa kích thích tố nam của người chủ trước. Simon buông tay tôi.

- Đơn nguyên này sắp có một khoảng garage chỉ đủ được một xe, - Lester nói. - Chúng tôi không có chỗ cho chiếc xe thứ hai.

Như một con mèo, Lester lặng lẽ nhìn cả hai chúng tôi rồi nói với tôi:

- Vâng, điều đó tránh được nhiều phiền nhiễu, phải không ạ? - Chúng tôi bắt đầu trèo lên cầu thang hẹp. - Tôi sẽ đưa các vị trở lại lối vào đằng sau, trước kia là cầu thang dành cho người hầu, dẫn lên phần sử dụng. À, nhân thế, bên dưới có hai khối nhà là khoảng không để đi bộ, các vị biết chứ ạ? Còn có một trường tư thục rất xuất sắc. Học lớp ba, những con quỷ nhỏ ấy đã biết tháo một máy tính 386 và nâng cấp thành 486. Ngày nay người ta có thể dạy bọn trẻ những điều thật phi thường!

Lần này, chúng tôi đồng thanh:

- Không có trẻ con.

Chúng tôi nhìn nhau, giật mình. Lester mỉm cười, rồi nói:

- Đôi khi, đấy là việc rất sáng suốt.

Hồi chúng tôi mới kết hôn, có con là một vấn đề lớn chúng tôi cùng chia sẻ. Simon và tôi mê mẩn khả năng kết hợp về mặt di truyền của chúng tôi. Anh muốn có con gái trông giống tôi, tôi muốn có con trai giống anh. Sau sáu năm ngày ngày đo nhiệt độ, kiêng rượu giữa hai kỳ kinh nguyệt, sinh hoạt tình dục đều đặn, chúng tôi đến một chuyên gia sinh sản, bác sĩ Brady, ông cho biết Simon vô sinh.

- Ông định nói Olivia vô sinh, - Simon nói.

- Không, những xét nghiệm cho thấy là anh, - bác sĩ Brady trả lời. - Bệnh án cho biết đến năm lên ba, tinh hoàn của anh chưa tụt xuống.

- Cái gì? Tôi không nhớ chuyện ấy. Vội lại, hiện giờ chúng xuống cả rồi. Phải làm gì đây?

Hồi ấy chúng tôi đọc nhiều về chứng loãng tinh, tinh trùng phải mát hơn nhiệt độ cơ thể, vì thế tinh hoàn mới ở bên ngoài như một thứ điều hoà nhiệt độ tự nhiên. Bác sĩ Brady nói sự vô sinh của Simon không đơn giản là ít tinh trùng và tinh trùng di chuyển kém, mà anh vô sinh từ tuổi dậy thì, nghĩa là từ lần xuất tinh đầu tiên.

- Nhưng không thể thế được, - Simon nói. - Tôi biết là tôi có thể mà, vâng, không thể thế được. Các xét nghiệm nhằm.

Bác sĩ Brady nói bằng giọng đầy kinh nghiệm, đã an ủi hàng ngàn đàn ông không tin:

- Tôi cam đoan với anh rằng vô sinh không ảnh hưởng gì đến nam tính, sự cường dương, hoạt động tình dục, sự cương cứng, xuất tinh hoặc khả năng làm bạn tình thoả mãn. - Tôi chú ý thấy ông ta nói “bạn tình” chứ không phải là “vợ anh”, dường như tính đến nhiều khả năng, quá khứ, hiện tại và tương lai.

Sau đó, ông ta thảo luận về trạng thái xuất tinh, các loại thuốc cho cương cứng, và nhiều điều tầm phào khác chẳng ích gì cho những chiếc giày bé xiu trong tủ quần áo của chúng tôi, những cuốn sách Beatrix Potter mẹ tôi đã thu thập cho đứa cháu ngoại tương lai, hồi ức về Elza mang thai gào thét với Simon từ đỉnh con đường dốc trong trận lở tuyết.

Tôi biết Simon đang nghĩ đến Elza, băn khoăn cô có nhằm về chuyện có thai không. Nếu có, thì việc cô chết còn bi thảm hơn, hết nhằm lẫn ngu ngốc này đến nhằm lẫn khác. Tôi cũng biết Simon đang nghĩ có khi Elza nói dối, rằng cô không hề có mang. Nhưng sao lại thế? Nếu cô ấy có mang, thì ai là người tình khác của cô ấy? Vì sao hồi đó cô ấy lại chửi mắng Simon như tát nước? Không thể có câu trả lời thỏa đáng.

Kể từ cuộc trò chuyện với người âm của chúng tôi và Quan nhiều năm trước, Simon và tôi tránh nhắc đến tên Elza. Giờ đây chúng tôi càng im thin thít gấp đôi, không thể thảo luận về sự vô sinh của Simon, những câu hỏi về Elza hoặc cảm nghĩ của chúng tôi về thụ tinh nhân tạo hoặc nhận con nuôi. Hết năm này sang năm khác, chúng tôi tránh nói đến trẻ con, thực tế hay tưởng tượng hoặc hy vọng có, cho đến khi chúng tôi ở đó, trên đầu cầu thang tầng ba, cả hai chúng tôi thông báo cho một người xa lạ đáng ghét tên là Lester rằng “Không có trẻ con”, như thể chúng tôi đã quyết định từ nhiều năm trước và bây giờ là quyết định cuối cùng.

Lester lục tìm hàng chục chìa khoá treo trên dây.

- Nó ở đây mà, - anh ta lăm bắm. - Chắc là chiếc cuối cùng. Vâng, các vị không biết... à đây rồi!

Anh ta nhún nhảy mở cửa và vỗ vào tường cho đến khi thấy công tắc đèn. Thoạt nhìn căn hộ dường như quen thuộc, như thể trước kia tôi đã đến thăm nơi này một ngàn lần, ngôi nhà hờn trong những giấc mơ ban đêm. Mọi thứ ở đó: những cánh cửa kép nặng nề bằng gỗ sồi có những ô kính gợn sóng kiểu cổ, hành lang rộng rãi chân tường ốp gỗ sồi đen, cửa sổ con để ánh sáng rọi qua, lấp lánh những hạt bụi lưu cữu. Giống như tôi trở lại ngôi nhà xưa và không thể biết cảm giác quen thuộc này là thoải mái hay ngột ngạt. Lúc đó, Lester vui vẻ tuyên bố rằng chúng ta bắt đầu bằng ngó qua “phòng đón tiếp”, và cảm giác ấy tan biến.

- Cấu trúc là thứ chúng tôi gọi Eastlake và gothic phục hưng, - Lester nói với chúng tôi. Anh ta giải thích tiếp vì sao nơi này trở thành nhà trọ cho những người bán hàng rong và những quả phụ thời chiến những năm hai mươi. Trong những năm bốn mươi, “gothic phục hưng” biến thành “nơi làm việc vật đặc biệt” khi ngôi nhà cải tạo thành 24 xưởng xinh xắn, là nơi ăn chốn ở rẻ tiền thời chiến. Trong những năm sáu mươi, nó thành nhà trọ cho sinh viên, và khi bất động sản lên giá đầu những năm tám mươi, ngôi nhà phục sinh một lần nữa, lần này thành sáu tổ hợp “khá-sang trọng” hiện nay.

Tôi hiểu “khá-sang trọng” nhờ ngọn chúc dài bằng thuỷ tinh rẻ tiền ngoài hành lang. “Khá-hiện đại” sẽ là cách miêu tả căn hộ thật thà hơn, gồm sự hòa trộn không hợp nhau lắm của những lần phục hồi trước kia. Căn bếp lát gạch đỏ Tây Ban Nha và tủ ly bằng gỗ cán mỏng làm mất mọi dấu tích thời Victoria, trong khi những căn phòng khác vẫn được trang trí hào phóng những mắt cửa hào nhoáng vô dụng và các trụ ngạch bằng thạch cao ở các góc trần. Các ống tản nhiệt không còn nối với lò sưởi nữa. Các lò sưởi bằng gạch đã lát đè lên. Những cánh cửa hõm ở giữa gần đây đã biến thành phòng kho. Qua cách nói khoa trương về bất động sản của Lester, những khoảng không vô dụng thời Victoria đã bất ngờ có những mục tiêu mới đầy ý nghĩa. Một chiếu nghỉ cũ trên cầu thang, đằng sau chiếu sáng bằng ô thuỷ tinh màu hổ phách đã thành “phòng âm nhạc” dành cho nhóm tứ tấu đàn dây của những người lùn thì hoàn hảo, tôi nghĩ. Nơi trước kia là chỗ ở ngột ngạt của cô hầu chuyên giặt giũ dưới gầm cầu thang, nay Lester nói khéo là “thư viện của bọn trẻ”, không phải là thư viện dành cho người lớn. Một nửa phòng trang điểm và thay quần áo trước kia rộng thênh thang, có tủ quần áo bằng gỗ tuyết tùng gắn vào tường bây giờ là “phòng làm việc”, nửa kia thuộc căn hộ kế bên. Chúng tôi kiên

nhấn lắng nghe Lester, lời lẽ tuôn ào ào khỏi miệng anh ta giống như những con cún trong biếm hoạ, chạy điên cuồng trên vải sơn tươi sấp ong mà chẳng đi đến đâu.

Hắn Lester chú ý thấy sự thích thú của chúng tôi đang giảm dần, giọng anh ta bớt khoe khoang, và thay đổi chiến thuật, anh ta lái chúng tôi chú ý đến “sự tiết kiệm tuyệt vời của dòng dõi cổ điển và hơi thực dụng”. Chúng tôi xem qua loa các phòng còn lại, một mê cung những khu vực nhỏ, được thối phồng bằng những thuật ngữ quý phái rôm: phòng trẻ, phòng điểm tâm, phòng vệ sinh, gần cuối cùng là phòng để đồ chỉ rộng đủ cho một bệ xí và người sử dụng ngồi, đầu gối ép sát vào cửa. Trong một căn hộ hiện đại, toàn bộ mặt sàn chỉ nên có bốn phòng cỡ trung bình là tốt nhất.

Chỉ có một căn phòng tầng trên cùng còn phải xem. Lester mời chúng tôi trèo cái cầu thang hẹp lên nơi trước kia là tầng áp mái, giờ là “khuê phòng tuyệt đẹp”. Lên đó, quai hàm trên bộ mặt hoài nghi của chúng tôi trễ hẳn xuống. Chúng tôi chăm chăm nhìn giống như những người kinh hoàng vì cái đạo bất ngờ. Trước mắt chúng tôi là một căn phòng mênh mông, trần dốc tuột vào tường. Nó rộng tương đương với khoảng sàn cho toàn bộ chín căn phòng bên dưới. Ngược hẳn với tầng ba tầm tối, mốc meo, tầng áp mái sáng sủa và thoáng đãng, sơn trắng sạch sẽ. Tám cửa sổ mái nhô ra khỏi trần dốc, hướng cái nhìn của chúng tôi lên bầu trời lác đác mây. Dưới chân chúng tôi, những tấm ván sàn rộng lấp lánh, sáng bóng như sân băng. Simon lại nắm lấy tay tôi và xiết chặt. Tôi xiết đáp lại.

Cái này có tiềm năng đây. Tôi cho rằng Simon và tôi có thể cùng tưởng tượng ra nhiều cách lấp đầy khoảng trống.

Ngày chúng tôi dọn nhà, tôi bắt đầu lột đi nhiều lớp tường của phòng trẻ trước kia, và phong ngay cho nó cái tên mỹ miều là “chốn thiêng liêng thầm kín” của tôi. Lester đã nói những bức tường này nguyên là gỗ hồng sắc được khảm nhiều mắt gỗ, và tôi hằng hái lột cái tài sản kiến trúc này ra. Dùng chất pha loãng sơn bốt hơi đến chóng mặt, tôi tưởng tượng mình là một nhà khảo cổ đang lục tìm giai tầng của những người sống trước kia, có thể tái tạo tiểu sử của họ qua cách chọn lựa lớp phủ tường. Đầu tiên là lớp nhựa mới, đặc trưng Chardonnay, sơn về trông như tường tu viện Florentine. Bức tường này bong từng mảng theo từng thập kỷ có trước - những năm tám mươi màu xanh, những năm bảy mươi thoáng màu cam, những năm sáu mươi màu đen lập dị, những năm năm mươi màu tùng lam trẻ thơ. Những lớp giấy dán tường xoàng xĩnh có hoa văn hàng đàn bướm vàng, thần Tình yêu xách giỏ hoa anh thảo, quần thể thực - động vật lặp đi lặp lại của nhiều thế hệ đã qua, nhìn chăm chú từ những bức tường này trong những đêm không ngủ, làm dịu một đứa trẻ đau bụng, một đứa bé mới chập chững háo hức, một bà cô bị bệnh lao.

Một tuần sau, những đầu ngón tay thô ráp của tôi lần tới lớp thạch cao cuối cùng rồi đến gỗ, không phải gỗ hồng sắc như Lester nói, mà là gỗ thông rẻ tiền. Chỗ nào gỗ không cháy thành than thì đen nhem vì mốc, chắc là hậu quả một ống vòi rồng quá sốt sắng từ hơn một thế kỷ. Tôi vốn không phải là kẻ ưa bạo lực, vậy mà lần này tôi đá vào tường mạnh đến nỗi một tấm ván bị sập, lộ ra rất nhiều sợi lông màu xám xỉn. Tôi hét lên một tiếng dữ dội như trong bộ phim kinh dị loại B, làm Simon nhảy vọt vào phòng, khua khua cái bay, như thể đấy là một vũ khí lợi hại chống kẻ giết người hàng loạt. Tôi chỉ ngón tay vào những sợi lông còn lại, tin là một tội ác lâu năm chưa tìm ra.

Một giờ sau, Simon và tôi đã giật phăng gần hết các mảnh gỗ mục nát. Nhiều đồng lông nằm trên sàn trông như những tổ chuột khổng lồ. Mãi đến khi chúng tôi mời được một chủ thầu lấp tường đá không vữa, chúng tôi mới phát hiện ra chúng tôi đã dọn đi nhiều đồng vải lông ngựa là loại cách âm thời Victoria. Người chủ thầu cũng cho biết vải lông ngựa là thứ cách âm rất hiệu quả. Chúng tôi biết những người giàu có thời Victoria xây nhà sao cho không phải nghe thấy những tiếng động khiếm nhã như tiếng rên rỉ sung sướng khi làm tình hoặc tiếng kèn trumpet khó chịu bay ra từ các phòng kế bên.

Tôi kể chuyện này vì Simon và tôi không buồn xếp lại những tấm vải lông ngựa, ban đầu tôi tin rằng phải làm gì đó với âm thanh kỳ lạ trong tháng đầu tiên. Khoảng trống giữa tường nhà

tôi với căn hộ kể bên trở thành một ống thông rỗng, rộng khoảng ba chục centimét. Tôi nghĩ đường thông này như một tấm gỗ tăng âm, có thể truyền các tiếng động của toàn bộ ngôi nhà rồi biến thành những tiếng tình thích, xì xì và đôi khi vang lên như những bài hướng dẫn nhảy lambada ở trên gác, trong phòng ngủ của chúng tôi.

Mỗi khi muốn miêu tả những rắc rối về âm thanh của chúng tôi, tôi bắt chước những tiếng nghe thấy: *ting- ting- ting, umpa-umpa-umpa, trờ-trờ-sì*. Simon so tiếng ồn với các nguồn có thể: tiếng gõ của phím đàn piano sai nhịp, những con bọ câu đang gù bay vụt qua, tiếng cạo vào nước đá. Chúng tôi nhận biết thế giới khác hẳn, nó khác xa với nơi chúng tôi lớn lên.

Trong mọi chuyện này có một điều kỳ lạ nữa: hình như Simon chưa bao giờ ở nhà lúc các âm thanh sồn gáy nhất xảy ra - như lúc tôi đang tắm thì nghe thấy khúc dạo đầu của *Jeopardy*¹ rít lên, một giai điệu đặc biệt ám ảnh vì tôi không thể chịu nổi hòa âm quấy rầy trong trí suốt phần ngày còn lại. Tôi có cảm giác mình bị theo dõi.

Một kiến trúc sư gợi ý rằng những tiếng ồn có thể từ các ống tản nhiệt vô dụng kia mà ra. Một cố vấn an toàn địa chấn bảo tôi có lẽ chỉ vì bố trí tự nhiên của khung gỗ toà nhà. Ông ta giải thích, chỉ cần suy nghĩ một chút thôi, cũng thấy những tiếng cọt két và rền rĩ gồm đủ mọi loại, tiếng sập cửa, tiếng người chạy lên chạy xuống cầu thang, dù ông ta chưa bao giờ biết có ai than phiền vì cười cũng làm vỡ kính. Mẹ tôi bảo là chuột, có khi là gấu trúc. Bà kể trước kia chính bà từng gặp rắc rối như thế. Người thợ nạo ống khói thì đoán là chim bồ câu làm tổ trong các ống khói không dùng. Kevin lại nói đôi khi hàn rằng cũng có thể truyền sóng radio và tôi nên gặp Tommy là nha sĩ của tôi. Những phiền nhiễu vẫn dai dẳng.

La lùng thay, hàng xóm của tôi nói không người nào bị bất cứ âm thanh bất thường quấy nhiễu, dù ông mù ở tầng dưới chúng tôi gay gắt nhắc chúng tôi mở stereo quá to, nhất là các buổi sáng. Ông ta nói đấy là lúc hàng ngày ông ta ngồi Thiền.

Khi chị tôi nghe thấy những tiếng tình thích và xì xì, chị bèn phát biểu dự đoán của chị:

- Vấn đề không phải là cái gì đó mà là người nào đó. Hừm ừm. - Tôi vẫn tiếp tục dỡ sách, Quan đi quanh phòng, hếch mũi lên ngửi ngửi như một con chó tìm bụi cây ưa thích. - Có khi là những hồn ma lang thang, - chị bảo. - Em có muốn chị thử bắt cho em không? - Chị duỗi bàn tay như một cái que dò mạch.

Tôi nghĩ đến Elza. Cô đã biến khỏi những câu chuyện của chúng tôi từ lâu, nhưng cô vẫn trú ngụ trong trí tôi, như một người thuê nhà mà người quản lý không thể đuổi đi. Giờ đây, cô tìm đường lách ra cùng những hồn ma của Quan.

- Không phải ma đâu, - tôi nói kiên quyết. - Bọn em đã lấy đi lớp cách âm. Chỗ trống ấy giống như một phòng tăng âm.

Quan gạt phăng lời giải thích của tôi bằng tiếng khịt mũi đầy quyền thế. Chị lang thang trong phòng, bàn tay rung rung, dỗi theo như một con chó săn. Chị thốt ra hàng loạt tiếng "hừmmmm" ngày càng to, rồi cuối cùng là "HHừmmmm! hừMMMM!". Sau rốt, chị đứng trên ngưỡng cửa, im phăng phắc.

- Rất lạ, - chị nói. - Chị cảm thấy có người nào đó ở đây. Nhưng không phải ma. Một người sống, nhiễm điện, lẩn vào tường, ở dưới sàn.

- Hay quá! - Tôi đùa. - Có lẽ chúng em nên cho người này thuê nhà.

- Người sống bao giờ cũng phiền toái hơn hồn ma, - Quan nói tiếp. - Người sống làm phiền các em vì giận dữ. Ma làm phiền chỉ vì buồn, vì lạc lối, vì nhầm lẫn.

Tôi nghĩ đến Elza, cầu mong anh nghe thấy cô.

- Ma thì chị biết cách bắt, - Quan nói. - Người dì thứ ba của chị đã dạy chị. Chị gọi ma: "Lại đây, hồn ma!" và có thể chuyện trò với nhau. - Chị ngược nhìn, trông rất thành tâm. - Nếu là một bà già, hiện ra đôi dép lê để da đã mềm, đi rất thoải mái. Nếu là một cô gái trẻ, trông thấy cái lược của mẹ cô ta. Con gái nhỏ hay thích nghịch tóc mẹ. Chị tích trữ nhiều tình yêu của ma

trong một bình dầu lớn. Khi hồn ma vào trong, thì púp!- chị đập chặt nắp lại. Giờ thì hồn đó sẵn sàng lắng nghe. Chị bảo: "Hồn ma! Hỡi hồn ma! Đến lúc về Cối Âm!".

Quan nhìn bộ mặt nhăn nhó của tôi và nói thêm:

- Chị biết, chị biết mà! Ở Mỹ không có cái bình dầu to, có khi còn chẳng hiểu ý chị nói gì. Với các hồn ma Mỹ, phải dùng một thứ khác, ví dụ Tupperware loại to. Hay va li du lịch, loại Samsonite. Hay cái hộp của một cửa hàng sang trọng, không giảm giá. Phải rồi, đây là ý hay nhất đấy. Libby-ah, tên cái cửa hàng sang trọng ấy là gì nhỉ? Năm ngoái Simon đã mua cho em cây bút một trăm đôla ở đấy.

- Tiffany.

- Phải, phải, Tiffany! Họ cho em một cái hộp màu xanh, giống màu thiên đường. Ma Mỹ thích lên thiên đường, có mây đẹp... Ô, chị biết. Cái hộp âm nhạc chị tặng em hồi cưới đâu? Ma thích nhạc. Chúng tưởng có người tí hon chơi nhạc trong hộp. Thế là chui vào trong để xem. Quãng đời cuối của chị, cô Banner có cái hộp âm nhạc y như thế này...

- Quan, em có việc phải làm...

- Chị biết, chị biết mà! Vả lại, em không có ma, em có người sống lên vào nhà em! Có khi hẳn đã làm việc xấu nay phải trốn, không muốn bị tóm. Chị không biết bắt kẻ xổng ra thế nào. Tốt nhất là em gọi FBI. À, chị hiểu rồi! Gọi cho cái người ở chương trình American most wanted trên ti vi ấy. Gọi đi. Chị kể cho em nhé, tuần nào họ cũng bắt người đấy. - Lời khuyên của Quan tùm lum thế đấy.

Sau đó có chuyện nữa xảy ra mà tôi cố không coi là sự trùng hợp. Elza trở lại cuộc sống của chúng tôi theo kiểu khá kịch tính. Một trong các bạn học cùng lớp của cô trở thành đạo diễn âm nhạc Thời đại mới, đã diễn lại một số tác phẩm do Elza sáng tác với tên Ý thức cao cả. Sau đó các bản nhạc này được ghi âm cho hàng loạt chương trình ti vi về các thiên thần, Simon đã vạch ra rằng chuyện này thật hài hước vì Elza vốn chẳng yêu thích gì các huyền thoại của Thiên Chúa giáo. Nhưng chỉ một sớm một chiều, dường như ai cũng hóa rồ vì việc phải làm một cái gì đó về các thiên thần. Loạt này được nhiều người xem, một CD ghi âm bán chạy vừa phải, và Simon bắt đầu tìm thấy sự tự tin mới mẻ trong danh tiếng nho nhỏ của Elza. Tôi chưa bao giờ nghĩ mình lại ghét các thiên thần đến thế. Còn Simon vốn ghét âm nhạc Thời đại Mới, nay lại bật album của Elza ở bất cứ nơi nào có bạn bè đến. Simon ra về tình cờ nói rằng nhạc sĩ này sáng tác tặng anh ta. Sao lại thế, mọi người hỏi. À, thì họ là người tình, là bạn thân nhất của nhau mà. Tất nhiên việc này làm một số người bạn cười, an ủi tôi làm tôi giận điên lên. Tôi đành giải thích rất đơn giản rằng Elza chết trước khi tôi gặp Simon. Không hiểu sao nó có vẻ giống một lời thú tội hơn, cứ như tôi nói tôi đã giết cô ấy. Sau đó là sự im lặng tràn ngập căn phòng.

Cùng với những ảnh hưởng của âm thanh trong nhà chúng tôi, tôi cố giả vờ như không chú ý gì đến nhạc của Elza. Tôi cố lờ khoảng cách ngày càng lớn giữa Simon và tôi. Tôi cố tin rằng trong nhiều sự kiện quan trọng trong cuộc hôn nhân như động đất, ung thư, chiến tranh, những người như tôi được miễn dịch khỏi tai họa bất ngờ. Nhưng giả vờ là người có mọi quyền lợi trên đời, tôi là người đầu tiên phải hiểu thế là sai lầm.

9. TUỔI NĂM MƯƠI CỦA QUAN

Simon và tôi chưa bao giờ thay ngọn chúc đài thủy tinh rẻ tiền. Hồi mới dọn đến đây, chúng tôi thấy nó chường mắt, một sự sỉ nhục thẩm mỹ sờ sờ. Về sau này, nó thành buồn cười. Ngay sau khi nổi điện, chúng tôi cứ để mặc nó. Nó cứ ì ra ở đấy chẳng ai chú ý, trừ khi một trong các bóng đèn bị cháy. Thậm chí chúng tôi còn giải thoát cho mình khỏi nhớ tới bằng cách mua một tá bóng đèn của tổ chức cứu chiến binh mù, mỗi bóng 60W, được bảo đảm sáng năm mươi ngàn giờ, chiếu sáng cho phòng khách vĩnh viễn. Chúng tôi chưa bao giờ bắc thang thay bóng. Thực ra, không nhìn thấy một bóng cháy trên ngọn chúc đài.

Một đêm, khoảng sáu tháng trước, cái bóng cuối cùng nổ một tiếng tách nho nhỏ và tắt phụt, để chúng tôi chìm trong bóng tối. Simon và tôi sắp đến nhà hàng gần đó ăn bữa tối sau giờ làm.

- Ngày mai anh sẽ mua mấy cái bóng tử tế, - Simon nói.
- Sao không thay cả cái chúc đài nhỉ?
- Để làm gì? Nó cũng không đến nỗi quá tệ. Ta đi thôi. Anh đói rồi.

Lúc đến nhà hàng, tôi tự hỏi anh nói, hoặc đúng hơn là đã nói như thế anh không còn quan tâm đến cuộc sống chung của chúng tôi nữa. Hiện giờ, chỉ hơi quan tâm đã đủ tốt cho chúng tôi rồi.

Nhà hàng khá vắng vẻ. Tiếng nhạc êm dịu, ru ngủ, rất khế, thực ra chẳng ai lắng nghe. Trong lúc liếc nhìn thực đơn, tôi thầm biết mình đang chú ý đến một cặp trạc năm chục tuổi ngồi đối diện với chúng tôi. Người đàn bà có vẻ cáu kỉnh. Người đàn ông hình như buồn chán. Tôi quan sát họ thêm lúc nữa. Họ nhai, phết bơ lên bánh mì, nhấp từng ngụm nước, chẳng nhìn nhau lần nào, chẳng nói với nhau một lời. Hình như họ cãi nhau. Simon mãi xem danh sách các loại rượu vang. Chúng tôi đã từng gọi mọi thứ, trừ vang trắng.

- Lần này anh muốn uống chung một chai vang đỏ không? - Tôi nói.

Anh không ngược mắt.

- Vang đỏ có nhiều tanin. Anh không muốn thức giấc lúc hai giờ sáng.
- Vậy ta chọn loại khác. Một chai fumé blanc chẳng hạn.

Anh đưa bản danh sách vang cho tôi.

- Anh định gọi Chablis. Nhưng em cứ chọn đi.

Lúc chăm chú xem bản danh sách, tôi bắt đầu hoang mang. Bỗng nhiên, mọi thứ trong cuộc sống của chúng tôi hình như có thể đoán trước là vô nghĩa. Giống như lắp mọi mảnh trong trò chơi ghép hình chỉ thấy kết quả là sự mô phỏng một nghệ thuật cũ rích, bao nhiêu cố gắng dẫn đến sự chán ngán tầm thường. Chắc chắn rằng chúng tôi hợp nhau một số mặt - tình dục, tri thức, nghề nghiệp. Nhưng chúng tôi không phải loại dành cho nhau, không như những người thực sự thuộc về nhau. Chúng tôi là cộng sự chứ không phải bạn tâm giao, là hai con người riêng rẽ ngẫu nhiên có chung một thực đơn và một cuộc sống. Tổng thể của chúng tôi không lớn hơn tổng số của từng phần chúng tôi. Tình yêu của chúng tôi không đến độ. Đây là hậu quả của một tai nạn bi thảm và một xảo thuật gọi hồn ngớ ngẩn. Chính vì thế Simon không say đắm tôi. Chính vì thế một ngọn chúc đài rẻ tiền là đủ dùng cho cuộc sống của chúng tôi.

Khi chúng tôi về đến nhà, Simon nằm vật ra giường.

- Em cứ im thin thít, - anh nói. - Có chuyện gì chẳng?

- Không, - tôi nói dối. - Rồi: À, em không biết chính xác. - Tôi ngồi lên mép giường, bắt đầu giờ qua danh mục mua bán, đợi anh hỏi tôi lần nữa.

Cứ năm giây, Simon lại dùng điều khiển từ xa chuyển kênh tivi: tin nhanh về vụ bắt cóc một

bé gái, một bộ phim nhiều tập của Tây Ban Nha, một người đàn ông rắn chắc bán dụng cụ thể thao. Những mẫu của cuộc sống truyền hình lách tách qua tôi, tôi cố thu thập cảm xúc thành một logic mạch lạc để Simon hiểu. Nhưng dù ra sức kiềm chế, tôi vẫn rơi vào mớ bông bong và đau nhói trong họng. Có một thực tế mà chúng tôi không thể nói đến là sự vô sinh của Simon - không phải vì vào thời điểm này tôi muốn có con. Những âm thanh kinh hoàng trong nhà mà chúng tôi giả vờ như bình thường. Còn Elza mà chúng tôi không thể nhắc đến, cứ hiện diện khắp nơi, trong hồi ức những lời dối trá của Quan trong buổi gọi hồn của chị, trong bản nhạc của nợ mà Simon chơi. Tôi sẽ chết ngạt nếu không thay đổi quyết liệt trong đời. Trong khi đó, Simon cứ bật hết kênh này sang kênh khác.

- Anh có biết làm thế là chọc tức không? - Tôi nói cộc lốc.

Simon tắt tivi. Anh lăn tròn đến trước mặt tôi, chống một cánh tay lên.

- Có chuyện gì thế? - Trông anh hơi lo lắng.

Bụng tôi quặn đau.

- Đôi khi em tự hỏi, đây là tất cả ư? Chúng ta cứ như thế này sau mười năm, hai mươi năm nữa sao?

- Em định nói sao, đây là tất cả ư?

- Anh biết không, sống trong căn nhà này, kiên nhẫn chịu đựng mọi âm thanh kỳ quặc, ngọn chúc đài tời tàn. Mọi thứ hình như mòn chán. Chúng ta vẫn đến cùng một nhà hàng. Chúng ta nói những điều vẫn như thế. Rồi mọi sự cứ y như thế mãi.

Trông anh bối rối.

- Em muốn yêu quý những việc chúng ta làm như một cặp vợ chồng. Em muốn chúng ta gần gũi hơn.

- Chúng ta cùng nhau suốt hai tư giờ một ngày đấy thôi.

- Em không muốn nói về công việc! - Tôi cảm thấy như một đứa trẻ, đói khát và nóng nực, ngứa ngáy và mệt mỏi, cáu kỉnh vì không thể nói ra những điều thực sự muốn. - Em nói về chúng ta, đấy mới là quan trọng. Em cảm thấy chúng ta ngày càng quanh quẩn, đình đốn và mốc meo.

- Anh không cảm thấy thế.

- Công nhận đi, cuộc sống chung của chúng ta ngày hôm nay chẳng có gì hay ho hơn năm ngoái. Nó sẽ tồi tệ hơn. Nhìn chúng ta xem. Hiện giờ chúng ta chia sẻ những gì? Ngày ngày làm một công việc y như thế, xem những bộ phim y như thế, nằm chính trên một cái giường?

- Nói nữa đi. Em chỉ phiền muộn thôi.

- Tất nhiên là em phiền muộn! Vì em có thể thấy chúng ta đi tới đâu. Em không muốn giống những người chúng mình nhìn thấy trong nhà hàng tối nay, nhìn chăm chăm vào đĩa mì ống, chẳng nói gì với nhau ngoài câu: "Món mì ống thế nào?". Như thế thì thực ra, chúng ta chẳng bao giờ nói chuyện.

- Tối nay chúng mình đã nói chuyện.

- Vâng, đúng thế. Về người khách hàng mới là một kẻ Nazi mới. Vì sao chúng ta nên gửi nhiều hơn vào tài khoản SEP1 của chúng ta. Vì sao hội đồng tổ hợp nhà muốn tăng lệ phí. Như thế không phải là chuyện trò thực sự! Đấy không phải là cuộc sống thực. Những chuyện đó chẳng có gì quan trọng trong cuộc sống *của em*.

Simon đùa cợt xoa xoa đầu gối tôi.

- Đừng nói với anh là em đang trong thời kỳ khủng hoảng tuổi trung niên đấy nhé? Người ta chỉ có những cơn như thế ở những năm bảy mươi thôi. Vả lại, ngày nay đã có Prozac.

Tôi gạt tay anh ra.

- Anh thôi cái kiểu hạ cố ấy đi.

Anh lại đặt bàn tay trở lại.

- Thôi nào, anh đùa thôi.

- Sao lúc nào anh cũng đùa với những việc quan trọng?

- Này, em không phải là người duy nhất nghĩ thế đâu. Anh cũng băn khoăn về cuộc sống của chúng ta chứ, anh đã phải làm nhiều việc cho các vấn đề thực sự từ lâu rồi.

- Thế ư? Ví dụ? - Tôi cười khẩy.

Anh ngừng. Anh hình dung anh sắp nói: công việc, ngôi nhà, có đủ tiền để nghỉ hưu sớm.

- Nói đi. Nói cho em biết.

- Anh đang viết văn, - cuối cùng, anh nói.

- Anh đã viết rồi.

- Anh không định nói bây giờ anh viết gì. Em thực lòng nghĩ anh chỉ biết viết quảng cáo cho cholesterol và hút mỡ khỏi các cặp đùi nhẽ nhèo ư? Anh xin đủ.

- Vậy thì anh viết gì?

- Truyện, - anh nhìn tôi, đợi phản ứng.

- Loại nào? - Tôi tự hỏi liệu anh có bịa không.

- Các bài về cuộc sống thực tế, về những con người ở đây hoặc ở các nước khác, Madagascar, Micronesia, một trong nhiều hòn đảo ở Indonesia chưa hề có khách du lịch bén mảng.

- Anh định viết báo?

- Tiểu luận, tiểu thuyết, bất cứ thứ gì cho phép anh viết về cách anh nhìn nhận thế giới, nơi anh thích hợp, những vấn đề anh có... Khó giải thích lắm.

Anh lấy cuốn danh mục trên tay tôi. Tôi giằng lại.

- Đừng, - chúng tôi lại giữ thế thủ.

- Thôi được, em cứ giữ nỗi kinh sợ trời đánh của em đi! - Anh kêu lên. - Vì thế chúng ta không hoàn hảo. Chúng ta thất bại. Chúng ta trò chuyện không đủ. Cái gì đã làm chúng ta thất bại thảm hại? Ý anh chúng ta không phải là kẻ vô gia cư, ốm yếu hoặc làm những nghề đơn giản.

- Em cho rằng phải vui khi nghĩ: “Chà, còn ai tồi tệ hơn mình?”. Anh coi em là gì, là Pollyanna ư?

- Khỉ thật! Vậy em muốn gì? - Anh cắn cẩu. - Làm thế nào em mới vui đây?

Tôi cảm thấy bị sa lầy trong giếng sâu mong ước. Tôi những muốn kêu to lên điều tôi mong, nhưng chính tôi cũng không biết là những gì. Tôi chỉ biết thứ tôi không mong muốn.

Simon nằm ngửa trên gối, hai bàn tay đan lại trước ngực.

- Cuộc sống luôn là sự thỏa hiệp vô cùng lớn, - anh nói. Dường như anh là một người xa lạ. - Em không hay đạt được điều mình muốn, dù em có thông minh, làm việc chăm chỉ và tốt bụng. Đây là một chuyện hoang đường. Rốt cuộc tất cả chúng ta đều đi đến chung cuộc là điều tốt nhất có thể thôi. - Anh buột ra một tiếng cười nhạo báng.

Lúc đó, tôi nói toạc ra điều tôi vốn sợ nói:

- Thôi được, vậy thì, em đã chán làm người thế chân tị nạn của Elza lắm rồi.

Simon ngồi phất dậy.

- Elza thì dính gì đến chuyện này? - Anh hỏi.

- Không gì cả, - tôi trở nên ngớ ngẩn và trẻ con, nhưng không thể dừng lại. Vài phút căng thẳng trôi qua, rồi tôi nói. - Sao lúc nào anh cũng bật cái CD của nợ ấy và kể với mọi người cô ấy là bạn gái của anh?

Simon nhìn đăm đăm lên trần. Anh thở dài to, dấu hiệu anh sắp nhân nhượng.

- Có chuyện gì thế?

- Anh biết không, em chỉ muốn chúng ta có một cuộc sống bên nhau tốt hơn, - tôi lắp bắp. Tôi không dám nhìn vào mắt anh. - Em muốn là người quan trọng với anh. Em muốn anh là người quan trọng với em... Em muốn chúng ta cùng chung ước mơ.

- Được, loại ước mơ gì vậy? - Anh nói, ngập ngừng.

- Em không biết, thấy mới thành chuyện! Đây chính là thứ em muốn chúng ta nói đến. Đã lâu lắm rồi từ khi chúng ta mơ ước cùng nhau, chúng ta không còn biết nó có ý nghĩa gì nữa.

Chúng tôi đi đến bế tắc. Tôi giả vờ đọc báo. Simon vào buồng tắm. Lúc trở lại, anh ngồi lên giường và vòng tay ôm lấy tôi. Tôi ghét khóc, nhưng không thể dừng được.

- Em không biết, em không biết, - tôi nức nở. Anh lấy khăn giấy thấm nhẹ mắt tôi, lau mũi cho tôi rồi đặt tôi xuống giường.

- Mọi chuyện sẽ ổn thôi, - anh an ủi. - Ngày mai em sẽ thấy nó ổn mà.

Nhưng sự dịu dàng của anh chỉ làm tôi thất vọng hơn. Anh quần quanh người tôi, và tôi cố nín khóc, giả vờ như đã bình tâm vì tôi không biết làm gì hơn. Rồi Simon làm cái việc anh thường làm mỗi khi chúng tôi không biết làm gì hơn - anh bắt đầu làm tình. Tôi vuốt ve tóc anh, để anh tưởng tôi cũng muốn thế. Nhưng tôi nghĩ, liệu anh có lo điều sắp xảy ra với chúng tôi không? Vì sao anh không lo kia chứ? Chúng tôi sống như bị dọa dẫm. Đây chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Sáng hôm sau, Simon làm tôi sững sốt. Anh mang cà phê đến tận giường cho tôi và tươi tắn tuyên bố:

- Anh đã nghĩ về điều em nói tối qua, về việc mơ ước cùng nhau. Anh có một dự định.

Simon có ý tưởng thảo một danh sách những mong muốn, những việc chúng tôi có thể làm cùng nhau, nó sẽ cho phép chúng tôi xác định cái anh gọi là thông số sáng tạo trong đời chúng tôi. Chúng tôi nói chuyện cởi mở và hăng hái. Chúng tôi nhất trí mơ ước tuy nhiều rủi ro nhưng vui, bao gồm đi du lịch nơi xa lạ, ăn ngon và quan trọng hơn cả là cơ hội sáng tạo nên sự thoải mái về cảm xúc. Chúng tôi không nhắc tới tình cảm lãng mạn.

- Nó sẽ giữ vai trò mơ ước, - anh nói. - Giờ chúng mình phải hình dung thực hiện nó ra sao.

Cuối buổi thảo luận ba giờ liền, chúng tôi dự kiến gửi mail đến nửa tá công ty du lịch và các tạp chí ẩm thực. Chúng tôi sẽ đề nghị viết và chụp ảnh một bài về làng nấu ăn Trung Quốc; nó sẽ kéo theo một cuộc đi chơi và ăn uống như một mô hình cho nghệ thuật ẩm thực trong tương lai và những bài báo về văn hoá dân gian, có khi là cả một cuốn sách, một tua nói chuyện, biết đâu cả hàng loạt chương trình trên truyền hình cáp.

Đây là cuộc trò chuyện thú vị nhất của Simon và tôi trong nhiều năm nay. Tôi cho rằng anh vẫn chưa hiểu hết nỗi sợ và thất vọng của tôi, nhưng anh đã đáp ứng cố gắng hết mức. Tôi muốn có một giấc mơ. Anh lập ra một kế hoạch. Khi tôi nghĩ đến nó, chẳng đủ cho chúng tôi hy vọng sao?

Tôi nhận ra chúng tôi có khoảng một phần tỉ cơ hội thực hiện, dù chỉ mon men gặm nhấm cái dự kiến ấy. Nhưng khi những bức thư của chúng tôi đã gửi đi, tôi cảm thấy phần chần chừ hơn, dường như tôi đã đổi chiều cuộc sống cũ của tôi đến Thiện chí. Dù bất cứ chuyện gì xảy ra sau

đó ắt phải tốt hơn.

Sau cuộc nói chuyện tay đôi của Simon và tôi vài ngày, mẹ tôi gọi điện nhắc tôi tối hôm đó nhớ mang máy ảnh đến nhà Quan. Tôi nhìn lịch. Chết thật, tôi đã quên bằng dự định đến nhà Quan nhân dịp sinh nhật chị. Tôi chạy tuốt lên phòng ngủ trên gác, nơi Simon đang xem tin nổi bật về trận Super Bowl, thân hình gầy và lêu đêu của anh duỗi dài trước tivi. Con Bubba nằm cạnh anh, đang nhá đồ chơi kêu chín chít.

- Một giờ nữa chúng mình phải đến nhà Quan. Hôm nay là sinh nhật chị ấy.

Simon rên lên. Bubba ngồi dựng lên, chân trước khua khua, kêu ăng ăng vì bị xích.

- Không, Bubba, mày phải ở nhà thôi. - Nó sụp xuống sàn, đặt đầu lên chân, nhìn tôi chăm chăm, cái nhìn thiếu não.

- Chúng ta sẽ chỉ ở đây đủ lâu vì xã giao thôi, - tôi gợi ý. - rồi chuồn sớm.

- Ồ, tự tin thế, - Simon nói, mắt vẫn không rời màn hình. - Em thừa biết Quan rồi. Chị ấy chẳng bao giờ cho bọn mình về sớm.

- Nhưng chúng mình phải đi thôi. Đây là lần sinh nhật thứ năm mươi của chị ấy.

Tôi nhìn khắp giá sách xem có quyển nào có thể làm quà sinh nhật. Sách nghệ thuật? Không, tôi quyết định, Quan không đánh giá cao nó, chị ấy không có óc thẩm mỹ. Tôi nhìn vào hộp nữ trang. Cái dây chuyền bằng bạc và ngọc lam này thì sao? Không được, chị dâu tôi tặng tôi, mà chị ấy sẽ có mặt tại bữa tiệc. Tôi xuống phòng làm việc, và tôi phát hiện ra: một cái hộp giả đồi mồi, to hơn hộp đựng danh thiếp một chút, là thứ bổ sung hoàn hảo cho những thứ đồ tạp nham, hào nhoáng của Quan. Tôi mua cái hộp ấy trong lần mua sắm dịp Giáng sinh hai tháng trước đây. Hồi đó, trông nó như một trong những món quà vạn năng, như hộp phấn nhét được vào ví, phòng khi một người nào đó, một khách hàng chẳng hạn, làm tôi ngạc nhiên vì một món quà Giáng sinh. Nhưng năm nay, không ai làm thế.

Tôi vào phòng làm việc của Simon, lục tìm giấy gói và rubăng. Tôi tìm thấy một cái đĩa mềm để không đúng chỗ, tận đáy ngăn kéo bên trái, nhét ở đằng sau. Tôi định cho nó vào hộp lưu trữ của Simon thì chú ý thấy anh ghi tên nhãn: "Tiểu thuyết. Bắt đầu: 20/2/90". Rốt cuộc thì anh đã cố viết một thứ có ý nghĩa với anh. Anh đã làm việc đó một thời gian dài. Tôi cảm thấy bị xúc phạm vì anh không san sẻ chuyện này với tôi.

Lúc đó, lẽ ra tôi nên tôn trọng sự riêng tư của anh và trả lại cái đĩa. Nhưng làm sao không đọc kia chứ? Nó là trái tim, là tâm hồn anh, có ý nghĩa với anh. Tay run run, tôi bật máy tính, cho đĩa vào. Tôi mở file "Chương 1". Những chữ nhảy múa trên màn hình, rồi câu đầu tiên: *Từ hồi lên sáu, Elise đã có thể nghe một bài hát rồi chơi theo trí nhớ, một trí nhớ được thừa hưởng của ông bà đã khuất của cô.*

Tôi đọc lướt trang đầu tiên, rồi trang thứ hai. Tôi tự nhủ đây là thứ văn chương rác rưởi, ngớ ngẩn, mất thì giờ. Tôi đọc hết trang này đến trang khác, tự đầu độc mình. Tôi hình dung cô ta, Elza, được đầu các ngón tay anh ta vuốt ve, đang đắm đắm nhìn anh ta trên màn hình. Tôi có thể thấy cô ta cười mỉa tôi: "Tôi đã trở về. Chính vì thế cô không bao giờ hạnh phúc. Lúc nào tôi cũng ở đây".

Những tờ lịch không còn là thước đo thời gian cho tôi nữa. Sinh nhật của Quan đã trôi qua từ sáu tháng trước, cả một quãng đời trước. Sau khi rời bữa tiệc về nhà, Simon và tôi cãi nhau kịch liệt suốt một tháng. Nỗi đau hình như kéo dài vĩnh viễn, nhưng tình yêu tan rã chỉ trong một giây. Anh ở lì trong phòng làm việc, rồi đến cuối tháng Hai, anh dọn đi, cho đến nay tôi vẫn cảm thấy lâu đến mức tôi không thể nhớ đã làm gì trong vài tuần đầu tiên ở một mình.

Nhưng tôi đang quen dần với sự thay đổi. Không lẽ thói hàng ngày, không theo khuôn mẫu, không thói quen cũ, đây là tiêu chuẩn hiện giờ của tôi. Nó hợp với tôi. Tuần trước, Kevin đã bảo tôi trong bữa tiệc sinh nhật của anh:

- Trông em khá lắm, Olivia, em thực sự tươi tắn.

- Tin mới với em, - tôi nói, giọng bồn chồn. - Em đang dùng mặt nạ mới có kem và axit quả.

Tôi làm mọi người ngạc nhiên vì việc đang làm, không chỉ đương đầu mà còn tạo nên một cuộc sống mới. Quan là người duy nhất nghĩ khác.

Tối qua, chị đã nói trên điện thoại:

- Giọng em nghe mệt mỏi quá! Chị cho là mệt vì sống lẻ loi. Simon cũng thế. Tối nay cả hai đến nhà chị ăn tối như ngày trước nhé, như những người bạn...

- Chị Quan, em không có thời gian đâu.

- Chà, bạn thế kia à! Thôi được, không tối nay vậy. Ngày mai có quá bận không? Ngày mai em đến nhé?

- Nếu Simon ở đấy, em không đến.

- Được, được rồi. Vậy mình em đến tối nay. Chị làm cho em món bánh bao em thích. Cho em mang về để tủ lạnh nữa.

- Không nói về Simon nhé?

- Không nói, chỉ ăn. Chị hứa.

Tôi ăn suốt bánh bao thứ hai. Tôi vẫn lo Quan nhắc nhỡ đến cuộc hôn nhân của tôi. Chị và George sôi nổi chuyện trò về Virginia, em họ người vợ đã khuất của George ở Vancouver, có đứa cháu trai ở Trung Quốc đang muốn di tản sang Canada.

George nhai đầy miệng.

- Bạn gái của nó cũng muốn phôi sang Canada. Cứ bắt thằng bé cưới. Cô em họ tôi phải bắt đầu làm lại mọi thứ giấy tờ. Mọi thứ gần như được chấp nhận thì hãy! trở lại từ đầu. Đợi thêm mười tám tháng nữa.

- Hai trăm đôla làm hồ sơ mới. - Quan với đứa gấp một quả đậu xanh. - Lãng phí bao nhiêu thì giờ, đến cơ quan này, cơ quan kia. Rồi thì sao? Ngạc nhiên chưa - đứa trẻ lòi ra.

George gật đầu.

- Em họ tôi nói: "Này, sao các con không đợi? Giờ chúng ta có thêm một đứa trẻ, lại bắt đầu nộp đơn lần nữa". Đứa cháu trai nói: "Đừng nói với các viên chức chúng con đã có con. Hai đứa chúng con đi trước, học đại học, tìm việc lương cao, mua nhà, ô tô. Sau một, hai năm, chúng con sẽ tìm cách đưa cháu bé sang".

Quan đặt bát cơm xuống.

- Để con lại sao! Sao lại nghĩ thế cơ chứ? - Chị trừng trừng nhìn tôi, cứ như tôi là người nảy ra ý bỏ con lại. - Trường đại học, tiền, nhà, công việc... em nghĩ tìm đâu ra những thứ ấy? Ai trả tiền học, một khoản tiền to tướng?

Tôi lắc đầu. George cắn nhẩn, còn mặt Quan đầy vẻ ghê tởm.

- Đậu không mềm, già quá, không ngon.

- Thế ư? Có chuyện gì thế? - Tôi hỏi. - Họ đưa đứa trẻ đi?

- Không, - Quan đặt đĩa xuống. - Không con cái, không cháu trai, không vợ. Virgie đến San Francisco sớm. Mỹ không có di tản cho cháu trai, dù Virgie không thể bảo lãnh. Giờ mẹ của đứa cháu trai, là chị của Virgie, đổ tại chúng tôi làm mất cơ hội tốt của con trai chị ấy!

Tôi đợi lời giải thích thêm. Quan chọc đĩa vào không khí.

- Chà! Vì sao chị tưởng con trai cô quan trọng đến thế? Em gái chị không cân nhắc bao nhiêu là rắc rối! Con chị hư. Tôi đã ngửi thấy mùi từ đây. *Hwai dan*. Trúng thối.

- Chị bảo chị ấy thế?
- Chưa gặp chị ấy lần nào.
- Thế sao chị ấy lại đổ tại chị?
- Trách trong thư vì Virgie bảo chúng tôi mời chị ấy ở với chúng tôi.
- Chị có mời không?

- Trước kia thì không. Giờ thư nói thế này, chúng tôi mời. Nếu không thì chị ta mất mặt. Tuần sau, chị ta đến.

Dù Quan giải thích không ngừng, tôi vẫn không hiểu động cơ của một gia đình Trung Quốc, mọi thứ rắc rối ngấm ngấm, ai quan hệ với ai, ai chịu trách nhiệm, ai trách, cả cái chuyện tào lao mất mặt kia nữa. Tôi mừng vì cuộc sống của tôi không phức tạp như thế.

Hết buổi tối, Quan đưa cho tôi một băng video. Đây là tiệc sinh nhật Quan, cái ngày Simon và tôi có biến cố lớn dẫn đến chung cuộc của chúng tôi.

Tôi nhớ lại tôi đã phi lên gác, nơi Simon đang mặc quần áo. Tôi mở cửa sổ con, giơ cái đĩa mềm và gào to:

- Này thì tiểu thuyết trời đánh của anh! Này thì quan trọng với anh! - Rồi tôi quăng cái đĩa.

Chúng tôi quát mắng nhau suốt một giờ, sau đó tôi nói bằng giọng bình tĩnh và vô tư những lời còn khùng khiếm hơn mọi câu rửa:

- Tôi muốn ly dị.

Simon làm tôi sửng sốt vì chỉ nói:

- Được. - Rồi anh dậm mạnh chân xuống cầu thang, đóng sầm cửa và đi mất. Năm phút sau, chuông điện thoại reo. Tôi làm ra vẻ hững hờ hết mức. Không tổn thương, không giận dữ, không tha thứ. Cứ để anh ta van nài. Đến hồi chuông thứ năm, tôi nhắc máy.

- Libby-ah? - Đó là Quan, giọng chị bẽn lễn như một cô gái. - Mẹ có gọi cho em không? Em đến chứ? Mọi người ở đây rồi. Nhiều thức ăn...

Tôi lẩm bẩm vài lý do.

- Simon ốm? Chỉ bây giờ?... Ôi, ngộ độc thức ăn. Thôi được, em chăm sóc cậu ta tử tế nhé. Không, không. Cậu ấy quan trọng hơn sinh nhật. - Sau khi chị nói thế, tôi khẳng định Simon không còn quan trọng hơn bất cứ thứ gì trong đời tôi, kể cả Quan. Tôi đến bữa tiệc một mình.

- Băng video rất nhộn, - Quan nói lúc nhìn tôi đi ra cửa. - Có lẽ không còn thời gian xem. Cứ mang về.

Buổi tối kết thúc như thế, không người nào nhắc đến Simon.

Về đến nhà, tôi rất lẻ loi. Tôi thử xem tivi. Tôi thử đọc. Tôi xem đồng hồ. Quá muộn, không gọi được cho ai. Lần đầu tiên trong sáu tháng trời, cuộc sống của tôi dường như rỗng tuếch và vô cùng cô đơn. Tôi nhìn băng video của Quan trên mặt bàn phấn. Sao lại không nhỉ? Đừng nghĩ đến bữa tiệc nữa.

Tôi luôn cho các băng video gia đình là tẻ nhạt, vì chúng chẳng bao giờ được biên tập. Bạn thấy những khoảnh khắc trong đời bạn không bao giờ nên xem lại. Bạn thấy quá khứ đang diễn ra như hiện tại, còn bạn thừa biết điều sắp đến.

Băng này mở đầu bằng những ngọn đèn ngày lễ nhấp nháy, rồi chúng tôi ở ngưỡng cửa ngôi nhà kiểu Địa Trung Hải của Quan và George trên phố Balboa. Chúng tôi bước vào, máy rung nên không rõ nét. Dù đã cuối tháng Giêng, Quan vẫn giữ nguyên những đồ trang trí ngày Tết cho đến sau sinh nhật chị. Băng video bắt hình mọi thứ: những vòng hoa nhựa treo trên các khung nhôm của cửa sổ, các tấm thảm chùi chân màu xanh da trời và xanh lá, những ô cửa giả

thớ gỗ, đồ đạc trong nhà hỗn độn, mua ở các trung tâm giảm giá của cửa hàng.

Phía sau mái tóc uốn của Quan to lù lù thành một cái khung. Chị réo gọi bằng giọng oang oang của chị:

- Mẹ! Ông Shirazi! Xin chào, xin chào, mời vào trong.

Mẹ tôi và bạn trai của bà thoáng hiện ra trong tầm nhìn. Bà mặc áo in da báo, quần bó, áo khoắc nhung đen viền vàng. Tròng kính của bà có sắc tím. Từ khi căng da mặt, mẹ tôi ngày càng ăn mặc thái quá. Bà gặp Sharam Shirazi trong lớp khiêu vũ sala tân tiến. Bà kể với tôi rằng bà ưa ông ta hơn anh chàng nịnh đầm gần đây nhất của bà, một người Samoan, vì ông ta biết cách cầm tay một phụ nữ “không như cái dùi trống”. Cũng theo đánh giá của mẹ tôi, ông Shirazi này rất tình tứ. Có lần bà thì thầm với tôi:

- Ông ta làm những việc ngay các thanh niên cũng không làm được.

Tôi không hỏi ý bà định nói gì.

Quan ngoảnh nhìn chăm chú vào máy để biết chắc George đã ghi chính xác cảnh mẹ tôi đến. Rồi nhiều người nữa. Máy chuyển hướng đến chỗ họ: hai người con chồng Quan, các anh em trai tôi, vợ họ, bốn đứa con của họ dồn đông lại. Quan chào mừng tất cả, gọi tên từng đứa trẻ:

- Melissa! Patty! Eric! Jena! - Chị ra hiệu cho George quay cảnh bọn trẻ túm lại với nhau.

Cuối cùng là cảnh tôi đến.

- Sao muộn thế! - Quan vui vẻ trách. Chị nắm lấy cánh tay tôi và dẫn tôi tới trước máy để mặt chúng tôi kín màn hình. Trông tôi mệt mỏi, bối rối, mắt đỏ hoe. Rõ ràng là tôi muốn bỏ chạy.

- Đây là Libby-ah, em gái tôi, - Quan nói với cái máy. - Đứa em ưa thích nhất của tôi. Ai nhiều tuổi hơn nào? Các vị đoán xem. Ai nào?

Trong mấy cảnh sau, Quan hành động như uống thuốc kích thích, chẳng đâu vào đâu. Chị đứng kia, cạnh cây Giáng sinh giả. Chị chỉ vào các đồ trang trí, cử chỉ giống như một phát thanh viên duyên dáng của chương trình truyền hình. Chị cầm các món quà tặng. Chị phóng đại sức nặng của chúng, rồi lắc lắc, nghiêng, ngửi từng thứ trước khi đọc tên của người nhận quà may mắn. Miệng chị tròn xoe, vờ sùng sốt:

- Cho tôi ư? - Rồi chị cười lỗ mãng, giơ cả mười ngón tay, nắm lại, xòe ra như hiệu lệnh từng đợt. - Năm mươi năm! - Chị kêu to. - Các vị có tin được không? Không à? Thế bốn mươi nhé? - Chị đến gần máy quay hơn và gật đầu. - Okay, okay, bốn mươi.

Máy bật từ cảnh này sang cảnh khác khoảng một phần mười giây. Đây là họ: Mẹ tôi đang ngồi trên lòng ông Shirazi, một người nào đó hét lên đòi họ hôn nhau và họ vui vẻ làm theo. Tiếp đó là các anh em trai tôi trong phòng ngủ, đang xem ESPN³, họ vẫy máy quay bằng các hộp bia lách cách. Các chị em dâu của tôi, Tabby và Barbara đang giúp Quan trong bếp; Quan giơ một miếng thịt lợn hình đồng xu lên và reo: “Ném đi! Lại gần hơn nào, ném đi!”. Trong một phòng ngủ khác, bọn trẻ con túm tụm chơi game trên máy tính; chúng reo hò mỗi lần một con ác quỷ bị giết chết. Rồi cảnh cả gia đình và tôi đứng xếp hàng lấy đồ ăn, tìm đường đến cái bàn ăn nói rộng, một đầu kê thêm bàn xoa mặt chườm, đầu kia là bàn đánh bài.

Tôi ngẩng tôi cận cảnh: Tôi vẫy, nâng cốc chúc mừng Quan, rồi trở lại đĩa của mình, dùng dĩa nhựa xiên, mọi cung cách thông thường của một bữa tiệc. Nhưng máy quay là một mục tiêu nhắm tâm. Ai cũng có thể nhìn thấy vẻ mặt tôi nhợt nhạt, lời lẽ rời rạc. Trông tôi suy nhược biết chừng nào, hoàn toàn chịu đựng những hành động phải làm. Chị dâu Tabby của tôi nói chuyện với tôi, nhưng tôi dờ dẫm nhìn đăm đăm vào đĩa. Chiếc bánh gatô mang đến, mọi người hòa giọng hát bài Mừng Sinh nhật. Máy quay lia ngang căn phòng và tìm ra tôi ngồi trên sofa, đang nghịch một thứ đồ chơi đặt trên mặt bàn gồm nhiều quả bóng thép phát ra tiếng *cách-cách* liên tục, nghe thật khó chịu. Trông tôi như người dờ sống dờ chết.

Quan mở quà. Các bạn đồng nghiệp của chị ở hiệu dược phẩm tặng chị hộp âm nhạc nhái

những đứa trẻ trượt băng.

- Ô, xinh quá, xinh quá, - chị ngân nga và đặt xuống cạnh những pho tượng nhỏ khác. Mẹ tôi tặng chị máy pha cà phê.

- Chà, mẹ ơi! Sao mẹ biết máy pha cà phê của con bị hỏng?

Teddy, con riêng của chồng chị tặng chị chiếc áo lụa đỏ, màu chị rất ưa.

- Đẹp quá để mặc, - Quan vui sướng rên lên. Timmy, người con riêng khác tặng chị giá cắm nến mạ bạc; chị cắm luôn nến và đặt lên chiếc bàn cậu ta đã giúp chị làm xong hồi năm ngoái.

- Hệt như Đệ nhất Phu nhân ở Nhà Trắng! - Chị hả hê.

Cháu gái Patty của chúng tôi tặng chị pho tượng con kỳ lân đang ngủ bằng đất nặn; Quan cẩn thận đặt lên nóc lò sưởi và hứa:

- Bác sẽ không bao giờ bán nó, ngay cả khi Patty trở thành nghệ sĩ nổi tiếng và cái này đáng giá một triệu đôla.

Chồng chị tặng chị chiếc áo choàng tắm in hình hoa cúc. Chị nhìn nhãn in tên nhà thiết kế.

- Ái chà chà. Giorgio Laurentis. Quá đắt. Sao anh tốn kém thế? - Chị lắc lắc ngón tay dọa chồng, anh mỉm cười, tự hào một cách bền lên. Chị sốt sắng dỡ bỏ lớp vải bọc, một nỗi hấp quần áo, một giỏ đi chợ có chữ lồng. Cuối cùng, tôi thấy chị chọn quà của tôi. Tôi bấm nút Stop, rồi bấm Play.

- ...Bao giờ cái cuối cùng cũng là hay nhất, - chị tuyên bố. - Chắc phải rất-rất đặc biệt vì Libby-ah là em gái ưa thích của tôi. - chị tháo rubăng, để nó sang một bên cho an toàn. Tờ giấy bọc tuột xuống. Chị bĩu môi, nhìn cái hộp đòi mỗi trùng trùng. Chị từ từ xoay từ nắp đến đáy, rồi mở nắp nhìn vào trong. Chị áp tay lên má rồi nói:

- Đẹp, và cũng có ích nữa. - Chị giơ cái hộp lên để quay video. - Đĩa đựng xà phòng khi đi xa!

Có thể nghe thấy giọng nói căng thẳng của tôi ở đằng sau:

- Thực ra, nó không dùng đựng xà phòng, mà đựng đồ trang sức.

Quan nhìn cái hộp lần nữa.

- Không đựng xà phòng? Đựng đồ trang sức? Ôiiii! - Chị giơ cái hộp lên lần nữa, tỏ vẻ tôn trọng hơn. Chị bỗng tươi nét mặt.

- George, anh nghe thấy chưa? Cô em Libby-ah của em bảo em xứng đáng được những món nữ trang đẹp. Mua cho em kim cương, một viên thật to đặt vào cái đĩa đựng xà phòng này này!

George cắn nhai và máy quay rung dữ dội lúc anh hét to:

- Hai chị em, đứng cạnh lò sưởi. - Tôi phản đối, giải thích rằng tôi phải về nhà, tôi có việc phải làm. Nhưng Quan kéo tôi khỏi sofa, chị cười và gọi tôi:

- Đi nào, đi nào, cô bé lười. Chẳng bao giờ quá bận vì chị.

Máy quay kêu vo vo. Mặt Quan cứng lại vì cười, như thể chị đợi ánh đèn chớp tắt. Chị xiết tôi thật chặt, kéo tôi sát gần chị hơn, rồi thì thầm, giọng đầy ngạc nhiên:

- Libby-ah, em gái của chị, đặc biệt thế, tốt thế với chị.

Tôi suýt khóc, cả trong video lẫn lúc này, tình cờ ngấm cuộc sống của tôi lần nữa. Vì tôi không thể phủ nhận nó chẳng còn dài. Bất cứ phút giây nào, tim tôi cũng mấp mé vỡ.

PHẦN III

10. BẾP CỦA QUAN

Quan bảo tôi đến lúc sáu rưỡi, đây là giờ chị hay dặn, nhưng thường thì gần tám giờ chúng tôi mới bắt đầu ăn. Vì thế tôi hỏi liệu sáu rưỡi bữa tối đã *thực sự* sẵn sàng chưa, nếu không tôi sẽ đến muộn hơn vì tôi *thực sự* bận. Chị bảo nhất định là sáu rưỡi.

Sáu rưỡi, George trả lời cửa, mắt lơ đãng. Anh không đeo kính, mảng tóc mỏng dính của anh trông như quảng cáo sản phẩm chống bám. Anh vừa được đề bạt quản lý cửa hàng Food-4-Less ở East Bay. Khi anh mới làm việc ở đó, Quan không chú ý đến số 4 trong tên cửa hàng, dù được nhắc nhiều lần, chị vẫn gọi nó là Foodless.

Tôi thấy chị trong bếp, đang cắt chân nấm màu đen. Gạo chưa vo, tôm chưa làm. Bữa tối phải hai giờ nữa mới xong. Tôi ném thích cái xắc lên bàn, nhưng Quan hoàn toàn mù tịt về sự cẩu kính của tôi. Chị vỗ vào một cái ghế:

- Ngồi xuống đây, Libby-ah, chị có chuyện phải kể với em. - Chị xắt nấm độ nửa phút rồi mới nói đến câu chuyện quan trọng của chị. - Chị đang nói chuyện với một người âm. - Lúc này chị nói bằng tiếng Trung.

Tôi thở dài thật sâu, để chị biết tôi không còn lòng dạ nào nghe chuyện của chị.

- Lão Lục, em cũng biết lão, nhưng chưa biết trong quăng đời này. Lão Lục nói em phải ở với Simon. Đây là duyên phận của em, số phận đã đưa những người tình đến với nhau.

- Sao đây là số phận của em? - Tôi bực dọc hỏi.

- Vì trong quăng đời chung sống cuối cùng của em, em đã yêu người nữa trước Simon. Sau này, Simon tin em bằng cả cuộc đời rằng em cũng yêu cậu ta.

Tôi suýt ngã khỏi ghế. Tôi chưa bao giờ nói với Quan hoặc với bất cứ ai lý do thực làm chúng tôi sắp ly hôn. Tôi chỉ nói đơn giản là chúng tôi sống ly thân. Bây giờ, ở đây, Quan nói tới chuyện này cứ như toàn thể vũ trụ - cả người chết lẫn người sống - đều biết.

- Libby-ah, em phải tin, - chị nói bằng tiếng Anh. - Đây là người bạn âm, ông ta bảo Simon đang kể thật với em. Em cứ tưởng cậu ta yêu em ít hơn, yêu cô ta nhiều hơn - không đâu! Sao em cứ nghĩ thế, luôn luôn so đo tình yêu? Tình yêu không phải tiền nong...

Tôi giận điên lên khi nghe chị bảo vệ Simon:

- Thôi đi, Quan! Chị có nhận ra chị vớ vẩn khủng khiếp không? Nếu có ai nghe thấy chị nói thế này, họ sẽ tưởng chị điên! Nếu có ma thật, sao em chưa bao giờ nhìn thấy họ? Hãy bảo em đi, nào.

Lúc này chị đang xẻ lưng tôm, rút sợi ruột màu đen, bóc vỏ tôm.

- Có lúc em đã nhìn thấy, - chị bình tĩnh nói. - Hồi em còn bé.

- Em giả vờ đấy. Ma chỉ do trí tưởng tượng, chứ không phải từ Cõi Âm.

- Đừng gọi là "ma". Gọi thế giống như một từ phân biệt chủng tộc. Chỉ những người âm xấu mới gọi là ma.

- À vâng. Em quên. Ngay cả người chết cũng phải chỉnh đốn về mặt chính trị. Vậy những người âm ấy trông như thế nào? Hãy bảo em. Tối nay có bao nhiêu người ở đây? Ai đang ngồi trên cái ghế này? Mao Trạch Đông? Chu Ân Lai? Hay Nữ hoàng Nhiếp chính?

- Không, không, họ không ở đây.

- Vậy hãy bảo họ ghé qua đi! Bảo họ em muốn gặp. Em muốn hỏi họ có bằng cấp tư vấn hôn

nhân không?

Quan trái báo lên sàn để hứng mỡ từ lò nướng. Chị thả tôm vào chảo nóng và ngay lập tức tiếng dầu sôi xèo xèo tràn ngập căn bếp.

- Người âm muốn đến thì đến, - chị nói át tiếng ồn, - họ không bao giờ nói rõ, vì họ đối với chị như gia đình thân thiết, cứ đến chẳng cần mời. “Ngạc nhiên chưa, chúng tôi ở đây”. Nhưng phần lớn, họ đến vào bữa tối, khi một, hai món ăn nấu không ngon. Họ nói: “Chà! Đây là món cá vược, cứng quá, không bong, có lẽ nấu quá một phút. Còn món củ cải muối này không đủ cứng và giòn, phải nghe thấy tiếng lạo xạo như đi trong tuyết, mới biết là ăn được. Còn món sốt này, sì! quá ngọt, chỉ người nước ngoài thích thôi”.

Ba hoa, ba hoa, ba hoa! Thật lố lăng làm sao! Chị miêu tả chính xác chị, George và gia đình bên anh làm gì, lúc nào, loại chuyện tôi chán phè. Nó làm tôi vừa muốn cười phá vừa muốn hét lên khi nghe chị miêu tả những niềm vui của thế giới bên kia như một người nhận xét nhà hàng nghiệp dư.

Quan đổ những con tôm lấp lánh vào một cái bát.

- Hầu hết người âm rất bận, họ làm việc chăm lắm. Họ muốn thư giãn, họ đến với chị, chuyện gẫu cũng vì họ nói chị nấu ăn rất ngon. - Nom chị thiến cận và tự mãn.

Tôi thử làm Quan mắc kẹt vì cái lập luận đầy khiếm khuyết của chị:

- Nếu chị nấu ăn ngon như thế, sao họ lại hay đến phê phán kiểu nấu của chị?

Quan cau mày và bĩu môi, như thể tôi ngu mới hỏi một câu như vậy!

- Không phải là phê phán, mà chỉ là nói chuyện cời mở, thẳng thắn như bạn thân thôi. Họ không ăn thực. Ăn làm sao được? Họ chết rồi! Chỉ ăn giả vờ thôi. Với lại, phần lớn là họ khen chị, họ bảo chưa bao giờ may mắn được ăn những món ngon như thế. Ái dà, nếu được ăn món bánh đa chấm hành lá của chị, thì có chết cũng vui. Nhưng quá muộn rồi, họ đã chết.

- Có lẽ họ nên cố mang về, - tôi cầu nhàu.

Quan ngừng một lát.

- A ha ha, vui thật! Em lại đùa rồi! - Chị huých tôi. - Hư lắm nhé. Đẳng nào thì người âm thích đến thăm chị, trò chuyện về cuộc đời đã qua như một bữa tiệc linh đình, nhiều, nhiều món ngon. “Ồ, - họ nói. - giờ tôi nhớ ra. Món này tôi thích, món này chưa đủ thích. Món này tôi ngốn quá nhanh. Sao tôi chưa nếm món kia nhỉ? Sao tôi lại để phần này trong đời tôi trôi qua hoàn toàn lãng phí?”

Quan ném tot một con tôm vào miệng, đẩy nó từ má bên này sang má bên kia cho đến khi gõ hết lớp vỏ mà không đụng đến tí tẹo nào da thịt chị. Tôi luôn ngạc nhiên vì chị có thể làm được thế. Với tôi, nó như một trò xiếc nguy hiểm. Chị chép môi hài lòng.

- Libby-ah, - chị nói và giơ cái đĩa nhỏ có những mảnh vụn màu vàng. - Em thích món sò khô không? - Tôi gật. - Cô em họ Virgie của anh Georgie gửi cho chị từ Vancouver. Sáu chục đôla nửa ký. Một số người cho rằng quá đắt nếu ăn hàng ngày. Có lẽ sau này hãy tiết kiệm thì hơn. - Chị thả những con sò vào chảo có cần tây xắt khúc. - Với chị, thời gian tốt nhất là hiện tại. Đợi thì mọi sự sẽ thay đổi. Người âm biết điều này. Họ hay hỏi: “Quan, quãng đời tốt đẹp nhất của tôi đi đâu? Tại sao phần tốt nhất hay lách khỏi các ngón tay nhanh như một con cá nhỏ?” ... Libby-ah, nếm đi. Rồi bảo chị, mặn quá hay còn nhạt?

- Ngon lắm.

Chị nói tiếp:

- “Quan, - họ bảo chị, - cô vẫn còn sống. Cô có thể nhớ được. Cô có thể nhớ tốt. Hãy dạy chúng tôi làm thế nào nhớ tốt để lần sau chúng tôi nhớ ra những thứ tưởng đã quên”.

- Nhớ ra cái gì? - Tôi hỏi.

- Tất nhiên là vì sao họ muốn trở lại.
- Và chị giúp họ nhớ.
- Chị đã giúp nhiều người âm kiểu này, - chị khoe.
- Giống như Dear Abby¹.

Chị dẫn đo:

- Ờ, phải, giống Dear Abby. - Rõ ràng là chị hài lòng vì sự so sánh này. - Nhiều nhiều người âm ở Trung Quốc. Mỹ cũng nhiều. - Rồi chị bắt đầu đếm trên đầu ngón tay. - Đây là viên sĩ quan cảnh sát trẻ, đến nhà chị khi chị bị mất cắp ô tô, quãng đời cuối anh ta đi truyền giáo ở Trung Quốc, hay nói "Amen, Amen". Là cô gái xinh đẹp làm việc ở nhà băng giờ trông nom tiền nong cho chị chu đáo, còn cô nữa - cô gái kẻ cướp, một thời gian dài ngày trước cướp của những kẻ tham lam. Là Sarge, Hoover, Kirby, giờ là Bubba, con cún con, tất cả đều trung thành. Quãng đời cuối cùng họ là một người như nhau. Em đoán là ai.

Tôi nhún vai. Tôi ghét trò chơi này, cái kiểu chị hay lôi kéo tôi vào những ảo giác của chị.

- Em đoán xem.
- Em không biết.
- Đoán đi.

Tôi giơ hai tay.

- Cô Banner.
- Ha ha! Sai rồi!
- Thôi được. Bảo em đi, ai vậy?
- Tướng Cape!

Tôi vỗ trán.

- Tất nhiên, - tôi phải công nhận toàn bộ ý tưởng về con chó của tôi thành Tướng Cape khá ngộ nghĩnh.

- Giờ thì em hiểu lý do tên ban đầu của con cún là Captain, - Quan nói thêm.
- Em đặt tên ấy cho nó.

Chị lắc lắc ngón tay.

- Hạ nó xuống cấp thấp hơn. Em khôn thật, dạy cho nó một bài học.
- Dạy nó! Phù. Con cún ấy ngu lắm. Nó không ngồi, không đi, chỉ biết xin ăn. Rồi chạy mất.

Quan lắc đầu.

- Không chạy mất. Mà chạy đề lên.
- Cái gì?

- Hừm ừm. Chị nhìn thấy, nhưng không muốn nói với em, vì em còn bé. Thế là chị nói "Ôi Libby-ah, con cún chạy mất rồi". Chị không nói dối. Nó chạy ra đường rồi bị đề lên. Tiếng Anh của chị không khá. Chạy mất, chạy đề lên, chị thấy giống nhau...- lúc Quan nói về cái chết muộn màng của con Captain, tôi thấy nhói lên nỗi buồn trẻ thơ, muốn sự vật quay trở lại, tin rằng tôi có thể thay đổi thực tế là tôi chẳng tử tế mấy với Captain, giá như tôi có thể nhìn thấy nó lần nữa.

- Tướng Cape, quãng đời cuối không trung thành, vì thế phải trở lại kiếp chó nhiều lần. Hẳn đã tự chọn thế. Lựa chọn khôn ngoan. Quãng đời cuối hẳn tồi tệ thế, tệ quá! Chị biết vì người

đàn ông-một nửa của hắn kể với chị. Chị cũng nhìn thấy... Này, Libby-ah, *huang do-zi*, em thấy mâm giá đỡ này có vàng không? Hôm nay chị mới mua. Ngắt cái đuôi đi. Em thấy chỗ nào thối thì bỏ đi...

Tướng Cape, hắn cũng là đồ thối rửa. Hắn đã vứt bỏ những người khác. Nunumu ơi, tôi tự nhủ, mi giả vờ như Tướng Cape không ở đây. Mi đã phải giả vờ suốt một thời gian dài. Suốt hai tháng, Tướng Cape sống trong nhà của Ma Thương nhân. Suốt hai tháng, đêm đêm cô Banner mở cửa cho hắn vào. Trong hai tháng ấy, cô không thèm nói chuyện với tôi, như tôi không phải là người bạn trung thành của cô. Cô đối xử với tôi như với kẻ hầu. Cô chỉ vào những vết trên ngực bộ áo trắng của cô và tuyên bố tôi giặt không sạch, những vết mà tôi biết là vết ngón tay bẩn thỉu của Tướng Cape. Những ngày Chủ nhật, cô thuyết giảng đúng những lời mục sư Amen nói, không thêm thắt những câu chuyện hay. Hồi đó có nhiều thay đổi lớn.

Trong bữa ăn, các nhà truyền giáo, cô Banner và Tướng Cape ngồi ở bàn dành cho người nước ngoài. Tướng Cape an tọa đúng chỗ mục sư Amen hay ngồi. Hắn ta nói, giọng oang oang như sữa. Những người khác chỉ gật gù và lắng nghe. Nếu hắn đưa thìa súp lên môi, họ cũng đưa thìa lên. Nếu hắn đặt thìa xuống khoe khoang điều gì đó, họ đặt thìa xuống nghe thêm một lời huênh hoang.

Lão Lục, những người hầu khác và tôi ngồi ở bàn dành cho người Trung Hoa. Người đàn ông phiên dịch cho Cape bảo chúng tôi tên anh ta là Dị Ban Johnson, Johnson một nửa. Dù anh ta lai nửa này nửa kia, những người nước ngoài vẫn coi phần Trung Hoa của anh ta lớn hơn phần Johnson. Chính vì thế anh ta phải ngồi cùng bàn với chúng tôi. Ban đầu, tôi không ưa anh chàng Dị Ban Johnson này, những lời anh ta nói, nào Tướng Cape quan trọng ra sao, ông ta là anh hùng với cả Mỹ và Trung Hoa. Nhưng tôi nhận ra: những lời anh ta nói chính do tướng Cape nhồi vào miệng anh ta. Khi ngồi ở bàn chúng tôi, anh ta dùng lời của mình. Anh ta chuyện trò cởi mở với chúng tôi như người bình thường với người bình thường. Anh ta lịch sự thành thật, không giả vờ. Anh ta đùa và cười. Anh ta khen đồ ăn, không lấy hơn suýt của mình.

Có lúc tôi nghĩ anh ta Trung Hoa nhiều hơn Johnson. Có lúc tôi không nghĩ anh ta trông xa lạ. Anh ta kể, cha anh ta là người Mỹ, là bạn Tướng Cape từ khi hai người còn bé. Họ cùng vào học một trường quân sự. Họ cùng bị tống đi. Johnson đến Trung Hoa cùng một công ty Mỹ buôn bán vải vóc, lụa Nam Kinh. Ở Thượng Hải, ông ta mua con gái một người hầu nghèo làm tình nhân. Khi cô ta sắp có con, Johnson bảo: "Tôi sắp trở về Mỹ, rất tiếc tôi không đưa em đi cùng tôi". Cô ta chấp nhận số phận. Giờ cô là người tình thừa của một người nước ngoài quý quyết. Sáng hôm sau, khi Johnson thức giấc, thử đoán xem ông ta nhìn thấy ai treo cổ lên cây bên ngoài cửa sổ phòng ngủ?

Những người hầu khác cắt dây đỡ cô ta xuống, quấn một mảnh vải quanh vết thương đỏ bầm ở cổ, nơi sợi dây xoắn vặn sự sống khỏi cơ thể cô. Vì cô ta tự tử nên họ không tổ chức tang lễ. Họ đặt cô vào một quan tài gỗ đơn sơ và dây nắp lại. Đêm hôm đó, Johnson nghe thấy tiếng khóc. Ông ta dậy và vào phòng để quan tài. Tiếng khóc ngày càng to. Ông ta mở nắp và thấy một đứa bé trai nằm giữa hai chân cô tình nhân đã chết. Quanh cổ đứa trẻ, ngay dưới cái cằm bé xíu là một vết đỏ dày như một ngón tay, hình bán nguyệt của sợi dây đã giết chết người mẹ.

Johnson đưa đứa trẻ mang nửa dòng máu của ông ta về Mỹ. Ông ta dẫn đứa trẻ vào một gánh xiếc, kể cho họ nghe chuyện treo cổ, chỉ cho họ vết sẹo của sợi dây bí ẩn. Khi đứa bé lên năm, cổ nó to hơn, vết sẹo trông nhỏ hơn, chẳng ai muốn xem nếu nó không còn bí ẩn hơn. Vì thế Johnson trở lại Trung Hoa với số tiền của gánh xiếc và đứa con lai. Lần này, Johnson buôn bán thuốc phiện. Ông ta đi từ hải cảng mở này đến hải cảng mở khác. Ở mỗi thành phố, ông ta có một cơ ngơi, rồi đánh bạc hết nhẵn từng cái một. Ở thành phố nào ông ta cũng có một tình nhân, rồi lại bỏ họ. Chỉ có cậu bé Dị Ban khóc vì mất nhiều mẹ. Chính họ, những người mẹ-tình nhân ấy đã dạy cậu nhiều thổ ngữ Trung Hoa: tiếng Quảng Đông, Thượng Hải, Khách Gia, Phúc Kiến, Quan thoại. Cậu học tiếng Anh từ Johnson.

Một hôm, Johnson đụng phải người bạn cùng trường Cape giờ làm việc cho bất cứ loại quân đội nào - của Anh, Mãn Châu, Khách Gia, chẳng thành vấn đề - miễn là họ trả tiền. Johnson bảo

Cape:

- Này, tôi đang mắc một khoản nợ lớn, gặp nhiều rắc rối, anh có thể cho người bạn cũ này vay ít tiền không? - Muốn chứng minh là sẽ trả nợ, Johnson nói, - Cho con tôi theo. Nó mười lăm tuổi và biết nói nhiều thứ tiếng. Nó có thể giúp việc cho anh với bất cứ đội quân nào anh chọn.

Từ ngày hôm đó, rồi suốt mười lăm năm sau, anh chàng Dị Ban Johnson thuộc Tướng Cape. Anh ta là cái giá của người cha không bao giờ trả được nợ.

Tôi hỏi Dị Ban: Hiện giờ Tướng Cape chiến đấu chống ai - người Anh, người Mãn Châu hay dân Khách Gia? Dị Ban bảo Cape chống cả ba, làm tiền của cả ba, và có nhiều kẻ thù của cả ba. Nay ông ta trốn tránh cả ba. Tôi hỏi Dị Ban có phải tướng Cape lấy con gái ông chủ nhà băng vì vàng thật không. Dị Ban nói Cape cưới con gái chủ nhà băng không chỉ vì vàng, mà vì những cô vợ bé của ông ta. Giờ ông chủ nhà băng cũng đang lùng sục Cape. Anh ta kể Cape nghiện mỏ hạt giống bằng vàng, có thể thu hoạch trong một vụ, giấu nhem rồi bỏ đi.

Tôi sung sướng vì tôi hiểu đúng về tướng Cape, còn cô Banner sai. Nhưng ngay sau đó, tôi phát ốm vì buồn. Tôi là người bạn trung thành của cô. Sao tôi có thể vui mừng, nhìn tên đàn ông kinh khủng kia tàn phá trái tim cô?

Lúc đó Lão Lục nói toạc ra:

- Dị Ban, sao anh có thể làm việc cho một người như vậy? Không trung thành với cả tổ quốc lẫn gia đình!

Dị Ban nói:

- Hãy nhìn tôi đây. Tôi ra đời từ một người mẹ đã chết, vì thế chẳng ai sinh ra tôi. Tôi mang dòng máu Trung Hoa và nước ngoài, nó làm tôi chẳng giống ai. Tôi thuộc về bất cứ ai, vì thế tôi chẳng thuộc về ai. Tôi có một người cha mà với ông ta, tôi chẳng bằng một nửa đứa con trai của ông ta. Giờ tôi có một ông chủ coi tôi là một khoản nợ. Hãy bảo tôi xem, tôi thuộc về ai? Đất nước nào? Dân tộc nào? Gia đình nào?

Chúng tôi nhìn vào mặt anh ta. Suốt đời tôi, tôi chưa bao giờ thấy một người thông minh đến thế, buồn đến thế, xứng đáng được sở hữu đến thế. Chúng tôi không trả lời anh ta.

Đêm hôm ấy, tôi nằm trên chiếu, nghĩ đến những câu hỏi này. Đất nước nào? Dân tộc nào? Gia đình nào? Với hai câu hỏi đầu, tôi biết câu trả lời ngay. Tôi thuộc về Trung Hoa. Tôi là người Khách Gia. Nhưng với câu hỏi cuối cùng, tôi cũng như Dị Ban. Tôi chẳng thuộc về ai, chỉ thuộc về bản thân.

Hãy nhìn chị đây, Libby-ah. Hiện giờ chị thuộc về nhiều người. Chị có gia đình, chị có em... Chà! Lão Lục bảo đừng nói chuyện nữa! Ăn đi, ăn trước khi các món nguội ngắt.

11. ĐỔI TÊN

Hóa ra, Quan nói đúng về các tiếng động trong nhà. Có ai đó trong các bức tường, dưới sàn, đầy giận dữ và nhiễm điện.

Tôi phát hiện ra sau khi Paul Dawson, người hàng xóm tầng dưới chúng tôi bị bắt vì đang gọi cho hàng ngàn phụ nữ ở Vùng Vịnh bằng điện thoại quay tay. Phản ứng vô ý thức của tôi là thông cảm, hơn nữa người đàn ông nghèo khổ này bị mù, ông ta lẻ loi, không bè bạn. Nhưng sau đó tôi biết bản chất của cuộc gọi: Ông ta khẳng định mình là hội viên của một tổ chức tôn giáo bắt cóc những người phụ nữ “đáng bị khiển trách về đạo đức” và biến họ thành “những con búp bê của làng đêm hiến tế”, dành cho các hội viên nam giới trong lễ kết đôi, sau đó để cho đàn ong thợ, kiến thợ cái moi ruột sống. Với những người cười lời đe dọa trên điện thoại của ông ta, ông ta nói: “Anh có muốn nghe giọng một cụ tướng đây là trò đùa không?” - Rồi ông ta bật máy ghi âm tiếng người phụ nữ hét lên tên giết người tàn bạo.

Khi cảnh sát lục soát căn hộ của Dawson, họ tìm thấy một thiết bị điện tử kỳ cục: nhiều máy ghi âm mắc vào điện thoại, máy gọi lại, máy biến giọng, các băng hiệu ứng âm thanh và nhiều thứ nữa. Hiển nhiên là ông ta cảm thấy những người chủ trước của căn hộ chúng tôi quá ồn ào, thiếu quan tâm đến những lúc ngồi Thiền, trầm tư mặc tưởng của ông ta. Khi họ tạm thời dọn ra ngoài, trong giai đoạn sửa nhà, ông ta bèn khoan nhiều lỗ trên trần và lắp đặt các loa phóng thanh, nhiều thiết bị nghe trộm dưới sàn tầng trên, ông ta có thể giám sát mọi hành vi của những người hàng xóm tầng ba và làm họ hoảng sợ vì các hiệu ứng âm thanh.

Sự thông cảm của tôi lập tức biến thành giận dữ. Tôi muốn Dawson mục nát trong tù. Lần này, tôi đã suýt phát điên vì nghĩ đến các hồn ma, một hồn ma cụ thể, đầu tôi là người cuối cùng thừa nhận.

Nhưng tôi nhẹ người khi biết nguyên nhân gây tiếng ồn. Cảnh sống lẻ loi mài sắc trí tưởng tượng của tôi đến mức nguy hiểm. Simon và tôi chỉ gặp nhau vì những lý do công việc. Ngay khi độc lập về tài chính, chúng tôi sẽ tự tách các thân chủ của chúng tôi. Trên thực tế, anh sẽ cung cấp bản sao quảng cáo cho một bác sĩ chuyên khoa da liễu.

Nhưng lúc này Quan ghé vào, không được mời, giữa khi tôi đàm thoại với chủ nhà in. Tôi để chị vào, rồi trở lại phòng làm việc. Chị mang đến ít bánh mán thầu làm lấy, chị đã để trong tủ lạnh, chị ồn ào bình luận tủ lạnh và chạn của tôi quá ít đồ dự trữ.

- Tại sao có mù tạt, dưa chua mà không bánh mì, không thịt? Em sống kiểu này sao được? Một chai bia kìa! Sao có bia mà không có sữa?

Sau vài phút, chị vào văn phòng tôi, nụ cười nở rộng trên mặt chị. Trong tay chị là bức thư tôi để quên trên quầy bếp. Tạp chí du lịch Lands Unknown nhận lời đề nghị của Simon và tôi một tiểu luận bằng ảnh về cách nấu nướng trong làng của Trung Quốc.

Hôm qua khi thư đến, tôi cảm thấy như vừa thắng xổ số và chợt nhớ ra đã quảng tẩm vé đi mất rồi. Nó là một trò đùa độc ác của các vị thần may rủi, ngẫu nhiên và vận rủi với tôi. Tôi đã mất phần tỉnh táo nhất của nhiều ngày đêm giày vò vì diễn biến của các sự kiện, cùng Simon cử nhạc tiền đưa dự định này.

Tôi hình dung anh đọc lướt bức thư và nói:

- Chúa ơi! Thật không thể tin được! Vậy bao giờ chúng ta đi?

- Chúng ta không đi, - tôi sẽ nói. - Tôi bỏ dự án này. - Giọng tôi không hề vương vấn tiếc nuối.

Rồi anh sẽ nói một câu đại loại như:

- Cô nghĩ gì thế, bỏ ư?

Còn tôi sẽ nói:

- Sao anh có thể nghĩ chúng ta làm việc cùng nhau?

Có khi - và điều này làm máu tôi sôi sùng sục - có khi Simon gợi ý anh ta vẫn đi cùng một nhiếp ảnh gia khác.

Tôi sẽ nói:

- Không, anh sẽ không đi, vì tôi sẽ đi cùng một nhà văn khác, một nhà văn cừ hơn.

Sau đó, toàn bộ sự việc sẽ leo thang thành hàng loạt những lời sỉ nhục về đạo đức, về cung cách làm việc và so sánh tài năng, nhiều biến thể khác nhau làm tôi thao thức gần hết đêm.

- Ôôôô! - Quan kinh ngạc, vui sướng hươ hươ bức thư. - Em sắp đến Trung Quốc cùng Simon! Em có muốn chị đi cùng, làm người hướng dẫn, phiên dịch, giúp em mặc cả đủ thứ. Lẽ tất nhiên là trả lộ phí cho chị. Từ lâu rồi chị muốn trở về thăm dì và làng chị...

Tôi cắt lời chị:

- Em sẽ không đi.

- Kìa? Không đi? Sao lại không?

- Chị biết rồi.

- Chị biết?

Tôi quay lại nhìn chị.

- Simon và em sắp ly dị. Chị nhớ không?

Quan ngẫm nghĩ câu này hai giây, rồi trả lời:

- Các em có thể đi như bạn bè! Sao không chỉ là bạn?

- Thôi đi Quan, *em xin chị*.

Chị nhìn tôi với bộ mặt bi thảm:

- Buồn thật, buồn thật, - chị rên rỉ, rồi ra khỏi phòng làm việc của tôi. - Y như hai kẻ đối cãi nhau, cãi nhau, cả hai ném bát cơm đi. Sao lại thế, sao hử?

Lúc tôi đưa bức thư cho Simon, anh sững người. Những giọt nước mắt ấy là thực sao? Trong nhiều năm quen biết anh, tôi chưa bao giờ thấy anh khóc, không khóc vì các bộ phim buồn, không khóc ngay khi kể cho tôi nghe về Elza. Anh lau gò má ướt. Tôi giả tảng không để ý.

- Chúa ơi, - anh nói. - Cái việc chúng ta vô cùng mong muốn đây. Nhưng mãi không được.

Cả hai chúng tôi im lặng, dường như nhớ lại cuộc hôn nhân của chúng tôi với những khoảnh khắc tôn trọng. Rồi, cố hết sức, tôi hít một hơi thật sâu và nói:

- Anh biết đấy, đau đớn thì cũng đã rồi, em nghĩ chia tay là tốt cho chúng ta. Ý em là nó buộc chúng ta kiểm tra cuộc sống riêng rẽ của chúng ta, không cần ra về mục tiêu của chúng ta giống nhau. - Tôi cảm thấy giọng tôi rất thực tế nhưng không hòa giải thái quá.

Simon gật đầu và nói nhẹ nhàng:

- Đúng, anh đồng ý.

Tôi những muốn hét lên, anh định nói gì, anh đồng ý ư? Suốt từng ấy năm chúng tôi chưa bao giờ thống nhất điều gì, nay anh đồng ý? Nhưng tôi không nói gì, và tự khen mình có thể kìm nén những cảm nghĩ khó chịu, không để lộ ra tôi bị tổn thương biết chừng nào. Một giây sau, nỗi buồn tràn ngập lòng tôi. Kiểm chế được cảm xúc chẳng phải là một chiến tích vĩ đại gì, mà chỉ là một chứng cứ đáng thương của tình yêu đã mất.

Giờ đây mỗi lời nói, mỗi cử chỉ đều chứa chất nhiều nghĩa, không gì có thể tiếp nhận thẳng giá trị của nó. Chúng tôi nói với nhau từ khoảng cách an toàn, giả vờ như chưa từng có từng ấy

nắm xát xà phòng vào lưng cho nhau và tè ngay trước mặt nhau. Chúng tôi không dùng lối nói chuyện riu rít, những lời ám chỉ, những cử chỉ ngắc đã từng là ngôn ngữ thân mật của chúng tôi, chứng tỏ rằng chúng tôi thuộc về nhau.

Simon xem đồng hồ.

- Anh đi thì hơn. Anh phải gặp một người lúc bảy giờ.

Anh đi gặp một người phụ nữ? Sớm vậy sao? Tôi nghe thấy mình nói:

- Vâng, em cũng có một cuộc hẹn. - Mắt anh long lanh, còn tôi đỏ mặt, chắc anh biết tôi vừa thốt ra một lời nói dối thảm hại. Lúc chúng tôi ra cửa, anh ngược nhìn.

- Anh thấy rốt cuộc em cũng tổng khứ được ngọn chúc đài ngó ngẩn, - anh ngoái nhìn chăm chấp căn hộ. - Nơi này trông khác quá, đẹp hơn nhiều, anh nghĩ thế, và yên tĩnh hơn.

- Nói đến yên tĩnh, - tôi nói và kể cho anh nghe về Dawson, tên khủng bố của ngôi nhà. Tôi biết, Simon là người duy nhất có thể đánh giá đầy đủ hậu quả.

- Dawson ư? - Simon lắc đầu, hoài nghi. - Thật khốn kiếp. Sao hấn lại làm thế nhỉ?

- Vì lẻ loi, - tôi nói. - Giận dữ. Thù hận. - Tôi cảm thấy lời tôi vừa nói thật trớ trêu, như cái que cời khơi động tro tàn của trái tim tôi.

Sau khi Simon dọn đi, căn hộ yên tĩnh đáng sợ. Tôi nằm dài trên thảm trong phòng ngủ, đắm đắm nhìn bầu trời đêm qua cửa sổ mái nhà. Tôi nghĩ về cuộc hôn nhân của tôi. Sợi dây liên kết mười bảy năm chung sống sao đứt dễ dàng đến thế. Tình yêu của chúng tôi thông thường như những tấm thảm chùi chân giống hệt nhau ở vùng ngoại ô nơi chúng tôi lớn lên. Thực tế là thân thể, ý nghĩ, trái tim chúng tôi đã có thời hòa chung nhịp chỉ làm chúng tôi ngu xuẩn tưởng rằng chúng tôi là dành riêng cho nhau.

Liêu tôi có phải là kẻ ngu đại khi nói chia tay là tốt cho chúng tôi không? Tôi đã cắt đứt sợi dây lỏng lẻo, đã được tháo gỡ, không còn thuộc về bất cứ ai, bất cứ cái gì.

Rồi tôi nghĩ đến Quan, tình yêu của chị dành cho tôi đặt nhằm chỗ biết chừng nào. Tôi chưa bao giờ bỏ việc của mình để làm bất cứ điều gì cho chị, trừ khi bị tình cảm của chị thúc đẩy và tôi cảm thấy có lỗi. Tôi chưa bao giờ bất ngờ gọi điện cho chị và nói: "Quan à, chị đến ăn tối hoặc đi xem phim nhé, chỉ có hai chúng ta thôi?". Tôi cũng chưa bao giờ thấy thích khi chỉ cần là người tử tế với chị. Còn chị vẫn thế, luôn gợi ý chúng tôi cùng đến Disneyland, Reno hoặc Trung Quốc. Tôi gạt phắt những đề xuất của chị như thể chúng là những con muỗi vo ve khó chịu, tôi nói tôi ghét cờ bạc, hoặc miền Nam California chắc chắn không nằm trong danh sách những nơi tôi sắp đến thăm. Tôi phớt lờ thực tế là Quan chỉ muốn chia sẻ thời gian với tôi, rằng tôi là niềm vui lớn nhất của chị. Lạy Chúa, chị có bị xúc phạm vì cách tôi làm lúc này không? Tôi chẳng tốt đẹp gì hơn mẹ tôi! - bất cần với tình yêu. Tôi không thể tin chị hoàn toàn mù tịt về hành động độc ác của tôi.

Tôi quyết định gọi điện cho Quan và mời chị dành một ngày, thậm chí cả dịp cuối tuần cho tôi. Hồ Tahoe¹ là nơi dễ chịu. Chị sẽ cáu. Tôi không thể đợi nghe chị nói gì. Chị sẽ không tin chuyện này.

Nhưng khi Quan trả lời điện thoại, chị không đợi tôi giải thích vì sao tôi gọi cho chị.

- Libby-ah, chiều nay chị vừa nói chuyện với Lão Lục. Ông ta nhất trí là các em phải đi Trung Quốc, em và Simon đi cùng nhau. Năm nay là năm Tuất, sang năm là năm Hợi, quá muộn. Sao em không thể đi? Đây là số phận của em đang đợi!

Chị nói dông dài những lập luận không bác bỏ được của chị, trái ngược với sự im lặng của tôi.

- Em là người nửa Trung Quốc, vì thế em phải nhìn thấy Trung Quốc ngày nay. Em nghĩ sao? Bây giờ chúng mình không đi cùng nhau, sẽ chẳng bao giờ có cơ hội khác! Em có thể thay đổi một số nhầm lẫn, nhưng cái này thì không thể. Em định làm gì? Em nghĩ gì, Libby-ah?

Với hy vọng chị ngừng và thôi hẳn, tôi nói:

- Thôi được, em sẽ suy nghĩ.

-Ồ, chị biết em sẽ thay đổi ý kiến mà!

- Gượng đã. Em không nói em sẽ đi. Em nói sẽ suy nghĩ.

Chị ngừng rồi nói một thôi một hồi:

- Em và Simon sẽ yêu Trung Quốc, bảo đảm một trăm phần trăm, nhất là làng chị. Xương Miên đẹp đến nỗi em không thể tin nổi. Núi, nước, bầu trời, giống như thiên đường và trái đất cùng nhau. Chị có nhiều thứ để lại đó, muốn tặng em... - Chị nói thêm khoảng năm phút nữa, tán dương làng chị rồi tuyên bố, - Ô ô, chuông cửa réo. Chị gọi lại em sau nhé?

- Thực ra, em gọi cho chị.

- Thế à? - Tiếng chuông lại réo. - Georgie! - Chị gọi. - Georgie! Trả lời cửa! - Rồi chị kêu to. - Virgie! Virgie! - Cô em họ của George ở Vancouver đang sống với họ sao? Quan trở lại đường đây. - Đợi chút nhé. Chị ra mở cửa. - tôi nghe thấy tiếng chị chào ai đó, rồi chị trở lại, hơi thở hổn hển. - Xong. Vì sao em gọi chị?

- À, em muốn hỏi chị một việc, - ngay lập tức, tôi ân hận là không nói ngay. Tôi định nói những gì nhỉ? Tôi nghĩ đến hồ Tahoe, sẽ ở lại với Quan trong một khách sạn xinh xắn. - Đây là ý nghĩ mới tinh, em hiểu nếu chị quá bận thì...

- Không, không, không bao giờ bận quá. Em cần gì cứ hỏi. Chị luôn luôn có câu trả lời.

- Vâng, em đang băn khoăn, - tôi nói liền một hơi. - Ngày mai chị đi ăn trưa được không? Em có việc gần chỗ chị làm. Nếu chị bận, chúng ta đổi ngày khác, không sao đâu.

- Ăn trưa? - Quan nói vui tươi. - Ôi! Ăn trưa! - Giọng chị hạnh phúc đến đau lòng. Tôi tự rửa mình bủn xỉn vì món quà chiếu lệ. Rồi tôi nghe thấy lúc chị quay khỏi ống nghe, tuyên bố. - Simon, Simon, Libby-ah gọi điện mời tôi ăn trưa ngày mai! - Tôi nghe tiếng Simon ở đằng sau: "Chắc cô ấy sẽ đưa chị đến một nơi đắt tiền".

- Quan? Chị Quan, Simon làm gì ở đấy?

- Đến ăn tối. Hôm qua chị đã mời em. Em nói bận. Chưa quá muộn, em muốn đến bây giờ, chị có nhiều.

Tôi nhìn đồng hồ. Bảy giờ. Vậy ra đây là cuộc hẹn của anh. Tôi suýt nhảy lên vì mừng.

- Cảm ơn chị, - tôi nói. - Nhưng tối nay em bận. - Cái có muôn thuở của tôi.

- Lúc nào cũng quá bận, - chị trả lời. Lời than vãn muôn thuở của chị.

Tối nay, tôi biết chắc có của tôi không phải là nói dối. Để sấm hối, tôi bận làm một danh sách những việc phải làm mà tôi đã trì hoãn, một trong những việc đó là đổi họ của tôi. Cần phải đổi bằng lái xe, thẻ tín dụng, thẻ cử tri, tài khoản nhà băng, hộ chiếu, thẻ nhà báo, chưa kể báo tin cho bạn bè và khách hàng của chúng tôi. Nó cũng có nghĩa tôi phải cân nhắc sẽ dùng họ gì. Laguni? Diệp?

Mẹ gọi ý tôi vẫn giữ họ Bishop.

- Sao con lấy lại họ Diệp? - Bà lập luận. - Con chẳng có liên quan gì đến người nhà họ Diệp nào ở đất nước này. Mà có ai quan tâm đâu? - Tôi không nhắc lại lời mẹ cam kết sẽ làm rạng danh họ Diệp.

Lúc suy nghĩ về họ của mình, tôi mới nhận ra tôi chưa bao giờ có loại nhận dạng nào hợp với tôi, không kể từ khi tôi lên năm, mẹ tôi đã đổi họ của chúng tôi thành Laguni. Bà không buồn đổi họ cho Quan. Nên chị vẫn giữ họ Lý. Khi Quan sang Mỹ, mẹ bảo con gái giữ họ mẹ là truyền thống của Trung Quốc. Sau này, mẹ thừa nhận rằng bố dượng chúng tôi không muốn nhận Quan vì chị sắp trưởng thành. Ông ta cũng không muốn chịu trách nhiệm pháp lý nào về những

phiền toái chị có thể gây ra vì là đảng viên cộng sản.

Olivia Diệp. Tôi đọc to tên tôi vài lần. Nghe xa lạ, như thể tôi thành người Trung Quốc hoàn toàn, giống Quan. Nó làm tôi phiền lòng chút ít. Buộc phải lớn lên cùng Quan có lẽ là một trong nhiều lý do tôi không bao giờ biết mình là ai hoặc muốn trở thành ai. Chị là hình mẫu cho vô vàn tính cách.

Tôi gọi điện cho Kevin, hỏi ý kiến anh về cái tên mới của tôi.

- Anh chẳng bao giờ thích họ Diệp, - anh thú nhận. - Bọn trẻ con cứ hò: “Này, Diệp! Eo ời, mày, diếp-diềm-diệp, eo ôi.”

- Thế giới đã thay đổi, - tôi nói. - Thiếu số là một đấy.

- Nhưng mang cái biển hiệu Tàu thực sự chẳng làm em thêm điểm tí nào, - Kevin nói. - Này, người ta đang cắt đứt với người châu Á, không dành chỗ cho họ. Tốt hơn là em cứ để họ Laguni. - Anh cười. - Khỉ thật, một số người tưởng Laguini là người Mexico. Mẹ cũng tưởng thế.

- Laguni không hợp với em. Chúng mình chẳng dây dưa gì với dòng dõi Laguni hết.

- Không người nào biết, - Kevin nói. - Đấy là tên một trẻ mồ côi.

- Anh nói gì thế?

- Vài năm trước khi anh đến Italy, anh cố tìm kiếm một số người họ Laguni. Anh phát hiện ra đấy là cái họ do các bà xơ đặt cho những đứa trẻ mồ côi. Laguni giống “lagoon”, cách ly với phần còn lại của thế giới. Ông nội Bob là trẻ mồ côi. Chúng ta liên quan đến một đám trẻ mồ côi ở Ý.

- Sao trước kia anh không kể cho bọn em chuyện này?

- Anh đã kể với Tommy và mẹ. Anh nghĩ mình quên kể với em là vì... ờ, anh coi em không còn là một Laguni nữa. Vả lại, em với Bob cũng chẳng gần bó lắm. Với anh, Bob là người cha duy nhất anh từng biết. Anh không còn nhớ tí gì về cha đẻ của chúng mình. Còn em?

Tôi vẫn có nhiều kỷ niệm về ông: bay trên tay ông, ngắm ông xé càng cua, cười trên vai ông lúc ông đi len qua đám đông. Thế chưa đủ để tôi kính trọng tên tuổi ông sao? Đây chẳng phải lúc tôi cảm thấy liên quan đến tên của người nào đó sao?

Buổi trưa, tôi đến hiệu dược phẩm đón Quan. Chúng tôi mất hai chục phút đầu tiên để Quan giới thiệu tôi với mọi người trong cửa hàng - ông dược sĩ, một nhân viên khác, các khách hàng của chị, tất cả những ai ngẫu nhiên thành “người ưa thích” của chị. Tôi chọn nhà hàng Thái ở Castro, nơi tôi có thể ngắm đường phố tấp nập từ một bàn cạnh cửa sổ trong lúc Quan tiến hành một cuộc độc thoại. Hôm nay tôi coi đó là một môn thể thao thú vị; chị có thể nói về Trung Quốc, về ly hôn, về việc tôi hút thuốc quá nhiều, bất cứ điều gì chị muốn. Ngày hôm nay là món quà tôi dành tặng Quan.

Tôi đeo kính lên và lướt qua thực đơn. Quan xem xét cẩn thận xung quanh nhà hàng, những tấm áp phích về Bangkok, những cái quạt màu tía và vàng trên tường.

- Dễ thương. Đẹp, - chị nói, như thể tôi đưa chị đến nơi đẹp nhất thành phố. Chị rót trà. - Thế đấy! - Chị tuyên bố. - Hôm nay em không quá bận.

- Chỉ bận ít việc về cá nhân thôi.

- Loại gì vậy?

- Đổi giấy phép đỗ xe, đổi họ của em, đại loại thế.

- Đổi họ? Nghĩa là...? - Chị trải khăn ăn lên lòng.

- Em phải làm một lô thứ việc đổi họ em thành họ Diệp. Phức tạp lắm, rồi phải đến DMV², nhà băng, Tòa Thị chính... Có chuyện gì thế?

Quan lắc đầu mạnh mẽ. Mặt chị nhăn lại. Hay chị bị ghen?

- Chị có sao không?

Chị vỗ tay đen đét, không thể cất tiếng, trông như phát rồ.

- Lạy Chúa tôi! - Tôi cố nhớ lại cách cấp cứu người bị ngạt.

Nhưng Quan ra hiệu tôi nên ngồi xuống. Chị nuốt trà, rồi rên rĩ:

- Ai ya, ai ya. Libby-ah, chị rất tiếc phải nói với em điều này. Đừng đổi thành họ Diệp.

Tôi cứng người. Chắc chắn một lần nữa, chị lại tranh luận rằng Simon và tôi không nên ly dị.

Chị nhào ra trước như một trinh sát viên.

- Diệp, - chị thì thảo, - thực ra không phải là họ của cha.

Tôi ngồi lại, tim đập thình thịch.

- Chị nói gì?

- Các quý bà, - người phục vụ nói. - Chúng ta quyết định được chưa ạ?

Quan chỉ một món trên thực đơn, trước hết hỏi phát âm ra sao.

- Tươi không? - Người phục vụ gật, nhưng không sốt sắng như Quan đòi hỏi. Chị chỉ món khác. - Mềm không?

Người phục vụ gật.

- Món nào ngon hơn?

Anh ta nhún vai.

- Mọi món đều ngon, - anh ta nói. Quan nhìn anh ta ngờ vực, rồi gọi đĩa miến Thái.

Khi người phục vụ đi rồi, tôi hỏi:

- Chị vừa nói gì?

- Đôi khi thực đơn ghi tươi - không tươi! - Chị phàn nàn. - Em mà không hỏi, họ dọn cho em đồ thừa hôm qua.

- Không, không, không nói về thức ăn. Chị đang nói gì về họ của cha?

-Ồ, phải, phải. - Chị khom vai, rồi lại hạ xuống trong tư thế do thám. - Họ của cha. Diệp không phải là họ của cha. Thật đấy, Libby-ah! Chị chỉ kể với em để em đừng mang cái họ không đúng suốt đời. Vì sao làm tổ tiên vui chứ không phải chúng ta?

- Chị đang nói gì? Sao Diệp không phải là họ cha?

Quan nhìn từ bên này sang bên kia, như thể chị sắp tiết lộ danh tính của các quý ông nghiên ma túy.

- Giờ chị kể cho em chuyện này, nhá. Đừng kể với ai, hứa đi, Libby-ah?

Tôi gật, miễn cưỡng nhưng đã sẵn sàng lắng nghe. Quan bắt đầu kể bằng tiếng Trung, thứ ngôn ngữ của ma quỷ thời thơ ấu của chúng tôi.

Chị kể cho em nghe chuyện thật, Libby-ah. Cha lấy họ của người khác. Ông ăn cắp số phận của một người may mắn.

Việc đó xảy ra trong thời chiến, khi cha học vật lý ở Trường đại học Quốc gia Quảng Tây. Trường này ở Lang Phường, gần Quế Lâm. Gia đình cha nghèo, nhưng ông nội đã gửi cha đến trường nội trú của Hội truyền giáo từ khi cha còn nhỏ. Cha không phải trả tiền, chỉ phải hứa yêu kính Chúa Jesus. Chính vì thế tiếng Anh của cha rất khá.

Chị không biết gì về chuyện này. Chị chỉ kể với em những gì mà dì Lý Bân Bân nói. Hồi đó, cha, mẹ và chị sống trong một phòng nhỏ ở Lang Phường, gần trường đại học. Sáng sáng, cha đến lớp. Các buổi chiều, cha làm việc trong nhà máy, lắp ghép các linh kiện radio. Nhà máy trả công cha theo sản phẩm, vì thế cha không kiếm được nhiều lắm. Dì bảo cha nhanh trí hơn là khéo tay. Ban đêm, cha và các bạn cùng lớp góp tiền mua dầu hỏa đốt một cây đèn chung. Những đêm trăng tròn, họ không cần đèn. Họ ngồi ngoài trời và học cho đến rạng đông. Chị cũng làm như thế lúc chị lớn lên. Em biết điều đó không? Em có thấy ở Trung Quốc, trăng tròn vừa đẹp vừa có lợi chưa?

Một đêm, khi cha trên đường về nhà, một tên say rượu từ trong phố hẻm ra, chặn ông lại. Hắn huơ một chiếc áo khoác trong tay.

- Chiếc áo này, - hắn nói, - đã ở trong gia tộc ta nhiều thế hệ. Nhưng bây giờ ta phải bán nó đi. Nhìn mặt ta xem, ta chỉ là một người bình thường có cái họ rất phổ biến. Ta biết làm gì với cái áo khác thường này?

Cha nhìn cái áo choàng. Áo may bằng thứ vải rất tốt, đường may và kiểu cắt rất hiện đại. Em phải nhớ rằng hồi ấy là năm 1948, Libby-ah, khi những người Dân tộc chủ nghĩa và các Đảng viên Cộng sản đang đánh nhau giành đất nước Trung Hoa. Ai mà có tiền mua chiếc áo này? Một nhân vật quan trọng, một quan chức cỡ lớn, một kẻ nguy hiểm kiếm tiền của những người dân sợ hãi đứt lốt. Cha chúng ta đầu óc không đến nỗi bả đậu. Hừ! Ông biết tên say đã ăn cắp chiếc áo và cả hai người bọn họ có thể mất đầu vì buôn bán thứ hàng như thế. Nhưng lúc cha đưa một ngón tay sờ lên cái áo, ông như một con muỗi mắc trong mạng nhện. Chà! Cảm nhận các đường may trên áo khoác của người giàu, cứ như gần hơn với cuộc sống khấm khá. Lúc đó, một ý nghĩ nham hiểm dẫn đến một khát khao nguy hiểm, khát khao nguy hiểm dẫn đến một ý tưởng nguy hiểm.

Ông quát tên say:

- Ta biết đây là áo ăn cắp, vì ta biết chủ nhân của nó. Nhanh lên! Hãy cho ta biết anh lấy nó ở đâu hoặc ta gọi cảnh sát! - Tên trộm hoảng hồn buông rơi cái áo và chạy mất.

Trong căn phòng nhỏ của gia đình, cha đưa mẹ xem chiếc áo. Mẹ kể với chị rằng sau này, mỗi lần xỏ vào tay áo, cha lại hình dung sức mạnh của người chủ cũ truyền khắp toàn thân. Cha tìm thấy một đôi kính dày trong túi áo. Ông đeo kính và vung cánh tay, trong trí não ông tưởng tượng hàng trăm người chú ý và cúi chào. Ông khẽ vỗ tay là hàng chục người hầu trong mơ bụng thức ăn chạy đến. Ông vỗ vào bụng, no nê vì bữa ăn tưởng tượng. Chính lúc đó cha cảm thấy một thứ khác nữa.

Ờ, đây là cái gì? Một thứ cứng cứng trong lớp lót của áo. Mẹ chị lấy chiếc kéo sắc, cắt chỉ trên đường may. Libby-ah, thứ họ tìm thấy ắt phải làm đầu óc họ quay cuồng như mây trong cơn bão. Từ trong lớp lót áo, rơi ra một tập giấy - hồ sơ chính thức di cư sang Mỹ! Trang đầu có một cái tên viết bằng tiếng Trung: Diệp Quân. Bên dưới là tiếng Anh: Jack Diệp.

Em tưởng tượng xem, trong thời chiến, những giấy tờ này đáng giá sinh mạng và tài sản của nhiều người. Trong bàn tay run rẩy của cha là bằng đại học, giấy chứng nhận sức khỏe, visa sinh viên, giấy tuyển sinh vào trường đại học Lincoln ở San Francisco, đã nộp học phí một năm. Ông nhìn vào trong phong bì: nó đựng tấm vé một chiều trên American President Lines và hai trăm đôla Mỹ. Còn cái này nữa: phiếu kiểm tra di cư trên đất liền.

Ồi, Libby-ah, đây là một việc hết sức tồi tệ. Em có hiểu chị đang nói gì không? Hồi ấy, tiền Trung Quốc không có giá trị. Ông Diệp hẳn phải mua các giấy tờ này hết khối vàng và ân huệ. Ông ta đã tiết lộ những điều bí mật cho những người Dân tộc chủ nghĩa? Đã bán danh tính của các vị lãnh đạo trong Giải phóng quân Nhân dân?

Mẹ chị sợ quá. Bà giục cha ném chiếc áo xuống sông Li. Nhưng trong mắt cha là cái nhìn dữ dằn. Cha nói:

- Anh có thể thay đổi số phận. Anh có thể trở thành giàu có. - Cha bảo mẹ đến sống với em gái

ở làng Xương Miên và đợi. - Khi đã ở Mỹ, anh sẽ gửi tiền cho em và con gái chúng ta, anh hứa.

Mẹ nhìn chăm chăm vào tấm ảnh trên visa của người đàn ông cha sắp đợi tên, Diệp Quân, Jack Diệp. Anh ta gầy gò, nghiêm trang, chỉ lớn hơn cha hai tuổi. Anh ta không điển trai như cha. Ông Diệp này cắt tóc ngắn, mặt mũi bình thường, cặp mắt lạnh lùng đeo kính dày cộp. Em có thể nhìn thấy trái tim con người qua cặp mắt, và mẹ bảo ông Diệp này nom như loại người sẽ nói: “Tránh đường, mi là đồ giòi bọ vô giá trị!”

Đêm hôm ấy, mẹ ngấm cha biến thành ông Diệp, mặc quần áo của ông ta, cắt tóc ngắn như ông ta. Mẹ ngấm cha đeo cặp kính dày cộp. Lúc cha đứng trước mẹ, mẹ thấy mắt ông nhỏ tí, lạnh lùng. Ông không còn nồng nhiệt với mẹ nữa. Mẹ bảo dường như cha đã thành ông Diệp, người đàn ông trong ảnh, một người kiên cường và quyền thế, hào hức xưa đuổi quá khứ, vội vã bắt đầu cuộc sống mới.

Cha đã ăn cắp tên tuổi ông ta như thế đấy. Chị không biết tên thật của cha là gì. Hồi ấy chị bé quá, còn mẹ chị đã mất rồi. Em là người may mắn không bị xảy ra thảm kịch ấy. Sau này, dì Bà không chịu nói tên thật của cha vì ông đã bỏ chị gái của dì. Đây là mối thù của dì. Mẹ chị cũng không nói, ngay cả lúc chết. Nhưng chị thường băn khoăn tên ông là gì. Chị đã gọi mấy lần mời cha từ Cõi Âm đến thăm chị. Nhưng những người bạn âm khác của chị bảo ông còn vướng ở đâu đó, một nơi mơ hồ mà người ta tin những lời nói dối của họ là thật. Thế có buồn không, Libby-ah? Nếu chị biết tên thật của ông, chị sẽ nói chuyện với ông. Rồi ông sẽ có thể đến Cõi Âm, xin lỗi mẹ chị, và sống yên ổn với tổ tiên chúng ta.

Chính vì thế em phải đi Trung Quốc, Libby-ah. Hôm qua, lúc nhìn thấy bức thư chị tự nhủ: “Đây là số phận đang đợi! Dân chúng ở Xương Miên có lẽ vẫn nhớ tên thật của ông, dì là một, chị tin chắc. Mẹ Lớn, dì của chị, hay gọi ông là người biến thành ông Diệp. Em hãy hỏi Mẹ Lớn khi em đi. Hỏi bà tên thật của cha là gì.

Chà! Chị đang nói gì nhỉ! Em sẽ không biết hỏi thế nào. Bà không nói tiếng Quan thoại. Bà quá già, lại chưa bao giờ đi học để nói tiếng phổ thông. Bà nói phương ngữ của Xương Miên, không phải tiếng Khách Gia, không phải Quan thoại mà ở giữa, chỉ có người làng nói thế. Em cũng phải rất khôn mới hỏi được bà về chuyện quá khứ, nếu không bà sẽ xua em đi như một con vịt điên cứ mổ vào chân. Chị biết tính bà. Bà nóng nảy lắm!

Song đừng lo, chị sẽ đi cùng em. Chị hứa rồi. Chị không bao giờ quên lời hứa. Em và chị, hai chị em mình có thể đổi lại tên cha đúng tên thật. Ít nhất thì chúng ta cũng có thể gửi ông đến Cõi Âm.

Còn Simon! Cậu ta chắc cũng đi cùng. Như thế, em vẫn có thể viết bài, kiếm tiền để đi. Chúng ta cần cậu ta mang xách hành lý. Chị phải mang nhiều quà. Chị không thể về nhà với hai bàn tay trắng. Virgie sẽ nấu ăn cho Georgie, cô ấy nấu không đến nỗi dở. Georgie có thể chăm nom con chó của em, không cần thuê người khác.

Phải, phải, ba người chúng ta, Simon, em và chị. Chị nghĩ đây là cách thiết thực nhất, tốt nhất để đổi tên em.

Này Libby-ah, em nghĩ sao?

12. LÚC TỐT NHẤT ĐỂ ĂN TRỨNG VỊT

Quan không tranh cãi mà tiến hành theo cách riêng của chị. Chị dùng nhiều biện pháp hữu hiệu hơn, kết hợp kiểu tiếp cận cũ kỹ của Trung Quốc với kiểu nhử mồi-rồi-giật của Mỹ.

- Libby-ah, - chị nói. - Tháng nào chúng mình đi Trung Quốc, thăm làng chị?

- Em không đi, chị nhớ chưa?

- Ồ, phải, phải. Thế em nghĩ tháng nào chị nên đi? Tháng Chín chắc vẫn còn quá nóng. Tháng Mười, quá nhiều khách du lịch. Tháng Mười một, không quá nóng, không quá lạnh, có lẽ là thời gian tốt nhất.

- Gì cũng được.

Ngày hôm sau, Quan nói:

- Libby-ah, Georgie không thể đi được, chưa đủ thời gian được nghỉ phép. Chị nghĩ hay Virgie và mẹ đi cùng chị?

- Sao lại không? Hỏi họ xem.

Một tuần sau, Quan nói:

- Ái dà! Libby-ah! Chị đã mua ba vé. Giờ Virgie nhận việc mới, mẹ có bạn trai mới. Cả hai nói: Xin lỗi, không thể đi. Hãng du lịch cũng nói: Xin lỗi, không hoàn lại tiền. - Chị nhìn tôi thăm thiết. - Ái dà, Libby-ah, chị làm gì đây?

Tôi suy nghĩ. Tôi có thể giả vờ thất bại vì lẽ thói của chị. Nhưng tôi không thể ép mình làm việc đó.

- Em sẽ xem có thể tìm ra ai đi cùng chị, - tôi nói cho xong.

Đến tối, Simon gọi cho tôi:

- Anh đang nghĩ đến chuyến đi Trung Quốc. Anh không muốn cuộc chia tay của chúng ta thành nguyên nhân em bỏ lỡ chuyến đi này. Hãy tìm một nhà văn khác, Chesnic hay Kelly, cả hai đều là những bạn đường rất tuyệt. Anh sẽ gọi cho họ, nếu em muốn.

Tôi sững sờ. Anh vẫn thuyết phục tôi ra đi cùng Quan, dùng cuộc trở về thăm quê của chị là một góc cá nhân cho bài viết. Tôi cân nhắc ý nghĩa những lời anh nói. Có lẽ đây là dịp để chúng tôi có thể thành bạn bè, loại bạn thân ngay lần gặp đầu tiên. Lúc nói chuyện tiếp, tôi nhớ lại sự thu hút lẫn nhau ban đầu - các ý nghĩ của chúng tôi phát triển trong khi tranh luận, càng nói càng vui hoặc say sưa. Chính lúc đó tôi cảm thấy tiếc thú chúng tôi đã mất nhiều năm nay: sự phấn khởi và ngạc nhiên được sống cùng thời và cùng chỗ trên thế gian này.

- Simon, - tôi nói để kết thúc cuộc nói chuyện hai giờ liền, - em rất cảm kích... em nghĩ thật là hay nếu có ngày chúng ta thành bạn bè.

- Anh chưa bao giờ thôi nghĩ đến em, - anh nói.

Lúc đó tôi buông thả mọi kìm giữ:

- Vậy thì, tại sao anh không cùng đi Trung Quốc?

Trên máy bay, tôi bắt đầu mong đợi các điềm. Vì Quan nói lúc chúng tôi làm thủ tục vào sân bay:

- Em, chị, Simon đang đến Trung Quốc! Cuối cùng, số phận của chúng ta gắn kết với nhau.

Tôi nghĩ, số phận như trong “số phận bí ẩn của Amelia Earhart”¹. Số phận, từ gốc chữ La tinh là “tiền định”. Nó chẳng giúp gì cho việc chiếc máy bay Trung Quốc mà Quan chọn để được giảm giá trong sáu tháng qua đã bị va chạm ba lần, trong đó hai lần khi đang hạ cánh ở Quế

Lâm, nơi chúng tôi sắp đến, sau một lần nghỉ quá cảnh ở Hồng Kông bốn giờ liền. Sự tin tưởng của tôi vào hãng hàng không đã bị thêm một cú bổ nhào nữa, lúc chúng tôi lên máy bay. Phi hành đoàn Trung Quốc đội mũ bê-rê và mặc váy, sự lựa chọn trang phục không thể giải thích được làm tôi nghi ngờ khả năng đối phó của họ với nạn không tặc, bị mất các bộ phận của động cơ và hạ cánh xuống đại dương không trong kế hoạch.

Lúc Quan, Simon và tôi vất vả len giữa lối đi chật hẹp, tôi chú ý thấy không có người da trắng nào trong xe, trừ Simon và tôi. Điều này có ý nghĩa gì chẳng?

Y hệt những người Trung Quốc lên máy bay, mỗi tay Quan túm chặt một giỏ quà. Chúng là thứ thêm vào cái va li đầy những quà, đã gửi hành lý. Tôi hình dung bản tin ngày mai trên tivi: “Một phích nước chân không, nhiều túi nhựa đựng đồ ăn, nhiều gói nhân sâm Wisconsin giữa đám hỗn độn rác rưởi trên đường băng sau vụ rơi bi thảm đã giết chết Horatio Tewksbury III của Atherton ngồi ghế hạng nhất cùng bốn trăm hành khách Trung Quốc mong ước trở về mảnh đất tổ tiên như những người thành đạt”.

Lúc nhìn thấy ghế của chúng tôi, tôi rên lên. Hàng giữa, ngồi chỗ giữa, có người ở hai bên. Một bà già ngồi ở đầu kia lối đi ủ rũ nhìn chúng tôi rồi ho. Bà cầu nguyện thần thánh nào đó thật to rằng sẽ không có ai ngồi vào ba ghế cạnh bà, bà bị ốm nặng, cần nằm và ngủ. Tiếng ho của bà dữ dội. Không may cho bà, thần thánh chắc ra ngoài ăn trưa, vì chúng tôi ngồi xuống.

Cuối cùng, khi xe đẩy đồ uống đến, tôi hỏi xin một cốc *gin và tonic*. Người phục vụ không hiểu.

- Gin và tonic, - tôi nhắc lại, rồi nói bằng tiếng Trung. - Một lát chanh, nếu cô có.

Cô ta hỏi ý kiến cô bạn, cũng nhún vai bối rối như vậy.

- *Ni you scotch meiyou?* - Tôi cố gắng. - Cô có *scotch* không?

Họ cười vì câu đùa này.

Chắc chắn các cô có *scotch*, tôi muốn hét lên. Nhìn trang phục lỗ bịch các cô phải mặc kìa!

Nhưng *scotch* không phải là từ tôi học nói bằng tiếng Trung, và Quan không giúp tôi. Thực ra, trông chị khá hài lòng vì sự tức giận của tôi và sự ngượng ngập của nhân viên phục vụ. Tôi đành gọi một Diet Coke. Trong lúc đó, Simon ngồi ở bên kia tôi, đang chơi Flight Simulator trên laptop.

- Oa-oa-oa! - Câu này sau những âm thanh rơi loảng xoảng-và-cháy. Anh quay sang tôi. - Cơ trưởng Bishop này bảo rượu chè là ở nhà.

Suốt chuyến bay, Quan như người chệnh choáng vì hạnh phúc. Nhiều lần chị xiết cánh tay tôi và cười toe toét. Lần đầu tiên trong hơn ba chục năm, chị sẽ ở trên đất Trung Quốc, ở Xương Miên, ngôi làng chị đã sống cho đến khi mười tám tuổi. Chị sẽ gặp bà dì mà chị gọi là Mẹ Lớn, người đã nuôi nấng chị và theo lời Quan, rất ác với chị, béo má chị mạnh đến nỗi để lại những vết sẹo hình lưỡi liềm.

Chị sẽ gặp lại các bạn học, chỉ ít là những người sống sót qua cuộc Cách mạng Văn hoá bắt đầu sau khi chị ra đi. Chị mong sẽ gây ấn tượng với bạn bè về tiếng Anh của chị, bằng lái xe của chị, những bức ảnh chụp con mèo cưng của chị ngồi trên sofa in hoa lá chị mới mua ở cửa hàng giảm giá - “giảm năm mươi phần trăm vì một lỗ thủng nhỏ, có khi chẳng ai nhìn thấy”.

Chị nói đến việc viếng mộ mẹ chị, dọn dẹp sao cho sạch sẽ. Chị sẽ dẫn tôi đến một thung lũng nhỏ, nơi trước kia chị chôn một hộp đầy những thứ quý giá. Vì tôi là em gái yêu quý của chị, chị muốn chỉ cho tôi chỗ ẩn náu hồi thơ ấu của chị, một cái hang đá vôi có dòng suối diệu kỳ.

Chuyến đi cũng cho tôi thấy nhiều thứ đầu tiên với tôi. Lần đầu tiên tôi tới Trung Quốc. Lần đầu tiên từ khi tôi còn bé, Quan sẽ là bạn đồng hành không thay đổi của tôi suốt hai tuần liền. Lần đầu tiên Simon và tôi cùng đi du lịch và ngủ riêng.

Lúc này bị ép trong ghế giữa Simon và Quan, tôi nhận ra mình sắp phải chịu trận đến phát

diên, bị hành hạ thân xác suốt hai mươi tư giờ trên các máy bay và sân bay, cảm xúc tàn tạ vì đi với chính hai con người là nguồn đau khổ và hãi hùng lớn nhất của tôi. Tôi phải lấy lại dũng khí của mình. Lẽ tất nhiên, tôi có nhiều lý do thực tế cho chuyến đi - bài viết, tìm ra tên thật của cha tôi. Nhưng động cơ chính của tôi là sợ ân hận. Tôi sợ rằng nếu không đi, một ngày nào đó tôi sẽ nhìn lại và tự hỏi: Nếu mình đi thì sao?

Có lẽ Quan đúng. Số phận là lý do tôi đi. Số phận không phải là lý lẽ, bạn không thể tranh cãi với nó, chẳng khác gì tranh cãi với cơn lốc xoáy, động đất hoặc nạn khủng bố. Số phận là cái tên khác của Quan.

Chúng tôi lệch múi giờ với Trung Quốc mười tiếng. Cơ thể tôi hoàn toàn nhầm lẫn, không biết là ngày hay đêm. Simon gà gà ngủ, tôi không hề chớp mắt, còn Quan vừa thức giấc.

Chị ngáp. Ngay lập tức, chị tỉnh táo và bồn chồn. Chị loay hoay với những cái gối của chị.

- Libby-ah, em nghĩ gì thế?

- Ờ, công việc.

Trước chuyến đi, tôi đã lên kế hoạch và làm một bản liệt kê. Tôi đã tính đến sự mệt mỏi sau một chuyến đi dài, khả năng định hướng, địa điểm, có thể ánh sáng duy nhất chỉ là ngọn đèn huỳnh quang màu xanh. Tôi ghi bằng bút chì để nhớ chụp các cửa hàng rau quả nhỏ và các siêu thị lớn, các quầy bán quả và vườn rau, bếp lò và các dụng cụ nấu ăn, các loại gia vị và dầu. Tôi đã mất nhiều đêm chuẩn bị các thứ và tiền nong. Khoảng cách đến Xương Miên là vấn đề chính, theo lời Quan mất ba hoặc bốn giờ xe từ Quế Lâm. Đại lý du lịch không sao tìm được làng Xương Miên trên bản đồ. Anh ta đặt khách sạn cho chúng tôi ở Quế Lâm, hai phòng, giá sáu chục đôla mỗi đêm. Có thể có nhiều chỗ rẻ hơn và gần hơn, nhưng chúng tôi phải tìm ra sau khi đến.

- Libby-ah, - Quan nói. - Ở Xương Miên, có nhiều thứ không quá xa xỉ.

- Thế thì tốt. - Quan đã kể với tôi có nhiều món ăn giản dị tương tự như chị vẫn nấu, không như các món trong nhà hàng Tàu đắt tiền. - Thực ra, - tôi cam đoan với chị, - em không muốn chụp ảnh các thứ hào nhoáng. Hãy tin em, em không đòi hỏi *champagne* và *caviar* đâu.

- Cavi-ah là gì?

- Là trứng cá.

- Ờ, có đấy, có. - Nom chị nhẹ hẩn người. - Trứng cavi, trứng cua, trứng tôm, trứng gà... có tất! Có cả trứng vịt ngàn năm. Tất nhiên là không hẩn ngàn năm, chỉ một, hai, ba năm là cùng... À! Chị đang nghĩ gì đây! Chị biết chỗ em tìm thấy trứng vịt già tuổi hơn thế. Chị đã giấu một số từ lâu lắm rồi.

- Thật ư? - Nghe như một chi tiết đầy hứa hẹn, thú vị cho bài báo. - Chị giấu hời chị còn con gái?

- Cho đến năm hai mươi tuổi.

- Hai mươi?... Lúc ấy chị đã ở Mỹ rồi.

Quan cười, vẻ bí mật.

- Không phải hai chục năm này, mà là thời gian gần đây. - Chị dựa đầu vào ghế. - Trứng vịt, chà, ngon lắm.... Cô Banner không thích nó lắm. Sau này, trong thời đói khát, ăn tất tần tât, chuột, châu chấu, ve sầu. Cô ấy cho yadan ngàn năm ngon hơn ăn các thứ đó... Khi nào đến Xương Miên, Libby-ah, chị sẽ chỉ cho em chỗ giấu. Biết đâu vẫn còn một số. Em và chị đi tìm nhé?

Tôi gật. Trông chị dạt dào hạnh phúc. Chỉ lần này thôi, trí tưởng tượng hảo huyền của chị không làm tôi bức mình. Thực ra, ý tưởng đi tìm những quả trứng ảo ở Trung Quốc nghe chừng hấp dẫn. Tôi xem đồng hồ. Mười hai tiếng nữa chúng tôi sẽ ở Quế Lâm.

- Hừm ừm, - Quan lắm lắm. - *Yadan...*

Có thể nói Quan đã ở đấy rồi, trong thế giới viễn vông những ngày đã qua của chị.

Tôi thích trứng vịt đến nỗi trở thành một đứa ăn cắp. Trước bữa sáng hàng ngày - trừ Chủ nhật - là lúc tôi lấy trộm trứng. Tôi không phải là kẻ cắp già đời như Tướng Cape. Tôi chỉ lấy thứ dân chúng nhận thấy, một hoặc hai quả trứng, đại loại thế. Đằng nào thì những người Thờ phụng Jesus cũng không thích trứng vịt. Họ thích trứng gà hơn. Họ không biết trứng vịt là món xa xỉ, rất đắt nếu mua ở Kim Điền. Nếu họ biết giá trứng vịt, hẳn lúc nào họ cũng muốn ăn. Lúc đó thì sao? Quá tệ với tôi!

Muốn làm trứng vịt ngàn năm, phải bắt đầu chọn những quả thật tươi, nếu không thì... ờ, để tôi nghĩ xem nào... nếu không thì... tôi không biết, vì tôi chỉ quen ăn trứng tươi. Có lẽ bên trong các quả trứng cũ mọc xương và mỏ. Tôi xếp những quả trứng rất tươi vào hũ đựng vôi và muối. Vôi bột tôi để dành khi giặt quần áo. Muối thì mới thành chuyện, không rẻ như bây giờ. May cho tôi, những người nước ngoài có nhiều muối. Họ thích thức ăn của họ có vị mặn như đem nhúng xuống biển. Tôi cũng thích các món mặn, nhưng không phải tất cả. Khi họ ngồi ăn, họ thường gọi: "Đưa giúp tôi lọ muối" và nêm nhiều hơn.

Tôi lấy trộm muối của chị nấu bếp. Tên chị là Ermei, Chị Hai, một trong quá nhiều con gái của một gia đình không còn trai. Gia đình chị cho chị đến Hội truyền giáo để không phải gả chồng và lo khoản hồi môn cho chị. Ermei và tôi trao đổi qua lỗ cửa sau. Tuần đầu tiên, tôi cho chị một quả trứng. Chị đổ muối vào lòng bàn tay tôi. Tuần sau, chị muốn có hai quả cũng với lượng muối như thế! Cô gái ấy thật biết mặc cả.

Một hôm, bác sĩ Quá Muộn nhìn thấy chúng tôi trao đổi. Tôi vào trong ngõ nơi tôi giặt giũ. Lúc tôi rẽ ngoặt vào ngõ, ông ta đứng đó, chỉ vào cái đồng trống nho nhỏ trong lòng bàn tay tôi. Tôi phải nghĩ thật nhanh.

- À, cái này là, - tôi nói. - để nhuộm. - tôi không nói dối. Tôi cần biến màu vỏ trứng. Bác sĩ Quá Muộn cau mày, không hiểu tiếng Trung của tôi. Tôi có thể làm gì? Tôi đổ chỗ muối quý báu đó vào xô nước lạnh. Ông ta vẫn theo dõi. Thế là tôi rút thứ gì đó trong giỏ đồ lót của nữ giới, ném vào xô và bắt đầu vò.

- Thấy chưa? - Tôi nói, và giơ thứ quần áo ngấm muối lên.

Chao ôi! Tôi giơ chiếc quần lót của cô Chuột, dẫm quần đầy vết máu thối! Bác sĩ Quá Muộn, ha ha ha, giá em nhìn thấy bộ mặt đỏ bầm của ông ta! Đỏ hơn cả các vết bẩn. Sau khi ông ta bỏ đi, tôi muốn khóc vì hỏng hết chỗ muối. Nhưng lúc vớt cái quần lót của cô Chuột lên - á chà! - tôi thấy tôi đang nói thật! Những vết máu sạch hết! Đây là phép màu của Chúa! Từ hôm đó trở đi, tôi được phép lấy bao nhiêu muối tùy thích, một vốc đầy tẩy vết bẩn, một vốc đầy cho các quả trứng. Tôi không phải đến với Ermei qua cửa sau nữa. Nhưng thỉnh thoảng, tôi vẫn cho chị một quả trứng.

Tôi xếp vôi, muối và trứng vào một cái hũ bằng đất nung. Tôi lấy các hũ của một người bán ma túy một tai tên là Tăng, ở đường làng ngay bên ngoài ngõ hẻm. Một quả trứng đổi lấy một cái hũ, có quá nhiều lỗ rò không đựng dầu được. Anh ta có nhiều cái hũ rạn. Nó làm tôi nghĩ người đàn ông này hẳn là rất vụng về, hoặc rất mê trứng vịt. Sau này tôi mới vỡ lẽ, anh ta mê tôi! Đây là sự thực! Anh ta một tai, tôi một mắt, hũ của anh ta nhiều lỗ rò, những quả trứng của tôi ngon lành - có lẽ vì thế anh ta cho chúng tôi là một cặp xứng đôi vừa lứa. Anh ta không nói muốn tôi làm vợ, không nói nhiều nhận đến thế. Nhưng tôi biết Tăng nghĩ vậy, có lần anh ta cho tôi một cái hũ không hề rạn nứt. Lúc tôi chỉ cho anh ta, Tăng nhặt một hòn đá, ném vào miệng hũ rồi đưa lại nó cho tôi. Dù sao tôi cũng có những cái hũ và một cuộc tán tỉnh nho nhỏ.

Sau nhiều tuần lễ, vôi và muối thấm qua vỏ trứng. Lòng trắng của quả trứng biến thành màu xanh đậm, lòng đỏ trứng cứng lại thành màu đen. Tôi biết điều này vì thỉnh thoảng tôi ăn một quả để biết chắc những quả khác đã sẵn sàng để bao một lớp bùn. Bùn thì tôi không phải lấy trộm. Tôi có thể trộn nhiều bùn trong vườn của ngôi nhà Ma Thương nhân. Trong lúc lớp bùn bao quả trứng còn ướt, tôi bọc chúng vào giấy, những tờ giấy xé từ các cuốn sách tên là *The*

Good News. Tôi xếp trứng vào một cái lò nhỏ làm bằng những viên gạch cho khô. Tôi không lấy nắp gạch. Chúng rơi từ các bức tường xuống và vỡ. Tôi trát các kẽ nứt bằng một chất keo ép từ một loại cây độc, lầy nhầy. Cứ thế, nắng có thể lọt qua các kẽ nứt, còn côn trùng bị dính lại và không thể ăn trứng của tôi. Tuần sau đó, lớp bùn bao đã cứng lại, tôi lại xếp trứng vào hũ. Tôi vùi các hũ vào một góc phía tây bắc khu vườn nhà Ma Thương nhân. Trước khi chấm dứt quãng đời ở đó, tôi đã có mười dãy hũ, dài mười bước chân. Có khi chúng vẫn còn ở đấy. Tôi chắc chúng tôi ăn không hết. Tôi để dành nhiều thế cơ mà.

Với tôi, một quả trứng vịt là quá, không nên ăn. Trứng có thể nở thành vịt con. Vịt con thành vịt lớn. Con vịt đó có thể nuôi sống hai chục người ở Kế Sơn. Ở Kế Sơn, chúng tôi hiếm khi ăn thịt vịt. Nếu tôi ăn một quả trứng - đôi khi tôi vẫn làm thế - tôi có thể nhìn thấy hai chục người đói khát. Làm sao tôi cảm thấy no được? Nếu tôi thêm ăn một quả, tôi bèn để dành, nó làm cho tôi - một cô gái trước kia chẳng có tí gì - thoải mái. Tôi là người tản tiện chứ không tham lam. Như tôi đã nói, thỉnh thoảng tôi cho Ermei một quả trứng, với Lão Lục cũng vậy.

Lão Lục cũng dành dụm trứng. Lão vùi trứng dưới giường ở cổng ngôi nhà, nơi lão ngủ. Lão bảo như thế lão có thể mơ ngày nào cũng được nếm trứng. Lão giống tôi, đợi thời gian thích hợp nhất mới ăn những quả trứng đó. Chúng tôi không biết rằng thời gian thích hợp nhất càng muộn càng tệ hơn.

Vào các ngày Chủ nhật, những người Thờ phụng Jesus thường ăn một bữa sáng thịnh soạn. Đây là tục lệ; buổi cầu kinh dài, rồi trứng gà, những lát thịt lợn muối dày dặn, bánh ngô, dưa hấu, nước lạnh múc từ giếng, sau đó là buổi cầu kinh dài khác. Người nước ngoài thích ăn đồ lạnh và nóng với nhau, rất có hại cho sức khỏe. Cái ngày tôi đang nhắc tới, Tướng Cape ăn nhiều. Rồi đứng dậy khỏi bàn, ông ta tuyên bố quá nặng bụng nên không thể đến thăm ngôi nhà của Chúa vào sáng hôm ấy. Đây là Dị Ban nói với chúng tôi thế.

Thế là chúng tôi đến gặp Chúa, trong lúc tôi ngồi trên ghế dài, tôi chú ý thấy cô Banner không ngừng gõ chân. Cô có vẻ bồn chồn và hạnh phúc. Buổi lễ vừa chấm dứt, cô nhặt vội cái hộp âm nhạc của cô và về phòng riêng.

Trong bữa trưa ăn các đồ nguội còn lại, Tướng Cape không đến phòng ăn. Cô Banner cũng vậy. Những người nước ngoài nhìn cái ghế trống của ông ta, rồi của cô ta. Họ lặng thinh, nhưng tôi biết họ đang nghĩ gì, hờn-ùm. Rồi họ về phòng riêng nghỉ trưa. Nằm trên chiếu rơm, tôi nghe thấy tiếng hộp âm nhạc réo rắt bài hát càng ngày tôi càng ghét. Tôi nghe thấy cánh cửa phòng cô Banner mở ra rồi đóng lại. Tôi bịt tay lên tai. Nhưng trong trí tôi, tôi có thể thấy cô cọ xát cái bụng của Tướng Cape. Cuối cùng, bài hát ngừng.

Tôi thức giấc vì nghe thấy tiếng người coi chuồng ngựa la hét lúc ông ta chạy dọc ngõ:

- La, trâu, xe bò! Mất hết cả rồi.

Tất cả chúng tôi ủa ra khỏi phòng. Ermei chạy từ trong bếp ra và kêu:

- Một cái đùi lợn xông khói và một bao gạo.

Những người Thờ phụng Chúa bối rối, gọi cô Banner dịch những lời tiếng Trung ra tiếng Anh. Nhưng cửa phòng cô vẫn khép chặt. Thế là Dị Ban phải nói với những người nước ngoài lời người coi chuồng và người nấu bếp nói. Rồi tất cả những người Thờ phụng Jesus chạy vội về phòng mình. Cô Chuột chạy ra, vừa khóc vừa giật giật cổ; cô đã mất cái mề đay đựng món tóc người yêu đã chết của cô. Bác sĩ Quá Muộn không tìm đâu ra túi thuốc. Mục sư và bà Amen mất một cái lược bạc, một thánh giá vàng, tất cả số tiền của hội truyền giáo cho sáu tháng tới không cánh mà bay. Ai đã làm việc này? Những người nước ngoài đứng ngây như tượng, không thể nói nên lời hoặc nhúc nhích. Có lẽ họ băn khoăn vì sao Chúa lại để chuyện này xảy ra đúng vào ngày họ thờ phụng Người.

Lúc đó, Lão Lục đập cửa phòng Tướng Cape. Không ai trả lời. Lão mở cửa nhìn vào rồi nói mỗi một từ: Xéo rồi! Lão gõ cửa phòng cô Banner. Cũng thế, xéo rồi.

Mọi người bắt đầu bàn tán. Tôi nghĩ họ đang cố xem nên làm gì, tìm hai tên kẻ cắp ấy ở đâu.

Nhưng lúc này họ không có la, không bò, không trâu, không xe cộ. Dẫu có các thứ đó đi chẳng nữa, họ biết tìm bọn chúng ở đâu? Cape và cô Banner đi đường nào? Đến Việt Nam ở phương nam? Đến Quảng Châu, dọc theo dòng sông? Đến tỉnh Quý Châu, nơi các thổ dân sinh sống? Yamen gần nhất để báo án ở tận Kim Điền, từ Xương Miên phải mất nhiều giờ đi bộ. Các viên chức yamen sẽ làm gì khi nghe báo người nước ngoài bị chính đồng bào của họ cướp bóc? Cười to ha-ha-ha.

Tối hôm đó, vào giờ của các loại côn trùng, tôi ngồi trong sân ngắm những con dơi vọt muỗi. Tôi không để cô Banner len vào tâm trí. Tôi tự nhủ: “Nunumu, sao mi lại lãng phí tâm tư cho cô Banner, một người đàn bà coi trọng kẻ phản bội hơn người bạn trung thành? Nunumu, mi phải nhớ từ nay trở đi, không thể tin bọn người nước ngoài”. Rồi lúc nằm trong phòng, tôi vẫn không nghĩ đến cô Banner, không chịu cho cô một mẩu lo lắng, giận dữ hoặc buồn rầu. Song không hiểu vì sao, một cái gì đó vẫn rỉ ra ngoài. Tôi cảm thấy bụng quặn thắt, bỏng rát trong ngực, nhức nhối tận xương, nhiều cảm xúc chạy lên, xuống cơ thể tôi, cố thoát ra.

Sáng hôm sau, ngày đầu tiên trong tuần là thời gian giặt giũ. Trong lúc những người Thờ phụng Jesus có cuộc họp đặc biệt ở Nhà nguyện, tôi vào phòng họ thu thập quần áo bẩn. Lẽ tất nhiên tôi không vào phòng cô Banner. Tôi đi qua đó. Nhưng bước chân tôi trở lại và tôi mở cửa phòng cô. Vật đầu tiên tôi nhìn thấy là cái hộp âm nhạc. Tôi ngạc nhiên. Chắc cô cho là nó quá nặng để mang đi. Cô gái lười. Tôi nhìn thấy quần áo bẩn của cô ở trong giỏ. Tôi nhìn vào tủ quần áo. Bộ váy áo Chủ nhật, giày, cái mũ đẹp nhất, hai đôi găng, cái dây chuyền có mặt phụ nữ khảm trên đá màu cam của cô không còn. Chỉ còn lại những cái tất thủng.

Lúc đó tôi nảy ra một ý nghĩ xấu và một kế hoạch tốt. Tôi quẩn cái áo bẩn quanh cái hộp âm nhạc và cho vào giỏ quần áo. Tôi xách giỏ xuống ngõ, qua căn bếp, dọc tiền sảnh ra đường. Tôi đi qua cổng vào vườn nhà Ma Thương nhân. Ven bức tường phía tây bắc, nơi tôi cất trứng, tôi đào thêm một cái hố, chôn vùi cái hộp âm nhạc và mọi kỷ niệm về cô Banner.

Lúc tôi đang vổ đất trên nấm mộ âm nhạc này, tôi nghe thấy một âm thanh khe khẽ, giống con ếch: “Wa-ren! Wa-ren!”. Tôi đi ra đường, dầm lạo xạo lên những chiếc lá, tôi lại nghe thấy tiếng đó lần nữa, lúc này tôi nhận ra giọng cô Banner. Tôi nấp sau bụi cây, ngược nhìn cái nhà lều. Chao ôi! Bóng ma của cô Banner! Tóc cô rối bù, buông đến tận eo. Tôi sợ đến mức ngã đập vào bụi cây, và cô nghe thấy tiếng động của tôi.

- Wa-ren? Wa-ren? - Cô hỏi, rồi cô chạy xuống con đường, bộ mặt điên dại, thất thần. Tôi cố hết sức trườn đi thật nhanh. Nhưng lúc đó, tôi thấy đôi giày ngày Chủ nhật của cô ngay trước mũi tôi. Tôi ngược nhìn. Tôi hiểu ngay cô không phải là hồn ma. Cô bị nhiều muỗi đốt trên mặt, trên cổ và bàn tay. Nếu có những con ma muỗi ở đó, hẳn chúng làm việc này. Nhưng tôi không nghĩ ra, cho đến bây giờ. Vả lại, cô đang xách chiếc túi da của cô để bỏ trốn. Cô gãi bộ mặt ngứa ngáy và hỏi tôi, giọng đầy hy vọng:

- Ông Tướng... ông ấy có quay lại tìm tôi không?

Lúc đó tôi hiểu chuyện xảy ra. Cô đã đợi trong nhà lều kia từ hôm qua, lắng nghe từng tiếng động nho nhỏ. Tôi lắc đầu. Tôi cảm thấy vừa vui vừa có lỗi khi nhìn thấy vẻ khổ sở lan trên mặt cô. Cô đổ sụp xuống đất, vừa cười vừa khóc. Tôi nhìn chăm chăm vào sau gáy cô, sung sướng lên vì bữa tiệc no nê của đàn muỗi, chứng cứ nổi hy vọng của cô đã kéo dài suốt đêm thâu. Tôi thấy thương cô, nhưng đồng thời rất giận cô.

- Ông ta đi đâu? - Tôi hỏi. - Ông ta nói gì với cô?

- Ông ấy nói là Quảng Châu... tôi không biết nữa. Có lẽ ông ta nói dối. - Giọng cô mờ đục, giống như quả chuông đánh vào nhưng không kêu.

- Cô có biết ông ta đã lấy trộm đồ ăn, tiền nong và nhiều thứ quý?

Cô gật đầu.

- Vậy mà cô vẫn muốn đi cùng ông ta?

Cô than vãn với tôi bằng tiếng Anh. Tôi không hiểu cô nói gì, nhưng có vẻ như cô thương thân, tiếc là không kịp ra đi cùng người đàn ông kinh khủng này. Cô ngược nhìn tôi.

- Cô Moo, giờ tôi nên làm gì?

- Trước kia cô không coi trọng ý kiến của tôi. Sao bây giờ lại hỏi tôi?

- Những người kia chắc cho tôi là con ngốc.

Tôi gật.

- Và là một tên ăn cắp.

Cô nín thinh một hồi lâu. Rồi cô nói:

- Có lẽ tôi nên tự treo cổ; cô Moo, cô nghĩ sao? - Cô bắt đầu cười như người điên. Rồi cô nhặt một hòn đá và để nó vào lòng tôi. - Cô Moo, cô làm ơn đập nát đầu tôi ra. Hãy bảo với những người Thờ phụng Jesus là con quỷ Cape đã giết tôi. Hãy để cho tôi đáng thương hơn là đáng tửm. - Cô lăn ra đất, nức nở. - Hãy giết tôi đi, xin hãy giết tôi. Đẳng nào họ cũng muốn tôi chết.

- Cô Banner, - tôi nói. - Cô muốn tôi thành kẻ giết người à?

Cô trả lời:

- Nếu cô là người bạn trung thành của tôi, xin cô làm ơn.

Người bạn trung thành! Như một cái tát vào mặt! Tôi tự nhủ: “Cô ta đang gọi ai là người bạn trung thành?”. Hãy giết tôi đi, cô Moo! Hư hư hư. Tôi biết thực ra cô rất mong tôi đổ dành cô, bảo với cô những người thờ phụng Jesus sẽ không giận cô, họ sẽ hiểu cô bị một tên đàn ông xấu xa làm cho thành ngớ ngẩn.

- Cô Banner, - tôi nói, chọn lời cẩn thận, - đừng ngu hơn nữa đi. Cô không thực sự muốn tôi đập nát đầu cô. Cô đang giả vờ.

Cô trả lời:

- Vâng, vâng, giết tôi đi! Tôi muốn chết! - Cô đập nắm tay lia lịa xuống đất.

Tôi giả định nên thuyết phục cô ít nhất là một, hai lần nữa bỏ ý nghĩ ấy đi, tranh cãi cho đến khi cô đồng ý sống, tuy rất miễn cưỡng. Nhưng tôi nói:

- Hừ. Những người kia sẽ căm ghét cô, đấy là thực tế. Có khi họ còn tống cổ cô đi. Lúc đó cô sẽ đi đâu?

Cô nhìn tôi trừng trừng. Tống cổ cô ư? Tôi có thể thấy ý nghĩ này hiển hiện trên mặt cô.

- Để tôi nghĩ xem sao, - tôi nói. Sau một lát, tôi tuyên bố rắn rỏi. - Cô Banner, tôi đã quyết là người bạn trung thành của cô.

Cặp mắt cô là hai cái lỗ đầy bối rối.

- Ngồi dựa lưng vào cái cây này, - tôi bảo cô. Cô không nhúc nhích. Thế là tôi túm lấy tay cô và kéo đến chỗ cái cây rồi ấn cô ngồi xuống. - Cô Banner, tôi chỉ cố giúp cô. - Tôi ghé răng cắn diềm bộ áo Chủ nhật của cô và xé toạc.

- Cô làm gì thế! - Cô quát.

- Có sao đâu? - Tôi nói. - Đẳng nào thì cô cũng sắp chết. - Tôi xé diềm áo cô thành ba dải vải. Tôi dùng một dải trói tay cô ra đằng sau thân cây gậy guộc. Lúc này cô run như giẻ.

- Cô Moo, hãy để tôi giải thích, - cô bắt đầu nói, nhưng tôi đã buộc dải vải khác quanh miệng cô.

- Giờ cô có hét lên cũng chẳng ai nghe thấy, - tôi nói. Cô lẩm bẩm ư-ư-ư. Tôi buộc nốt dải vải kia quanh mắt cô. - Giờ cô không thể nhìn thấy cái việc kinh khủng tôi phải làm. - Cô bắt đầu đá

lia lia. Tôi đe. - Cô Banner, nếu cô vùng vẫy kiểu này, tôi có thể lỡ tay và chỉ đập nát được mắt hoặc mũi cô thôi. Rồi tôi lại phải làm lần nữa...

Cô khóc, tiếng tắc nghẹn, lắc lắc đầu và nẩy nẩy mông.

- Sẵn sàng chưa, cô Banner?

Cô kêu u-u và lắc đầu, lắc toàn thân, lắc cả cái cây, mạnh đến nỗi lá cây bắt đầu rụng như đang mùa thu.

- Vĩnh biệt, - tôi nói rồi dấm nhẹ vào đầu cô. Đúng như tôi nghĩ, cô ngất ngay lập tức.

Việc tôi đã làm là tầm thường nhưng không khủng khiếp. Việc tôi làm tiếp theo là tốt nhưng lại là lừa dối. Tôi đến một bụi hoa. Tôi bẻ một cái gai nhọn và đâm vào ngón tay cái của tôi. Tôi vắt và rỏ máu lên đằng trước áo cô, dọc theo trán và mũi cô. Rồi tôi chạy đi kiếm những người Thờ phụng Jesus. Chao ôi, họ tha hồ ca ngợi và an ủi cô. Cô Banner can đảm! - cố ngăn viên Tướng ăn trộm con la. Cô Banner tội nghiệp! - bị đánh và bỏ mặc cho chết. Bác sĩ Quá Muộn xin lỗi vì không còn thuốc thang để chườm những vết sưng tấy trên mặt cô. Cô Chuột nói thật buồn vì cô Banner đã mất hộp âm nhạc. Bà Amen nấu súp người ốm cho cô.

Khi chỉ còn lại tôi và cô trong phòng, cô Banner nói:

- Cảm ơn cô Moo. Tôi không xứng đáng với một người bạn trung thành như thế này. - Tôi nhớ là rất tự hào vì những lời của cô. Cô cũng nói, - Từ nay trở đi, tôi sẽ luôn tin cô.

Đúng lúc đó Dị Ban vào phòng, không gõ cửa. Anh ta ném cái túi da lên sàn. Cô Banner há hốc miệng. Cái túi đựng quần áo của cô để bỏ trốn. Giờ bí mật của cô đã bị lộ. Mọi sự hèn hạ và lòng tốt của tôi đều vô tích sự.

- Tôi tìm thấy cái này ở nhà lều, - Dị Ban nói. - Tôi tin rằng nó là của cô. Nó đựng mũ, mấy đôi găng, dây chuyền và lược chải tóc của cô. - Dị Ban và cô Banner nhìn nhau trừng trừng một lúc lâu. Cuối cùng anh ta nói. - May cho cô, ông Tướng đã quên mang nó theo. - Anh ta cho cô biết sẽ giữ kín cho cô một việc đáng khinh.

Suốt tuần đó, trong khi làm việc tôi tự hỏi, vì sao Dị Ban cứu cô Banner thoát khỏi nhục nhã? Không như tôi, cô chưa bao giờ là bạn anh ta. Tôi đã nghĩ đến việc đó lúc tôi kéo cô Banner từ dưới sông lên. Khi cứu mạng một người, người đó trở thành một phần của bạn. Sao lại thế? Lúc đó tôi nhớ ra Dị Ban và tôi đều có trái tim cô đơn như nhau. Cả hai chúng tôi đều muốn có người thuộc về mình.

Dị Ban và cô Banner nhanh chóng trải qua nhiều giờ dài dằng dặc bên nhau. Hầu hết họ nói chuyện bằng tiếng Anh, vì thế tôi phải hỏi cô Banner họ nói những gì. Ô, cô bảo, chẳng có gì quan trọng: về cuộc sống của họ ở Mỹ, ở Trung Quốc, cái gì khác biệt, cái gì hay hơn. Tôi cảm thấy ghen tị, biết rằng cô và tôi chưa bao giờ nói về những việc không quá quan trọng như thế này.

- Cái gì hay hơn? - Tôi hỏi.

Cô cau mày và lục lọi trong trí. Tôi đoán cô đang cố xem trong nhiều thứ của Trung Quốc, cô có thể coi điều gì là thích nhất.

- Người Trung Quốc rất lịch thiệp, - cô nói, rồi nghĩ một chút. - Không quá tham lam.

Tôi đợi cô nói tiếp. Tôi tin chắc cô sẽ nói Trung Quốc đẹp hơn, suy nghĩ của chúng tôi sâu sắc hơn, dân tộc chúng tôi tinh tế hơn. Nhưng cô không nói thế.

- Còn ở Mỹ có gì tốt hơn? - Tôi hỏi.

Cô nghĩ một chút.

- Ở... tiện nghi và sạch sẽ, các cửa hàng và trường học, đường dành cho người đi bộ và đường dành cho xe, nhà cửa và giường nằm, kẹo bánh, trò chơi và đồ chơi, tiệc trà và lễ mừng sinh nhật, ồ, cả những cuộc duyệt binh âm ỹ, những bữa ăn ngoài trời trên cỏ, chèo thuyền, cài hoa

lên mũ, mặc quần áo đẹp, đọc sách, viết thư cho bè bạn... - Cô nói, nói mãi, cho đến khi tôi cảm thấy mình tầm thường và bẩn thỉu, xấu xí, ngô nghê và nghèo khổ. Tôi thường không thích tình trạng của mình. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi không ưa mình theo kiểu này. Tôi thấy nôn nao ghen tị, không phải vì những thứ của Mỹ mà cô nói tới, mà vì cô có thể nói chuyện với Dị Ban những thứ cô thiếu và anh ta hiểu những khao khát xưa cũ của cô. Anh ta thuộc về cô theo kiểu mà tôi không thể.

- Cô Banner, - tôi hỏi cô. - cô cảm thấy cái gì đó về Dị Ban Johnson phải không?

- Cảm thấy? Ừ, có lẽ. Nhưng chỉ là một người bạn, tuy không là bạn tốt như cô.Ồ! Không phải là cảm tình giữa nam nữ đâu - không, không, không! Với lại, anh ta là người Trung Quốc, ờ, không trọn vẹn nhưng một nửa, thế còn tệ hơn... Ở đất nước tôi, một người phụ nữ không thể... ý tôi là những quan hệ bạn bè lãng mạn như thế này không bao giờ được phép.

Tôi mỉm cười, những nỗi lo âu của tôi dịu lại.

Rồi không hiểu vì sao, cô bắt đầu chỉ trích Dị Ban Johnson.

- Tôi phải nói với cô rằng, anh ta nghiêm trang kinh khủng! Không hề có cảm giác hài hước! Nghĩ về tương lai rất u ám. Anh ta bảo Trung Quốc đang hồi rắc rối, ngay ở Xương Miên cũng sắp không an toàn. Lúc tôi cố làm anh ta vui lên, trêu chọc anh ta một chút, anh ta không hề cười... - Cô phê phán Dị Ban suốt chiều hôm ấy, nói tới mọi khiếm khuyết nho nhỏ của anh ta và cách cô có thể sửa chúng. Cô phàn nàn về Dị Ban nhiều đến mức tôi biết cô thích anh ta hơn là cô nói. Không chỉ là một người bạn.

Tuần sau đó, tôi quan sát họ ngồi trong sân. Tôi thấy anh ta học cười ra sao. Tôi nghe thấy giọng nói sôi nổi của đôi trai gái đang chòe chèo nhau. Tôi biết trong trái tim cô Banner có một thứ đang lớn lên, và tôi phải hỏi nhiều câu mới khám phá ra nó là gì.

Chị sẽ kể chuyện này cho em, Libby-ah. Thứ mà cô Banner và Dị Ban có giữa hai người là tình yêu lớn lao và bất biến như bầu trời. Cô bảo chị thế. Cô nói:

- Trước kia tôi đã biết nhiều loại tình yêu, chưa bao giờ như thế này. Với mẹ tôi và các em trai tôi là tình yêu bi thảm, loại tình yêu làm ta nhức nhối, phân vân có nên nhận hay không. Với cha tôi là loại tình yêu không chắc chắn. Tôi yêu quý ông, nhưng không biết ông có yêu tôi không. Với những người tình cũ, tôi có tình yêu ích kỷ. Họ cho tôi chỉ vừa đủ những thứ nhận được từ tôi. Giờ tôi rất mãn nguyện. Với Dị Ban, tôi đang yêu và đã yêu, đầy đặn và thoải mái, không mong đợi gì hơn là những thứ đã nhận. Tôi như một vì sao đang rơi, cuối cùng tìm thấy chỗ của mình cạnh một vì sao khác trong một chòm sao đáng yêu, chúng tôi sẽ lấp lánh mãi mãi bên nhau trên bầu trời.

Tôi mừng cho cô Banner và buồn cho phận mình. Cô ở đây, kể về niềm vui lớn nhất của cô, và tôi không hiểu lời lẽ của cô có ý gì. Tôi tự hỏi liệu tình yêu xuất phát từ cảm giác quan trọng của người Mỹ như cô có đưa đến kết cục khác của tôi hay không. Hoặc có khi tình yêu này giống như một thứ bệnh, người nước ngoài hơi nóng hoặc lạnh một tí cũng phát ốm. Lúc này da cô ửng hồng, mắt cô sáng và to. Cô đã quên thời vừa qua.

-Ồ, đã muộn thế rồi ư? - Cô hay nói. Cô lóng ngóng và cần Dị Ban đỡ cho vững lúc đi. Giọng cô thay đổi, trở nên cao vút và riu rít như trẻ con. Ban đêm, cô hay rên rĩ. Cô rên rĩ nhiều giờ liền. Tôi lo cô bị sốt rét. Nhưng đến sáng, cô lại khoẻ mạnh.

Đừng cười chị nhé, Libby-ah. Trước kia chị chưa từng thấy loại tình yêu như thế. Mục sư và bà Amen không như thế này. Trai gái trong làng cũ của chị cũng không thế này, chí ít là trước mặt người khác. Bộc lộ sự quan tâm đến người yêu hơn với mọi người trong gia đình - cả người sống lẫn người chết - là điều đáng xấu hổ.

Chị cho tình yêu của cô là một trong những điều xa xỉ của người Mỹ, một thứ mà người Trung Quốc không có khả năng. Cô và Dị Ban trò chuyện nhiều giờ mỗi ngày, đầu họ chụm lại như hai bông hoa rủ xuống vì nắng. Dù họ nói tiếng Anh, chị có thể thấy cô khởi đầu một ý nghĩ và anh ta kết thúc. Rồi anh ta nói, chăm chú nhìn cô, và nếu nghĩ sai, cô sẽ tìm ra lời để diễn đạt. Nhiều

lần, tiếng họ nhỏ và tỉ tê, rồi khẽ hơn và tỉ tê hơn, rồi họ nắm lấy tay nhau. Họ cần hơi ấm của làn da cho xứng với sự sôi nổi trong tim. Họ ngắm nhìn sự sống trong mảnh sân - bụi cây thiêng, từng cái lá trong bụi, một con bướm đêm trên lá, anh ta đặt con bướm lên lòng bàn tay cô. Họ ngạc nhiên vì con bướm này như thể nó là sinh vật mới lạ trên trái đất, một nhà hiền triết bất tử trá hình. Chị có thể thấy cô ôm giữ cẩn thận sinh mạng này giống như tình yêu cô luôn bảo vệ, không bao giờ để nó bị tổn thương.

Quan sát mọi sự, chị hiểu về tình yêu lãng mạn. Chị cũng sớm có chuyện tán tỉnh riêng của mình - em có nhớ Tăng, anh chàng bán ma túy một tai không? Anh ta là người đàn ông dễ thương, nom không xấu dù chỉ có một tai. Không quá già. Nhưng chị hỏi em: Mỗi tình lãng mạn đến chừng nào thì có thể nói về những cái hũ nứt và những quả trứng vịt?

Một hôm, Tăng đến với chị như thường lệ, mang một cái hũ khác. Chị bảo anh ta:

- Không cần hũ nữa, tôi không có trứng để cất, không có gì trả anh.

- Cứ lấy cái hũ, - anh ta nói. - Tuần sau cho tôi một quả trứng.

- Tuần sau tôi không có gì cho anh đâu. Cái ông tướng rởm người Mỹ đã lấy trộm hết tiền của những người Thờ phụng Jesus rồi. Chúng tôi chỉ còn đủ thức ăn cho đến chuyến tàu từ Quảng Châu mang tiền của phương Tây tới.

Tuần sau, Tăng trở lại, vẫn mang theo cái hũ. Song lần này, hũ đầy những gạo. Tình cảm mới nặng làm sao! Tình yêu này là gì vậy? Tình yêu là gạo trong hũ, không cần một quả trứng trả lại?

Chị nhận cái hũ. Chị không nói: "Cảm ơn, anh mới tử tế làm sao, một ngày nào đó em sẽ đền đáp". Chị thích - em gọi là thế nào nhỉ? - một nhà ngoại giao.

- Tăng à, - chị gọi lúc anh ta định về. - Sao quần áo anh lúc nào cũng bẩn thế? Nhìn các vết dầu mỡ trên khuỷu tay anh kia! Ngày mai anh mang quần áo đến đây, tôi sẽ giặt cho. Nếu anh muốn tán tỉnh tôi, ít ra trông anh cũng phải sạch sẽ chứ.

Em thấy không? Ít ra chị cũng biết một cuộc tình lãng mạn là như thế nào chứ.

Mùa đông đã đến, Ermei vẫn còn nguyên rửa Tượng Cape ăn cắp cái đùi lợn. Vì tất cả chỗ thịt xông khói mất hết, cả thịt tươi cũng vậy. Cô đã giết hết lợn, gà, vịt, hết con này đến con khác. Tuần nào, bác sĩ Quá Muộn, mục sư Amen và Dị Ban cũng mất nhiều giờ xuống Kim Điền xem thuyền mang tiền từ Quảng Châu đến chưa. Và tuần nào họ cũng về nhà với bộ mặt chảy dài.

Có lần, họ về, máu chảy ròng ròng trên các bộ mặt rầu rĩ. Các bà các cô chạy ùa đến, vừa kêu vừa khóc: bà Amen đến với mục sư Amen, cô Chuột đến với bác sĩ Quá Muộn, cô Banner đến với Dị Ban. Lão Lục và tôi chạy ra giếng. Trong lúc đó, các bà rồi rít lau rửa vết máu, mục sư Amen kể chuyện xảy ra và Dị Ban dịch lại cho chúng tôi.

- Họ gọi chúng tôi là quỷ dữ, là kẻ thù của Trung Quốc!

- Ai? Ai gọi? - Các bà kêu to.

- Bọn Thái Bình! Tôi sẽ không gọi họ là những người Thờ phụng Jesus nữa! Họ điên rồi, những người Thái Bình ấy. Lúc tôi nói: "Chúng tôi là bạn của các vị", họ ném đá vào tôi, định giết tôi!

- Vì sao? Sao vậy?

- Vì cách nhìn của họ! - Mục sư kêu to nhiều câu nữa, rồi quỳ gối và cầu nguyện.

Chúng tôi nhìn Dị Ban và anh lắc đầu. Mục sư bắt đầu giờ nắm tay đấm vào không khí, rồi lại cầu nguyện. Ông ta chỉ vào đoàn truyền giáo và lải nhải cầu nguyện thêm. Ông ta chỉ vào cô Chuột, cô đang khóc và vỗ vỗ vào mặt bác sĩ Quá Muộn dù không còn máu để lau. Ông ta chỉ vào bà Amen, phun ra một hồi. Bà ta đứng dậy rồi bỏ đi. Lão Lục và tôi giống như người câm-điếc, vô tội trước những lời ông ta nói.

Đêm đến, chúng tôi ra vườn của Ma thương nhân tìm Dị Ban và cô Banner. Tôi nhìn thấy bóng của họ trong lều trên đỉnh quả đồi nhỏ, đầu cô ngã vào vai anh ta. Lão Lục không trèo lên đó vì sợ ma. Thế là tôi huyết sáo cho đến lúc họ nghe thấy. Họ đi xuống, tay trong tay, và chỉ buông ra khi nhìn thấy tôi. Dưới ánh sáng của mảnh trăng lưỡi liềm, Dị Ban kể mọi tin tức cho chúng tôi nghe.

Anh ta đã nói chuyện với một ngư dân khi đi cùng mục sư và bác sĩ Quá Muộn đến dòng sông để biết tin về các con thuyền. Ngư dân đó nói với anh:

- Không có thuyền, không bây giờ, không sớm, có khi không bao giờ. Thuyền của Anh tắc trên các dòng sông. Không đến, không đi. Hôm qua những người nước ngoài chiến đấu vì Chúa, hôm nay vì Mãn Châu. Có lẽ ngày mai Trung Quốc tan thành nhiều mảnh và người nước ngoài sẽ nhặt, bán chúng cùng với thuốc phiện của họ.

Dị Ban nói các cuộc chiến suốt từ Túc Châu đến Quảng Châu. Dân Mãn Châu và người nước ngoài đang bị các thành phố do Thiên Hoàng trị vì tấn công. Mười-mười ngàn Thái Bình bị giết, cả trẻ sơ sinh và các em bé. Ở một số nơi, người ta chỉ thấy các xác Thái Bình thối rữa; ở các thành phố khác, chỉ toàn xương người da trắng. Quân Mãn Châu sắp đến Kim Điền.

Dị Ban để chúng tôi ngẫm nghĩ về tin này.

- Lúc tôi dịch lại lời người dân chài kia nói cho mục sư, ông ta quỳ xuống và cầu nguyện như các vị thầy chiều nay. Những người Thờ phụng Chúa ném đá vào chúng tôi. Bác sĩ Quá Muộn và tôi bắt đầu chạy, chúng tôi gọi mục sư nhưng ông ta không đi. Những hòn đá trúng vào lưng, vào cánh tay, căng chân, rồi vào trán ông ta. Lúc mục sư ngã ra đất, máu và sự nhân nại chảy tuốt khỏi đầu ông. Đó là lúc ông ta mất cả niềm tin. Ông ta gào: “Chúa ơi, sao Người phản bội con? Vì sao? Vì sao Người lại phái viên tướng rơm ấy đến chỗ chúng con, lấy cắp hết mọi hy vọng của chúng con?”

Dị Ban ngừng kể. Cô Banner nói gì đó với anh ta bằng tiếng Anh. Anh ta lắc đầu. Vì thế cô Banner nói tiếp:

- Chiều hôm nay, lúc các vị nhìn thấy mục sư quỳ gối, ông ta lại để các ý nghĩ xấu xa trào ra khỏi đầu. Đến lúc này, ông ta không chỉ mất lòng tin mà còn mất cả sáng suốt. Ông ta gào lên: “Ta căm thù Trung Quốc! Ta căm thù người Trung Quốc! Ta căm thù những cái nhìn quanh co, những trái tim lừa đảo của bọn chúng. Chúng không có linh hồn để cứu vớt”. Ông ta nói: “Giết hết dân Trung Quốc, giết tất cả đi, chỉ xin đừng để tôi chết cùng với chúng”. Ông ta chỉ vào các nhà truyền giáo khác và kêu to: “Mang bà ta, mang anh ta, mang cô ta đi”.

Sau ngày hôm đó, nhiều sự đổi thay, giống những quả trứng của tôi. Mục sư Amen hành động như một cậu bé, hay than phiền và khóc lóc, ngang bướng, quên hẳn mình là ai. Nhưng bà Amen không giận ông. Đôi khi bà quát mắng với ông, còn hầu như lúc nào bà cũng cố dỗ dành ông. Lão Lục kể đêm hôm ấy bà để mục sư cuộn sát người bà. Giờ đây họ như vợ với chồng. Bác sĩ Quá Muộn để cô Chuột săn sóc vết thương của ông ta rất lâu, sau khi chẳng còn gì để lành. Đêm khuya, khi tưởng mọi người đã ngủ nhưng thực ra là chưa, một cánh cửa mở ra rồi đóng lại. Tôi nghe thấy tiếng bước chân, rồi tiếng thì thào của Dị Ban và tiếng thở dài của cô Banner. Tôi bối rối khi nghe những tiếng ấy đến mức ngay sau đó, tôi đào cái hộp âm nhạc của cô và trả lại. Tôi bảo cô:

- Xem Tướng Cape đã quên mang cái gì này.

Hết người hầu này đến người khác bỏ đi. Lúc này trời quá lạnh, ban đêm muối không còn ra ngoài nữa, những người Trung Quốc duy nhất còn lại trong ngôi nhà Ma thương nhân là Lão Lục và tôi. Tôi không tính Dị Ban vì không còn coi anh ta nhiều phần Trung Quốc hơn Johnson nữa. Dị Ban ở lại vì cô Banner. Lão Lục và tôi ở lại vì chúng tôi có những quả trứng vịt chôn trong vườn ngôi nhà này. Chúng tôi cũng biết rằng nếu chúng tôi ra đi, không người nước ngoài nào biết cách ở lại mà sống được.

Ngày ngày, Lão Lục và tôi tìm kiếm đồ ăn. Vì đã từng là một sơn nữ nghèo, nên tôi biết tìm ở

dầu. Chúng tôi lục lọi dưới gốc cây, nơi ve sầu ngủ. Ban đêm chúng tôi ngồi trong bếp, đợi côn trùng và chuột mò ra tìm những mảnh vụn chúng tôi không thể nhìn thấy. Chúng tôi leo lên núi, hái chè hoang và đào măng. Thỉnh thoảng chúng tôi bắt được một con chim quá già hoặc quá lơ ngơ không bay kịp. Mùa xuân, chúng tôi vớt cào cào, châu chấu trên các cánh đồng. Chúng tôi tìm ếch, sâu bọ và dơi. Phải đuổi dơi vào một chỗ hẹp và để chúng bay cho đến khi rơi xuống vì kiệt sức. Chúng tôi rán những con vật bắt được trong dầu. Tôi kiểm dầu của Tăng. Giờ anh và tôi trò chuyện nhiều hơn là chỉ nói về các hũ nút và trứng, những chuyện vui như lần đầu tiên tôi dọn cho cô Banner một thứ đồ ăn mới.

- Cái gì đây? - Cô hỏi. Cô gi mũi vào bát, nhìn và ngửi. Đây nghi ngờ.

- Thịt chuột, - Tôi nói.

Cô nhắm mắt lại, đứng dậy và bỏ ra khỏi phòng. Khi những người còn lại hỏi tôi nói gì, Dị Ban giải thích bằng tiếng của họ. Tất cả lắc đầu rồi ăn ngon lành. Sau này tôi hỏi Dị Ban đã nói gì.

- Thịt thỏ, - anh nói. - Tôi nói trước kia cô Banner có một con thỏ cưng.

Sau đó, bất cứ khi nào những người nước ngoài hỏi Lão Lục và tôi nấu món gì, tôi bảo Dị Ban nói với họ:

- Thịt thỏ loại khác. - Họ biết không nên hỏi chúng tôi nói thật hay không.

Tôi không nói chúng tôi có nhiều thứ để ăn. Cần phải có nhiều loại thỏ mới đủ nuôi tám miệng ăn, mỗi ngày hai hoặc ba lần. Kể cả bà Amen cũng mỗi ngày một gày đi. Tăng nói chiến tranh ngày càng dữ dội. Chúng tôi nuôi hy vọng một bên thắng, bên kia thua để chúng tôi có thể trở lại cuộc sống khấm khá hơn. Chỉ mục sư Amen là hạnh phúc, ông ta bị bỏ như một đứa trẻ.

Một ngày kia, Lão Lục và tôi thấy mọi sự ngày càng xấu hơn, cho đến lúc này là xấu nhất. Chúng tôi đồng tình bây giờ là thời gian tốt nhất để ăn trứng vịt. Chúng tôi bàn cãi một chút về việc chia mỗi người mấy quả. Điều này phụ thuộc vào Lão Lục và tôi nghĩ thời gian tồi tệ nhất sẽ kéo dài bao lâu, và chúng tôi phải chỉ ra bao nhiêu trứng cho ổn thỏa. Rồi phải thống nhất chia trứng vào sáng hay tối. Lão Lục nói buổi sáng là tốt nhất, vì chúng tôi có thể mơ được ăn trứng và trở thành hiện thực. Lão nói, chúng tôi sẽ vui mừng vì thức giấc và phát hiện ra mình còn sống. Thế là mỗi buổi sáng, chúng tôi cho mỗi người một quả trứng. Cô Banner thích lòng trắng trứng màu xanh, mẩn mẩn, mịn, ngon hơn thịt thỏ, cô bảo thế.

Em thử tính hộ chị xem, Libby-ah. Mỗi ngày tám quả trứng, gần một tháng là bao nhiêu? - hai trăm bốn mươi quả trứng vịt. Chà! Chị đã làm được rõ nhiều! Nếu lúc này chị bán những quả trứng ấy ở San Francisco, chà, là cả một gia sản! Thực ra, chị còn làm nhiều hơn chỗ đó. Giữa hè, đoạn cuối của quãng đời ấy, chị còn ít nhất hai hũ trứng. Ngày chúng tôi chết, cô Banner và tôi vừa cười vừa khóc, nói lẽ ra chúng tôi phải ăn nhiều trứng hơn.

Nhưng làm thế nào một con người có thể biết mình sắp chết? Nếu biết, bạn có thay đổi được sự việc không? Bạn có thể bóc nhiều trứng hơn mà không tiếc? Biết đâu bạn lại chết vì đau dạ dày.

Dù sao thì, Libby-ah, giờ nghĩ lại việc này, chị chẳng có gì ân hận. Chị mừng vì không ăn hết số trứng. Giờ chị có thứ để cho em xem. Chị em mình sẽ đào chúng sớm thôi. Em và chị, chúng ta có thể ném những quả còn lại.

13. ƯỚC MƠ THIẾU NỮ

Buổi sáng đầu tiên ở Trung Quốc, tôi tỉnh giấc trong căn phòng tối om của khách sạn ở Quế Lâm và thấy một hình dáng cúi xuống giường tôi, nhìn tôi trùng trùng với cái nhìn tập trung của kẻ giết người. Tôi định hét lên thì nghe thấy Quan nói bằng tiếng Trung:

- Ngủ nghiêng, nên đây là lý do tư thế của em xấu thế. Từ nay trở đi, em phải nằm ngửa mà ngủ. Cũng phải tập đấy.

Chị bật đèn đánh tách và bắt đầu trình diễn, tay chống nạnh, vắn eo như một giáo viên thể dục những năm sáu mươi. Tôi tự hỏi chị sẽ đứng bên giường tôi bao lâu, đợi tôi tỉnh để chị có thể giới thiệu lời tư vấn tự nguyện mới nhất của chị. Giường chị đã xếp dọn gọn gàng.

Tôi nhìn đồng hồ và nói, giọng cục cằn:

- Quan, mới năm giờ sáng.

- Đây là Trung Quốc. Mọi người dậy cả rồi. Chỉ có em còn ngủ.

- Không phải là tất cả.

Chúng tôi mới ở Trung Quốc chưa đầy tám giờ, mà chị đã nắm quyền điều hành cuộc sống của tôi. Chúng tôi đang ở trên đất của chị, chúng tôi phải theo các quy định của chị, nói tiếng nước chị. Chị đang trên thiên đường Trung Quốc.

Nắm lấy chần của tôi, chị cười to:

- Libby-ah, dậy mau. Chị muốn về thăm làng chị, làm mọi người ngạc nhiên. Chị muốn Mẹ Lớn há to miệng và nói: "Này, mẹ nghĩ đã đuổi mày đi rồi. Sao mày còn trở lại?"

Quan mở toang cửa sổ. Chúng tôi ở khách sạn Sheraton Quế Lâm, đối diện với sông Li. Bên ngoài trời vẫn tối. Tôi nghe thấy tiếng trăng! trăng!, âm thanh như một phòng chơi bắn đạn ồn ào. Tôi đến bên cửa sổ và nhìn xuống. Những người bán hàng rong đạp xe ba bánh rung chuông, chào hỏi nhau lúc chở các thùng ngũ cốc, dưa hấu và cái củ ra chợ. Đại lộ lớn chồm bóng xe đạp và ô tô, công nhân và học sinh, tất cả chuyện trò ríu rít và bấm còi ầm ỹ, la hét và cười cợt như thể giữa trưa vậy. Trên tay lái một cái xe đạp lủng lẳng nhiều cái thủ lợn to tướng, dây xâu qua lỗ mũi, những cái mõm trắng ớn quần lên trông cái cười chí tử.

- Nhìn kia, - Quan chỉ xuống đường phố có nhiều quầy đèn lò mờ. - Chúng ta có thể mua bữa sáng ở đây, vừa rẻ vừa ngon. Hay hơn là phải trả chín đôla cho một bữa ở khách sạn, để làm gì kia chứ? Bánh rán, nước cam, thịt lợn muối hun khói, ai mà thích được?

Tôi nhớ lại cuốn sách hướng dẫn du lịch của chúng tôi, khuyên nên tránh xa các loại đồ ăn của những người bán rong trên phố.

- Chín đôla đâu phải quá nhiều, - tôi lý luận.

- Chà! Em đừng nghĩ kiểu như thế nữa. Giờ em đang ở Trung Quốc. Ở đây, chín đôla là nhiều tiền lắm, là lương một tuần đấy.

- Vâng, nhưng thực phẩm rẻ có thể bị ngộ độc.

Quan chỉ ra đường phố:

- Nhìn kia. Tất cả những người kia có bị ngộ độc không? Nếu em muốn chụp ảnh món ăn Tàu, em phải ném các món Tàu đích thực. Mùi vị thấm vào tận lưỡi, đi vào trong dạ dày em. Dạ dày là nơi cảm nhận chính xác. Nếu em chụp ảnh, những cảm giác thực thụ này từ dạ dày em sẽ lộ ra, để mọi người có thể chỉ xem ảnh của em cũng như được nếm món ăn vậy.

Quan nói đúng. Tôi là ai mà bức dọc vì mang về nhà vài con ký sinh kia chứ? Tôi mặc vội đồ ấm rồi ra hành lang, gõ cửa phòng Simon. Anh đã ăn vận chỉnh tề và trả lời ngay.

- Anh không sao ngủ được, - anh thú nhận.

Năm phút sau, ba chúng tôi đã ở trên vỉa hè. Chúng tôi dạo qua hàng chục quầy bán đồ ăn, một số trang bị lò hơi xách tay, số khác có vỉ nướng tạm thời. Khách hàng ngồi xõm thành hình bán nguyệt trước quầy, ăn mì sợi hoặc bánh bao. Cờ thể tôi bị kích thích vì một mẻ vẻ hào hứng. Quan chọn một người bán hàng rong đang đập những cái bánh đa lên các phía của cái trống đựng dầu nóng rực.

- Cho chúng tôi ba cái, - chị nói bằng tiếng Trung. Người bán hàng cạy bánh chín bằng những ngón tay trần đen đui, còn Simon và tôi kêu toáng lên lúc chúng tôi tung những cái Bánh Đa nóng bỏng lên xuống như các nghệ sĩ xiếc tung hứng.

- Bao nhiêu? - Quan mở ví.

- Sáu tệ, - người bán bánh nói.

Tôi nhắm tính, giá hơn một đôla chút ít, rẻ quá. Theo đánh giá của Quan, nó tương đương với bóp nặn.

- Đây, - chị chỉ vào một người bán hàng khác, - ông hỏi anh kia kìa, chỉ năm mươi xu một cái.

- Tất nhiên rồi! Anh ta là công nhân địa phương. Còn ba vị là khách du lịch.

- Anh nói gì vậy! Tôi cũng là người bản xứ.

- Bà ư? - Người bán hàng khịt mũi và hoài nghi ngấm ngấm chị. - Ở đâu thế?

- Xương Miên.

Lông mày ông ta nhếch lên ngờ vực.

- Thật sao! Bà biết những ai ở Xương Miên?

Quan nói một thôi một hồi mấy cái tên.

Người bán hàng vỗ đùi.

- Ngô Trạch Dân? Bà biết Ngô Trạch Dân?

- Tất nhiên rồi. Hồi bé, chúng tôi ở đối diện nhà nhau mà. Giờ ông ta ra sao? Hơn ba chục năm nay tôi chưa gặp.

- Con gái ông ta lấy con trai tôi.

- Vô lý!

Ông ta cười:

- Thật đấy. Hai năm trước. Vợ tôi và mẹ tôi đều phản đối vì cô gái là người Xương Miên. Họ có những suy nghĩ của người nhà quê cổ lỗ, họ vẫn tin rằng Xương Miên bị nguyên rủa. Không như tôi, tôi chẳng mê tín tí nào. Mùa xuân năm ngoái chúng đã có con, con gái, nhưng tôi chẳng bận tâm.

- Khó mà tin Ngô Trạch Dân đã là ông ngoại. Ông ta có khỏe không?

- Ông ta góa vợ từ hai chục năm trước, khi họ bị nhốt vào chuồng bò vì bị quy là phản cách mạng. Người ta đập nát bàn tay ông ấy nhưng không bẻ gãy được ý chí. Sau này, ông ta lấy Dương Linh Phương.

- Cũng không thể tin được! Cô ấy là em gái một người bạn học của tôi. Tôi không thể tin nổi! Tôi vẫn nhớ cô ấy là một cô bé mềm yếu.

- Không mềm yếu nữa đâu. Bà ấy có nước da trắng, dai như da thuộc, đã trải qua nhiều gian nan, để tôi kể cho mà nghe.

Quan và người bán hàng tiếp tục chuyện phiếm trong lúc Simon và tôi ăn bánh bốc hơi nghi

ngút trong giá lạnh buổi sớm. Bánh có vị như trộn lẫn bánh đa Ý với trứng trắng hành. Hết bữa, Quan và người bán hàng đã như bạn cũ, chị hứa chuyển lời hỏi thăm đến gia đình và bạn bè, ông ta khuyên chị cách thuê lái xe với giá hời.

- Tốt quá, ông anh, - Quan nói. - tôi phải trả anh bao nhiêu đây?

- Sáu tệ.

- Ái chà! Vẫn sáu tệ? Đắt quá, quá đắt. Tôi sẽ đưa anh hai tệ, không hơn.

- Vậy thì ba tệ.

Quan càu nhàu, trả tiền và chúng tôi đi. Khi đã cách nửa khu nhà, tôi thì thầm với Simon:

- Người đàn ông ấy nói Xương Miên bị nguyên rửa.

Quan nghe lỏm được.

- Xì! Đây là một câu chuyện cũ từ hàng ngàn năm rồi. Chỉ những kẻ ngu mới tin Xương Miên là nơi rủi ro để sống.

Tôi dịch cho Simon, rồi hỏi:

- Loại rủi ro gì vậy?

- Em không nên biết.

Tôi định nài chị thì Simon chỉ cho tôi cơ hội chụp bức ảnh đầu tiên - một cái chợ ngoài trời có những cái thùng đan bằng liễu gai đựng bưởi dày cùi, hạt đậu khô, trà lý, ớt. Tôi rút chiếc Nikon và bấm chụp, trong lúc Simon ghi chép.

- Những đám khói của bữa sáng cay xè trộn lẫn với sương mù buổi sớm, - anh nói to. - Này Olivia, em có thể chụp hướng này không? Chụp những con rùa, thịt rùa tuyệt lắm đấy.

Tôi hít vào thật sâu và hình dung đang hít đầy phổi chính cái không khí mà tổ tiên tôi đã hít, dù họ là ai đi nữa. Vì chúng tôi đến đây lúc khuya đêm trước, nên chưa kịp thấy quang cảnh Quế Lâm, những chóp núi đá vôi huyền thoại, những hang động đầy lò cuộn và các cảnh quan khác trong cuốn hướng dẫn, là những lý do làm địa danh này của Trung Quốc được biết đến như “nơi đẹp nhất trên trái đất”. Tôi phải trù hao những quảng cáo cường điệu và sẵn sàng xoay ống kính vào những khía cạnh tầm thường và đơn điệu hơn của sinh hoạt trên đất nước này.

Đi đường nào, chúng tôi cũng thấy đường phố đông nghẹt dân địa phương ăn mặc sặc sỡ và những người phương Tây béo ú mặc quần áo tập như nhiều người ở San Francisco sau thắng lợi Super Bowl lần thứ 49. Quanh chúng tôi là sự ồn ào huyền ảo của kinh tế thị trường tự do. Ở đây thừa mứa: đồ đạc các thứ lật vật, nhiều người bán vé xổ số, cổ phiếu có thưởng, áo phông, đồng hồ, xách tay in các logo lậu. Có nhiều đồ lưu niệm cho khách du lịch: huy hiệu Mao Chủ tịch, mười tám vị La Hán khắc trên một hạt óc chó, các pho tượng Phật bằng nhựa, theo cả hai mẫu: vừa gầy theo kiểu Tây Tạng vừa béo tròn. Dường như Trung Quốc đang tiếp thu những thuộc tính xấu nhất của chủ nghĩa tư bản: hàng hoá ế thừa, bán quá đắt, điên cuồng mua những thứ mà mọi người trên đời có và chẳng cần.

Simon lén tới bên tôi:

- Vừa hấp dẫn vừa thất vọng, - rồi anh nói thêm. - Nhưng anh thực sự mừng là đã đến đây. - Tôi tự hỏi liệu anh có ám chỉ việc đi cùng tôi không.

Ngược nhìn lên những đám mây, chúng tôi vẫn có thể nhìn thấy những chóp núi lạ lùng, giống răng cá mập thời tiền sử, chủ đề rập khuôn của các cuốn lịch Tàu và tranh cuộn. Nhưng nép trong các tảng đá cổ này là những tòa nhà cao tầng xấu xí, lớp vữa bên ngoài đầy bụi bẩn vì ô nhiễm công nghiệp, các biển quảng cáo đầy những chữ đỏ mạ vàng chói mắt. Giữa chúng là những ngôi nhà thấp hơn từ thế kỷ trước, quét toàn vôi màu xanh lục. Đây đó là gạch vụn của những ngôi nhà trước chiến tranh và những đồng rác bừa bãi. Toàn bộ quang cảnh tạo cho Quế

Lâm diện mạo và mùi hôi của một bộ mặt xinh đẹp nhưng bị hỏng vì son môi choe choét, hàm răng há ra, báo trước bệnh quanh răng.

- Em này, - Simon thì thảo. - Nếu Quế Lâm là thành phố đẹp nhất Trung Quốc, anh không đợi xem làng Xương Miên bị nguyên rửa trông ra sao đâu.

Chúng tôi bắt kịp Quan.

- Mọi thứ khác hoàn toàn, chẳng còn như cũ nữa. - Giọng chị nhuộm màu luyến tiếc. Ất hẳn chị buồn vì hơn ba chục năm qua, Quế Lâm đã thay đổi ghê gớm. Nhưng rồi Quan nói bằng giọng hân diện và ngạc nhiên. - Tiến bộ nhiều quá, mọi thứ tốt hơn nhiều.

Qua vài khối nhà xa hơn, chúng tôi chợt gặp một phần của thành phố làm chúng tôi kêu ré lên vì có nhiều cơ hội chụp ảnh: chợ chim. Hàng trăm cái lồng trang trí treo trên các cành cây, nhốt chim sẻ, các loại chim lạ lùng có bộ lông lộng lẫy, chim chào mào và dẻ quạt đang hót. Trên mặt đất là các lồng nhốt chim to tướng, có lẽ là đại bàng hoặc chim ưng, móng vuốt và mỏ uy nghi, đe dọa. Có cả những loại chim thông thường, gà, vịt mà số phận sẽ vào nồi hầm. Một bức ảnh chúng trên nền các loại chim đẹp và số phận may mắn hơn có thể là một minh họa ẩn tượng cho bài báo.

Tôi chưa chụp được nửa vòng chợ chim thì một người đàn ông xuyt tôi:

- Sùỵ sùỵ sùỵ!

Ông ta nghiêm khắc ra hiệu cho tôi đến gần. Ông ta là ai, cóm ngằm chắc? Chụp ảnh ở đây là bất hợp pháp? Nếu ông ta dọa tịch thu máy ảnh của tôi, tôi nên hối lộ bao nhiêu?

Người đàn ông trịnh trọng thò tay xuống gầm bàn và lôi ra một cái lồng.

- Cô thích? - Ông ta nói tiếng Anh. Trước mặt tôi là một con cú trắng như tuyết, nhiều chỗ màu cà phê sữa rất nổi. Trông nó như một con mèo Xiêm béo tốt có cánh. Con cú chớp chớp cặp mắt màu vàng óng làm tôi đắm mê.

- Này, Simon, Quan, lại đây. Nhìn con này này.

- Một trăm đôla Mỹ, - người đàn ông nói. - Rất rẻ.

Simon lắc đầu, vừa nói bằng thứ tiếng Anh đứt quãng vừa ra hiệu như kịch câm:

- Mang chim lên máy bay, không thể, nhân viên hải quan sẽ nói dừng lại, không cho phép, phải trả tiền phạt to...

- Bao nhiêu? - Người đàn ông hỏi thô lỗ. - Anh nói đi. Tôi cho anh giá mở hàng, giá tốt nhất.

- Đừng mặc cả, - Quan nói với ông ta bằng tiếng Trung. - Chúng tôi là khách du lịch, không thể mang chim về Mỹ, dù rẻ thế nào cũng không.

- À à à, ai bảo mang nó về? - Người đàn ông đáp nhanh bằng tiếng Trung. - Hôm nay mua, rồi đưa nó đến nhà hàng bên kia đường, kia kia. Cho họ ít tiền, họ nấu ngay bữa tối cho các vị.

- Lạy Chúa tôi! - Tôi quay sang Simon. - Ông ta bán con cú này làm đồ ăn!

- Tởm quá. Bảo ông ta là một thằng ngốc thảm hại.

- Anh bảo đi!

- Anh không biết nói tiếng Trung.

Chắc người đàn ông tưởng tôi giục chồng mua cho mình con cú để ăn tối. Ông ta nói giá bán cuối cùng với tôi.

- Các vị rất may là tôi có một con. Loại chim ưng-mèo này hiếm lắm, rất hiếm, - ông ta khoe. - Mất ba tuần tôi mới bắt được đấy.

- Em không tin, - tôi bảo Simon, - Em sắp nôn đây.

Lúc đó tôi nghe thấy tiếng Quan:

- Một con chim ưng-mèo không hiểm thế đâu, chỉ khó bắt. Ngoài ra, nghe nói mùi vị nó cũng bình thường thôi.

- Nói thật, - người đàn ông nói. - Nó không hăng xè như con tê tê. Nhưng các vị ăn chim ưng-mèo sẽ khoẻ mạnh và đầy tham vọng, đừng quá chú ý đến mùi vị. Nó cũng cải thiện mắt nữa. Một trong các khách hàng của tôi gần mù. Sau khi ăn một con chim ưng-mèo, lần đầu tiên sau gần hai chục năm, ông ta lại nhìn thấy vợ. Ông khách trở lại rửa tội: “Đồ chó! Nó xấu làm khi cũng hời. Mẹ mày, cho ông ăn con chim ưng-mèo ấy!”

Quan cười khoái trá:

- Phải rồi, tôi đã nghe chuyện này về chim ưng-mèo. Một câu chuyện hay. - Chị rút ví và giơ tờ một trăm tệ lên.

- Quan, chị làm gì thế? - Tôi kêu. - Chúng ta không ăn con cú này!

Người đàn ông gạt tờ một trăm tệ.

- Chỉ lấy tiền Mỹ, - ông ta nói kiên quyết. - Một trăm đô la Mỹ.

Quan rút ra một tờ mười đô la Mỹ.

- Quan! - Tôi quát.

Người đàn ông lắc đầu, từ chối mười đô. Quan nhún vai, rồi bỏ đi. Lúc đó người đàn ông rêu năm chục đô. Chị trở lại, giơ ra mười lăm đô và nói:

- Đây là giá cuối cùng.

- Thật điên rồ! - Simon lẩm bẩm.

Người đàn ông thở dài, rồi buông cái lồng đựng con cú có cặp mắt buồn, cứ than thở mãi:

- Thật nhục, làm bao nhiêu mới được tí tiền. Nhìn tay tôi này, ba tuần trèo núi, chặt cây mới bắt được con chim đó.

Lúc chúng tôi rời đi, tôi chộp lấy cánh tay còn rảnh của Quan và nóng nảy nói:

- Em sẽ không cho chị ăn thịt con cú này đâu. Em không cần biết chúng ta đang ở Trung Quốc.

- Suyt! Suyt! Em làm nó sợ! - Quan kéo cái lồng khỏi tầm tay tôi. Chị cười làm tôi nổi cáu, rồi bước tới bức tường bê tông nhìn xuống dòng sông, chị đặt cái lồng lên nóc tường. Chị kêu meo meo với con cú. - Này anh bạn nhỏ, cậu có muốn đến Xương Miên không? Cậu có muốn trèo lên đỉnh núi cùng tôi, để em gái tôi ngắm cậu bay không? - Con cú quay đầu và chớp chớp mắt.

Tôi suýt khóc vì mừng và ân hận. Sao tôi lại có những ý nghĩ xấu như thế về Quan? Tôi bẽn lẽn kể với Simon sự nhầm lẫn của tôi và sự hào phóng của Quan. Quan gạt ý định muốn xin lỗi của tôi đi.

- Anh trở lại chợ chim đây, - Simon nói, - để ghi chép về những con chim đẹp lạ lùng họ bán làm thức ăn. Em muốn đi không?

Tôi lắc đầu, hài lòng ngắm nghía con cú Quan cứu sống.

- Mười hoặc mười lăm phút nữa anh sẽ về.

Simon sai bước, tôi chú ý đến bộ dạng nghênh ngang đặc Mỹ của anh, nhất là ở đây, trên mảnh đất xa lạ. Anh ta bước đi theo nhịp riêng, chẳng theo đám đông.

- Nhìn thấy gì không? - Tôi nghe thấy Quan nói, - ở đằng kia kìa. - Chị chỉ một cái chớp hình nón ở xa xa. - Cạnh làng chị có một quả núi chớp nhọn hơn quả kia. Bọn chị gọi nó là Ước mơ thiếu nữ, sau khi một cô nọ lẹ chạy trốn lên đỉnh núi rồi bay đi cùng con chim hoàng là người

yêu của cô. Sau này, cô biến thành chim phượng, cô và người yêu của cô đến sống trong một khu rừng thông trắng bất tử.

Quan nhìn tôi.

- Chuyện kể thế, chỉ là mê tín thôi.

Tôi buồn cười thấy chị phải giải thích.

Quan nói tiếp:

- Các cô gái trong làng chị đều tin câu chuyện này, không phải vì họ ngu ngốc mà vì muốn có cuộc sống tốt đẹp hơn. Chúng tôi cho rằng nếu trèo được lên đỉnh núi và xin một điều ước, nó có thể thành hiện thực. Vì thế, bọn chị nuôi những con chim non, nhốt chúng vào lồng tự đan lấy. Khi chúng bay được, bọn chị trèo lên ngọn núi đó và thả cho chúng bay đi. Những con chim ấy sẽ nay đến nơi đôi phượng hoàng sống và truyền đến họ lời cầu ước của bọn chị.

Quan khịt mũi.

- Mẹ Lớn bảo ngọn núi ấy có tên là Ước mơ thiếu nữ vì một cô gái điên đã trèo lên đỉnh. Nhưng lúc cô ta thử bay bèn rơi xuống và đập mạnh vào mặt đất đến nỗi biến thành một tảng đá. Mẹ Lớn nói chính vì thế người ta thấy ở chân núi có nhiều tảng đá, tất cả là những cô gái ngớ ngẩn đi theo ý nghĩ điên rồ kia, ao ước những điều vô vọng.

Tôi bật cười. Quan nhìn tôi trừng trừng như thể tôi là Mẹ Lớn.

- Em đừng cản các cô gái mơ ước. Không! Ai cũng phải mơ ước. Chúng tôi mơ những điều chúng tôi hy vọng. Ngăn cản ước mơ giống như bảo không thể thay đổi được số phận. Không phải thế sao?

- Em nghĩ thế.

- Vậy em thử đoán chị ước gì.

- Em không biết. Gì vậy?

- Cứ đoán xem nào.

- Một ông chồng điển trai.

- Không.

- Một chiếc ô tô.

Chị lắc đầu.

- Trúng xổ số.

Quan cười và vỗ cánh tay tôi.

- Em đoán sai! Thôi được, để chị nói cho. - Chị ngược nhìn lên đỉnh núi. - Trước khi chị đi Mỹ, chị đã nuôi ba con chim chứ không chỉ một, vì thế chị có thể ước ba điều trên đỉnh núi. Chị tự nhủ, nếu ba điều ước này thành sự thực, đời chị coi như toàn vẹn và chị có thể vui vẻ mà chết. Điều ước thứ nhất của chị: có một đứa em gái để chị dành trọn yêu thương, chỉ thế thôi, và chị không đòi hỏi gì hết. Điều ước thứ hai: trở về Trung Quốc với em gái. Điều ước thứ ba là... - lúc này giọng Quan run run, - Mẹ Lớn chứng kiến chuyện này và nói mẹ tiếc là đã để chị ra đi.

Đây là lần đầu tiên Quan cho tôi thấy chị giận sâu sắc người đã xử tệ với chị.

- Chị đã mở lồng, - chị tiếp, - và để ba con chim bay đi. - Chị vung tay biểu diễn. - Nhưng một trong những con chim ấy không đập được cánh và xoáy theo những vòng bán nguyệt rồi rơi xuống chân núi như một hòn đá. Giờ em thấy chưa: hai điều ước của chị đã xảy ra: chị có em, chúng ta cùng về Trung Quốc. Đêm qua, chị nhận ra điều ước thứ ba sẽ không bao giờ thành hiện thực. Mẹ Lớn sẽ không bao giờ nói với chị là bà rất tiếc nữa.

Chị giờ cao cái lồng nhốt con cú.

- Nhưng giờ đây chị có một con chim ưng-mèo đẹp đẽ, có thể mang đi điều ước mới của chị. Khi nó bay đi, mọi nỗi buồn xưa sẽ bay theo nó. Cả hai chúng ta sẽ nhẹ nhõm, thoải mái.

Simon nhún nhảy trở lại.

- Olivia, em sẽ không tin nổi những thứ dân ở đây coi là đồ ăn đâu.

Chúng tôi nhằm hướng khách sạn, tìm chiếc ô tô chở một người bản xứ, hai khách du lịch và con chim ưng-mèo đến làng Xương Miên.

14. HELLO GOOD-BYE

Chín giờ, chúng tôi kiếm được một người lái xe, một thanh niên nhã nhặn biết chủ nghĩa tư bản hồi hả ra sao.

- Sạch, rẻ, nhanh, - cậu ta tuyên bố bằng tiếng Trung. Rồi cậu dọn một chỗ bên cạnh cho Simon.

- Cậu ta nói gì thế? - Simon hỏi.

- Cậu ta muốn anh biết cậu ta nói tiếng Anh.

Người lái xe làm tôi nhớ đến những thanh niên Hồng Kông nhanh nhẹn lượn lờ ở các phòng họp họp mốt của San Francisco, cũng mái tóc chải gôm như thế, móng tay ngón út để dài, cắt sửa hoàn hảo, tượng trưng rằng cuộc sống may mắn của cậu ta là có công việc không đến nỗi vất vả. Cậu ta cười với chúng tôi, phô bộ răng đầy vết nicotine.

- Các vị cứ gọi tôi là Rocky, - cậu ta nói tiếng Anh, giọng nặng chịch. - Giống ngôi sao điện ảnh nổi tiếng. - Cậu ta giơ tấm ảnh Sylveste Stallone¹ xé từ cuốn Từ điển Trung-Anh.

Chúng tôi cất va li quà và một máy ảnh dự phòng của tôi lên thùng xe. Những hành lý khác để ở khách sạn. Rocky phải đưa chúng tôi về đó tối nay, trừ khi bà dì của Quan nhất quyết mời chúng tôi nghỉ lại nhà bà - các gia đình Trung Quốc thường xử sự như thế. Nghĩ vậy nên tôi đã nhét một cái váng ngủ vào hộp đựng máy. Rocky vung tay mở cửa, và chúng tôi chui vào ghế sau chiếc Nissan màu đen, loại xe kiểu cũ không có dây an toàn và gối tựa đầu. Nhật Bản cho rằng cuộc sống Trung Quốc không đáng tiết kiệm sao?

- Trung Quốc hoặc là có lái xe cừ hơn hoặc không có các luật sư giỏi hơn, - Simon kết luận.

Biết chúng tôi là người Mỹ, Rocky khoái chí cho rằng chúng tôi thích nghe nhạc rõ to. Cậu ta cho một băng Eurythmic² vào máy, coi là món quà cho “những vị khách Mỹ xuất sắc” của cậu ta. Thế là Quan ở ghế trước, Simon, con cú và tôi ở ghế sau, chúng tôi khởi hành đến Xương Miên, bị đày đoạ vì giai điệu *Sisters are doing it for themselves*.

Các vị khách Mỹ xuất sắc của Rocky cũng dạy cho cậu ta chọn cách cho du khách thoải mái. Lúc chúng tôi vượt qua những đường phố đông đúc của Quế Lâm, Rocky thuật lại cho chúng tôi như đọc thần chú: “Các vị đi đâu? Tôi biết chỗ đó”. “Nhanh hơn? Quá nhanh? Không sao, José”. “Bao xa? Không xa. Quá xa”. “Bãi đỗ xe? Đợi một giây. Ngay đằng sau”. “Đừng lạc. Không sao. Bên ngoài lạnh”. Rocky giải thích cậu ta tự học tiếng Anh để một ngày nào đó thực hiện mơ ước là đến Mỹ.

- Ý tưởng của tôi là, - cậu nói bằng tiếng Trung, - trở thành một diễn viên điện ảnh nổi tiếng, chuyên về võ thuật. Tôi đã tập thái cực quyền hai năm. Lẽ tất nhiên, tôi không mong thành công lớn ngay từ lúc đầu. Có khi lúc mới đến, tôi phải làm nghề gì đó, lái taxi chẳng hạn. Nhưng tôi chăm chỉ. Ở Mỹ, người ta chưa biết dân Trung Quốc chăm nhường nào. Chúng tôi cũng biết chịu đựng. Những hoàn cảnh với tôi là bình thường nhưng với người Mỹ là không thể chịu nổi. Bà chị nghĩ có đúng thế không?

Quan “Hừm” một tiếng, mơ hồ. Tôi muốn biết có phải chị đang nghĩ đến người em rể nguyên là nhà hóa học di tản sang Mỹ, hiện giờ đi rửa bát vì quá sợ nói tiếng Anh sẽ bị người ta cho là ngu. Bỗng mắt Simon tròn tròn, còn tôi hét lên: “Cút!” khi chiếc xe gần như tạt sát hai nữ sinh đang nắm tay nhau. Rocky vẫn ba hoa về ước mơ của cậu ta:

- Nghe nói ở Mỹ các vị có thể kiếm năm đô một giờ. Với số tiền ấy, tôi phải làm mỗi ngày mười tiếng, ngày nào trong năm cũng phải làm. Như thế là năm chục đô một ngày! Tôi không thể kiếm được như thế trong một tháng, kể cả tiền thưởng. - Cậu ta nhìn chúng tôi qua kính chiếu hậu xem chúng tôi có hiểu lời gợi ý này không. Các sách hướng dẫn của chúng tôi viết rằng ở Trung Quốc, cho tiền thưởng là sỉ nhục; tôi chắc cuốn sách đó đã lạc hậu.

- Khi nào sống ở Mỹ, - Rocky nói tiếp, - tôi sẽ dành dụm phần lớn tiền nông, chỉ dùng một ít mua đồ ăn, thuốc lá, thỉnh thoảng xem phim và tất nhiên mua ô tô để hành nghề. Nhu cầu của tôi rất giản dị. Sau năm năm, tôi sẽ có gần một trăm ngàn đôla Mỹ. Nghĩa là nửa triệu tệ, nếu đổi ở chợ đen còn nhiều hơn. Dù trong năm năm tôi không thành ngôi sao điện ảnh, tôi vẫn có thể trở về Trung Quốc và sống như một người giàu có. - Cậu ta cười toe toét với niềm hạnh phúc tương lai. Tôi dịch lại cho Simon.

- Còn các chi phí thì sao? - Simon nói. - Tiền thuê nhà, gas, các dịch vụ, bảo hiểm ô tô.

- Đừng quên thuế thu nhập, - tôi nói.

Simon bổ sung:

- Chưa nói đến vé gửi xe và rửa xe. Bảo với cậu ta là ở Mỹ, với năm chục đô một ngày phần lớn là chết đói.

Tôi định dịch cho Rocky, thì chợt nhớ đến câu chuyện về Ước mơ thiếu nữ của Quan. Không thể cản con người mơ ước một cuộc sống khấm khá hơn.

- Chắc cậu ta sẽ không bao giờ sang được Mỹ, - tôi lý luận với Simon. - Tại sao lại làm hỏng giấc mơ của cậu ta bằng những lời cảnh báo chẳng bao giờ cần đến?

Rocky nhìn chúng tôi qua gương chiếu hậu và giơ ngón tay cái lên. Một giây sau, Simon nắm chặt ghế đằng trước, còn tôi kêu to: “Trời đất ơi!”. Chúng tôi suýt tông phải một phụ nữ trẻ đi xe đạp, đưa con ngồi vắt vẻo trên tay lái. Cuối cùng, người phụ nữ lạng sang bên phải và tránh đường cho chúng tôi.

Rocky cười to.

- Bên ngoài lạnh lắm, - cậu ta nói bằng tiếng Anh. Rồi cậu ta giải thích bằng tiếng Trung vì sao chúng tôi không nên lo. Quan quay lại dịch cho Simon:

- Cậu ấy nói ở Trung Quốc nếu lái xe chệch phải người, lái xe bao giờ cũng có lỗi dù người khác bất cẩn ra sao.

Simon nhìn tôi:

- Việc này có bảo đảm cho chúng ta không đây? Em có bỏ sót khi dịch không?

- Thật vô ý thức, - tôi bảo Quan lúc Rocky lạng lách trong dòng xe cộ. - Một người đi bộ chết là một người chết dù là lỗi của ai.

- Xì! Đây là người Mỹ nghĩ thế, - Quan đáp. Con cú lắc lư cái đầu và nhìn tôi chăm chú như muốn nói: “Hãy khôn ngoan lên, người nước ngoài ơi, đây là Trung Quốc, suy nghĩ của người Mỹ không hợp với ở đây đâu”. - Ở Trung Quốc, - Quan tiếp, - em luôn phải chịu trách nhiệm về người nào đó, bất kể là gì. Em bị chệch là lỗi của chị, cô em gái bé bỏng của chị ạ. Giờ em hiểu chưa?

- Vâng, - Simon nín thở nói.

Con cú mổ vào lồng.

Xe chúng tôi đi qua một vệt các cửa hàng bán đồ mây, song và mũ rơm. Rồi ở ngoại ô, hai bên đường hết dăm này đến dăm khác là các quán ăn một phòng giống hệt nhau. Một số đang xây dựng, tường xếp nhiều lớp gạch, đầy bùn, nước vôi. Căn cứ vào các tấm biển hiệu loè loẹt đằng trước, tôi đoán tất cả các cửa hàng này cùng thuê một họa sĩ. Quảng cáo các món đặc sản như nhau: xô-da cam và mì sợi nóng. Đây là sự cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản được tiếp nhận thái quá. Các cô phục vụ rồi việc ngồi chầu hẫu bên ngoài, ngắm xe chúng tôi vèo qua. Cũng là một cách sống. Não của họ chắc phải teo quắt đi vì buồn chán. Trong đời, họ có từng chửi bới số phận không? Nó giống như kiếm được khoảng trống trong môn cờ bạc và chẳng có gì. Simon bực tức ghi chép. Anh đã quan sát với nỗi thất vọng y như thế chẳng?

- Anh ghi gì thế?

- Hàng tỷ thứ, - anh trả lời.

Đi thêm vài dặm nữa, các quán ăn nhường chỗ cho các quầy gỗ đơn sơ, mái rơm, ở nơi xa hơn những người bán hàng rong còn chẳng có chỗ trú thân, tránh sự lạnh giá ẩm ướt. Họ đứng ngay bên lề đường, gào đến vỡ phổi, phát các túi lưới đựng bướm, các chai sốt nóng nhà làm lấy. Chúng tôi lạc hậu trong tiến triển của thị trường và quảng cáo.

Lúc xe qua một ngôi làng, chúng tôi thấy hàng chục người, đàn ông lẫn đàn bà đều mặc áo khoác vải bông màu trắng y hệt nhau. Cạnh họ là những cái ghế đẩu, xô nước, tủ gỗ đựng dụng cụ và biển hiệu vẽ tay. Mũ tịt chữ Trung Quốc, tôi phải hỏi Quan biển hiệu viết gì.

- Chuyên gia cắt tóc, - chị đọc. - Ai cũng có thể ngoáy mũi, cắt chai ở chân, lấy ráy tai. Hai tai giá bằng một tai.

Simon cảm cúi ghi.

- Chà! Em có thích là người thứ mười mớ lấy ráy tai khi không ai chịu dừng ở người thứ nhất? Đây là định nghĩa của anh về tính vô hiệu.

Tôi nhớ lại một cuộc tranh cãi của chúng tôi, tôi bảo anh không thể so sánh hạnh phúc của anh với bất hạnh của người khác, còn Simon nói sao lại không. Có lẽ cả hai chúng tôi đều sai. Giờ đây, ngắm những người này đang vây chúng tôi dừng lại, tôi cảm thấy may mắn vì không lấy ráy tai. Trong thâm tâm, tôi vẫn e ngại đặt hàng qua bưu điện, nói chỉ đến người thứ mười đứng ven đường mong ai đó dừng lại chọn cô ta. Tôi huých Simon.

- Em băn khoăn họ muốn gì, nếu có thể.

Anh trả lời, giả vờ tếu:

- Giới hạn của bầu trời, miễn là trời không mưa.

Tôi hình dung một trăm Icarus³ Trung Quốc đang nặn đôi cánh bằng ráy tai. Bạn không thể cấm người ta ước mơ. Họ không thể không cố gắng. Miễn là có thể nhìn thấy bầu trời, họ luôn muốn bay cao hết mức.

Thời gian giữa các ngôi làng và những cuộc mặc cả ven đường mỗi lúc một dài hơn. Quan ngủ thiếp đi, đầu chị gật gù thấp hơn, thấp hơn nữa. Mỗi lần chúng tôi vấp phải ổ gà, chị lại giật mình tỉnh giấc và khịt mũi. Một lát sau, chị lại phát ra những tiếng ngáy nhịp nhàng, không biết rằng Rocky đang lái nhanh hơn và nhanh hơn nữa vào con đường hai làn xe. Cậu ta vượt các ô tô thấp hơn, đánh nhịp các ngón tay theo nhạc. Mỗi lần Rocky tăng tốc, con cú hơi xòe cánh rồi cụp lại trong cái lồng chật chội. Tôi nắm chặt đầu gối, rồi hút không khí giữa hai hàm răng nghiến chặt mỗi lần Rocky lách sang làn đường bên trái. Mặt Simon căng thẳng, nhưng khi bắt gặp tôi nhìn anh, anh mỉm cười.

- Anh không nghĩ là nên bảo cậu ta chạy chậm lại? - Tôi nói.

- Chúng ta ổn mà, đừng lo.

Tôi thấy câu “đừng lo” của Simon đầy vẻ kẻ cả. Nhưng tôi cố không cãi nhau với anh. Lúc này chúng tôi đang nối đuôi một chiếc xe tải chở đầy binh lính mặc quân phục xanh. Họ vây chúng tôi. Rocky nhấn còi, rồi quẹo bất chợt để vượt. Lúc chúng tôi chạy qua chiếc xe tải, tôi thấy một chiếc xe buýt lao tới, tiếng còi khẩn cấp một lúc một to hơn.

- Lay Chúa tôi, lay Chúa tôi, - tôi rên rỉ. Tôi nhắm mắt và cảm thấy Simon xiết chặt bàn tay tôi. Chiếc ô tô trở lại đúng làn đường. Tôi nghe thấy huusùy rồi tiếng còi xe buýt xa dần.

- Thế đấy, - tôi thì thào, căng thẳng. - Em sẽ bảo cậu ta chạy chậm lại.

- Anh không biết, Olivia. Có khi cậu ta lại khó chịu.

Tôi nhìn Simon trừng trừng:

- Cái gì? Anh thà chết còn hơn là người thô lỗ à?

Anh làm ra vẻ hồ hững:

- Tất cả bọn họ đều lái xe như thế.

- Để tự tử hàng loạt mới ổn sao? Cái kiểu lý luận gì thế?

- Thôi thôi, chúng ta chưa thấy tai nạn nào.

Cơn giận trong cổ tôi nổ bùng:

- Sao lúc nào anh cũng nghĩ không nói gì là hay hơn cả thế? Hãy cho em biết, ai sẽ nhặt nhạnh các mảnh vỡ sau khi hư hỏng nào?

Simon nhìn tôi chăm chăm, và tôi không thể biết anh giận dữ hay ân hận. Đúng lúc đó, Rocky phanh đột ngột. Quan và con cú tỉnh giấc vì cánh tay và đôi cánh rung mạnh. Có lẽ Rocky hiểu thực chất cuộc cãi vã của chúng tôi, nhưng không, lúc này chúng tôi gần như dừng lại vì xe cô đang nối đuôi nhau. Rocky quay cửa xe xuống và thò đầu ra. Cậu ta rít lên nguyên rủa, rồi bắt đầu ấn lòng bàn tay vào còi.

Sau vài phút, chúng tôi có thể nhìn ra nguyên nhân chậm trễ: một tai nạn rất thảm, căn cứ vào kính, kim loại và đồ đạc cá nhân bắn tung toé trên đường. Mùi xăng và mùi cao su cháy tràn ngập không khí. Tôi định nói với Simon.

- Thấy chưa?

Nhưng lúc này xe chúng tôi chỉ cách chiếc xe tải nhỏ đen thui vài centimét, cánh cửa méo mó giống đôi cánh gãy của con côn trùng bẹp gí. Phần dành cho hành khách đằng trước bị hủy hoàn toàn. Chẳng hy vọng còn ai trong đó. Một món trang sức nằm gần đồng rau. Vài giây sau, chúng tôi chạy qua nửa kia của vụ đụng xe: một chiếc xe buýt công cộng màu đỏ và trắng. Cửa trước rộng bị gãy tan, mũi xe vặn xoắn và nhuốm đầy máu góm ghiếc, ghế lái xe trống rỗng, một dấu hiệu xấu. Khoảng năm chục nông dân, dụng cụ làm đồng vẫn còn trong tay, vây quanh và chỉ trỏ vào các bộ phận khác nhau của chiếc xe buýt gãy nát, cứ như đây là cuộc triển lãm khoa học. Lúc đi qua chiếc xe buýt, tôi có thể thấy khoảng chục người bị thương, một số ôm chặt lấy người và rống lên đau đớn, những người khác nằm im lìm vì choáng ngất. Hoặc có khi họ đã chết.

- Chó thật, không thể tin chuyện này, - Simon nói. - Không xe cứu thương, không bác sĩ.

- Dừng xe, - tôi ra lệnh cho Rocky bằng tiếng Trung. - Chúng ta nên giúp họ. Sao tôi lại nói thế? Tôi có thể làm được gì kia chứ? Tôi chỉ có thể nhìn các nạn nhân, hướng chỉ chạm vào họ.

- Ái dà, - Quan nhìn đăm đăm ra cánh đồng. - Nhiều người âm quá.

Người âm ư? Quan nói bên ngoài có nhiều người chết? Con cú gù gù thê lương và bàn tay tôi trở nên giá lạnh, trơn tuột.

Rocky vẫn nhìn đường trước mặt, lái tới, bỏ tấn thảm kịch lại đằng sau.

- Chúng ta không làm gì được đâu, - cậu ta nói bằng tiếng Trung. - Chúng ta không có thuốc, không bông băng. Hơn nữa, can thiệp vào không lợi, nhất là các vị là người nước ngoài. Đừng lo, cảnh sát sẽ đến ngay.

Tôi thầm nhẹ người vì cậu ta không chú ý đến chỉ thị của tôi.

- Các vị là người Mỹ, - cậu ta nói tiếp, giọng trầm với vẻ uy quyền Trung Quốc. - Các vị không quen nhìn những thứ thê thảm. Các vị thương hại chúng tôi, vì sau đây các vị về nhà với cuộc sống thanh thoi và quên hết những thứ đã thấy. Với chúng tôi, loại tai họa này là phổ biến. Chúng tôi có nhiều người. Đây là cuộc sống của chúng tôi, xe buýt luôn chật ních, ai cũng cố len vào, không có không khí mà thở, không có chỗ cho tình thương.

- Có ai vui lòng nói cho tôi biết chuyện gì không! - Simon kêu lên. - Sao chúng ta không đỡ lại?

- Đừng hỏi nữa, - tôi cắn nhần. - Nhớ chưa? - Giờ thì tôi mừng là giấc mơ của Rocky về sự

thành công kiểu Mỹ sẽ không bao giờ thành hiện thực. Tôi muốn kể với cậu ta những người Trung Quốc bị nhiều bọn lừa đảo đi di cư bất hợp pháp đang mòn mỏi trong các nhà tù rồi sau đó bị trục xuất về Trung Quốc. Tôi đã nghe đầy tai về những kẻ vô gia cư, về tỷ lệ tội phạm, về những người có bằng cấp đại học hẳn hoi vẫn không có công ăn việc làm. Cậu ta là ai mà tưởng có cơ hội thành công hơn của họ? Cậu ta là ai mà nghĩ chúng tôi chẳng biết gì về đau khổ? Tôi sẽ xé cuốn từ điển Trung-Anh và nhét vào miệng cậu ta.

Lúc đó, tôi cảm thấy nôn nao vì ghê tởm mình, theo đúng nghĩa đen. Rocky nói đúng. Tôi không thể giúp ai, ngay cả bản thân mình. Tôi yếu ớt đề nghị cậu ta hạ cửa xe xuống cho tôi nôn. Lúc tôi nhào ra khỏi xe, Simon vỗ vào lưng tôi:

- Không sao đâu, em sẽ ổn thôi. Anh cũng thấy buồn nôn.

Khi chúng tôi trở lại đường cái, Quan khuyên Rocky vài lời. Cậu ta trịnh trọng gật đầu rồi đi chậm lại.

- Chị ấy nói gì vậy? - Simon hỏi.

- Lý luận kiểu Trung Quốc. Nếu chúng ta chết, không có tiền bồi thường. Kiếp sau, cậu ta sẽ nợ chúng ta nặng nhất.

Ba giờ nữa trôi qua. Tôi biết chúng tôi sắp đến gần Xương Miên. Quan chỉ vào các mốc.

- Kia! Kia! - Chị kêu lên khàn khàn, khoe khoang như một đứa trẻ. - Hai đỉnh núi kia kìa. Ngôi làng chúng bao quanh tên là Vọng phu. Nhưng cây cối đâu rồi? Có chuyện gì vậy? Ngay ở chỗ kia kìa, cạnh ngôi nhà ấy có một cây cực lớn, có lẽ hàng ngàn năm tuổi.

Chị liếc nhìn đằng trước.

- Chỗ ấy kia kìa! Có một cái chợ to ở đấy. Nhưng giờ thì chỉ là cánh đồng trống vắng. Còn kia là ngọn núi bọn chị gọi là Ước mơ thiếu nữ. Trước kia chị đã trèo lên tận đỉnh.

Quan cười, nhưng ngay sau đó có vẻ bối rối:

- Buồn cười thật, giờ trông quả núi sao bé thế. Vì sao vậy? Nó co lại, mòn đi vì mưa? Hay chớp núi mòn vì nhiều cô gái trèo lên đó cầu ước. Hay chị đã trở nên quá Mỹ rồi và giờ nhìn sự vật bằng con mắt khác, mọi thứ nom nhỏ hơn, nghèo hơn chứ không đẹp đẽ nữa.

Ngay tức thì, Quan hét to bảo Rocky rẽ xuống một con đường đất nhỏ chúng tôi vừa đi qua. Cậu ta vòng một đường chữ U, làm Simon và tôi dúi dụi vào nhau, còn con cú kêu ré lên bức bối. Lúc này chúng tôi chạy âm âm trên con đường mòn mấp mô, qua những cánh đồng gồ lén đất đỏ ẩm ướt.

- Rẽ trái, rẽ trái! - Quan ra lệnh. Chị đan hai bàn tay trên lòng. - Quá nhiều năm rồi, quá nhiều năm, - chị nói, trầm bổng.

Chúng tôi đến gần một khu vực lảm cây cối, và Quan vừa hô lên “Xương Miên”, tôi đã nhìn thấy nó: một ngôi làng nép giữa hai quả núi lởm chởm, sườn núi màu xanh rêu đậm với nhiều nếp oằn sâu màu ngọc lục bảo. Nhiều thứ lọt vào tầm nhìn: những dãy nhà cong queo, quét vôi màu vàng chanh, mái ngói uốn lượn lợp theo kiểu rồng cuộn truyền thống. Xung quanh làng có nhiều cánh đồng xanh tươi và ao hồ chia cắt gọn gàng bằng những bức tường đá và mương máng. Chúng tôi nhảy ra khỏi xe. Kỳ diệu thay, Xương Miên tránh được mọi mảnh vụn của sự hiện đại hóa. Không thấy mái nhà lợp tôn hoặc đường dây điện. Ngược với các ngôi làng khác chúng tôi đã qua, những mảnh đất hẻo lánh nơi đây không biến thành bãi rác, các ngõ hẻm không đầy những vỏ bao thuốc lá nhàu nhĩ hoặc các túi ni lông màu hồng. Những con đường đá sạch sẽ đan chéo nhau qua làng rồi leo lên khe giữa hai chóp núi và biến mất sau một mái vòm bằng đá. Xa xa là hai đỉnh núi cao nữa, màu xanh thẫm và xa hơn nữa là bóng dáng màu tím của hai đỉnh nữa. Simon và tôi nhìn nhau chăm chặp, mắt mở to.

- Em có tin được chuyện này không? - Anh thì thảo và xiết chặt bàn tay tôi. Tôi nhớ lại những lần khác anh dùng đúng những lời ấy: ngày chúng tôi đến Tòa Thị chính kết hôn, ngày chúng tôi

dọn đến quần thể nhà. Rồi tôi nghĩ đến mình: những khoảnh khắc hạnh phúc đã thành một thứ khác.

Tôi thò tay vào xách lấy máy ảnh. Lúc nhìn qua kính ngắm, tôi cảm thấy dường như chúng tôi rơi vào một mảnh đất mơ hồ, hoang đường, nửa hư nửa thực. Chúng tôi đang ở Nirvana⁴ của Trung Quốc? Xương Miên trông như những bức ảnh được xén tĩa công phu trong các cuốn hướng dẫn du lịch "một thế giới quyến rũ của quá khứ xa xôi, là nơi sớm hay muộn du khách đều muốn trở lại". Nó truyền tải mọi vẻ duyên dáng của tình cảm mà du khách khao khát nhưng chưa bao giờ nhìn thấy thực sự. Chắc hẳn có điều gì sai sót đây, tôi tự răn mình. Rẽ qua chỗ vòng kia chúng tôi sẽ rơi vào thực tại: chợ đồ ăn nhanh, nơi bán đồ đồng nát, những dấu hiệu chứng tỏ ngôi làng này thực sự là một mảnh đất Trung Quốc trong tưởng tượng cho du khách: mua vé ở đây! Hãy nhìn Trung Quốc trong mơ của bạn! Không bị hủy hoại vì quá trình phát triển, trở về quá khứ!

- Em cảm thấy như trước kia đã nhìn thấy nơi này, - tôi thì thầm với Simon, sợ phá vỡ sự quyến rũ.

- Anh cũng thế. Nó hoàn mỹ quá. Có lẽ trong một phim tài liệu, - anh cười. - Hay một ô tô quảng cáo.

Tôi dăm dăm nhìn các quả núi và hiểu ra vì sao Xương Miên có vẻ quen thuộc đến thế. Nó ở trong các câu chuyện Quan kể, đã thấm vào những giấc mơ của tôi. Giờ chúng tôi ở kia: những lối đi có mái vòm, những cây lý đen, bức tường cao của ngôi nhà Ma Thương nhân, những quả đồi dẫn đến Kế Sơn. Ở nơi đây, tôi cảm thấy lớp màng ngăn cách hai nửa cuộc đời tôi đã rụng xuống.

Chúng tôi nghe thấy những tiếng kêu la, hò reo vui vẻ vọng đến từ đâu đó. Chừng dăm chục học sinh bé tí chạy tới rìa sân có hàng rào, hoan hô chúng tôi. Lúc chúng tôi tới gần hơn, các em kêu ré lên, quay gót và vừa cười vang vừa chạy trở lại ngôi trường. Vài giây sau, chúng hò reo ủa tới chỗ chúng tôi như một đàn chim, theo sau một giáo viên đang mỉm cười. Cả thầy trò đứng nghiêm, rồi theo một hiệu lệnh vô hình, tất cả kêu to bằng tiếng Anh:

- A-B-C! Một-hai-ba! Xin chào! Hello good-bye!

Ai đã bảo họ các vị khách Mỹ sắp đến? Bọn trẻ con tập như thế này vì chúng tôi?

Bọn trẻ vẫy tay và chúng tôi vẫy lại.

- Hello good-bye! Hello good-bye!

Chúng tôi đi tiếp con đường ven trường. Hai thanh niên đi xe đạp chậm lại và nhìn chúng tôi chằm chằm. Chúng tôi vẫn đi và rẽ. Quan há hốc miệng. Xa hơn một chút, trước một cái cổng vòng cung, hơn chục người đứng và mỉm cười. Quan đưa tay lên miệng, rồi chạy tuốt tới họ. Khi đến nơi, chị nắm tay từng người giữa hai bàn tay chị, rồi gọi một người phụ nữ to khỏe và vỗ vào lưng chị ta. Simon và tôi bắt kịp Quan và các bạn chị. Họ đang trao đổi những lời mắng mỏ thân ái.

- Béo thế! Cậu béo không tin được!

- Này, nhìn cậu xem, tóc cậu làm sao thế kia? Cậu làm hỏng nó làm gì?

- Kiểu nó phải thế! Cậu ở quê lâu đến mức không biết kiểu nào là đẹp à?

- Ồi, nghe này, cô ta hách góm.

- Cậu lúc nào chẳng hách, không...

Quan ngừng giữa câu, sững sờ vì một bức tường đá. Cứ tưởng đây là cảnh tượng hấp dẫn nhất chị từng thấy.

- Mẹ Lớn, - chị lẩm bẩm, - Có chuyện gì thế? Sao lại thế này?

Một người đàn ông trong đám đông cười ha hả.

- Ha ha! Bà ấy lo gặp cô nên dậy từ sáng sớm nay, rồi nhảy xe buýt đón cô ở Quế Lâm. Bây giờ thì xem này, cô ở đây, còn bà ấy ở đằng kia. Rõ là điên!

Mọi người đều cười, trừ Quan. Chị đến gần bức tường hơn, gọi khàn khàn:

- Mẹ Lớn, Mẹ Lớn. - Vài người thì thảo, những người khác lùi lại, sợ hãi.

- Ủa, - tôi nói.

- Sao Quan lại khóc? - Simon thì thầm.

- Mẹ Lớn, ôi, Mẹ Lớn. - Nước mắt chảy ròng ròng trên má Quan. - Mẹ hãy tin con, đây không phải là điều con muốn. Bất hạnh làm sao, mẹ chết vào ngày con về nhà. - Vài người đàn bà thổ hổn hển và che miệng.

Tôi đến chỗ Quan:

- Chị nói gì thế? Sao chị lại nghĩ bà ấy đã chết?

- Tại sao mọi người thay đổi thế kia? - Simon nhìn quanh.

Tôi giơ tay lên.

- Em không biết chắc, - tôi quay lại chị. - Chị Quan? - Tôi gọi nhẹ nhàng. - Quan? - Nhưng hình như chị không nghe thấy tôi. Chị vẫn nhìn đăm đăm vào bức tường, vừa cười vừa khóc.

- Vâng, con biết mà, - chị nói. - Tất nhiên là con biết. Lúc nào con cũng biết trong lòng.

Đến chiều, dân làng tổ chức liên hoan mừng Quan hồi hương ở trụ sở xã, song đầy bút rút. Tin tức lan khắp Xương Miên là Quan đã nhìn thấy bóng ma của Mẹ Lớn. Vì chị chưa tuyên bố chuyện này với làng, và chưa có chứng cứ Mẹ Lớn đã chết nên chẳng có lý do gì hoãn lại bữa liên hoan linh đình, hiển nhiên là các bạn chị đã mất nhiều ngày chuẩn bị. Trong bữa tiệc, Quan không ba hoa về xe ô tô của chị, cái sofa của chị và tiếng Anh của chị. Chị lắng lắng nghe các bạn từ hồi thơ ấu thuật lại các sự kiện chính trong cuộc sống của họ: để sinh đôi, một chuyến đi tàu hỏa đến thành phố lớn, một tổp sinh viên được cử đến Xương Miên để giáo dục-lại trong thời Cách mạng Văn hoá.

- Họ tưởng họ giỏi hơn chúng tôi, - một người đàn bà bàn tay đầy mấu vì sưng khớp kể. - Họ muốn chúng tôi trồng loại lúa ngắn ngày, một năm ba vụ thay cho hai vụ. Họ mang cho chúng tôi những hạt giống đặc chủng. Họ mang cho chúng tôi thuốc trừ sâu. Hồi ấy, những con ếch nhỏ bơi trong đồng lúa ăn sâu bị chết hết. Vịt ăn ếch cũng chết theo. Rồi lúa cũng chết.

Một người đàn ông tóc rậm kêu to:

- Thế là chúng tôi bảo: "Hay hóm gì, cấy ba vụ lúa mà thất bại chẳng thà cấy hai vụ thành công?"

Người đàn bà có bàn tay đầy mấu nói tiếp:

- Các vị trí thức này còn cố công gây giống những con la của chúng tôi! Ha ha ha! Các vị có tin không? Suốt hai năm, tuần nào một người trong chúng tôi lại hỏi: "Có gì may mắn không?". Họ trả lời: "Vẫn chưa, vẫn chưa". Chúng tôi cố giữ bộ mặt nghiêm túc và động viên: "Cố gắng hơn nữa đi, đồng chí", - chúng tôi nói. - "Đừng bỏ cuộc".

Chúng tôi còn đang cười rũ thì một cậu bé chạy vào, kêu to lên rằng có một viên chức từ Quế Lâm đi ô tô đen tới. Lặng ngắt. Viên chức bước vào trụ sở, còn mọi người đứng. Ông ta trình trong giơ chứng minh thư của Lý Bân Bân và hỏi có phải bà là người làng này. Vài người căng thẳng liếc nhìn Quan. Chị từ từ bước tới nhìn tấm chứng minh thư và gật. Người viên chức tuyên bố, rồi một làn sóng rên rỉ và gào khóc đầy áp căn phòng.

Simon cúi gằm tôi:

- Có chuyện gì thế?

- Mẹ Lớn chết rồi. Bà bị chết trong tai nạn ô tô chúng ta nhìn thấy sáng nay.

Simon và tôi bước tới, mỗi người đặt một bàn tay lên vai Quan. Hình như chị bé quắt lại.

- Tôi rất tiếc, - Simon lắp bắp, - Tôi... tôi rất tiếc chị không được gặp bà lần nữa. Tôi rất tiếc chúng ta không gặp được bà.

Quan mỉm cười mếu máo. Là người họ hàng gần nhất của Lý Bân Bân, chị tự nguyện làm các thủ tục cần thiết để hôm sau đưa xác về làng. Cả ba chúng tôi trở về Quế Lâm.

Rocky vừa nhìn thấy chúng tôi, cậu ta dụi tắt điều thuốc và tắt radio. Chắc cậu ta đã nghe tin.

- Thật thảm quá, - cậu ta nói. - Xin lỗi bà chị, lẽ ra tôi nên đổ lại. Tôi thật đáng trách...

Quan gạt đi.

- Không ai có lỗi hết. Vả lại, thương tiếc là vô ích, luôn luôn là quá muộn.

Lúc Rocky mở cửa xe, chúng tôi thấy con cú vẫn còn trong lồng trên ghế sau. Quan nhẹ nhàng nhắc cái lồng và nhìn nó chăm chú.

- Không cần trèo lên núi nữa, - chị nói. Chị đặt cái lồng xuống đất rồi mở cửa. Con cú thò đầu, nhảy lò cò đến mép cửa và xuống đất. Nó xoay đầu và xòe rộng đôi cánh bay vút lên đỉnh núi. Quan ngắm nó cho đến khi bóng nó mất hút.

- Đừng buồn nữa, - chị nói. Rồi chị chui vào xe.

Lúc Rocky khởi động máy, tôi hỏi Quan:

- Sáng nay lúc đi qua chỗ tai nạn, chị có nhìn thấy ai trông giống Mẹ Lớn không? Sao chị biết bà đã mất?

- Em nói gì thế? Chị không biết bà mất cho đến lúc nhìn thấy bóng ma của bà đứng cạnh bức tường.

- Sao chị lại nói với bà là chị đã biết?

Quan bối rối.

- Chị biết gì?

- Chị nói với bà là chị đã biết, trong thâm tâm chị biết đó là sự thực. Chị không nói về tai nạn sao?

- À, - chị nói, cuối cùng chị hiểu ra. - Không, không phải về tai nạn. - Chị thở dài. - Chị nói với Mẹ Lớn rằng những lời bà đang nói là thực.

- Bà nói gì?

Quan quay ra cửa, và tôi nhìn thấy phản chiếu của nét mặt chị.

- Bà bảo bà đã nhầm về câu chuyện Ước mơ thiếu nữ. Bà bảo mọi lời cầu ước của chị đã thành hiện thực. Bà luôn tiếc là đã đuổi chị đi. Nhưng bà chưa bao giờ nói ra với chị điều này. Nếu không chị sẽ không rời bà để có cơ hội cho một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Tôi tìm cách an ủi Quan.

- Ít nhất thì chị vẫn có thể nhìn thấy bà, - tôi nói.

- Hả?

- Ý em là người âm. Bà có thể đến thăm chị.

Quan nhìn đăm đăm ra cửa xe.

- Nhưng không như nhau đâu. Chúng ta không thể kết hợp những hồi ức mới với nhau. Chúng ta không thể thay đổi quá khứ. Không, cho đến kiếp sau. - Chị thở hắt ra nặng nề, buột hết những lời chưa được nói ra.

Lúc xe chúng tôi âm ỉm chạy trên đường, bọn trẻ con trong sân trường chạy tới và ép mặt vào các thanh hàng rào.

- Hello good-bye! - Chúng reo, - Hello good-bye!

15. NGÀY THỨ BẢY

Quan bị tàn phá, tôi có thể nói thế. Chị không khóc, nhưng khi tôi gợi ý chúng tôi nên sớm đặt phòng tang lễ ở khách sạn hơn là túm tụm ở bên ngoài, chị đồng ý ngay.

Simon lúng túng nói thêm vài lời chia buồn với chị. Anh hôn lên má chị rồi để hai chị em tôi lại với nhau. Chúng tôi ăn tối món *lasagne*¹, mười hai đôla một đĩa, đắt kinh khủng so với tiêu chuẩn Trung Quốc. Quan nhìn chăm chăm vào đĩa, mặt chị đỏ ửng, như đồng bằng lộng gió trước giông bão. Với tôi, lasagne là món ăn an ủi. Tôi hy vọng nó làm tôi đủ mạnh để an ủi Quan.

Tôi nên nói gì đây? “Mẹ Lớn là một phụ nữ cao cả. Bọn em sẽ nhớ bà” ư? Như thế là không chân thành, vì Simon và tôi chưa bao giờ gặp bà. Với tôi, những câu chuyện Mẹ Lớn ngược đãi Quan luôn là chất liệu cho hồi ký *Người di yêu quý nhất*. Còn đây là Quan, đang đau buồn vì người đàn bà xấu tính đã để lại cho chị nhiều vết sẹo theo đúng nghĩa đen. Tại sao chúng ta yêu các bà mẹ trong đời ta dầu họ là những người bảo trợ tệ hại? Chúng ta ra đời với trái tim tinh khôi, đợi in dấu bất cứ mô phỏng nào của tình yêu?

Tôi nghĩ đến mẹ tôi. Nếu bà qua đời, liệu tôi có đau buồn không? Tôi cảm thấy khủng khiếp và có lỗi khi nghĩ đến việc này. Song, nên nghĩ thế này: liệu lúc thăm lại thời thơ ấu và lựa những kỷ niệm đẹp, tôi có thấy chúng hiếm như những quả mâm xôi chín mọng trong bụi cây đã hái kỷ? Tôi có vấp ngã vào những cái gai nhọn, khuấy động con ong chúa đang được những con ong đực tôn sùng vây quanh? Với cái chết của mẹ tôi, tôi có nên tha thứ cho bà rồi sau đó mới thờ dài khuây khỏa? Hay tôi nên đến một thung lũng nhỏ tưởng tượng, nơi mẹ tôi hiện giờ rất hoàn hảo, ân cần và chăm sóc, bà sẽ ôm tôi và nói: “Mẹ xin lỗi, Olivia. Mẹ là một người mẹ rất tệ, thật đáng khinh. Mẹ sẽ không trách con nếu con không bao giờ tha thứ cho mẹ”. Đây là câu tôi muốn nghe. Tôi tự hỏi trong thực tế, bà sẽ nói gì với tôi.

- Lasagne, - Quan buồn bã nói.

- Gì vậy?

- Mẹ Lớn hỏi chúng ta ăn gì. Bà bảo bà rất tiếc không có thời gian thử món ăn Mỹ.

- Lasagne là món ăn Ý.

- Xì! Xì! Chị biết, nhưng em nói với bà như thế, bà lại tiếc không có thời gian đi thăm nước Ý. Lúc nào cũng có quá nhiều thứ để tiếc.

Tôi nhào người về phía Quan và lăm bầm:

- Mẹ Lớn không hiểu tiếng Anh chứ?

- Chỉ biết thổ ngữ Xương Miên và ít lời nói thầm. Sau khi mất lâu hơn, học được nhiều lời nói thầm hơn, có khi còn vài tiếng Anh...

Quan cứ nói, còn tôi mừng vì chị không chìm đắm trong nỗi tiếc thương, vì tôi không biết làm thế nào để giải thoát cho chị.

-... Người âm, sau một thời gian, chỉ nói thầm. Dễ hơn, nhanh hơn cách này. Không hiểu nhầm các từ.

- Nói thầm như thế nào?

- Chị kể với em rồi.

- Thế ư?

- Nhiều lần. Không dùng lưỡi, môi, răng để nói. Chỉ dùng hàng trăm linh cảm bí ẩn.

-Ồ phải, phải rồi. - Tôi nhớ lại nhiều đoạn chuyện này: những linh cảm liên quan đến bản năng cổ xưa, con người có từ trước khi bộ não phát triển thành tiếng nói và những chức năng cao hơn - như khả năng nói lập lờ, nài cố, nói dối. Ớn lạnh xương sống, mùi thơm ngào ngạt,

nổi gai ốc và đỏ ửng má... tất cả là từ vụng của các cảm giác bí ẩn. Tôi suy nghĩ.

- Những linh cảm bí ẩn, - tôi nói với Quan. - Nó giống như chân tóc ta dựng đứng lên khi sợ?

- Có nghĩa là người em yêu lúc này đang sợ.

- Người em yêu?

- Phải, linh cảm bí ẩn luôn có giữa hai người. Làm sao có thể có một điều bí mật chỉ mình mình biết? Tóc em dựng đứng, là em biết bí mật của người nào đó.

- Em nghĩ ý chị là chúng bí mật vì con người đã quên họ có những linh cảm đó.

- À, đúng. Con người hay quên cho đến lúc chết.

- Thế nên đây là thứ ngôn ngữ của ma.

- Ngôn ngữ của tình yêu. Không chỉ là loại tình yêu ngọt ngào của người tình. Mà là bất cứ loại tình yêu nào, mẹ-con, dì-cháu, bạn bè, chị-em, người lạ-người lạ.

- Người lạ? Vì sao chị nói tình yêu của người lạ?

Quan cười to.

- Lần đầu tiên em gặp Simon, cậu ấy là người lạ, đúng không? Lần đầu tiên chị gặp em, em cũng là người lạ. Cả Georgie nữa! Lần đầu tiên gặp Georgie, chị tự nhủ: "Quan à, mi có biết người đàn ông này ở đâu ta?". Em hiểu không? Georgie là người yêu kiếp trước của chị!

- Thật ư? Dị Ban?

- Không, là Tăng!

Tăng ư? Tôi co rúm người lại.

Còn chị trả lời bằng tiếng Trung:

- Em biết đấy, là người mang cho chị những cái hũ dầu.

- Vâng, giờ thì em nhớ ra rồi.

- Gượm đã, Mẹ Lớn. Con đang kể với Libby-ah về chồng con. - Quan nhìn qua tôi. - Vâng, mẹ biết anh ấy, không, không phải trong quãng đời này mà gần đây, hồi mẹ là Ermei và con đem cho mẹ trứng vịt, còn mẹ cho con muối.

Lúc tôi chọc dĩa vào món lasagne, Quan vẫn đang say sưa tán gẫu, những nỗi tiếc thương vì những hồi ức của một quá khứ không có thật.

Lần cuối cùng tôi nhìn thấy Tăng trước khi anh thành Georgie, đó là... à, phải rồi, là ngày trước khi tôi chết.

Tăng mang cho tôi một túi nhỏ lúa mạch khô và một vài tin xấu. Mỗi khi tôi đưa cho anh quần áo đã giặt sạch, anh trả công tôi thứ gì đó. Tôi đang đứng cạnh những cái nồi luộc quần áo bốc hơi nghi ngút.

- Không cần lo chuyện sạch, bẩn nữa đâu, - anh bảo tôi. Anh nhìn lên núi chứ không nhìn tôi. Chà, tôi nghĩ, anh ấy đang nói cuộc ve vãn của chúng tôi chấm dứt đây. Nhưng lúc đó, anh ta tuyên bố. - Thiên Hoàng chết rồi.

Ái chà! Giống như nghe thấy tiếng sét đánh giữa trời xanh.

- Sao lại thế? Thiên Hoàng không thể chết, Người là bất tử!

- Không còn nữa, - Tăng nói.

- Ai giết Người?

- Chết vì chính tay mình, dân chúng nói thế.

Tin này còn sống sót hơn tin đầu. Thiên Hoàng không được phép tự tử. Giờ Người lại tự giết mình? Giờ Người không còn nhận là em trai Jesus nữa? Làm sao một người đàn ông Khách Gia lại làm ô nhục dân tộc mình bằng cách ấy? Tôi nhìn Tăng, mặt anh u ám. Tôi đoán anh cũng nghĩ như tôi. Anh cũng là người Khách Gia.

Tôi nghĩ đến việc này lúc vớt quần áo nặng và ướm ra khỏi nước.

- Ít ra thì hiện giờ các trận đánh nhau cũng hết, - tôi nói. - Thuyền bè lại chạy trên sông.

Đây là lúc Tăng nói mẩu tin thứ ba, còn tệ hơn hai tin trước:

- Sông đã chảy rồi, nhưng không phải thuyền bè mà là máu. - Khi một người nói “nhưng không phải thuyền bè mà là máu”, ta không thể nghe và nói “Ô, tôi hiểu”. Tôi phải huých anh ta mới lấy được từng mẩu tin, giống như cái thời ăn xin một bát cơm vậy. Anh ta vốn hà tiện lời. Tôi biết được từng tí, từng tí một.

Mười năm trước, Thiên Hoàng đã gây nên làn sóng chết chóc từ núi rừng đến bờ biển. Máu chảy thành sông, hàng triệu người chết. Giờ làn sóng đó đã trở lại. Tại các thành phố cảng, người Mãn Châu tàn sát tất cả những người Thờ phụng Thượng đế. Họ tấn công vào vùng nội địa, đốt nhà, đào mồ mả, cùng một lúc phá hủy cả thiên đường lẫn hạ giới.

- Tất cả chết hết, - Tăng bảo tôi. - Không còn ai sống sót. Kể cả trẻ sơ sinh.

Lúc anh nói câu đó, tôi nhìn thấy nhiều trẻ em khóc lóc.

- Độ bao giờ họ đến tỉnh ta? - Tôi thì thảo. - Tháng sau?

- Ồ không. Người đưa tin chỉ đến làng ta trước khi chết vài bước.

- Ái dà! Hai tuần? Một? Bao lâu?

- Ngày mai binh lính sẽ phá Kim Điền, - Tăng nói. - Ngày kia là Xương Miên.

Mọi cảm xúc cạn kiệt khỏi cơ thể tôi. Tôi dựa vào cái máy quay. Trong đầu, tôi nhìn thấy binh lính hành quân trên đường. Trong lúc tôi đang hình dung máu đỏ trên gương của họ, Tăng đề nghị tôi lấy anh ta. Thực ra, anh ta không dùng từ “cưới”. Anh ta nói bằng giọng thô lỗ:

- Nay, tối nay tôi sẽ lên núi trốn vào hang. Cô có muốn đi với tôi hay không?

Với bạn, kiểu này có vẻ khó coi, không lãng mạn. Nhưng nếu có người ngỏ ý cứu mạng mình, cũng tốt như đến nhà thờ, mặc áo dài trắng và nói “Con đồng ý” chứ? Nếu tình cảnh của tôi khác đi, chắc tôi sẽ nói: “Tôi đồng ý, chúng ta cùng đi”. Nhưng trong suy nghĩ của tôi, không có khoảng trống dành cho hôn nhân. Tôi tự hỏi sẽ xảy ra chuyện gì với cô Banner, Lão Lục, Dị Ban, - vâng, kể cả những người Thờ phụng Jesus, những bộ mặt trắng toát của mục sư và bà Amen, cô Chuột và bác sĩ Quá Muộn. Lạ thật, tôi nghĩ. Sao tôi cứ băn khoăn về chuyện xảy ra với họ? Chúng tôi chẳng có gì chung - ngôn ngữ, suy nghĩ, cảm xúc về đất và trời. Song tôi có thể nói điều này: Những ý định của họ là chân thành. Có lẽ một số ý định khởi đầu không tốt nên dẫn đến kết quả xấu. Song họ rất cố gắng. Khi biết điều này về một con người, sao ta lại không có gì chung?

Tăng cắt ngang suy nghĩ của tôi:

- Cô có đi hay không?

- Để tôi cân nhắc một chút, - tôi trả lời. - Đầu óc tôi không nhanh như anh.

- Có gì phải cân nhắc? - Tăng nói. - Cô muốn sống hay muốn chết? Đừng nghĩ ngợi quá nhiều. Nó làm cô tin là có nhiều lựa chọn hơn thực tế. Rồi đầu óc cô đậm ra lẫn lộn hết. - Anh ta đến chỗ cái ghế dài cạnh bức tường bên lối đi, đặt tay ra sau đầu và nằm xuống.

Tôi ném quần áo ướm vào cái máy quay. Tôi quay tảng đá để vắt nước. Tăng nói đúng; tôi lẫn lộn lung tung. Trong một góc suy nghĩ, tôi cho Tăng là người tốt. Trong quãng đời còn lại của tôi, có lẽ tôi không bao giờ có cơ hội như thế này, nhất là nếu tôi sắp chết.

Rồi một đi đến góc suy nghĩ khác: Nếu tôi đi với anh ta, tôi sẽ không còn có những câu hỏi hoặc trả lời của riêng tôi nữa. Tôi không còn tự hỏi, mình có là người bạn trung thành không? Mình có nên giúp cô Banner không? Còn những người Thờ phụng Jesus thì sao? Những câu hỏi đó sẽ không tồn tại nữa. Tăng sẽ quyết định tôi nên hoặc không nên quan tâm đến gì. Đây chính là sự việc giữa đàn ông và đàn bà.

Tôi cứ nghĩ tới nghĩ lui, lúc thế này, lúc thế kia. Một cuộc đời mới với Tăng? Sự trung thành cũ với bạn bè? Nếu tôi trốn lên núi, tôi sẽ phải chịu sợ hãi, lúc đó chết phỏng còn có ích gì? Nếu tôi ở lại, liệu tôi có chết nhanh hơn? Sống, chết chọn cách nào? Giống như đang đuổi một con gà, bỗng thành con gà bị rượt đuổi. Tôi chỉ có một phút để quyết định xem cảm giác nào mạnh hơn. Và tôi phải theo nó.

Tôi nhìn Tăng đang nằm trên ghế dài. Mắt anh nhắm nghiền. Anh là người tốt, không quá khôn ngoan, nhưng bao giờ cũng chân thành. Tôi quyết chấm dứt thời gian tìm hiểu của chúng tôi theo đúng cách tôi đã khởi đầu. Tôi sẽ là nhà ngoại giao và làm anh tưởng ý kiến chấm dứt là của anh.

- Tăng à, - tôi nói.

Anh mở mắt và ngồi dậy.

Tôi bắt đầu phơi quần áo ướt.

- Vì sao chúng ta nên chạy trốn? - Tôi nói. - Chúng ta không theo Thái Bình.

Anh để hai bàn tay lên đầu gối.

- Hãy nghe lời bạn cô này, - anh nói, rất nhẩn nại với tôi. - Quân Mãn Châu chỉ cần biết dấu vết cô là bạn của những người Thờ phụng Thượng đế. Nhìn xem cô đang sống ở đâu. Thế là đủ để kết tội tử hình.

Tôi biết việc này, nhưng thay vì đồng ý, tôi cãi:

- Anh nói gì thế? Người nước ngoài không thờ Thiên Hoàng. Nhiều lần tôi nghe thấy họ nói "Jesus không có người em trai Trung Quốc".

Tăng nổi khùng với tôi, như thể anh chưa bao giờ thấy tôi là cô gái ngu đến thế.

- Nói câu ấy với một tên lính Mãn Châu, đầu cô sẽ lăn lông lốc trên đất. - Anh dậm chân. - Đừng phí thời gian cà kê nữa. Tối nay tôi đi. Cô có đi không?

Tôi tiếp tục cuộc trò chuyện ngớ ngẩn:

- Sao không đợi thêm chút nữa? Xem xảy ra cái gì đã chứ. Tình hình không thể xấu như anh nghĩ. Quân Mãn Châu có giết một số người ở đâu đó thật, nhưng biết đâu ở đây lại an toàn. Tăng à, anh đến sống với chúng tôi đi. Chúng tôi có chỗ đấy.

- Sống ở đây? - Anh kêu to. - Chà! Có lẽ tôi nên cắt họng tôi ngay bây giờ! - Tăng ngồi xổm và tôi thấy suy nghĩ của anh sôi sùng sục giống các nỗi giận của tôi. Anh nói đủ thứ bất lịch sự, đủ to cho tôi nghe thấy. - Cô ta ngu thật. Chỉ có một mắt, thảo nào không thể nhìn ra đúng sự việc!

- Này! Anh là ai mà dám chỉ trích tôi? - Tôi nói. - Có lẽ một con ruồi đã chui vào tai anh làm anh phát sốt, - tôi giơ đầu ngón tay út và vẽ thành đường chữ chi trong không khí. - Anh nghe thấy tiếng vù vù vù, thế là tưởng đám mây tai họa sắp đến đằng sau. Sợ vớ sợ vẩn.

- Sợ vớ sợ vẩn! - Tăng quát. - Đầu óc cô bị sao thế? Hay cô sống giữa đám người mộ đạo nước ngoài lâu đến mức tưởng mình là bất tử? - Anh đứng dậy, nhìn tôi một lát vẻ ghê tởm, rồi nói. - Phì! - Tăng quay người bỏ đi. Ngay lập tức, trái tim tôi đau nhói. Tôi nghe thấy tiếng anh nhỏ dần. - Đồ con gái điên! Đã mất trí, giờ lại sắp mất đầu...

Tôi vẫn phơi quần áo, nhưng lúc này các ngón tay tôi run rẩy. Sao tình cảm tốt đẹp lại biến thành xấu nhanh đến thế. Sao anh dễ xử sự như một kẻ ngốc như vậy. Một giọt nước mắt cháy bỏng mắt tôi. Tôi gạt vội đi. Không được tự thương thân. Khóc là một sự xa xỉ của người yếu

đuổi. Tôi bắt đầu hát một trong các khúc sơn ca cổ, hiện giờ tôi không còn nhớ nữa. Nhưng giọng tôi khỏe và trong trẻo, trẻ trung và buồn bã.

- Thôi, thôi. Không cãi nhau nữa. - Lúc tôi quay lại, Tăng đã đứng đó, vẻ mệt mỏi hiện trên mặt. Chúng ta có thể đưa những người nước ngoài cùng lên núi, - anh nói.

Đưa họ đi cùng chúng tôi! Tôi gật đầu. Khi tôi nhìn anh bước đi, anh bắt đầu hát khúc ca của chàng trai đáp lời tôi. Người đàn ông này thông minh hơn tôi nghĩ. Anh ta sẽ là một người chồng khôn ngoan. Và có chất giọng hay nữa chứ. Anh dừng lại và gọi tôi.

- Nunumu?

- Dạ!

- Sau khi mặt trời lặn hai giờ, tôi sẽ đến. Bảo mọi người sẵn sàng trong sân chính. Cô hiểu không?

- Hiếu! - Tôi kêu to.

Anh bước thêm vài bước, rồi lại dừng.

- Nunumu?

- Dạ!

- Đừng giặt quần áo nữa. Bộ duy nhất để lại mặc cho họ sẽ là một xác chết đấy.

Em thấy chưa? Anh ta sẵn sàng làm ông chủ, quyết định thay tôi. Đây là cách cho tôi biết chúng tôi đã lấy nhau. Đây là cách anh bảo: *Tôi đồng ý*.

Tăng đi rồi, tôi vào vườn và trèo lên nhà lều, nơi Ma Thương nhân chết. Tôi nhìn xuống bức tường và thấy nóc nhiều ngôi nhà, con đường nhỏ dẫn lên núi. Nếu bạn đến Xương Miên lần đầu, bạn có thể nghĩ: Chà, nơi này đẹp quá. Yên tĩnh quá. Thanh bình quá. Có lẽ mình nên hưởng tuần trăng mật ở đây.

Nhưng tôi biết sự tĩnh lặng là giai đoạn nguy hiểm và lúc này đang chấm dứt, tai họa sắp đến. Không khí dày và ẩm ướt, khó thở. Bầu trời có những vệt màu cam và đỏ, như thể cuộc đổ máu đã vươn tới tận trời. Tôi lo lắng. Tôi có cảm giác một cái gì đó đang bò trên da. Lúc nhìn, một trong năm loài quỷ dữ đang trườn trên cánh tay tôi, một con rết, chân lươn như sòng! Khiếp! Tôi giật cánh tay và vẩy, rồi đè gí con rết bẹp như một cái lá. Dù nó đã chết, chân tôi vẫn dẫm lên nó cho đến khi nó thành một đồng nhoè nhoét đen đen trên nền đá. Song tôi vẫn không thể xua nổi cảm giác một cái gì đó đang bò trên da.

Lát sau, tôi nghe thấy Lão Lục rung chuông trong phòng ăn. Chỉ lúc đó tôi mới tỉnh lại. Trong phòng ăn, tôi ngồi cạnh cô Banner. Chúng tôi không tách riêng bàn cho người Trung Quốc và người nước ngoài nữa, từ khi tôi chia sẻ cho họ trứng vịt của tôi. Như thường lệ, bà Amen đọc lời cầu nguyện. Như thường lệ, Lão Lục mang ra một đĩa châu châu rang, lão bảo là thịt thỏ băm nhỏ. Tôi định đợi cho đến khi ăn xong, nhưng ý nghĩ của tôi buột ra khỏi miệng:

- Tôi ăn sao được khi ngày mai chúng ta có thể chết!

Lúc cô Banner dịch xong những tin xấu của tôi, mọi người lặng im một lát. Mục sư Amen nhảy khỏi ghế, giơ hai tay lên trời và gọi tên Chúa bằng giọng vui sướng. Bà Amen dẫn chồng trở lại bàn và ép ông ta ngồi xuống. Rồi bà nói, và cô Banner dịch lại:

- Mục sư không thể đi được. Mọi người thấy đấy, ông ấy vẫn đang sốt. Ra ngoài ấy sẽ gây chú ý và mang lại nguy hiểm cho những người khác. Chúng tôi sẽ ở lại đây. Tôi chắc quân Mãn Châu không làm hại gì chúng tôi, vì chúng tôi là người nước ngoài.

Đây là sự can đảm hay ngu xuẩn? Có lẽ bà ta đúng và quân Mãn Châu sẽ không giết người nước ngoài. Nhưng ai dám chắc?

Cô Chuột là người nói tiếp theo:

- Cái hang ấy ở đâu? Làm thế nào tìm ra nó? Chúng ta có thể bị lạc! Cái người đàn ông tên Tăng ấy là ai? Vì sao chúng ta phải tin anh ta? - Cô không thể bớt lo lắng. - Trời tối thế này! Chúng ta nên ở lại đây thôi. Người Mãn Châu không thể giết chúng ta. Họ không được phép. Chúng ta là thần dân của Nữ hoàng...

Bác sĩ Quá Muộn chạy đến chỗ cô Chuột và bắt mạch cho cô. Cô Banner thì thảo với tôi lời ông ta:

- Tim cô ấy đập quá nhanh... Một chuyến đi lên núi sẽ giết chết cô ấy... Mục sư và cô Chuột là bệnh nhân của ông ấy... Ông ấy sẽ ở lại với họ... Giờ thì cô Chuột đang khóc và bác sĩ Quá Muộn cầm tay cô... - Cô Banner dịch những điều tự tôi cũng nhìn thấy. Thế mới biết cô đang choáng váng biết chừng nào.

Lão Lục nói:

- Tôi không ở lại đâu. Nhìn tôi đây. Tôi có mũi lõ, mắt xanh đâu? Tôi không thể trốn sau bộ mặt già nua này. Ít ra thì ở trên núi cũng có hàng ngàn cái hang, hàng ngàn cơ hội. Ở đây tôi chẳng có gì hết.

Cô Banner nhìn Dị Ban chằm chằm. Trong mắt cô đầy ắp sợ hãi. Tôi biết cô đang nghĩ: Người đàn ông cô yêu này trông giống Trung Quốc hơn là Johnson. Giờ nghĩ đến chuyện này, bộ mặt Dị Ban giống như Simon, lúc là người Trung Quốc, lúc là người nước ngoài, đôi khi lẫn lộn cả hai. Nhưng tối hôm ấy, với cô Banner, trông anh ta rất Trung Quốc. Tôi hiểu điều này, vì cô quay sang tôi và nói:

- Lúc nào thì Tăng sẽ đến chỗ chúng ta?

Hồi đó chúng tôi không có đồng hồ đeo tay, nên tôi nói:

- Khi trăng lên đến lưng chừng trời, - có nghĩa là khoảng mười giờ. Cô Banner gật đầu, rồi về phòng riêng. Khi đi ra, cô đã diện mọi thứ đẹp nhất của cô: bộ váy áo ngày Chủ nhật có diềm bị rách, vòng cổ đeo viên ngọc màu cam khắc mặt người phụ nữ, găng tay bằng da rất mỏng, những cái kẹp tóc ưa thích của cô. Chúng bằng đồi mồi, giống hệt cái đĩa đựng xà phòng em đã tặng chị dịp sinh nhật. Giờ thì em biết vì sao chị thích nó đến thế. Cô diện những thứ này phòng khi cô chết. Còn tôi chẳng để ý gì đến quần áo, dù đêm hôm ấy được coi là tuần trăng mật của tôi. Vả lại, quần áo khác của tôi vẫn còn ướt, đang phơi trong vườn. Chúng cũng chẳng đẹp gì hơn những thứ trên người tôi.

Mặt trời đã lặn. Mặt trăng hình bán nguyệt đã mọc và lên cao dần. Chúng tôi mỗi lúc một nôn nóng, đợi Tăng trong mảnh sân tối om. Nói thật lòng, chúng tôi không đợi anh ta. Tôi biết đường lên núi cũng rành như anh ta, có khi còn hơn. Nhưng tôi không nói ra với những người khác.

Cuối cùng, chúng tôi nghe thấy tiếng đấm vào cánh cổng. Bùm! Bùm! Bùm! Tăng đã đến! Trước khi Lão Lục ra tới cổng, lại Bùm! Bùm! lần nữa. Lão Lục quát:

- Anh làm chúng tôi phải đợi, giờ còn om sòm trong lúc tôi đang tè đây!

Lão mở một cánh cổng, và ngay lập tức hai tên lính Mãn Châu lao vọt vào, gươm tuốt trần, xô lão ngã bổ chửng. Cô Banner hét to: "Aaaaaa!", tiếp theo là nhiều tiếng hét: "Aa- aa-aa!". Bác sĩ Quá Muộn giơ tay bịt vội cái miệng ồm ồm của cô. Cô Banner đẩy Dị Ban, anh ta nấp vội sau bụi cây. Tôi không làm gì hết. Nhưng trong thâm tâm, tôi kêu: Có chuyện gì xảy ra với Tăng? Chồng mới của tôi ở đâu?

Lúc đó, có người bước vào trong sân. Một tên lính nữa. Người này thuộc cấp cao, là người nước ngoài. Tóc hắc cắt ngắn. Không để râu, không mũ. Nhưng lúc hắc gọi "Nelly!" và gõ cây gậy, chúng tôi biết tên phản bội, tên ăn cắp này là ai. Hắc đứng đó, Tướng Cape, đang lục tìm cô Banner khắp sân. Hắc có hổ thẹn vì việc đã làm không? Những người Thờ phụng Jesus có chạy tới đấm đá hắc không? Hắc giang rộng cánh tay cho cô Banner:

- Nelly, - hắc lại gọi. Cô không nhúc nhích.

Đột nhiên mọi sự xảy ra hồng hét. Dị Ban từ sau bụi cây bước ra và giận dữ tiến thẳng đến chỗ Cape. Cô Banner chạy ào qua Dị Ban và lao vào vòng tay Cape, thì thào:

- Waren.

Mục sư Amen bắt đầu cười. Lão Lục kêu to:

- Con chó cái không thể đợi nhảy con chó đực!

Một lưỡi kiếm lóe sáng chém xuống - crack! - rồi hoắc! Chúng tôi chưa kịp kêu, đầu lão đã lăn đến chỗ tôi, môi vẫn cong lên trong lúc hét lách. Tôi nhìn trừng trừng đầu Lão Lục, đợi nghe thấy tiếng nguyên rửa thường lệ của lão. Sao lão không nói? Tôi nghe thấy những người nước ngoài thút thít và rên rỉ đằng sau tôi. Rồi một tiếng rú bật ra khỏi ngực tôi và tôi lao trên mặt đất, cố chắp hai mảnh của Lão Lục lại. Vô ích! Tôi nhảy bật lên, nhìn Cape chòng chọc, sẵn sàng giết hoặc bị giết. Mới định bước lên một bước, chân tôi đã mềm nhũn như không có xương. Đêm tối hơn, không khí nặng nề hơn và mặt đất dâng lên đập vào mặt tôi.

Khi tôi mở mắt, tôi nhìn thấy bàn tay tôi và đưa chúng lên cổ. Đầu tôi vẫn còn đó, chỉ ngoẹo sang một bên. Có người đánh tôi ngã? Hay tôi bị ngất? Tôi nhìn quanh. Lão Lục chết rồi, nhưng mặt đất gần đó vẫn ướt máu lão. Lát sau, tôi nghe thấy nhiều tiếng la hét ở góc đằng kia ngôi nhà. Tôi hối hả chạy tới và nấp sau một cái cây. Từ chỗ đó, tôi có thể nhìn qua các cửa sổ và cửa phòng ăn mở toang. Giống như nhìn ngắm một giấc mơ lạ lùng và khủng khiếp. Các ngọn đèn đang cháy. Bọn người nước ngoài lấy đầu ra đầu thấp? Hai tên lính Mãn Châu và Dị Ban ngồi bên cái bàn nhỏ mà những người Trung Quốc vẫn dùng làm bàn ăn. Giữa bàn của người nước ngoài có một cái chân giò to, thịt đen thui vẫn còn ám khói. Ai mang đến món ăn này? Tướng Cape mỗi tay cầm một khẩu súng lục. Hắn giơ một khẩu lên, nhắm vào mục sư Amen ngồi bên cạnh. Khẩu súng cách một tiếng nhưng không nổ. Mọi người đều cười. Mục sư Amen bắt đầu dùng tay xé từng miếng thịt.

Cape quát tháo bọn lính. Chúng vội cầm kiếm, đi qua sân, mở cổng và đi ra. Lúc đó Cape đứng dậy, cúi chào những người Thờ phụng Jesus như họ là những vị khách danh dự của hắn. Hắn giơ bàn tay cho cô Banner, rồi như một vị hoàng đế và hoàng hậu, họ bước xuống hành lang đến thẳng phòng cô. Ngay sau đó, tôi nghe thấy những âm thanh kinh khủng của chiếc hộp âm nhạc.

Cái nhìn của tôi quét khắp phòng ăn. Những người nước ngoài không cười nữa. Cô Chuột ép mặt vào lòng bàn tay. Bác sĩ Quá Muộn an ủi cô. Chỉ có mục sư Amen vẫn mỉm cười lúc gặm cái chân giò. Dị Ban đã đi đâu mất.

Nhiều ý nghĩ tệ hại quay cuồng trong đầu tôi. Những người nước ngoài bị gọi là bọn quỷ da trắng cũng không lạ gì! Họ chẳng có chút đạo đức. Không thể tin được họ. Khi họ nói chia má kia ra, thực ra họ muốn nói họ có hai bộ mặt, một xảo trá, một giả dối. Sao tôi lại ngu dại tưởng họ là bạn bè? Lúc này Tăng ở đâu? Sao tôi lại liều mạng của anh vì họ?

Cửa bật mở và cô Banner bước ra, tay xách cái đèn. Cô gọi Cape bằng giọng trêu đùa, rồi khép cửa và ra hẳn ngoài sân. “Nuli!” bất thành linh, cô gọi bằng tiếng Trung. “Nuli, lại đây! Đừng bắt tôi phải đợi!”. Chao ôi, tôi tức điên. Cô ta nghĩ mình là ai mà gọi người hầu? Cô ta xoay nhiều vòng tìm tôi. Bàn tay tôi dờ dẫm trên mặt đất tìm hòn đá. Nhưng tôi chỉ thấy một hòn sỏi, và nắm chặt thứ vũ khí bé nhỏ đó, tôi tự nhủ: Lần này nhất định tao đập vỡ đầu mày.

Tôi bước ra từ sau cái cây. “Nuwu!”, tôi đáp lại.

Tôi vừa gọi cô là mục phù thủy, cô quay ngoắt lại, ánh đèn chiếu sáng mặt cô. Cô vẫn chưa nhìn thấy tôi.

- Này mục phù thủy, - tôi nói. - Tôi biết tên cô rồi.

Một trong những tên lính mở cổng hỏi có chuyện gì. “Chặt phăng đầu cô ta đi”, tôi nghĩ cô Banner sẽ nói thế. Nhưng cô trả lời bình tĩnh:

- Tôi đang gọi cô hầu của tôi.

- Cô có muốn chúng tôi tìm hộ cô không?

- À! Không cần, tôi đã tìm thấy rồi. Cô ấy ở đằng kia kia. - Cô chỉ vào chỗ tối om cuối sân. - Nuli! - Cô quát vào cái góc vắng vẻ. - Nhanh lên, đưa chìa khoá cái hộp âm nhạc cho tôi!

Cô đang nói gì vậy? Tôi không ở đây. Tên lính tránh sang bên, đóng cửa đánh sầm. Cô Banner quay lại và vội vã tiến thẳng đến chỗ tôi. Trong giây lát, mặt cô sát gần mặt tôi. Nhờ ánh đèn, tôi có thể thấy vẻ đau đớn trên mặt cô.

- Cô vẫn là người bạn trung thành của tôi chứ? - Cô hỏi, giọng dịu dàng, buồn bã. Cô giơ chiếc chìa khoá hộp âm nhạc lên. Tôi chưa kịp hiểu ý cô, cô thì thào. - Cô với Dị Ban phải rời khỏi đây ngay đêm nay. Cứ để anh ấy coi thường tôi, nếu không anh ấy không đi đâu. Phải để anh ấy an toàn. Cô hứa với tôi nhé. - Cô xiết chặt tay tôi. - Hứa đi, - cô lại nói. Tôi gật. Cô mở nắm tay tôi và thấy hòn sỏi trong lòng bàn tay. Cô cầm lấy nó và thay bằng chiếc chìa khoá. - Gì hả? - Cô quát. - Cô để quên chìa khoá ở nhà lều? Đồ ngu! Giờ cầm lấy đèn, ra vườn ngay. Chưa tìm thấy đèn có trở lại!

Tôi rất mừng nghe thấy cô nói những điều vô nghĩa.

- Cô Banner, - tôi thì thầm. - Cô đi với chúng tôi đi, ngay bây giờ.

Cô lắc đầu:

- Thế thì hắn giết cả bọn mất. Sau khi hắn đi rồi, chúng ta sẽ tìm nhau. - Cô buông tay tôi và đi vào bóng tối, trở lại phòng riêng.

Tôi tìm thấy Dị Ban trong vườn, anh đang chôn Lão Lục.

- Anh là người tốt, Dị Ban ạ. - Tôi lấp kín đất với lá cây khô để bọn lính không tìm ra mộ lão.

Lúc tôi làm xong, Dị Ban nói:

- Lão Lục biết cách khép chặt cánh cổng, trừ mồm miệng của chính lão.

Tôi gật đầu, nhớ tới lời hứa của mình. Vì thế tôi nói bằng giọng giận dữ:

- Vì lỗi của cô Banner mà lão ấy chết. Lại còn lao vào vòng tay tên phản bội nữa chứ! - Dị Ban nhìn đăm đăm vào nắm đấm của anh. Tôi huých. - Này Dị Ban, chúng ta nên chạy trốn. Sao lại phải chết vì tội lỗi của bọn người nước ngoài này? Chẳng ai trong số họ là người tốt.

- Cô nhầm rồi, - Dị Ban nói. - Cô Banner chỉ giả vờ tặng Cape trái tim để cứu tất cả chúng ta. - Thấy chưa, Dị Ban hiểu cô ấy biết chừng nào? Rồi em cũng sẽ thấy tôi nói dối hùng hồn ra sao.

- Hừ! Giả vờ! - Tôi nói. - Tôi rất tiếc phải nói cho anh biết sự thực. Nhiều lần cô ấy nói với tôi cô ấy mong hắn trở về. Lẽ tất nhiên cô ấy mến anh, nhưng chỉ bằng một nửa cô ấy mê Cape. Anh có biết vì sao không? Anh chỉ là người nước ngoài có một nửa! Những người Mỹ này là thế đấy. Cô ấy mê Cape vì họ cùng nòi giống. Anh không thể dễ dàng thay đổi vết xe lún sâu trong bùn được.

Bàn tay Dị Ban vẫn nắm chặt, và mặt anh mỗi lúc một thêm buồn, rất buồn. May cho tôi, tôi không phải nói dối quá nhiều về cô Banner. Anh ta đồng ý chúng tôi nên ra đi. Nhưng trước khi đó, tôi đến góc tây bắc và tìm thấy cái hũ còn lại hai quả trứng vịt. Không còn thời gian để đào thêm nữa.

- Chúng ta sẽ lên núi Một trăm hang, - tôi nói. - Tôi biết cách tìm ra nó. - Tôi thổi tắt ngọn đèn cô Banner đưa cho và chuyển nó cho Dị Ban. Rồi cả hai chúng tôi lên ra cổng.

Chúng tôi không chọn con đường qua làng. Chúng tôi rón rén men theo chân núi, nơi mọc đầy những bụi gai nhọn. Lúc chúng tôi bắt đầu trèo lên rặng núi và vách núi đầu tiên, tim tôi đập thình thịch vì sợ bọn lính nhìn thấy. Dù tôi là con gái và Dị Ban là đàn ông, tôi vẫn trèo nhanh hơn anh. Tôi có đôi chân để leo núi. Lúc đến mái vòm, tôi dừng lại đợi anh. Tôi nhìn ngôi nhà của Ma Thương nhân từ nơi đây. Ngôi nhà tối om. Tôi hình dung cô Banner đang nhìn đăm đăm vào bóng đêm, băn khoăn liệu Dị Ban và tôi có an toàn không. Lúc đó tôi nghĩ đến Tăng.

Anh có gặp Cape và binh lính của hắn không? Anh có trốn thoát lên núi không? Đang nghĩ vậy, tôi nghe thấy tiếng anh gọi tôi từ phía sau:

- Nunumu?

- A! - Tôi quay lại. Tôi nhìn thấy bóng anh ở mái vòm cuối đường hầm. Tôi mừng biết chừng nào. - Tăng, ra anh ở đây! Tôi đang lo cho anh quá. Chúng tôi đợi mãi, rồi bọn lính đến...

Anh cắt ngang lời tôi:

- Nunumu, nhanh lên. Đừng mất thì giờ nói chuyện nữa. Đi đường này. - Anh vẫn hách thế, chẳng có thời gian mà nói: "Ôi, người yêu bé bỏng của anh, cuối cùng anh đã tìm thấy em". Lúc tôi chui qua mái vòm, muốn anh biết tôi rất lo cho anh, tôi trêu:

- Lúc anh chưa đến, tôi cứ tưởng anh đã thay đổi ý kiến, có người đàn bà khác có đủ hai mắt. - Tôi bước ra khỏi đường hầm. Tăng đang đi ven vách núi. Anh vẫy tôi theo.

- Đừng qua thung lũng, - anh nói. - Hãy ở lại trên núi cao.

- Gươm đã! - Tôi nói. - Có người nữa sắp đến. - Tăng dừng lại. Tôi quay nhìn xem Dị Ban có đi theo không. Lúc đó, tôi nghe thấy người chồng mới của tôi nói. - Nunumu, tối nay bọn lính đã giết tôi. Giờ tôi sẽ đợi em mãi mãi.

- Ái dà! - Tôi càu nhàu. - Đừng đùa như thế. Tối nay bọn chúng đã giết Lão Lục. Tôi chưa bao giờ thấy cảnh tượng kinh khủng như thế...

Cuối cùng, Dị Ban đến chỗ cổng vòm.

- Cô đang nói chuyện với ai thế? - Anh hỏi.

- Với Tăng, - tôi nói. - Anh ấy ở đây. Thấy chưa? - Tôi nhìn quanh. - Tăng? Tôi không nhìn thấy anh. Hãy vẫy tay đi... Này, anh ở đâu? Đợi đã!

- Tôi sẽ đợi em mãi mãi, - tôi nghe thấy anh thì thảo vào tai tôi. - Ái dà! Đây là lúc tôi biết Tăng không đùa. Anh đã chết.

Dị Ban đến cạnh tôi.

- Có chuyện gì thế? Anh ấy đâu?

Tôi cắn môi cho khỏi bật khóc.

- Tôi nhầm. Tôi nhìn thấy một cái bóng, thế thôi. - Mắt tôi bỗng rớt và tôi thầm biết ơn vì trời tối. Tôi chết bây giờ hay sau này có nghĩa gì đâu? Nếu không hứa với cô Banner, tôi sẽ quay lại ngôi nhà của Ma Thương nhân. Nhưng còn Dị Ban ở đây, đang đợi tôi quyết định đi đường nào.

- Lên núi, - tôi nói.

Lúc Dị Ban và tôi len qua các bụi cây và vấp phải những tảng đá, chúng tôi không nói gì với nhau. Tôi nghĩ anh ta cũng như tôi, đang đau vì người đã mất. Anh ta và cô Banner sẽ còn có ngày gặp lại nhau. Còn Tăng và tôi là vô vọng. Nhưng tôi nghe thấy tiếng Tăng:

- Nunumu, em định chọn tương lai thế nào? Kiếp sau thì sao? Lúc đó chúng ta không thể lấy nhau được ư? - Chà! nghe câu này, tôi suýt ngã nhào khỏi núi. Lấy nhau! Anh đã nói đến "cưới"!

- Nunumu, - anh nói tiếp, - trước khi ra đi, tôi sẽ dẫn em lên cái hang để em ẩn. Hãy dùng mắt tôi trong đêm tối.

Ngay lập tức, tôi có thể nhìn xuyên qua con mắt mù lòa của tôi. Trước khi đến con đường nhỏ, tôi đã nhìn thấy lò mờ. Đắt khắp nơi vẫn chìm trong bóng tối. Tôi quay sang Dị Ban:

- Nhanh lên, - tôi nói và thẳng tiến, can đảm như một chiến binh.

Vài giờ sau, chúng tôi đứng trước một bụi cây. Lúc gạt các cành cây, tôi thấy một lỗ hổng đủ rộng cho một người chui qua. Dị Ban trèo vào trước. Anh gọi với lại:

- Nồng lắm. Chỉ có mấy bước chân.

Tôi lấy làm lạ. Sao Tăng lại đưa tôi đến một cái hang khốn khổ như vậy? Sự nghi ngờ của tôi đã xúc phạm anh.

- Nó không quá nồng đâu, - Tăng nói. - Bên trái có hai tảng đá mòn. Hãy chui vào giữa chúng. - Tôi trèo vào và thấy một khe hở mát mẻ xiên xuống.

- Đây là cái hang ấy, - tôi bảo Dị Ban. - Anh chỉ chưa chú ý cho đủ thôi. Thấp đèn lên và trèo xuống theo tôi.

Lỗ hổng đó là nơi bắt đầu một con đường dài, ngoằn ngoèo, một bên có dòng suối chảy ven theo. Đôi chỗ, đường hầm tách ra hai hướng.

- Một lối đi lên, lối kia đi xuống, - Tăng bảo. - Luôn luôn xuống thấp hơn. Một lối có suối, lối kia thì khô, hãy đi theo dòng nước. Đến chỗ một bên hẹp lại, bên kia rộng ra, hãy len vào. - Chúng tôi càng đi xa hơn, không khí càng mát mẻ hơn, rất sáng khoái.

Chúng tôi rẽ hết lần này đến lần khác, cho đến khi nhìn thấy một nơi như thiên đường. Gì thế này? Chúng tôi ở trong một nơi giống như lâu đài, có thể chứa được một ngàn người. Rất sáng sủa. Giữa sàn là một cái hồ, nước sáng lấp lánh. Nó có màu vàng - xanh, không hề giống ánh sáng nến, ánh đèn hoặc nắng trời. Tôi tưởng như có nhiều chùm tia ánh trắng chiếu qua một lỗ hổng xuống thế gian.

Dị Ban nghĩ có lẽ là một núi lửa đang sôi sùng sục bên dưới. Hoặc những sinh vật biển cổ xưa có cặp mắt sáng ngời. Hay có khi là một vì sao vỡ làm đôi, rơi xuống trái đất và bắn tung vào hồ.

Tôi nghe thấy Tăng bảo:

- Giờ em có thể tự nhìn thấy nốt con đường. Em sẽ không lạc đâu.

Tăng sắp rời bỏ tôi.

- Anh đừng đi! - Tôi kêu lên.

Nhưng chỉ có Dị Ban trả lời:

- Tôi không nhúc nhích mà.

Sau đó tôi không thể nhìn bằng con mắt mù nữa. Tôi đợi Tăng nói lần nữa. Không thấy gì. Anh đã ra đi như thế đấy. Không hề: "Tạm biệt em yêu của anh. Anh sẽ sớm gặp em ở kiếp sau". Đây là điều phiền hà với người âm. Không thể tin được! Họ đến và đi tùy thích. Sau khi tôi chết, Tăng và tôi đã có một cuộc cãi vã ra trò về việc đó.

Lúc đó con đã bảo anh ấy điều lúc này con nói với mẹ đây, Mẹ Lớn ạ: Cái chết của mẹ làm con hiểu thế nào là mất mát thực sự, nhưng đã quá muộn.

16. CHÂN DUNG MẸ LỚN

Tôi lắng nghe Quan nói chuyện với Mẹ Lớn đến nửa đêm. Tôi mờ cả mắt. Còn chị vẫn hết sức tươi tỉnh.

Rocky đưa chúng tôi đến Xưởng Miên bằng chiếc xe tải tòng tọc. Xác Mẹ Lớn quần vải liệm nằm vắt trên ghế sau. Đến mỗi giao lộ, cái xe dừng lại, gầm rú và chết máy. Rocky nhảy vọt ra ngoài, lao đến mở mui xe, đập ầm ầm lên các bộ phận bằng kim loại, và rống lên bằng tiếng Trung:

- Tổ cha mày, đồ giun dế lười biếng.

Kỳ lạ thay, câu thần chú này lập tức được việc, làm chúng tôi nhẹ cả người cũng như những lái xe đang bấm còi đằng sau chúng tôi. Bên trong, cái xe tải như một thùng nước đá; chiếu cổ đến Mẹ Lớn và tình trạng đáng buồn của bà, Rocky tắt nghiêng lò sưởi. Nhìn ra ngoài cửa xe, tôi thấy sương mù dâng lên khỏi bờ mương. Các chóp núi mờ trong lớp màn che dày đặc. Mọi thứ chẳng có vẻ gì khởi đầu một ngày tốt đẹp.

Quan vẫn ngồi ghế sau, trò chuyện rất to với thi hài Mẹ Lớn, như thể họ là những cô gái trên đường đến trường. Tôi ngồi ghế trên, còn Simon ngồi ghế cạnh lái xe, duy trì tình bạn của người vô sản và tôi ngờ là anh để mắt tới những thao tác lái xe đầy nguy hiểm. Sáng sớm nay, sau khi chúng tôi ra khỏi khách sạn Sheraton và chất hành lý lên xe, tôi bảo Simon:

- Ơn Chúa, đây sẽ là chuyến cuối cùng chúng mình phải đi cùng Rocky.

Quan nhìn tôi khó chịu:

- Dào ôi! Đừng nói “cuối cùng”. Nói thế xúi quẩy lắm. Xúi hay không, chí ít thì chúng tôi cũng không tới Xưởng Miên hàng ngày. Chúng tôi sẽ ở trong làng hai tuần, miễn phí, nhờ Mẹ Lớn mà theo lời Quan, “Trước khi bà chết đã mời chúng tôi lưu lại nhà bà”.

Át tiếng lạch cạch của kim loại trên chiếc xe tải, tôi nghe thấy tiếng Quan khoe với người đàn bà đã chết:

- Cái áo nịt này nom giống len, mẹ nhỉ? Nhưng nó là hàng *crylic* đấy, hừm ừm, *giặt máy*. - Chị nói acrylic và có thể *giặt bằng máy* theo kiểu tiếng Anh của chị, rồi giải thích máy giặt và máy sấy theo lối suy xét của Mỹ. - Ở California, mẹ không được phơi quần áo ở ban công hoặc cửa sổ, ồ không. Hàng xóm sẽ gọi cảnh sát vì làm họ xấu hổ. Nước Mỹ không tự do nhiều như mẹ tưởng đâu. Mẹ không được hút thuốc trừ trong tù. Mẹ không được vứt vỏ cam ra đường. Mẹ không được cho con ị trên vỉa hè. Nhưng có một số quy định rất buồn cười. Không được nói chuyện trong rạp chiếu bóng chẳng hạn. Không được ăn quá nhiều đồ ăn béo...

Rocky rồ máy và chạy xuống con đường mấp mô. Lúc này tôi không chỉ lo về tình trạng tinh thần của Quan mà còn lo xác Mẹ Lớn có thể lăn xuống sàn xe.

- Mẹ cũng không thể bắt con cái làm lụng, - Quan nói với vẻ quyền thế. - Con nói thật đấy! Mẹ có nhớ mẹ bắt con đi nhặt cành cây làm củi không? Vâng, con vẫn nhớ. Con đã phải chạy khắp nơi trong mùa đông, hết lên lại xuống, hết tới lại lui, khắp đó đây! Những ngón tay bé nhỏ của con cứng đờ, sưng phồng vì rét. Rồi mẹ bán những bó củi ấy cho các nhà khác và giữ lấy tiền. Không, giờ thì con không trách mẹ đâu. Lẽ đương nhiên là con biết, hồi ấy ai cũng phải làm việc vất vả. Nhưng ở Mỹ, họ sẽ bỏ tù mẹ vì đối xử với con cái như vậy. Vâng, vì mẹ đã tát vào mặt con, nhiều lần véo má con bằng móng tay sắc nhọn của mẹ. Mẹ không nhớ ư? Nhìn những vết sẹo trên má con này, có hai vết trông như chuột cắn. Giờ con nhớ ra chuyện này, để con kể lại với mẹ, con đã không vứt mấy cái bánh bột gạo mốc meo ấy cho lợn đâu. Vì sao bây giờ con lại nói dối? Hồi ấy con đã nói với mẹ, người ăn cắp chúng là dì Ngũ. Con biết vì con đã rình xem dì cất bỏ những chỗ mốc xanh, mỗi lần một cái bánh bột gạo nhỏ. Mẹ cứ hỏi dì ấy xem. Giờ chắc dì ấy cũng mất rồi. Hỏi vì sao dì ấy nói dối và đổ cho con vứt đi!

Mười phút sau, Quan im lặng khác thường, tôi hình dung chị và Mẹ Lớn đang lặng lẽ bàn

cách xử lý theo kiểu Tàu. Nhưng rồi tôi nghe thấy Quan gọi tôi bằng tiếng Anh:

- Libby-ah! Mẹ Lớn hỏi chị em có thể chụp ảnh cho bà được không? Bà bảo từ hồi còn sống, bà chưa có cái ảnh nào đẹp. - Tôi chưa kịp trả lời, Quan đã dịch thêm lời của người âm. - Bà bảo chiều nay là lúc tốt nhất để chụp ảnh. Sau khi chị thay cho bà bộ quần áo và đôi giày đẹp nhất. - Quan cười rộng mở với Mẹ Lớn rồi quay sang tôi. - Mẹ lớn bảo bà rất hạnh diện có một nhà nhiếp ảnh nổi tiếng trong gia đình.

- Em không nổi tiếng.

- Đừng cãi Mẹ Lớn. Với bà, em là người nổi tiếng. Vấn đề là thế.

Simon loạng choạng xuống ghế sau và ngồi cạnh tôi, anh thì thầm:

- Em không muốn chụp ảnh xác chết phải không?

- Em có nói gì đâu? Xin lỗi, em không chụp ảnh người chết, nhưng em có thể hỏi anh định ám chỉ ai vậy?

- Có khi bà ấy không ăn ảnh lắm.

- Đừng đùa.

- Em nên hiểu đây là Quan muốn có một bức ảnh chứ không phải Mẹ Lớn.

- Vì sao anh lại nói những việc này hoàn toàn không cần thiết?

- Nghĩ mà xem, giờ chúng ta đang ở Trung Quốc. Mới chỉ có hai ngày đã xảy ra khối việc kỳ quặc.

Khi chúng tôi về đến Xương Miên, bốn bà già vồ lấy hành lý của chúng tôi, vừa cười gạt những lời phản đối của chúng tôi vừa khẳng định rằng mỗi bà còn khỏe hơn cả ba chúng tôi cộng lại. Không bị vướng víu, chúng tôi đi qua một mê cung những con đường làng lát đá và nhiều ngõ hẻm tới nhà Mẹ Lớn. Căn nhà giống hệt các nhà khác trong làng: một tầng, vách trát bùn. Ở giữa một cái sân lộ thiên, tôi thấy một bà già đang dùng cái bơm tay lấy nước vào xô. Bà ta ngẩng lên, bàn đầu ngạc nhiên, sau hải lòng khi nhìn thấy Quan.

- Ha ha ha! - Bà kêu, miệng bà há to phả ra những hơi thở ẩm ướt. Một mắt bà nhắm chặt, mắt kia lộn ra ngoài như một con ếch rình muỗi. Quan và người đàn bà ấy ôm choàng lấy nhau. Họ thui vào eo nhau rồi liến thoắng bằng thổ ngữ Xương Miên. Bà già ra hiệu về phía bức tường đồ nát, cau có phản đối vụ hỏa hoạn bất cẩn. Bà ta có vẻ áy náy vì tình trạng sập sệ của căn nhà và không có điều kiện tổ chức bữa tiệc cùng dàn nhạc chào mừng chúng tôi.

- Đây là Đỗ Lili, bạn cũ của gia đình tôi, - Quan nói với Simon và tôi bằng tiếng Anh. - Hôm qua bà ấy lên sườn núi hái nấm. Lúc trở về thấy tôi đã đến và đi rồi.

Đỗ Lili nhăn mặt vẻ khổ sở, dường như hiểu lời dịch về nỗi thất vọng của bà. Chúng tôi gật đầu thông cảm.

Quan nói tiếp:

- Chúng tôi sống với nhau từ lâu lắm rồi, ở ngôi nhà này. Em cứ nói tiếng phổ thông với bà ấy đi. Bà ấy hiểu đấy. - Quan quay lại bà bạn và thay mặt chúng tôi giải thích. - Em gái Libby-ah của tôi nói tiếng phổ thông rất lạ, theo kiểu Mỹ, suy nghĩ và các câu cú trở lại phía sau. Rồi bà sẽ thấy. Còn đây là Simon, chồng cô ấy, giống như người câm-điếc. Cậu ta chỉ nói được tiếng Anh. Lẽ tất nhiên, cả hai đều lai Trung Quốc một nửa.

- À hà! - Giọng Đỗ Lili nếu không sừng sốt thì ghê tởm. - Chỉ có một nửa! Thế họ nói với nhau bằng tiếng gì?

- Tiếng Mỹ, - Quan trả lời.

- À à à, - một dấu hiệu khiếp hãi hiển nhiên nữa. Đỗ Lili sẫm soi tôi dường như phần Trung Quốc trên mặt tôi có thể bong mất bất cứ lúc nào.

- Cô có hiểu tí gì không? - Bà hỏi tôi chậm rãi bằng tiếng phổ thông. Khi tôi gật, bà giải thích nhanh hơn. - Gầy quá! Sao nom cô gầy gò cả xương? Xì! Xì! Tôi tưởng người ở Mỹ ăn nhiều. Sức khỏe cô kém lắm à? Này Quan! Sao cô không vỗ béo cho em gái cô?

- Tôi thử rồi. - Quan phản đối. - Nhưng cô ấy không chịu ăn! Phụ nữ Mỹ đều muốn gầy.

Sau đó, Đỗ Lili ngắm nghía Simon rất nhanh:

- Chà, người này giống một ngôi sao điện ảnh quá. - Bà kiễng chân để nhìn cho rõ hơn.

Simon nhếch lông mày nhìn tôi:

- Em dịch hộ với.

- Bà ấy bảo anh sẽ là một người chồng tốt cho con gái bà ấy. - Tôi nháy Quan và cố giữ bộ mặt thật thà.

Mắt Simon mở to. Đây là một trò mà anh và tôi hay chơi trong những ngày đầu chung sống. Tôi dịch nhăng cuội và cả hai chúng tôi tiếp tục nói dối cho đến lúc một trong hai người bỏ cuộc.

Đỗ Lili cầm tay Simon kéo vào trong và nói:

- Vào đây, tôi muốn chỉ cho cậu xem cái này.

Quan và tôi theo sau.

- Bà ấy cần kiểm tra rằng anh trước, - tôi bảo Simon. - Đây là một phong tục trước khi hứa hôn. - Chúng tôi ở trong một diện tích khoảng hơn ba chục mét vuông mà Đỗ Lili gọi là phòng chính. Phòng tối, đồ đạc ít ỏi, vài cái ghế dài, một bàn gỗ, rải rác vài cái hũ, thúng mủng và hộp. Trần nhà có chóp nhọn. Trên các rui, xà treo thịt và ớt khô, thúng mủng, không có đèn cố định. Sàn nhà bằng đất nện. Đỗ Lili chỉ một ban thờ bằng gỗ mộc dựa sát vào bức tường phía sau. Bà bảo Simon đứng cạnh bà.

- Bà ấy muốn biết Thần thánh có nhận anh không, - tôi nói. Quan chum miệng, và tôi nháy chị.

Bên trên ban thờ là những câu đối bằng giấy hồng điều ghi những câu đã phai nhòa. Ở giữa là ảnh Mao, một băng màu vàng vắt qua vàng trăn bị rách. Bên trái có một khung ma vàng rạn nứt lồng ảnh Jesus, đôi tay vươn tới tia sáng vàng rực. Bên phải là thứ Đỗ Lili muốn Simon nhìn thấy: một tấm ảnh lịch cũ in ảnh một chàng trai mặc nhung phục cổ xưa, đang uống xô đa màu xanh nom rất giống Bruce Lee¹.

- Cậu thấy ngôi sao điện ảnh này chưa? - Đỗ Lili nói. - Tôi thấy cậu giống hệt anh ta, tóc dày, cái nhìn hung tợn, cái miệng rõ nét, giống hệt, ồ, rất điển trai.

Tôi chăm chú nhìn bức ảnh rồi nhìn Simon đang đợi tôi dịch.

- Bà ấy bảo trông anh giống tên tội phạm này, trong danh sách truy nã ở Trung Quốc. Quên cuộc hôn nhân đi. Bà ấy sắp được lĩnh một ngàn tệ vì giao nộp anh đấy.

Simon chỉ vào bức ảnh lịch, rồi chỉ vào mình, nói to:

- Tôi? - Anh lắc đầu quyết liệt và phản đối bằng thứ tiếng Anh “bồi”:

- Không, không. Nhầm người. Tôi người Mỹ, người tốt. Tên này xấu, người khác.

Tôi không thể giữ được vẻ ngoài nghiêm trang nữa. Tôi cười phá.

- Anh thắng, - Simon hả hê. Quan dịch câu chuyện ngớ ngẩn của chúng tôi cho bà Đỗ Lili nghe. Simon và tôi cười với nhau mấy giây liền. Đây là khoảnh khắc ấm áp đầu tiên chúng tôi cùng chia sẻ trong một thời gian dài. Từ lúc nào trong cuộc hôn nhân làm chúng tôi trở nên mỉa mai?

- Lời bà Đỗ Lili nói anh điển trai như một ngôi sao điện ảnh là thật đấy.

Simon chấp tay và cúi đầu, cảm ơn bà Đỗ Lili. Bà cúi đầu đáp lễ, vui vì cuối cùng, anh đã hiểu lời khen của bà.

- Anh có biết là trong ánh sáng này, trông anh khác hẳn. - Tôi bảo anh.

- Hừm. Khác thế nào? - Lòng mày anh nhếch lên, vẻ tán tỉnh.

Tôi cảm thấy lúng túng.

- Ờ, em không biết, - tôi lẩm bẩm, mặt tôi nóng bừng. - Có lẽ trông anh Trung Quốc hơn hay đại loại thế. - Tôi quay đi và giả vờ chăm chú ngắm chân dung Mao Chủ tịch.

- Em có biết người ta nói gì về các cặp vợ chồng không? Sau nhiều năm chung sống, họ ngày càng giống nhau.

Tôi vẫn nhìn đăm đăm lên tường, tự hỏi thực ra Simon đang nghĩ gì.

- Nhìn này, - tôi nói. - Jesus ngay cạnh Mao. Ở Trung Quốc thế này có bị coi là bất hợp pháp không?

- Có khi Đỗ Lili không biết Jesus là ai. Có lẽ bà ấy tưởng đấy là một ngôi sao điện ảnh đang bán bóng đèn.

Tôi định hỏi bà Đỗ về bức ảnh Jesus thì Quan xoay người và gọi mấy người ngăm ngăm đen đứng ở ngưỡng cửa sáng sủa.

- Vào đây! Vào đây! - Chị bươn bả và bận rộn. - Simon, Libby-ah, nhanh lên! Giúp các dì mang hành lý vào. - Những người mang vác gạt chúng tôi sang một bên và kéo mạnh các va li cùng túi đồ lề của chúng tôi vào, đẩy các thứ đó vấy đầy bùn.

- Mở ví ra, - Quan bảo và tôi chưa kịp làm, chị đã giằng lấy xách của tôi. Chắc chị tìm tiền thưởng. Nhưng ngay tức thì, chị rút bao Marlboro Lights của tôi và đưa cho các bà cả bao. Một trong mấy người hoan hỉ đưa mời một vòng, rồi rút túi chỗ còn lại. Các bà già bắt đầu húp bập bập. Rồi họ ra về trong đám khói thuốc mù mịt.

Quan kéo va li vào một căn phòng tối om bên phải.

- Chúng ta ngủ ở đây. - Chị ra hiệu cho tôi theo. Tôi tưởng là một phòng ngủ đúng kiểu cộng sản, trang trí phù hợp với diện mạo sơ sài đến mức tối thiểu của căn nhà. Nhưng lúc Quan mở cửa sổ cho ánh nắng cuối buổi sáng ủa vào, tôi nhận ra một cái giường cưới chạm trổ và cái màn màu xám treo rèm lụa tua. Đây là thứ đồ cổ tuyệt đẹp, gần giống cái giường tôi đã thêm muốn trong một cửa hàng phố Union. Cái giường làm đúng kiểu Quan đã đặt làm cho chị một chiếc ở nhà: tấm khăn phủ thẳng căng trên nệm, gối và chăn gấp gọn ở cuối giường.

- Mẹ Lớn kiểm cái này ở đâu? - Tôi sững sốt.

- Cái này nữa, - Simon lướt bàn tay lên cái bàn phấn mặt bằng đá cẩm thạch, tấm gương cho thấy nhiều bạc hơn bình thường. - Tôi ngờ họ đã tổng khử các loại đồ đạc của tàn dư chủ nghĩa đế quốc này trong thời kỳ cách mạng.

- Ờ, những đồ cổ này, - Quan vẫy tay tùy tiện, đầy hãnh diện. - là của gia đình tôi từ rất lâu rồi. Hồi Cách mạng Văn hoá, Mẹ Lớn giấu trong nhà kho dưới rất nhiều lớp rơm. Thế mới cứu được mọi thứ.

- Cứu? - Tôi hỏi. - Gia đình ta có từ hồi nào vậy?

- Đầu tiên là một bà truyền giáo tặng cho cụ ngoại chúng ta, đền bù một món nợ lớn.

- Món nợ lớn gì?

- Một câu chuyện rất dài. Nó xảy ra từ một trăm năm trước...

Simon xen vào.

- Chúng ta nói chuyện này sau nhé? Tôi muốn nghỉ trong phòng khác.

Quan buột một tiếng khịt mũi chế giễu.

- Ồ. - Mặt Simon thản nhiên. - Tôi hiểu là không còn phòng ngủ nào khác.

- Phòng khác của bà Đỗ Lili, chỉ có một cái giường nhỏ.

- Vậy tất cả chúng ta ngủ ở đâu? Tôi tìm chỗ đặt thêm tấm nệm.

Quan thờ ơ chỉ vào cái giường cưới. Simon mỉm cười với tôi vẻ xin lỗi, rõ ràng là giả dối.

- Giường ấy chỉ đủ rộng cho hai người, - tôi nói với Quan. - Chị và em có thể ngủ ở đó, nhưng chúng ta phải tìm một cái giường khác cho Simon.

- Em tìm đâu ra chiếc giường nữa? - Chị nhìn đăm đăm lên trần nhà, ngửa lòng bàn tay như thể cái giường có thể hiện ra từ không khí loãng.

Nỗi hoảng hốt ghen cả hòng tôi.

- Liệu có ai thừa một tấm nệm hay cái gì đó không?

Quan dịch lại cho Đỗ Lili, bà ta cũng ngửa lòng bàn tay lên.

- Thấy chưa? - Quan nói. - Không có gì.

- Không sao, tôi có thể ngủ trên sàn, - Simon gợi ý.

Quan dịch câu này cho bà Đỗ Lili, và họ bật cười.

- Cậu muốn ngủ với chuột bỏ à? - Quan nói. - Với nhện? Với chuột? Ở đây nhiều chuột lắm, chúng cắn đứt ngón tay cậu như bõn. - Chị bắt chước tiếng nhai rào rào. - Cậu thích thế không hả? Không chứ gì. Chỉ có cách duy nhất là ba chúng ta ngủ cùng giường. Đằng nào cũng chỉ hai tuần thôi.

- Đấy không phải là giải pháp, - tôi đáp.

Đỗ Lili có vẻ băn khoăn và nói thầm với Quan. Quan thì thào đáp lại, chị nghiêng đầu nhìn tôi rồi nhìn Simon. "Bu-bu-bu-bu-bu!", Đỗ Lili cười, những tiếng Không, không được nhấn mạnh bằng những cái lắc đầu gấp gáp. Bà vỗ lấy cánh tay tôi rồi tay Simon, đẩy chúng tôi lại với nhau như thể chúng tôi là hai đứa bé đang cãi nhau vặt.

- Nghe này, cả hai cô cậu thật bộp chộp, - bà mắng bằng tiếng phổ thông. - Chúng tôi không có đủ thứ xa xỉ cho những cái ngớ ngẩn kiểu Mỹ của các người. Hãy nghe đi đây. Ngủ cùng giường, đến sáng các người sẽ thấy ấm áp và hạnh phúc như trước đây.

- Bà chưa hiểu, - tôi nói.

- Bu-bu-bu! - Đỗ Lili gạt phăng mọi cố vớ vẩn kiểu Mỹ.

Simon thở dài cau kỉnh:

- Tôi nghĩ là sẽ đi dạo trong lúc ba người dàn xếp việc này. Tôi xin phục tùng cả ba hoặc lũ chuột trên sàn. Thực ra, tùy các vị quyết định.

Anh cúi với tôi vì phản đối dữ dội đến thế? Đây không phải lỗi của tôi, tôi muốn hét lên. Lúc Simon đi ra, Đỗ Lili đi theo, mắng anh ta bằng tiếng phổ thông:

- Nếu cô cậu có chuyện rắc rối, cậu phải sửa đi chứ. Cậu là chồng. Cô ấy sẽ nghe lời cậu, nhưng cậu phải thành thật và xin tha thứ. Vợ chồng mà lại không chịu ngủ chung giường! Chẳng tự nhiên tí nào.

Còn lại chúng tôi, tôi càng tức Quan hơn:

- Chị đã trù tính mọi chuyện này phải không?
- Đây không phải là trù tính. Đây là Trung Quốc.

Sau một lúc im lặng, tôi cúi kính cáo lỗi:

- Em phải dùng nhà vệ sinh. Nó ở đâu?
- Đi xuống đường làng, rẽ trái, em thấy một túp lều nhỏ, có đồng tro đen đen to tướng...
- Chị muốn nói là không có phòng vệ sinh trong nhà?
- Chị nói thế à? - Quan trả lời và cười đắc thắng. - Đây là Trung Quốc.

Chúng tôi ăn bữa trưa của người vô sản, gồm cơm rưới tương vàng vàng. Ăn xong, Quan trở lại hội trường của xã, chuẩn bị cho việc chụp chân dung Mẹ Lớn. Simon và tôi đi theo các hướng khác nhau, thăm thú ngôi làng. Tôi chọn con đường dẫn lên một đường mòn bằng đá hẹp trên cao, xuyên qua các cánh đồng sũng nước. Xa xa, tôi nhìn thấy những con vịt đi lạch bạch thành một hàng song song với đường chân trời. Vịt Tàu kỷ luật hơn vịt Mỹ? Tiếng cạc cạc của chúng có khác không? Tôi bấm năm, sáu cái ảnh liên, để sau này tự nhắc mình nghĩ gì vào lúc ấy.

Khi tôi về đến nhà, Đỗ Lili tuyên bố Mẹ Lớn đã đợi chụp ảnh được hơn nửa giờ rồi. Chúng tôi đến hội trường, Đỗ Lili nắm tay tôi và nói bằng tiếng phổ thông:

- Chị cô với tôi trước kia đã chơi té nước trong các cánh đồng lúa kia kìa. Thấy không, ở đằng kia.

Tôi hình dung Đỗ Lili là người phụ nữ trẻ hơn đang chăm sóc một đứa trẻ là Quan.

- Thỉnh thoảng chúng tôi bắt nòng nọc, - bà nói như một cô gái, - dùng đầu khăn quàng làm lưới, như thế này này. - Bà ra hiệu khum khum lại rồi giả vờ như đang đi trong bùn. - Hồi ấy, những người lãnh đạo trong làng bắt phụ nữ có chồng nuốt thật nhiều nòng nọc để hạn chế sinh đẻ. Hạn chế sinh đẻ! Thậm chí chúng tôi còn chẳng biết là cái gì. Nhưng chị cô bảo: “Đỗ Lili, chúng ta phải là thiếu nhi Cộng sản gương mẫu.”. Chị ấy ra lệnh cho tôi nuốt các con vật đen đen ấy.

- Bà không ăn chứ?

- Làm sao không nghe lời được? Chị ấy lớn hơn tôi hai tháng!

Lớn hơn? Miệng tôi trề xuống. Làm sao Quan lớn hơn Đỗ Lili hai tháng được? Đỗ Lili trông già cả, ít ra là một trăm tuổi. Bàn tay bà thô ráp và chai sạn. Mặt bà có nhiều vết nhăn sâu và bà đã rụng vài cái răng. Tôi đoán sẽ là như thế khi bạn không dùng dầu Olay sau một ngày làm lụng dài, vất vả trên đồng lúa.

Đỗ Lili chép môi.

- Tôi nuốt một tá, có khi nhiều hơn. Tôi cảm thấy chúng ngo ngoáy tuột xuống họng, bơi trong dạ dày rồi len lỏi lên, xuống vào các mạch máu. Chúng bò ngoằn ngoèo khắp người tôi, cho đến một ngày kia tôi phát sốt và bác sĩ ở thành phố lớn bảo: “Này đồng chí Đỗ Lili, đồng chí ăn nòng nọc phải không? Máu đồng chí có sán!”

Bà cười, rồi giây lát sau buồn rười.

- Thỉnh thoảng tôi tự hỏi có phải vì thế mà không ai muốn lấy tôi. Phải, tôi nghĩ đấy là lý do. Ai cũng nghe tin tôi ăn nòng nọc và không bao giờ để được con trai.

Tôi liếc nhìn đôi mắt vẫn vợ của Đỗ Lili, làn da thô ráp vì nắng. Đời thật bất công với bà.

- Đừng lo. - Bà vỗ vào bàn tay tôi. - Tôi không trách chị cô đâu. Nhiều khi tôi lại mừng vì không lấy chồng. Phải, chăm nom một người đàn ông lắm thứ phiền phức lắm. Tôi nghe nói một nửa bộ óc đàn ông nằm giữa hai chân - ha ha! - Bà nắm lấy ống quần và tiến tới kiểu người say. Rồi bà lại nghiêm túc. - Tuy vậy, có những ngày tôi tự nhủ, Đỗ Lili, mi đáng là một

người mẹ hiền, cẩn thận và nghiêm khắc về đạo đức.

- Đôi khi con cái cũng nhiều phiền toái lắm, - tôi khẽ nói.

Bà đồng ý:

- Nhiều nỗi đau lòng.

Chúng tôi lặng lẽ bước đi. Không giống Quan, bà Đỗ Lili có vẻ nhạy cảm, thực tế, là người bạn có thể trao gửi tâm tình. Bà không giao lưu với Côi Âm, hoặc ít ra bà không nói về chuyện ấy. Hay là có nhĩ?

- Đỗ Lili, - tôi nói. - Bà có thể nhìn thấy ma không?

- À, ý cô là như Quan chứ gì? Không, tôi không có con mắt của người âm.

- Ở Xương Miên còn ai nhìn thấy ma?

Bà lắc đầu:

- Chỉ mình chị cô thôi.

- Khi Quan nói chị ấy nhìn thấy ma, có ai tin không?

Đỗ Lili nhìn lảng đi, vẻ băn khoăn. Tôi giục bà cởi mở với tôi:

- Bản thân tôi cũng không tin có ma. Tôi cho rằng người ta nhìn thấy thứ họ muốn trong lòng. Ma là do trí tưởng tượng và khao khát của họ mà ra. Bà nghĩ sao?

- Chà! Tôi nghĩ sao thì có hệ trọng gì? - Bà không nhìn vào mắt tôi. Bà cúi xuống và lau sạch mũi giày lấm bùn. - Nó như thế này. Nhiều năm rồi, nhiều người kể với chúng tôi họ tin những gì. Tin vào thánh thần! Tin vào tổ tiên! Tin Mao Trạch Đông, vào các lãnh tụ của Đảng, những anh hùng đã hy sinh! Còn tôi, tôi tin mọi thứ thực tế, ít phiền toái nhất. Nhiều người ở đây cũng thế.

- Vậy là bà không thực lòng tin hồn ma của Mẹ Lớn đang ở Xương Miên. - Tôi muốn ép buộc bà.

Đỗ Lili sờ vào cánh tay tôi.

- Mẹ Lớn là bạn tôi. Chị cô cũng là bạn tôi. Tôi sẽ không bao giờ làm hỏng bất cứ tình bạn nào. Có lẽ hồn ma của Mẹ Lớn còn ở đây, có lẽ không. Nhưng thế thì có gì quan trọng đâu? Giờ cô hiểu chưa? Hả?

- Hừm. - Chúng tôi vẫn đi. Sự suy nghĩ của người Trung Quốc từng bén rễ vào đầu tôi? Dường như nghe thấy tôi, Đỗ Lili cười thầm. Tôi hiểu bà nghĩ gì. Tôi giống như những trí thức đến Xương Miên, cứ tỏ ra thông minh, tin chắc vào ý kiến của mình. Họ cố gây giống la và rớt cuộc làm cho mình trở thành ngốc nghếch.

Chúng tôi đến cổng hội trường xã vừa lúc cơn mưa to trút xuống mặt đất, dữ dội đến mức tim tôi đập thành thịch, thôi thúc và hoang mang. Chúng tôi lao qua sân, qua cánh cửa kép dẫn đến một căn phòng rộng, lạnh thấu xương. Không khí cũ kỹ và bí, có mùi mốc và ẩm ướt, làm tôi hình dung là sản phẩm phụ của những bộ xương mốc meo hàng trăm năm. Thời tiết êm dịu của mùa thu làm Quế Lâm trở nên nổi tiếng đã bị mất đi từ sớm, và dù tôi mặc nhiều lớp quần áo, dưới chiếc parka²; Gore-Tex rất vừa, rằng tôi vẫn đánh lạnh cập, những ngón tay tôi cứng đờ. Buổi chiều nay, tôi chụp ảnh sao được?

Trong hội trường có hàng chục người đang viết lên các phước trắng, trang hoàng các bức tường và bàn bằng rèm và nệm trắng. Tiếng họ át cả tiếng mưa rơi, vang vang trong phòng. Quan đứng cạnh quan tài. Lúc đến gần, tôi thấy miễn cưỡng với chuyện chụp ảnh này. Tôi hình dung trông Mẹ Lớn sẽ méo mó. Tôi gật đầu với Quan lúc chị nhìn thấy tôi.

Khi nhìn vào quan tài, tôi nhẹ người thấy bộ mặt Mẹ Lớn phủ một tờ giấy trắng. Tôi cố giữ

giọng nói kính trọng:

- Em đoán tai nạn làm hỏng mặt bà.

Quan có vẻ bối rối:

- Ý em là tờ giấy này? - Chị nói bằng tiếng Trung. - Không, không đâu, phủ mặt là phong tục thôi.

- Tại sao?

- Hả? - Chị ghêch đầu như thể câu trả lời sẽ rơi từ trên Trời xuống tai chị. - Chị nói. - Nếu tờ giấy động đây, người đó còn thở và đem chôn là quá sớm. Nhưng Mẹ Lớn chết hẳn rồi, bà đã bảo chị thế. - Tôi chưa kịp chuẩn bị, Quan đã tiến tới và bỏ tờ giấy ra.

Trông Mẹ Lớn không còn sinh khí, song thật kinh khủng. Lông mày bà nhú lại vẻ lo âu, miệng bà méo đi trong một nét nhăn nhó vĩnh viễn. Tôi cứ tưởng khi con người chết, các cơ mặt sẽ dần ra, tạo cho họ một vẻ yên bình thanh thản.

- Miệng bà, - tôi nói bằng tiếng Trung, lúng túng. - Cái kiểu uốn cong kia kìa. Giống như lúc chết bà rất đau đớn.

Quan và bà Đỗ Lili cùng cúi xuống nhìn Mẹ Lớn chăm chú.

- Có lẽ thế, - Đỗ Lili nói. - Nhưng bây giờ nom bà ấy rất giống khi còn sống. Bà ấy hay mím miệng như thế.

Quan đồng tình:

- Ngay cả trước khi chị rời Trung Quốc, mặt bà vẫn thế này, lúc nào cũng lo âu và bất mãn.

- Bà rất nặng, - tôi nhận xét.

- Không, không, - Quan nói. - Em nghĩ thế vì bây giờ bà ăn vận cho chuyến đi sang thế giới bên kia. Bảy cái áo và năm cái quần.

Tôi chỉ vào cái áo khoác trượt tuyết Quan chọn làm lớp áo thứ bảy. Cái áo màu đỏ tía óng ánh, có nhiều chi tiết sắc sỡ của vùng tây nam, một trong những món quà chị mua giảm giá ở Macy, hy vọng gây ấn tượng với Mẹ Lớn. Giá tiền vẫn còn dính trên áo, chứng tỏ là áo mới tinh.

- Rất đẹp, - tôi nói, ước giá tôi được mặc nó lúc này.

Trông Quan thật tự hào:

- Nó tiện dụng lắm. Bằng chất liệu không thấm nước.

- Chị nghĩ là ở thế giới bên kia trời đang mưa?

- Xi! Tất nhiên là không. Thời tiết lúc nào cũng giống nhau. Không quá nóng, không quá lạnh.

- Thế sao chị lại nói cái áo khoác không thấm nước?

Chị bần thần, dăm dăm nhìn tôi:

- Vì nó thế mà.

Tôi khum những ngón tay tê dại quanh miệng và thổi.

- Nếu thời tiết ở thế giới bên kia dễ chịu như thế, vì sao phải mặc nhiều đến thế, bảy áo, năm quần?

Quan quay sang Mẹ Lớn và nhắc lại câu hỏi bằng tiếng Trung. Chị gật đầu như đang nghe điện thoại.

- Vâng. Vâng. Vâng. A ha ha ha! - Rồi chị dịch câu trả lời vào đôi tai tê cóng của tôi. - Mẹ Lớn bảo bà không biết. Chính phủ đã cấm ma và người âm từ lâu nên hiện giờ bà quên bằng các

phong tục và ý nghĩa của chúng.

- Thế bây giờ chính phủ cho phép các hồn ma ư?

- Không, không, cho phép họ trở về họ sẽ không còn là người tốt nữa. Nhưng đây là phong tục hợp thức, bảy và năm, bao giờ áo cũng nhiều hơn quần hai cái. Mẹ Lớn cho rằng số bảy liên quan đến bảy ngày trong tuần, mỗi cái cho một ngày. Ngày xưa, dân chúng tin rằng than khóc người chết trong bảy tuần, bảy lần bảy là bốn chín ngày. Nhưng ngày nay, chúng ta cũng như những người nước ngoài, chỉ vài ngày là đủ.

- Nhưng sao chỉ có năm lớp quần?

Đỗ Lili buột mồm cười:

- Nghĩa là mỗi tuần có hai ngày Mẹ Lớn cởi truồng lang thang dưới âm phủ.

Bà và Quan cười to đến nỗi những người trong hội trường quay hết lại và nhìn trừng trừng.

- Thôi! Thôi! - Quan kêu và cố nén tiếng cười rúc rích. - Mẹ Lớn quở chúng ta đấy. Bà nói bà chết chưa đủ lâu để chúng ta cười đùa. - Lúc đã lấy lại bình tĩnh, Quan nói tiếp. - Mẹ Lớn không biết chắc, nhưng bà nghĩ số năm là phổ biến cho mọi vật gắn liền người chết với cõi trần - năm màu, năm mùi, năm giác quan, năm yếu tố, năm loại cảm xúc...

Quan dừng lại:

- Mẹ lớn à, có bảy loại cảm xúc chứ, không chỉ có năm. - Chị đếm bằng ngón tay, bắt đầu từ ngón cái. - Vui, giận, sợ, yêu, ghét, thèm muốn... còn gì nữa nhỉ? À, phải rồi! - Buồn! Không, Mẹ Lớn à, không, con không quên. Làm sao con quên được? Lẽ tất nhiên hiện giờ con buồn lắm vì mẹ đang rời bỏ thế giới này. Sao mẹ có thể nói thế? Đêm qua con khóc, chỉ không lộ ra thôi. Mẹ đã nhìn thấy con rồi. Nỗi buồn của con là thật chứ không giả dối. Sao lúc nào mẹ cũng nghĩ xấu về con?

- Ái dà! - Đỗ Lili khóc trước xác Mẹ Lớn. - Thôi đừng cãi nhau nữa, giờ bà đã mất rồi. - Bà nhìn tôi và nháy mắt.

- Không, con không quên đâu, - Quan nói với Mẹ Lớn. - Một con gà trống, một con gà trống đang nhảy múa chứ không phải một con gà mái hoặc con vịt. Con biết điều này mà.

- Chị ấy nói gì thế? - Tôi hỏi.

- Bà ấy muốn có một con gà trống buộc vào nắp quan tài.

- Vì sao?

- Libby-ah muốn biết vì sao. - Quan lắng nghe giây lát, rồi giải thích. - Mẹ Lớn không nhớ chính xác, nhưng bà cho rằng hồn ma của bà sẽ nhập vào con gà trống và bay mất.

- Chị có tin không?

Quan cười tự mãn:

- Tất nhiên là không! Cả Mẹ Lớn cũng không tin. Đây chỉ là mê tín.

- Nếu bà ấy không tin thì sao lại làm thế?

- Xì! Theo truyền thống thôi! Cũng là làm một việc rùng rợn cho bọn trẻ con tin. Người Mỹ cũng làm thế mà.

- Không, chúng tôi không làm.

Quan nhìn tôi, rất kẻ cả của một người chị:

- Em không nhớ à? Khi chị mới đến Mỹ, em đã kể rằng thỏ đẻ trứng mỗi năm một quả và người chết ra khỏi hang để tìm trứng.

- Em không nói thế.

- Có, em còn nói nếu chị không nghe lời em, Ông già Nôen sẽ tụt từ ống khói xuống và cho chị vào bị, đưa chị đến một nơi rất lạnh lẽo, lạnh hơn cả tử lạnh.

- Em chưa bao giờ nói thế. - Dù phản đối, tôi lơ mờ nhớ lại một trò đùa Giáng sinh tôi đã chơi với Quan. - Có lẽ chị hiểu nhầm ý em.

Quan trề môi dưới:

- Này, chị là chị của em. Em tưởng chị không hiểu ý em ư? Hừ! Thôi, không sao. Mẹ Lớn bảo không tán gẫu nữa. Đến lúc chụp ảnh rồi.

Tôi cố làm cho đầu óc sáng sủa bằng cách đọc đồng hồ đo độ sáng. Đến lúc dựng cái giá ba chân. Gạt ánh sáng của vài cây nến trắng gần ban thờ sang một bên, thứ ánh sáng tốt từ phía bắc, sáng sủa, xuyên qua các cửa sổ bẩn thỉu. Không có các đồ đạc cố định trên trần, không đèn, không đồ treo tường làm ánh sáng nhấp nháy. Nếu tôi dùng đèn nháy, tôi sẽ không thể điều khiển được lượng ánh sáng như mong muốn, và diện mạo Mẹ Lớn trông càng ghê hơn. Tôi thích hiệu quả của cách phối hợp sáng tối, kết hợp sự thoáng thoáng và âm u. Để cự ly f/8 một giây sẽ tạo vẻ đẹp cho nửa mặt Mẹ Lớn, nửa kia là bóng dáng của cái chết.

Tôi lấy giá ba chân, đặt chiếc Hasselblad và gài tấm Polaroid màu vào phía sau để thử.

- Nào Mẹ Lớn, - tôi nói. - Đừng động đây. - Tôi mất trí chẳng? Tôi nói với Mẹ Lớn như thể tôi cũng tin bà có thể nghe thấy. Vì sao tôi lại làm một việc ghê gớm là chụp ảnh một phụ nữ đã chết? Tôi không thể sử dụng ảnh đó cho bài báo. Trái lại, mọi việc đều có ý nghĩa hoặc nên làm. Mọi thứ nên làm sao cho tốt nhất. Hay đây lại thêm một chuyện hoang đường nữa trong đời, do những người giỏi giang thực hiện để những người khác cảm thấy thất bại liên miên?

Tôi chưa kịp ngẫm nghĩ sâu xa, đã có hàng chục người tụ tập quanh tôi, hò reo xem cái gì sẽ ra từ máy ảnh. Chắc nhiều người đã nhìn thấy các du khách chụp ảnh và đưa mời các bức ảnh lấy ngay với giá cắt cổ.

- Yên nào, yên nào. - Tôi nói lúc đám đông xán đến gần. Tôi tì máy in vào sát ngực để tăng tốc. Dân làng im lặng; chắc họ tưởng tiếng ồn sẽ ảnh hưởng đến công việc. Tôi bóc tấm trên cùng và nhìn xem ảnh thử. Sự tương phản quá sắc nét, nhưng tôi vẫn đưa cho họ xem bức ảnh.

- Rất thật! - Một người reo âm lên.

- Đẹp quá! - Người khác nói. - Nhìn Mẹ Lớn này, giống như sắp thức dậy và cho lợn ăn.

Một người đùa:

- Chà! - Bà ta nói. - Sao có nhiều người xúm quanh giường tôi thế này?

Đỗ Lili bước tới :

- Libby-ah, giờ chụp cho tôi đi. - Bà lấy lòng bàn tay vuốt phẳng túm tóc lỏm chớm giữa trán, kéo mạnh cánh tay áo khoác cho phẳng nếp. Tôi ngắm qua ống kính. Bà cứng nhắc như một lính gác, mặt quay về phía tôi, cặp mắt vợ vẩn chữa lên trên. Máy ảnh kêu vo vo. Tôi vừa rút tấm ảnh chụp lấy ngay, bà đã chộp khỏi tay tôi và ôm vào ngực, bàn chân gõ liên tục và cười toe toét như điên.

- Tôi nhìn thấy ảnh của tôi lần cuối từ lâu lắm rồi, - bà phấn khởi nói. - Hồi tôi còn rất trẻ.

Khi tôi ra hiệu là xong, bà cởi phắt áo và úp tấm ảnh lên bộ mặt háo hức. Bà liếc nhìn bằng con mắt lộn ngược của bà và chớp chớp mấy lần.

- Ra là tôi trông như thế này đây. - Vẻ mặt bà nói lên sự sùng kính với thuật chụp ảnh kỳ diệu. Tôi cảm động, tự hào vì những tiếng xuýt xoa.

Đỗ Lili nâng niu đưa Quan bức ảnh như một con gà con mới nở.

- Một bức chân dung đẹp, - Quan nói. - Tôi chẳng nói với bà là gì? Em gái tôi rất giỏi nghề mà.

- Chị truyền bức ảnh polaroid cho những người khác xem.

- Giống như thật, - một người đàn ông sốt sắng khen. Những người khác phụ họa:

- Rõ quá.

- Thật quá.

Tấm ảnh đi một vòng rồi trở lại với Đỗ Lili. Bà nâng niu nó trong lòng bàn tay.

- Giờ nom tôi không ra sao. - Bà nói, giọng mệt mỏi. - Tôi già rồi. Chưa bao giờ tôi nghĩ mình già thế, xấu thế. Trông tôi có thực xấu và ngớ ngẩn không?

Vài người cười to, tưởng Đỗ Lili đùa. Nhưng Quan và tôi có thể thấy bà bàng hoàng thực sự. Về mặt bà như bị phản bội, và tôi chính là người làm bà bị tổn thương. Chắc là gần đây bà ta phải soi gương chứ? Nhưng sau đó chúng tôi có cách thay đổi các góc để xóa đi những thứ không ưa. Máy ảnh là một loại thị giác khác hẳn, là thứ nhìn thấy một triệu những phần tử bạc nhỏ bé trên nền đen, chứ không phải là những hồi ức xưa cũ trong trái tim con người.

Đỗ Lili lang thang vợ vắng, và tôi muốn nói một câu gì đó an ủi bà, bảo bà rằng tôi là một người chụp ảnh tồi, rằng bà có những phẩm chất tối hảo mà một chiếc máy ảnh không sao nhìn thấy được. Tôi dợm bước theo bà, nhưng Quan nắm lấy cánh tay tôi và lắc đầu:

- Để chị nói chuyện với bà ấy sau, - chị nói, và tôi chưa kịp trả lời, tôi đã bị hơn chục người vây quanh, tất cả đều năn nỉ tôi chụp ảnh cho họ.

- Tôi trước!

- Chụp cho cháu nội tôi với!

- Chà! - Quan gắt. - Em gái tôi không phải đến để chụp ảnh miễn phí.

Mọi người vẫn khăng khăng:

- Một cái thôi!

- Cho tôi một cái thôi!

Quan giơ tay lên và nghiêm trang quát:

- Im lặng! Mẹ Lớn vừa bảo tôi mọi người phải về ngay.

- Tiếng ồn ào nhỏ dần. Mẹ Lớn nói bà cần nghỉ ngơi trước khi sang thế giới bên kia. Nếu không, bà sẽ buồn khổ và ở lại Xương Miên.

Các bạn chị lặng lẽ tiếp thu lời tuyên bố này, rồi vừa càu nhàu hiền hậu vừa nối đuôi nhau ra về.

Sau đó chị nói thêm:

- Thực ra, Mẹ Lớn bảo chụp thêm nhiều ảnh nữa cho bà, nhưng lần này dưới góc độ khác. Bà bảo tấm ảnh em vừa chụp làm bà trông già gần bằng Đỗ Lili.

Tôi sửng sốt:

- Chị nói thế là ý gì?

Quan có vẻ bất ngờ:

- Cái gì?

- Chị nói Đỗ Lili trông già hơn Mẹ lớn.

- Nhưng bà ấy già hơn ít nhất dăm, sáu tuổi mà.

- Sao chị nói thế! Bà ấy trẻ hơn chị kia mà.

Quan ghéch đầu, chăm chú.

- Sao em nghĩ vậy?

- Đố Lili bảo em thế.

Lúc này Quan lập luận với bộ mặt không sinh khí của Mẹ Lớn:

- Con hiểu, con hiểu rồi. Nhưng Đố Lili nói đến chuyện này, chúng ta phải cho cô ấy biết sự thực. - Quan tiến đến chỗ tôi. - Libby-ah, giờ chị kể cho em một điều bí mật.

Bụng tôi quặn thắt.

- Gần năm chục năm trước, trong thời chiến, Đố Lili nhận nuôi một bé gái bà nhặt được ven đường. Sau này, khi đứa con gái chết, bà Đố Lili phát điên vì buồn phiền và bà tin mình hóa thân thành cô bé đó. Chị nhớ chuyện này vì cô bé ấy là bạn chị, nếu cô ấy còn sống thì trẻ hơn chị hai tháng, chứ không phải bà Đố Lili bảy mươi tám tuổi hiện giờ. Giờ chị kể cho em nghe chuyện này nữa, - Quan ngừng và cãi Mẹ Lớn lần nữa. - Không, không, con không thể kể cho cô ấy nghe chuyện đó, dài quá.

Tôi nhìn Quan trừng trừng. Tôi nhìn Mẹ Lớn trừng trừng. Tôi nghĩ đến điều Đố Lili đã nói. Tôi nên tin ai, tin chuyện gì đây? Mọi khả năng quay cuồng trong đầu tôi, tôi cảm thấy đang ở một trong những giấc mơ, nơi những chuỗi lý luận giữa các câu đang tan biến. Có khi Đố Lili trẻ hơn Quan. Có khi bà bảy tám tuổi. Có khi hồn ma của Mẹ Lớn vẫn lớn vồn ở đây. Có khi không. Tất cả những sự việc này là thật và giả, âm và dương. Thứ gì mới có ý nghĩa?

Hãy thực tế nào, tôi tự nhủ. Nếu ếch ăn côn trùng và vịt ăn ếch, mỗi năm lúa có hai vụ, tại sao lại nghi ngờ thế giới họ đang sống?

17. NĂM KHÔNG LƯT

Thực vậy, vì sao lại nghi ngờ cõi nhân gian? Vì tôi không phải là người Trung Quốc như Quan. Với tôi, âm không phải là dương, và dương không phải là âm. Tôi không thể chấp nhận hai tình tiết mâu thuẫn là toàn bộ sự thực. Lúc Quan và tôi trở lại nhà Mẹ Lớn, tôi khẽ hỏi:

- Vì sao con gái bà Đỗ Lili chết?

- Ồ, đấy là một chuyện rất buồn, - Quan trả lời bằng tiếng Trung. - Có khi em không muốn biết.

Chúng tôi nín lặng. Tôi biết chị đợi tôi đề nghị lần nữa, nên cuối cùng tôi nói:

- Chị kể đi.

Quan đứng lại nhìn tôi:

- Em không sợ chứ?

Tôi lắc đầu và nghĩ, em biết địa ngục là gì đâu mà sợ? Lúc Quan bắt đầu nói, tôi run, và không phải vì trời lạnh.

Tên cô bé là Bánh Bao, khi bọn chị lên năm thì cô bé bị chết đuối. Bánh Bao cao ngang tầm chị, rất ít nói so với chị. Chính vì thế dì chị hay phàn nàn là chị nói quá nhiều.

- Nếu mày nói thêm lời nữa, tao sẽ tống mày đi ngay. Tao chưa bao giờ hứa với mẹ mày là sẽ nuôi mày. - Mẹ Lớn dọa.

Hồi ấy chị gãy giò xương, nên có biệt hiệu là Bánh Đa, “một cái bánh mỏng tang”, Mẹ Lớn gọi thế, đầu gối và khuỷu tay chị lúc nào cũng ghềnh. Bánh Bao mập mạp, cánh tay và cẳng chân có nếp như một chiếc bánh bao hấp. Đỗ Vân đã tìm thấy nó trên đường - hồi đó tên bà Đỗ Lili là Đỗ Vân. Mẹ Lớn đặt tên cho Bánh Bao là Lili, vì khi mới đến làng này, nó chỉ nói mỗi một từ *lili-lili-lili*, như tiếng líu lo của chim vàng anh. *Lili-lili-lili* thốt ra từ cái miệng đỏ hồng như thể nó vừa cắn một quả hồng vàng còn non, tưởng là ngọt ai ngờ lại chát. Nó quan sát thế giới như một con chim nhỏ tìm kiếm nỗi hiểm nguy, mắt nó tròn và đen lay láy. Vì sao nó như thế thì chẳng ai biết ngoài chị, vì nó không bao giờ nói lấy một lời. Nhưng khi đêm đến, ánh đèn nhảy múa trên trần và tường nhà, đôi tay bé nhỏ trắng trẻo của nó bắt đầu nói. Chúng lượn và bổ nhào xuống thành những cái bóng, bay vút lên và bập bênh, như những con chim lờ mờ xuyên qua đám mây. Mẹ Lớn quan sát và lắc đầu: Ái dà, lạ thật, lạ thật. Đỗ Vân thì cười như kẻ ngốc xem kịch. Chỉ có chị hiểu cái bóng của Bánh Bao nói gì. Chị biết đôi tay của nó không thuộc về thế giới này. Chị cũng là một đứa trẻ, vẫn gần với thời gian trước cõi đời này. Vì thế chị cũng nhớ chị từng có một linh hồn đã rời cõi đời này trong thân xác một con chim.

Trước mặt Đỗ Vân, cả làng đều cười và trêu:

- Con bé Bánh Bao nhà chị đặc biệt thật, nhỉ?

Nhưng bên ngoài sân nhà chúng tôi, họ xì xào những lời tồi tệ, sau rồi cũng lọt vào tai chúng tôi.

- Đứa con gái hư như thế rồi sẽ phát điên, - tôi nghe thấy bà hàng xóm Ngũ nói. - Gia đình nó chắc phải có tư tưởng tư sản. Đỗ Vân nên đánh nó thường xuyên, mỗi ngày ít nhất ba lần.

- Nó bị ma ám, - người khác nói. - Một phi công Nhật Bản rơi từ trên trời xuống chết, nhập vào người nó. Vì thế nó không nói được tiếng Trung, chỉ cần nhả và múa múa đôi bàn tay như một cái máy bay tự sát.

- Nó ngớ ngẩn, - một người hàng xóm khác nói. - Đầu nó rỗng như quả bầu đựng nước.

Nhưng Đỗ Vân thì cho rằng Bánh Bao không nói vì Đỗ Vân nói với nó. Một người mẹ luôn biết điều gì là tốt nhất cho con gái mình, thế chẳng đúng sao? Nó nên ăn gì, nghĩ gì, cảm nhận

những gì. Đỗ Vân có lần nói đôi tay biết múa của Bánh Bao là một chứng cứ - chứng cứ đích thực! - rằng tổ tiên của nó là các phu nhân trong triều. Mẹ Lớn đáp:

- Ôi dào! Nó có đôi bàn tay phản cách mạng, rồi có ngày đến bị chặt phăng mất thôi. Tốt hơn hết là nó học ấn một ngón tay vào lỗ mũi và hỉ mũi vào lòng bàn tay.

Chỉ một việc Bánh Bao làm Đỗ Vân buồn. Những con ếch. Bánh Bao không thích những con ếch mùa xuân, da xanh, nhỏ bằng nắm tay nó. Vào lúc hoàng hôn, có thể nghe thấy chúng kêu như những cánh cổng ma: *Oap, oap, oap, oap, oap*. Mẹ Lớn và Đỗ Vân xách giỏ và lưới rồi lội vào những cánh đồng ngập nước. Những con ếch này nín thở, cố náu mình yên lặng. Nhưng rồi chúng không nhịn được nữa: *Oap, oap, oap, oap, oap*, còn to hơn trước, chúng rền rĩ cho người tình tìm thấy chúng.

- Ai mà mê được cái của ấy chứ? - Đỗ Vân hay đùa thế.

Mẹ Lớn luôn trả lời:

- Tôi đây, khi đã nấu xong.

Họ bắt những con vật si tình ấy mới dễ làm sao. Họ cho chúng vào giỏ, chúng sáng bóng như dầu trong ánh trăng. Đến sáng, Mẹ Lớn và Đỗ Vân đứng bên đường, rao:

- Ếch đây! Ếch tươi đây! Mười con một tệ đây!

Chúng tôi - Bánh Bao và tôi, - ngồi trên những cái thúng úp ngược, chống cằm vào lòng bàn tay, chẳng làm gì ngoài việc cảm thấy mặt trời đang lên, làm ấm một bên má, một cánh tay, một cẳng chân.

Dù có đắt hàng hay không, bao giờ Mẹ Lớn và Đỗ Vân cũng để dành ít nhất một tá ếch cho bữa trưa. Giữa buổi sáng, chúng tôi lê bước về nhà, bảy cái giỏ rỗng tuếch, một cái đầy một nửa. Đỗ Vân thò tay vào giỏ chụp một con ếch, còn Bánh Bao vội nấp sau lưng tôi. Tôi cảm thấy ngực nó phập phồng lên xuống, nhanh và khó khăn, giống hệt con ếch đang quần quai trong tay Đỗ Vân, cổ họng nó phồng lên xẹp xuống.

- Nhìn kỹ nhé, - Đỗ Vân bảo Bánh Bao và tôi. - Đây là cách nấu ếch ngon nhất. - Bà lật ngửa con ếch và nhanh như chớp, chọc mũi kéo sắc vào lỗ đít nó rồi kéo ngược lên tận họng nó - *giừgiừgiừgiừ!* Ngón tay cái của bà thọc vào vết rạch rồi giật một cái thật mạnh, lòi tuột ra một bụng đầy những muỗi và ruồi nhặng. Kéo mạnh cái nữa vào cổ họng con ếch, bà tuốt da nó từ mõm đến đuôi, rồi cả bộ da ếch tuột khỏi các ngón tay bà như bộ nhung phục nhả nhúm của một chiến binh cổ xưa. Sau đó là chát, chát, chát, con ếch bị chặt thành nhiều mảnh, thân và đùi, cái đầu quăng đi.

Trong lúc bà Đỗ Vân lột da ếch, hết con nọ đến con kia, Bánh Bao nhét nắm tay vào giữa hai hàm răng như một bao cát ngăn nước ở bờ sông. Không một tiếng thét nào lọt ra. Khi Đỗ Vân nhìn thấy vẻ khổ sở trên mặt Bánh Bao, bà nựng nịu bằng giọng ngọt ngào của người mẹ:

- Con à, đợi tí nhé. Mẹ nấu xong ngay đây.

Chỉ có tôi hiểu những lời ghen tặc trong khuôn miệng không gào thét của Bánh Bao. Tôi nhìn thấy trong mắt nó những điều nó từng trải qua, rõ ràng như những hồi ức của nó hiện giờ là của tôi vậy. Tiếng da lột khỏi thịt như cách cha mẹ nó chết. Nó đã quan sát việc đó từ một cành cây rậm lá, kín mít trên cao, nơi cha đặt nó lên. Trên cái cây ấy, một con vàng anh kêu ríu rít, đòi Bánh Bao rời xa tổ của nó. Nhưng Bánh Bao không dám động đây, không dám kêu, không dám thút thít vì nó đã hứa với mẹ là im lặng. Chính vì thế Bánh Bao không bao giờ nói chuyện. Nó đã hứa với mẹ nó mà.

Trong mười hai phút, mười hai con ếch bay vèo vào chảo và nổ lộp bộp trong dầu, vài cái đùi tươi rói bắn khỏi chảo, một bàn tay Đỗ Vân chụp lấy, bàn tay kia vẫn đảo đều. Đỗ Vân làm món ếch rán rất ngon.

Nhưng Bánh Bao không còn lòng dạ nào thưởng thức món này. Trong ánh đèn mờ tỏ, nó

ngắm chúng tôi ăn ngấu nghiến những con vật ngon lành, rằng chúng tôi bận tìm những miếng thịt bé tí như những cái kim trên xương. Da ếch là ngon nhất, mềm và thấm dấm gia vị. Món thứ hai tôi thích là những cái xương nhỏ giòn tan, những cái xương rất khỏe ở sát ngay trên bàn chân.

Đỗ Vân hay ngược nhìn và giục đưa con gái mới của bà:

- Đừng chơi nữa, ăn đi con, con ngoan của mẹ, ăn đi.

Nhưng bàn tay Bánh Bao vỗ và bay, vút lên thành những cái bóng. Đỗ Vân buồn lòng vì con gái không chịu ăn món bà nấu ngon nhất. Giá bạn nhìn thấy mặt Đỗ Vân lúc ấy, vô vàn thương yêu đưa con gái bà tìm thấy trên đường. Tôi biết Bánh Bao cố yêu thương Đỗ Vân bằng những mảnh còn lại trong trái tim nó. Nó leo đẹo theo Đỗ Vân đi khắp làng, giờ cánh tay lên cho người mẹ mới dặt. Nhưng trong những đêm ấy, khi lũ ếch kêu, khi Đỗ Vân xách những cái giỏ nhún nhảy, Bánh Bao chạy vào một góc, nép thật chặt và bắt đầu hát: *Lili-lili-lili*.

Tôi nhớ Bánh Bao như thế đấy. Nó và tôi là những người bạn nhỏ thân thiết. Chúng tôi sống trong cùng một nhà. Chúng tôi ngủ cùng giường. Chúng tôi yêu quý nhau như chị em. Không cần trò chuyện, đưa nọ vẫn hiểu ý nghĩ của đứa kia. Ở lứa tuổi non nớt ấy, chúng tôi đã biết đến nỗi buồn, và không chỉ của riêng chúng tôi. Cả hai đã biết đến nỗi buồn của cuộc đời. Tôi mất gia đình tôi. Bánh Bao mất gia đình nó.

Năm bà Đỗ Vân tìm thấy Bánh Bao trên đường là một năm kỳ lạ, một năm không lụt. Trước kia, làng tôi thường mưa quá nhiều, mỗi mùa xuân có ít nhất một trận lụt. Sông quét qua những ngôi nhà của chúng tôi bất thành hình, cuốn đi chuột bỏ và còn trùn, dếp và ghế trên sàn, rồi tống mọi thứ vào các cánh đồng. Nhưng năm Bánh Bao đến, không có trận lụt nào, chỉ mưa đủ cho mùa màng và ếch phát triển, đủ cho dân làng nói:

- Không lụt, sao chúng ta may thế? Có lẽ vì Đỗ Vân tìm thấy con gái trên đường. Phải, ắt hẳn nó là lý do.

Năm sau, trời không mưa. Các làng xung quanh nào mưa lớn, mưa nhỏ, mưa dài, mưa ngắn. Còn trong làng chúng tôi tịnh không một giọt. Không mưa cho cây vùng mùa xuân. Không mưa cho vụ hè. Không mưa cho vụ thu. Không mưa, không thu hoạch. Không có nước để nấu cơm, lúa không mọc nổi, không có cám bã nuôi lợn. Các cánh đồng lúa như những cùi bánh khô giòn, vẩy những cái râu lên trời. Vịt chết khô, chúng tôi ăn thịt vịt, cả da lẫn xương. Khi nhìn quá lâu lên các chóp núi, những cặp mắt đói khát của chúng tôi thấy những củ khoai lang nướng, vỏ nứt nẻ. Thật là một năm khủng khiếp, khủng khiếp đến mức dân làng nói chính Bánh Bao, cái con bé hăm hăm ấy ắt phải là nguyên nhân.

Một ngày nóng bức, Bánh Bao và tôi đang ngồi trong lòng mương đầy bụi, sát nhà chúng tôi. Chúng tôi đợi một con thuyền trong tưởng tượng đưa chúng tôi đến mảnh đất của bà chúa tiên. Bỗng chúng tôi nghe thấy tiếng âm âm trên trời, rồi một tiếng nữa, sau đó là một tiếng nổ chát chúa, và trận mưa lớn ào ào trút xuống. Tôi sung sướng và rất hãi! Sấm, chớp mỗi lúc một nhiều. Tôi kêu lên, con thuyền của chúng ta sắp đến. Bánh Bao cười to. Lần đầu tiên, tôi nghe thấy nó cười. Tôi thấy nó vươn đôi tay lên những ánh chớp lóe trên bầu trời.

Nước mưa chảy ồ ạt từ trên núi xuống, đầy các nếp gấp và mạch núi. Những chỗ lòng chảo không thể nuốt hết, quá nhiều nước mưa. Rồi rất nhanh, con thuyền mương tiện lợi này trở thành một dòng sông màu nâu, đẩy chân chúng tôi lên. Những luồng nước trắng xóa vỗ lấy cổ tay và mắt cá bé nhỏ của chúng tôi. Chúng tôi bị cuốn lên quật xuống mỗi lúc một nhanh hơn, hết cánh tay lại đến bàn chân xuống trước, cho đến khi nước cuốn thẳng chúng tôi vào cánh đồng.

Sau này, tôi mới biết chuyện xảy ra qua những lời bàn tán. Khi Mẹ Lớn và Đỗ Vân vớt chúng tôi từ dưới nước lên, cả hai xanh xám và im lìm, quần kín rong rêu như hai cái kén sùng nước, không một hơi thở. Họ moi bùn trong lỗ mũi và miệng chúng tôi, gạt rong rêu trên tóc chúng tôi. Thân hình gầy gò của tôi gãy thành nhiều mảnh, còn tấm thân khỏe mạnh của nó thì không sao. Họ mặc cho chúng tôi bộ quần áo liệm, rồi rửa sạch hai cái máng cho lợn ăn nay không cần

nữa, bố mấy cái ghế dài làm nấp. Họ cho chúng tôi vào những cỗ quan tài nhỏ khốn khổ đó rồi ngồi xung quanh và khóc lóc.

Chúng tôi nằm trong quan tài suốt hai ngày. Mẹ Lớn và Đỗ Vân đợi tận mưa mới có thể chôn chúng tôi vào chỗ đất lẩm đá, không gì mọc được. Sáng hôm thứ ba, một trận gió lớn cuốn quang mây. Mặt trời mọc, Đỗ Vân và Mẹ Lớn mở quan tài nhìn mặt chúng tôi lần cuối cùng.

Tôi cảm thấy nhiều ngón tay lướt trên má tôi. Tôi mở mắt và nhìn thấy mặt Đỗ Vân, miệng bà há to vì vui mừng.

- Còn sống! - Bà kêu lên. - Nó còn sống! - Bà vỗ lấy tay tôi và xát lên mặt bà. Rồi bộ mặt của Mẹ Lớn nhìn xuống tôi, tìm kiếm. Tôi bối rối, đầu tôi nặng như sương mù buổi sớm.

- Con muốn dậy. - Đây là câu đầu tiên tôi nói. Mẹ Lớn nháy lùi lại. Đỗ Vân buông bàn tay tôi. Tôi nghe thấy họ rú lên:

- Sao lại thế được! Không thể được!

Tôi ngồi dậy.

- Mẹ Lớn, có chuyện gì thế? - Tôi nói.

Họ bắt đầu gào thét, những tiếng gào thét rất to, kinh khủng đến nỗi đầu tôi tưởng chừng nổ tung vì hoảng sợ. Tôi thấy Mẹ Lớn chạy đến cỗ quan tài kia. Bà bật nấp. Tôi nhìn thấy mình. Thân hình tôi gãy vỡ mới tội nghiệp làm sao! Rồi đầu tôi quay cuồng, người tôi sụp xuống, tôi chẳng nhìn thấy gì cho đến chiều.

Khi tỉnh dậy, tôi đang nằm trên giường trước kia ngủ cùng Bánh Bao. Mẹ Lớn và Đỗ Vân đứng trên ngưỡng cửa.

- Mẹ Lớn, - tôi vừa nói vừa ngáp. - Con có một cơn ác mộng.

Mẹ Lớn bảo:

- Ái dà, xem này, nó nói đấy. - Tôi ngồi dậy, tụt xuống giường và Mẹ Lớn kêu. - Ái dà, nhìn kia, nó cử động.

Tôi đứng dậy, phàn nàn là đói quá và muốn tè. Bà và Đỗ Vân rời khỏi ngưỡng cửa.

- Xéo đi hoặc tao sẽ quật mày bằng cành đào! - Mẹ Lớn quát.

Tôi nói:

- Mẹ Lớn, nhà ta không có cây đào.

Bà đưa tay bịt miệng. Hồi đó, tôi chưa biết người ta cho là ma quỷ sợ cành đào. Lẽ tất nhiên sau này tôi biết đó chỉ là mê tín. Vì tôi đã hỏi nhiều hồn ma, tất cả đều cười và nói:

- Sợ cành đào ư? Không có việc ấy đâu!

Dù sao, như tôi nói, bông đài tôi sắp vỡ. Tôi lo nó vỡ thành nhiều mảnh, tôi nhảy lò cò và giữ nó thật chặt.

- Mẹ Lớn, - tôi nói, lần này lẽ phép hơn. - Con muốn thăm đàn lợn.

Cạnh chuồng, chúng tôi có một cái hố nhỏ, một tấm gỗ đặt trên miệng hố cho bạn thăng bằng lúc làm cả hai việc. Đây là trước khi làng tôi trải qua cuộc giáo dục lại về sự lãng phí tập thể. Sau đó, chẳng còn đủ cho thân thể, đầu óc và cả máu cho các việc thiện chung nữa - bạn phải quỳen cả cứt của bạn, như đóng thuế ở Mỹ!

Nhưng Mẹ Lớn không nói tôi có thể đi thăm đàn lợn. Bà đến chỗ tôi và nhổ vào mặt tôi. Đây là một mê tín nữa về ma quỷ: nhổ vào chúng và chúng sẽ biến mất. Nhưng tôi không biến mất. Tôi đá ướt quần, một luồng nước âm ẩm chảy nhỏ giọt xuống chân tôi thành vũng đen đen trên sàn. Tôi tin chắc Mẹ lớn sẽ đánh tôi, nhưng bà chỉ nói:

- Nhìn kìa, nó đang tè.

Đỗ Vân nói:

- Sao thế được? Ma quỷ không thế tè.

- Bà nhìn mà xem, bà ngốc thật. Nó đang tè kìa.

- Nó là ma hay không nhỉ?

Họ cứ nói, nói mãi, tranh cãi về màu sắc, mùi khai, kích thích vũng nước đái của tôi. Cuối cùng, họ đưa cho tôi một thứ để ăn. Họ cho rằng nếu tôi là ma, tôi sẽ nhận món hối lộ này và bỏ đi. Nếu tôi là một cô bé, tôi sẽ thôi kêu ca và ngủ lại, đây là việc tôi làm sau khi ăn một nắm cơm nhỏ đã thiu. Tôi ngủ và mơ thấy mọi việc đã xảy ra như một phần của giấc mơ dài.

Sáng hôm sau, khi thức dậy, tôi lại kể với Mẹ Lớn tôi đã gặp ác mộng.

- Con vẫn buồn ngủ mà. Giờ thì dậy đi. Chúng ta sẽ đưa con đến gặp người làm con khỏi mơ.

Chúng tôi đến một ngôi làng có tên là Hoàn Châu, cách Xương Miên sáu dặm¹ về phía nam. Trong làng có một bà mù tên là Dì Ba. Bà không phải dì ruột của tôi. Bà chẳng là dì của ai hết. Dì Ba chỉ là một cái tên, người ta gọi khi muốn tránh từ “cô hồn”. Từ hồi trẻ, bà đã nổi tiếng khắp vùng là một cô hồn. Khi đến tuổi trung niên, một nhà truyền giáo Cơ đốc giải thoát bà và bà bỏ nói chuyện với các hồn ma, trừ Chúa Thánh thần. Khi bà đã già, Giải phóng quân Nhân dân đã cải tạo bà, và bà bỏ luôn cả Chúa Thánh thần. Khi già hơn, bà chẳng còn nhớ đã được giải thoát hay cải tạo nữa. Cuối cùng, bà đủ già để quên hết mọi danh hiệu người ta gọi bà.

Lúc chúng tôi vào phòng Dì Ba, bà đang ngồi trên ghế giữa phòng. Mẹ Lớn đẩy tôi lên trước.

- Cháu nó có bị sao không? - Đỗ Vân hỏi, giọng đầy trắc ẩn. Dì Ba cầm bàn tay tôi trong đôi tay thô ráp của bà. Bà nhìn màu trời và mây. Căn phòng lặng ngắt trừ tiếng thở của tôi. Cuối cùng, Dì Ba tuyên bố:

- Trong người cô bé này có một hồn ma.

Mẹ Lớn và Đỗ Vân há hốc miệng. Tôi nhảy dựng lên và đá, cổ xua con quỷ đi.

- Chúng tôi có thể làm được gì? - Đỗ Vân khóc.

Dì Ba nói:

- Không gì hết. Cô bé trước kia sống trong thân xác này không muốn trở về. Còn cô bé đang ở trong đó giờ không thể rời đi, cho đến khi tìm thấy cô ta. - Lúc đó tôi nhìn thấy Bánh Bao đang nhìn tôi trừng trừng từ cửa sổ ở đầu kia căn phòng. Tôi chỉ vào nó và kêu:

- Nhìn xem! Nó kìa kìa! - Tôi thấy nó chỉ vào tôi, cái miệng nhăn nheo của nó nói lời của tôi, tôi nhận ra rằng tôi đang nhìn hình ảnh phản chiếu của mình.

Trên đường về nhà, Mẹ Lớn và Đỗ Vân tranh cãi, nói những điều mà một cô bé không nên nghe thấy.

- Chúng ta nên chôn nó đi, vùi nó xuống đất. - Mẹ Lớn nói.

- Không, không, - Đỗ Vân rên rỉ. - Nó sẽ trở lại, vẫn là một hồn ma và đủ giận để đưa cả tôi lẫn bà đi theo nó.

Mẹ Lớn bảo:

- Đừng nói nó là hồn ma! Chúng ta không thể đưa một hồn ma về nhà. Dù nó có là... - chà, thế mới rắc rối chứ! - Chúng ta sẽ phải sửa đổi nó.

- Nhưng khi dân làng nhìn thấy con bé này, lại nghe thấy giọng con bé kia...

Lúc chúng tôi về đến Xương Miên, Mẹ Lớn và Đỗ Vân quyết định sẽ giả vờ như không có chuyện gì xảy ra với tôi. Đây là thái độ con người phải chấp nhận nhiều việc trong đời. Cái sai

giờ thành đúng. Cái đúng giờ đã ra đi. Vì thế nếu có ai nói:

- Chà, con bé này ắt là một hồn ma.

Mẹ Lớn sẽ trả lời:

- Nay đồng chí, đồng chí nhầm rồi. Chỉ có bọn phản động mới tin vào ma quỷ.

Tại đám ma của Bánh Bao, tôi nhìn trừng trừng vào thân xác mình trong quan tài. Tôi khóc bạn tôi, tôi khóc cho mình. Những người đưa ma khác vẫn nhầm người chết. Họ khóc lóc và gọi tên tôi. Khi Mẹ Lớn sửa lại, họ lại khóc và kêu tên Bánh Bao. Rồi Đỗ Văn bắt đầu khóc than.

Nhiều tuần sau, tôi sợ mọi người nghe thấy giọng tôi thốt ra từ cái miệng nhần nheo. Không ai nói chuyện với tôi. Không ai chạm vào tôi. Không ai chơi với tôi. Họ quan sát tôi ăn. Họ theo dõi tôi đi xuống đường làng. Họ rình xem tôi khóc. Một đêm kia, thức giấc trong bóng tối, tôi thấy Đỗ Văn ngồi cạnh giường tôi, cầu xin bằng giọng nhিপ nhàng:

- Bánh Bao, cửa quý của mẹ, con hãy về nhà với mẹ.

Bà nhắc bàn tay tôi, đưa lại gần ánh nến. Khi tôi giật phắt lại, bà vẫy cánh tay lung tung trong không khí như một con chim gãy cánh, ôi, mới vụng về, mới thất vọng, mới buồn làm sao! Tôi cho rằng lúc đó bà bắt đầu tin mình thành đứa con gái. Đó là khi bạn có hòn đá tảng trong lòng mà không thể kêu lên, không thể tố ra. Nhiều người trong làng phải nuốt những tảng đá như thế này, và họ hiểu. Họ giả vờ như tôi không phải là ma. Họ giả vờ như tôi luôn luôn là cô bé mập mạp, còn Bánh Bao là cô bé gầy gò xương. Họ giả vờ như không có chuyện gì xảy ra với người đàn bà giờ tự gọi mình là Đỗ Lili.

Đó là khi mưa lại đến, rồi lút, rồi những người lãnh đạo mới nói chúng tôi phải làm việc chăm chỉ hơn để gột sạch Bốn Cũ, xây dựng Bốn Mới. Cây cối lớn lên, ếch nhái lại kêu ộp ộp, các mùa qua đi, một ngày bình thường tiếp sau ngày khác, cho đến khi mọi vật thay đổi rồi lại như cũ.

Một hôm, một người đàn bà ở làng khác hỏi Mẹ Lớn:

- Nay, sao bà lại gọi đứa con gái béo kia là Bánh Đa?

Mẹ Lớn nhìn tôi, cố nhớ ra:

- Trước kia nó gầy gò xương, - bà nói. - vì nó không chịu ăn thịt ếch. Giờ nó ăn không ngừng.

Thấy chưa, mọi người quyết không nhớ tới. Sau này, họ không nhớ thật. Họ đã quên một năm không lút. Họ quên Đỗ Lili trước kia tên là Đỗ Văn. Họ quên cô bé chết đuối. Mẹ Lớn vẫn đánh tôi, có điều bây giờ tôi béo hơn nên nắm đấm của bà không còn làm tôi đau như trước.

Nhìn những ngón tay và bàn tay này xem. Đôi khi chính tôi cũng tin chúng là của tôi. Cái xác tôi tưởng trước kia là tôi, có lẽ chỉ là một giấc mơ tôi đã nhầm khi tỉnh lại. Nhưng tôi còn nhớ một giấc mơ khác.

Trong giấc mơ này, tôi đã đến Cõi Âm. Tôi đã thấy nhiều việc. Nhiều đàn chim, con bay đến, con bay đi. Bánh Bao bay liệng cùng cha và mẹ nó. Những con ếch tôi đã ăn ca hát, giờ chúng đã mọc da trở lại. Tôi biết tôi đã chết, và tôi nóng lòng gặp mẹ tôi. Nhưng chưa kịp tìm thấy bà, tôi đã thấy có người chạy đến với tôi, vẻ giận dữ và lo âu hiện rõ trên mặt.

- Con phải trở về đi, - bà khóc. - Trong bảy năm, mẹ sẽ tái sinh. Việc đó đã được thu xếp. Con đã hứa là đợi. Con quên rồi sao? - Rồi bà lắc tôi, lắc cho đến khi tôi nhớ ra.

Tôi bay trở lại cõi âm. Tôi cố trở lại thân xác tôi. Tôi xô và đẩy. Nhưng nó đã gãy vỡ, cái xác gầy guộc tội nghiệp của tôi. Rồi mưa tạnh. Mặt trời ló ra. Đỗ Văn và Mẹ Lớn mở nắp quan tài. Nhanh lên, nhanh lên, tôi nên làm gì đi chứ?

Hãy bảo chị đi, Libby-ah, chị đã làm sai phải không? Chị không còn lựa chọn khác. Làm sao chị có thể giữ lời hứa với em?

18. GÀ XUÂN SÁU CUỘN

- Giờ thì em nhớ chưa? - Quan hỏi.

Tôi sững sờ vì đôi má tròn trĩnh, nếp nhăn trên khuôn miệng nhỏ của chị. Nhìn chị giống như xem phim ba chiều: ẩn dưới bề mặt sáng bóng là hình ảnh ba chiều của cô bé bị chết đuối.

- Không, - tôi nói.

Quan - ra thế, người đàn bà này được khẳng định là chị tôi - thực ra là một người loạn trí tin rằng mình là Quan? Quan bằng xương bằng thịt đã chết đuối từ khi còn bé? Điều đó giải thích sự khác biệt giữa bức ảnh cô bé gầy gò mà cha đưa cho chúng tôi xem và cô gái mập mạp chúng tôi gặp ở sân bay. Nó cũng giải thích vì sao Quan không giống cha tôi hoặc các anh em trai và tôi tí nào.

Có lẽ mong ước từ thời ấu thơ của tôi đã thành sự thực: Quan thật đã chết, cả làng đẩy cho chúng tôi cô gái này, tưởng chúng tôi không biết sự khác biệt giữa ma và người tưởng mình là ma. Ngược lại, sao Quan không là chị tôi? Cuộc chấn thương nặng nề hồi thơ ấu làm chị tin mình đã thay đổi thân xác với một người khác? Dẫu chúng tôi không liên quan về mặt di truyền, chị vẫn là chị tôi chứ? Vâng, lẽ tất nhiên. Tôi chỉ muốn biết phần nào trong câu chuyện của chị là thật.

Quan mỉm cười với tôi, xiết chặt bàn tay tôi. Chị chỉ những con chim đang bay trên đầu. Biết đâu chị bảo chúng là những con voi. Ít ra sự điên rồ của chị là phù hợp. Ai có thể nói cho tôi biết sự thực? Đỗ Lili ư? Bà chẳng đáng tin hơn Quan. Mẹ Lớn đã chết. Chẳng người nào trong làng đủ già để nhớ lại mà kể lể mọi chuyện khác ở Xứ Miên. Nếu họ nói được tiếng phổ thông, tôi hỏi họ thế nào nhỉ?

- Xin hãy cho tôi biết, chị tôi có phải là chị thật không? Chị ấy là ma hay chỉ là người loạn trí?

Nhưng tôi không có thời gian để làm. Lúc này Quan và tôi đang đi qua cổng vào nhà Mẹ Lớn.

Trong căn phòng chính, chúng tôi thấy Simon và Đỗ Lili đang nói chuyện bằng thứ ngôn ngữ chung của các trò chơi. Simon lái chiếc ô tô tưởng tượng và kêu to:

- Thế là tôi thò đầu ra và nói: "Nào, dịch cái mông đi!". - Anh ta ấn vào cái còi vô hình, rồi - *Brừ brừ-ta-ta! Brừ brừ-ta-ta!* - bắt chước một tên côn đồ đang bơm lốp xe.

Đỗ Lili nói tiếng Xứ Miên, các âm thanh tương tự như "Hứ! Chẳng có gì". Bà hành động như một người đi bộ đang kéo lê các bao tạp phẩm - các bao nặng, chúng tôi quan sát thấy bà duỗi cánh tay như những sợi mì. Bà bỗng ngược nhìn, nhảy lùi suýt dẫm lên ngón chân Simon và quăng các bao nặng trứu lúc cái ô tô luồn lách như một con rắn lao vèo qua mũi bà và đâm vào đám đông. Hoặc có thể bà diễn tả vị trí của một cái cây. Dù thế nào thì những cành cây cũng bay tung toé trong không khí. Kết thúc tấn kịch nho nhỏ, bà tiến đến chỗ người lái xe và nhổ vào mặt anh ta, rồi tiếp tục xách cái bao cạnh giày Simon.

Quan huýt sáo và hò reo, tôi vỗ tay. Simon bấu môi như người về đích thứ hai trong *Queen for a day*. Anh buộc tội Đỗ Lili cường điệu - có lẽ ô tô không phóng nhanh như một con rắn, mà chậm như một con bò què. "*Bu-bu-bu!*" - bà kêu to, cười khúc khích và dậm chân thành thích. Vâng, có lẽ bà đang đi, đầu bà vẫn lơ mơ rằng bà đã gây nên tai nạn. "*Bu-bu-bu!*". Lúc bà ta dậm thùm thụp vào lưng anh, Simon co rúm lại:

- Thôi, thôi, bà thắng rồi! Lái xe của các vị còn tệ hơn!

Ngoài sự khác biệt về tuổi tác, trông họ như một cặp tình nhân mới đang tán tỉnh nhau, trêu đùa, chọc tức và tìm cách chạm vào nhau. Tôi cảm thấy nhói trong tim, dù dẫu không thể là ghen tuông, vì ai mà nghĩ là hai người này - phải, dù câu chuyện Quan kể về Đỗ Lili và cô con gái đã chết của bà ta có thật hay không, có một điều thật chắc chắn: Đỗ Lili là loại bà già của thời trước kia.

Lúc trò chơi chấm dứt, bà ta và Quan dạt ra sân bàn xem làm món gì cho bữa tối. Lúc họ đã ra khỏi tầm nghe, tôi kéo Simon sang một bên:

- Anh với bà Đỗ Lili chơi trò các lái xe tồi và mọi thứ như thế nào?

- Anh khởi đầu, cố kể cho bà ấy nghe về chuyến đi hôm qua với Rocky, về vụ tai nạn.

Tôi bèn thuật lại tỉ mỉ cho anh những điều Quan đã kể với tôi.

- Vậy anh nghĩ sao?

- Thứ nhất, anh thấy bà Đỗ Lili không điên, Quan cũng không điên. Thứ hai, họ bịa những câu chuyện cũ như nhau, em đã nghe suốt đời rồi.

- Nhưng chuyện này khác hẳn. Anh không thấy sao? Có khi Quan không phải là chị gái em.

Anh cau mày:

- Sao chị ấy lại *không thể* là chị của em? Dù không cùng dòng máu, chị ấy vẫn là chị gái của em.

- Vâng, nhưng như thế nghĩa là còn có một cô gái khác cũng là chị của em.

- Dù có thể đi nữa, em định làm gì? Từ bỏ Quan ư?

- Tất nhiên là không! Chỉ là... em cần biết chắc chắn những chuyện đã xảy ra.

Anh nhún vai:

- Vì sao? Có gì khác đâu? Mọi sự anh biết là những gì anh nhìn thấy. Với anh, bà Đỗ Lili có vẻ là một bà già dễ chịu. Quan là Quan. Làng này rất tuyệt. Anh mừng đã ở đây.

- Còn Đỗ Lili thì sao? Anh có tin khi bà ta bảo là mới năm mươi tuổi? Hoặc anh tin Quan bảo Đỗ Lili là...

Simon cắt lời:

- Có khi em không hiểu lời Đỗ Lili nói. Chính em nói là em chưa thạo tiếng Trung lắm.

Tôi khó chịu:

- Em chỉ nói là em *không nói* thạo như Quan.

- Có lẽ Đỗ Lili dùng lối ẩn dụ, chẳng hạn “non như gà mùa xuân”. - Giọng anh tự tin vào lý lẽ của đàn ông. - Có khi em hiểu theo nghĩa đen là bà tưởng mình là một con gà.

- Bà ấy không nói bà là một con gà. - Thái dương tôi đập dồn.

- Thấy chưa, giờ em lại hiểu anh theo nghĩa đen rồi. Anh chỉ lấy ví dụ là...

Tôi mất bình tĩnh:

- Tại sao lúc nào anh cũng phải chứng minh mình đúng thế?

- Nay, sao vậy? Anh tưởng chúng mình chỉ nói chuyện ở đây. Anh không thử...

Lúc đó tôi nghe thấy tiếng Quan kêu to từ ngoài sân:

- Libby-ah! Simon! Nhanh lên! Chúng tôi nấu bữa giờ. Các vị có muốn chụp ảnh không?

Vẫn còn cáu, tôi chạy vào phòng Mẹ Lớn lấy dụng cụ. Còn chuyện này: cái giường cưới. Đừng nghĩ đến nó nữa, tôi tự nhủ. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ, rồi nhìn đồng hồ: gần như nhá nhem, nửa giờ vàng. Nếu từng có một thời gian và địa điểm cho phép tôi trút mọi cảm xúc nồng nàn vào công việc thì chính là đây, ở Trung Quốc, nơi tôi không kiểm chế được, nơi mọi thứ không sao đoán trước, hoàn toàn mất trí. Tôi cầm chiếc Leica, rồi nhét mười cuộn phim tốc độ cao vào túi áo khoác.

Trong sân, tôi lấy một cuộn phim đã đánh số và lắp. Sau khi mưa to, bầu trời khô ráo một màu xanh dịu, điểm những đám mây bông bồng bềnh sau đỉnh núi. Tôi hít thật sâu và ngửi mùi khói củi trong bếp của năm mươi ba hộ ở Xương Miên. Ở phía dưới, phảng phất mùi phân ngẫu.

Tôi tìm kiếm các yếu tố của quang cảnh. Những bức tường gạch-bùn của mảnh sân sẽ là nền rất tốt. Tôi thích bố cục gỗ ghề, thoáng màu cam. Tránh cái cây ở giữa sân có lá màu nhợt. Chuồng lợn để cận cảnh, có vị trí đẹp ở bên phải sân, dưới mái hiên lợp rạ bờm xờm. Nó giản dị một cách quê mùa, giống như cái máng ăn trong vở kịch Giáng sinh của trẻ con. Nhưng thay cho Chúa Jesus, Đức Mẹ Maria và Joseph là ba chú lợn nằm trong phân chuồng. Có nửa tá gà, con mất một chân, con mất mỏ. Tôi nhảy nhót theo một vòng cung hết mở rộng lại thu hẹp quanh đề tài của tôi. Liếc nhìn, tôi thấy một xô nước gạo đầy cháo màu xám xám và ruồi. Một cái hố hôi thối khủng khiếp, một hố chứa nước đen ngòm. Tôi cúi xuống nhìn thoáng con vật lông xám lẫn lộn cùng những bụi rơm lúc nhúc giòi.

Cuộc sống hiện giờ ở Xương Miên có vẻ như không đem lại hiệu quả mong muốn. Lẽ ra tôi nên “hình dung trước” khoảnh khắc tôi muốn, sẵn sàng thích ứng với những gì có sẵn một cách tự nhiên. Nhưng trong đầu tôi chỉ có hình ảnh các độc giả giàu có lật qua tạp chí du lịch hợp thời chuyên về các hình ảnh điền viên của các nước thế giới thứ ba. Tôi biết dân chúng muốn xem những gì. Chính vì thế tôi hay cảm thấy bất mãn về công việc, trước khi lược bỏ thành một thứ tẻ ngắt nhưng an toàn. Không phải vì tôi muốn chụp những bức ảnh cổ tình không tăng bốc. Sẽ không có thị trường cho chúng, và nếu có thì hiện thực nghiệt ngã sẽ làm cho dân chúng có ấn tượng sai, rằng mọi thứ ở Trung Quốc là thế này đây, lạc hậu, mất vệ sinh, cực kỳ nghèo khổ. Tôi thấy ghét mình đủ chất Mỹ để có những đánh giá như vậy. Sao tôi cứ hay lược bỏ thế giới thực? Vì lợi ích của ai kia chứ?

Phải lừa tạp chí. Mặc kệ ấn tượng đúng hay sai. Tôi kiểm tra ánh sáng, mở ống kính. Tôi sẽ cố hết sức bắt lấy khoảnh khắc và cảm xúc của nó. Lúc đó tôi phát hiện ra Đỗ Lili đang lom khom cạnh máy bơm tay, lấy nước vào một cái xoong. Tôi xoay quanh bà, điều chỉnh tiêu điểm, và bắt đầu chụp. Nhưng vừa nhìn thấy máy ảnh của tôi, bà nhảy dựng lên lấy điệu bộ và kéo mạnh gấu chiếc áo khoác màu xanh cũ kỹ. Chẳng tự nhiên tí nào.

- Bà không phải đứng yên, - tôi gọi bà. - Cứ cử động tự nhiên. Quên tôi đi. Bà muốn gì làm nấy.

Bà gạt đầu, rồi đi quanh sân. Bà cần cù để quên sự có mặt của máy ảnh, bà ngắm chiếc ghế đẩu, ra hiệu với những cái giỏ treo trên cây, ngạc nhiên vì một cái rìu dính đầy bùn, như thể bà đang trưng bày các thứ báu vật vô giá của quốc gia.

- Một, hai, ba, - tôi đếm rành rọt bằng tiếng Trung, rồi bấm vài kiểu ở các tư thế cho bà thỏa mãn. - Tốt. Rất tốt. - Tôi nói. - Cảm ơn bà.

Nom bà lúng túng:

- Tôi làm hỏng phải không? - Bà hỏi, giọng của một đứa trẻ ai oán. Chao ôi, bà vẫn đang đợi ánh đèn chớp, tiếng lách cách của màn trập mà chiếc Leica không có. Tôi quyết nói dối bà một câu nho nhỏ.

- Tôi không chụp ảnh thật đâu, - tôi giải thích. - Tôi chỉ ngắm thôi.

Bà mỉm cười yên tâm và trở lại chuồng lợn. Lúc bà mở cửa chuồng, đàn lợn khụt khịt và chạy tủa đến bà, ngoảnh mõm lên, ngửi ngửi tìm thức ăn. Mấy con gà cảnh giác chạy quanh bà cũng với lý do tương tự.

- Một con béo ngon đây, - Đỗ Lili nói lúc cân nhắc, lựa chọn. Tôi loay quanh trong sân, lén lút như một tên trộm, cố không thu hút sự chú ý trong lúc tìm tòi kết hợp tốt nhất chủ đề, ánh sáng, nền và khuôn hình. Mặt trời lặn thêm một chút, những tia sáng lọt qua vòm cây, trải ánh sáng ấm áp lên bộ mặt hiền lành của Đỗ Lili. Bản năng của tôi tiếp tục với một chút cầu may. Tôi cảm thấy sự biến đổi, sức mạnh trời dậy, sự kiềm chế lơ lửng. Lúc này tôi bấm liên tiếp giữa các hơi thở. Không như các máy ảnh khác làm tôi khó nhìn trong lúc màn trập mở, chiếc Leica cho tôi thấy khoảnh khắc tôi bắt chọt: bàn tay mờ mờ của Đỗ Lili tóm lấy con gà, những

con khác nhau nhác, đàn lợn cùng rống lên như một đội hành khúc. Tôi bấm vài kiểu Simon đang ghi chép để làm chú thích. Cảnh này y hệt những ngày xưa, chúng tôi làm việc cùng nhau rất nhịp nhàng. Trong những lúc này, anh không còn cái kiểu rồi-đâu-sẽ-vào-đấy cố hữu nữa. Cái nhìn của anh rất mạnh mẽ. Anh liếc nhìn tôi và mỉm cười.

Tôi xoay máy trở lại Đỗ Lili. Bà đang đến chỗ cái bơm nước, con gà quang quác trong tay bà. Bà giơ con gà lên trên cái bát trắng men trắng đặt trên chiếc ghế dài. Bàn tay trái của bà nắm chặt cổ gà. Bàn tay kia cầm con dao nhỏ. Bà định làm cái quái gì vậy, chặt phăng đầu gà bằng con dao kia ư? Qua ống kính, tôi thấy bà ấn lưỡi dao vào cổ gà. Bà chậm chậm đưa đi đưa lại. Một tia máu nhỏ vọt ra. Tôi sững người như con gà vậy. Bà dùng đưa con gà cho cổ nó chúc xuống, và máu bắt đầu chảy nhỏ giọt vào cái bát trắng tinh.

Tôi nghe thấy đàn lợn kêu ré lên ở đằng sau. Chúng kêu ré lên thực sự, y như con người lúc sợ hãi. Có ai đó đã kể với tôi rằng loài lợn có thể phát sốt đến chết khi bị đưa đến lò mổ, chúng đủ khôn ngoan để biết cái gì đang đợi. Lúc này tôi tự hỏi liệu chúng có thông cảm với cơn đau của con gà đang giãy chết kia không. Đây là chứng cứ của trí óc hay của tâm hồn? Mặc dù đã từng chụp nhiều ảnh các ca mổ tim và ghép thận, tôi vẫn thấy buồn nôn. Song tôi vẫn chụp. Tôi thấy Simon không còn ghi chép nữa.

Khi tiết đầy nửa bát, Đỗ Lili thả rơi con gà xuống đất. Chúng tôi quan sát nó nghiêng ngả và giãy, mất vài phút khổ sở. Cuối cùng, mắt nó đờ ra, nó sụp xuống. Nếu Đỗ Lili tin bà là Bánh Bao, chắc hẳn bà đã mất hẳn sự cảm thông với các loài chim chóc.

Simon đến gần tôi:

- Man rợ kinh khủng. Anh không biết vì sao em vẫn chụp được.

Nhận xét của anh làm tôi phát tức:

- Anh bỏ cái lối cho mình là hơn đi. Anh tưởng giết gà ở Mỹ thì nhân đạo hơn chắc? Dù sao thì bà ấy cũng làm theo kiểu không có chất độc hại. Giống như một truyền thống, một quá trình đằng hoàng hoặc gì đó.

- Đằng hoàng cái con tườu! Đằng hoàng là giết con vật thật nhanh để nó không khổ sở. Máu bị cạn kiệt sau khi con vật chết, rồi quăng đi.

- Em vẫn cho bà ấy làm thế vì lý do sức khỏe. - Tôi quay sang Đỗ Lili và hỏi bà bằng tiếng Trung.

- Bu-bu, - bà đáp, rồi vừa lắc đầu vừa cười. - Sau khi lấy đủ tiết, tôi thường cắt phăng đầu gà. Nhưng lần này tôi để con gà giãy giụa một chút.

- Vì sao?

- Vì cô! - Bà vui vẻ nói. - Để cô chụp ảnh! Như thế kích thích hơn, cô đồng ý không? - Lòng mày bà nhướn lên lúc bà đợi tôi cảm ơn. Tôi vờ cười.

- Thế nào? - Simon nói.

- Đó là...vâng, anh đúng, nó không đằng hoàng. - Tôi không thể làm gì hơn là nhìn về tự mãn trên mặt anh. - Không đằng hoàng kiểu Do Thái, - tôi nói thêm. - Nó giống một nghi lễ cổ Trung Hoa hơn, một lễ tẩy rửa linh hồn... cho gà. - Tôi lại chăm chú vào kính ngắm.

Đỗ Lili ném con gà vào nồi nước đang sôi. Rồi bằng tay không, bà nhúng con gà như vò áo. Lòng bàn tay bà phủ đầy chai như đeo găng amiăng. Ban đầu, trông bà như nung nịu con gà chết, vỗ về an ủi nó. Nhưng mỗi cái tuốt là sạch một nắm lông, cho đến lúc bà lôi con gà khỏi chậu, da nó hồng hào, đầy lỗ chân lông.

Simon và tôi theo Đỗ Lili lúc bà cầm con gà qua sân, vào bếp. Mái bếp thấp nên chúng tôi phải lom khom để khỏi đụng đầu. Quan rút một mớ củi cành từ một góc tối tăm ở đằng sau, đút vào miệng lò bằng gạch bùn đang cháy rùng rục. Trên ngọn lửa là một thứ to đủ nấu một con lợn đực. Chị cười toe toét:

- Ảnh đẹp chứ?

Làm sao tôi có thể ngờ chị không phải là chị tôi? Tôi tự nhủ, đấy chỉ là những câu chuyện. Chị có óc tưởng tượng điên rồ.

Quan moi ruột gà bằng một động tác, rồi chặt nhỏ, đầu, chân, phao câu, chị đổ tuột các miếng vào nồi nước dùng đang sôi sủi tăm. Chị cho vào hỗn hợp này vài nắm xanh xanh, nom giống như cải chân vịt.

- Tươi lắm, - chị nói tiếng Anh, lưu ý Simon. - Mọi thứ đều tươi.

- Hôm nay chị đi chợ à?

- Chợ nào? Làm gì có chợ. Ở trong sân, tự hái. - Simon ghi lại.

Lúc này, Đỗ Lili mang bát tiết gà vào. Nó đông cứng và có màu như thạch đậu tằm. Bà cắt tiết thành những miếng hình khối rồi khuấy vào món hầm. Lúc tôi quan sát màu đỏ xoáy cuộn, tôi nghĩ đến các mục phù thủy trong Macbeth, mặt họ được ngọn lửa chiếu sáng, khói từ vạc bốc lên. "Giống như thứ nước dùng đang sôi và sủi tăm ở địa ngục để làm bùa mê đầy quyền năng", - tôi đọc.

Simon ngược nhìn.

- Đây, đúng câu anh đang nghĩ. - Anh cúi người ngửi mùi món hầm. - Đây là thứ chất liệu tuyệt vời.

- Đừng quên là chúng mình phải ăn thứ chất liệu tuyệt vời này.

Khi lửa tắt, nguồn sáng của tôi mới có giá trị. Tôi nhét chiếc Leica vào túi áo khoác. Lạy Chúa! Tôi đói quá! Nếu tôi không ăn thịt gà và thứ nước dùng có tiết của nó, tôi còn lựa chọn nào khác đâu? Không có giảm bông và phó mát trong tủ lạnh, không có cả tủ lạnh. Nếu tôi muốn có giảm bông, tôi phải giết thịt những con lợn đang kêu ầm ĩ kia trước đã. Nhưng chẳng có thời gian để cân nhắc các lựa chọn. Lúc này, Quan đang cúi người, nắm quai chảo to dùng. Chị nhắc bổng nó lên.

- Ăn nào, - chị tuyên bố.

Đỗ Lili đã nhóm một đồng lửa nhỏ trong một cái kiềng bằng sắt đặt giữa sân. Quan đặt cái chảo lên kiềng và Đỗ Lili đặt bát, đĩa và chén uống trà. Theo chỉ dẫn của bà, chúng tôi ngồi xúm quanh chiếc bàn ăn làm vội của chúng tôi.

- Ăn đi, ăn đi, - Đỗ Lili nói, bà dùng đĩa ra hiệu cho Simon và tôi. Tôi nhìn cái chảo, tìm thứ gì giống giống với thứ thịt đông gói ở siêu thị. Nhưng tôi chưa kịp tìm, bà Đỗ Lili đã múc một cái chân gà trong món hầm và thả vào bát tôi.

- Không, không. Bà ăn đi, - tôi phản đối bằng tiếng Trung. - Tôi có thể tự lấy.

- Đừng lịch sự nữa, - bà thuyết phục. - Ăn đi kéo nguội.

Simon cười điệu. Tôi chuyển cái chân gà vào bát anh.

- Ăn đi, ăn đi, - tôi nói với nụ cười duyên dáng, rồi chọn một cái đùi gà. Simon rầu rĩ, trừng trừng nhìn cái chân gà trước kia nhảy nhót. Anh thận trọng cắn một miếng và nhai, vẻ ngẫm nghĩ. Lát sau, anh lễ phép gật đầu với bà Đỗ Lili và nói:

- Hừm ừm. Ngon, rất ngon. - Nhìn vẻ rạng rỡ của bà, có thể tưởng như bà vừa thắng ở vòng cuối cuộc thi nấu ăn.

- Cậu nói thế thật dễ thương.

- Nó ngon thật, - Simon nói. - Không phải tôi nói vì lịch sự đâu.

Tôi thông thả nhai ở mép đùi gà và nhấp một ngụm rượu. Tôi nhai, để nó lăn trên lưỡi. Không có mùi tiết. Thịt thơm ngon lạ lùng, mềm như nhung! Tôi cắn sâu thêm, đến tận xương.

Tôi uống ngụm nước dùng, vị ngon và ngậy như bơ. Tôi sục vào nồi và vớt một cái cánh. Tôi nhai và rút ra kết luận rằng những con gà thả ở sân của Trung Quốc ngon hơn hẳn gà Mỹ trong bãi chăn thả. Chúng ăn gì mà có hương vị thơm ngon đến thế? Hay vì có tiết trong nước dùng?

- Em chụp hết mấy cuộn phim? - Simon hỏi.

- Sáu, - tôi nói.

- Vậy chúng ta gọi món này là gà xuân sáu cuộn nhé.

- Nhưng đang là mùa thu.

- Anh gọi thế để tôn vinh bà Đỗ Lili, người không phải là gà mùa xuân như em nói đâu. - Simon run run và năn nỉ theo kiểu Quasimodo. - Xin bà chủ, đừng đánh tôi.

Tôi làm dấu thập giá trên đầu anh:

- Thôi được. Ta tha thứ cho người, tên gốc của ta.

Đỗ Lili giờ chai rượu trong veo:

- Khi cách mạng văn hoá chấm dứt, tôi đã mua chai vang này, - bà tuyên bố. - Nhưng suốt hai chục năm qua, tôi chẳng có lý do gì để ăn mừng. Tối nay, tôi có ba lý do, - bà nghiêng chai vào chén của tôi, thổi dài một tiếng Ahàààà như đang điều hoà thận, chứ không phải rót vang cho chúng tôi. Khi chén của chúng tôi đã đầy, bà nâng chén:

- Cạn chén!- Rồi uống từng ngụm một cách ồn ào, từ từ ngửa cổ ra sau cho đến khi hết sạch.

- Thấy chưa? - Quan nói bằng tiếng Anh. - Phải dốc ngược chén ra sau, dốc mãi, cho đến khi cạn. - Chị biểu diễn bằng tiếng ầm ầm của chị. Ahàààà!- Đỗ Lili rót cho mình và Quan lần nữa.

Nếu Quan, bà chúa kiêng rượu, có thể uống như thế này, hẳn là rượu không nặng. Simon và tôi chạm cốc, rồi dốc tuốt chỗ rượu vào họng, và ngay lập tức thở hỗn hển như những người thành phố khôn khéo trong một quán rượu cao bồi. Quan và Đỗ Lili vỗ đầu gối và cười như nắc nẻ. Họ chỉ vào chén của chúng tôi, vẫn còn một nửa.

- Gì thế này? - Simon thở hỗn hển. - Tôi tưởng như vừa cắt amidan.

- Ngon, hả? - Quan rót đầy chén cho anh trước khi anh kịp từ chối.

- Nó có mùi như bí tắt ẩm, - anh nói.

- Kẹo ngọt? - Quan uống ngụm nữa, chép môi và gật đầu tán thưởng.

Ba tuần rượu và hai mươi phút sau, đầu tôi vẫn tỉnh táo nhưng chân tôi phải đi ngủ. Tôi đứng dậy, chân run run, tôi nhăn nhó vì chân tê tê. Simon cũng thế.

- Nó có mùi như cứt. - Anh dang rộng cánh tay. - Nhưng em biết không, anh cảm thấy tuyệt vời.

Quan dịch cho Đỗ Lili:

- Cậu ấy nói, không tồi.

- Các vị gọi thứ đồ uống này là gì? - Simon hỏi. - Có lẽ chúng ta nên mang một ít về Mỹ.

- Thứ này, - Quan nói và ngừng lại nhìn vào chén, vẻ tôn sùng. - Chúng tôi gọi là vang ngâm chuột, hay đại loại như thế. Rất nổi tiếng ở Quế Lâm. Vị ngon và tốt cho sức khỏe. Làm lâu lắm. Mười, có khi hai mươi năm. - Chị ra hiệu cho bà Đỗ Lili và đề nghị bà cho xem cái chai. Chị đưa nó cho Simon và tôi. Chai đã gần hết.

- Cái gì dưới đáy thế này? - Simon hỏi.

- Chuột, - Quan nói. - Chính vì thế người ta gọi là vang ngâm chuột.

- Có thật thế không?

- Cứ nhìn xem. - Quan chỉ vào đáy chai. - Chuột đây này.

Chúng tôi nhìn. Chúng tôi thấy thứ gì xám xám. Một cái đuôi. Tôi thoáng nghĩ tôi sẽ nôn. Nhưng thay vào đó, Simon và tôi nhìn nhau và cả hai phá lên cười lẫn lóc. Cười không thể dừng. Chúng tôi cười cho đến khi nghẹn thở, đau quận ruột gan.

- Sao chúng mình lại cười nhỉ? - Simon nói hỗn hển.

- Chắc chúng mình say mất rồi.

- Anh không cảm thấy say. Anh nghĩ, ờ, tốt quá, thật may là chúng ta còn sống.

- Em cũng vậy. Anh nhìn những ngôi sao kia. Hình như chúng to hơn? Không chỉ sáng hơn, mà còn to hơn? Em cảm thấy mình bé lại, còn mọi vật dường như lớn hơn.

- Trông em giống một con chuột bé tí, - Quan nói.

Simon chỉ bóng những quả núi nhô lên trên bức tường bao sân:

- Còn những chóp núi kia, - anh nói. - Chúng thật hùng vĩ.

Chúng tôi lặng lẽ, chăm chú ngắm các ngọn núi, Quan huých tôi.

- Em có thể nhìn thấy con rồng, - chị nói. - Hai con rồng sát bên nhau. Thấy chưa?

Tôi liếc nhìn. Quan chớp lấy vai tôi và xoay tôi đúng vị trí.

- Nhắm chặt mắt lại, - chị ra lệnh. - Gạt lối nghĩ của người Mỹ khỏi đầu. Nghĩ như người Trung Quốc. Nghĩ như đang mơ. Hai con rồng, một đực, một cái.

Tôi mở mắt. Dường như tôi đang quan sát quá khứ rất gần, còn hiện tại như một giấc mơ lùi xa:

- Các đỉnh núi uốn lượn lên xuống, - tôi nói, vẽ phác trong không khí, - Đây là hai xương sống, đúng không? Hai chóp núi đằng trước vượt lại thành các núi nhỏ là hai đầu rồng, thung lũng xen giữa hai hàm rồng.

Quan vỗ vào cánh tay tôi, như thể tôi là một học sinh đọc thuộc lòng bài địa lý:

- Một số người nghĩ: “Ồ, làng nằm ngay cạnh hàm rồng là không hợp *phong thủy*, không hài hòa”. Nhưng theo chị, tất cả tùy thuộc vào loại rồng gì. Hai con rồng này rất trung thành, có khí tốt - tiếng Anh nói thế nào nhỉ?

- Rung cảm tốt, - tôi nói.

- Phải, phải, rung cảm tốt. - Chị dịch cho Đỗ Lili những điều chúng tôi đang nói.

Đỗ Lili cười phá rất to. Bà nói một thôi bằng tiếng Xương Miên và bắt đầu ngân nga: *Đa, đi-đa-đa*.

Quan đáp lại:

- *Đi-đa-đa-đa*. - Rồi chị bảo chúng tôi. - Ngồi xuống, Simon, Libby-ah. Đỗ Lili nói chị có thể kể cho các em nghe về tình sử của rồng.

Chúng tôi như các em mẫu giáo vây quanh đồng lửa trại. Cả Đỗ Lili cũng ngả người về phía trước.

- Chuyện là thế này, - Quan bắt đầu, và Đỗ Lili mỉm cười tuồng như bà hiểu tiếng Anh. - Ngày xưa ngày xưa, có hai con rồng đen, chồng và vợ, sống dưới đất gần Xương Miên. Mỗi mùa xuân tới, chúng tỉnh dậy, trời lên khỏi mặt đất như quả núi. Bên ngoài, hai con rồng trông như người, chỉ khác là da đen, và rất khỏe. Trong một ngày, cả hai có thể đào một con mương quanh làng. Nước từ trên núi xuống, chảy vào mương. Dù trời không mưa cũng chẳng sao, vẫn đủ nước để trồng trọt. Libby-ah, em gọi loại tưới nước, tự chảy này là gì?

- Thủy lợi.

- Đúng, đúng. Như Libby-ah nói, bị chọc tức² ...

- Thủy lợi.

- Ờ, thì tưới, làm thủy lợi, chúng làm cho cả làng. Vì thế ai cũng quý mến hai con rồng đen này. Hàng năm, dân làng tổ chức một bữa tiệc lớn ăn mừng chúng. Nhưng một hôm, Thần Nước thuộc loại kém cỏi thực sự, tức phát điên: “Kẻ nào dám lấy nước ở sông của ta, không được ta cho phép?”

- Khốn nạn. - Simon bật ngón tay đánh tách. - Thực trạng về nước. Bao giờ cũng vậy.

- Đúng, đúng. Thế là đánh nhau, đánh nhau rất to. Sau này, Thần Nước thuê một số tên hung hãn ở bộ tộc khác, không ở làng chúng tôi mà ở rất xa. Có lẽ là Hawaii. - Chị huých Simon. - Này, đùa đấy, tôi chỉ đùa thôi! Không phải người Hawaii đâu. Tôi không biết là ở đâu. Bọn chúng dùng cung tên giết chết hai vợ chồng con rồng, đâm thủng người chúng, khắp mọi chỗ. Trước khi chết, chúng biến thành rồng và bỏ trở lại vào lòng đất. Thấy chưa! Lưng chúng giờ nom như sáu quả núi. Còn những chỗ tên xuyên vào, thành mười ngàn cái hang, tất cả xoắn với nhau dẫn đến một chỗ. Giờ mỗi khi trời mưa, nước chảy từ núi, đổ qua các lỗ thủng đó như những giọt nước mắt, chảy xuống không ngừng. Đến chân núi thành lũ! Năm nào cũng thế.

Simon nhăn mặt.

- Tôi không hiểu. Nếu năm nào cũng lũ, thì khí tốt cái gì?

- Xi! Lũ chưa đủ lụt! Chỉ là lũ nhỏ. Đủ rửa sạch mặt đất. Trong đời tôi, chỉ có một trận lụt lớn, vì hạn hán kéo dài. Vì thế khá là may mắn.

Tôi nhớ chị chỉ sống ở Xương Miên mười tám năm trước khi sang Mỹ. Nhưng làm hỏng câu chuyện của chị và thời gian thanh thoi của chúng tôi làm gì?

- Còn Thần Nước? - Tôi hỏi.

- Ờ, con sông đó không còn. Lũ đã cuốn nó đi rồi!

Simon vỗ tay và huýt sáo, làm Đỗ Lili giật mình khỏi cơn ngủ gà ngủ gật.

- Một kết thúc có hậu. Hay quá!

Đỗ Lili đứng dậy và dọn dẹp phần còn lại của bữa tiệc thịt gà. Tôi định giúp song bà gạt đi.

- Ai kể cho chị câu chuyện này? - Tôi hỏi Quan.

Chị cho thêm hai cành củi vào bếp.

- Dân Xương Miên ai chẳng biết. Có dễ đến năm ngàn năm, bà mẹ nào cũng hát ru chuyện này cho con nghe, bài hát tên là “Hai con rồng”.

- Năm ngàn năm? Sao chị biết thế? Nó không thể ghi lại ở đâu đó.

- Chị biết, vì... ờ, chị kể cho em điều bí mật này nhé. Giữa hai con rồng có một cái hang nhỏ ở thung lũng hẹp tiếp sau thung lũng này. Cái hang nhỏ này dẫn đến hang khác, rộng đến mức em khó mà tin nổi. Trong cái hang to ấy, có hồ đủ rộng cho một con thuyền bơi! Nước màu ngọc lam và vàng, đẹp và chắc em chưa bao giờ được thấy. Lại còn sâu và lấp lánh nữa chứ! Dù có quên mang đèn, em vẫn có thể nhìn thấy toàn bộ ngôi làng cổ bên bờ hồ...

- Làng ư? - Simon xen vào. - Chị định nói là có làng thật?

Tôi muốn bảo anh lại một chuyện bịa nửa của Quan, nhưng không thể gặp được mắt anh.

Quan hài lòng vì vẻ náo nức của Simon:

- Ờ, phải, một làng cổ. Tôi không biết đích xác là bao nhiêu tuổi. Nhưng ngôi nhà bằng đá vẫn còn đấy. Không mái, chỉ còn tường, một con đường nhỏ trườn vào bên trong. Trong đó...

- Gượng đã, - Simon ngắt lời. - Chị đã vào hang ấy, đã nhìn thấy ngôi làng?

Quan nói, khá vênh váo:

- Tất nhiên rồi. Bên trong ngôi nhà bằng đá có nhiều thứ, ghế đá, bàn đá, gàu bằng đá có quai, tạc hai con rồng. Thấy chưa, hai con rồng! Câu chuyện ấy cùng tuổi với ngôi làng bằng đá. Có khi nhiều năm hơn, có khi chưa đến dăm ngàn năm. Có khi hơn chục ngàn năm. Ai mà biết chắc được.

Tóc gáy tôi dựng đứng. Có lẽ chị đang kể về một cái hang khác.

- Có bao nhiêu người đã đến làng ấy? - Tôi hỏi.

- Bao nhiêu ư? Ồ, không biết chính xác. Ngôi nhà nhỏ lắm. Không có quá nhiều người ở cùng một lúc được.

- Không, ý em là hiện giờ người ta có đến đấy không?

- Hiện giờ? Không, chị cho là không. Họ quá sợ.

- Vì...

- Chà, em không hiểu đâu.

- Chị nói đi, Quan.

- Thôi được! Nhưng em sợ thì không phải lỗi của chị nhé.

Simon dựa vào máy bơm nước:

- Chị kể đi.

Quan hít một hơi thật sâu.

- Một số người nói rằng đi vào bên trong, không chỉ cái hang ấy mà vào bất cứ hang nào ở thung lũng này sẽ không bao giờ trở về. - Chị ngập ngừng rồi nói thêm. - Trừ ma. - Chị quan sát phản ứng của chúng tôi. Tôi mỉm cười. Simon sững sờ.

- À, em hiểu rồi. - Một lần nữa, tôi cố thu hút sự chú ý của Simon. - Đây là lời nguyên của Xương Miên với người nào nói đến quá khứ.

Simon đi tới đi lui.

- Chúa ơi! Nếu đấy là thật thì...

Quan mỉm cười:

- Cậu nghĩ tôi là ma thật sao?

- Ma? - Simon cười phá. - Không, không! Ý tôi là cái hang ấy là có thật.

- Lẽ tất nhiên là có thật. Tôi đã nói là tôi tận mắt nhìn thấy.

- Tôi chỉ hỏi vì tôi đọc ở đâu đó... Giờ tôi nhớ ra rồi. Trong sách hướng dẫn, có một cái hang, bên trong có nhiều thứ từ Thời Đồ đá. Olivia, em đọc chưa?

Tôi lắc đầu. Tôi đang tự hỏi liệu tôi có quá hoài nghi những câu chuyện về Nunumu và Dị Ban không.

- Anh nghĩ đây là cái hang ấy?

- Không, phần lớn du khách bị Quế Lâm thu hút. Nhưng cuốn sách viết rằng quả núi này thung lũng chỗ nhiều hang đến mức chắc chắn có hàng ngàn hang chưa ai đến.

- Có khi Quan nói đến một cái hang khác...

- Không thể tin được nhỉ? - Simon quay sang Quan. - Theo chị thì trước kia chưa có ai đến đó?

Quan cau mày:

- Không, không. Tôi không nói thế. Nhiều người đến đó rồi.

Mặt Simon xịu xuống. Anh tròn mắt. Thế là tốt.

- Nhưng giờ tất cả chết hết rồi, - Quan nói thêm.

- Ái chà. - Simon giơ tay lên, giống như ra hiệu dừng lại. - Để xem chúng mình có đến thẳng đây được không? - Anh lại đi tới đi lui. - Chị nói gì nhỉ, hiện giờ không ai còn sống biết về cái hang. Tất nhiên là trừ chị. - Anh đợi Quan khẳng định lời anh nói.

- Không, không. Nhiều người ở Xương Miên biết. Chỉ không biết nó ở đâu.

- À! - Anh chậm rãi lượn quanh chúng tôi. - Không ai biết cái hang ấy ở đâu. Nhưng họ đều biết về nó.

- Dĩ nhiên. Nhiều chuyện ở Xương Miên liên quan đến cái hang này. Nhiều lắm.

- Ví dụ? - Anh ra hiệu cho Quan nói rõ.

Chị cau mày, xun mũi như thể đang lục lợi kho chuyện ma phong phú của chị, chuyện nào chị cũng bắt chúng tôi thề giữ bí mật, không bao giờ được tiết lộ. Sau một lúc ngừng, chị nói:

- Hầu hết những chuyện nổi tiếng đều liên quan đến người nước ngoài. Lúc họ chết gây ra bao nhiêu phiền toái!

Simon gật đầu thông cảm.

- Có một chuyện như thế này. Chuyện xảy ra từ một trăm năm trước. Vì thế tôi không nhìn thấy, chỉ nghe nhiều người Xương Miên kể lại. Liên quan đến bốn nhà truyền giáo người Anh, cưỡi những cái xe nhỏ, bên trên che cái ô to tướng, chỉ có hai con la kéo những người to béo. Ban ngày trời rất nóng. Hai người phụ nữ nhẩy ra ngoài, một người trẻ và bồng chồn, người kia già và hách dịch, còn hai người đàn ông, một người để râu, người kia béo đến nỗi dân làng không ai tin nổi. Những người nước ngoài này ăn vận như người Trung Quốc, nhưng nom vẫn là lạ. Người béo nói được một ít tiếng Trung, nhưng rất khó hiểu. Ông ta nói câu gì đại loại như: "Chúng tôi có thể cắm trại ở đây?". Mọi người nói: "Xin mời, xin mời". Thế là họ ăn, ăn, ăn, ăn, ăn, rất nhiều đồ ăn.

Tôi ngắt lời Quan:

- Chị đang kể về mục sư Amen?

- Không, không. Là những người khác. Chị đã bảo là chị không nhìn thấy, chỉ nghe thôi. Ăn xong, người béo hỏi: "Chúng tôi nghe đồn các vị có một cái hang nổi tiếng, bên trong là một thành phố cổ. Các vị chỉ cho chúng tôi nhé?" Mọi người viện cớ: "Ô, quá xa. Quá bận. Không nhìn thấy gì". Thế là bà già giơ cái bút chì lên: "Ai muốn có cái này, dẫn tôi đến hang, sẽ có!". Hồi ấy, lâu lắm rồi, dân chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy bút chì, họ viết bằng bút lông chứ không bằng bút chì. Chắc là dân Trung Hoa cũng phát minh ra bút chì - chúng tôi phát minh ra nhiều thứ lắm - thuốc súng nhưng không phải để giết người, cả mì sợi nữa. Người Ý hay nói họ phát minh ra mì sợi, không đúng đâu, chỉ là bắt chước người Trung Hoa từ thời Marco Polo³ thôi. Người Trung Hoa cũng phát minh ra con số 0. Trước số 0, người ta không biết gì. Giờ ai cũng biết số không. - Quan cười vì câu đùa của mình. - ... Tôi nói đến đâu nhỉ?

- Chị đang nói về người phụ nữ truyền giáo có chiếc bút chì.

- Ừ, phải. Trong làng chúng tôi, chưa ai nhìn thấy bút chì. Người đàn bà ấy chỉ cho họ xem cứ thế mà viết, không cần phải chấm mực. Một thanh niên họ Hoàng - cậu ta luôn mơ đẹp trai hơn cậu - cầm chiếc bút chì. Hiện nay, gia đình ấy vẫn đặt trên ban thờ chiếc bút đáng giá cả đời cậu ta. - Quan khoanh tay, dường như ám chỉ sự thèm muốn cái bút chì đáng phải chết.

Simon nhặt một cành củi:

- Gươm đã. Chúng ta bỏ lỡ một thứ. Chuyện gì xảy ra với các nhà truyền giáo?

- Họ không bao giờ trở lại.

- Có khi họ về nhà rồi, - tôi lập luận. - Chẳng ai nhìn thấy họ ra đi.

- Người thanh niên ấy cũng không trở về.

- Nhớ cậu ta thành tín đồ Thiên Chúa và đi theo các nhà truyền giáo.

Quan nhìn tôi ngờ vực:

- Tại sao lại có người làm thế? Mà tại sao các nhà truyền giáo không mang theo xe và những con la của họ? Tại sao sau này nhà thờ cử đủ loại binh lính nước ngoài đi tìm họ? Gây ra bao chuyện phiền toái, gõ cửa nhà này, nhà nọ: “Có chuyện gì xảy ra? Các người phải cho chúng ta biết, kẻo chúng ta thiêu rụi hết”. May sao, mọi người cùng nghĩ ra một kế và nói: “Ồ, khốn khổ, họ gặp bọn cướp”. Cho đến bây giờ, ai cũng biết chuyện này. Nếu có người hành động tử tế hơn, người ta nói: “Hừ! Đừng nhìn, biết đâu rồi lại biến thành người có cái bút chì”.

- Nghe chưa? - Tôi chọc Simon.

Quan ngồi thẳng dậy và ngêng tai về phía những quả núi.

- Đấy, cô cậu nghe thấy không?

- Cái gì? - Simon và tôi đồng thanh.

- Họ đang hát. Người âm đang hát.

Chúng tôi im lặng. Lát sau, tôi nghe thấy một tiếng rít khê:

- Em thấy như tiếng gió.

- Phải! Với nhiều người chỉ là tiếng gió - u! u! - thổi qua các hang. Nhưng em sẽ rất tiếc khi nghe thấy người âm gọi: “Lại đây, lại đây”. Em buồn hơn, họ sẽ hát to hơn: “Nhanh lên! Nhanh lên!”, Em sẽ thấy họ rất vui vẻ. Giờ em nhận chỗ của ai đó, họ có thể rời đi. Rồi họ bay về Cõi Âm, vô cùng thanh thản.

- Loại chỗ mây-dây-rời, - Simon đế vào.

Tôi vờ cười, nhưng lo lắng. Vì sao Quan có nhiều câu chuyện về việc đổi chỗ với người chết thế?

Quan quay sang tôi:

- Bây giờ em biết vì sao tên làng là Xướng Miên rồi. Xướng có nghĩa là “ca hát”, miên nghĩa là mềm mại như lụa. Một bài ca êm dịu, không bao giờ hết. Nhưng có một số người phát âm theo kiểu khác, lên bổng xuống trầm, nó lại có nghĩa là Giấc ngủ dài. Giờ em hiểu chưa?

- Ý chị là bài hát ru, - Simon nói.

- Không, không, không, không, không. Giấc ngủ dài có nghĩa khác là cái chết. Chính vì thế ai cũng bảo: “Đừng đến hang ở Xướng Miên. Cửa vào Cõi Âm đấy”.

Đầu tôi ngửa ngáy:

- Chị tin thế à?

- Tin cái gì? Chĩ đã đến đấy rồi. Chị biết. Hàng lô người âm ở đấy, đang đợi.

- Vì sao chị lại trở về được? - Tôi tìm mình lại trước khi chị trả lời. - Em hiểu, chị không phải kể đâu. - Lúc này tôi không muốn Quan kể cả câu chuyện về Bánh Bao hoặc Tăng. Muộn lắm rồi. Tôi cần ngủ, và tôi không muốn cảm thấy đang nằm cạnh một người sở hữu thân xác của một cô gái đã chết.

Simon cúi xuống cạnh tôi:

- Anh nghĩ là chúng mình nên đến cái hang này.

- Anh đùa.

- Sao lại không?

- Sao lại không! Anh rồ thật! Người chết ở đằng ấy!

- Em tin cái chuyện ma quỷ ấy à?

- Tất nhiên là không! Nhưng chắc ở đấy có nhiều thứ rủi ro lắm. Khí độc, còn những thứ bên trong, có trời biết là những gì.

- Chết đuối, - Quan bổ sung. - Nhiều người chán đời tự tử, rơi xuống tận đáy, xuống, xuống, xuống mãi.

- Nghe thấy chưa, Simon? Chết đuối, xuống, xuống, xuống mãi.

- Olivia, em không hiểu ra ư? Đây có thể là một cuộc tìm kiếm khác thường. Anh sẽ có cái hang thời tiền sử. Những ngôi nhà thời Đồ Đá. Đồ gốm...

- Và xương, - Quan gợi ý, vẻ sốt sắng.

- Và xương! - Simon lặp lại. - Xương gì?

- Phần lớn là xương người nước ngoài. Họ lạc đường, họ quẫn trí. Nhưng họ không muốn chết. Vì thế họ nằm bên bờ hồ cho đến khi thân thể hóa thành đá.

Simon đứng dậy, hướng lên các chóp núi.

Tôi bảo anh:

- Người ta mất trí ở đây. Họ biến thành đá.

Nhưng Simon không nghe thêm nữa. Tôi biết anh đang thầm hình dung đường đến hang, bước vào giới danh tiếng và giàu có.

- Em có thể hình dung các chủ bút nói gì khi thấy bài của chúng ta? Khốn kiếp! Từ món canh gà đến cuộc tìm kiếm khảo cổ học quan trọng! Có lẽ chúng ta nên gọi cho tờ National graphic hay đại loại thế. Ý anh là không phải chúng ta có nghĩa vụ với tờ Lands unknown về bài này. Chúng ta nên mang một số đồ gốm về làm chứng cứ, nhất định rồi.

- Em không đến đây đâu, - tôi kiên quyết nói.

- Được. Anh sẽ đi một mình.

Tôi muốn kêu lên, em cấm anh. Nhưng làm sao có thể nói thế? Tôi đâu còn quyền gì với thân thể anh, trí tuệ anh, tâm hồn anh. Quan ngó tôi và tôi muốn hét lên với chị: Đây là lỗi của chị! Chị và những câu chuyện chết tiệt của chị! Chị nhìn tôi, một cái nhìn của người chị đang bức mình, rồi vỗ cánh tay tôi, cố làm tôi dịu lại. Tôi giật tay ra.

Chị quay sang Simon:

- Đừng, Simon. Cậu không thể đi một mình.

Anh quay ngoắt lại:

- Chị bảo sao?

- Cậu không biết cái hang ấy ở đâu.

- Vâng, nhưng chị sẽ chỉ chỗ cho tôi. - Anh tuyên bố như một điều hiển nhiên.

- Không, không, Libby-ah nói đúng, quá nguy hiểm.

Simon gãi cổ. Tôi tưởng anh đang thu thập lý lẽ để đánh bại cả hai chúng tôi, nhưng anh nhún vai:

- Phải, có lẽ thế. Nhưng sao chúng ta không đi ngủ nhỉ?

Trên chiếc giường cưới, tôi nằm ở giữa, cứng đờ như Mẹ Lớn trong quan tài. Chân tay tôi đau như vì cổ không chạm vào Simon. Gần mười tháng nay, lần đầu tiên chúng tôi nằm chung giường. Anh mặc bộ đồ lót ấm bằng lụa. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy căng chân hoặc khe hông anh cọ vào đùi tôi, và tôi thân trọng né ra liền bị đầu gối hoặc những ngón chân của Quan đẩy lui. Tôi thầm nghĩ chị đẩy tôi đến với Simon.

Nhiều tiếng rên lạ lùng buột ra.

- Gì thế? - Tôi thì thảo.

- Anh không nghe thấy gì hết, - Simon trả lời. Thế là cả anh cũng thao thức.

Quan ngáp:

- Tiếng hát của hang đấy. Tôi đã kể rồi.

- Lúc này nghe như khác hẳn, giống tiếng người đang than thở.

Chị lăn nghiêng. Vài phút sau chị đã ngáy, và một lát sau, Simon cũng thở sâu. Thế là chỉ còn tôi, bị lén giữa hai người, lẻ loi, thao thức, đăm đăm nhìn vào bóng đêm, thấy lại những khoảnh khắc của hai mươi tư giờ qua: Chiếc xe tải lạnh giá chạy và chiếc áo trượt tuyết của Mẹ Lớn. Bánh Bao và Quan trong quan tài. Con gà giò tội nghiệp và vũ điệu giã chết của nó. Con chuột chết trong rượu vang, những nhà truyền giáo chết trong hang. Bộ mặt của Simon, vẻ háo hức của anh lúc nhìn các chóp núi rồng. Thật dễ thương, đặc biệt. Chúng tôi chẳng từng có những tình cảm cũ là gì? Có lẽ chúng tôi có thể thành bạn bè. Hoặc có khi chẳng là gì hết. Có khi chỉ là loại rượu vang ngâm chuột.

Tôi lật nghiêng và Simon lật theo cho tiện. Tôi nằm thẳng đờ như cái đĩa cho khỏi chạm vào anh. Song cơ thể không phải là thứ cứng nhắc và im lìm, trừ khi chết. Tôi thêm được uốn cong người tôi vào người anh cho thoải mái. Nhưng nếu tôi làm thế, anh sẽ tưởng tôi đã tha thứ cho anh. Hoặc thừa nhận tôi cần anh. Anh chếp môi và khụt khịt, những âm thanh riêng của anh mỗi khi anh ngủ say. Ngay sau đó, tôi cảm thấy hơi thở của anh như những sóng gợn trên cổ tôi.

Tôi thường tị anh ngủ ngon suốt đêm, không hề bị tiếng xe cứu thương, động đất, và lúc này đây là những tiếng sột soạt dai dẳng dưới giường quấy rầy. Hoặc giống tiếng cưa hơn? Đúng thế, đó là những cái răng nhọn như răng cưa của lũ chuột đang gặm chân giường, mài sắc răng nanh trước khi trèo lên đây.

- Simon, - tôi thì thảo. - Anh có nghe thấy gì không? Simon! - Rồi sau đó, y như những ngày xưa, anh vòng cánh tay quanh hông tôi và rúc mặt vào vai tôi. Ngay lập tức, tôi cứng đờ người. Anh có ngủ không? Anh làm thế theo bản năng? Tôi hơi ngọ nguậy hông xem anh có tỉnh và bỏ tay ra không. Anh rên rĩ. Có lẽ anh đang thử tôi.

Tôi nhắc tay anh khỏi hông tôi. Anh cựa quậy và nói, giọng ngái ngủ:

- Ừm, xin lỗi, - rồi gỡ mình và ngáy. Té ra cái ôm của anh chỉ là sự ngẫu nhiên trong lúc ngủ. Anh chẳng có ý gì hết. Họng tôi thắt lại, trái tim đau nhói.

Tôi nhớ sau những cuộc cãi vã, anh thường muốn âu yếm và làm tình, như thể sự kết hợp thân thể sẽ hàn gắn mọi rạn nứt giữa chúng tôi. Tôi không bằng lòng với giả thuyết mọi sự tốt đẹp sẽ kết thúc tốt đẹp. Song tôi chỉ hơi cưỡng lại khi anh nâng cằm tôi. Tôi kìm nổi giận và hơi thở lúc anh gặm môi, mũi và trán tôi. Tôi càng lúng túng, anh càng tranh thủ nhiều chỗ hơn: cổ tôi, núm vú tôi, đầu gối tôi. Tôi mặc kệ anh ta, không phải vì tôi yếu đuối và ham muốn sex, mà vì nó sẽ là thù hận, vượt quá cả sự chuộc lỗi và không cho phép chúng tôi có lấy một niềm hy vọng.

Tôi dự định sau này sẽ nói đến các việc đó. Để anh thấy sự tránh né là bình thường, còn tôi coi đó là lời cảnh báo. Sao chúng tôi lại không thể nói chuyện với nhau được nữa, trong khi bảo

vệ lãnh thổ riêng của mình, chúng tôi đã đánh mất nền tảng chung. Trước khi quá muộn, tôi muốn nói rằng dù tình yêu đã đưa chúng tôi đến với nhau lớn lao chừng nào đi nữa, nó đã thui chột và giờ đây cần bổ sung rất nhiều. Nhiều lần tôi đã sợ tình yêu của chúng tôi chưa bao giờ tràn ngập mà chỉ đủ cho vài năm, như thế không có nghĩa là sẽ kéo dài suốt đời. Chúng tôi đã nhầm phần được chia là vụ thu hoạch định kỳ. Chúng tôi là hai con người khát khao tình yêu phong phú nhưng quá mệt mỏi không nói ra lời, bị xích lại với nhau cho đến lúc thời gian trôi qua và chúng tôi bỏ quên cõi đời này, cả hai đều hy vọng mơ hồ mà thiếu ước mơ, chỉ như sự kết hợp ngẫu nhiên của trứng và tinh trùng, đực và cái, trước có nay đã mất rồi.

Tôi hay nghĩ thế khi anh cởi bỏ quần áo tôi, tôi phần nộ với thực tế anh coi sự trần truồng là quen thuộc. Tôi để anh vuốt ve mọi chỗ anh biết rõ nhất, chúng là thân thể tôi chứ không phải trái tim tôi. Tìm kiếm sự nhịp nhàng của tôi, anh bảo: “Thả lỏng nào, thoải mái đi, thoải mái đi, bớt căng thẳng, bớt căng thẳng nào”. Nếu tôi trườn ra là mọi việc hỏng hết. Tôi đành nhân nhượng nhịp điệu của tôi, của anh, của chúng tôi, yêu nhờ luyện tập, thói quen và phản xạ.

Trước kia, sau khi làm tình, tôi cảm thấy dễ chịu hơn, không còn hoang mang nữa. Tôi cố nhớ lại những lo âu - về kết quả và sự phong phú, về tình yêu thất bại và cái chết vô vọng - chúng không còn là những cảm nghĩ nữa mà chỉ là những ý niệm, ngớ ngẩn và tức cười.

Giờ đây cuộc hôn nhân của chúng tôi đang đi đến hồi kết, tôi hiểu tình yêu là gì. Đó là một thủ thuật của bộ não, tuyến thượng thận tiết ra endorphin. Nó tràn ngập các tế bào, truyền sự lo lắng và những cảm giác tốt hơn, dìm chết chúng bằng những niềm vui sinh hóa. Bạn có thể hiểu mọi cảm xúc này về tình yêu, song vẫn không cưỡng lại được, nó hấp dẫn như những cánh tay buông thả trong giấc ngủ dài.

19. MÁI VÒM

Tôi bật dậy vì những tiếng la hét - các cô gái bị cưỡng hiếp, bị giết hoặc cả hai! Tiếng Đỗ Lili quát:

- Gượng đã, gượng, chúng mày là đồ ăn tham.

Đàn lợn kêu ré càng to hơn lúc bà thủ thỉ:

- Ăn đi, ăn đi. Ăn cho chóng lớn.

Trước khi thư giãn, tôi ngộ ra một điều khó chịu. Trong đêm, cơ thể tôi chắc đã bị hút về nguồn ấm áp gần nhất là Simon. Nói chính xác hơn, móng tôi lúc này đang rúc vào vòm háng mềm dẻo của anh, và tôi nhận ra nó đang cương cứng vào lúc sáng sớm, trước kia chúng tôi thường trêu mếu gọi là “gà trống gáy”. Chỗ của Quan trên giường trống rỗng, sờ vào chỗ lõm đã mát lạnh. Chị bỏ lại chúng tôi lúc nào? Ô đúng, tôi biết chị làm gì mà, kẻ ném đá giấu tay. Còn Simon, anh ta có ngủ thật không? Hay đang cười thầm?

Sự thực tệ hại là tôi bị kích thích. Bất chấp mọi điều tôi nghĩ trong đêm trước, phần dưới người tôi ngứa ngáy rộn ràng, kiếm tìm hơi ấm và thèm muốn cọ xát. Phần còn lại khao khát được thoải mái. Tôi rửa mình: Mày có một cái hang ngu si khốn nạn! Chỉ số IQ hạng bét! Tôi trốn khỏi nỗi nguy và nhảy tót xuống giường, bên phía Quan. Simon cựa quậy. Rùn rẩy trong chiếc áo ngủ, tôi vội vã đến chân giường, nơi hôm qua tôi để hành lý. Nhiệt độ không khí chắc chưa đến tám độ C. Bàn tay tôi lùng sục tìm quần áo ấm.

Simon ngáp, ngồi dậy và vươn vai, rồi vén màn.

- Anh ngủ ngon quá, - anh nói mơ màng, - Còn em?

Tôi rút chiếc parka và quần lên vai. Chiếc áo cứng nhắc vì lạnh và kêu tanh tách. Rằng tôi lập cập lúc nói:

- Quanh đây có phòng tắm hoặc chậu tắm không nhỉ?

Mặt Simon có vẻ khoái trá. Anh ta ngờ điều gì chẳng?

- Có một nhà tắm công cộng cạnh lều vệ sinh, - anh nói. - Hôm qua, trong lúc em chụp ảnh anh đã kiểm tra rồi. Nó có vẻ mê hoặc của một suối nước khoáng. Dùng cho cả nam - nữ. Một máng nước, không chảy. Nhưng anh cho rằng từ nhiều năm nay không ai dùng. Nước đầy váng. Nếu em muốn tắm nước ấm, xách một xô nước nóng ra đấy.

Tôi đã sẵn sàng cho tin xấu, nhưng không phải là xấu đến mức lạ lùng này.

- Họ dùng một thứ nước tắm suốt ngày?

- Trông có vẻ là cả tuần. Chúa ơi, anh biết là ở Mỹ, chúng ta hoang phí kinh khủng.

- Anh cười gì thế? - Tôi hỏi.

- Cười em. Anh biết em bị sự sạch sẽ ám ảnh thế nào rồi.

- Không, em không.

-Ồ? Thế vì sao mỗi khi ở khách sạn, việc đầu tiên là em lột tuột khăn trải giường?

- Vì họ không thay thường xuyên.

- Vậy ư?

- Thế nên em không thích nằm lên trên một người da dẻ bong tróc và dịch trong người vừa khô.

- Á hà! Gác chuyện của anh lại. Giờ đến nhà tắm đi. Anh thách em đấy.

Trong giây lát, tôi cân nhắc cái gì xấu hơn, tắm trong thứ nước chung nhầy nhựa hay đợi hai tuần nữa đến phòng tắm hiện đại?

- Tất nhiên là em có thể đổ đầy nước vào chậu và tắm bằng bọt biển ngay tại đây. Anh có thể làm thẳng hầu xách nước cho em.

Tôi giả vờ không nghe thấy. Cơ má tôi gần như cứng lại vì cố không mỉm cười. Tôi rút ra hai chiếc quần bó, bỏ chiếc bằng cô tông mỏng, chọn chiếc Polarfleece và tiếc không mang theo nhiều hơn. Gợi ý của Simon là tốt, cả về miếng mút tắm. Hầu nước, ồ, một dịp béo bở. Tôi hình dung Simon là tên nô lệ Ai Cập, quấn váy bằng mảnh vải xoắn vặn, vẻ thèm khát khổ sở khi im lặng mức nước ấm dội lên vú tôi, bụng tôi, chân tôi. Tôi thật nhấn tâm, coi anh như một vôi tắm: Nóng hơn! Lạnh hơn! Nhanh lên!

- Nhân thế, - anh nói, cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi, - em lại nói mê trong lúc ngủ.

Tôi tránh cái nhìn của anh. Có người thì ngáy. Còn tôi nói mê, không lầm bầm mà nói những câu tròn vẹn, rõ ràng. Hàng đêm. Rành rọt. Đôi khi tôi giật mình tỉnh dậy. Simon nghe thấy tôi kể những câu đùa bậy bạ, gọi bữa ăn có ba món tráng miệng, hét gọi Quan bắt ma tránh tôi ra.

Simon nhếch một bên lông mày:

- Đêm qua, em đã tiết lộ nhiều thứ.

Chó thật. Tôi đã mơ cái quái gì nhỉ? Tôi hay nhớ những giấc mơ của mình. Sao lúc này tôi không thể nhớ ra? Có Simon trong mơ không? Chúng tôi có làm tình không?

- Mơ chẳng có nghĩa gì hết, - tôi nói. Tôi rút một chiếc áo ngủ ấm và cái áo nhung màu ve chai. - Chỉ là những thứ tạp nham, vô giá trị.

- Em không muốn biết điều em nói à?

- Không hẳn.

- Nó liên quan đến một thứ em thích làm.

Tôi ném mớ quần áo xuống và cắn nhai:

- Em không thích như anh tưởng đâu!

Simon nháy mắt hai lần, rồi cười phá.

- Ôi vâng, em thích mà! Vì em nói rằng: "Simon, gượm đã. Em không thanh toán khoản này đâu!". - Anh đợi năm giây cho câu này lắng xuống. - Em đang mua sắm. Thế em tưởng anh nói đến chuyện gì?

- Im đi. - Mặt tôi nóng bừng. Tôi thọc bàn tay vào vali và giận dữ vớ lấy đôi tất len. - Quay đi. Em muốn mặc quần áo.

- Anh đã nhìn em trần truồng cả ngàn lần rồi.

- Vâng, nhưng không có lần thứ một ngàn lẻ một. Quay đi.

Tôi quay lưng lại anh, vừa cởi phất chiếc parka và áo ngủ vừa thăm rửa mình đã bị anh đánh lừa. Anh nhử tôi! Tôi là đứa ngu, cứ coi là thế đi. Lẽ ra tôi nên biết anh lừa tôi. Lúc đó tôi cảm thấy một thứ nữa. Tôi quay ngoắt lại.

- Em không phải ầm ức thế. - Anh vẫn đang đỡ cái màn mỏng. - Trông em tuyệt lắm. Lúc nào cũng tuyệt. Anh chưa bao giờ chán nhìn ngắm em.

- Đầu anh tởm lắm!

- Thế ư! Chúng ta vẫn còn là vợ chồng mà!

Tôi cuộn một cái tất và ném anh. Anh chúi đầu, thả vôi cái màn - chắc phải một trăm tuổi - vì khi cái tất đập vào, púp! - một nắm màn bay vèo vào không khí.

Cả hai chúng tôi trở mắt nhìn chỗ hỏng. Tôi cảm thấy y như một đứa trẻ ném bóng chày làm vỡ cửa sổ nhà hàng xóm, run cả người.

- U ơ. - Tôi bịt miệng và cười rúc rích.

Simon lắc đầu:

- Hư quá.

- Tại anh đấy.

- Em định nói gì thế! Em ném bít tất chứ.

- Tại anh nhìn!

- Thì anh vẫn đang nhìn đây.

Tôi đứng đó, hoàn toàn trần truồng, lạnh cóng.

Tôi ném nốt chiếc tất kia vào anh, rồi chiếc quần bó, cái áo nhung, cái áo ngủ. Vớ một chiếc dép, tôi lao đến Simon, quật túi bụi vào lưng anh. Anh chớp lấy tay tôi, cả hai chúng tôi ngã lăn ra giường, chúng tôi đánh nhau và lăn tròn, phát và đẩy, thậm chí chịu vì có cơ để chạm vào nhau. Lúc cả hai mệt lử vì cuộc vui đùa này, chúng tôi nhìn vào mắt nhau, lặng lẽ, không cười, không biết nói gì nữa. Ngay tức khắc, cả hai chồm lên nhau như một cặp sói hòa hợp trở lại, kiểm tra những thứ thuộc về nhau: mùi da thịt, vị của lưỡi, sự mượt mà của tóc, vị mặn trên cổ, đường cong của sống lưng, những nếp nhăn chúng tôi biết rất rõ song vẫn thấy mới mẻ. Anh dịu dàng còn tôi hoang dại, rúc, cắn, cả hai chúng tôi lăn qua lăn lại cho đến khi mất hết mọi hồi nhớ về chúng tôi trước khoảnh khắc đó, vì trong lúc này chúng tôi y như nhau.

Lúc tôi bước ra sân, Quan tặng tôi một trong những cái cười thoải mái, ngây thơ nhưng thông cảm của chị.

- Libby-ah, sao em cười thế?

Tôi nhìn Simon.

- Trời không mưa, - tôi đáp. Dù Quan có là chị ruột của tôi hay không cũng không quan trọng, tôi mừng vì chị đã gợi ý chúng tôi đi Trung Quốc.

Trước mặt chị là cái va li mở, nhét đầy những thứ đồ dùng linh tinh. Theo lời Quan, Mẹ Lớn để lại những món quà này cho Đỗ Lili, tất cả trừ cái hộp âm nhạc bằng gỗ rung leng keng bài Nhà trên núi. Tôi lấy máy ảnh ra và bắt đầu chụp.

Quan cầm món đồ đầu tiên. Simon và tôi cúi xem. Đây là mô hình Roach Motel.

- Ở Mỹ, - chị giải thích với Đỗ Lili với vẻ mặt nghiêm trang, - người ta gọi cái này là nhà nghỉ cho gián. - Chị chỉ vào nhãn hiệu.

- Ái chà! - Đỗ Lili kêu to. - Người Mỹ giàu đến mức làm cả đồ chơi cho côn trùng! Xì! Xì! - Bà lắc đầu, miệng bà gấp lại khinh bỉ. - Tôi thuật lại với Simon lời bà nói.

- Đúng, người Mỹ còn nuôi gián bằng các thức ăn ngon. - Quan ngó vào trong cửa motel. - Đồ ăn ngon thế nên lũ gián chẳng bao giờ muốn bỏ đi. Chúng ở lại vĩnh viễn.

Đỗ Lili đập vào cánh tay Quan và giả vờ giận:

- Cô tệ lắm nhé! Cô tưởng tôi không biết đây là cái gì hả? - Rồi bà nói với tôi, giọng háo hức. - Dân Trung Quốc cũng có những thứ y như thế này. Chúng tôi dùng những mảnh tre, cắt giống thế này và tẩm đầy thứ nhựa cây ngọt. Chị cô với tôi đã cùng làm với nhau. Làng tôi còn tổ chức các cuộc thi xem ai diệt được nhiều ruồi, nhiều chuột, nhiều gián hơn. Chị cô được khen vì diệt gián giỏi nhất. Giờ cô ấy định chơi xỏ tôi đây mà.

Quan phô thêm những cửa quý, nhiều thứ trong đó rõ ràng mua ở cửa hàng đồ thể thao. Trước tiên là một cái ba lô.

- Đủ bền để mang cả gạch, có nhiều túi, ở bên, ở đáy, đây, đây nữa, nhìn xem. Mở như thế này này... ủa, cái gì đây? - Chị lôi ra một cái máy lọc nước cầm tay, một lò nướng bé tí, một túi sơ cứu nhỏ, một tấm nệm có thể bơm phồng, túi đựng rác, túi ngủ, và... - Chà! Không thể tin nổi! - còn nhiều thứ khác nữa: một hộp diêm không thấm nước, một bật lửa và một con dao Thụy Sĩ có cả tấm xĩa răng “rất tiện dụng”.

Quan trình trọng giải thích công dụng của từng món đồ.

Simon xem xét những thứ được cất kỹ.

- Lạ thật. Sao chị nghĩ ra đủ thứ này?

- Trong tạp chí, - Quan trả lời. - có nhiều bài về nạn động đất, nếu có trận lớn thì đây là những thứ cần để sống sót. Ở Xương Miên, không cần đợi động đất. Đã không có điện, không nước máy, không lò sưởi rồi.

Tiếp đó, Quan nhắc một chiếc hộp nhựa, loại dùng chứa các thứ tạp nham ở gầm giường, lấy ra găng làm vườn, đế lót giày, quần bó, khăn mặt, áo phông. Đỗ Lili kêu lên và thở dài, rồi than vãn rằng Mẹ Lớn chẳng sống đủ lâu mà hưởng những thứ xa xỉ này. Tôi chụp một bức ảnh Đỗ Lili cùng những thứ được thừa kế vây quanh. Bà đeo kính râm, đội mũ của đội Super Bowl thứ 49, chữ Champs khảm bằng thạch anh.

Sau bữa sáng đơn giản gồm cháo gạo đặc và ca la thầu, Quan lôi ra hàng đồng ảnh dẫn chứng cho cuộc sống ba mươi hai năm ở Mỹ của chị. Chị và Đỗ Lili ngồi trên ghế dài, mãi mê xem.

- Nhìn này, - Quan nói. - Đây là Libby-ah mới lên sáu. Trông kháu chưa? Có thấy chiếc áo len dài tay nó mặc không? Tôi đan trước khi rời Trung Quốc đấy.

- Những cô bé này là ai? - Đỗ Lili chỉ.

- Các bạn học của cô ấy.

- Sao họ lại bị phạt?

- Bị phạt? Họ đâu có bị phạt.

- Thế sao họ phải đội mũ lừa?

- A ha ha! Phải rồi, nom như họ đội mũ lừa của các phần tử phản cách mạng! Ở Mỹ, người nước ngoài đội mũ ống kỷ niệm sinh nhật, Năm Mới. Đây là tiệc mừng sinh nhật Libby-ah. Đây là phong tục phổ biến của người Mỹ. Các bạn học tặng quà, chẳng có thứ gì hữu ích, chỉ là những thứ xinh đẹp. Mẹ thường làm bánh ga tô, thả những ngọn nến trên bánh. Đưa trẻ thăm ước một điều gì đó, và nếu nó thối tất mọi ngọn nến một lần, điều ước sẽ thành hiện thực. Sau đó, bọn trẻ ăn bánh, uống nước ngọt, ăn kẹo, nhiều thứ ngọt cuộn lưỡi chúng đến nỗi chúng không thể nuốt được nữa.

Đỗ Lili tròn miệng không tin.

- Xì! Xì! Tiệc sinh nhật cho tất cả mọi người. Sự mê hoặc đơn giản cho một lời ước sinh nhật. Sao người Mỹ vẫn ước ao nhiều thế, trong khi họ có quá nhiều rồi? Với tôi, tôi chẳng cần tiệc sinh nhật gì ráo. Một lời ước cho hai chục năm là đủ...

Simon kéo tôi sang một bên.

- Chúng ta đi dạo đi.

- Đi đâu?

Anh dẫn tôi ra khỏi sân, rồi chỉ lên mái vòm giữa các quả núi, lối vào thung lũng tiếp theo.

Tôi ngoắc ngón tay gọi anh như một cô mẫu giáo.

- Simon, anh vẫn nghĩ đến cái hang ấy ư?

Anh trở lại về giả vờ tấn công:

- Anh¹? Tất nhiên là không. Anh chỉ nghĩ đi dạo cho thoáng thôi. Chúng ta có nhiều thứ cần nói.

- Ồ? Ví như? - Tôi bẽn lễn nói.

- Em thừa biết rồi. - Anh nắm tay tôi và tôi gọi với qua tường. - Quan! Simon và em đi dạo một lát.

- Đi đâu? - Chị đáp to.

- Loanh quanh thôi.

- Bao giờ về?

- Bất cứ khi nào.

- Biết giờ nào mà lo?

- Đừng lo. - Lúc đó tôi chợt nghĩ đến nơi chúng tôi có thể sẽ tới. Tôi nói thêm, - nếu hai giờ nữa bọn em không về, chị hãy gọi cảnh sát.

Tôi nghe thấy tiếng cầu nhàu vui vẻ với Đỗ Lili bằng tiếng Trung:

- Cô ấy bảo nếu họ bị lạc, hãy gọi điện cho cảnh sát. Điện thoại gì kia chứ? Chúng ta làm gì có điện thoại...

Chúng tôi đi lặng lẽ, tay trong tay. Tôi nghĩ đến điều nên nói. Tôi chắc Simon cũng thế. Tôi muốn hòa giải để mọi việc tự nó đầu vào đấy. Tôi muốn có một lời cam kết để thân thiết hơn, gần gũi về tâm hồn chứ không chỉ về thể xác. Thế là với những suy nghĩ vẫn-chưa-được-nói ra, chúng tôi nhằm hướng bức tường bằng đá tách Xương Miên khỏi thung lũng tiếp đó.

Chúng tôi lang thang qua nhiều ngõ hẻm kín đáo, đan kết các khu với nhau, chúng tôi xin lỗi các gia đình đang tò mò nhìn chúng tôi chằm chằm, rồi xin lỗi lần nữa khi họ chạy ra cửa, giờ những đồng xu để bán, những cái đĩa màu xanh mờ xỉn mà họ khẳng định ít nhất cũng năm trăm năm tuổi. Tôi chụp vài bức ảnh và hình dung chú thích phù hợp: "Cư dân Xương Miên nhìn trùng trùng những kẻ đột nhập". Chúng tôi ngó vào sân qua các cổng mở toang và thấy những ông già đang ho, hút thuốc lá quẩn, những người đàn bà trẻ bế con, gò má mồm mím của chúng ửng hồng vì rét. Chúng tôi đi qua một bà già vác bó củi to đặt thẳng bằng trên vai. Chúng tôi mỉm cười với bọn trẻ con, vài đứa bị hở vòm miệng hoặc chân bị tật, và tôi tự hỏi liệu đấy có phải là kết quả của sự giao phối giữa những người họ hàng gần không. Chúng tôi cùng nhìn ra điều này, hai kẻ xa lạ trong cùng một thế giới. Song chúng tôi vẫn nhìn nhận khác nhau, tôi nhăn mặt vì cảnh nghèo khổ, cuộc sống mà Quan đã từng và tôi cũng có thể trải qua. Còn Simon nhận xét:

- Em thấy không, họ thật may mắn.

- Anh định nói gì?

- Cộng đồng thì nhỏ, lịch sử các gia tộc gắn kết nhiều thế hệ, tập trung vào những điều cơ bản. Em cần một ngôi nhà, đã có bạn bè giúp làm cho ít gạch, chẳng cần bản khoản vì chuyện vay mượn. Sinh nở và chết, yêu đương và con cái, đồ ăn và ngủ, một căn nhà có phong cảnh, ý anh là em còn cần gì hơn nữa?

- Lò sưởi trung tâm.

- Anh đang nghiêm túc đây, Olivia. Đây là... ờ, đây là cuộc sống.

- Anh ủy mị quá. Đây là địa ngục, là sự tồn tại tối thiểu.

- Anh vẫn cho là họ may mắn.

- Dù họ không nghĩ thế?

Anh ngừng, rồi cong môi dưới như con chó bun:

- Ừ. - Giọng anh như muốn cãi nhau. Lúc đó tôi nghĩ: Liên quan gì đến mình kia chứ? Tại sao tôi phải leo thang thành cuộc chiến lương tâm, phải trái? Người dân ở đây chẳng quan tâm chúng tôi nghĩ gì. Thôi đi, tôi tự nhủ.

- Em cho là có thể hiểu ý kiến của anh, - tôi nói. Lúc Simon mỉm cười, cơn tức của tôi lại bùng lên.

Con đường mòn dẫn lên đồi. Lúc đi quanh đỉnh đồi, chúng tôi phát hiện hai cô bé và một cậu bé khoảng năm, sáu tuổi đang chơi trên đất. Xa hơn chỗ chúng khoảng mười mét là bức tường bằng đá cao và mái vòm, chắn tầm nhìn của chúng tôi. Bọn trẻ ngược nhìn, thận trọng và cảnh giác, mặt và quần áo của chúng lấm lem đầy bùn.

- Ni hau? - Simon nói giọng đặc Mỹ. - “Các cháu khỏe không?” là một trong vài câu tiếng Trung ít ỏi mà anh biết. Bọn trẻ con chưa kịp chú ý, tôi rút chiếc Leica ra bấm liền năm kiểu. Bọn trẻ cười khúc khích, rồi tiếp tục chơi. Cậu bé vỗ nhẹ những cái cuối cùng lên pháo đài bùn, vết các ngón tay cái của nó vẫn còn thấy rõ trên các bức tường và cổng. Một cô bé dùng các ngón tay nhỏ những lá cỏ nhỏ nhỏ. Cô bé khác khéo léo chuyển những lá cỏ xanh lợt thành mái một túp lều bé xíu. Vài con châu chấu màu nâu đang bò gần túp lều, là những cư dân bị giam giữ trong cái biệt khu công phu này.

- Bọn trẻ con khéo chưa kìa? - Tôi nói. - Chúng làm ra đồ chơi bằng tay không.

- Khéo léo và bẩn thỉu, - Simon trả lời. - Anh đùa thôi. Bọn chúng đáng yêu lắm. - Anh chỉ vào cô bé nhỏ hơn. - Cô bé kia trông giống em hồi lên sáu, trong bức ảnh sinh nhật.

Lúc chúng tôi đến gần mái vòm, bọn trẻ con nháy dưng lên:

- Các người đi đâu đấy? - Cậu bé cộc cằn nói bằng tiếng phổ thông, đúng kiểu trẻ con.

- Xem đằng kia có gì. - Tôi chỉ vào đường hầm. - Các cháu có muốn đi không? - Chúng chạy trước chúng tôi. Nhưng lúc đến lối vào, chúng quay nhìn chúng tôi. - Đi đi, - tôi bảo. - Các cháu đi trước đi. - Chúng không nhúc nhích, chỉ nghiêm trang lắc đầu.

- Ta cùng đi vậy nhé. - Tôi chìa tay ra cho cô bé. Nó lùi lại và đứng sau lưng cậu bé, cậu ta nói:

- Chúng cháu không thể.

Cô bé lớn hơn nói thêm:

- Chúng cháu sợ. - Cả ba đưa túm tụm, sát gần nhau hơn, những cặp mắt to của chúng nhìn trừng trừng vào mái vòm.

Sau khi tôi dịch cho Simon, anh bảo:

- Giờ anh sẽ đi qua đó. Nếu bọn trẻ không muốn đi cũng được. - Lúc anh bước vào mái vòm, bọn trẻ con kêu thét lên, chúng quay gót và bỏ chạy hết tốc lực. - Chuyện gì thế? - Tiếng Simon vang vang trong lối vào uốn tròn.

- Em không biết. - Mắt tôi vẫn dõi theo bọn trẻ con cho đến khi chúng khuất dạng sau đồi. - Có lẽ bọn chúng bị dọa không được nói chuyện với người lạ.

- Đi thôi, - anh gọi. - Em đợi gì nữa?

Tôi nhìn bức tường chạy dọc dãy núi. Không giống các bức tường bằng gạch bùn trong làng, chúng làm bằng những tảng đá lớn cắt gọn gàng. Tôi hình dung các công nhân từ trước đây rất lâu chuyên chở chúng đến nơi này. Có bao nhiêu người đã chết vì kiệt sức? Xác họ có dùng làm vữa như cách dùng xác các nhân công xây dựng Vạn lý Trường thành? Thực ra, trông nó giống như Vạn lý Trường thành thu nhỏ. Nhưng sao lại ở chốn này? Nó cũng được xây để ngăn chặn quân xâm lược Mông Cổ? Lúc xuyên qua mái vòm, mạch trên cổ tôi đập dồn dập. Đầu óc tôi bắt đầu bồng bênh. Tôi dừng lại ở giữa đường hầm và sờ lên tường. Đường hầm dài khoảng hơn mét rưỡi, cao mét rưỡi, giống một ngôi mộ. Tôi hình dung từng đoàn ma chiến binh đang đợi

chúng tôi ở phía bên kia.

Thay vào đó, tôi nhìn thấy một thung lũng nhỏ, bằng phẳng, một bên là bãi cỏ sũng nước, bên kia là cánh đồng tách rời, con đường mòn chúng tôi đi tiếp tục chạy thẳng xuống giữa như một dải băng màu nâu nhẵn nhụi. Hai bên sườn thung lũng là hàng chục quả núi hình đầu, nhỏ hơn hai quả núi trước mặt chúng tôi rất nhiều. Nó sẽ là một cảnh tượng điền viên lãng mạn hoàn mỹ, nếu không có thực tế là tôi không sao gạt khỏi tâm trí những bộ mặt sợ hãi của bọn trẻ. Simon đang bước xuống đồi.

- Anh có nghĩ là chúng mình vi phạm không? - Tôi nói. - Ý em là, có khi đây là tài sản riêng.

Anh nhìn tôi:

- Ở Trung Quốc ư? Em đùa đấy à? Em thừa biết người cộng sản không có gì. Tất cả đều là đất công.

- Em không nghĩ thế. Người ta có nhà riêng, thậm chí bây giờ có cả công việc làm ăn riêng.

- Thôi, đừng lo. Nếu chúng ta vi phạm, họ cũng không bắt đâu. Họ chỉ bảo đi đi và chúng ta đi ra. Thế thôi. Đi nào. Anh muốn thấy có gì trong thung lũng tiếp sau cái này.

Tôi vẫn đợi một nông dân giận dữ, giơ cuốc lên đuổi chúng tôi. Nhưng bãi cỏ xanh tươi vắng ngắt, cánh đồng im lìm. Hôm nay không phải ngày làm việc? Sao không có ai ở đây? Những bức tường cao ngất kia tại sao lại ở đây, nếu không ngăn chặn ai đó? Vì sao lại lặng ngắt như tờ thế này? Không một dấu hiệu của sự sống, thậm chí không có tiếng kêu chiêm chiếp của một con chim.

- Simon, hình như nó không phải là...

- Anh biết, chẳng có gì lạ, giống như các cánh đồng của một trang viên nước Anh, một cảnh trong *Howards End*².

Suốt một giờ, chúng tôi đi hết chiều dài thung lũng. Chúng tôi bắt đầu leo lên một quả đồi khác, dựng đứng hơn và nhiều đá hơn cái trước. Con đường hẹp dần thành một đường mòn lởm chởm có nhiều khúc ngoặt gấp. Tôi nhìn thấy bức tường và mái vòm thứ hai ở bên trên, chóp núi đá vôi trông giống một con san hô nhọn hoắt chìa thẳng lên từ đáy đại dương cổ xưa. Nhiều đám mây đen trôi nhanh trước mặt trời, không khí trở nên lạnh giá.

- Có lẽ chúng ta nên về, - tôi gợi ý. - Trông như trời sắp mưa.

- Để xem trên đỉnh núi đầu tiên có gì đã. - Không đợi tôi đồng ý, Simon trèo lên con đường mòn. Lúc chúng tôi đi hết con đường, tôi nghĩ đến câu chuyện của Quan về các nhà truyền giáo, cách dân làng nói họ bị bọn cướp giết chết. Biết đâu trong lời nói dối có cả sự thực. Trước khi rời khách sạn ở Quế Lâm - khi nào nhỉ? mới hôm qua thôi ư? - tôi vớ được tờ The China daily bằng tiếng Anh. Trên trang nhất đăng bản tin rằng tội ác dã man một thời vắng mặt ở Trung Quốc nay gia tăng, nhất là ở các địa điểm du lịch như Quế Lâm. Trong một làng chỉ vven vẹn hai trăm bảy mươi ba người, vài ngày trước có năm tên đàn ông bị xử bắn, một vì tội hiếp dâm, hai vì ăn cướp, hai giết người, tất cả phạm tội hồi năm ngoái. Năm tội ác dã man, năm vụ xử tử chỉ trong một ngôi làng bé tí! Công lý được thực thi cực nhanh: kết tội, nhận tội, bắn bỏ. Bài báo đó còn viết rằng làn sóng tội ác bắt nguồn từ "tư tưởng sa đọa và suy đồi của phương Tây". Trước khi kết án, một trong những tên côn đồ đó thú nhận rằng đầu óc hẩn thối rữa sau khi hẩn xem lậu một bộ phim Mỹ tên là Naked Gun 33. Tuy vậy, hẩn thề rằng hẩn vô tội, những tên cướp trên sườn đồi đã giết một du khách Nhật Bản và hẩn chỉ mắc tội mua cái đồng hồ Seiko ăn trộm của người phụ nữ đã chết. Nhớ lại bài tường thuật này, tôi điểm lại khả năng bị cướp của chúng tôi. Chiếc đồng hồ nhựa Casio của tôi là loại rẻ tiền. Dù vậy, biết đâu bọn cướp trên sườn đồi thèm những cái đồng hồ kỹ thuật số có gắn máy tính cỡ bằng móng ngón tay cái. Ớn Chúa, tôi đã để hộ chiếu ở nhà Mẹ Lớn. Tôi nghe đồn hộ chiếu đáng giá năm ngàn đôla Mỹ ở chợ đen. Bọn trộm sẵn sàng giết người để lấy.

- Hộ chiếu của anh đâu? - Tôi hỏi Simon.

- Đây. - Anh vỗ vào túi quần sau. - Sao vậy, em tưởng chúng ta gặp đội tuần tra biên giới hay gì nào?

- Cửa nợ, Simon! Anh không nên mang hộ chiếu theo!

- Sao không?

Chưa kịp trả lời, chúng tôi nghe thấy tiếng sột soạt trong bụi cây, tiếp theo là tiếng lóc cóc. Tôi hình dung bọn cướp trên lưng ngựa. Simon vẫn tiến lên trước.

- Simon! Quay lại đây.

- Gượm đã. - Anh rẽ, khuất tầm mắt. Rồi tôi nghe thấy anh kêu to:

- Này, kia kìa. Chà! Đợi đã... này, đợi đã!

Anh vừa trườn xuống con đường mòn, vừa hét: "Olivia, tránh ra...", anh đã bay vèo vào tôi mạnh đến nỗi tôi ngã sổng soài. Lúc nằm trên đất, tâm trí tôi như không lệ thuộc vào thể xác. Lạ lùng thay, tôi vẫn bình tĩnh và tỉnh táo. Mọi cảm giác của tôi như sắc bén hơn. Tôi kiểm tra chỗ u trên cẳng chân, tĩnh mạch trên xương bánh chè. Không đau. Không đau! Tôi hiểu không chút ngờ vực hoặc sợ hãi rằng cái chết đang quanh quẩn ở chỗ rẽ. Tôi đã đọc điều này trong các cuốn sách viết về lúc hấp hối, rằng dù hiểu như thế nào đi nữa, bạn vẫn không thể giải thích nổi vì sao. Những khoảnh khắc trôi qua thật chậm. Đây là cảnh hồi tưởng trong chớp mắt con người lúc hấp hối, và tôi ngạc nhiên thấy giây phút ấy kéo dài biết chừng nào. Hình như tôi có một lượng thời gian vô hạn để tổng kết những thứ quan trọng trong đời mình - tiếng cười, niềm vui bất ngờ, Simon... kể cả Simon. Còn nữa, tình yêu, sự tha thứ, sự thanh thản trong lòng, biết rằng tôi không để lại đằng sau bất cứ một rạn nứt hoặc nỗi ân hận lớn lao nào. Tôi cười: Ơn Chúa, tôi mặc đồ lót sạch, dù ở Trung Quốc ai để ý? Ơn Chúa, Simon đang bên cạnh tôi, tôi không lẻ loi trong khoảnh khắc kinh khủng song tuyệt vời này. Ơn Chúa, sau này anh sẽ ở bên tôi... dù ở Thiên đường hay ở Cõi Âm, bất cứ thứ gì đi nữa. Nếu quả thực có một thứ gì đó, nhờ... nhờ Elza ở đó thì sao? Liệu Simon có bay vào vòng tay thiên thần của ai đó không? Suy nghĩ của tôi không còn hoàn toàn sáng suốt hoặc đang lạnh lại nữa, giây phút cứ tích tắc theo nhịp độ thường ngày, và tôi bật dậy, tự nhủ, mẹ kiếp!

Đúng lúc đó những kẻ ám sát chúng tôi xuất hiện, một con bò cái và một con bê, giật mình vì tiếng thét của tôi, chúng đứng khựng lại.

- Có việc gì thế? - Simon hỏi.

Con bò cái kêu một tiếng moooooooo thật to. Nếu tự làm nhục mình mà chết, ắt tôi phải chết vì cú này. Lễ hiến linh thiêng liêng, trọng đại của tôi là một trò cười nhạo chính tôi. Còn tôi không sao cười nổi. Tôi thấy mình ngu hết chỗ nói. Tôi không còn tin vào sự sáng suốt, khả năng phán đoán của mình được nữa. Tôi biết mình cư xử kỳ cục lắm lắm, cố tìm trật tự trong hỗn độn, sáng tác ra những lập luận ghép nối với nhau, nếu không chúng sẽ còn rời rạc hơn nữa.

Con bò và con bê nháy cẳng đi khuất. Nhưng chúng tôi vừa trở lại con đường mòn, một thanh niên sai bước đi xuống, gậy cầm trong tay. Cậu ta mặc áo len cao cổ màu xám, sơmi trắng, quần jeans xanh, đi giày thể thao trắng, sạch sẽ.

- Hẳn cậu ta là người chăn bò, - Simon nói.

Bây giờ thì tôi thận trọng khi rút ra bất cứ giả định nào.

- Cũng có thể là một tên cướp, ta chỉ biết vậy.

Chúng tôi đứng tránh sang bên cho cậu ta đi qua. Nhưng khi đến trước mặt chúng tôi, cậu ta dừng lại. Tôi mong cậu ta hỏi một câu gì đó, song cậu ta cứ nín thinh. Vẻ mặt cậu ta nhợt nhợt, cái nhìn khắc nghiệt, soi mói, gần như phê phán.

- Ni hau! - Simon vẫy chào, dù cậu thanh niên đứng ngay trước chúng tôi.

Cậu ta vẫn im lặng. Cặp mắt lướt từ trên xuống dưới. Tôi bắt đầu bập bẹ bằng tiếng Trung:

- Những con bò kia của cậu? Chúng làm tôi sợ đến chết. Có lẽ cậu đã nghe thấy tiếng tôi hét... Chồng tôi và tôi, chúng tôi là người Mỹ, từ San Francisco. Cậu có biết chỗ ấy không? Có? Không?... Hiện giờ chúng tôi đang ở thăm bà dì của chị tôi ở Xứ Miên. Bà Lý Bần Bần.

Vẫn không có trả lời.

- Cậu biết bà ấy không? Thực ra, bà ấy chết rồi. Hôm qua, lúc bà chết chúng tôi chưa gặp. Thật đáng tiếc. Vì thế chúng tôi muốn làm một... à... - Tôi bối rối, không tìm ra từ “đám ma”, vì thế tôi nói, - làm một bữa tiệc cho bà, một bữa tiệc buồn. - Tôi cười căng thẳng, ngượng vì thứ tiếng Trung đặc giọng Mỹ của mình.

Cậu ta nhìn thẳng vào mắt tôi, chăm chú. Tôi thầm nói với cậu ta: Ái chà, chiều tướng hả, nếu cậu muốn chơi trò này, tôi cũng sẽ nhìn lại trừng trừng. Nhưng sau mười giây, tôi cụp mắt xuống.

- Anh chàng này muốn gì? - Simon hỏi. Tôi nhún vai. Người chăn bò này không giống những người khác tôi gặp ở Xứ Miên, họ có bàn tay thô ráp vì lạnh và tóc cắt tỉa lấy. Cậu ta nom bảnh bao, móng tay sạch sẽ. Trông cậu ta sang trọng một cách ngạo mạn. Nếu ở San Francisco, có thể cậu ta là tiến sĩ, là giảng viên đại học, một nhà thơ chính trị yếm thế. Ở đây cậu là người chăn bò, một người chăn bò phản đối chúng tôi vì những lý do khôn lường. Vì thế, tôi muốn thẳng, muốn làm cậu ta mỉm cười, để tin chắc mình không lộ bịch.

- Chúng tôi đang đi dạo, - tôi tiếp tục nói tiếng phổ thông. - Nhìn quanh một chút. Ở đây đẹp quá. Chúng tôi muốn xem giữa hai quả núi kia có gì. - Tôi chỉ lên mái vòm, phòng khi cậu ta không hiểu. Simon mỉm cười với cậu ta, rồi cúi xuống tôi:

- Hình như cậu ta không hiểu em nói gì. Ta đi tiếp nào.

Tôi khẳng khẳng:

- Như thế có được không? - Tôi nói với anh chàng chăn bò. - Chúng tôi có cần xin phép ai không? Nơi ấy có an toàn không? Cậu có thể khuyên chúng tôi điều gì? - Tôi ngạc nhiên thấy mình khéo léo đường ấy nhưng có lẽ không được đi quá bải cỏ ở Xứ Miên. Có lẽ cậu ta ghen tị với chúng tôi.

Dường như đọc được ý nghĩ của tôi, cậu ta cười mỉa.

- Đồ ngu, - cậu ta nói bằng tiếng Anh, phát âm rất chuẩn, rồi quay lưng đi xuống đường mòn. Chúng tôi chờ người không nói nên lời trong vài giây.

Simon bắt đầu bước đi.

- Kỳ quặc thật. Em nói gì với cậu ta?

- Em chẳng nói gì hết!

- Anh không buộc tội em nói gì sai. Nhưng em nói những gì?

- Em nói chúng ta đi dạo. Được chưa? Em hỏi chúng ta có cần xin phép ai không.

Chúng tôi lại lê bước lên đồi, không còn tay cầm tay nữa. Hai cuộc chạm trán lạ lùng, lần đầu với bọn trẻ con, lần này với người chăn bò làm bất cứ cuộc trò chuyện lãng mạn nào cũng thành vô vị. Tôi cố gạt chúng ra khỏi đầu nhưng e rằng không thể. Đây là một lời cảnh báo. Nó hiển hiện như ngửi thấy mùi khó chịu, biết rằng sẽ dẫn đến một thứ đã hỏng, đã chết, thối rữa.

Simon đặt tay lên eo tôi:

- Gì thế?

- Không sao. - Tôi những muốn giải bày tâm sự với anh, sợ rằng những hy vọng của chúng tôi không hợp nhau. Tôi đứng lại.

- Nghe thì có vẻ ngớ ngẩn, nhưng thực ra em đang tự hỏi đây có phải là điềm gở không.

- Là cái gì?

- Bọn trẻ con đã bảo chúng ta đừng đến đây...

- Chúng nói chúng không thể vào đây. Khác hẳn chứ.

- Anh chàng kia nữa. Cái kiểu cười thầm độc ác như thế cậu ta biết chúng ta không nên vào thung lũng kế tiếp, nhưng không nói ra.

- Cậu ta không cười ác. Chỉ cười thôi. Em y như Quan, hay liên kết hai sự ngẫu nhiên rồi kết luận sắc mùi mê tín.

Tôi nổi giận:

- Anh hỏi em nghĩ gì, và em kể anh nghe! Anh đừng phủ nhận mọi thứ em nói và biến em thành con ngố.

- Này, này, thôi nào. Anh xin lỗi... Anh chỉ thử làm em dịu lại. Giờ em muốn về chứ gì? Em hốt hoảng đến thế ư?

- Chúa ơi, em ghét khi anh nói thế!

- Ơ kìa! Anh có làm gì đâu!

- Hốt hoảng đến thế, - tôi nói gắt gỏng. - Anh chỉ nói thế về đàn bà và những con cún đang kêu ăng ẳng. Rất hạ cố.

- Anh không nghĩ thế.

- Anh không bao giờ miêu tả đàn ông là hốt hoảng.

- Thôi thôi, được rồi! Anh có lỗi. Em không hốt hoảng, em chỉ... chỉ bị kích động thôi! Được chưa? - Anh cười to. - Tươi tỉnh lên nào, Olivia. Có chuyện gì thế?

- Em chỉ... em lo lắng. Em lo nhớ chúng mình vi phạm, và em không muốn bị bắt gặp như những người Mỹ xấu chơi, liêu lĩnh thích gì làm nấy.

Anh vòng tay ôm tôi:

- Anh bảo này. Chúng mình sắp lên đến đỉnh. Chúng mình chỉ ngó một cái thật nhanh rồi trở về. Nếu gặp ai, chúng ta xin lỗi rồi rời đi. Lẽ tất nhiên, nếu em thực sự hốt hoảng, à, lo lắng...

- Thôi đi! - Tôi đẩy anh. - Anh đi đi. Em sẽ đuổi kịp.

Anh nhún vai, rồi sải bước trèo lên con đường mòn. Tôi đứng đó một lát, thầm rửa bản thân không nói điều mình cảm nhận. Nhưng tôi khó chịu thấy Simon không thể hiểu điều tôi muốn. Lẽ ra tôi không nên giải thích tường tận giống như một đòi hỏi, làm tôi thành một mẹ đàn bà cần nhằn cái kính cả ngày và anh ta là người tử tế phải chịu đựng suốt.

Lúc tôi leo tới đỉnh, Simon đã ở trong mái vòm thứ hai, gần giống hết cái thứ nhất, nhưng trông cổ kính hơn, hoặc có lẽ mòn vẹt hơn. Một phần tường bị sập, trông như thể không phải bị đổ nát dần dần, mà đúng hơn là do tác động đột ngột của đại bác hoặc súng hỏa mai.

- Olivia! - Simon gọi to từ phía đằng kia. - Lại đây. Em sẽ không tin nổi!

Tôi vội chạy tới, và lúc nhô khỏi mái vòm và nhìn xuống, tôi thấy một quang cảnh làm tôi vừa ớn lạnh vừa sững sờ, một nơi thần tiên tôi đã thấy trong những cơn ác mộng. Nó hoàn toàn không giống thung lũng bằng phẳng và ngập ánh mặt trời mà chúng tôi vừa đi qua. Nó là một khe núi sâu và hẹp, hình thành do những chấn động dữ dội, lở nhón như một cái giường chưa dọn, một tấm chăn phủ đầy rêu lộn xộn có những mảng ánh sáng và những túi đựng bóng tối, màu sắc nhạt nhòa của cảnh tranh tối tranh sáng triền miên.

Cái nhìn của Simon đờ ra vì háo hức.

- Tuyệt chưa?

Nhô lên đây đó là những ụ đá, cao bằng tầm người. Trông chúng như những đài kỷ niệm, như một đoàn quân hóa đá. Hoặc họ là bản sao Trung Quốc người vợ bằng muối của Lot³, những cây cột thể hiện sự mềm yếu của con người, những hài cốt hóa đá của những người bước vào nơi cấm kỵ và dám ngoảnh nhìn lại.

Simon chỉ:

- Nhìn những cái hang kia kìa! Chắc phải đến hàng trăm.

Ven tường, từ chân đến đỉnh núi có nhiều kẽ nứt và rãnh, lỗ thủng và hang. Trông chúng như những ngăn và thùng đựng của một nhà xác khổng lồ thời tiền sử.

- Thật không thể tin được! - Simon kêu lên. Tôi biết anh đang nghĩ đến cái hang trong câu chuyện của Quan. Anh đi xuống một con đường mòn, một cái rãnh thì đúng hơn, nhiều chỗ đặt chân lung lay dưới sức nặng của anh.

- Simon, em mệt rồi. Chân em bắt đầu đau.

Anh quay lại:

- Cứ đợi ở kia. Anh đi vòng vòng khoảng dăm phút thôi. Rồi chúng ta cùng về. Được không?

- Không hơn năm phút đấy! - Tôi hét. - Và đừng vào bất cứ cái hang nào nhé.

Anh đang trèo xuống rãnh. Cái gì làm anh không nhớ tới hiểm nguy vậy? Chắc là một trong những khác biệt về sinh học giữa đàn ông và đàn bà. Bộ não đàn bà dùng cho những chức năng cao hơn và tiến hoá hơn, chúng là nguyên nhân sự nhạy cảm, tính nhân đạo, sự lo toan của họ, trong khi đàn ông dựa vào bản năng nguyên thủy nhiều hơn. Nhìn thấy đá, rãnh. Nguy hiểm, ngửi hít, đi tìm. Rồi hút thuốc. Tôi phát tức vì tính bất cẩn của Simon. Và tôi cũng phải thừa nhận rằng tôi thấy sự bất chấp hiểm nguy và sự theo đuổi trò vui không tính đến hậu quả của anh vừa trẻ con vừa quyến rũ. Tôi nghĩ đến loại đàn ông tôi coi là hấp dẫn: họ là những người trèo Himalayas⁴, vượt qua những dòng sông trong rừng rậm đầy cá sấu. Không phải vì thế mà tôi coi họ là can đảm. Họ liều lĩnh, không thể đoán trước, khó tin đến phát tức. Nhưng giống như những làn sóng tinh nghịch và những ngôi sao băng, họ cũng gây ra bao xúc động cho cuộc đời, nếu không thì đời sẽ thông thường như nước thủy triều, đều đặn như hết ngày là đến đêm.

Tôi xem đồng hồ. Năm phút đang trôi qua. Rồi sau đó là mười, mười lăm, hai mươi phút. Simon ở chỗ quái nào vậy? Lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh lúc anh đang nhằm tới một nhóm các ụ đá. Anh đi ra sau một bụi cây, rồi tôi không thể theo dõi anh đi đâu nữa. Một giọt mưa rơi lên má tôi. Nhiều giọt khác bắn lên áo khoác của tôi. Trận mưa đổ xuống ngay tức thì.

- Simon! - Tôi gọi to. - Simon! - Tôi mong tiếng tôi vang thật lớn, nhưng nó bị tiếng mưa ào ào át đi. Tôi cúi xuống dưới mái vòm. Con mưa nhanh và mạnh làm thành một tấm rèm mờ mịt. Không khí sặc mùi kim loại, khoáng sản trôi khỏi đá. Đỉnh và các sườn đồi trở nên tăm tối, lấp lánh. Những dòng suối nước mưa chảy xuống sườn đồi, những dòng lạch nhỏ làm các tảng đá lung lay. Liệu đây có phải là một trận lũ chớp nhoáng không? Tôi nguyên rủa Simon làm tôi lo lắng vô cùng. Chỉ trong giây phút, nỗi lo lắng biến thành hoảng sợ. Tôi phải rời chỗ trú và đi tìm anh. Tôi kéo chiếc parka trùm đầu, dấn thân vào trận mưa như trút và tiến tới chỗ đường dốc.

Tôi hy vọng sự can đảm vị tha sẽ choán giữ và hướng dẫn tôi đi xuống. Lúc cúi nhìn hẻm núi tối mò, nỗi sợ tràn vào mạch máu tôi làm tay chân tôi tê dại. Cổ họng tôi thắt lại và tôi cầu xin thật to:

- Lạy Chúa, lạy Phật, lạy các chư vị thần linh, bất cứ ai lắng nghe. Hãy phù hộ cho anh ấy trở về ngay bây giờ. Con không thể chịu đựng hơn được nữa. Hãy làm cho anh ấy trở lại, và con hứa...

Mặt Simon lọt vào tầm nhìn. Tóc anh, áo khoác, quần jeans của anh ướt sũng, anh đứng đó, hỗn hển như một con cún muốn chơi trò tìm kiếm nữa. Lòng biết ơn của tôi biến thành giận dữ.

Chúng tôi chạy vào mái vòm. Simon cởi tuột áo khoác và vắt cánh tay áo, tạo thành một dòng chảy nhỏ trên mặt đất.

- Giờ chúng ta làm gì nào? - Tôi cần nhần.

- Sưởi ấm cho nhau, - rằng anh đánh lập cập. Anh dựa vào tường hầm, rồi kéo tôi vào sát người, lưng tôi áp vào ngực anh, cánh tay anh vòng quanh tôi. Bàn tay anh lạnh như băng. - Nào, thư giãn đi. - Anh nhẹ nhẹ đu đưa tôi. - Thế, thế tốt hơn.

Tôi thử nhớ lại cuộc làm tình buổi sáng, niềm vui bất ngờ, cảm xúc dâng trào cả hai chúng tôi đã có. Nhưng các cơ khắp người tôi bó chặt và co rút - hàm, ngực và trán. Tôi cảm thấy bị kiềm chế, ngột ngạt. Tôi tự hỏi, làm sao có thể thư giãn nổi? Sao tôi lại để mọi chuyện xảy ra như thế này? Cần phải hoàn toàn tin cậy mới làm thế chứ.

Lúc đó, một ý nghĩ xấu xa len vào đầu tôi: Từ khi ly thân, Simon có ngủ với những người đàn bà khác không? Đương nhiên là có! Đàn ông không thể thiếu sex vài ngày. Có lần - cách đây vài năm -, chúng tôi tình cờ đọc bảng câu hỏi thăm dò trong một tạp chí: "Hoạt động tình dục thầm kín của người tình của bạn", hay một thứ gì đại loại thế. Tôi đọc to câu hỏi đầu tiên cho Simon nghe: "Người tình của bạn thủ dâm bao nhiêu lần?". Lúc tôi thầm nghĩ "không bao giờ hoặc hãn hữu" thì Simon nói: "Ba hoặc bốn lần một tuần. Cái đó còn tùy".

- Tùy cái gì? - Tôi buột miệng. - Vào trời đẹp chắc?

- Buồn chán, hoặc bất cứ thứ gì, - anh trả lời. Còn tôi nghĩ, hai lần một tuần với tôi mà buồn chán ư?

Lúc này tôi tự hỏi, từ khi chúng tôi tan vỡ, anh đã buồn chán bao nhiêu người đàn bà?

Simon xoa bóp cổ tôi:

- Chúa ơi, chỗ này của em bó chặt rồi này. Em có cảm thấy không?

- Simon, sáng nay ấy, anh biết không?

- Hừm, rất thích.

- Nhưng anh không nghĩ chúng ta nên dùng bao cao su ư? - Tôi mong anh nói: "Để làm gì? Anh đang bắn trúng đích mà". Nhưng thay vào đó, anh nín thở. Các ngón tay anh ngừng xoa bóp. Rồi anh chà xát cánh tay tôi thật nhanh.

- Hừm. Ừ nhỉ. Anh cho là anh quên.

Mắt tôi dờ dại. Tôi cố thở bình tĩnh. Tôi sắp cần vặn anh. Nhưng tôi có thể hiểu bất cứ điều gì anh nói sau này. Ngoài ra, tôi cũng chẳng trong sạch gì. Tôi đã ngủ với Rick, viên giám đốc marketing đáng sợ, hay đúng hơn là chúng tôi dò dẫm, không bao giờ cần đến bao cao su khi nằm trên cái bàn ở đầu giường, vì "võ sĩ nhà nghề" - như người hẹn hò của tôi gọi cái của quý ẻo lả của anh ta, - thường đình công, chưa bao giờ làm được gì, anh ta cam đoan với tôi là chưa từng. Lẽ tất nhiên, tôi cảm thấy bị xúc phạm về mặt tình dục, nhất là sau khi tôi giả vờ thờ dài và rùng mình đúng lúc, cứ như bị kích thích ghê lắm.

Miệng Simon kề sát tai tôi. Hơi thở của anh nhắc tôi nhớ đến tiếng biển cả rì rào khi áp tai vào vỏ ốc anh vũ, một hồi ức giờ đây thành một vòng xoắn vô tận.

- Simon, về việc bao cao su ấy mà, anh thử nói anh đã ngủ với ai chưa?

Anh ngừng thở. Anh nhắc đầu khỏi tai tôi.

- Ờ, ờ, nếu có anh cũng không nhớ nữa. - Anh xiết chặt tôi. - Với lại, chẳng ý nghĩa gì. Chỉ có em thôi. - Anh vuốt tóc tôi.

- Còn họ? Họ là bao nhiêu người?

- Ừ... Trời ạ, anh không biết.

- Mười? Hai mươi?

Anh cười phá.

- Cho anh nghĩ nào.

- Ba? Bốn?

Anh nín lặng. Tôi nín lặng. Anh thở ra, hơi thay đổi tư thế.

- Hừm. Có lẽ đại loại thế.

- Nhưng là bao nhiêu? Ba hay bốn?

- Olivia, đừng nói đến chuyện này nữa. Nó chỉ làm em khó chịu thôi.

Tôi rút khỏi anh:

- Em khó chịu rồi đây. Anh ngủ với bốn người đàn bà khác mà sáng nay, anh còn chẳng thèm dùng một cái bao cao su khốn nạn! - Tôi đi sang phía đối diện của mái vòm và trừng trừng nhìn anh, vẻ dò hỏi, hăm dọa.

- Là ba. - Anh nhìn xuống chân. - Anh đều cẩn trọng. Anh không bị lây nhiễm gì đâu. Lần nào anh cũng dùng bao cao su.

- Lần nào! Biết bao nhiêu hộp rồi! Anh chỉ biết giữ cho anh mà không nghĩ đến em.

- Kìa Olivia. Thôi đi.

- Họ là ai? Em có biết người nào không? Kể cho em nghe. - Tôi nghĩ đến Verona, giám đốc nghệ thuật tự do, một người đàn bà chúng tôi thuê năm ngoái làm một dự án, người tôi vốn coi thường. Mọi thứ của cô ta đều giả, tên giả, lông mi giả, móng tay giả, ngực giả. Có lần tôi bảo Simon là ngực cô ta quá cân đối, khó mà tin là thật. Simon cười to và nói: "Chúng kêu lóc bóc y như đồ thật". Khi tôi hỏi vì sao anh biết, anh bảo mỗi khi cùng xem các thiết kế, cô ta cứ dựa sát vào anh và ép đầu vú vào cổ anh. "Sao anh không nói gì?" - Tôi hỏi. Anh bảo chỉ cần chú ý hơn đến thực tế là cô ta đang ra sức tán tỉnh sẽ hay hơn là phớt lờ nó đi, vì anh không làm gì hết.

- Một trong những người ấy là Verona? - Tôi ghì chặt cánh tay vào ngực, cổ không run. - Anh hé miệng rồi ngậm lại, cam chịu. - Anh đã ngủ với con chó cái ấy phải không?

- Anh không nói thế, là em nói.

Tôi nổi điên:

- Vậy hãy nói em nghe, họ là những ai? Là cô ả có bộ ngực kêu lóc bóc?

- Thôi đi Olivia. Thôi đi. Chuyện này có gì quan trọng với em nào? Nó chẳng có ý nghĩa gì hết.

- Nó có nghĩa rằng anh chưa bao giờ có ý định trở về với tôi hết! Nó có nghĩa là tôi không thể tin anh. Tôi chưa bao giờ có thể tin nổi anh. - Tôi nổi khùng, chìm đắm, và cần phải kéo Simon chìm xuống cùng tôi. - Tôi chưa bao giờ có ý nghĩa gì với anh hết! Tôi chỉ đánh lừa mình, tưởng mình là thế. Cả Quan cũng lừa anh bằng những mảnh lời ma quỷ ngớ ngẩn, cái buổi gọi hồn ấy. Nào, anh nhớ ra chưa? Elza đã nói những gì? Anh hãy quên cô ấy đi, hãy lo đến cuộc sống của mình. Anh có hiểu gì không? Quan bịa ra đấy. Chị ấy nói dối! Tôi đã nhờ chị ấy nói thế.

Simon cười khế.

- Olivia, em hành động thật điên rồ. Em tưởng anh tin cái trò gọi hồn vớ vẩn ấy à? Anh tưởng cả hai chúng ta làm vừa lòng Quan.

Tôi nức nở:

- Đúng, cười mãi... Chỉ có điều đây không phải trò đùa, Simon ạ, Elza ở đây thật! Tôi thề là cô ấy ở đây, tôi đã nhìn thấy cô ấy. Anh có biết cô ấy nói gì không? Quên cô ấy ừ? Ô không, mẹ

kiếp! Cô ấy van xin anh hãy quên tôi. Cô ấy bảo hãy đợi...

Simon vỗ bàn tay lên trán:

- Nhưng em không bao giờ từ bỏ, đúng không?

- Tôi từ bỏ? Anh mới không bao giờ từ bỏ cô ấy!

Mắt Simon nheo lại:

- Em muốn biết vấn đề thực sự là gì không? Em dùng Elza làm bung xung cho mọi thứ thiếu tự tin của em. Em đã làm cho cô ấy thành quan trọng trong đời em, hơn cả trong đời anh. Em chưa bao giờ biết cô ấy, nhưng em hướng mọi nghi ngờ bản thân vào cô ấy...

Tôi bật tai lại. Lúc anh vẫn tiếp tục chất những phân tích vô lý, giả hiệu lên tôi, tôi nặn óc tìm một vũ khí khác, một viên đạn cuối cùng, chí tử, trúng tim. Chính lúc đó tôi chợt nhớ ra tôi đã đọc trộm mấy bức thư Elza gửi Simon, những tên cung nạng, âu yếm của họ, những lời hứa thời thanh xuân của họ. Tôi quay sang anh:

- Anh tưởng em điên ư? Có lẽ là như thế, vì ngay lúc này em có thể nhìn thấy cô ấy! Phải, Elza! Cô ấy đang đứng ngay trước mặt anh. Cô ấy chỉ nói: “Thiên thần Buns, anh tưởng em không quan trọng sao?”. - Mặt Simon đông cứng lại. - “Anh hãy đợi nhé, chúng ta đã định trồng cây cùng nhau, mỗi năm một cây”.

Simon cố bịt miệng tôi. Tôi nhảy lùi lại.

- Anh không thấy sao? - Tôi lải nhải. - Cô ấy ở đây! Cô ấy trong đầu anh. Cô ấy trong tim anh! Cô ấy luôn ở đây, ngay bây giờ, tại cái nơi khốn nạn, ngớ ngẩn này, với bao điếm gở khốn nạn, ngớ ngẩn của cô ấy, bảo chúng ta phải chịu số phận bi đát, Simon, chúng ta bị kết tội!

Rốt cuộc, Simon có một vẻ mặt mà trước kia tôi chưa bao giờ thấy. Nó làm tôi sợ. Anh run bần. Những giọt nước chảy dài trên má anh - nước mưa hay nước mắt?

- Tại sao em làm thế này? - Anh gào lên.

Tôi quay người bỏ chạy khỏi mái vòm, lao vào trong mưa. Tôi chạy qua thung lũng, thở hổn hển, làm trái tim muốn vỡ. Lúc tôi về đến nhà Mẹ Lớn, mưa đã tạnh. Tôi đi qua sân, và Quan nhìn tôi, một trong những cái nhìn hiểu biết của chị:

- Libby-ah, ôi, Libby-ah, - chị rên lên. - Sao em khóc?

20. THUNG LŨNG TƯƠNG

Simon vẫn chưa về. Tôi nhìn đồng hồ. Một giờ nữa trôi qua. Tôi hình dung anh đang nổi đóa. Tốt thôi, cứ để anh chàng chết công ở đấy. Chưa đến buổi trưa. Tôi rút một cuốn sách bìa mềm và trèo lên giường. Giờ đây, chuyển đi Trung Quốc đã thất bại thảm hại. Simon sẽ phải ra đi. Như thế là khôn ngoan nhất. Song le, anh ta không biết tí tiếng Trung nào. Đây là làng của Quan, và chị là chị của tôi. Còn bài báo, tôi sẽ mang những ghi chép từ đây về, tìm người biên tập thành một bài hoàn chỉnh.

Quan gọi to đã đến giờ ăn trưa. Tôi thu hết bình tĩnh, sẵn sàng đối mặt với cuộc thẩm vấn kiểu Tàu. "Simon đâu?" - chị sẽ hỏi: "Ái dà, tại sao các em hay cãi nhau thế?". Quan đang trong phòng chính, đặt một bát bốc hơi nghi ngút lên bàn.

- Thấy chưa? Đậu phụ, mộc nhĩ, dưa góp. Em muốn chụp ảnh không? - Tôi chẳng muốn ăn, cũng chẳng thiết chụp ảnh. Đỗ Lili bưng bả vào phòng, bưng nồi cơm và ba cái bát. Chúng tôi bắt đầu ăn, hay đúng hơn là họ ăn, hăm hờ, phê phán.

- Lúc đầu nhạt quá, - Quan phàn nàn. - Giờ lại mặn quá. - Đây có phải là lời úp mở về Simon và tôi không? Vài phút sau, chị bảo tôi, - Sáng nay trời nắng to, thế mà bây giờ lại mưa kìa. - Chị ví von cuộc cãi vã của tôi với Simon? Nhưng suốt bữa ăn, chị và Đỗ Lili không hề nhắc đến tên anh. Thay vào đó, họ nói chuyện thân mật về người làng, về những cuộc cưới hỏi và bệnh tật, những thảm kịch bất ngờ và kết cục vui vẻ trong ba chục năm qua, tôi không hề quan tâm đến mọi chuyện đó. Tai tôi mãi ngóng ra cổng, đợi tiếng cót két và đóng sầm của Simon trở về. Tôi chỉ nghe thấy tiếng mưa rơi, lộp độp vô nghĩa.

Ăn xong, Quan nói chị và Đỗ Lili đến hội trường xã thăm Mẹ Lớn. Tôi có muốn đi cùng không? Tôi hình dung Simon về đến nhà, tìm tôi, anh càng khó chịu, lo lắng, thậm chí điên rồ hơn. Khốn kiếp, anh sẽ không lo mà là tôi.

- Em nghĩ là em sẽ ở nhà, - tôi bảo Quan. - Em sắp xếp lại các phụ tùng máy ảnh và các ghi chép ít lâu nay.

- Thôi được, khi nào làm xong, em đi thăm Mẹ Lớn nhé. Lần cuối cùng mà. Ngày mai chúng ta sẽ làm đám ma.

Cuối cùng, khi chỉ còn một mình, tôi phân loại phim, kiểm tra độ ẩm. Thời tiết này thật tệ! Ấm ướt và giá buốt dù mặc tới bốn lớp quần áo, tôi vẫn cảm thấy da lạnh và ẩm, ngón chân tê cóng. Sao tôi lại ưu tiên những thứ lộn lạo hơn quần áo ẩm?

Trước khi đi Trung Quốc, Simon và tôi đã bàn nên mang những gì. Tôi đóng một va li to, một chăn lông vịt, một túi đựng máy. Simon nói anh chỉ có hai vali xách tay, và giấu tôi:

- Nay, đừng nhờ anh kéo lê đồng đồ đồng nát thừa của em đấy nhé.

Tôi đập lại:

- Ai nhờ anh?

Anh trả đũa bằng câu chế nhạo nữa:

- Em không nhờ mà mong.

Sau nhận xét đó, tôi quyết không để Simon giúp tôi dù anh có năn nỉ. Giống nhà thám hiểm đầu tiên đối mặt với đàn bò đực và một sa mạc phải vượt qua, tôi làm bản kiểm kê hành lý của mình lâu và chi li. Tôi quyết định giảm hành lý xuống mức tự cung tự cấp: một vali kéo có bánh xe và một túi đựng máy ảnh. Tôi loại ra mọi thứ không cần thiết lắm. Bỏ đầu đĩa xách tay, các CD, kem tẩy da chết, nước se da, kem trẻ hóa da, máy sấy tóc và dầu dưỡng tóc, hai quần chèn và áo tunic hợp bộ, một nửa đồ lót và bút tất, vài cuốn tiểu thuyết tôi định đọc trong mười năm qua, một túi mận khô, hai trong ba cuộn giấy vệ sinh, một đôi ủng nhàn và buồn nhất là một áo vét màu đỏ thắm. Quyết đến một nơi định sẵn, tôi dự đoán thời tiết nhiệt đới, mong có một

đêm đặc biệt được xem kịch hát Trung Quốc, mà không hề hỏi nơi đó có điện không.

Thế là lúc này tôi bức bối nhìn đồ đạc trong cái va li nhỏ xíu gồm hai sơ mi lụa không tay, cái quần soóc vải bố, nôi hấp quần áo, đôi xăng đan, áo bơi và một áo cộc tay màu hồng. Buổi xem nhạc kịch duy nhất để tôi mặc nó là chương trình diễn ra trên mảnh sân bé tí của tôi. Ít ra tôi còn có một áo bludông không thấm nước. An ủi thì nhỏ nhoi, ân hận lại quá lớn. Tôi thêm một chiếc áo khoác theo kiểu một người trôi giạt trong biển cả thêm nước ngọt đến khốn khổ. Nó sẽ đem lại hơi ấm cho tôi! Cái thời tiết tệ hại này! Simon thoải mái và ấm áp trong chiếc áo khoác của anh...

Chiếc áo khoác của Simon đã ướt sũng và vô dụng. Trước lúc bỏ đi, tôi tưởng anh run vì giận. Giờ tôi băn khoăn. Ôi lạy Chúa! Đây có phải là dấu hiệu mất nhiệt không? Một hồi ức mơ hồ về lạnh và giận thoáng qua tâm trí tôi. Khoảng dăm, sáu năm trước thì phải?

Lần ấy, tôi đang chụp ảnh trong phòng cấp cứu, nơi vốn là nguồn ấn tượng cho báo cáo hàng năm của bệnh viện. Một tốp y công đẩy xe chở một người đàn bà ăn mặc tiêu tụy, nặc mùi nước tiểu vào. Bà ta nói năng líu nhíu, than vãn là bị cháy sạch sành sanh và phải bỏ chiếc áo khoác lông chồn bà không hề có. Tôi đoán rằng bà ta say rượu hoặc đang say ma túy. Rồi bà ta bắt đầu co giật.

- Máy khử rung tim! - Có người kêu to. Sau này tôi hỏi một y tá là nên chú thích ảnh ra sao - Bị đau tim? Say rượu? Người y tá giận dữ nói:

- Cứ ghi bà ta chết vào tháng Giêng. - Thấy tôi không hiểu, anh ta nói. - Bây giờ là tháng Giêng. Trời rất lạnh. Bà ta chết vì giảm thân nhiệt, giống như sáu người vô gia cư khác trong tháng này.

Việc đó không thể xảy ra với Simon. Anh khỏe mạnh. Anh luôn luôn quá ấm áp. Anh thường hạ cửa xe ô tô trong lúc những người khác rét cóng mà không buồn hỏi. Anh hay thiếu chu đáo như thế. Anh bắt mọi người phải đợi. Anh chẳng để ý là họ có thể lo lắng. Anh sẽ có mặt ở đây bất cứ phút nào. Anh sẽ đến với cái cười toe toét như chọc tức của riêng anh, và tôi sẽ thấy mình ngu ngốc vì lo âu vô lý.

Sau năm phút cố thuyết phục mình đủ lý lẽ, tôi chạy đến hội trường xã tìm Quan.

Trong đường hầm của mái vòm thứ hai, Quan và tôi tìm thấy cái áo khoác của Simon trên mặt đất, nhàu nát như một cái xác gãy vỡ. Hãy thôi thút thít đi, tôi tự nhủ. Khóc lóc có nghĩa là mỉa mai việc xấu nhất đã xảy ra.

Tôi đứng ở đầu gờ vào hẻm núi và nhìn xuống, tìm kiếm một thoáng động đậy. Hàng loạt cảnh khác nhau lướt trong đầu tôi. Simon giờ đang mê sảng, ăn mặc nửa vời lang thang trong hẻm núi. Những tảng đá lăn từ đỉnh núi xuống. Cậu thanh niên giờ không phải là người chăn bò mà là một tên cướp hiện đại, ăn trộm hộ chiếu của Simon. Tôi buột miệng nói với Quan:

- Bọn em gặp mấy đứa trẻ con, chúng nó la hét ngăn bọn em. Sau đó một cậu với mấy con bò gọi chúng em là đồ ngu... Em rất hoảng. Em hơi cáu, còn Simon thì... anh ấy cố tỏ ra dễ thương nhưng sau đó như hóa điên. Ờ, em nói gì nhỉ, ý em không phải thế. - Trong đường hầm kín đáo, lời lẽ của tôi vang vang vừa như xưng tội vừa không thành thật.

Quan buồn bã, lặng lẽ lắng nghe. Chị không nói gì giảm nhẹ mặc cảm tội lỗi của tôi. Chị không trả lời với vẻ lạc quan giả dối là mọi sự sẽ tốt đẹp. Chị kéo khóa cái ba lô mà Đỗ Lili một mực bắt mang theo. Chị trải một tấm choàng lên mặt đất, thối phồng tấm nệm, sắp xếp cái lò nhỏ nhỏ dùng đi cắm trại và bình nhiên liệu dự phòng.

- Nếu Simon trở về nhà Mẹ Lớn, - chị suy luận bằng tiếng Trung. - Đỗ Lili sẽ cử người đến báo cho chúng ta. Nếu cậu ấy trở lại nơi này, em sẽ ở đây giúp cậu ấy sưởi ấm. - Chị xòe ô.

- Còn chị đi đâu?

- Nhìn quanh một cái, vậy thôi.

- Nhớ anh ấy bị lạc?

- *Meiyou wenti*. Đừng lo, - chị bảo tôi. - Đây là ngôi nhà hồi bé của chị. Chị biết từng tảng đá, từng khúc ngoặt, từng chỗ rẽ như những người bạn thân. - Chị bước ra, dẫn thân vào màn mưa phùn.

Tôi gọi với:

- Chị đi bao lâu?

- Không lâu đâu. Có lẽ khoảng một giờ, không hơn.

Tôi nhìn đồng hồ. Gần bốn rưỡi. Khoảng năm rưỡi, nửa giờ vàng sẽ đến, nhưng lúc này bóng chiều chạng vạng làm tôi sợ hãi. Đến sáu giờ sẽ quá tối để đi.

Chị đi rồi, tôi đi tới đi lui giữa hai đầu mái vòm. Tôi nhìn phía bên này chẳng thấy gì, rồi lặp lại với phía bên kia. Anh sắp chết mất, Simon. Đây là định mệnh. Tôi nghĩ đến những người gặp bao điều kỳ lạ. Một người trượt tuyết ở Squaw Valley² bị lạc đã đào một cái hang trong tuyết, ba ngày sau được cứu sống. Nhà thám hiểm bị kẹt trên một tảng băng trôi - có phải là John Muir³ không? - đã nhảy lò cò suốt đêm dài và sống sót. Và lẽ tất nhiên cả câu chuyện của Jack London kể về một người đàn ông gặp bão tuyết đã gây được đồng lửa bằng các cành cây ướt. Nhưng lúc đó những kết cục khác đến trong đầu tôi: một tảng tuyết từ cành cây trượt xuống dập tắt mọi hy vọng của anh ở bên dưới. Rồi một kết cục khác đến trong đầu tôi: một người trượt tuyết vấp rơi vào một cái cây, sáng hôm sau tìm thấy đã chết. Một người đi săn một hôm nào đó ngồi chết trên biên giới Ý-Áo và không được phát hiện, cho đến hàng ngàn năm sau tuyết tan.

Tôi cố suy ngẫm để phác ra những ý kiến phủ định: lòng bàn tay mở, trí tuệ mở. Nhưng tôi chỉ có thể nghĩ sao các ngón tay tôi lạnh đến thế. Simon có lạnh thế không?

Tôi tưởng tượng mình là Simon, đứng trong cái mái vòm này, tức điên vì cuộc cãi vã của chúng tôi, cơ bắp căng thẳng, muốn lao vào bất cứ hướng nguy hiểm nào. Trước kia tôi đã thấy chuyện đó xảy ra. Khi biết tin anh bạn Eric của chúng tôi chết ở Việt Nam, Simon đã đi lang thang một mình rồi kết cục bị lạc trong khu rừng khuynh diệp ở Presidio. Một việc tương tự đã xảy ra khi chúng tôi đến thăm vài người bạn của bạn bè ở nông thôn, một người kể những chuyện vui về phân biệt chủng tộc. Simon đứng phắt dậy, tuyên bố anh chàng kia có cái đầu bậy bạ. Lúc đó tôi rất cáu vì anh gây nên chuyện cãi vã và bỏ tôi lại giải quyết hậu quả. Nhưng bây giờ, nhớ lại lúc đó, tôi buồn rầu mà thán phục anh.

Mưa đã tạnh. Chắc anh phải nhìn thấy chứ. "Này, - tôi hình dung anh bảo. - Chúng mình ghi lại những tảng đá này nhé". Tôi bước ra ngoài gờ, nhìn xuống. Anh sẽ không thấy cách tôi cúi đến lộn ruột lộn gan này. Anh sẽ không thấy hàng trăm cách đập vỡ sợ anh. Anh chỉ đi xuống con đường mòn. Tôi cũng xuống. Simon có đi đường này không? Xuống khoảng nửa chừng, tôi ngoảnh nhìn lại rồi rẽ. Không có đường khác vào nơi này, trừ khi anh lao qua gờ và rơi qua hơn hai chục mét xuống đáy. Simon không muốn tự tử, tôi thầm nghĩ. Hơn nữa, những người tự tử hay nói đến việc này trước khi thực hiện. Tôi nhớ đã đọc trong Chronicle về một người đàn ông đỗ chiếc Range Rover mới tinh trên cầu Golden Gate trong giờ cao điểm, rồi lao qua thành cầu. Như thường lệ, bạn bè anh ta tỏ ra sững sốt và không tin. "Tuần trước tôi vừa gặp anh ấy ở câu lạc bộ sức khỏe", một người được báo nói thế. "Anh ấy còn bảo tôi anh ta giữ vững hai ngàn cổ phiếu Intel giá mười hai, nay bán với giá bảy mươi tám. Anh ta đang nói đến tương lai kia mà".

Xuống đến đáy khe, tôi kiểm tra bầu trời theo lượng ánh sáng còn sót lại. Tôi nhìn thấy những con chim màu sẫm rung rinh như lũ bướm đêm, chúng rơi đột ngột rồi lại vỗ cánh bay vút lên. Chúng rít lên the thé, âm thanh của những con vật hoảng sợ. Những con dơi! Hẳn là chúng vừa thoát khỏi một cái hang, nay bay ra ngoài lúc chạng vạng là giờ của các côn trùng. Trước kia ở Mexico tôi đã nhìn thấy dơi, người hầu phòng gọi chúng là mariposas, những con bướm đêm, chúng không sợ gì du khách. Hồi đó tôi không sợ chúng, và bây giờ cũng không. Chúng là vật báo hiệu cho hy vọng, được chào đón như chim bồ câu ngậm cành lá bay đến thuyền Noah⁴. Sự cứu rỗi ở rất gần. Simon cũng ở gần đây. Có lẽ đàn dơi ướt sũng vì Simon

bước vào hang và phá giấc ngủ treo ngược thân của chúng.

Tôi đi theo con đường mòn ngoằn ngoèo, mấp mô, cố nhìn xem lũ dơi từ đâu đến, chúng trở về chỗ nào. Tôi trượt chân và bị treo mắt cá. Tôi tập tễnh leo lên một tảng đá và ngồi xuống.

- Simon! - Tôi mong tiếng gọi của tôi vang vọng như trong một khán đài vòng. Nhưng tiếng kêu của tôi bị khe núi sâu hoắm hút hết.

Rốt cuộc tôi không còn lạnh nữa. Gió khó mà lọt tới đây. Không khí nơi đây tĩnh lặng, nặng nề, gần như ngột ngạt. Lạ thật. Không phải là gió thổi nhanh hơn chứ? Có phải đây chính là Chiều J mà Simon và tôi đã đọc trong cuốn sách mỏng đó, chính là hiệu ứng Bernoulli chống lại hiện tượng Manhattan hóa, hàng rừng những ngôi nhà chọc trời tạo thành các ống gió, vì khối lượng nhỏ hơn của không khí đi qua làm giảm áp suất và tăng tốc độ, - hay làm tăng áp suất nhỉ?

Tôi ngược nhìn mây. Mây chuyển động thành luồng. Chắc chắn là gió thổi ngược lên trên. Càng quan sát kỹ, mặt đất như càng lung lay, giống đáy của dụng cụ ly tâm vắt nước rau. Lúc này, đỉnh núi, cây cối, những tảng đá mòn trở nên đồ sộ, to gấp mười lần một phút trước. Tôi đứng dậy và đi, lần này đặt chân thận trọng. Dù mặt đất có vẻ bằng phẳng, hình như tôi đang trèo lên một đường dốc đứng. Hình như có một lực đẩy bật tôi lại. Đây là một trong nhiều nơi trên trái đất mà các thuộc tính thông thường về trọng lượng, mật độ, âm lượng và vận tốc bị nhiễu loạn? Tôi túm lấy những kẽ nứt của một đồng đá và cố hết sức đứng dậy, tôi chắc một mạch máu trong đầu tôi sẽ vỡ tung.

Sau đó tôi thở không ra hơi. Tôi đang đứng trên một cái gờ. Bên dưới là khoảng sáu mét dốc ngược đột ngột, như thể trái đất đổ sụp tựa món trứng rán phồng, tạo ra một chỗ đất sụt khổng lồ. Trái dài lên các quả núi ở phía bên kia khe nứt là một bãi đất hoang mấp mô như cái gối cắm kim, đầy những thứ tôi đã nhìn thấy lúc trước - những ụ đá hình tháp, hoặc là những đài kỷ niệm. Nó giống một khu rừng cây cháy trụi hóa đá hoặc giống một khu vườn bí mật đầy những mảng đá trước kia là một cái hang. Một ngôi sao băng rơi ở đây chăng? Đây chính là Thung lũng Bóng tối Tử thần.

Tôi đi tới một trong những vật tạo thành và đi vòng quanh nó như một con chó, rồi lại đi vòng quanh lần nữa, cố cảm nhận. Dù là gì đi nữa, chắc chắn nó không thể mọc ra một cách tự nhiên. Có người đã chủ tâm xếp các tảng đá này trông không hề thẳng bằng ở nhiều góc độ. Vậy sao các tảng đá không đổ? Nhiều tảng đá mòn lớn đầu vắt vẻo ở các điểm thành các hình tháp nhỏ. Nhiều tảng đá khác ngất ngểu ở những vị trí kích thước không hòa hợp, dường như chúng là các mặt sắt bám trên thanh nam châm. Có thể coi chúng là nghệ thuật hiện đại, những công trình điêu khắc các ngọn đèn và giá treo mũ, được trù tính chính xác tạo cho chúng một dáng vẻ phóng khoáng. Trên một đồng đá cao nhất trông giống một quả bóng gỗ méo mó, có những cái lỗ làm ta liên tưởng đến các hốc mắt và cái miệng đang kêu thét, giống con người trong tranh của Edvard Munch⁵. Tôi thấy các ụ đá khác cũng có nhiều nét tương tự. Những ụ đá này làm từ bao giờ? Ai làm và tại sao? Simon muốn xuống đây cũng chẳng có gì lạ. Anh đã trở lại để khám phá thêm. Lúc tôi đi tiếp, sự tập hợp lạ lùng các tảng đá này ngày càng giống các nạn nhân của Pompeii⁶, Hiroshima⁷ và Apocalypse⁸. Tôi bị cả một đội quân tượng đá vôi vây quanh, những thân hình mọc lên từ các tàn tích hóa thạch của các sinh vật biển cổ xưa.

Một mùi ẩm ướt, mốc meo đập vào mũi tôi và nổi hoảng sợ dâng lên trong họng tôi. Tôi nhìn quanh tìm dấu hiệu thối rữa. Trước đó tôi cũng đã ngửi thấy mùi hôi thối này. Nhưng ở đâu? Khi nào? Nó quen thuộc, tràn ngập, làm khứu giác đâm nhảm. Hay có khi đây là bản năng, giống như thú vật nhận biết mùi khói từ đồng lửa, và lửa sẽ dẫn đến nguy hiểm. Mùi này cứ vương vấn trong não tôi như một hồi ức thuộc bản năng, như chất lỏng động của nỗi sợ và nỗi buồn quận thắt ruột gan, nhưng rõ lý do.

Tôi vội vã đi qua một ụ đá khác. Nhưng vai tôi chạm vào phần gờ nhô ra và tôi hét lên khi cả đồng đổ sụp. Tôi nhìn trừng trừng vào đồng đổ nát. Tôi đã hủy hoại điều kỳ diệu của ai đây? Tôi có cảm giác khó chịu là tôi đã phá hủy một câu thần chú và những biến dạng này sẽ sớm gây ảnh hưởng và tiếp nối. Mái vòm ở đâu nhỉ? Lúc này dường như có nhiều ụ đá hơn - chúng

đã nhân gặp bội chẳng? - còn tôi phải len qua mê cung này, chân tôi đi về một hướng, tâm trí tôi lại bảo nên đi theo hướng khác. Simon sẽ làm gì đây? Mỗi khi tôi ngập ngừng trước khi thực hiện một kỳ công về thể chất, anh lớn tiếng lập luận, khẳng định với tôi rằng tôi có thể chạy thêm nửa dặm nữa, hoặc đi bộ đến quả đồi tiếp đó hay bơi đến tận bến cảng. Trước kia, đã nhiều lần tôi tin anh, và cảm kích vì anh tin tôi.

Tôi tưởng tượng lúc này Simon giục tôi:

- Tiến lên nào, cô Hướng đạo sinh, nhúc nhích cái mông lên nào. - Tôi tìm bức tường đá để định hướng chỗ mái vòm. Nhưng không thấy gì hết. Tôi chỉ thấy sự thay đổi của những cái bóng sáng như nhau. Tôi nhớ lại những lần tôi cẩu Simon vì đã nghe anh và thất bại. Tôi rửa anh sau khi tôi thử trượt patanh và ngã đập mông. Tôi kêu la vì ba lô quá nặng.

Tôi ngồi trên đất, cúi tiết, rên rỉ. Mẹ kiếp, tôi phải gọi một chiếc taxi. Trông tôi mới thờ thẩn làm sao. Tôi có thực lòng tin rằng tôi có thể giơ hai tay lên vẫy taxi và ra khỏi mớ hỗn độn này? Tôi cố tích trữ niềm vui nội tâm - tôi có sẵn sàng trả tiền taxi không? Sao không phải là một chiếc limo? Ất hẳn tôi mất trí rồi!

- Simon! Quan! - Nghe thấy sự hoảng hốt trong giọng nói, tôi càng sợ hãi hơn. Tôi cố chuyển động nhanh hơn nhưng cơ thể nặng trĩu như bị hút vào trung tâm trái đất. Tôi va vào một pho tượng. Một tảng đá đổ làm xước vai tôi. Chỉ thế thôi, bao sợ hãi tôi cố kìm nén bùng ra đằng miệng và tôi bắt đầu khóc như một đứa trẻ. Tôi không sao đi nổi. Tôi không thể suy nghĩ. Tôi ngồi trên mặt đất và ghì chặt lấy người. Tôi bị lạc rồi! Họ bị lạc rồi! Cả ba chúng tôi bị kẹt trong cái mảnh đất kinh khủng này. Chúng tôi sẽ chết ở đây, thối rữa và bị bỏ quên, rồi hóa đá và trở thành những pho tượng không mặt khác! Tôi rít lên, giọng the thé. Những cái hang đang ca hát, bài hát buồn, bài hát tiếc thương.

Tôi bịt tai, nhắm mắt, cố chặn sự điên rồ của thế giới, của tâm trí tôi, của cả hai. Tôi có thể ngăn được, tôi tự nhủ. Tôi cố hết sức tin điều này. Tôi cảm thấy dây thần kinh căng thẳng, rồi đứt phụt và tôi bay lên, thoát khỏi thân thể và những nỗi sợ dài lê thê, mỗi lúc một nhẹ và choáng váng. Con người mắc chứng loạn thần kinh là thế này đây, họ dễ mắc tất cả. Tôi nhìn thấy mình trong một bộ phim Thụy Điển tẻ ngắt, phản ứng chậm chạp với những trớ trêu rành rành một cách đau đớn. Tôi gào như một mục điên vì trông tôi lơ bịch làm sao, ngớ ngẩn làm sao, chết ở một nơi như thế này. Simon sẽ không bao giờ biết tôi hết hoảng ra sao. Anh nói đúng. Tôi là người dễ bị kích động!

Một đôi tay vỗ lấy vai tôi, và tôi hét lên.

Là Quan, mặt chị đầy lo âu.

- Em sao thế? Em đang nói chuyện với ai?

- Ôi lạy Chúa! - Tôi nhảy bật lên. - Em bị lạc. Em tưởng hai người cũng thế. - Tôi xì mũi và lảm nhảm giữa những hơi thở giật cục. - Ý em là chúng ta? Chúng ta bị lạc?

- Không, không, không, - chị nói. Tôi chú ý chị có một cái hộp gỗ cặp dưới cánh tay và thẳng băng trên hông. Trông nó giống một cái tủ cổ đựng đồ bạc.

- Cái gì thế?

- Cái hộp. - Quan giơ bàn tay rảnh, giúp tôi đứng lên trên đôi chân mềm nhũn.

- Em biết đấy là cái hộp.

- Lối này. - Chị dùng khuỷu tay hướng dẫn tôi. Chị không nói gì đến Simon. Chị có vẻ nghiêm trang lạ lùng, lăm lăm khác thường. Nỗi sợ chị có tin xấu để nói với tôi làm tim tôi thắt lại.

- Chị có thấy... - Chị lắc đầu ngắt lời tôi. Tôi nhẹ người, rồi đâm thất vọng. Tôi không còn biết cách cảm nhận từ lúc này đến lúc khác như thế nào nữa. Chúng tôi lách qua những pho tượng kỳ dị. - Chị lấy cái hộp kia ở đâu?

- Chị đã tìm thấy nó.

Tôi quá ư bối rối.

- Thật ư! - Tôi cầu nhàu. - Em tưởng chị mua ở Marcy.

- Chị đã giấu cái hộp này từ cách đây rất lâu. Chị đã kể cho em nghe rồi. Chị rất muốn cho em xem nó.

- Em xin lỗi. Chỉ vì em quá rã rời. Bên trong có gì thế?

- Chúng ta lên trên kia, rồi mở ra mà xem.

Chúng tôi lặng lẽ bước đi. Lúc nỗi sợ của tôi giảm dần, phong cảnh bắt đầu hiền hòa hơn. Gió tạt vào mặt tôi. Lúc trước tôi toát mồ hôi, còn bây giờ mỗi lúc một lạnh. Con đường mòn vẫn mấp mô và đầy nguy hiểm, nhưng tôi không còn cảm thấy sức hút của trái đất nữa. Tôi tự rửa mình: Đây cô gái, cái mắc mứu nhất ở nơi này chính là đầu óc cô đấy. Tôi chẳng trải qua nỗi hiểm nguy nào, mà chỉ bị nỗi hoảng sợ tấn công. Những tảng đá, tôi đã sợ những tảng đá.

- Chị Quan, những thứ này là gì?

Chị dừng bước và ngoảnh lại:

- Những thứ gì?

Tôi chỉ một trong các ụ đá.

- Những tảng đá, - chị lại bước tiếp.

- Em biết đấy là những tảng đá. Em định hỏi vì sao chúng lại ở đây, và chúng có ngụ ý gì?

Chị lại dừng, cái nhìn lướt qua một cái rãnh to.

- Chuyện này là bí mật.

Tóc gáy tôi dựng đứng. Tôi cố tỏ ra chất phác:

- Chị kể đi, Quan. Chúng giống các bia mộ phải không? Chúng ta đang đi qua một nghĩa trang hay cái gì? Kể cho em đi.

Chị há miệng toan trả lời. Nhưng rồi một vẻ bướng bỉnh lướt qua mặt chị.

- Rồi chị sẽ kể sau. Không phải bây giờ.

- Quan!

- Sau khi chúng ta về nhà. - Chị chỉ lên trời. - Sắp tối rồi. Thấy chưa? Đừng phí thời gian nói chuyện nữa. - Rồi chị nhẹ nhàng nói thêm. - Có khi Simon đã về rồi.

Tôi phập phồng hy vọng. Chị biết gì đó mà tôi không biết, tôi chắc thế. Tôi cố gắng tập trung vào niềm tin này lúc chúng tôi đi lên, vòng quanh vài tảng đá mòn, xuống một cái rãnh to rồi qua một kẽ nứt cao thành. Ngay sau đó, chúng tôi ở trên con đường mòn lên đỉnh. Tôi nhìn thấy bức tường và mái vòm.

Tôi vượt lên trước Quan, tìm đập thành thịch. Tôi tin chắc Simon đã ở đó. Tôi tin rằng những sức mạnh hỗn loạn và ý chí không kiên định sẽ cho tôi một cơ hội nữa để sửa đổi. Lên tới đỉnh, phổi tôi gần như vỡ tung. Tôi choáng váng vì vui, kêu to vì nhẹ nhõm, vì cảm thấy sự trong trẻo của yên bình, sự giản dị của sự thực và sự thuần khiết của tình yêu.

Còn ở đó! - cái ba lô, cái lò nướng, cái áo khoác ướt, mọi thứ chúng tôi để lại vẫn nguyên, không có gì thêm hoặc bớt. Nỗi sợ khĩa vào tim tôi, nhưng tôi bám lấy sức mạnh tuyệt đối của lòng trung thành và tình yêu. Tôi đến phía bên kia đường hầm, biết rằng Simon sẽ ở đó, anh phải ở đó.

Gờ đường hầm vắng tanh, không có gì ngoài gió, những cái đập của gió. Tôi dựa vào vách hầm và sụp xuống đất, ôm lấy đầu gối. Tôi ngược nhìn. Quan ở đó.

- Em sẽ không đi, - tôi bảo chị. - Không đi cho đến khi tìm thấy anh ấy.

- Chị biết. - Chị ngồi lên cái hộp gỗ, mở ba lô và lấy ra một bình thủy tinh đựng trà lạnh và hai cái hộp. Một cái đựng lạc rang, cái kia đựng đậu rán. Chị mở hộp lạc rang và đưa mời tôi.

Tôi lắc đầu:

- Chị không cần ở lại. Em biết chị phải sẵn sàng cho đám ma Mẹ Lớn ngày mai. Em sẽ ổn thôi. Chắc anh ấy sẽ sớm xuất hiện.

- Chị ở lại với em. Mẹ Lớn đã bảo chị hoãn đám ma hai hoặc ba ngày vẫn được. Vả lại, càng có thêm thời gian nấu nướng.

Một ý nghĩ chợt đến với tôi.

- Quan à! Chúng ta hỏi Mẹ Lớn xem Simon ở đâu. - Vừa nói xong, tôi nhận ra mình thất vọng biết chừng nào. Đây là kiểu phản ứng của các bậc cha mẹ có con bị chết tìm đến các ông đồng bà cốt hoặc cô hồn, bất cứ ai miễn là có một sợi dây liên kết mỏng manh trong vũ trụ này hoặc với kiếp sau.

Quan nhìn tôi, dịu dàng đến mức tôi hiểu là còn nhiều hy vọng.

- Mẹ Lớn không biết đâu, - chị nói khẽ bằng tiếng Trung. Chị bỏ cái cốc đầy lò nướng và châm lửa. Ngọn lửa xanh cháy qua các khe bé xíu, kêu xì xì đều đều. - Người âm không biết hết mọi thứ như em tưởng đâu. - Lúc này chị nói bằng tiếng Anh. - Thỉnh thoảng họ cũng bị lạc, không biết nên đi đâu. Chính vì thế một số người âm hay trở về. Họ thường nhìn và hỏi: "Tôi lạc đến đâu thế này? Tôi nên đi đâu?".

Tôi mừng vì Quan không thấy sự ngã lòng của tôi. Cái lò nướng cắm trại chỉ chiếu sáng đủ phác chúng tôi thành những cái bóng.

- Em có muốn chị hỏi Mẹ Lớn giúp chúng ta tìm không? Chúng ta sẽ làm như một toán tìm kiếm của FBI nhé. Được không, Libby-ah?

Tôi cảm động vì sự sốt sắng giúp đỡ của chị. Đây là thứ có ý nghĩa nhất ở đây.

- Đẳng nào thì ngày mai cũng không tổ chức đám ma. Mẹ Lớn cũng chẳng làm được gì. - Quan rót trà lạnh vào cái cốc kim loại và để lên ngọn lửa. - Lẽ tất nhiên chị không thể hỏi vào tối nay, - chị nói bằng tiếng Trung. - Trời tối rồi, các hồn ma sợ bà lắm dù chính bà cũng là một hồn ma...

Tôi lơ đãng ngấm ngọn lửa màu xanh và cam liếm vào đáy cốc.

Quan hơ bàn tay lên trên cái lò:

- Trước kia một người có thói quen xấu là sợ ma, và khó lòng mà bỏ được. Chị may mắn là chưa bao giờ có thói quen ấy. Khi gặp họ, bọn chị nói chuyện như bạn bè...

Lúc đó, một khả năng khủng khiếp bóp chặt lấy tôi.

- Quan, nếu chị nhìn thấy Simon như một người âm, chị sẽ bảo em nhé? Chị không nên giả vờ...

- Chị không nhìn thấy cậu ấy, - chị trả lời ngay tức khắc. Chị vuốt cánh tay tôi. - Chị đang kể thật đấy.

Tôi để mình tin chị, tin rằng chị không nói dối và Simon chưa chết. Tôi vùi đầu vào cánh tay. Chúng tôi nên làm gì tiếp theo đây, chúng tôi nên trù tính sao cho hợp lẽ và hữu hiệu vào buổi sáng? Nếu sau đó, đến trưa, chúng tôi vẫn chưa tìm thấy Simon thì nên làm gì? Một trong hai chúng tôi có nên đi báo cảnh sát không? Nhưng tôi chợt nhớ ra chúng tôi không điện thoại, không ô tô. Có lẽ tôi nên vậy xe đi nhờ và đến thẳng Lãnh sự Mỹ. Ở Quê Lâm có chi nhánh nào không? Còn cơ quan American Express? Nếu có, tôi sẽ nói dối tôi là thành viên của Platinum Card, được giao mọi nhiệm vụ cần thiết, tìm kiếm và cứu hộ, vận chuyển khẩn cấp bằng máy

bay.

Tôi nghe thấy tiếng sồn sột và ngẩng đầu. Quan đang ngoáy con dao Thụy Sĩ vào lỗ khóa cái hộp.

- Chị làm gì thế?

- Mất chìa khoá. - Chị giờ con dao, tìm công cụ tốt hơn. Chị chọn cái tằm nhựa. - Chị cho vào trong này nhiều thứ, từ lâu lắm rồi. - Chị chọc que tằm vào lỗ khóa. - Libby-ah, đèn pin trong túi, lấy hộ chị nhé?

Dưới ánh sáng, tôi thấy cái hộp làm bằng gỗ đỏ sẫm, mép viền đồng thau đã mờ xỉn. Trên nắp chạm phù điêu những cái cây rậm rạp, một con hươu nhỏ đã chết vắt trên vai người thợ săn Bavaria, con chó nhảy nhót trước mặt anh ta.

- Trong đó có gì?

Một tiếng cách và Quan ngồi dậy. Chị mỉm cười, chỉ vào cái hộp:

- Em mở ra mà xem.

Tôi nắm lấy cái then nhỏ bằng đồng thau và từ từ mở nắp. Những âm thanh leng keng bùng lên. Giật mình, tôi buông rơi cái nắp. Im lặng. Đây là cái hộp âm nhạc.

Quan cười khúc khích:

- Hừ, thế em tưởng trong ấy có ma à?

Tôi lại mở nắp, và những âm thanh can trường, trong như bạc tràn đầy đường hầm nhỏ, vui đến chói tai, một bản hành khúc dành cho đàn ngựa nhảy dựng lên và những con người ăn mặc rục rỡ. Quan ngân nga theo, hiển nhiên là rất quen với giai điệu. Tôi chiếu đèn vào bên trong hộp. Trong một góc, dưới tấm kính là bộ máy tạo âm thanh, một cái lược bằng kim loại chải ngược vào các trục của một bộ xi lanh đang quay.

- Nghe có vẻ không giống nhạc Trung Quốc, - tôi bảo Quan.

- Không phải Trung Quốc. Sản xuất ở Đức. Em có thích nhạc này không?

- Rất dễ chịu. - Ra đây là gốc gác câu chuyện cái hộp âm nhạc của chị. Tôi nhẹ người khi biết ít ra những ảo giác của chị cũng có vài cơ sở. Tôi cũng ngân nga theo điệu.

- À, em cũng biết bài này?

Tôi lắc đầu.

- Trước kia chị mừng cưới em một chiếc hộp âm nhạc. Em nhớ không?

Tiếng nhạc bỗng ngừng đột ngột; giai điệu lơ lửng trong không khí vài giây trước khi tắt hẳn. Chỉ còn tiếng xì xì quái gở của cái bếp, nhắc đến trời mưa và lạnh, về Simon đang gặp nguy. Quan kéo một tấm gỗ trong hộp. Chị lấy ra chiếc chìa khoá, đút vào một cái khe và bắt đầu xoay. Tiếng nhạc lại vang lên, và tôi dễ chịu vì sự thoải mái giả tạo này. Tôi liếc nhìn các thứ trong hộp lúc này lộ ra. Có một ngăn đựng đồ vật, đầy những cái khay, một dải băng mòn xơ, một lọ nhỏ rỗng - những đồ vật một thời quý giá nhưng dần dần bị lãng quên, những thứ đã từng sửa chữa rồi bị gạt sang bên quá lâu.

Lúc tiếng nhạc lại ngừng, tôi tự lên dây. Quan kiểm tra chiếc găng bằng da dê non, các ngón vĩnh viễn nắm lại thành một búi dễ vỡ. Chị đưa nó lên mũi và ngửi.

Tôi cầm một cuốn sách nhỏ, mép giấy chưa xén. *Một chuyến thăm Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản* của Bayard Taylor⁹. Một cái đánh dấu sách xé từ chiếc phong bì cài giữa hai trang. Trên một trang có một câu gạch dưới: "Những cái nhìn lăm lét của họ là điển hình cho đạo đức không thẳng thắn của họ". Tín đồ nào sở hữu cuốn sách này? Tôi lật mẫu phong bì. Địa chỉ gửi lại viết bằng thứ mực màu nâu: Russell và Công ty, phố Acropolis, đường 2, Cold Spring, New

York.

- Cái hộp này của một người tên là Russell? - Tôi hỏi.

- À! - Mắt Quan mở to. - Russo. Em nhớ à!

- Không. - Tôi chiếu đèn vào mẫu phong bì. - Ở đây đề “Russell và Công ty”. Chị thấy chưa? Quan có vẻ thất vọng.

- Hồi đó chị chưa biết tiếng Anh, - chị nói bằng tiếng Trung. - Chị không thể đọc nổi.

- Vậy cái hộp này là của ông Russell?

- Bu-bu. - Chị cầm mẫu phong bì và nhìn chăm chăm. - À! Russell. Chị cứ tưởng là Russo hoặc Russia. Người cha làm cho công ty tên là Russell. Tên anh ta là... - Quan nhìn vào mắt tôi. - Banner, - chị nói.

Tôi bật cười:

- Ồ, đúng rồi. Như cô Banner. Tất nhiên rồi. Bố cô ấy là thương nhân đường thủy hay đại loại thế.

- Thuyền buôn thuốc phiện.

- Ờ, giờ em nhớ ra rồi... - Lúc đó sự kỳ cục của chuyện này choán ngợp lấy tôi, vì chúng tôi không còn nói về những câu chuyện ma lúc đi ngủ nữa. Đây là cái hộp âm nhạc, là những đồ dùng có lẽ là của họ. Tôi chỉ có thể nói:

- Hộp âm nhạc này là của cô Banner?

Quan gật đầu:

- Tên thánh của cô ấy là - á! - giờ chị quên bằng mất. - Chị lục ngăn đựng đồ vật và lấy ra một hộp nhỏ. - Xì! Tên cô ấy... - chị nói một mình, - sao mình có thể quên tên cô ấy nhỉ? - Chị lấy trong hộp ra một viên gạch nhỏ màu đen. Tôi tưởng là hòn đá mực, cho đến lúc chị véo một mẫu và cho vào trà đang sôi trên bếp.

- Gì thế?

- Thảo dược. - Chị chuyển sang tiếng Anh. - Của một loại cây đặc biệt, chỉ lấy lá non, rất nhót. Chị làm cái này cho cô Banner. Uống rất tốt, và có mùi dễ chịu. Làm tâm trí dịu đi. Làm ta cảm thấy thanh thản. Có khi cho ta trở lại kỷ niệm.

- Lấy từ cây thiêng?

- Chà! Em nhớ ra rồi!

- Không. Em nhớ chuyện chị kể. - Bàn tay tôi run run. Tôi thêm một liều thuốc, thêm kinh khủng. Sắp xảy ra chuyện quái quỷ gì thế này? Nhớ tôi cũng trở nên điên rồ như Quan. Biết đâu nước ở Xương Miên nhiễm ma túy gây ảo giác. Hoặc nhớ tôi bị muỗi Xương Miên đốt, làm não tôi nhiễm bệnh rờ rờ. Nhớ Simon không bị lạc. Và trên lòng tôi không có những đồ vật của một người phụ nữ trong giấc mơ thời thơ ấu.

Trà bốc khói và thơm phưng phức. Tôi ngó lên cốc, hơi nước làm ẩm mặt tôi, tôi nhắm mắt lại và hít mùi thơm ngát. Nó làm tôi tỉnh trí. Có khi vì tôi buồn ngủ quá. Đây là một giấc mơ. Nếu thế, tôi có thể rút khỏi bản thân mình...

- Libby-ah, nhìn này.

Quan đưa cho tôi một cuốn sách khâu tay. Bìa bằng da lộn mềm màu nâu đỏ, rập nổi những chữ cái kiểu gôthic ĐỒ ĂN THỨC UỐNG CỦA CHÚNG TÔI. Mép các chữ vẫn còn dấu vết mạ vàng. Lúc tôi lật bìa, những trang giấy trắng áp bìa vụn toí ra, để lộ lớp da thuộc mặt trong, cho thấy lớp bìa đã phai nhòa trước kia có màu đỏ tía, nhắc tôi nhớ đến một bức tranh trong Kinh

Thánh từ thời thơ ấu: Moses¹⁰ trông dữ dội, đứng trên một tảng đá mòn nổi bật trên bầu trời màu đỏ tía, đang bẻ gãy các bài vị trước một đám kẻ ngoại đạo quấn khăn turban¹¹.

Tôi mở sách. Trang bên trái là một thông báo chữ rất khó đọc, các dòng lên xuống không đều: "Hãy tin vào Chúa cứu vớt chúng con khỏi mọi cám dỗ của Quỷ dữ. Nếu bạn đầy ắp Tinh thần, bạn không thể no nê hơn". Trang đối diện là những chữ khó đọc "Góc Amen". Bên dưới là một danh sách quanh co, chữ nguệch ngoạc đầy đầy mực: "Đậu hạt ôi, củ cải đỏ thối, lá thuốc phiện, rau dền dại, quả đậu dại, ngải cứu, bắp cải thối, hạt khô, quả đậu xơ, măng rừng. Nhiều món dọn ra nguội ngất hoặc thả trong dầu thầu dầu khủng khiếp. Chúa lòng lành!". Những trang tiếp theo chứa đựng những nghịch lý tương tự, cảm hứng Cơ đốc liên quan với ước muốn mãnh liệt và cứu rỗi, đói khát và no đủ, danh sách đồ ăn của Góc Amen cho thấy chủ nhân của tập nhật ký này tìm ra cách tấn công tuy vô ích cho óc hài hước dị giáo. Simon xem những thứ này chắc khoái lắm. Anh có thể dùng nó cho một bài báo.

- Chị nghe này. - Tôi đọc to cho Quan. - Cốt lét chó, ragu chim, dưa biển, sêu và rắn hầm nhừ. Một bữa tiệc linh đình thết khách danh dự. Trong tương lai, mình sẽ cố hết sức không thành khách danh dự càng ít càng hay! - Tôi để cuốn nhật ký xuống. - Em không biết dưa biển là món gì.

- Nelly.

Tôi ngược nhìn:

- Dưa biển nghĩa là Nelly?

Chị cười to, khế vỗ vào bàn tay tôi:

- Không - không - không! Tên cô Banner là Nelly. Nhưng lúc nào chị cũng gọi cô ấy là cô Banner. Chính vì thế chị hầu như không nhớ tên cô ấy trọn vẹn. Ha ha. Trí nhớ tệ thật! Nelly Banner. - Chị cười khúc khích một mình.

Tôi nắm lấy cuốn nhật ký. Tai tôi ong ong:

- Chị quen biết cô Banner khi nào?

Quan lắc đầu:

- Ngày tháng chính xác, để chị nghĩ xem...

- Yi ba liu si. - Tôi nhớ lại những từ tiếng Trung trong những câu chuyện kể giờ đi ngủ của Quan. - Mất hy vọng là chết. Một tám sáu tư.

- Đúng, đúng. Em nhớ giỏi thật. Cùng với thời gian Thiên Hoàng thất bại cách mạng Thái Bình Thiên quốc.

Thiên Hoàng. Tôi nhớ ra nhiều phần. Có người được tôn là Thiên Hoàng thật không? Giá tôi hiểu lịch sử Trung Quốc rõ hơn. Tôi xoa lòng bàn tay lên tấm bìa mềm mại của cuốn nhật ký. Sao ngày nay không thể có những cuốn sách như thế này? Cầm trong tay, cuốn sách ấm áp và thân thiết như một người bạn. Tôi giở sang trang khác và đọc: "Cần dứt đầu que diêm có thuốc (khổn khổ). Nuốt lá màu vàng (vô lý). Nuốt chloride magnesium (kinh tởm). Ăn thuốc phiện (không đau). Uống nước không đun sôi (gợi ý của tôi). Nói thêm về đề tài tự vẫn này, cô Mào báo cho tôi biết rằng đây là việc nghiêm cấm trong số những người theo Thái bình, trừ khi họ hiến thân mình cho Chúa".

Thái Bình. Cuộc khởi nghĩa này diễn ra khi nào? Hình như giữa thế kỷ mười chín. Trí nhớ của tôi bị kéo căng và tôi cố cưỡng lại, nhưng nó cứ bám riết. Trong quá khứ, tôi luôn luôn duy trì sự hoài nghi đủ dùng làm thuốc giải độc cho những câu chuyện của Quan khi cần thiết. Nhưng giờ đây tôi đang nhìn chăm chú vào nét mực màu nâu đỏ trên trang giấy ngả vàng, một mề đay mờ xỉn, một cái găng bó lại, những chữ viết khó đọc: ĐỒ ĂN THỨC UỐNG CỦA CHÚNG TÔI. Tôi lắng nghe tiếng nhạc, giai điệu sinh động, lỗi thời. Tôi kiểm tra cái hộp tìm ngày tháng. Rồi tôi nhớ đến cuốn nhật ký. Trên trang bìa giả đề: Nhà xuất bản Glad Tidings, MDCCCLIX. Tiếng

Latin, của nợ! Tôi dịch các chữ ra số: 1859. Tôi giờ cuốn sách Bayard Taylor: G.P. Putnam, 1855. Những ngày tháng này chứng tỏ điều gì? Nó không có nghĩa là Quan quen biết một người tên là cô Banner trong thời Thái bình Thiên quốc. Chỉ là sự trùng hợp, câu chuyện, cái hộp, ngày tháng trên cuốn sách.

Mặc dù mọi lý lẽ và ngờ vực của tôi, tôi không thể gạt đi điều to lớn hơn tôi hiểu về Quan: đối trá không phải là bản tính của chị. Dù chị nói gì, chị đều tin là thật. Giống như chị nói về Simon, rằng chị không nhìn thấy anh là hồn ma, có nghĩa là anh còn sống. Tôi tin chị. Tôi phải tin. Ngoài ra, nếu tôi tin lời chị nói, nghĩa là giờ đây tôi tin chị có thị giác của người âm? Tôi có tin là chị nói chuyện với Mẹ Lớn, rằng trong cái hang ấy có một ngôi làng từ thời Đồ Đá thật? Rằng cô Banner, tướng Cape và Johnson - một nửa là người có thật? Rằng chị là Nunumu? Nếu tất cả đều là thực, các câu chuyện chị kể suốt từng ấy năm... hẳn chị kể cho tôi nghe vì một lý do.

Tôi hiểu lý do ấy. Tôi hiểu từ khi tôi còn bé, hiểu tường tận. Tôi đã chôn vùi lý do ấy vào nơi an toàn từ lâu, giống như chị đã làm với cái hộp âm nhạc. Vì cảm thấy có lỗi, tôi lắng nghe những câu chuyện của chị, trong khi vẫn giữ nguyên những nghi ngờ và sự tỉnh táo của mình. Hết lần này đến lần khác, tôi từ chối cho chị thứ chị muốn nhất. Chị nói:

- Libby-ah, em nhớ không?

Tôi hay lắc đầu, tuy thừa biết chị mong là tôi sẽ nói:

- Có Quan à, lẽ tất nhiên là em nhớ. Em là cô Banner... - Libby-ah, - lúc này tôi nghe Quan nói, - em đang nghĩ gì thế?

Môi tôi dờ ra:

-Ồ. Chị biết rồi. Simon. Em đang nghĩ và thấy mọi việc ngày càng xấu hơn.

Chị bước tới ngồi sát cạnh tôi. Chị xoa bóp những ngón tay lạnh giá của tôi và ngay lập tức, những luồng hơi ấm chạy khắp mạch máu tôi.

- Chúng ta nói chuyện gì đi? Nói chuyện linh tinh thôi, được không? Nói về bộ phim chúng ta đã xem. Về cuốn sách em đang đọc. Hoặc về thời tiết, không, không, đừng nói về chuyện này, kéo em lại lo. Thôi được, nói về chuyện chính trị vậy, chuyện em bỏ phiếu cho ai, chị bỏ cho ai để tranh luận. Sau đó em sẽ không nghĩ ngợi quá nhiều nữa.

Tôi lúng túng. Tôi nhếch cười đáp lại.

- Chà! Thôi, đừng nói chuyện nữa. Chị nói thôi. Ừ, em chỉ lắng nghe. Xem nào, chị nói về gì nhỉ?... À! Chị kể em nghe chuyện về cô Banner, vì sao cô ấy quyết định tặng chị hộp âm nhạc.

Tôi nín thở:

- Vâng. Chắc rồi.

Quan chuyển sang tiếng Trung:

- Chị phải kể em nghe chuyện này bằng tiếng phổ thông. Như thế chị dễ nhớ lại hơn. Vì khi chuyện này xảy ra, chị chưa biết nói tiếng Anh. Tất nhiên là hồi ấy chị cũng không nói được tiếng phổ thông mà chỉ nói tiếng Khách và chút ít tiếng Quảng Châu. Nhưng tiếng phổ thông làm chị suy nghĩ như một người Trung Quốc. Nếu có từ nào em không hiểu cứ hỏi, chị sẽ cố nghĩ ra từ tiếng Anh. Xem nào, chị nên bắt đầu từ đâu nhỉ?...

À, em đã biết về cô Banner, vì sao cô ấy không giống những người nước ngoài khác mà chị quen biết. Cô ấy có thể cởi mở nhiều ý kiến khác nhau. Nhưng đôi khi chị nghĩ chính việc này làm cô ấy nhầm lẫn. Có lẽ em hiểu là thế nào rồi. Em tin một điều. Ngày hôm sau, em tin ngược lại. Em tranh cãi với những người khác, rồi tự tranh cãi với mình. Libby-ah, em đã từng làm thế bao giờ chưa?

Quan ngừng và tìm câu trả lời trong mắt tôi. Tôi nhún vai, làm chị thỏa mãn.

- Có lẽ quá nhiều ý kiến là thói quen của người Mỹ. Chị nghĩ người Trung Quốc không thích có

những ý kiến khác nhau trong cùng một lúc. Chúng tôi tin vào một điều, gắn bó với nó hàng trăm năm, năm trăm năm. Như thế đỡ nhầm lẫn. Lẽ tất nhiên, chị không nói rằng dân Trung Quốc không bao giờ thay đổi ý kiến, không phải vậy. Chúng tôi có thể thay đổi nếu có lý do chính đáng. Chị chỉ nói rằng chúng tôi không thay đổi, ngả nghiêng mỗi khi thích thú hoặc khoái chí. Có lẽ hiện giờ, người Trung Quốc đang thay đổi quá nhiều, tiền cuốn về hướng nào người ta đuổi theo hướng ấy.

Chị huých tôi:

- Libby-ah, em thấy có đúng không? Ở Trung Quốc ngày nay, dân chúng phát triển suy nghĩ của chủ nghĩa tư bản nhiều hơn lợn. Họ không nhớ chủ nghĩa tư bản có thời là kẻ thù số một. Kỷ niệm thì ngắn, lợi nhuận thì lớn.

Tôi đáp lại bằng nụ cười lễ phép.

- Chị nghĩ người Mỹ cũng có những kỷ niệm ngắn. Không tôn trọng lịch sử, chỉ quan tâm đến nổi tiếng. Nhưng cô Banner có trí nhớ tốt, rất khác thường. Chính vì thế cô ấy học tiếng của chúng tôi mới nhanh thế. Cô ấy có thể chỉ cần nghe một lần, ngày hôm sau lặp lại được ngay. Libby-ah, em cũng có trí nhớ như thế, đúng không? Chỉ có điều nhớ bằng mắt chứ không phải bằng tai. Tiếng Anh gọi loại trí nhớ này là gì?... Libby-ah, em buồn ngủ à? Em có nghe thấy chị hỏi không?

- Trí nhớ như chụp ảnh, - tôi trả lời. Giờ chị đang ấn hết mọi nút. Lần này chị sẽ không để tôi thoát.

- Như chụp ảnh, đúng thế. Cô Banner không có máy ảnh nên không chụp ảnh, nhưng cô ấy có trí nhớ như thế. Cô ấy luôn luôn nhớ được người ta nói những gì y như máy ghi âm vậy. Đôi khi điều này là tốt, đôi khi là xấu. Cô ấy có thể nhớ những lời người ta nói trong giờ cơm tối, tuần sau người ta lại nói khác hẳn. Cô ấy nhớ những lời làm cô ấy buồn lòng, không để chúng ra khỏi tâm trí. Cô ấy nhớ những lời dân chúng cầu nguyện, muốn thay thế những gì. Cô ấy cũng nhớ rất kỹ lời hứa. Nếu em hứa gì với cô ấy, cô ấy sẽ không bao giờ quên. Đây là nét đặc biệt của trí nhớ cô ấy. Cô Banner cũng nhớ rõ đã hứa với người khác những gì. Với một số người, hứa không giống như thực hiện. Cô Banner không thế. Với cô ấy, lời hứa là vĩnh viễn, không chỉ một đời người. Giống như lời cô ấy nguyện sau khi cho chị cái hộp âm nhạc, khi cái chết đang đến gần chúng tôi... Libby-ah, em đi đâu thế?

- Hít thở không khí trong lành. - Tôi đến mái vòm, cố gạt khỏi đầu những gì Quan đang kể. Bàn tay tôi run run, và tôi biết không phải vì lạnh. Đây là lời hứa Quan hay nói đến, lời hứa tôi chưa bao giờ muốn nghe vì tôi sợ. Lúc nào chẳng được, sao chị phải kể cho tôi nghe bây giờ?...

Rồi tôi nghĩ: Mình sợ gì nhỉ? Mình có thể tin câu chuyện ấy là thật, mình có thể hứa và giữ lời, rằng cuộc sống tự nó lặp lại, rằng hy vọng của chúng tôi luôn kéo dài, rằng chúng tôi sẽ có dịp khác? Như thế có gì khủng khiếp đâu?

Tôi ngắm bầu trời đêm, giờ đã quang mây. Tôi nhớ lại một đêm khác cùng Simon, lúc tôi nói một điều ngớ ngẩn về trời đêm, những vì sao như thế kia được những người tình trên trái đất nhìn thấy đầu tiên. Tôi đã hy vọng cháy ruột cháy gan rằng rồi sẽ có ngày anh yêu tôi hơn mọi người khác, hơn mọi thứ trên đời. Nhưng đó chỉ là khoảnh khắc ngắn ngủi, vì mong mỏi của tôi giống như bầu trời quá bao la, làm tôi dễ sợ hãi và giữ mình khỏi bay vèo khỏi đó. Giờ tôi lại nhìn lên trời. Đây chính là bầu trời Simon đang nhìn lúc này, là bầu trời chúng tôi đã ngắm suốt đời, lúc bên nhau cũng như lúc tách rời. Cũng chính là bầu trời Quan đang nhìn, các hồn ma của chị và cô Banner đã nhìn. Chỉ đến lúc này tôi mới không còn cảm thấy sự vô nghĩa của hy vọng hoặc nền tảng của sợ hãi. Tôi nhìn thấy nó thật giản dị và hiển nhiên. Nó duy trì các ngôi sao, các hành tinh, mặt trăng, mọi sự sống mãi mãi. Tôi có thể luôn tìm thấy nó, nó sẽ luôn tìm thấy tôi. Đây là sự liên tiếp, là ánh sáng trong bóng tối, bóng tối trong ánh sáng. Nó chẳng hứa hẹn điều gì ngoài sự bất biến và bí ẩn, khủng khiếp và phi thường. Giá như tôi có thể ngược nhìn lên trời và ngạc nhiên về chuyện này, tôi có thể dùng nó như một cái la bàn của tôi. Tôi có thể tìm thấy cách vượt qua sự hỗn độn dù có xảy ra chuyện gì cũng không sao. Tôi có thể ước

mong bằng cả tấm lòng, còn bầu trời luôn luôn ở đó, kéo tôi lên...

- Libby-ah, em lại nghĩ ngợi quá nhiều rồi? Chị có nên nói nữa không?

- Em chỉ đang băn khoăn thôi.

- Về việc gì?

Tôi đang quay lưng về phía chị, vẫn đang lục lọi bầu trời, tìm đường từ ngôi sao này đến ngôi sao kia. Ánh lung linh, nhấp nháy của chúng đã đi suốt một triệu năm ánh sáng. Và thứ lúc này tôi nhìn thấy là một hồi ức xa xôi, song vẫn còn rung động mạnh mẽ như cuộc sống từng là như thế.

- Chị và cô Banner. Hai người từng cùng nhìn lên trời trong một đêm như đêm nay bao giờ chưa?

- Có chứ, nhiều lần. - Quan đứng dậy và đến chỗ tôi. - Hồi đó, đương nhiên là chúng tôi không có tivi, vì thế đêm đêm việc duy nhất chúng tôi làm là ngắm các vì sao.

- Ý em là, chị và cô Banner đã có một đêm như đêm nay, cả hai cùng sợ hãi và không hiểu chuyện gì sẽ xảy ra?

- À... có, thật đấy. Cô ấy sợ chết, và cũng sợ mất người đàn ông cô ấy yêu.

- Dì Ban.

Quan gật:

- Chị cũng sợ... - Chị ngừng rồi nói bằng giọng khàn khàn. - Chị là lý do anh ta không ở đó.

- Chị nói gì? Có chuyện gì vậy?

- Chuyện là... ờ, có khi em không muốn biết đâu.

- Đấy là... là một chuyện buồn?

- Buồn và hạnh phúc. Tùy thuộc cách em nhớ lại.

- Vậy em muốn nhớ.

Mắt Quan ướt nhòe.

- Ôi, Libby-ah, chị biết rồi sẽ có ngày em nhớ chị. Chị luôn muốn cho em biết chị thực sự là người bạn trung thành của em. - Chị quay đi, cố trấn tĩnh và xiết chặt bàn tay tôi rồi mỉm cười.

- Được, được rồi. Đây là một chuyện bí mật. Đừng kể với ai nhé. Hứa đi, Libby-ah... Ờ, chị nhớ trời hôm ấy tối lắm, che giấu bọn chị. Giữa hai quả núi đằng kia có một thứ mỗi lúc một sáng rực rỡ hơn. Một ngọn lửa màu cam đang rực cháy...

Tôi lắng nghe, không còn e sợ những bí mật của Quan nữa. Chị đưa tay cho tôi. Tôi thoải mái cầm lấy. Chúng tôi cùng bay đến Cõi Âm.

21. KHI BẦU TRỜI RỰC CHÁY

Lúc trước chị và Dị Ban ở trong cái hang có hồ lấp lánh, một ngôi làng bằng đá ven hồ. Khi ở đó, Libby-ah, chị đã làm một việc kinh khủng, dẫn đến việc khác. Chị đã biến ngày cuối cùng của chị trên trái đất này thành một ngày dối trá.

Trước hết, chị hủy lời hứa với cô Banner. Chị làm thế vì lòng tốt. Chị kể với Dị Ban sự thực:

- Cô Banner chỉ giả vờ với Cape. Cô ấy muốn bảo vệ anh, để chắc chắn anh được an toàn. Anh thấy đấy, giờ anh đã ở đây.

Giá em nhìn thấy mặt Dị Ban lúc ấy! Nhe nhồm, vui sướng, phần nộ, rồi hoảng hốt - giống như lá cây đổi màu, tất cả các mùa xảy ra cùng một lúc.

- Tôi còn sống thì hay ho gì nếu cô ấy không ở bên tôi? - Dị Ban kêu lên. - Tôi sẽ giết chết thằng chó đẻ Cape. - Anh ta nhảy bật lên.

- Chao ôi! Anh định đi đâu?

- Tìm cô ấy, đưa cô ấy đến đây.

- Không, không, anh không được đi. - Lúc đó, chị nói dối câu đầu tiên trong ngày:

- Cô ấy biết cách đến đây. Cô ấy và tôi đã đến đây nhiều lần. - Trong lòng, tôi rất lo cho cô Banner, vì đương nhiên câu vừa rồi là nói dối. Vì thế tôi nói dối câu thứ hai. Tôi xin lỗi, nói tôi cần một chỗ riêng tư, nghĩa là tôi phải tìm một nơi kín đáo để đi tiểu. Tôi cầm chiếc đèn theo, vì biết nếu tôi mang nó đi, Dị Ban sẽ không thể tìm được đường ra khỏi hang. Rồi tôi vội vã đi qua những chỗ ngoặt, chỗ rẽ của đường hầm, nguyện rằng sẽ đưa cô Banner về.

Lúc trèo ra khỏi lòng quả núi, tôi cảm thấy như được tái sinh. Đang là ban ngày, nhưng bầu trời trắng chứ không xanh, chẳng có màu sắc gì. Quanh mặt trời là một vòng nhiều màu nhạt nhợt. Thế giới đã thay đổi chẳng? Qua những quả núi này là gì - là sự sống hay cái chết?

Khi tôi đến mái vòm ở bên trên Xương Miên, tôi nhìn thấy làng, chợ họp đông đúc, mọi thứ trông y như trước. Còn sống! Mọi người còn sống! Nó cho tôi hy vọng về cô Banner, và tôi bật khóc. Lúc tôi vội vã xuống núi, tôi bắt gặp một người dắt trâu. Tôi ngăn anh ta lại, kể mọi tin tức và nhờ anh ta báo cho gia đình cùng những nhà khác: "Hãy bỏ mọi dấu hiệu của The Good News, Thánh thần và Jesus. Nói nhỏ và đừng gây hoang mang. Nếu không, bọn lính sẽ biết việc ta đang làm. Rồi tai họa sẽ ập đến ngay hôm nay chứ không phải ngày mai".

Tôi chạy đến chỗ những người khác và nói y như thế. Tôi băng qua cổng căn nhà tròn dân Khách Gia sống, mười gia đình ở chung một nhà. Tôi đi nhanh từ hộ này đến hộ khác. Chà! Tôi cho mình là khôn ngoan, báo cho cả làng theo cách êm ả và thứ tự như vậy. Nhưng tôi nghe thấy một người đàn ông quát to:

- Chết mẹ mày đi! Mày là đồ sâu bọ ăn cứt!

Người hàng xóm của ông ta quát lại:

- Mày buộc tội tao phỉ? Tao sẽ báo cho quân Mãn Châu mày là thằng chó đẻ, anh em với Thiên Hoàng.

Ngay lập tức, tôi nghe thấy tiếng rắc- rắc! - tất cả chúng tôi đều nghe thấy, giống như tiếng củi khô gãy. Mọi người im thít. Rồi có tiếng kêu rằng rắc nữa, lần này giống tiếng chẻ một cây cao, đến chỗ thân to nhất. Gần đó, một người đàn ông rú lên:

- Súng! Bọn lính đã ở đây!

Mọi người ủa ra khỏi nhà ngay tức khắc, vồ lấy cánh tay những người đang chạy lao xuống đường.

- Ai đến?

- Còn gì nữa! Lệnh hành hình tất cả người Khách Gia!

- Chạy mau! Tìm anh em nhanh lên. Chúng ta chạy thôi!

Những lời cảnh báo biến thành tiếng hét, tiếng hét thành tiếng gào, và át tất cả là những tiếng kêu khóc the thé của các bà mẹ gọi con. Tôi đứng giữa đường, và phải mọi người chạy đường này, ngã nọ. Xem tôi đã làm gì! Giờ thì cả làng sẽ bị giết chỉ bằng một loạt đạn. Dân chúng tràn vào núi, tản mát khắp nơi như những vì sao trên bầu trời.

Tôi chạy lao xuống đường, thẳng đến nhà Ma Thương nhân. Rồi tiếng súng nổ, và tôi biết là từ bên trong những bức tường ấy. Lúc tôi đến cổng hậu, lại có tiếng nổ, lần này vang khắp các ngã đường. Tôi lao vào sân sau rồi đứng lặng ngắt. Tôi vừa thở vừa lắng nghe, rồi lắng nghe tiếng thở. Tôi chạy qua nhà bếp, áp tai vào cánh cửa thông sang phòng ăn. Không một tiếng động. Tôi đẩy cửa, chạy tới cửa sổ nhìn ra sân. Tôi nhìn thấy bọn lính ở bên cổng. May quá, chúng đang ngủ! Nhưng tôi nhìn lần nữa. Cánh tay một tên lính vịn vẹo, chân tên khác cong gập. Chà! Chúng đã chết! Ai làm việc này? Chúng chọc tức Cape? Giờ hẳn đang giết hết mọi người? Cô Banner đâu?

Lúc rẽ xuống hành lang tới phòng cô ấy, tôi thấy xác một người đàn ông trần truồng úp mặt xuống đất. Những con ruồi đang say sưa, no nê trong hộp sọ nhầy nhụa não. Ái dà! Ai là người bất hạnh đó? Bác sĩ Quá Muộn? Mục sư Amen? Tôi rón rén lén qua cái xác, như thể người đó có thể tỉnh lại. Thêm mấy bước nữa, tôi thấy bữa tối qua, cái xương chân giò giò nâu xỉn những lông và máu. Tướng Cape chắc đã làm việc này. Hẳn còn giết ai nữa? Tôi chưa kịp phân vân quá lâu thì nghe thấy những âm thanh phát ra từ Nhà Nguyễn. Hộp âm nhạc đang mở, mục sư đang hát như thể hôm thứ Bảy này cũng như những hôm khác. Lúc tôi vội vã băng qua sân đến Nhà Nguyễn, tiếng hát của mục sư biến thành tiếng nức nở, rồi thành tiếng rống như súc vật. Tôi nghe thấy tiếng cô Banner - cô vẫn còn sống! - quát át đi, như thể cô đang nói với một đứa trẻ hư. Nhưng lát sau, cô bắt đầu kêu the thé:

- Không, không, không, không! - Rồi một tiếng nổ to cắt ngang lời cô. Tôi chạy vào phòng, và thứ nhìn thấy làm người tôi hóa đá, rồi thành cát. Cạnh ban thờ, cô Banner mặc bộ váy áo màu vàng nằm cong gập, những người Thờ phụng Jesus mặc đồ đen bóng ngày Chủ nhật - giống như con bướm và bốn con bọ cánh cứng chen nhau chết trên nền đá. Ôi chao! Sao nhanh thế! Tôi vừa nghe thấy tiếng họ kêu vang vọng trong phòng. Tôi lắng nghe kỹ hơn. Không có tiếng vang nhưng...

- Cô Banner? - Tôi gọi. Cô nhắc đầu. Tóc cô tung toại, miệng cô là cái lỗ đen ngòm, lặng lẽ. Máu tung toé trên ngực cô. Chao ôi, hay cô chết thật rồi?

- Cô Banner, cô là ma?

Cô rên rỉ rồi lắc đầu. Cô chìa tay ra.

- Giúp tôi với, cô Moo. Chân tôi bị gãy.

Lúc bước tới chỗ ban thờ, tôi tưởng những người nước ngoài kia cũng sẽ nhòe dậy. Nhưng họ vẫn im lìm, bàn tay chấp lại, ngủ vĩnh viễn trong vũng máu tươi. Tôi ngồi xổm cạnh cô.

- Cô Banner, - tôi thì thào, lục tìm các góc phòng. - Cape đâu?

- Chết rồi, - cô trả lời.

- Chết! Thế ai giết...

- Lúc này nói chuyện ấy tôi không thể chịu nổi. - Tiếng cô run rẩy, bồn chồn làm tôi nghĩ hay là cô ta... Nhưng không, tôi không thể hình dung cô Banner giết người. Rồi tôi nghe thấy cô hỏi, vẻ mặt sợ hãi. - Kể nhanh lên. Dị Ban... Dị Ban đâu?

Lúc tôi nói anh ta đã yên ổn trong hang, mặt cô chùng xuống vì nhẹ nhõm. Cô nức nở không ngừng. Tôi cố an ủi cô.

- Cô sắp đoàn tụ với anh ấy rồi. Hang ấy không xa mấy đâu.

- Tôi không thể đi dù chỉ một bước. Chân tôi... - Cô kéo váy và tôi thấy cẳng chân phải của cô sưng vù, một mẩu xương lòi ra. Tôi lại nói dối câu thứ ba:

- Không đến nỗi tệ lắm đâu. Hồi tôi đang lớn, một người có cái chân như thế này vẫn có thể trèo lên núi, không sao đâu. Lẽ tất nhiên là người nước ngoài, cô không được khỏe lắm. Nhưng tôi sẽ tìm cách băng chân cô lại, chúng ta sẽ thoát khỏi đây.

Cô mỉm cười, và tôi dễ chịu vì một người đang yêu sẽ tin bất cứ thứ gì đem lại hy vọng.

- Cô đợi ở đây nhé, - tôi nói. Tôi chạy về phòng cô, lục khắp các ngăn đựng đồ riêng. Tôi tìm thấy bộ quần áo cứng cô dùng để bó eo và đẩy mông lên, đôi tất dài thủng gót. Tôi chạy trở lại, dùng những thứ đó bó chân cô lại. Làm xong, tôi đỡ cô đứng lên và khập khiễng tới cái ghế dài ở đằng sau Nhà Nguyên. Chỉ đến lúc cách xa những người vừa mới đây còn sống, cô mới có thể kể vì sao và từng người bị giết ra sao.

Cô kể sự việc từ sau khi Lão Lục mất đầu và tôi cảm thấy lý do thật ngu dại. Cô nói những người Thờ phụng Jesus chấp hai tay và hát bài trong hộp âm nhạc: “Khi Thần Chết rẽ, chúng ta sẽ gặp Chúa của chúng ta”.

- Ngừng hát! - Cape ra lệnh. - Cô Chuột - em biết cô ấy dễ bị kích động - quát to:

- Tôi không sợ ông hoặc sợ chết, chỉ sợ Chúa. Vì khi tôi chết, tôi sẽ lên thiên đường như người đàn ông tội nghiệp ông vừa giết này. Còn ông, đồ quỷ dữ khốn kiếp, ông sẽ bị thiêu cháy ở địa ngục. - Chà! Em có tưởng tượng cô Chuột nói thế không? Nếu tôi có ở đó, tôi sẽ hoan hô.

Nhưng lời nói của cô không làm Cape nao núng.

- Thiêu cháy ư? - Hấn hỏi. - Ta sẽ cho mi thấy quỷ dữ thích thiêu cháy cái gì. - Hấn gọi quân lính. - Cắt chân thằng cha đã chết này và nướng trên lửa.

Bọn lính cười, tưởng hấn đùa. Cape gắt gỏng ra lệnh lần nữa, và bọn lính vội vàng tuân lệnh. Những người nước ngoài khóc và cố bỏ đi. Làm sao họ có thể chứng kiến một cảnh tượng tởm lợm như thế? Cape gầm lên rằng nếu họ không xem và cười, từng người sẽ bị chặt bàn tay phải và nướng trên lửa. Thế là họ phải ở lại và xem. Họ vừa cười vừa nôn mửa. Ai cũng sợ Cape đến chết, tất cả trừ Lão Lục vì lão đã chết rồi. Khi lão nhìn thấy chân mình xoay trên cái xiên nướng, một con ma sao có thể đứng yên mà không trả thù?

Sáng sớm, mặt trời chưa mọc, cô Banner nghe thấy một tiếng gõ cửa. Cô dậy, để Cape vẫn đang ngủ say trên giường cô. Cô nghe thấy một giọng giận dữ ở bên ngoài. Nghe có vẻ không quen. Người đàn ông đó kêu to bằng tiếng Quảng Đông, giọng cộc cằn của công nhân:

- Tướng Rơm! Đây thằng tướng Rơm! Dậy, đồ chó lười! Ra mà xem! Ông anh Jesus của mày đến đây này. Hấn đến kéo xác mày xuống địa ngục. - Chao! Ai thế nhỉ? Chắc chắn không phải một trong những tên lính gác. Nhưng ai mà nói năng sượng sượng như một cu li?

Cape rửa:

- Thằng khốn, tao giết mày vì dám phá giấc ngủ của tao.

Tiếng Trung Quốc quát lại:

- Quá muộn rồi, thằng chó đẻ. Tao đã chết.

Cape nhảy khỏi giường, vớ khẩu súng lục. Nhưng lúc mở tung cửa, hấn cười phá. Đó là mục sư Amen, gã điên. Gã rửa sả như một cu li năm đời, cái chân giò của bữa tối qua vắt trên vai. Cô Banner nghĩ thầm, sao mục sư lại có thể nói tiếng đúng giọng địa phương giỏi thế. Rồi cô chạy ra cửa xua người điên đi. Lúc Cape quay người đẩy cô vào, mục sư vung cái xương chân giò và quật thật mạnh xuống sọ tên tướng rơm. Ông quật lần nữa, lần nữa, những cú quật hung dữ đến mức một cái trứng cẳng chân cô Banner. Cuối cùng, mục sư quẳng khúc xương và gào lên với kẻ thù đã chết từ lâu:

- Khi gặp lại nhau ở thế giới bên kia, tao sẽ đá mày bằng cái chân lành.

Lúc đó cô Banner cho rằng hồn Lão Lục đã nhập vào cái đầu rỗng tuếch của mục sư. Cô nhìn người đàn ông dở sống dở chết này. Ông ta nhặt khẩu súng của Cape và chạy qua sân, gọi to bọn lính gác cổng. Từ chỗ nằm, cô Banner nghe thấy một tiếng nổ. Rồi ngay sau đó là tiếng nữa. Cô nghe thấy mục sư quát bằng giọng nước ngoài:

- Lạy Chúa lòng lành! Con đã làm gì thế này? - Những âm thanh ấy đã làm đầu óc mờ mịt của ông ta tỉnh lại.

Cô Banner nói khi nhìn lại mục sư, ông ta có bộ mặt của một con ma sống. Ông ta lê bước về phòng riêng, bước qua xác Cape trước, rồi đến cô Banner với cái chân gãy. Cô rúm người lại như thể sắp bị đánh lần nữa.

Mục sư và những người Thờ phụng Jesus bàn bạc nhiều giờ liền về chuyện xảy ra, họ phải làm gì. Cô Banner lắng nghe họ nói về sự phán quyết cuối cùng. Cô Chuột vạch ra rằng, nếu quân Mãn Châu nhìn thấy việc mục sư đã làm, ông ta và những người khác sẽ bị tra tấn. Có ai đủ khỏe mang những cái xác kia đi chôn không? Không ai hết. Họ có nên chạy trốn không? Đi đâu? Họ không biết nơi nào có thể ẩn náu được. Rồi bác sĩ Quá Muộn gợi ý họ nên chấm dứt mọi đau khổ bằng cách tự tử. Nhưng bà Amen cãi: "Lấy đi sinh mạng của mình là một tội lớn, ngang với tội giết người".

- Tôi sẽ đưa tất cả chúng ta đến nơi an nghỉ, - mục sư nói. - Tôi đã bị kết tội vì giết ba người kia. Cuối cùng hãy để tôi đem lại cho mọi người sự yên bình.

Chỉ mình cô Banner cố thuyết phục mọi người chống lại ý đó.

- Phải luôn hy vọng, - cô nói. Tất cả bọn họ bảo cô rằng lúc này mọi hy vọng đều nằm dưới mồ cả rồi. Thế là cô quan sát họ cầu nguyện trong Nhà Nguyện, ăn bánh mì Communion ôi của bà Amen, uống nước, giả vờ là vàng. Sau đó họ nuốt thuốc viên của bác sĩ Quá Muộn để quên đau.

Chuyện xảy ra sau đó thì em biết rồi.

Cô Banner và tôi không đủ sức chôn những người Thờ phụng Jesus. Chúng tôi không thể để họ lại làm bữa ăn ngon lành cho lũ ruồi đói. Tôi ra vườn. Tôi rút những bộ quần áo trắng giặt ngày hôm trước. Trong lúc giặt, tôi nghĩ đến mọi điều khủng khiếp xảy ra. Tôi quấn xác các bạn vào trong những tấm vải liệm vôi vàng này, cô Banner vào phòng họ, cố tìm mỗi người một món quà lưu niệm để xếp vào cái hộp âm nhạc của cô. Vì Cape đã ăn cắp mọi thứ đồ quý giá, tất cả chỉ còn lại những mẩu đáng thương. Bác sĩ Quá Muộn có một cái lọ nhỏ đựng viên thuốc phiện. Cô Chuột có chiếc găng tay da cô hay nắm chặt trong lúc sợ hãi. Bà Amen có những cái khuy bà rút khỏi áo mỗi khi bà kêu gào. Mục sư Amen có quyển hướng dẫn du lịch. Lão Lục có cái hộp đựng lá cây thiêng. Cô xếp mọi thứ này vào hộp cùng quyển album cô ghi lại những suy nghĩ. Sau đó, chúng tôi thắp những ngọn nến đã chảy gần hết trên ban thờ. Tôi rút chiếc chìa khoá cô Banner đưa cho tôi đêm hôm qua. Tôi xoay chìa, chúng tôi cùng hát. Cô Banner biết nhiều lời hát mà người nước ngoài thích.

Khi bài hát hết, chúng tôi cầu nguyện Chúa Trời. Lần này tôi chân thành. Tôi cúi đầu. Tôi nhắm mắt. Tôi nói to:

- Con đã sống với họ sáu năm. Họ giống như gia đình của con, dù con không hiểu họ lắm. Nhưng con có thể nói rất chân thành rằng họ là những người bạn trung thành của con trai Người cũng như với chúng con. Con xin Người dang tay đón họ trở về nhà. Cả mục sư nữa.

Chúng tôi còn bao nhiêu thời gian trước khi quân Mãn Châu tới? Lúc đó tôi không biết, nhưng bây giờ tôi có thể nói với em. Đó là không đủ.

Trước khi bỏ trốn, tôi xé chiếc váy mặc thường ngày của cô Banner làm dây đeo cái hộp âm nhạc. Tôi quàng dây qua vai trái, cô Banner dựa vào vai phải, cả hai tập tễnh bước đi như một người. Nhưng lúc ra đến cửa Nhà Nguyện, một luồng gió bất ngờ thổi qua chúng tôi. Tôi quay nhìn và thấy quần áo của những người Thờ phụng Jesus dang cuồn cuộn như thể xác họ thở lại. Từng chồng *The Good News* bay tung toé, nhiều tờ bay lên trên ngọn nến đang cháy và bùng thành ngọn lửa. Ngay lúc đó tôi ngửi thấy mùi Ma Thương nhân, mùi ớt khô và tỏi rất nồng,

như bữa tiệc đón mừng đã sẵn sàng. Có lẽ do trí tưởng tượng nảy sinh vì quá sợ hãi mà tôi nhìn thấy ông ta - cô Banner không thấy -, vận xiêm dài, bên dưới thò ra đôi giày mới, đế dày. Ông ta bước đi và gật gù, rồi biến vào trong ngôi nhà bất hạnh.

Nhảy lò cò từng bước, cô Banner và tôi trèo vào những quả núi. Nhiều lần cô ngã sóng soài và đè lên cái chân đau, cô khóc:

- Hãy để tôi lại đây. Tôi không thể đi tiếp được nữa.

- Thôi cái trò vớ vẩn này đi, - lần nào tôi cũng gắt. - Dị Ban đang đợi, và cô làm chúng ta muộn mất. - Thế là đủ cho cô lại cố gắng.

Đến mái vòm đầu tiên, tôi nhìn lại ngôi làng trống rỗng. Nửa ngôi nhà của Ma Thương nhân chìm trong lửa. Một đám mây đen lớn lơ lửng bên trên, như một lời nhắc quân Mãn Châu hãy đến Xương Miên ngay.

Lúc chúng tôi đến mái vòm thứ hai, chúng tôi nghe thấy nhiều tiếng nổ. Chúng tôi không thể đi nhanh hơn, ngoài việc ở nơi đó, ruột gan chúng tôi quặn thắt. Trời sắp tối, gió đã lặng. Quần áo chúng tôi ẩm mồ hôi vì đã ráng sức đi được xa như thế. Giờ chúng tôi phải trèo lên sườn núi lởm chởm, chỉ cần một bước hụt cũng làm chúng tôi lăn xuống khe núi.

- Đi nào, cô Banner, - tôi giục. - Chúng ta sắp đến rồi.

Cô nhìn cái chân bị thương, giờ sưng phù lên to gấp đôi.

Tôi nảy ra một ý:

- Cô đợi ở đây nhé, - tôi bảo cô. - Tôi sẽ chạy đến cái hang có Dị Ban. Rồi hai chúng tôi sẽ khiêng cô lên đó. - Cô xiết chặt tay tôi, và tôi thấy nỗi sợ phải ở lại một mình trong mắt cô.

- Hãy cầm cái hộp âm nhạc, - cô nói. - Cất nó vào nơi an toàn.

- Tôi sẽ trở lại mà, - tôi an ủi. - Cô biết thế chứ?

- Phải, phải, tất nhiên rồi. Tôi chỉ nghĩ cô nên mang đi bây giờ để sau này đỡ phải mang. - Tôi nhận cái hộp của cô và lê bước tiến lên.

Đi qua mỗi cái hang hoặc kẽ hở nào, cũng có tiếng kêu to:

- Có người rồi! Không còn chỗ! - Thế là dân làng đã đi hết. Các hang đầy ắp nỗi sợ, hàng trăm cái miệng nín thở. Tôi trèo lên rồi lại xuống, tìm cái hang cạnh tảng đá. Có nhiều tiếng nổ nữa! Tôi bắt đầu chửi rủa y hệt Lão Lục, tiếc từng khoảnh khắc trôi qua. Cuối cùng, tôi tìm ra tảng đá và kẽ hở, tôi hạ người lọt vào. Cái đèn vẫn còn đó, một dấu hiệu tốt là chưa có người khác vào và Dị Ban chưa ra khỏi đấy. Tôi để cái hộp âm nhạc xuống và châm đèn, rồi dò dẫm qua các chỗ khúc khuỷu trong hang, hy vọng mỗi bước chân mỗi rã rời của tôi không nhầm đường. Rồi tôi nhìn thấy ánh lấp lánh phía trước như tia sáng đầu tiên trong một thế giới không còn sự cố. Tôi chạy lao vào nơi có cái hồ sáng ngời, gọi to:

- Dị Ban! Dị Ban! Tôi trở lại đây. Nhanh lên, lại giúp cô Banner! Cô ấy ở ngoài kia, đang dở sống dở chết.

Không có trả lời. Tôi lại gọi, lần này to hơn. Tôi đi quanh hồ. Biết bao nỗi sợ làm tê buốt tim tôi. Dị Ban thử tìm đường ra và bị lạc? Anh ta rơi xuống hồ và chết đuối? Tôi tìm kiếm gần ngôi làng bằng đá. Cái gì thế này? Một bức tường có người đã trèo qua. Dọc theo rìa tường, có nhiều tảng đá chất cao thành đồng. Mất tôi ngược nhìn và tôi thấy nơi có người bám lấy chỗ này, bước qua chỗ kia, cả một khe nứt trên mái rộng đủ cho một người đàn ông lọt qua. Tôi thấy mọi hy vọng của tôi đã bay qua cái khe đó.

Lúc tôi trở lại, cô Banner vẫn đang thò đầu ra ngoài mái vòm, kêu to:

- Dị Ban, anh đấy à? - Lúc chỉ thấy mình tôi, cô khóc. - Ái dà! Anh ấy bị giết rồi sao?

Tôi lắc đầu, rồi kể cho cô nghe tôi đã phá vỡ lời hứa ra sao.

- Anh ấy đi tìm cô, - tôi nói bằng giọng ân hận. - Đây là lỗi của tôi.

Cô không nói điều tôi nghĩ: Nếu Dị Ban vẫn còn trong hang, cả ba chúng tôi có thể được cứu thoát. Thay vào đó, cô quay đi, khắp khiêng đến bên kia mái vòm, tìm anh ta trong đêm tối. Tôi đứng sau cô, tim tôi tan nát. Bầu trời màu cam và gió có mùi tro. Lúc này chúng tôi nhìn thấy những chấm sáng khắp thung lũng bên dưới, những ngọn đèn của binh lính, nhấp nhô như những con đom đóm. Cái chết đang đến, chúng tôi biết thế, và kinh khủng khi phải đợi. Nhưng cô Banner không khóc. Cô nói:

- Cô Moo, cô sẽ đi đâu? Sau khi chết là nơi nào? Thiên đường của cô hay của tôi?

Một câu hỏi đặc biệt. Làm như tôi có thể quyết định. Thánh thần không chọn chúng tôi ư? Nhưng tôi không muốn tranh cãi trong ngày cuối cùng này. Tôi chỉ nói vắn tắt:

- Tôi sẽ đến bất cứ nơi nào Tăng và Lão Lục đã đến.

- Đây là thiên đường của các người. - Chúng tôi im lặng giây lát. - Cô sẽ đi đâu, cô Moo, nếu cô là người Trung Quốc? Họ có cho tôi vào đấy không?

Câu hỏi này còn lạ hơn cả câu trước!

- Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với người đã ở đấy và trở lại. Nhưng tôi nghĩ là nếu cô nói tiếng Trung Quốc, thế là đủ rồi. Mà vâng, tôi chắc thế.

- Còn Dị Ban, anh ấy lai nửa nọ nửa kia, liệu anh ấy đi đâu? Nếu chúng ta chọn phe đối lập...

Chà, bây giờ thì tôi hiểu mọi câu hỏi. Tôi muốn an ủi cô. Vì thế tôi nói dối cô câu cuối cùng:

- Đi nào, cô Banner. Đi với tôi nào. Dị Ban đã nói với tôi rồi. Nếu anh ấy chết, anh ấy sẽ gặp lại cô ở Cõi Âm.

Cô tin tôi, vì tôi là người bạn trung thành của cô.

- Hãy nắm lấy tay tôi, cô Moo, - cô nói. - Đừng buông cho đến khi chúng ta tới nơi.

Chúng tôi cùng đợi, vừa hạnh phúc vừa buồn bã, sợ đến chết cho đến khi chúng tôi phải chết.

22. KHI SÁNG, TỐI NHƯ NHAU

Lúc Quan kể xong, những vì sao đã mờ trên bầu trời đang rạng dần. Tôi đứng bên gờ, tìm kiếm bất cứ mọi chuyển động nào giữa những cái bóng rậm rạp.

- Em có nhớ chúng ta chết ra sao không? - Quan hỏi từ phía sau.

Tôi lắc đầu, nhưng lúc nhớ lại tôi luôn cho đấy là một giấc mơ: những tia sáng lóe của lò sưởi, thớ của bức tường đá. Một lần nữa, tôi có thể nhìn thấy nó, cảm thấy nó, sợ thất ruột. Tôi có thể nghe thấy tiếng ngựa khịt khịt, chúng sốt ruột gõ móng lúc sợi thừng thò ráp quàng lên bả vai tôi, rồi xiết quanh cổ tôi. Tôi hóp từng ngum không khí, mạch trên cổ tôi đập dồn. Có ai đó xiết tay tôi - là Quan, nhưng tôi sững sốt thấy chị trẻ hơn và có miếng đắp trên một mắt. Tôi định bảo chị đừng bỏ tay ra, thì lời nói vụt tắt trên miệng và tôi bay vút vào không trung. Tôi cảm thấy hăng hái, nỗi sợ rơi trở lại trái đất lúc tôi lao qua không khí. Không hề đau đớn! Được giải thoát mới tuyệt vời làm sao! Song tôi vẫn chưa được thoát hẳn. Vì Quan vẫn đang nắm chặt bàn tay tôi.

Chị lại xiết tay tôi lần nội.

- Em nhớ chứ hả?

- Em nghĩ là chúng ta bị treo cổ. - Môi tôi dờ dãi trong buổi sáng giá buốt.

Quan cau mày:

- Treo cổ? Hừ. Đừng nghĩ thế. Hồi ấy, quân Mãn Châu không treo cổ. Quá rắc rối. Mà cũng không có cây.

Tôi thất vọng ghê gớm khi bị bảo là sai:

- Thế chuyện xảy ra như thế nào?

Chị nhún vai:

- Chị không biết. Vì thế chị mới hỏi em.

- Thế ư! Chị mà lại không nhớ chúng ta chết ra sao?

- Xảy ra nhanh quá! Vừa đứng ở đây, một phút sau đã tỉnh dậy ở kia. Một thời gian dài đã trôi qua. Lúc hiểu ra thì chị đã chết. Y như lúc chị nhập viện, bị sốc điện. Chị tỉnh dậy, này, tôi ở đâu? Ai mà biết được, quãng đời cuối cùng có khi bị tắt đột ngột, mình biến nhanh sang cõi khác. Ma Thương nhân cho là ông ta chết như thế. Phù! Thế là chết! Chỉ còn lại hai bàn chân.

Tôi cười:

- Khỉ thật! Em không thể tin chị đã kể hết chuyện mà vẫn không biết đoạn kết?

Quan chớp chớp mắt:

- Đoạn kết? Em chết, đấy không phải là đoạn kết chuyện. Chỉ có nghĩa là câu chuyện chưa kết thúc... Này, nhìn xem! Mặt trời sắp lên rồi. - Chị duỗi chân tay. - Bây giờ chúng ta đi tìm Simon. Mang đèn pin, cả chân nữa. - Chị lao lên trước, biết chắc đường về. Tôi biết chúng tôi nhắm đến đâu: cái hang, nơi Dị Ban đã hứa ở lại, nơi tôi hy vọng có thể Simon đến đó.

Chúng tôi khó nhọc đi theo lối mòn bờ nát, thận trọng đặt từng bước chân. Má tôi ngứa ran lúc hơi ẩm tràn ngập. Ít ra tôi cũng sẽ nhìn thấy cái hang đó, vừa hy vọng vừa nguyên rủa. Chúng tôi sẽ tìm thấy gì? Simon, run lập cập nhưng còn sống? Hay Dị Ban vẫn đợi cô Banner mãi mãi? Trong lúc nghĩ ngợi, tôi dẫm lên một đồng đá vụn chảy và trượt ngã ra sau.

- Cẩn thận! - Quan kêu to.

- Tại sao ai cũng bảo cẩn thận khi đã quá muộn? - Tôi nhồm dậy.

- Không quá muộn đâu. Lần sau em có thể không bị ngã. Nào, nắm lấy tay chị.

- Em không sao. - Tôi gặp chân. - Thấy chưa. Không bị gãy xương. - Chúng tôi tiếp tục trèo, cứ vài giây Quan lại ngoảnh nhìn tôi. Tôi bắt gặp một cái hang. Tôi ngó vào, tìm dấu hiệu của cuộc sống trước kia, thời tiền sử hoặc mới gần đây. - Chị Quan, Dị Ban và dân làng Xương Miên rồi ra sao?

- Chị đã chết, - chị trả lời bằng tiếng Trung, - vì thế chị không biết chắc. Những điều chị biết từ các cuộc chuyện phiếm chị nghe được trong cuộc đời này. Vì thế ai mà biết sự thực là đâu? Dân làng khác thường thêm thắt vào câu chuyện, rồi tin đồn chảy từ trên núi xuống giống như chỗ dột trên mái nhà. Đến chân núi, tin đồn biến thành chuyện ma, từ đó trở đi nó lan khắp tỉnh là làng Xương Miên bị nguyền rủa.

- Thế... chuyện như thế nào?

- À, đợi một chút, cho chị thở đã! - Chị ngồi trên tảng đá mòn bằng phẳng, gất. - Chuyện là thế này. Người ta đồn rằng khi quân Mãn Châu đến, chúng nghe thấy tiếng kêu khóc trong các hang. "Ra ngay!" - chúng ra lệnh. Không ai chịu ra. Thế là bọn chúng nhặt cành khô, bụi cây chết rồi chất gần miệng các hang này. Khi nổi lửa, trong hang có nhiều tiếng la hét. Ngay lập tức, các hang thở ra một tiếng rên rỉ rồi nôn ra một dòng sông đen ngòm những dơi là dơi. Bầu trời dày đặc những con vật biết bay, nhiều đến nỗi khe núi đen ngòm lại như bị che ô. Chúng quạt lửa, và toàn bộ thung lũng bùng cháy. Mái vòm, gò, rãnh, tất cả bị một bức tường lửa bao quanh. Hai hoặc ba tên lính cưỡi ngựa chạy thoát, nhưng số còn lại chết hết. Một tuần sau, khi đội quân khác đến Xương Miên, chúng không tìm thấy một ai, cả chết lẫn sống. Làng trống rỗng, ngôi nhà của Ma Thương nhân không một bóng người. Còn trong khe núi, nơi bọn lính chết chẳng còn gì ngoài tro tàn và những ụ đá như hàng trăm ngôi mộ. - Quan đứng lên. - Ta đi nào. - Rồi chị đi.

Tôi vội đi theo.

- Dân làng có chết không?

- Có thể chết, có thể không. Một tháng sau, một du khách từ Kim Điền qua Xương Miên, thấy ngôi làng sinh hoạt náo nhiệt trong ngày họp chợ. Chó nằm trong rãnh, người cãi nhau, trẻ con đi lầm chẫm sau mẹ, dường như sự sống chuyển từ ngày này sang ngày khác không hề bị gián đoạn.

- Xin chào, - du khách nói với một người già trong làng, - khi binh lính đến Xương Miên đã xảy ra chuyện gì?

Ông già nhăn mặt và nói:

- Lính à? Tôi không nhớ có lính đến đây.

Vị khách du lịch kia nói:

- Còn biệt thự kia thì sao? Trông như bị lửa cháy đen.

Dân làng đều nói:

- Ồ, đúng thế. Tháng trước Ma Thương nhân trở lại và tổ chức một bữa tiệc mời chúng tôi. Một trong những con ma gà đang bị quay trong lò bay vụt lên mái làm toàn bộ mái hiên bốc cháy.

Khi du khách trở về Kim Điền, một dây người từ đỉnh núi đến chân núi, tất cả đều nói rằng Xương Miên là một làng toàn ma... Sao thế? Sao em lại cười?

- Em nghĩ Xương Miên là một làng toàn người nói dối. Họ để mặc dân chúng nghĩ họ là ma. Nhỡ sắp tới có chiến tranh leo lên hang càng đỡ phiền.

Quan vỗ tay vào nhau:

- Em khôn thật. Em nói đúng. Mẹ Lớn kể với chị rằng một người ngoài làng đã hỏi một trai

làng: “Này, cậu có phải là ma không đấy?”. Cậu trai cau mày và vung tay chỉ cánh đồng toàn đá lổn nhổn: “Hãy cho tôi biết, một con ma có thể trồng cấy một vụ lúa như thế kia không?”. Người ngoài nhận ra rằng cậu thanh niên đang giễu ông ta. Ma thực sự sẽ không khoe chuyện mùa màng, thóc lúa. Thay vào đó, nó sẽ nói dối và tâu hót! Hả?

Quan đợi tôi thẩm thía logic của câu này.

- Em thấy vô lý, - tôi nói dối theo đúng truyền thống của Xương Miên.

Chị nói tiếp:

- Sau một thời gian, chị nghĩ dân làng chán để mọi người cho họ là ma. Không ai muốn buôn bán ở Xương Miên. Không ai muốn con trai hoặc con gái lấy vợ, lấy chồng người Xương Miên. Vì thế sau này, họ nói với mọi người: “Không, chúng tôi không phải là ma, đương nhiên rồi. Nhưng có một ẩn sĩ sống trong hang trên hai quả núi kia. Ông ta có thể là ma, hoặc có lẽ là người bất tử. Ông ta để tóc dài và để râu như người”. Chị chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy ông ta. Nhưng nghe đồn ông ta chỉ xuất hiện vào lúc bình minh hay hoàng hôn, khi ánh sáng cân bằng với bóng tối. Ông ta đi giữa các ngôi mộ, tìm một người đàn bà đã chết. Vì không biết mộ nào là của cô ta, ông ta trông nom tất cả.

- Họ nói về... Dị Ban? - Tôi nín thở.

Quan gật:

- Có lẽ chuyện này bắt đầu khi Dị Ban còn sống, đang đợi cô Banner. Nhưng hồi chị lên sáu - ngay sau khi chị chết đuối ít lâu - chị đã nhìn thấy anh ta bằng thị giác của người âm, giữa các ngôi mộ. Hồi đó, anh ta đã thành ma thật rồi. Chị đang ở chính khe núi này, đi nhặt củi. Mặt trời đang lặn khoảng nửa giờ, chị nghe thấy tiếng hai người đàn ông cãi nhau. Chị lang thang giữa các ngôi mộ và thấy họ đang xếp đá.

- Thừa các bác, - chị nói rất lễ phép, - các bác đang làm gì thế ạ?

Người hói đầu rất khó tính.

- Mẹ kiếp! - Ông ta nói. - Hãy nhìn xem, bây giờ mày có cả hai mắt rồi. Mày nghĩ chúng tao đang làm gì hả?

Người tóc dài lịch sự hơn:

- Nhìn đây, cô bé! - Anh ta nói. Anh ta giơ lên một tảng đá hình dạng giống cái đầu rìu. - Giữa cuộc sống và cái chết, có một nơi con người có thể cân bằng những thứ không thể. Chúng ta đang tìm nơi đó đây. - Anh ta cẩn thận xếp tảng đá đó lên trên tảng khác. Nhưng cả hai tảng đổ nhào và rơi vào chân người hói.

- Mẹ mày! - Lão hói rửa. - Suýt nữa mày đập gãy chân tao. Nhênh nhang góm. Chỗ ấy không ở trong tay mày đâu, đồ ngu ạ. Có dùng cả thân xác lẫn đầu óc mày mới tìm ra.

- Đây là Lão Lục?

Chị cười toét:

- Chết đã hơn một trăm năm mà vẫn hay rửa! Chị phát hiện ra rằng Lão Lục và Dị Ban vẫn còn vương vấn, chưa siêu thoát được sang thế giới bên kia vì họ còn quá nhiều tiếc nuối tương lai.

- Làm sao chị tiếc nuối tương lai được? Nghe vô lý quá.

- Không ư? Em nghĩ mà xem, nếu chị tiếc nuối một chuyện và khi chuyện đó xảy ra, chị sẽ cảm thấy lẽ ra chị không nên làm thế. Em vẫn còn mắc kẹt. Giống Lão Lục. Lão tiếc đã làm mục sư tin là ông ta giết Cape và mấy tên lính. Muốn dạy cho mình một bài học, lão quyết kiếp sau sẽ thành vợ mục sư. Nhưng mỗi khi nghĩ đến tương lai - Chủ nhật nào lão cũng sẽ phải lắng nghe Amen thế này, Amen thế khác -, lão lại bắt đầu rửa xả. Làm sao lão có thể thành vợ mục sư khi tính xấu của lão vẫn xấu nguyên? Chính vì thế lão mắc kẹt lại.

- Còn Dị Ban?

- Khi không tìm thấy cô Banner, anh ta tưởng cô ấy đã chết. Anh ta trở nên buồn bã. Sau đó anh ta bắn khoản liệu cô ấy có trở về với Cape không. Anh ta ngày càng rầu rĩ hơn. Khi Dị Ban chết anh ta bay lên thiên đường tìm cô Banner, và không thấy cô ta ở đấy, Dị Ban tin rằng cô ấy ở cùng Cape dưới địa ngục.

- Anh ấy chưa bao giờ nghĩ là cô ta đến Cõi Âm?

- Thấy chưa! Đây là việc xảy ra khi em bị kẹt lại. Những việc tốt lành có vào đầu em đâu? Hừm ừm. Còn những việc xấu? Rõ là nhiều.

- Vậy là anh ta vẫn kẹt lại?

- Ồ không- không- không- không- không! Chị đã kể với anh ta về em.

- Kể cái gì?

- Em là người ở đâu. Em sinh ra khi nào. Giờ anh ấy đang đợi em. Ở một nơi nào đó ngay tại đây.

- Là Simon ư?

Quan cười rộng mở và chỉ vào một tảng đá to. Đằng sau nó, nhìn rất rõ một cái khe hẹp.

- Đây là hang có cái hồ?

- Đúng vậy.

Tôi thò đầu vào và gào to:

- Simon! Simon! Anh có ở đó không? Anh ổn không?

Quan nắm lấy vai tôi và dịu dàng kéo tôi lại:

- Chị sẽ vào đấy tìm cậu ta, - chị nói bằng tiếng Anh. - Đèn pin đâu?

Tôi rút đèn trong ba lô và bật.

- Khỉ thật, chắc để đèn suốt đêm qua. Hết pin rồi.

- Để chị xem nào. - Chị cầm lấy đèn và nó sáng bừng ngay lập tức. - Thấy chưa? Đã hết đâu. Tốt! - Chị chui vào hang và tôi theo sau.

- Không, không, Libby-ah! Em ở lại ngoài đó.

- Vì sao?

- Nhớ...

- Nhớ cái gì?

- Chỉ đề phòng thôi! Đừng cãi. - Chị xiết chặt bàn tay tôi, mạnh đến nỗi phát đau. - Hứa thế nhé?

- Vâng. Em hứa.

Chị mỉm cười. Rồi sau đó, mặt chị rúm lại vẻ đau đớn, nước mắt chảy giàn giụa xuống đôi má tròn trịa của chị.

- Chị Quan? Sao thế?

Chị xiết chặt bàn tay tôi lần nữa và lấp bắp bằng tiếng Anh:

- Ôi Libby-ah, chị rất mừng vì cuối cùng cũng trả nợ em. Giờ em đã biết mọi bí mật của chị. Hãy để cho chị thanh thản. - Chị vòng tay ôm lấy tôi.

Tôi bối rối. Tôi luôn cảm thấy khó xử với kiểu tình cảm tràn trề của Quan:

- Trả nợ em, nợ gì kia chứ? Nói đi Quan, chị không nợ gì em hết.

- Có, có đấy. Em là người bạn trung thành của chị. - Chị sụt sịt. - Vì chị, em hãy đến Cõi Âm, vì chị đã kể với em, Di Ban nhất định đi theo em. Nhưng không, anh ấy lên thiên đường rồi, em đừng đến đấy... Em thấy chưa, vì chị mà em mất người khác. Chính vì thế chị rất mừng khi em gặp Simon lần đầu tiên. Rồi chị biết rằng, than ôi!...

Tôi lùi lại. Đầu tôi ong ong.

- Quan, đêm hôm đó chị đã gặp Simon, chị có nhớ câu chuyện với Elza bạn anh ấy không?

Chị đưa tay áo quạt nước mắt:

- Elza?... À có, có! Elsie. Chị nhớ. Một cô gái dễ thương. Người Do Thái Ba Lan. Chết đuối sau bữa trưa.

- Chị đã nói rằng Simon nên quên cô ta, chị bịa ra phải không? Cô ta còn nói gì nữa?

Quan cau mày:

- Quên cô ta đi? Cô ấy nói thế ư?

- Chị bảo là cô ấy nói thế.

- À! Giờ chị nhớ ra rồi. Không phải là quên. Mà là tha thứ. Cô ấy muốn cậu ta tha thứ cho cô ấy. Cô ấy đã làm một việc gì đó làm cậu ấy cảm thấy có lỗi. Cậu ấy tưởng cô ta chết là lỗi của cậu ấy. Cô ấy bảo không, là lỗi của cô ấy, không sao đâu, đừng lo. Một cái gì đại loại thế.

- Nhưng cô ấy không bảo anh ấy đợi cô ấy chứ? Rằng cô ấy sắp trở về?

- Sao em lại nghĩ thế?

- Vì em đã nhìn thấy cô ấy! Em thấy cô ấy bằng những linh cảm bí ẩn mà chị hay nói đến. Cô ấy van nài Simon gặp cô ấy, hiểu những điều cô ấy đang cảm nhận. Em thấy...

- Xì! Xì! - Quan đặt tay lên vai tôi. - Libby-ah, Libby-ah! Đây không phải là linh cảm bí ẩn. Đây là cảm giác ngờ vực của riêng em. Cảm giác lo âu. Thật ngu dại! Em nhìn thấy con ma của chính lòng em năn nỉ Simon: Em xin anh hãy nghe thấy em, hãy nhìn thấy em, hãy yêu em... Elsie không nói như thế. Hai kiếp trước, em là con gái của cô ta. Vì sao cô ta lại muốn đời em khổ sở? Không đâu! Cô ấy giúp đỡ em...

Tôi lắng nghe, sững sờ. Elza là mẹ tôi? Dù đúng hay không, tôi cũng cảm thấy thư thái, nhẹ lòng, không cần đến những oán giận, cách biệt, cùng gánh nặng trĩu những sợ hãi và nghi ngờ.

- Suốt thời gian qua em tưởng cô ấy xua đuổi em? Hừm. Chính em tự xua đuổi mình đấy! Simon cũng biết thế. - Chị hôn lên má tôi. - Giờ chị đi tìm cậu ấy, để cậu ấy tự kể với em.

Tôi nhìn chị lọt vào trong hang.

- Quan?

Chị quay lại:

- Gì thế?

- Hãy hứa là chị không bị lạc nhé. Chị sẽ trở về.

- Ừ, chị hứa! Tất nhiên rồi. - Chị hạ thấp người lọt vào hốc tiếp theo. - Đừng lo. - Chị đáp lại, tiếng chị trầm và vang. - Chị tìm thấy Simon là về ngay thôi. Em đợi chúng tôi nhé... - Tiếng chị nhỏ dần.

Tôi quẩn tẩn choàng quanh vai và ngồi, dựa vào tảng đá mòn che kín lối vào hang. Cứ hy vọng đi, chẳng có gì sai với nó hết. Tôi nhìn khắp bầu trời. Trời vẫn xám xịt. Hay lại sắp mưa? Chỉ nghĩ đến việc không may ấy thôi, sự lạnh lẽo đã bao trùm. Hay tôi đã bị thôi miên khi lắng nghe câu chuyện của Quan? Hay tôi cũng bị ảo giác như chị? Sao tôi lại để chị tôi vào hang một

mình? Tôi loạng choạng đứng lên và thò đầu vào:

- Quan! Chị Quan! Quay về đi! - Tôi trườn vào cái miệng lỗ đen ngòm. - Quan! Quan! Trời ạ, Quan, trả lời em đi! - Tôi liều dẫn tới, cụng đầu vào trần thấp, tôi nguyên rửa rồi lại gào lên. Thêm vài bước nữa, ánh sáng giảm dần, và đến chỗ rẽ tiếp theo thì tắt hẳn. Đường như một tấm chăn dày bịt kín mắt tôi. Tôi không hoảng. Tôi đã làm việc trong phòng tối nửa đời người. Nhưng ở đây, tôi không biết ranh giới của bóng tối. Bóng tối như thanh nam châm hút tôi vào. Tôi quay về theo lối cũ đến khe hở của hang, nhưng không sao định hướng nổi, không có chút cảm giác nào về phương hướng, vào hoặc ra, lên hoặc xuống. Tôi gào to gọi Quan. Giọng tôi mỗi lúc một khàn, và tôi thở hỗn hển lấy hơi. Mọi không khí bị hút hết ra ngoài hang rồi sao?

- Olivia?

Tiếng kêu của tôi nghẹn tắc.

- Em có sao không?

- Lạy Chúa! Simon! Có phải anh không?... - Tôi bắt đầu nức nở. - Anh còn sống?

- Nếu không còn sống thì anh nói chuyện với em sao được?

Tôi vừa cười vừa khóc.

- Anh không bao giờ biết đâu.

- Đây, đưa tay em đây.

Tôi đập mạnh vào không khí cho đến khi chạm vào da thịt, vào bàn tay quen thuộc của anh. Anh kéo tôi đến gần anh và tôi vòng tay ôm cổ anh, dựa vào ngực anh, chà xát sống lưng anh để biết chắc đúng là anh thực.

- Lạy Chúa, Simon, chuyện xảy ra hôm qua, em điên thật. Sau đó, khi anh không trở lại, Quan đã kể với anh trải qua những gì chưa?

- Không, anh chưa về nhà.

Tôi cứng người.

- Ôi Chúa!

- Có chuyện gì thế?

- Vậy Quan đâu? Chị ấy không đi sau anh?

- Anh không biết chị ấy ở đâu.

- Nhưng... chị ấy vào tìm anh kia mà. Chị ấy vào trong hang! Em đang gọi chị ấy! Chúa ơi! Chuyện này không thể xảy ra. Chị ấy hứa sẽ không bị lạc. Chị ấy hứa sẽ trở về... - Tôi nói lắp bắp lúc Simon dẫn tôi đi ra.

Chúng tôi rơi vào khoảng trống, ánh sáng chói loà đến mức tôi không thể nhìn thấy gì. Tôi điên cuồng đập vào mặt Simon, nửa mong khi nhìn thấy thế giới lần nữa, anh sẽ là Dị Ban còn tôi sẽ mặc bộ váy áo màu vàng đầy vết máu.

PHẦN IV

23. TANG LỄ

Quan đã mất tích hai tháng. Tôi không nói là chết, vì tôi vẫn không cho phép mình nghĩ chuyện đó lại xảy ra.

Tôi ngồi trong bếp ăn *granola*¹, chăm chú ngắm ảnh những đứa trẻ mất tích dán ở đằng sau hộp sữa bằng các tông. “Xin hậu tạ vì bất cứ tin tức nào”, thông báo viết. Tôi hiểu các bà mẹ những đứa trẻ ấy nghĩ gì. Cho đến khi tình trạng khác được chứng minh, phải tin rằng con mình còn ở đâu đó. Bạn phải nhìn thấy chúng lần nữa trước khi nói lời từ biệt. Bạn không thể để những đứa trẻ bạn yêu thương gạt bạn lại đằng sau trong cõi đời này mà không bắt chúng hứa sẽ đợi. Tôi phải tin rằng sẽ quá muộn để kể với Quan rằng tôi là cô Banner, chị là Nunumu, chị là người bạn trung thành mãi mãi và tôi cũng thế.

Hai tháng trước, tôi nhìn thấy chị lần cuối, tôi đợi chị cạnh hang, cho rằng nếu tôi tin câu chuyện của chị, chị sẽ trở về. Tôi ngồi lên cái hộp âm nhạc, Siomon ngồi cạnh tôi. Anh cố tỏ ra lạc quan, song không thể thốt ra một câu đùa, chứng tỏ anh rất lo lắng.

- Chị ấy sẽ trở về, - anh an ủi tôi. - Anh chỉ mong em không phải trải qua nỗi khổ sở này, lúc đầu với anh, giờ lại với Quan.

Hóa ra anh vẫn an toàn suốt thời gian đó. Sau khi chúng tôi cãi nhau, anh cũng rời mái vòm. Đang lê bước về nhà Mẹ Lớn, anh bất chợt gặp cậu chăn bò đã gọi chúng tôi là đồ ngu. Cậu ta chẳng phải là dân chăn bò mà là tên là Andy, sinh viên đã tốt nghiệp ở Boston, là đứa cháu trai Mỹ của một người đàn bà sống trong làng xa hơn dưới núi. Hai người về nhà bà cô cậu ta, chạm cốc mao đài lách cách cho đến khi tê liệt cả lưỡi lẫn đầu óc. Dù anh không chết, Simon sẽ ổn thôi, nhưng anh đau đớn thừa nhận sự việc lại xoay ra thế này. Trong ba lô của anh có một cái mũ len, anh đội vào sau khi tôi bỏ chạy. Lúc đó anh nổi khùng, ném đá tới tấp xuống khe núi cho đến khi người đầm mồ hôi.

- Em đã lo lắng vô ích, - anh nói, kiệt quệ.

Còn tôi nói:

- Còn hơn là khám phá ra em đã lo việc gì đó. - Tôi lý luận rằng tôi thậm chí biết ơn vì Simon không gặp mỗi nguy hiểm nào tương tự như tôi may mắn được Quan chăm sóc bất cứ phút nào.

- Xin lỗi, chị xin lỗi, Libby-ah, - tôi hình dung chị nói thế. - Chị rẽ nhầm trong hang, thế là bị lạc. Mất cả buổi sáng mới về được! Em lo lắng vô ích. - Sau đó, tôi điều chỉnh niềm hy vọng vì thời gian cứ trôi qua. - Libby-ah, cái đầu chị để đâu hả? Chị nhìn thấy hồ, không thể ngừng mơ. Chị tưởng mới một giờ trôi qua. Chà! Không ngờ đã mười giờ!

Simon và tôi ở lại hang suốt đêm. Đỗ Lili mang cho chúng tôi đồ ăn, chăn và một tấm che bằng vải dầu. Chúng tôi đẩy tảng đá chắn lối vào cửa hang rồi trèo vào bên trong và nép sát vào nhau trong một hõm nông. Tôi nhìn đăm đăm lên trời, một cái sàng những vì sao li ti và suy nghĩ kể cho anh câu chuyện của Quan về cô Banner, Nunumu và Dị Ban. Lúc đó tôi đâm sợ. Tôi thấy câu chuyện như một lá bùa hy vọng. Nếu Simon hoặc ai đó xem thường dù chỉ một phần câu chuyện, sẽ mất đi một phần khả năng trong vũ trụ và chính phần tôi cần có thể bị mất.

Sáng hôm thứ hai sau khi Quan mất tích, Đỗ Lili và Andy tổ chức một đội tìm kiếm. Những người già quá sợ không dám vào hang. Vì thế phần lớn là thanh niên. Họ mang đèn dầu và hàng bó dây thừng. Tôi cố nhớ hướng của hang có cái hồ. Tăng đã nói những gì nhỉ? Đi theo nước, ở dưới thấp, chọn con đường nông qua chỗ rộng. Hay là hẹp thay cho sâu? Tôi không phải yêu cầu Simon dừng vào hang. Anh ở cạnh tôi, và chúng tôi cùng chăm chú quan sát một người đàn ông buộc thừng quanh eo và xem xét cái hang, trong khi một người khác đứng ngoài, giữ căng

đầu dây kia.

Đến ngày thứ ba, những người tìm kiếm đã xuyên khắp mê cung dẫn họ đến hàng chục cái hang nữa. Nhưng tịnh không có dấu vết gì của Quan. Đỗ Lili đến Quế Lâm báo cho nhà cầm quyền. Bà cũng gửi George bức điện tôi đã thảo cẩn thận. Buổi chiều, bốn xe tải chở binh lính mặc quân phục xanh và các viên chức mặc comple đen tới. Sáng hôm sau, một chiếc ô tô trông quen quen bất thành linh xuất hiện trên đường, và Rocky bước ra cùng một học giả già buồn rười rượi. Rocky tiết lộ với tôi rằng giáo sư Phác là cánh tay phải của nhà cổ sinh vật học đã phát hiện ra Peking Man². Giáo sư vào mê cung rắc rối các hang động, lúc này việc khảo sát dễ dàng hơn nhờ thêm người chỉ đường và nhiều dây thừng, đèn đuốc. Nhiều giờ sau khi ông ló ra, ông tuyên bố rằng nhiều triệu đại trước, cư dân vùng này đã khai quật hàng chục hang, cố ý tạo ra các ngõ cụt cũng như nhiều đường hầm nối liền với nhau phức tạp. Có thể dân Xương Miên đã tạo ra mê cung này để thoát khỏi quân Mông Cổ và các bộ lạc khác tham chiến. Những kẻ xâm lược đó vào mê cung đều bị lạc và chạy nhốn nháo như lũ chuột mắc trong bẫy.

Một đội địa chất được đưa tới. Trong niềm phấn khởi sau đó, mọi người hầu như quên bẵng Quan. Thay vào đó, các nhà địa chất tìm thấy những cái hũ đựng hạt ngũ cốc và vỏ chứa nước. Họ đục phải hang dơi làm hàng ngàn con vật sợ hãi kêu rít lên lao ra ánh mặt trời chói chang. Họ tiến hành một cuộc phát hiện khoa học quan trọng về cút loài người từ ít nhất ba ngàn năm trước!

Đến ngày thứ năm, George và Virgie từ San Francisco tới. Họ nhận được nhiều bức điện khác nhau của tôi, mức độ thảm khốc tăng dần. George tin rằng thực ra Quan không mất tích, chắc vì tiếng phổ thông của tôi còn kém nên làm chúng tôi tạm thời tách biệt. Tuy nhiên, đến chiều, George chỉ còn là một người khốn khổ, nhếch nhác. Anh cầm chiếc áo len cao cổ của Quan, vùi mặt vào đó, không cần quan tâm xem có ai nhìn thấy anh khốc.

Đến ngày thứ bảy, đội tìm kiếm định vị được cái hồ sáng ngời và ngôi làng cổ ven bờ. Vẫn không thấy Quan. Nhưng lúc này ngôi làng đầy những viên chức đủ cấp bậc, thêm hàng chục nhóm nghiên cứu khoa học, tất cả đều cố xác định nguyên nhân làm nước trong hang lấp lánh.

Một trong bảy ngày đó, tôi phải tường trình tỉ mỉ việc xảy ra với Quan với một viên chức khác. Chị sinh ngày nào? Chị rời Trung Quốc khi nào? Vì sao chị trở lại? Chị có bị ốm không? Các vị có cãi nhau không? Không phải là cãi nhau với chị ta mà với chồng cô? Chồng cô cũng cáu giận chị ta? Vì thế mà chị ta bỏ đi? Các người có ảnh chị ta không? Cô chụp bức ảnh này? Cô dùng loại máy gì? Cô là nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp? Thật thế sao? Chụp một bức ảnh như thế này cô kiếm được bao nhiêu tiền? Thế kia ư? Sao nhiều thế? Cô có thể chụp cho tôi được không?

Đêm đến, Simon và tôi ôm chặt lấy nhau trên chiếc giường cưới. Chúng tôi làm tình nhưng không phải vì thèm muốn. Khi gần gũi nhau như thế này, chúng tôi có thể hy vọng, có thể tin rằng tình yêu sẽ không cho phép chúng tôi chia lìa lần nữa. Mỗi ngày qua đi, tôi không hề mất hy vọng. Tôi đấu tranh để hy vọng nhiều hơn. Tôi nhớ lại những câu chuyện của Quan. Tôi nhớ những lần chị băng bó vết thương cho tôi, dạy tôi đi xe đạp, đặt bàn tay lên vầng trán sốt nóng hầm hập của cô bé lên sáu là tôi và thì thầm: "Ngủ đi Libby-ah, ngủ đi em". Rồi tôi ngủ.

Trong khi đó, Xương Miên trở thành một rạp xiếc. Một gã thầu khoán gạ bán cho Simon và tôi cái gọi là những đồng xu cổ giá mười tệ làm vé qua mái vòm đầu tiên cho những người tìm kiếm tò mò. Anh trai gã bán hai mươi tệ để đi qua cái thứ hai. Nhiều du khách giẫm nát khe núi, và cư dân Xương Miên chào bán những hòn đá lấy từ các ngôi mộ làm đồ lưu niệm. Một trận tranh cãi nổ ra giữa những người đứng đầu làng và các quan chức xem ai là chủ nhân của các hang động và có thể lấy những gì trong hang. Lúc đó, hai tuần đã trôi qua, Simon và tôi không thể chịu đựng được hơn nữa. Chúng tôi quyết định bay về nhà theo đúng lịch trình.

Trước khi chúng tôi ra đi, cuối cùng Mẹ Lớn cũng có đám tang của bà. Trong buổi sáng mưa phùn hôm ấy, chỉ có mười một người tham dự, hai người được thuê chuyển quan tài đến huyệt, vài người già cả trong làng, George, Virgie, Đỗ Lili, Simon và tôi. Tôi tự hỏi liệu Mẹ Lớn có tiếc lòng vì sự chơi trội của Quan không. Những tay đòn thuê chất quan tài lên chiếc xe do

một con la kéo. Đỗ Lili trối một con gà trống kêu quang quác như đòi hỏi lên nắp quan tài. Lúc chúng tôi đến cái cầu bắc qua hồ chứa nước đầu tiên, chúng tôi thấy một nhóm nhân viên truyền hình ngáng đường chúng tôi.

- Xê cái mông ra! - Đỗ Lili quát. - Các người không nhìn thấy à? Chúng tôi đang đưa ma! - Tốp người tiến tới và đề nghị bà phải tôn trọng quyền công dân khi nghe về phát hiện tuyệt vời ở Xương Miên.

- Tuyệt vời cái con tườu! - Đỗ Lili nói. - Các người làm hỏng hết làng chúng tôi. Giờ thì tránh đường ra. - Một người phụ nữ kiểu cách mặc đồ jeans hợp mốt kéo Đỗ Lili sang một bên. Tôi thấy cô ta chìa tiền, Đỗ Lili giận dữ từ chối. Tim tôi bay bổng vì thán phục. Người đàn bà thò ra nhiều tiền hơn. Đỗ Lili chỉ vào tốp người, vào quan tài và lại phàn nàn thật to. Một nắm tiền to hơn đưa ra. Đỗ Lili nhún vai. “Thôi được, - tôi nghe thấy bà nói lúc nhét tiền vào túi. - Chỉ ít thì người chết cũng có thể dùng số tiền này mua một cuộc sống khấm khá hơn ở kiếp sau”. Tinh thần tôi xẹp hẳn. Trông Simon thật dữ tợn. Chúng tôi đi đường vòng khá lâu, len qua nhiều ngõ hẻm cho đến tận nghĩa trang của xã, một con đường dốc dẫn lên những quả núi quay mặt về hướng Tây.

Đến huyết, Đỗ Lili khóc lúc vuốt ve bộ mặt khô nẻ của Mẹ Lớn. Tôi cho rằng thi hài được bảo quản cực tốt trong hai tuần gián đoạn giữa lúc xuất phát và lễ tiễn đưa.

- Hờ hờ, Lý Bân Bân, - Đỗ Lili khóc than. - Chị quá trẻ để chết. Lẽ ra tôi phải chết trước chị. - Tôi dịch cho Simon.

Anh liếc nhìn Đỗ Lili:

- Bài ấy nói bà ấy già hơn Mẹ Lớn?

- Em không biết. Em không muốn biết bất cứ thứ gì có ý nghĩa gì nữa.

Lúc những tay đòn đẩy nắp quan tài, tôi cảm thấy những câu trả lời cho quá nhiều câu hỏi đã niêm phong lại vĩnh viễn: Quan ở đâu, tên thật của cha tôi là gì, Quan có phải là cô bé Bánh Bao thực ra đã chết đuối.

- Gương đã! - Tôi nghe thấy Đỗ Lili kêu to với các tay đòn thuê. - Tôi suýt quên. - Bà thọc tay vào túi và rút ra nắm giấy bạc. Lúc bà gập bàn tay cứng đờ của Mẹ Lớn quanh món tiền hối lộ của tốp nhân viên truyền hình, tôi khóc, niềm tin của tôi được phục hồi. Sau đó, Đỗ Lili thò tay vào túi chiếc áo bông của bà, lấy ra một thứ gì đó. Một quả trứng vịt được bảo quản. Bà để quả trứng vào bàn tay Mẹ Lớn. - Món ăn ưa thích của chị đây, - bà nói. - phòng khi chị đói trên đường đến đấy.

Những quả trứng vịt! “Chị đã làm nhiều lắm”, tôi như nghe thấy Quan đang nói. “Có khi vẫn còn lại một số”.

Tôi quay sang Simon:

- Em phải đi. - Tôi ôm bụng nhăn nhó, giả vờ bị đau.

- Em có muốn anh giúp không?

Tôi lắc đầu và đến bên bà Đỗ Lili:

- Tôi bị đau bụng, - tôi nói. Bà nhìn tôi thông cảm. Ngay lúc biết chắc đã ở ngoài tầm nhìn của họ, tôi bắt đầu chạy. Tôi không may mắn biết cách kìm nén tình cảm của mình. Tôi đã để niềm hy vọng chi phối hoàn toàn. Tôi hân hoan. Tôi biết rằng tôi tin sẽ tìm thấy thứ đó.

Tôi ghé vào nhà Mẹ Lớn và lấy một cái cốc gỉ. Rồi tôi vội đến hội trường xã. Lúc đến cổng, tôi đi chậm rãi, tìm những dấu hiệu quen thuộc. Kia rồi! - hàng gạch cuối của nền - đen sì và lổ chỗ, tôi chắc là của ngôi nhà cháy của Ma Thương nhân. Tôi chạy qua ngôi nhà trống rỗng, lấy làm mừng vì mọi người túa hết đến khe núi, trở mắt nhìn đồng cỏ ba ngàn năm tuổi. Ở sau nhà, tôi không thấy vườn, không có những lối đi nghiêng ngả hoặc nhà lều. Mọi thứ đã san bằng làm sân thể dục. Nhưng đúng như tôi mong, các tảng đá của bức tường ranh giới đen kịt và rộp

phòng. Tôi đến góc phía tây bắc và tính: từ bên này sang bên kia là mười hũ, khoảng mười bước chân. Tôi dùng cuốc bổ vào bùn. Tôi cười to. Nếu có ai nhìn thấy tôi, ắt hẳn họ nghĩ tôi điên như Quan.

Tôi đào một rãnh bùn dài mét rưỡi, sâu khoảng dăm, sáu chục centimét, to gần đủ chôn một xác chết. Tôi cảm thấy lưỡi cuốc chạm vào cái gì đó không phải bùn, cũng không phải đất. Tôi quỳ gối, dùng tay không điên cuồng bới lớp đất đen, ẩm ướt. Rồi tôi thấy nó, bằng đất sét sáng hơn, rắn và mịn như một bờ vai. Sốt ruột, tôi dùng cán cuốc đập vỡ cái hũ.

Tôi lôi ra một quả trứng đen sì, rồi quả nữa, quả nữa. Tôi ôm chúng vào ngực, chúng bỏ rơi, tất cả di vật quá khứ của chúng tôi rã thành bụi phấn xám xám. Nhưng tôi không còn lo lắng nữa. Tôi biết tôi đã được nếm mùi những gì còn lại.

24. BÀI CA KHÔNG DỨT

George và Virgie vừa từ tuần trăng mật của họ ở Xương Miên trở về. Họ bảo tôi sẽ không nhận ra nơi đó.

- Du lịch khắp mọi nơi! - George kể. - Giờ cả làng giàu, họ bán những sinh vật biển bằng nhựa, loại sáng trong bóng tối. Chính vì thế mà cái hồ sáng lấp lánh đến thế. Cá và các loài cây cổ xưa sống trong nước rất sâu. Nhưng hiện giờ không còn nữa. Quá nhiều người ước nguyện, ném những đồng xu may mắn xuống hồ. Còn các sinh vật biển kia? Nhiễm độc, chết phôi bụng. Các vị lãnh đạo làng cho lắp những bóng đèn dưới nước, xanh và vàng, rất đẹp, tôi đã tận mắt nhìn thấy. Phổ biến giỏi ra phết.

Tôi nghĩ George và Virgie chọn đến Xương Miên như một lời xin lỗi Quan. Muốn kết hôn, George phải có xác nhận Quan đã chết hợp pháp. Tôi vẫn có nhiều cảm xúc lẩn lộn về việc này. Tôi hình dung cuộc hôn nhân là điều Quan muốn từ đầu. Ở mức độ nào đó, chị hẳn biết chị sẽ không về nhà. Chị không bao giờ muốn để George suốt đời không đủ cái ăn. Tôi nghĩ chị sẽ cười và nói:

- Quá tệ vì Virgie nấu ăn không khéo.

Tôi mất gần hai năm suy nghĩ về Quan, vì sao chị bước vào đời tôi, vì sao chị bỏ đi. Chị đã nói đến nghiệp chướng đang đợi đã xảy ra, có thể chị có ngụ ý gì đó. Hai năm là đủ, tôi biết, kỷ niệm sẽ dần xếp thành từng lớp. Thế là hay, vì tôi tin sự thực không ở trong lập luận mà trong hy vọng, cả quá khứ và tương lai. Tôi tin hy vọng có thể làm bạn sừng sốt. Nó có thể sống lâu hơn những điều kỳ quặc chống lại nó, mọi loại mâu thuẫn và chắc chắn bất cứ người hay hoài nghi nào cũng có lý trí dựa trên chứng cứ thực tế.

Làm sao tôi có thể giải thích tôi có một bé gái mười bốn tháng tuổi? Giống những người khác, tôi sững sờ khi đến bác sĩ và ông ta nói tôi đã có thai ba tháng. Tôi sinh con chín tháng sau khi Simon và tôi làm tình trên chiếc giường cưới, chín tháng sau khi Quan mất tích. Tôi tin chắc nhiều người ngờ rằng cha đứa bé là loại hèn hò không đáng tin cậy, rằng tôi bất cẩn, có thai do tình cờ. Nhưng cả Simon và tôi đều hiểu: đứa con ấy là của chúng tôi. Muốn chắc chắn, cần một lời giải thích hợp lý. Chúng tôi gặp lại chuyên gia sinh sản và ông ta làm thêm một số xét nghiệm. Các bạn có biết không? Các xét nghiệm trước kia là sai. Chắc phòng thí nghiệm đã nhầm lẫn, đọc sai các biểu đồ vì bác sĩ nói vô sinh là tình trạng không thể đảo ngược. Ông ta tuyên bố Simon không vô sinh. Tôi hỏi bác sĩ:

- Xin ông giải thích giùm vì sao trước kia tôi không có thai?

- Chắc anh chị đã cố gắng quá mức, - ông ta nói. - Hãy xem đây, biết bao phụ nữ đã có thai sau khi chấp nhận tình trạng.

Tôi chỉ biết đây là điều tôi muốn tin. Tôi đã có món quà của Quan, một bé gái có đôi lúm đồng tiền trên cặp má mồm mím. Không, tôi không đặt tên cháu là Quan hay Nelly. Tôi không thích sự ủy mị như thế. Tôi gọi cháu là Samantha, đôi khi là Sammy. Samantha Lý. Cháu và tôi đều mang họ của Quan. Sao lại không? Tên họ chẳng phải lời khẳng định sự liên quan của một người trong tương lai với một người trong quá khứ đó sao?

Sammy gọi tôi là mama. Nó gọi đồ chơi ưa thích của nó, cái hộp âm nhạc Quan mừng cưới tôi là ba. Từ khác của Sammy là Da, cháu nó gọi Simon như thế, Da gọi thay cho Daddy, dù anh không phải lúc nào anh cũng ở với mẹ con tôi. Chúng tôi vẫn làm nhiều việc, quyết định cái gì là quan trọng, cái gì có ý nghĩa, làm thế nào để ở bên nhau nhiều hơn tám giờ liền mà không bất đồng về việc nên chọn đài phát thanh nào. Những ngày thứ Sáu, anh đến và ở lại suốt kỳ nghỉ cuối tuần. Chúng tôi rúc vào nhau trên giường, Simon và tôi, Sammy và Bubba. Chúng tôi rèn luyện để thành một gia đình, và biết ơn từng khoảnh khắc ở bên nhau. Những cuộc cãi vã nho nhỏ, những lời đả kích và kêu ca vẫn xảy ra. Nhưng nhớ ra chúng chẳng mấy quan trọng, chúng làm trái tim và cuộc sống trở nên nhỏ nhen sẽ dễ giải quyết hơn nhiều.

Tôi nghĩ Quan có ý cho tôi thấy thế giới không chỉ là một địa điểm, mà là khoảng bao la của tâm hồn. Mà tâm hồn chẳng gì hơn tình yêu, sự vô hạn, vô cùng, đưa chúng ta hiểu điều gì là đích thực. Trước kia tôi tưởng tình yêu chỉ là hạnh phúc. Giờ đây tôi hiểu rằng nó bao gồm cả lo âu và thương tiếc, hy vọng và tin cậy. Còn tin vào những bóng ma có nghĩa là tin rằng tình yêu không bao giờ chết. Khi những người ta yêu quý chết đi, họ chỉ mất so với những cảm giác thông thường của chúng ta. Nếu nhớ họ, ta có thể thấy họ mọi lúc, mọi nơi bằng những linh cảm bí ẩn. “Đây là một bí mật, - tôi có thể nghe thấy Quan thì thảo. - Đừng kể với ai nhé. Hứa đi, Libby-ah”.

Tôi nghe thấy tiếng con tôi gọi. Nó nói riu rít và giơ bàn tay tới lò sưởi với một thứ tôi không hiểu.

- Gì thế Sammy? Con nhìn thấy gì thế? - Tim tôi đập dồn khi cảm thấy có thể là Quan.

- *Ba*, - Sammy thủ thủ, bàn tay vẫn vịn lên cao. Giờ thì tôi thấy thứ nó muốn. Tôi đến chỗ nắp lò sưởi và lấy cái hộp âm nhạc xuống. Tôi xoay chìa khoá. Tôi nâng con tôi lên trong vòng tay. Và mẹ con tôi khiêu vũ, niềm vui tràn ngập át hết nỗi buồn.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>